#1 NEW YORK TIMES BESTSELLER

Daniel Silva

tiểu thuyết

CHÂN DUNG MỘT GIÁN ĐIỆP

PORTRAIT OF A SPY

Tố Quyên dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

CHÂN DUNG MỘT GIÁN ĐIỆP

———★———

Nguyên tác
PORTRAIT OF A SPY – 2011

Tác giả
DANIEL SILVA

Dịch giả
TỐ QUYÊN

Nhà xuất bản
TRẺ

---

ebook©vctvegroup
18-05-2020

Một người chính trực có thể tạo nên sự khác biệt,
một sự khác biệt sống còn.
ELIE WIESEL

PHẦN MỘT

CÁI CHẾT TRONG VƯỜN

1

BÁN ĐẢO LIZARD, CORNWALL

Cuối cùng thì chính bức tranh của Rembrandt cũng đã vén tấm màn bí mật. Sau này, khi mua sắm tại những cửa hàng mang hơi hướm cổ xưa và chè chén tại những tửu quán nhỏ tối tăm ven biển, họ thường tự trách mình đã bỏ qua những dấu hiệu đáng chú ý và họ sẽ cười một cách cảm thông cho những giả định xa vời của mình về bản chất công việc mà ông ta đang làm. Bởi lẽ trong trí tưởng tượng phong phú của mình, không một ai trong số họ có thể nghĩ rằng một người lầm lì, ít nói đến từ miền xa xôi của vịnh Gunwalloe có thể là một người phục chế mỹ thuật, mà lại còn là nhà phục chế mỹ thuật nổi tiếng thế giới.

Ông ta không phải là người lạ đầu tiên lang thang đến Cornwall để che giấu một bí mật, ít có người nào gìn giữ được bí mật của mình một cách đầy cẩn trọng hay theo một phong cách khiến người khác phải hiếu kỳ đến như thế. Chẳng hạn cái cung cách kỳ quặc của ông ta trong việc chọn chỗ ở cho mình với cô vợ rất xinh đẹp và trẻ tuổi. Sau khi chọn được một ngôi nhà thôn dã đẹp như tranh ở rìa vách đá – mà theo như mọi người đây là một căn nhà không dễ gì nhìn thấy – ông ta đã trả trước toàn bộ mười hai tháng tiền nhà và tất cả những hồ sơ giấy tờ đều kín đáo giao cho một tay luật sư vô danh tại Hamburg xử lý. Ông ta đã dọn vào căn nhà hai tuần lễ sau như thể đang điều khiển một trận bố ráp đối với một kẻ thù ở

xa. Những người gặp ông ta vào những ngày đầu tiên đột nhập vào ngôi làng đều kinh ngạc về thái độ ngay thẳng của ông. Có vẻ như ông ta không có tên – hoặc giả không muốn cho một ai biết danh tính – và là một kẻ đến từ một nơi mà không ai có thể xác định được. Duncan Reynolds, nhân viên hỏa xa đã hưu trí ba mươi năm nay và được xem như người có kinh nghiệm nhất trong các cư dân tại Gunwalloe, đã mô tả ông ta như "một người tầm thường" trong khi những người khác lại xếp ông vào loại người "khó gây thiện cảm" và có thể nói là "rất khiếm nhã". Tuy vậy, tất cả đều đồng ý rằng, dù tốt hay xấu, thì ngôi làng nhỏ bé Gunwalloe ở Cornwall đã trở nên một nơi thú vị hơn nhiều.

Với thời gian, họ đã biết được tên ông ta, Giovanni Rossi và cũng như cô vợ xinh đẹp, ông thuộc dòng dõi người Ý. Họ càng tò mò hơn khi có những chiếc xe của chính phủ chở đầy nhân viên đột nhập vào các nẻo đường của ngôi làng vào những khung giờ khuya khoắt ban đêm. Và lại có cả hai gã thỉnh thoảng đánh cá tại vịnh. Dư luận đều đồng tình rằng hai gã này là những người đánh cá dở nhất từ trước tới giờ. Thực tế, họ cũng đều thừa nhận rằng hai gã này chẳng phải là dân đánh cá. Theo lẽ tự nhiên và thông thường tại một ngôi làng nhỏ như Gunwalloe, thân phận thật của kẻ lạ mặt mới đến và tính chất công việc của ông ta đã dấy lên một cuộc tranh luận sôi nổi – một cuộc tranh luận cuối cùng đã được giải quyết bởi bức tranh sơn dầu cỡ 104 x 86 cm, *Chân dung một phụ nữ trẻ,* của Rembrandt van Rijn.

Người ta không biết chính xác lúc nào thì bức tranh được gửi đến, nhưng theo sự phỏng đoán của họ, dường như là vào giữa tháng Giêng. Lúc bấy giờ có một sự thay đổi đáng kể trong sinh hoạt hằng ngày của ông ta. Có ngày thì đi dọc theo đỉnh của những vách đá gồ

ghề ở bán đảo Lizard như thể đang đấu tranh với lương tâm bất ổn; ngày hôm sau thì trong phòng khách tràn ngập tiếng nhạc kịch, to đến nỗi có thể nghe thấy tiếng than vãn rõ mồn một đến tận vịnh Mount ở Marazion, đứng trước giá vẽ, một tay cầm cọ vẽ, tay kia cầm bảng màu. Do căn nhà gần với con đường mòn ven biển, nếu đứng đúng nơi để quan sát và nghểnh cổ đúng góc nhìn thì có thể thấy ông ta trong phòng làm việc. Mới đầu, người ta ngỡ rằng ông đang vẽ tranh. Nhưng qua thời gian, rõ ràng là ông đang làm công việc thủ công liên quan đến bảo tồn, hoặc đúng hơn là công việc phục chế tranh.

Vào một buổi tối tại quán rượu Lamb và Flag, Malcolm Braithwaite, tay câu tôm hùm đã về hưu, người luôn có mùi của biển cả, thốt lên: "Phục chế tranh là cái quái gì?"

"Là sửa chữa những thứ chết tiệt đấy," Duncan Reynolds chêm vào. "Một bức tranh giống như một vật sống, là một thứ biết thở. Khi cũ đi, nó sẽ tàn tạ và xệ xuống – giống như ông vậy đó Malcolm."

"Tôi nghe nói đó là bức tranh một cô gái trẻ."

"Đẹp nữa," Duncan gật gà gật gù nói. "Đôi má như hai trái táo, nhìn muốn cắn."

"Có biết ai là họa sĩ không?"

"Vẫn đang tìm đây."

Và rồi họ tham khảo nhiều sách, tìm kiếm trên các trang web và tìm gặp những người am hiểu nhiều về hội họa hơn họ – thậm chí với gần như hầu hết cư dân West Cornwall. Cuối cùng, vào đầu tháng Tư, trong cửa hàng của ngôi làng, Dottie Cox thu hết can đảm *hỏi* người phụ nữ xinh đẹp và trẻ trung người Ý về bức tranh khi cô

ta vào mua sắm. Người phụ nữ lẩn tránh câu hỏi bằng một nụ cười đầy ẩn ý. Và rồi cô ta thong dong quay về vịnh, vai đeo túi xách bằng rơm, mái tóc sậm màu bồng bềnh bay trong làn gió xuân. Trong khoảng vài phút người phụ nữ vào cửa hàng, tiếng than vãn của vở nhạc kịch ngưng bặt và tấm rèm cửa sổ của căn nhà khép lại hệt như mí mắt đóng chặt.

Tấm rèm cửa sổ khép kín vào tuần lễ sau đó và người phục chế tranh cùng cô vợ đẹp biến mất không hề thông báo. Trong nhiều ngày, cư dân Gunwalloe đã lo sợ họ sẽ không có ý định quay về, một số người đã tự trách mình vì đã xía mũi vào và rình mò cuộc sống riêng tư của cặp vợ chồng. Rồi vào một buổi sáng, trong cửa hàng của ngôi làng, khi đọc lướt qua tờ *Times*, Dottie Cox chú ý đến một câu chuyện tiết lộ việc bức tranh của Rembrandt bị mất đã lâu xảy ra tại Washington, D.C. – bức tranh giống bức tranh trong căn nhà ở cuối vịnh. Và như thế bí mật đã được sáng tỏ.

Một sự trùng khớp ngẫu nhiên, cũng trong số báo xuất bản cùng ngày, trên trang bìa tờ *Times* đề cập đến một loạt vụ nổ bí ẩn tại bốn căn cứ hạt nhân ở Iran. Mảy may, không một ai tại Gunwalloe lại có thể nghĩ rằng có thể có mối liên hệ nào. Hay ít ra là họ chưa nghĩ đến.

Khi từ Mỹ quay về, dân làng có thể thấy sự thay đổi ở người phục chế. Mặc dù ông ta vẫn thận trọng về các mối quan hệ cá nhân – và vẫn là người chẳng muốn ở thế bị động khi bị bắt gặp trong bóng tối – nhưng điều hiển nhiên có thể cảm nhận được là gánh nặng trên vai ông ta đã được gỡ bỏ. Trên gương mặt xương và góc cạnh của

ông thỉnh thoảng lại nở một nụ cười và ánh mắt màu xanh lá cây trông không bình thường dường như bớt lo lắng hơn. Ngay cả những cuộc bách bộ thường nhật của ông cũng đặc biệt khác xưa. Thay vì nện những bước chân xuống đường mòn như bị quỷ ám trước đây, ông ta giờ như lơ lửng trên những mỏm đá phủ sương mù giống như linh hồn các kỵ sĩ vua Arthur từ một vùng xa xôi quay về nhà sau một thời gian dài.

Vera Hobbs, chủ tiệm bánh nhận xét về thay đổi này "Tôi có cảm tưởng như ông ta vừa rũ bỏ được một lời thề linh thiêng". Nhưng khi yêu cầu bà ta liều đoán thử về lời thề, hoặc người mà ông ta đã tuyên thệ thì bà từ chối. Giống như mọi người trong thành phố, Vera Hobbs đã tự biến mình thành trò cười khi đoán mò công việc của ông ta. "Vả lại," bà ta nhắn nhủ, "tốt hơn là để ông ta yên. Nếu không, lần sau ông ta và vợ sẽ thật sự rời Lizard đó."

Dĩ nhiên, khi mùa hè rực rỡ dần trôi, cả ngôi làng đều quan tâm đến kế hoạch sắp tới của người phục chế. Vì thời gian thuê nhà sẽ kết thúc vào tháng Chín và không có một dấu hiệu rõ ràng nào cho thấy vợ chồng người phục chế có ý định tiếp tục thuê, nên dân làng bắt đầu ngấm ngầm nỗ lực thuyết phục hai vợ chồng ở lại. Theo họ, một công việc có thể giữ chân ông ta lại bờ biển Cornwall là một công việc sử dụng những kỹ năng đặc biệt của ông ta, như thế ông sẽ không còn thời gian để thả bộ trên những ghềnh đá nữa. Thật ra dân làng chẳng ai biết chính xác công việc này đòi hỏi gì và ai sẽ là người đem công việc đến cho ông ta, nhưng họ tự giao cho mình trách nhiệm đặc biệt và cố gắng tìm cho bằng được.

Sau nhiều cân nhắc, cuối cùng Dottie Cox nảy ra ý tưởng về một lễ hội Mỹ thuật thường niên được tổ chức lần đầu tiên ở Gunwalloe và Giovanni Rossi, nhà phục chế mỹ thuật nổi tiếng, là chủ tịch danh

dự. Sáng hôm sau, Dottie Cox đề xuất ý tưởng của mình với cô vợ ông ta khi cô tạt vào cửa hàng vào giờ thường lệ. Cô vợ bật cười một lúc. Lấy lại bình tĩnh, cô ta cho biết là rất cảm kích và hãnh diện về lời mời, nhưng không nghĩ là ngài Rossi sẽ chấp nhận, chẳng bao lâu sau, ngài Rossi chính thức từ chối và Lễ hội Mỹ thuật Gunwalloe âm thầm tiêu tan. Điều này cũng không quan trọng, vì vài ngày sau, dân làng được biết là ông đã thuê căn nhà thêm một năm nữa. Lần này, tiền thuê cũng được thanh toán toàn bộ và tất cả giấy tờ hồ sơ cũng lại giao cho tên luật sư vô danh tại Hamburg xử lý.

Và cứ như vậy, cuộc sống lại trở lại bình thường. Dân làng cũng sẽ lại thấy người phục chế xuống làng cùng với vợ đi chợ vào giữa ban ngày và vào giữa trưa, trên người khoác áo Barbour, đầu đội mũ che xuống tận chân mày, ông lại leo lên những mỏm đá. Và nếu như ông ấy quên chào hỏi mọi người cho phải phép, thì họ cũng không cảm thấy phiền hà. Nếu ông ta tỏ vẻ không bằng lòng về một điều gì, họ sẽ không can thiệp vào. Nếu có người lạ xuất hiện trong thành phố, họ sẽ theo dõi từng cử động cho đến khi ông ta đi. Người phục chế và cô vợ có thể xuất thân từ Ý, nhưng gần như giờ đã thuộc về Cornwall và có trời mà biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu có kẻ điên khùng nào có ý định làm cho vợ chồng họ bỏ đi một lần nữa.

Tuy nhiên, cũng có vài người ở Lizard tin rằng câu chuyện không đơn giản như vậy – và có một người đặc biệt quả quyết rằng anh ta biết thực hư ra sao. Người này là Teddy Sinclair, chủ một tiệm pizza khá ngon tại Helston và là người rất mê những thuyết âm mưu mờ ám lớn nhỏ. Teddy tin rằng việc đổ bộ xuống mặt trăng là một trò lừa bịp. Teddy tin rằng sự kiện ngày 11/9 xảy ra vì có nội gián. Và Teddy tin rằng người đàn ông ở vịnh Gunwalloe đang che giấu một khả năng bí mật hơn là khả năng phục chế tranh.

Để chứng minh và thuyết phục việc này, Teddy Sinclair mời dân làng đến quán Lamb và Flag vào ngày thứ Năm của tuần thứ hai tháng Mười một và tiết lộ một biểu đồ nhìn hơi giống bảng tuần hoàn nguyên tố. Nội dung của bảng này muốn chứng minh, không một chút nghi ngờ, rằng các vụ nổ tại các lò hạt nhân ở Iran là hành động của viên sĩ quan tình báo huyền thoại Israel, Gabriel Allon – và cũng chính Gabriel Allon là người đang sống thanh thản tại Gunwalloe dưới cái tên Giovanni Rossi. Khi tiếng cười đã dứt trong phòng, Duncan Reynolds gọi những gì Teddy vừa trình bày là điều ngu xuẩn nhất mà ông ta được nghe từ khi người Pháp quyết định cộng đồng châu Âu phải có chung một loại tiền tệ. Nhưng lần này thì Teddy giữ vững lập trường, trong nhận thức của mình anh vẫn tin điều đó là đúng đắn. Vì Teddy có thể sai về việc đổ bộ lên mặt trăng, có thể sai về sự kiện ngày 11/9, nhưng về người đàn ông sống tại vịnh Gunwalloe, thì giả định của Teddy hoàn toàn đúng.

Sáng hôm sau, ngày Tưởng niệm các chiến sĩ, dân làng hay tin người phục chế và vợ đã biến mất. Hoảng sợ, Vera Hobbs chạy nhanh xuống vịnh và nhìn sát qua cửa sổ căn nhà. Đồ đạc của người phục chế rải rác trên bàn thấp và trên khung vẽ là bức tranh một phụ nữ khỏa thân, nằm dài trên trường kỷ. Phải một lúc sau, Vera mới nhận ra cái trường kỷ trong bức tranh giống y như cái trong phòng khách và người đàn bà là người đàn bà mà Vera nhìn thấy mỗi buổi sáng trong tiệm bánh của mình. Mặc dù bối rối, Vera cũng không thể rời mắt khỏi bức tranh, vì đây là một bức tranh đẹp và gây ấn tượng nhất mà Vera từng nhìn thấy. Vừa quay về làng, Vera vừa nghĩ rằng điều này cũng là một dấu hiệu tốt. Một bức tranh như vậy không dễ gì bị một người đàn ông để lại khi bỏ đi. Cuối cùng thì

người phục chế và vợ cũng sẽ quay về thôi. Và cầu trời che chở cho Teddy Sinclair chết tiệt nếu hai vợ chồng họ không quay về.

2

PARIS

Quả bom đầu tiên nổ lúc 11:46 sáng, tại đại lộ Champs-Élysées ở Paris. Giám đốc cơ quan An ninh Pháp tuyên bố sau đó là ông không nhận được bất cứ lời cảnh cáo nào về vụ tấn công bất ngờ này, phe đối lập của ông cho rằng thật là buồn cười khi ông nói rằng thương vong không đáng kể. Theo dân chúng thì những dấu hiệu cảnh báo rất rõ ràng và chỉ kẻ đui mù hoặc cố tình lờ đi mới không nhận ra.

Theo quan điểm của châu Âu, thời điểm vụ tấn công không thể tệ hơn được nữa. Sau những thập kỷ lãng phí chi tiêu cho xã hội, phần đông lục địa đang bấp bênh đứng bên bờ vực thảm họa tài chính và tiền tệ. Các khoản nợ tăng vọt, các ngân khố đã trống rỗng, người dân bấy lâu được nuông chiều đang trở nên già nua và tan vỡ ảo tưởng. Chính sách thắt lưng buộc bụng là thích hợp nhất. Trong tình trạng hiện tại thì không một lợi ích nào còn đáng được xem xét để tôn trọng; chăm sóc sức khỏe, học phí đại học, hỗ trợ nghệ thuật và ngay cả lương hưu cũng được cắt giảm một cách triệt để. Trong cái gọi là "Khối Âu châu" này, các quốc gia nhỏ theo đuôi nhau lần lượt sụp đổ như những quân cờ domino. Hy Lạp đang chìm từ từ xuống biển Aegea, Tây Ban Nha trong tình trạng duy trì sự sống qua viện trợ và "Phép màu Ireland" hóa ra chỉ là ảo tưởng. Tại Brussels, trong những phòng khách sang trọng, những viên chức cơ quan Điều hành

Liên minh châu Âu dám lớn tiếng bàn về điều mà trước đây không thể tưởng tượng ra nổi – mộng tưởng hội nhập của châu Âu đang giãy chết. Trong những giờ phút đen tối, một vài người tự hỏi liệu Khối châu Âu mà họ đã biết có đang giãy chết không.

Một niềm tin mãnh liệt khác lại tiêu tan vào tháng Mười một năm đó – niềm tin rằng với làn sóng ồ ạt những người nhập cư Hồi giáo từ những thuộc địa trước đây của mình, châu Âu vẫn duy trì được văn hóa và lối sống cơ bản sẵn có. Điều mà lúc bắt đầu là một chương trình tạm thời để làm giảm gánh nặng về tình trạng thiếu lao động hậu chiến, nay lại làm biến đổi thường xuyên bộ mặt của toàn bộ lục địa. Xung quanh gần như tất cả các tỉnh đều có những xóm nhà người Hồi giáo bướng bỉnh. Một vài nước cho thấy điều không thể tránh được là có thể đa số dân cư của họ sẽ là người Hồi giáo vào cuối thế kỷ này. Các nhà chức trách không ai màng tới chuyện thăm dò ý kiến của người dân địa phương gốc châu Âu trước khi mở rộng cửa đón nhận và giờ, sau bao nhiêu năm không phản ứng, dân bản địa châu Âu lại bắt đầu từ chối. Đan Mạch đã áp đặt những hạn chế hà khắc về hôn nhân cho những người nhập cư. Pháp thì chính thức cấm việc che mặt hoàn toàn nơi công cộng và ở Thụy Sĩ, nơi mà người ta hầu như không chịu đựng nổi nhau, đã quyết định giữ những thành phố và thị trấn bé nhỏ, gọn gàng của họ không có bóng dáng những ngọn tháp Hồi giáo khó nhìn. Nhà cầm quyền Anh và Đức đã tuyên bố việc đa văn hóa, loại tôn giáo ảo của thời kỳ hậu Ki-tô giáo tại châu Âu, là điều không ai công nhận nữa. Họ tuyên bố rằng sẽ không còn chuyện đa số đè bẹp những ý muốn của thiểu số. Và họ cũng sẽ không còn làm ngơ trước những chuyện cực đoan ngày càng nhiều hơn tồn tại trong lòng quốc gia họ. Cuộc tranh luận giữa thế hệ châu Âu già với Hồi giáo

dường như đang đi vào một giai đoạn mới và nguy hiểm. Có nhiều người e ngại rằng đây là một cuộc chiến không cân xứng. Một bên thì già nua, mệt mỏi và bằng lòng với chính mình. Một bên thì có thể bị lôi kéo vào một cuộc tàn sát điên rồ bởi những biếm họa công kích người Hồi giáo trên một tờ báo Đan Mạch.

Không ở đâu mà những vấn đề châu Âu phải đối mặt lại lộ ra rõ ràng như ở Clichy-sous-Bois, *ngoại ô* Ả Rập bất ổn, ở ngay bên ngoài Paris. Đây là nơi bùng nổ những cuộc nổi loạn đã càn quét Pháp vào năm 2005, nơi có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất nước, cũng là nơi có tỷ lệ tội phạm bạo lực cao nhất. Clichy-sous-Bois nguy hiểm đến mức, ngay cả cảnh sát Pháp cũng không dám bén mảng vào những khu nhà ở công cộng – trong đó có nhà của Nazim Kadir, một thanh niên 26 tuổi người Algeria, làm công cho nhà hàng nổi tiếng Fouquet. Nazim sống với gia đình đông đúc gồm 12 thành viên.

Vào buổi sáng tháng Mười một đó, Nazim rời căn hộ một cách kín đáo đến nhà thờ Hồi giáo để tham dự nghi thức tẩy uế. Nhà thờ được xây cất bằng tiền của Ả Rập Saudi và cán bộ làm việc ở nhà thờ do một thầy tế không nói được tiếng Pháp bố trí và huấn luyện. Sau khi thực hành xong nghi lễ quan trọng nhất của Hồi giáo, Nazim lên xe buýt 601AB đi về hướng ngoại ô Le Raincy và sau đó lên tàu hỏa RER đi về nhà ga Saint-Lazare. Sau đó Nazim đổi qua tuyến Paris Metro, chặng cuối cùng. Không điểm nào ở những chặng mà Nazim đã đi qua, giới chính quyền hoặc những người cùng đồng hành lại nghi ngờ Nazim. Bên trong chiếc áo khoác dày là chiếc áo lót cài thuốc nổ.

Nazim xuất hiện ở trạm dừng George V như thường lệ, lúc 11:40 và đi về hướng đại lộ Champs-Élysées. Sau này, những người may mắn sống sót sau vụ nổ kể lại rằng vẻ ngoài của Nazim không có gì

bất thường, mặc dù chủ tiệm hoa nhận thấy dáng đi của Nazim có vẻ rất cương quyết khi hắn đến gần cửa ra vào nhà hàng. Trong những người đứng bên ngoài có ngài thứ trưởng bộ Tư pháp, người đọc bản tin trên truyền hình Pháp, một người mẫu chụp hình bìa tạp chí *Vogue*, một người ăn xin Gypsy nắm chặt tay một đứa bé, một nhóm khách du lịch Nhật ồn ào. Kiểm tra lần cuối cùng đồng hồ, Nazim kéo khóa mở chiếc áo khoác.

Không bao giờ có thể xác định người ta có nghe tiếng hét truyền thống *"Allahu Akbar"* trước vụ nổ hay không. Nhiều người sống sót bảo rằng đã nghe thấy; những người khác thề rằng kẻ làm nổ bom đã cho nổ mà không nói lời nào. Những người ở gần nhất không nhớ gì về âm thanh của vụ nổ, vì màng nhĩ của họ bị hư tổn nặng. Tất cả đều nhớ lại đã nhìn thấy một ánh sáng trắng chóa mắt. Một người bảo rằng đó là ánh sáng của sự chết, ánh sáng trông thấy khi ta đối mặt lần đầu tiên với Thượng Đế.

Quả bom là một kỳ công về thiết kế và lắp đặt. Đó không phải là loại thiết kế lấy từ Internet hoặc từ sách hướng dẫn lưu hành quanh những đền thờ Hồi giáo của nhánh Salafi ở châu Âu. Quả bom là loại được hoàn tất trong điều kiện chiến đấu ở Palestine và vùng Lưỡng Hà. Quả bom được chế bằng đinh tẩm thuốc diệt chuột – làm theo cách những kẻ đánh bom tự sát của Hamas* – như một cái cưa vòng, quả bom chém vào đám đông. Sức công phá của quả bom mạnh đến nỗi mặc dù ở cách xa phía đông một dặm rưỡi, nhưng Kim Tự Tháp bằng kính của bảo tàng Louvre vỡ vụn. Những người ở gần quả bom bị thổi tung ra từng mảnh, cắt làm đôi, hoặc bị mất đầu, giống như hình phạt dành cho những người còn ngờ vực. Mặc dù cách 40 bước nhưng cũng không tìm ra tứ chi. Ở nơi cách xa nhất, những xác chết còn nguyên vẹn. Không bị chấn thương bên

ngoài, nhưng sức công phá của quả bom tàn phá nội tạng của họ như cơn sóng thần. Thượng Đế đã nhân từ ban cho họ được âm thầm chảy máu đến chết.

Những người cảnh sát đầu tiên đến hiện trường đã lợm giọng vì những gì họ trông thấy. Cùng với những tứ chi văng vãi trên vỉa hè lát đá, là giày, đồng hồ vỡ tan ra từng mảnh và ngừng chạy ở 11:46, tiếng điện thoại di động reo vô vọng. Và như một lời lăng mạ cuối cùng, những gì còn lại của gã đánh bom văng tung tóe cùng với nạn nhân của gã – mọi thứ trừ cái đầu của gã được tìm thấy trong một xe giao hàng cách xa đó hơn ba mươi mét. Nét mặt gã biểu lộ một sự thanh thản lạ lùng.

10 phút sau vụ nổ, bộ trưởng bộ Nội vụ Pháp đến. Khi nhìn thấy cảnh thảm sát, ngài tuyên bố: "Baghdad đã đến Paris." Mười bảy phút sau, vào lúc 12:03 trưa, tại vườn Tivoli ở Copenhagen, một kẻ đánh bom tự sát thứ hai cho nổ ở giữa một nhóm đông trẻ con đang đợi trước đường sắt tàu trượt của khu vui chơi giải trí trong công viên. Cơ quan An ninh Đan Mạch, PET, nhanh chóng phanh phui ra manh mối. *Kẻ đánh bom tự sát* sinh ra tại Copenhagen, theo học tại trường ở Đan Mạch và kết hôn với một phụ nữ Đan Mạch. Dường như gã không mảy may áy náy rằng con mình cũng đã học cùng trường với những đứa trẻ nay là nạn nhân của gã.

Đối với khối An ninh châu Âu, viễn tượng của cơn ác mộng đang thành sự thật – cuộc tấn công phối hợp rất tinh vi được một đạo diễn thông minh khác thường vạch kế hoạch và điều khiển. Họ e rằng chẳng bao lâu nữa những kẻ khủng bố lại tấn công, dù cho hai vụ đánh bom nghiêm trọng đã vượt khỏi tầm kiểm soát của họ. Họ đã không biết xảy ra ở đâu. Và họ cũng chẳng biết xảy ra lúc nào.

3

KHU ST. JAMES'S, LONDON

Sau này, Bộ Chỉ huy chống khủng bố của Sở Cảnh sát London thấy cần dành nhiều thời gian có giá trị hơn để nỗ lực xem lại những hoạt động vào buổi sáng hôm đó của một người có tên là Gabriel Allon, một nhân viên huyền thoại nhưng cũng bướng bỉnh của Cơ quan Tình báo Israel, giờ đã chính thức về hưu và sống thanh thản tại Anh Quốc. Dựa trên lời tường thuật của những người hàng xóm lắm chuyện đã chứng kiến, Gabriel Allon rời khỏi căn nhà ở Cornwall vài phút trước bình minh bằng chiếc Range Rover cùng với Chiara, cô vợ xinh đẹp gốc Ý của ông ta. Căn cứ vào hệ thống camera an ninh quan sát tại Anh, người ta cũng đã biết rằng hai vợ chồng đã đến trung tâm London, bằng một thời gian gần như kỷ lục và ơn trời can dự, họ đã có thể tìm ra một bãi đậu xe tại Piccadilly. Từ đó họ đã đi bộ đến Mason's Yard, một khu thương mại được lát đá hình tứ giác ở khu St. James's và đã có mặt tại Viện Mỹ thuật Isherwood. Theo hệ thống camera quan sát đặt trong sân, họ đã vào tòa nhà lúc 11:40 theo giờ London, mặc dù Maggie, cô thư ký không có khả năng mấy của Viện Mỹ thuật Isherwood, đã ghi sai trong sổ đăng ký là 11:45.

Từ năm 1968, nhờ những tay buôn các bức tranh có giá trị tầm cỡ ngang với những tấm trong bảo tàng viện của các họa sĩ bậc thầy người Ý và Hà Lan, Viện Mỹ thuật Isherwood đã từng có phòng

trưng bày tại khu thời trang phố New Bond ở Mayfair. Nay cũng đồng chung cảnh ngộ với các tiệm khác như Hermes, Burberry và Cartier, phải dọn về khu St. James's, tạm chiếm ba tầng lầu các kho chứa hàng xập xệ trước đây thuộc về Fortnum & Mason. Đối với những dân làng có tính cục bộ và hay bàn tán, thì có vẻ như phòng trưng bày luôn được xem như một nhà hát diễn hài kịch và bi kịch, có những lúc lên đến cao trào và cũng có khi xuống đến tận đáy và luôn phảng phất đâu đó bên dưới mùi vị một âm mưu. Điều này, thật sự do cá tính người chủ. Là người buôn bán tranh mỹ thuật, nhưng Julian Isherwood lại thích sở hữu tranh hơn là bán chúng và điều này là sai sót chí tử đã hủy hoại ông ta. Hậu quả là, một khối lượng lớn tranh trở thành một gánh nặng cho Julian Isherwood, điều này trong giới thương mại gọi là hàng tồn "chết" – là những bức tranh mà không một ai có thể trả với một giá tương xứng. Lời đồn nói rằng tài sản cá nhân của Isherwood có thể cạnh tranh với tài sản của Hoàng gia Anh Quốc. Ngay cả Gabriel, người phục chế tranh cho phòng trưng bày hơn ba mươi năm cũng chỉ biết một cách mơ hồ về tài sản của Isherwood.

Gabriel và Chiara gặp Isherwood tại văn phòng. Isherwood cao và mảnh khảnh, đang đứng nghiêng trước cái bàn đầy những chồng catalog và sách chuyên khảo cũ. Isherwood mặc một bộ quần áo sọc phấn màu xám, thắt cà vạt màu hoa oải hương, món quà từ cô bồ gần đây nhất, vừa tặng tối hôm trước. Như thường lệ, Isherwood có vẻ khó chịu, bộ mặt cố hữu mà ông ta luôn cố thể hiện. Cặp mắt buồn bã dán vào ti vi.

"Tôi đã biết tin. Hai người có nghe tin tức chứ?"

Gabriel chậm rãi gật đầu. Khi đi qua khu ngoại ô phía tây London cùng với Chiara, ông đã nghe được bản tin đầu tiên trên radio.

Những hình ảnh trên màn hình giống một cách đáng kể những hình ảnh trong tâm trí Gabriel – những xác người quấn trong bọc nhựa, những người sống sót đầy máu me, những người chứng kiến che bàn tay lên khuôn mặt khiếp sợ. Quang cảnh này chẳng bao giờ thay đổi. Gabriel nghĩ rằng sẽ mãi là như thế.

Lướt tay lên mái tóc dài điểm bạc, Isherwood nói: "Tôi ăn trưa với một khách hàng ở Fouquet, chúng tôi chia tay ngay tại chỗ thằng điên khùng cho nổ bom. Nếu như hôm nay người khách hàng đổi giờ ăn trưa thì sao? Tôi đã có thể…"

Isherwood im bặt. Đây là phản ứng điển hình sau một vụ tấn công, Gabriel nghĩ vậy. Những người sống luôn tìm một vài mối liên quan đến người chết, cho dù là mong manh.

Isherwood tiếp: "Vụ nổ bom tại Copenhagen giết đi bao nhiêu trẻ con, anh có thể giải thích cho tôi vụ giết hại những trẻ con vô tội này nhằm phục vụ cho chính nghĩa nào không?"

"Nỗi sợ hãi," Gabriel nói. "Chúng muốn chúng ta lo sợ."

"Khi nào thì việc này sẽ kết thúc đây?" lắc đầu một cách kinh tởm, Isherwood hỏi. "Lạy Chúa, khi nào thì sự điên loạn này sẽ kết thúc?"

"Thay vì hỏi một câu như vậy, chúng ta phải biết chứ Julian." Gabriel hạ thấp giọng và tiếp, "Xét cho cùng thì ông đã có một chỗ ngồi thuận lợi trong cuộc chiến này trong một thời gian dài."

Isherwood mỉm cười buồn bã. Cái vỏ bề ngoài và tên họ chính hiệu Anh Quốc đã che giấu sự thật là Isherwood hoàn toàn không phải người Anh, ít ra là trên nguyên tắc. Mang quốc tịch và hộ chiếu Anh, đúng vậy, nhưng khai sinh ở Đức, lớn lên ở Pháp và theo tín ngưỡng Do Thái giáo. Chỉ một nhóm bạn đáng tin cậy mới biết là

Isherwood được đưa vào London như một trẻ tị nạn năm 1942 sau khi đã được vợ chồng một người chăn cừu Basque mang từ dãy núi tuyết Pyrenees về. Hoặc giả là cha của Isherwood, Samuel Isakowitz, người buôn bán nổi tiếng những tác phẩm mỹ thuật tại Paris, đã bị sát hại cùng với mẹ Isherwood tại trại tập trung Sobibor. Mặc dù Isherwood đã cẩn thận giấu kín bí mật của quá khứ, câu chuyện về cuộc đào thoát đầy kịch tính khỏi Đức Quốc xã khi họ chiếm đóng châu Âu đã đến tại Cơ quan Tình báo Israel và vào khoảng giữa những năm 1970, trong làn sóng quân Palestine khủng bố Israel tại châu Âu, Isherwood đã được tuyển dụng như một *sayan*, một tình nguyện viên. Isherwood chỉ có mỗi một nhiệm vụ – hỗ trợ việc xây dựng và duy trì vỏ hoạt động của một người phục chế tranh và cũng là một sát nhân tên là Gabriel Allon.

"Anh hãy giữ điều này trong tâm trí nhé," Isherwood nói. "Giờ đây, anh làm việc cho tôi, không phải cho họ. Đây không phải là vấn đề của anh, không còn nữa," Isherwood chĩa cái điều khiển về phía ti vi và sự hỗn loạn tại Paris hay Copenhagen biến mất khỏi màn hình, ít ra là trong một lúc. "Chúng ta hãy xem một cái gì đẹp hơn được không?"

Vì không gian hạn chế của phòng trưng bày nên Isherwood đã phải sắp xếp giang sơn của mình theo chiều dọc – tầng trệt là kho hàng, tầng hai cho văn phòng kinh doanh và trên tầng ba là một phòng trưng bày trang trọng dựa theo thiết kế của phòng trưng bày nổi tiếng Paul Rosenberg tại Paris, tại đó Julian đã trải qua những giờ phút hạnh phúc khi còn là một đứa bé. Khi họ vào phòng, ánh nắng giữa trưa đang chiếu nghiêng qua giếng trời và rọi sáng một bức tranh sơn dầu kê trên một bệ phủ vải đen. Đó là bức vẽ chân dung *Đức Mẹ và Chúa Hài đồng với Mary Magdalene*, dựa trên

phông màu tối, hiển nhiên là theo trường phái hội họa Hà Lan. Chiara cởi áo khoác da và ngồi trên chiếc ghế dài không lưng tựa, thiết kế theo phong cách bảo tàng, đặt ở giữa phòng. Gabriel đứng ngay trước bức tranh, một tay dưới cằm, đầu hơi nghiêng về một phía.

"Ông đã tìm đâu ra bức tranh này vậy?"

"Trong một đống đá vôi dọc theo bờ Norfolk."

"Đống đá vôi này có chủ chứ?"

"Hắn yêu cầu được giấu tên. Đủ để thấy rằng hắn từ một gia đình có tước hiệu, tài sản của hắn rất lớn và tiền mặt thì đang hao dần ở mức độ báo động."

"Thế cho nên hắn đã yêu cầu ông mua một vài bức tranh nhằm giúp hắn sinh sống thêm một năm nữa."

"Với cái đà tiêu xài của hắn thì tôi cho hắn thêm hai tháng nữa."

"Ông đã mua bức tranh này với giá là bao nhiêu?"

"Hai mươi ngàn."

"Ông thật là rộng lượng đó Julian," Gabriel liếc nhìn Isherwood và tiếp, "tôi nghĩ rằng ông cũng đã mua thêm vài bức nữa để che dấu vết của mình chứ."

"Sáu bức không có giá trị," Isherwood thú nhận. "Nhưng linh cảm của tôi về bức này là đúng, xứng đáng để đầu tư vào."

"Nguồn gốc?" Gabriel hỏi.

"Bức tranh được tổ tiên người chủ mua tại Veneto trong chuyến du lịch vào đầu thế kỷ 19. Từ đó bức tranh thuộc về gia đình họ."

"Còn hiện giờ, ai thẩm định bức tranh?"

"Xưởng Palma Vecchio."

"Thật à?" Gabriel hỏi, giọng ngờ vực. "Dựa vào ai vậy?"

"Người Ý, nhà chuyên gia thẩm định mỹ thuật. Là người môi giới vụ mua bán."

"Hắn có mù không?"

"Chỉ một mắt thôi."

Gabriel mỉm cười. Nhiều người Ý tư vấn tranh cho giới quý tộc người Anh trong những chuyến du lịch của họ. Những người này là những người bịp bợm thường thực hiện những cuộc mua bán nhanh những bức tranh sao chép vô giá trị được gán cho những bậc thầy của Florence và Venice. Tuy nhiên, đôi khi họ cũng môi giới cho những tác phẩm có giá trị. Isherwood nghĩ rằng bức tranh thuộc vào trường hợp thứ hai. Và Gabriel cũng thế. Ông lấy ngón trỏ làm bật vết bụi bẩn đã bám cả thế kỷ trên mặt thánh Magdalene.

"Bức tranh được treo ở đâu vậy? Trong mỏ than?"

Gabriel bóc những lớp vẹc ni đã đổi màu ra và nhận thấy, gần như chắc chắn rằng bức tranh được hình thành bằng mát tít hoặc nhựa dammar hòa tan với nhựa thông. Tháo bỏ đi là một quá trình cần cù và cẩn thận sử dụng hỗn hợp hiệu chuẩn acetone, methyl proxitol và khoáng sản. Gabriel kinh sợ khi nghĩ đến những gì đang chờ ông một khi lớp vẹc ni được lấy đi: nhìn sẽ giống như những quần đảo *pentimento*, một vùng rộng lớn đầy vết nứt và vết nhăn, hàng loạt sơn đã mất đi và được che giấu dưới những nét vẽ phục chế trước đây. Rồi lại còn tình trạng của vải bạt bị chùng xuống một cách đáng kể theo thời gian. Muốn cứu chữa bức tranh thì phải lót lại, một quy trình nguy hiểm, áp dụng hơi nóng, hơi ẩm và sức ép. Bất cứ người phục chế tranh nào cũng đều bị sẹo khi lót lại tranh. Đã có lần Gabriel phá hủy một phần lớn bức tranh của Domenico

Zampieri do sử dụng bàn ủi ở một nhiệt độ sai. Bức tranh được phục chế hoàn toàn, nhìn như nguyên thủy đối với mắt người trần, nhờ vào nỗ lực hợp tác giữa Zampieri và phòng tranh của Gabriel Allon.

"Sao?" Isherwood hỏi lại. "Ai đã vẽ bức tranh chết tiệt này?"

Gabriel ra chiều cân nhắc. "Tôi cần kiểm tra bằng X-quang để tìm ra."

"Trưa nay, người của tôi sẽ tạt qua để lấy những bức tranh. Nhưng chúng tôi đều biết anh không cần họ để có một nhận định ban đầu về nguồn gốc của bức tranh. Anh cũng như tôi thôi. Anh đã tiếp cận với tranh cả trăm ngàn năm nay rồi. Anh biết nó khi anh nhìn thấy nó."

Gabriel lục trong túi áo khoác một kính lúp nhỏ và lấy ra xem xét những nét vẽ. Hơi cúi về phía trước, ông có thể cảm nhận hình dáng quen thuộc của khẩu Beretta 9mm thúc vào hông trái của mình. Vì đã làm việc với Cơ quan Tình báo Anh nhằm phá hoại chương trình hạt nhân của Iran, ông được phép mang theo vũ khí bất cứ lúc nào để phòng thân. Ông cũng được cấp một hộ chiếu Anh, có thể sử dụng khi du lịch ra nước ngoài, với điều kiện là Gabriel không còn làm việc cho cơ quan tình báo Israel nữa. Không còn cơ hội đó nữa. Sự nghiệp lừng lẫy của Gabriel Allon cuối cùng đã chấm dứt. Ông không còn là thiên thần báo thù của Israel nữa. Ông là người phục chế tranh làm việc cho Phòng Mỹ thuật Isherwood và Anh Quốc là quê hương của Gabriel.

"Anh linh cảm điều gì," Isherwood nói. "Tôi có thể nhìn thấy điều đó trong cặp mắt màu xanh của anh."

"Phải," Gabriel trả lời, vẫn mê mải với những nét vẽ, "nhưng trước tiên, tôi cần thêm một ý kiến thứ hai."

Ông ngoái lại liếc nhìn Chiara. Nàng đang đùa với một sợi tóc ngỗ nghịch, một thoáng kinh ngạc trên mặt. Ở tư thế hiện giờ, Chiara nhìn rất giống người đàn bà trong tranh. Với Gabriel điều này không gây ngạc nhiên mấy. Là hậu duệ những người Do Thái bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha năm 1492, Chiara đã được nuôi dưỡng trong khu ổ chuột cổ ở Venice. Và rất có thể là một vài vị tổ tiên của nàng đã làm mẫu cho những nghệ sĩ bậc thầy như Bellini, Veronese và Tintoretto.

"Em nghĩ sao?" Gabriel hỏi.

Chiara đến trước bức tranh, tặc lưỡi như tiếc cho tình trạng hư hại của bức tranh. Mặc dù nàng đã học về lịch sử Đế chế La Mã tại đại học, hỗ trợ cho Gabriel trong một số lần phục chế tranh, và, trong quá trình này, nhờ vào chính mình, Chiara đã trở thành một nhà sử học vượt trội.

"Đây là một minh họa tuyệt vời của Cuộc Đàm đạo thiêng liêng hoặc Cuộc trò chuyện thiêng liêng, một cảnh nhóm họp bình dị của những nhân vật trong một quang cảnh mang tính thẩm mỹ cao. Với sự hiểu biết của những kẻ mù mờ, thì Palma Vecchio được xem như người sáng tạo ra bố cục này."

"Cô nghĩ sao về bức tranh?" Isherwood hỏi, như một luật sư dẫn dắt người làm chứng đồng cảm.

"Bức tranh là một thành công của Palma," Chiara đáp lại. "Nét vẽ của ông không có đối thủ, nhưng không bao giờ được nhìn nhận như một nhà vẽ tranh có khả năng đặc biệt, ngay cả bởi những người đương thời của ông."

"Còn người đàn bà làm mẫu cho Đức Mẹ?"

“Trừ phi tôi sai, điều này không chắc lắm, tên cô ta là Violante. Cô ta đã làm mẫu cho một số tranh của Palma. Nhưng cũng còn có một họa sĩ nổi tiếng khác ở Venice, lúc bấy giờ, theo lời kể lại cũng rất thích cô ta. Tên ông ta là…”

“Tiziano Vecellio,” Isherwood nối tiếp suy nghĩ của Chiara. “Được biết đến nhiều hơn dưới tên Titian.”

“Chúc mừng Julian,” Gabriel mỉm cười, nói. “Ông vừa gài bẫy mua được một bức tranh của Titian với một số tiền không đáng kể là 20 ngàn bảng. Giờ ông chỉ cần tìm một người phục chế có khả năng trả lại hình dáng cho bức tranh.”

“Bao nhiêu?” Isherwood hỏi.

Gabriel cau mày. “Việc này đòi hỏi nhiều công phu đấy.”

“Bao nhiêu?” Isherwood lặp lại.

“Hai trăm ngàn.”

“Tôi có thể tìm một người với nửa giá thôi.”

“Đúng vậy. Nhưng cả hai ta đều nhớ chuyện đã xảy ra lần cuối khi ông thử làm điều đó.”

“Anh có thể bắt đầu công việc sớm nhất là bao giờ?”

“Tôi sẽ phải kiểm tra lại lịch trước khi có bất cứ ràng buộc nào.”

“Tôi sẽ ứng trước cho anh một trăm ngàn.”

“Trong trường hợp này thì tôi có thể bắt đầu ngay.”

“Tôi sẽ gửi bức tranh đến Cornwall ngày mốt,” Isherwood nói. “Vấn đề là bao giờ tôi lấy lại được bức tranh?”

Gabriel không trả lời. Ông nhìn đồng hồ đeo tay một lúc, như thể đồng hồ chỉ giờ không chính xác và nghiêng mặt nhìn về phía cửa sổ trên mái một cách đăm chiêu.

Isherwood vỗ nhẹ lên vai Gabriel và nói: "Không phải là vấn đề của anh. Không còn nữa."

4

COVENT GARDEN, LONDON

Trạm kiểm soát gần quảng trường Leicester đã buộc giao thông ngừng lại ở ngã tư Charing. Gabriel và Chiara nhanh chân băng qua đám khói ngột ngạt và ra đến đường Cranbourn. Những quán rượu và cà phê nằm dọc trên đường, phục vụ cho đám du khách đi lang thang vô định qua Soho vào bất cứ giờ nào, bất kể thời tiết nào. Bây giờ thì hầu như Gabriel đã quên hết xung quanh. Ông đang dán mắt vào màn hình chiếc điện thoại. Danh sách người chết ở Paris và Copenhagen đang tăng dần.

"Tệ đến mức độ nào anh?" Chiara hỏi.

"Hai mươi tám người ở Champs-Élysées và thêm ba mươi bảy người nữa ở vườn Tivoli."

"Họ có biết ai chịu trách nhiệm không?" Chiara hỏi.

"Vẫn còn quá sớm để đưa ra một nhận định," Gabriel nói, "nhưng người Pháp cho rằng có thể là al-Qaeda trong khối Hồi giáo Maghreb."

"Chúng có thể phối hợp thành công một vụ tấn công giống vậy nữa không?"

"Chúng có người rải rác khắp châu Âu và Bắc Mỹ, nhưng những nhà phân tích ở Đại lộ King Saul luôn nghi ngờ khả năng của chúng để thực hiện một cú ngoạn mục kiểu Bin Laden."

Đại lộ King Saul là địa chỉ của Cơ quan Tình báo đối ngoại Israel. Tòa nhà ở địa chỉ này đã từng có một tên dài nhằm cố tình đánh lạc hướng và đảm nhiệm những công việc không mảy may dính líu đến hoạt động thật sự của nó. Những nhân viên làm việc ở đây xem đó như là "Văn phòng" không hơn không kém. Ngay cả những nhân viên về hưu như Gabriel và Chiara không bao giờ hé môi về tên thật của tổ chức.

"Với em chuyện này có vẻ như không giống vụ Bin Laden," Chiara nói. "Giống…"

"Baghdad," Gabriel tiếp. "Số người chết cao so với các vụ tấn công ngoài trời. Điều này có thể cho thấy là kẻ sát nhân biết hắn đang làm gì. Nếu chúng ta may mắn thì có thể tìm được dấu vết hắn đã để lại."

"Chúng ta?" Chiara hỏi.

Im lặng, Gabriel nhét điện thoại vào lại túi áo khoác. Ông và Chiara đến vòng xoay cuối đường Cranbourn, nơi giao thông rất hỗn loạn, ở đó có hai nhà hàng Ý – Spaghetti House và Bella Italia. Ông đưa mắt nhìn Chiara và nói nàng chọn.

Cau mày, Chiara nói: "Em sẽ không bắt đầu cuối tuần dài của em ở Bella Italia, anh đã hứa đưa em đi ăn trưa đàng hoàng."

"Theo ý anh, chúng mình chỉ có thể tìm thấy quán ăn tệ hơn Bella Italia thôi."

"Trừ khi mình sinh ra ở Venice."

Gabriel mỉm cười. "Chúng mình có đặt bàn ở Orso, một nơi dễ thương, đường Wellington. Quán mang phong cách đặc biệt Ý. Anh nghĩ trên đường đi, mình có thể đi bộ qua Covent Garden."

"Anh vẫn còn đủ sức?"

"Mình cần phải ăn," ông nói, "và đi bộ sẽ tốt cho cả hai ta."

Họ nhanh chân băng qua vòng xoay đến đường Garrick. Tại đó hai cảnh sát đô thị, trong bộ đồng phục màu chanh xanh lá cây đang hỏi chuyện một gã tài xế người Ả Rập trên chiếc xe tải màu trắng. Nỗi lo lắng của những khách bộ hành gần như có thể cảm nhận được. Gabriel nhìn thấy sự sợ hãi đích thực trên một vài khuôn mặt và trên vài khuôn mặt khác, sự quyết tâm xem mọi việc như bình thường. Chiara nắm chặt tay ông khi họ đi ngang qua các cửa tiệm. Nàng đã trông đợi kỳ nghỉ cuối tuần này lâu rồi và dứt khoát không muốn để những tin tức từ Paris và Copenhagen làm hỏng nó.

"Anh đã hơi nghiêm khắc với Julian," nàng nói. "Hai trăm ngàn là mức gấp đôi giá bình thường của anh."

"Đó là bức tranh của Titian, Chiara. Julian sẽ xoay xở tốt thôi."

"Ít nhất anh có thể nhận lời ăn trưa với Julian để ăn mừng."

"Anh không muốn ăn trưa với Julian, anh muốn ăn trưa cùng với em."

"Julian có ý muốn thảo luận với anh."

"Thảo luận gì?"

"Đối tác," Chiara nói. "Ông ấy muốn chúng ta làm đối tác của phòng tranh."

Gabriel chậm rãi dừng bước và nói: "Để anh nói rõ với em, anh hoàn toàn không có hứng thú trở thành một đối tác cho một công ty chỉ thỉnh thoảng mới có khả năng thanh toán như Phòng Mỹ thuật của Isherwood."

"Tại sao không?"

Gabriel tiếp tục đi và nói: "Vì một chuyện, chúng ta không có khái niệm nào về việc kinh doanh."

"Trước đây chúng ta đã điều hành phát đạt nhiều công ty."

"Điều đó dễ khi có Cơ quan Tình báo chống lưng."

"Anh không đủ niềm tin vào mình, Gabriel. Điều hành một phòng trưng bày tranh thì có gì khó nhọc?"

"*Cực kỳ* khó. Và như đã thấy, Julian đã minh chứng hết lần này đến lần khác hết sức dễ vướng vào rắc rối. Ngay cả phòng tranh thành công nhất cũng có thể thất bại nếu đặt cược không tốt." Gabriel nhìn về phía Chiara và hỏi, "Em và Julian đã sắp xếp việc này từ bao giờ?"

"Anh làm như em và Julian âm mưu gì sau lưng anh vậy?"

"Bởi vì thật sự là như vậy."

Mỉm cười, Chiara thừa nhận. "Khi bọn em ở Washington, ngày khánh thành bức tranh Rembrandt. Julian kéo em sang một bên và cho biết rằng ông ta đang nghĩ đến khả năng sẽ nghỉ hưu. Ông ta muốn giao phòng tranh cho một người ông ta tin cậy."

"Julian sẽ không bao giờ nghỉ hưu."

"Em không chắc về điều đó."

"Anh ở đâu lúc hai người bí mật bàn với nhau?"

"Em nghĩ rằng lúc đó anh ra ngoài để nói chuyện riêng với một phóng viên người Anh."

"Tại sao cho đến bây giờ em mới cho anh biết?"

"Bởi vì Julian yêu cầu em."

Gabriel tỏ ý bực mình bằng sự im lặng. Ông cho Chiara hiểu rõ nàng đã vi phạm một trong những nguyên lý cơ bản của hôn nhân.

Bí mật, cho dù là tầm thường nhất đều bị ngăn cấm.

"Em xin lỗi, Gabriel. Đáng lý ra em phải nói, nhưng Julian đã rất kiên quyết, ông ta biết rằng anh sẽ từ chối."

"Ông ta có thể bán phòng tranh cho Oliver Dimbleby trong nháy mắt và về nghỉ hưu tại một quần đảo vùng Caribbean."

"Anh có nghĩ về điều gì sẽ xảy ra cho mình nếu Julian làm như vậy không? Anh có thực sự muốn phục chế tranh cho Oliver Dimbleby? Hay Giles Pittaway? Hoặc giả anh có nghĩ rằng anh sẽ làm một ít công việc bán thời gian cho Tate hoặc Phòng tranh Quốc gia không?"

"Có vẻ như em và Julian đã toan tính mọi thứ."

"Đúng vậy."

"Vậy thì có lẽ *em* nên làm đối tác của Julian."

"Chỉ với điều kiện anh là người phục chế tranh cho em."

Gabriel có thể nhận ra rằng Chiara nghiêm chỉnh. "Điều hành một phòng tranh không phải chỉ là việc tham dự tất các các buổi đấu giá đầy lý thú và những buổi ăn trưa trong những nhà hàng mà mình ưa thích trên đường Jermyn. Và chắc hẳn không thể xem đó là một thú tiêu khiển được."

"Cảm ơn anh đã xem em như một người thiếu hiểu biết về nghệ thuật."

"Em thừa biết là anh không có ý đó."

"Anh không phải là người duy nhất đã rút ra khỏi Văn phòng, Gabriel. Em cũng vậy. Nhưng không như anh, em không làm hư tổn những bức tranh của các bậc thầy để cho qua thời gian."

"Vậy thì em muốn trở thành một nhà buôn tranh? Em sẽ dùng thời gian để lục lọi những chồng tranh không ra gì nhằm tìm ra được một bức Titian nữa. Và lạy ơn Trời, em sẽ không bao giờ tìm ra."

"Đối với em, điều đó không tệ lắm đâu." Chiara nhìn xung quanh đường. "Và như vậy có nghĩa là chúng ta có thể sống ở đây."

"Anh ngỡ rằng em thích Cornwall."

"Em thích lắm chứ," nàng nói. "Nhưng chỉ là không thích mùa đông ở đó thôi."

Gabriel chìm vào im lặng. Ông đã tự chuẩn bị cho một cuộc nói chuyện như thế trong một thời gian rồi. "Anh nghĩ rằng chúng ta sẽ có con," Gabriel nói.

"Em cũng đã nghĩ vậy," Chiara tiếp. "Nhưng em đã bắt đầu nghĩ rằng không thực hiện được. Em cố gắng nhưng mọi thứ đều không được."

Giọng nói Chiara đượm vẻ nhẫn nhục, điều mà Gabriel chưa bao giờ nhận thấy ở nàng. "Vậy thì chúng ta tiếp tục thử nhé."

"Em chỉ không muốn anh thất vọng. Do lần sẩy thai, nên việc thụ thai lại rất khó đối với em. Ai biết được? Thay đổi môi trường có thể giúp em có thai lại. Hãy nghĩ về điều này đi anh," Chiara bóp chặt tay Gabriel. "Đó là tất cả những gì em muốn nói đó anh yêu. Bây giờ chúng ta nên thực sự tận hưởng cuộc sống ở đây đi."

Tại quảng trường lớn Italianate ở chợ Covent Garden, một diễn viên hài đường phố đang sắp xếp cho một cặp du khách chắc chắn là người Đức vào một tư thế gợi cảm. Chiara dựa vào cột để xem màn trình diễn trong khi Gabriel tỏ vẻ hờn dỗi, mắt ông chăm chú nhìn đám đông tụ tập tại quảng trường và trên ban công quán rượu Punch và Judy. Ông không giận Chiara mà giận chính bản thân.

Nhiều năm nay quan hệ của Gabriel và Chiara xoay quanh công việc của ông. Chưa bao giờ ông nghĩ ra được rằng Chiara cũng có những ước vọng cho sự nghiệp của nàng. Nếu họ là một cặp bình thường thì Gabriel đã có thể nghĩ đến cơ hội. Nhưng đằng này họ không phải là một cặp bình thường. Trước đây họ đã là gián điệp cho một trong những cơ quan tình báo nổi tiếng. Và họ đã có một quá khứ quá đẫm máu để có một cuộc sống bình thường.

Tình trạng căng thẳng của cuộc cãi vã tan biến khi họ tiến về phía mái vòm bằng kính của chợ. Ngay cả Gabriel, người ghét đi mua sắm dưới mọi hình thức, cũng thích thú đi lang thang bên cạnh Chiara qua những cửa hiệu và gian hàng nhiều màu sắc. Đắm say trong hương nồng từ tóc Chiara, ông tưởng tượng đến buổi trưa hôm nay – một bữa ăn trưa yên tĩnh sau đó thả bộ về khách sạn. Và rồi, trong bóng tối của căn phòng mát lạnh, Gabriel sẽ từ từ cởi bỏ quần áo Chiara và làm tình với nàng trên chiếc giường rộng lớn. Giờ thì hầu như Gabriel đã xóa bỏ quá khứ và những chiến tích của ông chỉ là những chuyện bịa đặt trong đám bụi của những kho lưu trữ tại Đại lộ King Saul. Vẫn không loại bỏ được tính đề phòng – bản năng cảnh giác không cho Gabriel hoàn toàn cảm thấy bình an trong cuộc sống ngoài xã hội. Bản năng này ép ông phải phác họa trong tâm trí những khuôn mặt lướt qua trong khu chợ đông đúc. Và tại đường Wellington, khi cả hai sắp đến nhà hàng, bản năng này làm ông khựng lại ngay tại chỗ. Chiara giật mạnh cánh tay Gabriel. Rồi nàng nhìn thẳng vào mắt ông và nhận ra có điều gì đó không ổn.

"Nhìn anh giống như vừa gặp ma."

"Không phải ma, mà là một xác chết."

"Ở đâu?"

Gabriel hướng về một bóng người mặc áo khoác bằng len màu xám.

"Ngay đây nè."

5

COVENT GARDEN, LONDON

Có những dấu hiệu thông thường làm lộ tẩy những kẻ đánh bom cảm tử. Một cách vô tình, môi có thể thốt ra những lời cầu nguyện cuối cùng. Mắt có thể nhìn đờ đẫn trong phạm vi gần một cây số. Và mặt có thể tái xanh một cách không tự nhiên, chứng tích của việc gỡ bỏ vội vàng một hàm râu nhếch nhác chuẩn bị cho một điệp vụ. Xác chết không thể hiện những đặc điểm này. Môi của hắn mím chặt. Cặp mắt trong và cái nhìn tập trung. Và gương mặt hắn hồng hào. Hàm râu đã được hắn thường xuyên cạo.

Điều làm cho hắn khác thường là vệt mồ hôi chảy trên tóc mai bên trái. Tại sao hắn lại đổ mồ hôi vào buổi trưa lạnh lẽo mùa thu? Nếu hắn cảm thấy nóng thì tại sao tay hắn lại giấu trong túi áo khoác bằng len? Và tại sao cái áo khoác – đối với Gabriel là quá rộng – vẫn gài khuy rất kỹ? Và rồi còn dáng đi của hắn nữa. Ngay cả một người thanh niên khỏe mạnh cuối độ tuổi hai mươi cũng khó khăn giả vờ đi tướng bình thường khi được nai nịt gần hai mươi ba kilogram thuốc nổ mạnh, đinh và ổ bi. Khi xác chết đi ngang qua Gabriel trên đường Wellington, dáng đi thẳng đứng bất thường, giống như hắn đang cố bù lại số cân thêm vào xung quanh bụng và thận. Cái quần bằng vải gabardine của hắn rung lên theo từng bước, xương khớp bên hông và đầu gối lắc mạnh dưới sức nặng của quả bom. Có khả năng gã thanh niên mặc chiếc áo khoác quá khổ và

đang đổ mồ hôi là một người vô tội đang đi mua sắm giữa ban trưa, nhưng Gabriel lại nghi ngờ. Ông tin rằng gã thanh niên đang đi phía trước mình vài bước là nỗi kinh hoàng cuối cùng của lục địa. Trước tiên là Paris, sau đó là Copenhagen và bây giờ là London.

Gabriel bảo Chiara tìm chỗ trú trong nhà hàng và nhanh chóng băng qua lề đường đối diện, ông theo dõi xác chết ở khoảng cách chừng hơn 90 mét và theo sau dấu hắn khi hắn đi vòng để vào cổng chợ Covent Garden. Có hai quán cà phê phía đông của quảng trường, mỗi quán đều đông khách ăn trưa. Trong ánh nắng, ba cảnh sát mặc đồng phục đứng giữa hai quán. Họ không để ý đến xác chết khi hắn vào cổng chợ.

Giờ thì Gabriel phải quyết định. Phương án hành động hiển nhiên là nói với cảnh sát mối nghi ngờ của ông – hiển nhiên, Gabriel nghĩ, nhưng đó không phải là cách tối ưu. Rất có khả năng phản ứng của cảnh sát khi ông tiếp cận là kéo *ông* sang một bên để hỏi, như thế sẽ mất nhiều giây quý báu. Tệ hơn là họ có thể đối chứng với gã thanh niên, một hành động chắc chắn làm hắn cho nổ bom. Mặc dù gần như mỗi nhân viên của Sở Cảnh sát đều được hướng dẫn cơ bản về chiến thuật chống khủng bố, nhưng ít người có kinh nghiệm hoặc có hỏa lực cần thiết để hạ gục một kẻ theo chủ nghĩa Thánh chiến Hồi giáo đã quyết tâm tử vì đạo. Gabriel đã có cả hai yếu tố này và trước đây ông đã ứng phó với những kẻ đánh bom cảm tử. Gabriel lướt qua ba người cảnh sát và vào bên trong chợ.

Xác chết giờ đang ở phía trước gần hai mươi mét, hắn di chuyển như một đoàn diễu hành trong một đoạn phim, theo những bậc thang trước tòa đại sảnh. Gabriel nghĩ rằng hắn mang chất nổ và mảnh đạn đủ để giết người trong bán kính gần hai mươi lăm mét. Theo đúng bài vở được huấn luyện thì Gabriel phải đứng ngoài vùng

phá nổ gây chết người cho đến khi có thể di chuyển được. Tuy nhiên, hoàn cảnh buộc Gabriel phải thu ngắn khoảng cách và tự đặt mình vào tình thế rất nguy hiểm. Cú bắn vào đầu từ độ xa gần hai mươi lăm mét sẽ khó dù ở trong những điều kiện tốt nhất, ngay cả đối với một tay súng cừ khôi như Gabriel Allon và trong một khu mua sắm đông đúc như vậy gần như là không thể thực hiện được.

Cái điện thoại rung nhẹ trong túi áo khoác của Gabriel, ông lờ đi và quan sát xác chết đang ngừng lại ở rào chắn để xem đồng hồ. Gabriel để ý thấy gã đeo đồng hồ bên tay trái, điều đó chứng tỏ rằng kíp nổ gần như chắc chắn ở phía tay phải. Nhưng tại sao gã đánh bom cảm tử lại ngừng lại để xem đồng hồ? Giải thích đúng nhất là hắn đã được lệnh kết thúc cuộc sống của hắn và cuộc sống của bao nhiêu người vô tội khác vào đúng một thời gian được ấn định. Gabriel nghi ngờ chuyện này liên quan đến chủ nghĩa tượng trưng. Thường là như vậy. Quân khủng bố al-Qaeda và những nhánh quân của chúng rất thích chủ nghĩa tượng trưng, nhất là khi có liên quan đến những con số.

Giờ thì Gabriel đã khá gần xác chết để nhìn thấy cặp mắt của gã. Cái nhìn sáng và tập trung, một dấu hiệu tốt. Điều này chứng tỏ gã vẫn còn đang suy nghĩ về sứ mạng của minh thay vì nghĩ đến thú vui nhục dục chờ đón gã trên thiên đàng. Trên mặt gã sẽ biểu hiện cảm xúc khi bắt đầu nghĩ đến các *tiên nữ* thơm phức với cặp mắt sậm màu. Lúc đó Gabriel sẽ phải chọn lựa. Lúc này thì Gabriel cần gã ở lại trên thế gian lâu hơn chút.

Xác chết lại kiểm tra giờ. Gabriel liếc nhanh đồng hồ: 2:34. Ông lược qua những con số trong kho dữ liệu của bộ nhớ, tìm xem có mối liên quan nào không. Ông làm tất cả các phép tính: cộng, trừ, nhân, đảo ngược và sắp xếp lại thứ tự. Và ông nghĩ đến hai cuộc tấn

công vừa qua. Vụ nổ thứ nhất xảy ra lúc 11:46, vụ thứ hai 12:03. Có khả năng các thời gian này tượng trưng cho những năm của Dương lịch, nhưng Gabriel không tìm ra mối liên quan nào.

Gabriel xóa giờ của các vụ tấn công trong trí, chỉ tập trung vào phút. *Quá bốn mươi sáu phút, quá ba phút* và Gabriel bỗng hiểu ra. Đối với ông, thời gian trở nên quen thuộc như những nét vẽ của Titian. *Quá bốn mươi sáu phút, quá ba phút* là hai mốc thời gian quan trọng nhất trong lịch sử khủng bố – thời gian chính xác của hai vụ không tặc đâm vào tòa nhà Trung tâm Thương mại Thế giới ngày 11/9. Chuyến bay 11 của hãng American Airlines đâm vào tháp phía bắc lúc 8:46 sáng, chuyến bay 175 của hãng United Airlines đâm vào tháp phía nam lúc 9:03 sáng. Chuyến bay thứ ba, dự tính đâm thành công vào mục tiêu buổi sáng đó là chuyến bay 77 của American Airlines, đã bay sang phía tây của Lầu Năm Góc. Giờ địa phương là 9:37 sáng, giờ London là 2:37 chiều.

Gabriel kiểm tra lại đồng hồ đeo tay. 2:35 qua vài giây. Gabriel nhìn lên và thấy gã thanh niên trong áo khoác màu xám lại di chuyển nhanh, tay thọc vào túi, có vẻ không để ý đến người xung quanh. Khi Gabriel đang theo hắn thì điện thoại của ông lại rung. Lần này ông trả lời và nghe giọng Chiara. Ông cho nàng biết là một kẻ đánh bom cảm tử sẽ sắp cho nổ tung khu Covent Garden và bảo Chiara liên lạc với Cơ quan Tình báo Anh*. Ông nhét điện thoại vào túi và bắt đầu thu dần khoảng cách giữa ông và mục tiêu. Ông e rằng có nhiều người vô tội sẽ phải chết và không biết ông có thể ngăn chặn được không.

6

COVENT GARDEN, LONDON

Dĩ nhiên là còn một khả năng khác – khả năng người đàn ông đi trước Gabriel vài bước không có gì bên dưới áo khoác ngoài một ít cân thừa. Gabriel không thể không nhớ đến vụ Jean Charles de Menezes, người thợ điện gốc Brazil, bị cảnh sát Anh bắn chết tại trạm xe điện ngầm Stockwell ở London, vì bị nghi ngờ là một chiến sĩ Hồi giáo bị truy nã. Các công tố viên người Anh từ chối buộc tội cảnh sát liên quan trong vụ giết hại này, việc làm đã gây ra bất bình trong giới ủng hộ nhân quyền và những người theo chủ nghĩa tự do trên khắp thế giới. Gabriel biết rằng, trong trường hợp tương tự, ông không thể mong đợi một sự khoan dung. Điều này có nghĩa là ông phải chắc chắn trước khi hành động. Gabriel tin tưởng ở một điều: kẻ đánh bom, giống như một họa sĩ, sẽ để lại bút tích trước khi bấm kíp nổ. Hắn sẽ muốn nạn nhân của hắn biết rằng cái chết sắp đến với họ không phải vô nghĩa, họ phải biết rằng, họ là vật hy sinh cho thánh chiến thiêng liêng và nhân danh đấng Allah.

Giờ đây, Gabriel không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc theo gã thanh niên và chờ đợi. Từ từ và cẩn thận, Gabriel thu ngắn khoảng cách, điều chỉnh lại đường đi để đường bắn không bị cản trở. Mắt Gabriel tập trung vào phần dưới sọ của gã thanh niên. Một ít centimét bên dưới là thân não, cốt yếu để kiểm tra sự vận động và các giác quan của thân thể. Bắn trật phần thân não có nghĩa là kẻ

cảm tử có thể hoàn thành sứ mệnh bằng sự co giật chết người. Gabriel là một trong số ít người trên thế giới đã thực sự giết chết một tên khủng bố *trước khi* hắn có thể thực hiện cuộc tấn công. Ông biết rằng sự khác biệt giữa thành công và thất bại sẽ chỉ trong gang tấc, một phần nhỏ của giây. Thành công có nghĩa là chỉ một người chết, trong khi thất bại sẽ dẫn đến cái chết của hàng loạt người vô tội, có thể ngay cả sinh mạng của Gabriel nữa.

Xác chết đi qua cửa dẫn đến quảng trường, giờ đã đông người hơn. Một người đang chơi cello tác phẩm của Bach. Một người đóng giả Jimi Hendrix đang vật lộn với chiếc guitar điện. Một người đàn ông ăn mặc chỉnh tề đứng trên một cái thùng, đang hét một điều gì đó về Chúa và cuộc chiến Iraq. Xác chết đi thẳng về phía giữa quảng trường, tại đó màn trình diễn của diễn viên hài càng lúc càng đồi bại và đang làm hài lòng đám đông khán giả. Sử dụng những kỹ thuật được học khi còn trẻ, Gabriel lần lượt tách trong tâm trí từng tiếng động xung quanh ông. Ông bắt đầu bằng tiếng kéo căng dây đàn trong bản nhạc của Bach và kết thúc bằng tiếng cười rất ồn ào của đám đông. Ông liếc nhìn đồng hồ lần cuối cùng và chờ đợi xác chết để lại "chữ ký" trên hành động của mình.

2:36. Xác chết đã đi đến cuối đám đông. Hắn ngừng lại một vài giây như thể đang tìm một điểm trống nào để len vào. Hắn dùng vai đẩy hai người đàn bà đứng hai bên và làm họ giật mình. Gabriel đổi chỗ, cách bên phải gã thanh niên vài mét, đi ngang qua một gia đình du khách người Mỹ. Đám đông đứng chật cứng ở nhiều nơi. Với Gabriel, đây lại thêm một điều nan giải nữa. Trong trường hợp này dùng đạn rỗng đầu là lý tưởng, có thể gây hư tổn lớn cho mô của mục tiêu và cơ bản là giảm bớt nguy cơ có số thương vong cao vì đạn rỗng đầu xoáy xuyên suốt. Nhưng đạn của khẩu Beretta Gabriel

sử dụng là đạn 9mm Parabellum thường. Do đó, đường đạn của Gabriel phải nhắm về phía dưới rất nhiều. Nếu không, xác suất Gabriel có thể lấy đi mạng sống của nhiều người vô tội thay vì cứu họ là rất cao.

Xác chết đã lách qua được đám đông và đang tiến thẳng về hướng diễn viên hài đường phố. Cặp mắt gã thanh niên bắt đầu nhìn chằm chằm vô hồn về phía sân. Môi hắn đang mấp máy. *Lời kinh cầu cuối cùng…* Người diễn viên đường phố tưởng lầm rằng gã thanh niên muốn tham gia trình diễn. Anh ta mỉm cười và đi về phía gã nhưng khựng lại khi trông thấy tay gã rút ra khỏi túi áo khoác. Bàn tay trái hơi mở ra. Tay phải nắm lại, ngón cái đưa lên sẵn sàng bóp cò. Gabriel vẫn do dự. Nếu như không có kíp nổ thì sao? Nếu như chỉ là một cây viết hoặc một thỏi son dưỡng? Ông phải chắc chắn. *Hãy cho ta biết ý định,* ông nghĩ. *Ký tên đi.*

Xác chết quay lại đối mặt với khu chợ. Từ ban công quán Punch và Judy, khách nhìn xuống và cười lo âu, một vài khán giả dưới quảng trường cũng vậy. Trong tâm trí Gabriel, tiếng cười được loại bỏ và hình ảnh dừng lại. Với Gabriel, cảnh tượng này như được Canaletto vẽ. Những hình bất động. Duy chỉ Gabriel, người phục chế tranh, là tự do di chuyển. Ông lướt qua hàng đầu khán giả và tập trung vào phía sau sọ gã thanh niên. Không thể bắn ở góc phía dưới. Nhưng còn một giải pháp khả thi khác để tránh thương vong: đường bắn phía trên sẽ làm viên đạn của Gabriel bay qua đầu khán giả và trúng vào mặt tiền của tòa nhà kế cận. Ông hình dung ra động tác theo từng thứ tự – chéo tay, phục người xuống, bắn, tiến lên phía trước – và chờ đợi xác chết ký tên mình.

Sự im lặng trong đầu Gabriel bị phá vỡ bởi một tiếng hét của một kẻ say từ ban công tiệm Punch và Judy – ra lệnh cho gã cảm tử di

chuyển ra khỏi lối đi để buổi trình diễn được tiếp tục. Gã giơ tay lên khỏi đầu giống như kẻ chạy đua giơ tay khi chạm vạch đích. Một dây kim loại mỏng từ kíp nổ đến thuốc nổ lộ ra từ phía bên trong của cổ tay phải. Gabriel chỉ cần chứng cứ này. Ông đưa tay vào áo khoác và nắm lấy báng khẩu Beretta. Khi xác chết hét lên "Allahu Akbar", Gabriel quỳ một chân và chĩa súng về phía mục tiêu. Đường bắn rõ ràng, may mắn sẽ không phát sinh thương vong khác. Nhưng khi Gabriel sắp bóp cò, thì hai bàn tay khỏe mạnh kéo khẩu súng về phía sau và hai người đàn ông đè ấn ông xuống sân lát đá.

Khi mặt ông chạm đất, Gabriel nghe tiếng nổ như sấm và cảm thấy hơi nóng rát bao phủ lấy mình. Trong một vài giây, Gabriel không còn nghe gì nữa. Và rồi tiếng la hét bắt đầu, một tiếng thét theo sau là một chuỗi gào thét. Gabriel ngẩng đầu lên và nhìn thấy một cảnh tượng như trong những ác mộng của ông. Chỗ nào cũng là những phần thân thể và máu. Hình ảnh của cơn ác mộng Baghdad trên sông Thames.

7

SỞ CẢNH SÁT THỦ ĐÔ, LONDON

Đối với một nhân viên tình báo chuyên nghiệp, kể cả người đã về hưu, thì có vài lỗi lầm còn đau khổ hơn là lọt vào tay chính quyền địa phương. Gabriel đã sống rất lâu trong những nơi khốn cùng, giữa thế giới công khai và thế giới ngầm, ông đã phải chịu đựng kiếp sống như thế thường xuyên hơn là những bạn đồng nghiệp. Kinh nghiệm dạy cho Gabriel rằng đối với cả trong những trường hợp như vậy, có một quy luật bất thành văn, một loại vũ điệu Kabuki được cho phép tự mình quyết định trước khi có sự can thiệp của cấp cao hơn. Ông biết rất rõ trình tự và những người tiếp đãi ông cũng biết.

Gabriel bị bắt chỉ vài phút sau vụ tấn công và nhanh chóng được chở đến New Scotland Yard, trụ sở của Sở Cảnh sát London. Khi đến ông được dẫn đến căn phòng không cửa sổ để điều tra. Những vết cắt và trầy da trên người Gabriel được chăm sóc và họ mang cho ông một tách trà mà Gabriel không đụng đến. Không lâu sau, một điều tra viên cao cấp thuộc Bộ chỉ huy chống Khủng bố đến. Anh ta xem xét giấy tờ tùy thân của Gabriel một cách cẩn trọng và cố gắng xem xét chuỗi các sự kiện đưa "ông Rossi" đến việc rút súng ra tại Covent Garden, vào giây phút trước khi tên khủng bố cảm tử cho nổ bom. Gabriel cũng muốn đặt một vài câu hỏi. Ông muốn biết tại sao hai cảnh sát của Bộ Chỉ huy vũ khí chuyên gia thuộc Sở Cảnh sát

Thủ đô lại chọn khống chế *ông* thay vì một tên khủng bố rõ ràng là sắp thực hiện một vụ thảm sát hàng loạt. Thay vì trả lời từng câu hỏi của điều tra viên, ông đọc một số điện thoại. "Anh gọi số này đi," ngón tay gõ vào chỗ điều tra viên ghi chép trong sổ, ông nói. "Chuông điện thoại sẽ reo ở một tòa nhà rộng lớn không xa đây mấy. Anh sẽ biết tên người trả lời. Ít ra anh nên biết người ấy."

Gabriel không biết danh tính của sĩ quan gọi điện và thời gian cuộc gọi được thực hiện. Ông chỉ biết việc giam giữ tại New Scotland Yard kéo dài hơn cần thiết. Gần nửa đêm, điều tra viên tháp tùng ông qua một loạt hành lang đèn sáng choang để ra cổng. Trong tay điều tra viên cầm một phong bì đựng tư trang của Gabriel. Xét qua kích cỡ và hình dáng thì khẩu Beretta 9mm không có bên trong phong bì.

Bên ngoài, thời tiết dễ chịu của buổi chiều đã nhường chỗ cho trận mưa như trút. Một chiếc Jaguar màu sẫm, máy nổ nhỏ, đang đậu ở nơi sân chờ có gắn kính. Điều tra viên đưa phong bì cho Gabriel. Ông mở cửa sau xe. Ngồi vắt chéo chân một cách khoan thai bên trong xe là một người đàn ông với phong cách tương xứng với công việc. Ông ta mặc một bộ màu xám tro vừa vặn một cách hoàn hảo, đeo cà vạt màu bạc phù hợp với màu tóc. Thường thì cặp mắt xanh nhạt của ông ta với ánh mắt bí hiểm khó đoán, nhưng giờ thì biểu lộ sự căng thẳng của một đêm dài và khó ngủ. Là phó giám đốc của MI5, Graham Seymour mang một trách nhiệm nặng nề, đó là bảo vệ mảnh đất Anh Quốc khỏi lực lượng của phe Hồi giáo cực đoan. Và một lần nữa, mặc cho những nỗ lực tốt nhất của MI5, phe Hồi giáo cực đoan lại thắng.

Mặc dù Gabriel và ông ta có một mối quan hệ lịch sử và lâu dài trong công việc, nhưng Gabriel không biết nhiều về đời sống cá

nhân của Graham Seymour. Ông biết Helen, vợ Seymour rất được ông tôn thờ. Con trai ông là người quản lý tiền của khách hàng trong một chi nhánh của Công ty cung cấp tài chính quan trọng Anh Quốc tại New York. Ngoài ra, những gì Gabriel biết về đời sống riêng tư của Seymour được cung cấp qua chồng hồ sơ dày cộm tại Văn phòng. Seymour là di tích sống cho quá khứ hào hùng của Anh Quốc, một sản phẩm của tầng lớp thượng trung lưu được nuôi dưỡng, giáo dục và đào tạo để làm lãnh đạo. Ông tin có Chúa nhưng không mấy sốt sắng. Ông tin tưởng vào đất nước của mình nhưng không mù quáng trước những sai lầm. Ông chơi golf và những môn thể thao khác giỏi nhưng sẵn sàng thua một đối thủ yếu hơn để phục vụ cho một sứ mạng cao cả hơn. Ông là người được kính nể và quan trọng nhất, ông là người đáng tin cậy – một đức tính hiếm có trong giới gián điệp và cảnh sát chìm.

Tuy nhiên, Graham Seymour không phải là người kiên nhẫn vô hạn, bằng chứng là vẻ nghiêm nghị của ông khi chiếc Jaguar ra đến ngoài đường. Ông lấy bản sao tờ báo buổi sáng *Telegraph* từ túi ghế sau và vất xuống đùi Gabriel. Tiêu đề tờ báo ghi: KHỦNG BỐ NGỰ TRỊ. Bên dưới là ba bức hình miêu tả ba vụ tấn công. Gabriel tìm bức hình Covent Garden xem trong đó có sự hiện diện của ông không, nhưng hình chỉ cho thấy những nạn nhân thôi. Ông nghĩ, đây là hình ảnh của sự thất bại – mười tám người chết, hàng chục người bị thương, trong đó có viên cảnh sát đã ngăn chặn ông. Tất cả những điều này xảy ra vì Gabriel đã không bắn được.

"Một ngày chết tiệt," Seymour nói một cách mệt mỏi. "Tôi nghĩ chỉ còn thêm một điều nữa làm nó tệ hơn là báo chí tìm ra tung tích anh. Chờ đến khi những nhà lý luận về thuyết âm mưu xong việc, họ

sẽ làm cho thế giới Hồi giáo tin rằng các cuộc tấn công đã được Sở Cảnh sát mưu tính và thực hiện."

"Ông có thể chắc chắn là điều này đã xảy ra rồi." Gabriel trả lại tờ báo và hỏi: "Vợ tôi đâu?"

"Cô ấy ở khách sạn. Tôi cho một đội canh chừng cô ta ngay dưới sảnh." Ngừng một lát, Seymour tiếp, "Không cần phải nói, anh không làm cô ấy hài lòng lắm."

"Sao ông biết?" Tai của Gabriel vẫn còn ù do chấn động của vụ nổ. Ông nhắm mắt lại và hỏi làm cách nào mà đội SO19 lại có thể tìm ra ông nhanh vậy.

"Như anh biết, chúng tôi sử dụng một mảng kỹ thuật rộng lớn."

"Ví dụ như điện thoại di động của tôi và mạng lưới camera theo dõi của các ông."

"Chính xác," Seymour nói. "Chúng tôi có thể tìm ra vị trí chính xác của anh chỉ sau vài giây sau khi Chiara gọi. Chúng tôi chuyển thông tin cho Bộ chỉ huy Gold, trung tâm hoạt động của Sở Cảnh sát và họ nhanh chóng gửi ngay tức thì hai đội cảnh sát được huấn luyện đặc biệt sử dụng súng đến hiện trường."

"Chắc hẳn họ phải ở vùng lân cận."

"Đúng vậy," Seymour xác nhận. "Sau những vụ tấn công tại Paris và Copenhagen chúng tôi luôn trong tình trạng báo động cao. Một số đội đã được rải đi đến những khu thương mại và những điểm mà du khách thường tụ tập."

"Vậy thì tại sao họ lại hạ *tôi* thay vì tên đánh bom cảm tử?"

"Bởi vì cả Scotland Yard và cả Cơ quan An ninh đều không muốn một thất bại nữa như vụ Menezes. Hậu quả cái chết của anh ta dẫn đến một số chỉ thị mới và quy trình được đưa ra để bảo đảm điều

tương tự sẽ không xảy ra nữa. Đủ để nói rằng một cảnh báo duy nhất cũng không thể đưa đến hành động giết người – cho dù nguồn tin đó do Gabriel Allon cung cấp.”

“Thế nên hậu quả là mười tám người vô tội đã chết.”

“Nếu như hắn không phải là khủng bố? Nếu như hắn chỉ là một diễn viên đường phố, hoặc một kẻ tâm thần? Chúng ta sẽ bị xử nặng.”

“Nhưng hắn không phải là diễn viên đường phố và cũng không phải là kẻ tâm thần, Graham. Hắn là tên đánh bom cảm tử. Và tôi đã nói với ông như vậy.”

“Làm sao anh biết?”

“Hắn cũng có thể mang một dấu hiệu cho thấy ý đồ của hắn.”

“Rõ ràng đến thế sao?”

Gabriel liệt kê những yếu tố đầu tiên đã khơi dậy sự nghi ngờ của ông và giải thích sự tính toán đã dẫn ông đi đến kết luận là tên khủng bố có ý định cho nổ lúc 2:37. Seymour lắc đầu một cách chậm chạp.

“Tôi không còn nhớ tôi đã tốn biết bao nhiêu giờ để huấn luyện cho nhân viên nhận diện những tên khủng bố, đó là chưa kể hàng triệu bảng Anh đổ vào phần mềm nhận dạng hành vi cho hệ thống camera quan sát. Thế mà một gã jihad đánh bom cảm tử ngang nhiên đến Covent Garden, lại dường như không một ai nhận ra được. Không một ai, trừ anh, lẽ dĩ nhiên.”

Seymour im lặng suy nghĩ một lúc lâu. Họ đang đi về hướng bắc, dọc theo dãy nhà liền kề hoa lệ được chiếu sáng của phố Regent. Mệt mỏi, Gabriel dựa đầu vào cửa kính và hỏi không biết đã nhận diện được gã đánh bom chưa.

“Tên hắn là Farid Khan. Bố mẹ gã đến từ Lahore và di dân qua Anh Quốc vào những năm 70, nhưng Farid sinh ra ở London, chính xác là ở Stepney Green,” Seymour tiếp. “Giống như nhiều người Hồi giáo ở Anh cùng thế hệ, hắn từ bỏ tín ngưỡng ôn hòa và phi chính trị của bố mẹ và trở thành một người Hồi giáo. Vào cuối những năm 90, hắn dùng quá nhiều thời gian đến đền thờ Hồi giáo phía đông London trên đường Whitechapel. Chẳng bao lâu, hắn trở thành thành viên có phẩm hạnh tốt trong những nhóm cấp tiến Hizb ut-Tahrir và al-Muhajiroun.”

“Có vẻ như ông có hồ sơ về hắn.”

“Đúng thế,” Seymour nói, “nhưng không phải vì những lý do mà anh nghĩ. Anh biết không, Farid Khan là ánh sáng, niềm hy vọng của chúng tôi cho tương lai. Hoặc theo như chúng tôi nghĩ.”

“Ông nghĩ là ông sẽ sửa đổi hắn?”

Seymour gật đầu. “Không lâu sau ngày 11/9, Farid gia nhập một nhóm có tên gọi là Khởi Đầu Mới. Mục đích của nhóm là tẩy não những chiến binh và cho họ hòa nhập vào xu hướng chủ đạo Hồi giáo và cộng đồng người Anh. Farid được xem như một trong những thành công của họ. Hắn cạo râu. Hắn quan hệ chặt chẽ với bạn bè cũ. Ở đại học King’s, hắn đậu gần đầu lớp và tìm được một công việc với mức lương hậu hĩnh trong một công ty quảng cáo nhỏ ở London. Một vài tuần trước, hắn đính ước với một phụ nữ là hàng xóm cũ của hắn.”

“Cho nên ông đánh dấu hắn trong bản danh sách?”

“Một cách nào đó,” Seymour nói. “Giờ thì tất cả là một sự lừa dối tinh tế. Farid chính xác là một quả bom hẹn giờ chỉ chờ để nổ.”

“Ông có biết ai là người kích hoạt hắn không?”

“Chúng ta vừa nói chuyện vừa xem xét kỹ những dữ liệu trong điện thoại và máy tính của hắn cùng với băng video mà hắn để lại. Rõ ràng là có liên quan đến những vụ nổ tại Paris và Copenhagen. Những vụ nổ này được phối hợp bởi một số các nhóm nhỏ trong cơ quan Trung ương al-Qaeda hay bởi một mạng lưới mới, bây giờ phải cân nhắc kỹ lưỡng, cho dù như thế nào đi nữa thì đó không còn là vấn đề của anh. Vai trò của anh trong vụ này đã chính thức kết thúc.”

Chiếc Jaguar băng qua quảng trường Cavendish và ngừng lại ngoài cửa chính của khách sạn Langham.

“Trả súng lại cho tôi.”

“Chuyện này tính sau,” Seymour nói.

“Tôi còn phải ở đây bao lâu nữa?”

“Scotland Yard muốn anh ở lại London cho đến hết cuối tuần. Anh có thể quay về ngôi nhà thôn dã bên cạnh biển vào thứ Hai và không suy nghĩ gì hết ngoài bức tranh Titian của anh.”

“Làm sao ông biết về bức tranh của Titian?”

“Tôi biết mọi thứ. Mọi thứ trừ việc ngăn một tên Hồi giáo sinh ra ở Anh thực hiện vụ thảm sát hàng loạt ở Covent Garden.”

“Tôi đã có thể ngăn hắn lại, Graham ạ.”

“Phải,” Seymour lạnh nhạt nói. “Và chúng tôi muốn trả ơn anh bằng cách xé anh ra từng mảnh.”

Gabriel ra khỏi xe không nói một lời. “Vai trò của anh đã chính thức kết thúc,” ông lẩm bẩm khi vào sảnh. Ông lặp đi lặp lại câu này như một câu thần chú.

8

THÀNH PHỐ NEW YORK

Cùng chiều hôm đó, một thế giới khác của Gabriel Allon cũng đang trong tình trạng căng thẳng, nhưng rõ ràng là vì những lý do khác. Tại New York là thời điểm đấu giá mùa thu, một thời gian sôi động và lo lắng của thế giới mỹ thuật, bận rộn cho những sự điên rồ, dư thừa, tập trung trong hai tuần mua và bán nhộn nhịp. Như Nicholas Lovegrove thường thích nói, một trong số ít cơ hội còn lại vẫn còn được xem là hợp thời để làm giàu. Tuy nhiên, đó là một công việc rất quan trọng, không thể coi thường được. Những bộ sưu tập lớn có thể được hình thành, kẻ thắng người thua cả núi tiền. Chỉ một giao dịch có thể gây dựng một sự nghiệp vẻ vang và cũng có thể làm nó tiêu tan.

Như Gabriel Allon, danh tiếng của Lovegrove về mặt chuyên môn được củng cố vững chắc, qua buổi tối này. Sinh ra và được giáo dục theo phong cách người Anh, Lovegrove được xem như là nhà tư vấn mỹ thuật được săn đón nhất trên thế giới – một người nhiều quyền lực đến nỗi ông ta có thể làm thay đổi thị trường chỉ bằng một lời nhận xét bâng quơ hoặc bằng một cái nhăn mũi.

Sự hiểu biết của Lovegrove về nghệ thuật đã đi vào huyền thoại, cũng như số tiền trong tài khoản ngân hàng của ông. Lovegrove không còn phải câu khách nữa, họ tìm đến ông, thường là cầu cạnh

và với những lời hứa hẹn tiền hoa hồng lớn. Bí mật thành công của Lovegrove là cái nhìn không bao giờ sai và sự thận trọng. Lovegrove không bao giờ phản bội sự tín nhiệm; Lovegrove rất kín miệng, không ngồi lê đôi mách hoặc không bao giờ dấn thân vào những cuộc mua bán nước đôi. Ông là một người khác thường, hiếm thấy trong giới buôn bán tranh – một người biết giữ lời hứa.

Mặc dù danh tiếng như vậy, khi ông vội vã đi dọc theo đại lộ số 6, Lovegrove vẫn cảm thấy nỗi bồn chồn lo lắng bao vây ông thường trước những buổi đấu giá. Sau nhiều năm rớt giá và thiếu khí thế, thị trường mỹ thuật cuối cùng cũng bắt đầu có dấu hiệu hồi sinh. Các buổi đấu giá mùa đầu tiên đã trở nên nghiêm chỉnh nhưng lại không như ý. Cuộc đấu giá tối nay, Hậu chiến và Đương đại tại Nhà đấu giá Christie's, có khả năng làm thế giới mỹ thuật rực sáng. Như thường lệ, Lovegrove có khách hàng giữ cả hai vai trò trong buổi đấu giá. Hai khách hàng là nhà buôn, trong thuật ngữ thương mại – trong khi người khách thứ ba đang tìm mua cho được bức tranh ở lô 12, *Thổ hoàng và đỏ trên nền đỏ,* tranh sơn dầu của Mark Rothko. Khách hàng này khác thường vì Lovegrove không biết tên. Họ chỉ giao dịch qua một người có tên là Hamdali ở Paris, người này giao dịch với khách hàng. Lối giao dịch này không chính thống, nhưng đối với Lovegrove, thì giao dịch này có triển vọng sinh lợi cao. Chỉ riêng mười hai tháng vừa qua mà thôi, người sưu tầm này đã mua một số lượng tranh trị giá hơn hai trăm triệu đô la. Số tiền hoa hồng của Lovegrove về khoản này hơn hai mươi triệu đô la. Nếu tối nay, mọi việc xảy ra như dự tính, tài sản của ông sẽ tăng lên đáng kể.

Lovegrove rẽ ở góc đường Tây 49 và đi lên nửa dãy nhà phía trước đến cổng của tòa nhà Christie's. Bức tường cao vút bằng kính cho thấy nơi đây là thế giới của những kẻ nhiều kim cương, quần áo

sang trọng, cái "tôi" thật lớn và độn mông, độn ngực. Trước khi đi đến chỗ gửi áo khoác, Lovegrove ngừng lại nhanh để hôn lên gò má thơm phức của cô gái người Đức, xinh đẹp và lắm tiền, làm việc tại đây. Hai nhà buôn tranh từ Upper East Side chặn Lovegrove lại, ông xua tay thoái thác, lấy thẻ đấu giá rồi lên phòng bán tranh.

Đổi lại tất cả sự tò mò và hấp dẫn là sự ngạc nhiên vì phòng bán tranh là một căn phòng tầm thường, một sự pha trộn giữa hội trường của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc và một nhà thờ truyền giáo. Các bức tường màu be xám buồn tẻ và những chiếc ghế mang màu sắc tương tự được xếp thật sát vào nhau để có nhiều chỗ trống. Đằng sau bục diễn đàn là một kệ trưng bày các tác phẩm, bên cạnh là một quầy điện thoại do sáu nhân viên của Christie's vận hành. Lovegrove liếc nhìn lên khoang chỗ ngồi trên mái, mong tìm được một hay hai gương mặt đằng sau tấm kính nhuộm màu, rồi thận trọng quay nhìn đám phóng viên tập trung ở góc sau như một đàn gia súc. Che bảng đấu giá lại, ông nhanh chóng vượt qua đám phóng viên và đi về chỗ ngồi thông thường của ông ở hàng đầu. Chỗ ngồi này được xem như Vùng Đất Hứa, nơi mà tất cả những nhà đại lý, tư vấn và sưu tầm đều mong ước một ngày nào đó được ngồi vào. Đây không phải là chỗ cho những ai yếu tim hay ít tiền ngồi. Lovegrove gọi đó là "vùng chết".

Theo lịch, buổi đấu giá sẽ bắt đầu vào lúc sáu giờ. Francis Hunt, người điều khiển bán đấu giá của Christie's, cho khán giả đang nóng lòng thêm năm phút để tìm chỗ trước khi lên bục diễn đàn. Francis Hunt có phong thái lịch lãm và một điều không giải thích được, cử chỉ tao nhã, duyên dáng của người Anh của ông làm cho người Mỹ cảm thấy thấp hèn hơn. Trong tay trái, ông cầm quyển "sổ đen" nổi tiếng, chứa đựng bí mật của vạn vật, ít ra là những bí mật của tối

nay. Mỗi lô trong danh sách bán, đều có trang riêng chứa thông tin kho lưu giữ của người bán, một biểu đồ vị trí của những nhà đấu giá dự kiến và chiến lược của Hunt là làm thế nào có thể khai thác được giá hời nhất. Tên của Lovegrove nằm ở trang dành cho lô 12, bức tranh Rothko. Trước buổi đấu giá, trong lần xem riêng để đánh giá các bức tranh, Lovegrove đã gợi ý về sự quan tâm của ông, nhưng với điều kiện giá phải chăng và nếu thiên thời địa lợi. Hunt biết dĩ nhiên là Lovegrove nói dối. Hunt biết mọi thứ.

Hunt chúc khán giả một buổi tối thoải mái và, với tất cả nghi lễ của một nhà triệu tập chuyên nghiệp, tuyên bố, "Lô số 1, bức tranh Twombly." Ngay tức thì cuộc đấu giá bắt đầu, mỗi lần tăng là hàng trăm ngàn đô la. Người điều khiển buổi đấu giá khéo léo điều khiển cùng với sự hỗ trợ của hai nhân viên đội mũ chỉnh tề đứng sau diễn đàn như một cặp người mẫu đứng chụp hình. Nếu không biết là phần trình diễn này đã được sắp xếp và diễn tập cẩn thận trước thì Lovegrove có thể đã có ấn tượng. Khi đạt đến mức một triệu năm trăm ngàn, cuộc bán đấu giá ngưng lại một chút và sau đó một cú điện thoại đã nâng giá lên một triệu sáu. Thêm năm lần đấu giá nối tiếp nhau, rồi cuộc đấu giá lại ngừng một lần thứ hai. "Trên điện thoại, bức tranh Cordelia được đấu giá với hai triệu một trăm ngàn," Hunt đảo mắt một cách thật quyến rũ gọi mời những nhà tham dự buổi đấu giá. "Không phải là giá của quý bà và cũng không phải giá của quý ông. Hai triệu một trăm ngàn cho bức Twombly, đấu giá qua điện thoại. Báo trước thật rõ đây. Cơ hội cuối cùng." Tiếng búa nhỏ gõ xuống bàn. "Xin cảm ơn," vừa nói Hunt vừa ghi chú vào sổ đen.

Sau bức tranh Twombly, là bức Lichtenstein, rồi đến Basquiat, Diebenkorn, De Kooning, Johns, Pollock và một số tranh của Warhols. Bức nào cũng bán được hơn giá và nhiều hơn lô trước.

Không phải là ngẫu nhiên. Hunt đã khéo sắp xếp thứ tự của các bức tranh để tạo ra một không khí phấn khích từ ít đến nhiều. Khi lô 12 được đưa vào kệ trưng bày thì khán giả và những người đấu giá của Hunt đã ở độ phấn khích như ông muốn.

"Chúng ta có bức Rothko bên phải tôi," Hunt tuyên bố. "Liệu chúng ta có thể bắt đầu đấu giá với mức khởi điểm là mười hai triệu không?"

Giá này cao hơn giá dự kiến hai triệu, một dấu hiệu cho thấy Hunt muốn ăn lớn. Lovegrove kéo điện thoại từ túi trên áo Brioni và gọi một số ở Paris. Hamdali trả lời. Giọng nói hắn ta ngọt ngào như nước trà ấm pha mật ong.

"Khách hàng của tôi muốn cảm nhận được không khí của sàn đấu giá trước khi ra giá đấu."

"Hành động khôn ngoan."

Lovegrove để điện thoại trên đùi và chắp tay lại. Có vẻ như rõ ràng trận chiến đang quyết liệt. Từ khắp góc phòng và từ những nhân viên Nhà Christie's đang vận hành điện thoại, giá đấu được đưa ra cho Hunt. Hector Candiotti, nhà tư vấn mỹ thuật cho một ông trùm công nghiệp người Bỉ chơi tranh, đang giơ cao bảng đấu giá như người điều khiển lưu thông để cho băng qua đường, một kỹ thuật hung hăng trong đấu giá được biết đến như một áp chế võ đoán. Tony Berringer, người làm việc cho một thành viên của một tập đoàn nhôm đầu sỏ ở Nga đang đấu giá như thể sống chết, điều này không ngoài phạm vi khả năng có thể xảy ra. Lovegrove chờ đến khi giá lên đến ba mươi triệu mới nhận điện thoại.

"Sao?" ông điềm tĩnh hỏi.

"Chưa đâu ông Lovegrove."

Lần này, Lovegrove áp tai giữ điện thoại trên vai. Ở đầu dây bên Paris, Hamdali đang trao đổi với ai đó bằng tiếng Ả Rập. Tiếc rằng, đây không phải một trong những ngôn ngữ mà Lovegrove nói được thành thạo. Trong khi chờ đợi, Lovegrove quan sát các khoang ghế trên mái, nhằm tìm ra kẻ đấu giá bí mật. Ở một khoang, ông thấy một phụ nữ xinh đẹp đang cầm điện thoại, vài giây sau Lovegrove lại thấy một điều khác nữa. Khi Hamdali nói thì cô ta ngồi im lặng. Và khi người phụ nữ nói thì Hamdali không nói gì cả. Ông nghĩ, có thể đây chỉ là sự trùng hợp, nhưng sau đó lại nghĩ ngay là không phải trùng hợp.

"Có lẽ đã đến lúc thử nghiệm." Lovegrove chợt nghĩ ra, mắt không rời người phụ nữ ngồi trên khoang ghế trên mái.

"Có lẽ ông đúng," Hamdali trả lời. "Ông vui lòng chờ một chút."

Hamdali lẩm bẩm vài từ Ả Rập. Vài giây sau, người phụ nữ trên khoang ghế nói vào điện thoại. Sau đó Hamdali nói bằng tiếng Anh với Lovegrove: "Ông Lovegrove, khách hàng đồng ý. Ông hãy đưa giá đấu thầu đầu tiên."

Giá đấu thầu hiện giờ là ba mươi bốn triệu. Nhếch mày, Lovegrove đưa giá lên thêm một triệu nữa.

"Hiện chúng ta có giá bỏ thầu là ba mươi lăm triệu," Hunt nói bằng một giọng trịnh trọng báo hiệu rằng một đối thủ nặng ký vừa vào cuộc chiến. Ngay lập tức, Hector Candiotti phản công và Tony Berringer cũng vậy. Hai cú điện thoại nâng giá lên ngưỡng của bốn mươi triệu đô la. Sau đó, Jack Chambers, ông vua bất động sản, bình thản ra giá lên bốn mươi mốt. Lovegrove không ngại Jack nhiều. Chuyện ngoại tình với gã đồng tính tại New Jersey đã bắt

Jack trả giá đắt bằng cuộc ly dị. Jack không đủ tiền mặt để trả giá cao hơn.

"Số tiền đấu giá giờ là bốn mươi mốt rồi," Lovegrove thầm thì trong điện thoại.

"Khách hàng tin rằng có nhiều khả năng tung hỏa mù đang diễn ra."

"Đây là một buổi đấu giá ở Christie's. Tung hỏa mù là bắt buộc."

"Kiên nhẫn đi ông Lovegrove."

Lovegrove không rời mắt khỏi người phụ nữ ngồi ở khoang ghế trên mái khi số tiền đấu giá lên đến ngưỡng năm mươi triệu. Jack Chambers đưa ra một mức giá cuối cùng là sáu mươi triệu; Tony Berringer và tên găng-xtơ người Nga lên đến bảy mươi. Hector Candiotti trả lời bằng cách phất cờ trắng.

"Có vẻ như giờ chỉ còn chúng ta và tên người Nga," Lovegrove nói với người đàn ông ở Paris.

"Khách của tôi không quan tâm đến những tên người Nga."

"Vậy thì khách của anh muốn làm gì?"

"Giá kỷ lục của bức Rothko trong cuộc đấu giá là bao nhiêu?"

"Bảy mươi hai và một ít lẻ."

"Vậy hãy đưa giá bảy mươi lăm."

"Quá nhiều. Anh sẽ không bao giờ…"

"Đưa giá đi ông Lovegrove."

Lovegrove nhướng mày và giơ năm ngón tay lên. "Số tiền đấu giá giờ là bảy mươi lăm," Hunt nói. "Không phải giá của quý ông, không phải giá của quý bà. Bảy mươi lăm cho bức Rothko. Báo trước thật rõ đây. Cơ hội cuối cùng. Xong chưa nào?"

Tiếng búa gõ xuống bàn kết thúc cuộc đấu giá của bức Rothko.

Tiếng thở hắt ra tràn ngập căn phòng. Lovegrove nhìn lên khoang ghế trên mái, nhưng người phụ nữ đã rời chỗ.

9

BÁN ĐẢO LIZARD, CORNWALL

Với sự đồng thuận của Scotland Yard, bộ Nội vụ và chính Ngài thứ trưởng Anh, Gabriel và Chiara quay về Cornwall ba ngày sau vụ đánh bom ở Covent Garden. Bức tranh sơn dầu *Đức Mẹ và Chúa Hài đồng với Mary Magdalene*, 110 x 92 cm được giao đến lúc 10 giờ sáng hôm sau. Sau khi cẩn thận lấy bức tranh từ cái thùng bảo vệ ra, Gabriel đặt lên giá vẽ cũ bằng gỗ sồi trong phòng khách và dành cả thời gian còn lại của buổi trưa để nghiên cứu lớp màu chụp qua X-quang. Những nét vẽ quang phổ ma quái chỉ củng cố thêm phân tích của ông về tính xác thực của bức tranh. Bức tranh là của Titian và còn là một tuyệt phẩm nữa.

Đã nhiều tháng trôi qua từ khi đụng vào một bức tranh, Gabriel rất nóng lòng muốn bắt tay ngay vào việc. Thức dậy sớm vào buổi sáng hôm sau, Gabriel pha một chén cà phê sữa và ngay tức thì lăn xả vào việc căng lại lớp vải vẽ, một công việc đòi hỏi sự tinh xảo. Giai đoạn thứ nhất là kết dính giấy lụa lên trên bức tranh để tránh mất lớp sơn trong quá trình phục chế. Có nhiều loại keo khác nhau bán ở chợ thích hợp cho công việc này. Nhưng Gabriel thích trộn loại keo riêng của ông, một loại hỗn hợp ông đã học từ Umberto Conti, một bậc thầy trong làng phục chế tranh ở Venice. Hỗn hợp là sự pha trộn của da thỏ vê lại hòa tan trong nước, giấm, mật bò và mật đường.

Gabriel đun cho sủi bọt hỗn hợp có mùi độc hại trong lò cho đến khi có sự đồng bộ như sirô, và trong khi chờ hỗn hợp nguội lại, ông xem tin tức buổi sáng trên BBC. Farid Khan giờ đã nổi tiếng ở Anh Quốc. Với thời gian chính xác cuộc tấn công của Farid Khan, Scotland Yard và Cơ quan Tình báo Anh làm việc với giả thuyết là nó có liên quan đến những vụ xảy ra ở Paris và Copenhagen, vẫn chưa rõ tên đánh bom thuộc phe khủng bố nào. Các nhà bình luận trên ti vi đang gay gắt, một bên thì cho rằng những vụ tấn công được dàn dựng bởi giới lãnh đạo thuộc nhóm cũ al-Qaeda ở Pakistan, một bên thì cho rằng vụ nổ bom là do một mạng lưới khủng bố mới hiện vẫn còn là một chấm nhỏ trên ra-đa của cơ quan tình báo phương Tây. Cho dù thế nào đi nữa thì giới quan chức châu Âu đang chuẩn bị tinh thần cho nhiều vụ đẫm máu nữa. Trung tâm Phối hợp Phân tích Khủng bố của MI5 đã nâng mối đe dọa lên mức độ "nghiêm trọng", có nghĩa là một vụ tấn công khác đang có thể sắp xảy ra.

Gabriel cố tình tập trung nhiều nhất vào báo cáo về những câu hỏi đã được đặt ra cho Scotland Yard vài phút trước khi vụ tấn công xảy ra. Đại biểu chính của Sở Cảnh sát thủ đô, thận trọng cho biết là đã nhận được lời cảnh báo về một người đàn ông đáng nghi ngờ, mặc áo khoác quá khổ, đi về hướng Covent Garden. Rất tiếc, vị quan chức tuyên bố tiếp, lời cảnh báo nhỏ này không đáp ứng tính đặc thù cần thiết của một hành động giết người để được quan tâm. Vị quan chức xác nhận là hai cảnh sát SO19 đã được cử đến Covent Garden nhưng cũng cho biết rằng dựa theo chính sách hiện hành, hai cảnh sát này không có sự lựa chọn nào khác là không nổ súng. Còn bản báo cáo nói rằng có thấy người dùng súng, cảnh sát đã thẩm vấn một người đàn ông liên quan và xác định rằng đó không phải là một khẩu súng mà chỉ là một máy ảnh. Vì lý do đảm bảo

riêng tư của dân chúng nên không thể tiết lộ danh tính của ông ta. Giới báo chí dường như chấp nhận luận điệu giải thích này của Sở Cảnh sát, và những người theo chủ nghĩa tự do cũng thế, họ vỗ tay khen ngợi cảnh sát đã kiềm chế được, ngay cả khi việc này dẫn đến cái chết của mười tám sinh mạng những người vô tội.

Gabriel tắt ti vi khi Chiara bước vào bếp. Nàng mở ngay cửa sổ để xua đi mùi hôi thối của mật bò và giấm, và trách Gabriel vì đã làm hỏng cái chảo bằng thép không gỉ mà nàng ưa thích. Gabriel chỉ mỉm cười và chấm đầu ngón tay trỏ vào hỗn hợp giờ đã nguội để có thể sử dụng. Chiara đứng phía sau Gabriel và nhìn ông quệt một lớp keo lên mặt vẹc ni và dán vài mảnh giấy lụa lên bề mặt. Các nét vẽ của Titian đã được che phủ cho đến khi việc tái lót hoàn tất.

Gabriel không còn việc gì để làm thêm sáng nay ngoài việc thỉnh thoảng kiểm tra bức tranh xem keo đã khô tới mức phù hợp chưa, ông ngồi trên vọng lâu trông ra biển, máy tính xách tay đặt trên đùi, lướt Internet để thu thập thêm thông tin về ba vụ đánh bom. Ông định kiểm tra với Đại lộ King Saul trước, nhưng thấy có giải pháp tốt hơn. Gabriel đã không báo cho Tel Aviv việc chạm mặt với khủng bố ở Covent Garden, bây giờ mà liên lạc với Đại lộ King Saul chỉ tổ tạo cơ hội cho những người đồng nghiệp trước đây của ông có cớ để xâm nhập vào cuộc sống riêng tư của bản thân. Từ kinh nghiệm, Gabriel đã biết rằng nên đối xử với Văn phòng như một người tình bị bỏ rơi. Sự liên lạc nên giữ ở mức tối thiểu và là cách ứng xử tốt nhất ở những chỗ công cộng, nơi xảy ra cảnh hỗn độn không thích hợp.

Chẳng bao lâu trước trưa, cơn gió còn lại của nửa đêm thổi qua vịnh Gunwalloe, nhường chỗ cho bầu trời xanh trong sáng. Sau khi kiểm tra bức tranh lần cuối, Gabriel lấy áo khoác có mũ và đi bốt leo núi để đi bộ dọc theo những mỏm đá như thường ngày. Trưa hôm

trước, Gabriel đã đi về phía bắc dọc theo con đường ven biển đến đồi cát Praa. Hôm nay, Gabriel leo lên cái gờ sau nhà và đi hướng nam về phía mũi Lizard.

Chẳng bao lâu, cảnh thần tiên của bờ biển Cornwall xua tan những hình ảnh của những người chết và bị thương ở Covent Garden trong tâm trí Gabriel. Thực sự, khi Gabriel đến gần câu lạc bộ Golf Mullion, hình ảnh kinh hoàng cuối cùng đã bị che giấu và gần như xóa sạch bên dưới một lớp sơn. Khi Gabriel tiến sâu về phía nam, qua dãy núi của mỏm Polurrian, ông chỉ còn nghĩ đến công việc phải làm với bức tranh của Titian. Ngày mai, ông sẽ cẩn thận cạo nước sơn từ khung tranh và sau đó dán chặt tấm vải hư vào một tấm vải lanh rộng của Ý, ép chặt vào đúng vị trí bằng một bàn ủi mà thợ may dùng. Sau đó sẽ đến công việc lâu và khó khăn nhất của nghề phục chế tranh – bỏ đi những mảnh vẹc ni rạn nứt, vàng úa để bù đắp lại những chỗ vẽ bị mất theo thời gian và theo lực căng. Một số nhà phục chế có khuynh hướng bù đắp nhiều cho những chỗ thiếu của tranh, nhưng Gabriel được biết đến trong thế giới mỹ thuật về sự khéo tay khi bù đắp và về khả năng bắt chước kỳ lạ những nét vẽ của các bậc thầy. Gabriel tin rằng trách nhiệm của một nhà phục chế là đến và đi mà không để lại dấu vết ngoài việc đưa bức tranh trở về thời vàng son của nó.

Khi Gabriel đến cuối vịnh Kynance ở phía bắc, mặt trời đã bị một dải mây đen che khuất, và gió biển trở nên rất lạnh. Là một người quan sát sắc bén về thời tiết thất thường của vùng Cornwall, Gabriel có thể thấy là "khoảng thời gian sáng ngời", theo như những nhà khí tượng học đặt tên cho thời gian mặt trời chiếu sáng, sắp kết thúc đột ngột. Ông dừng chân lại một chút, suy nghĩ xem nên lánh mưa ở chỗ nào. Về phía đông, làng Lizard xuất hiện qua một cảnh quan

như một miếng vải chắp nối nhiều màu sắc. Ngay phía trước là mũi Lizard. Gabriel chọn con đường thứ hai. Gabriel không muốn rút ngắn buổi đi dạo vì một ngọn gió tầm thường. Vả lại, phía trên vách đá là một quán cà phê ngon, ở đó Gabriel có thể chờ cơn bão qua đi bằng cái bánh nướng mới ra lò và một ấm trà.

Ông kéo cao cổ áo và băng qua làn sương muối của vịnh khi những hạt mưa đầu tiên bắt đầu rơi. Quán cà phê hiện ra trong màn sương. Ở chân vách đá, ẩn mình ở chỗ khuất gió của nhà thuyền đổ nát là một thanh niên khoảng 25, tóc ngắn và cặp kính mát lên tóc. Một người đàn ông khác đang thơ thẩn trên đài quan sát, mắt dán vào ống nhòm kính viễn vọng chạy bằng đồng xu. Gabriel biết chắc chắn rằng kính viễn vọng này đã nhiều tháng không hoạt động.

Ông đi chậm lại và nhìn về phía quán cà phê ngay khi một người đàn ông thứ ba bước ra sân thượng. Hắn đội một cái mũ không thấm nước kéo sụp xuống lông mày và đeo một cặp kính không gọng mà các nhà trí thức người Đức và những chủ ngân hàng Thụy Sĩ ưa thích. Thái độ của hắn biểu lộ sự bồn chồn – một biểu hiện của cấp điều hành bận rộn mà bị vợ ép đi nghỉ. Hắn nhìn chằm chằm Gabriel một lúc lâu trước khi giơ cao tay lên nhìn đồng hồ. Gabriel định đi về hướng ngược lại. Thay vì như vậy, Gabriel cúi xuống nhìn chằm chằm con đường mòn và tiếp tục đi. Ông nghĩ, tốt hơn nên làm như vậy để tránh rắc rối có thể xảy ra.

10

MŨI LIZARD, CORNWALL

"Anh có thực sự cần gọi bánh nướng không?" Uzi Navot bực bội hỏi Gabriel.

"Chúng ngon nhất ở Cornwall. Kem đặc cũng vậy."

Navot đứng im. Gabriel mỉm cười thông cảm.

"Bella muốn ông xuống bao nhiêu nữa?"

"Hai ký rưỡi. Rồi tôi sẽ phải duy trì mức cân nặng này."

Navot tiếp với vẻ u sầu, như thể sắp tuyên bố một bản án tù. "Làm sao tôi có thể có được sự chuyển hóa thức ăn như anh? Vợ anh là một đầu bếp giỏi nhất thế giới, vậy mà anh vẫn giữ được thân hình của một thanh niên hai mươi lăm tuổi. Còn tôi? Tôi kết hôn với một trong những chuyên gia lỗi lạc nhất của Syria, và tôi chỉ cần ngửi mùi bánh thôi, là đã phải nới lỏng quần ra rồi."

"Có lẽ đã đến lúc anh phải nói với Bella bớt nghiêm ngặt trong chế độ ăn kiêng."

"*Anh* nói với cô ấy đi," Navot nói. "Bao nhiêu năm nghiên cứu về những người Baath tại Damascus đã ảnh hưởng đến cô ấy. Đôi khi tôi có cảm tưởng như đang sống trong chế độ chuyên chế do cảnh sát nắm quyền."

Họ đang ngồi ở một bàn biệt lập gần cửa sổ, bên ngoài tiếng mưa tí tách rơi. Gabriel nhìn vào bên trong; Navot nhìn ra ngoài. Navot mặc một quần nhung kẻ và áo len màu be thơm mùi của khu quần áo đàn ông trong tiệm Harrods. Ông đặt mũ lên cái ghế bên cạnh và đưa tay vuốt mái tóc màu nâu đỏ điểm một vài cọng tóc muối tiêu, nhiều hơn theo trí nhớ của Gabriel. Điều này cũng dễ hiểu. Uzi Navot là người đứng đầu Cơ quan Tình báo bí mật Israel. Tóc muối tiêu là một trong những lợi thế của chức vụ này.

Cho dù nhiệm kỳ ngắn ngủi của Navot kết thúc ngay bây giờ, thì ông chắc chắn được xem như một trong những chỉ huy thành công nhất trong lịch sử lâu dài của Văn phòng. Những lời khen ngợi được ban tặng cho ông là do kết quả của chiến dịch Masterpiece, một chiến dịch có sự tham gia của Anh-Mỹ-Israel nhằm tiêu diệt thành công bốn cơ sở hạt nhân bí mật của Iran. Phần nhiều chiến tích là công của Gabriel, nhưng Navot không muốn nhắc đến khía cạnh này. Ông được thăng chức chỉ huy chỉ vì Gabriel đã nhiều lần từ chối nó. Và bốn cơ sở cải tiến này vẫn còn hoạt động nếu Gabriel không nhận diện ra và chiêu dụ gã doanh nhân người Thụy Sĩ – người đã bí mật bán phụ kiện cho Iran.

Hiện giờ, tâm trí Navot dường như chỉ tập trung vào đĩa bánh nướng. Không cưỡng lại được lâu hơn, ông chọn một cái, cẩn thận bẻ ra, phủ mứt dâu và một miếng kem to lên. Gabriel tự rót cho mình một tách trà từ ấm bằng nhôm và lặng lẽ dùng tiếng Đức một cách lưu loát, với giọng Berlin của mẹ ông để hỏi Navot về chuyến viếng thăm không báo trước của ông ta. Đây là một trong năm thứ tiếng mà ông và Navot cùng thông thạo như nhau.

"Tôi có một số vấn đề về tổ chức cần thảo luận với những đối tác người Anh của tôi. Trong nghị trình có đề cập đến báo cáo gây cho

tôi chút lúng túng về một nhân viên trước đây của ta đã về hưu và đang sống dưới sự bảo vệ của MI5. Có một lời đồn lung tung về nhân viên này và vụ đánh bom ở Covent Garden. Thành thật mà nói, tôi có hơi hoài nghi khi tôi nghe được. Vì biết rất rõ nhân viên này, tôi không thể tin rằng anh ta có thể gây nguy hiểm cho địa vị của mình ở Anh khi làm một điều điên rồ là rút súng nơi công cộng."

"Vậy tôi đã phải làm gì đây, Uzi?"

"Đúng ra anh phải phủi tay và gọi đám vệ sĩ MI5 của anh."

"Vậy nếu anh ở trong hoàn cảnh như tôi thì sao?"

"Nếu tôi ở Jerusalem hay Tel Aviv tôi sẽ không do dự hạ tên khốn đó. Nhưng ở đây thì…" Navot lạc giọng. "Tôi nghĩ trước tiên, tôi phải nghĩ đến hậu quả có thể xảy ra đối với hành động của tôi."

"Mười tám người đã chết, Uzi."

"Hãy xem như anh may mắn khi số thương vong không phải là mười chín." Navot gỡ cặp kính mỏng xuống, cử chỉ quen thuộc của ông trước khi bắt đầu một cuộc trò chuyện không thoải mái. "Tôi định hỏi anh liệu thực sự là anh có định nổ súng không. Nhưng dựa vào những gì anh được đào tạo và những chiến công trong quá khứ của anh, tôi e rằng tôi đã biết câu trả lời. Một đặc vụ của Văn phòng rút vũ khí của mình tại hiện trường vì một lý do và chỉ duy nhất một lý do. Anh ta không vung vẩy nó như một tên trong băng đảng, hoặc chỉ dùng nó để hù dọa. Anh ta bóp cò và bắn để giết." Navot ngừng rồi tiếp, "Hãy làm những gì bạn muốn với người khác trước khi họ có cơ hội để làm với bạn. Tôi tin rằng những câu này được ghi trong quyển sổ đỏ của Shamron trang mười hai."

"Ông ấy biết về Covent Garden à?"

"Anh biết rõ hơn thay vì đặt một câu hỏi như vậy. Shamron biết mọi thứ. Thật ra tôi không mấy ngạc nhiên nếu ông ta biết về chuyện xảy ra với anh trước khi tôi biết. Mặc dù tôi có vài lần tìm cách đưa ông ấy về hưu một cách êm thắm, ông ấy cứ khăng khăng giữ liên lạc với những người của ông ấy từ những ngày xa xưa."

Gabriel thêm một vài giọt sữa vào tách trà và từ từ khuấy, *Shamron…* Cái tên gắn liền với lịch sử của Israel và hệ thống tình báo đất nước này. Sau khi tham gia trận chiến dẫn đến việc tái lập Israel, Ari Shamron đã trải qua sáu mươi năm kế tiếp để bảo vệ đất nước chống lại một đạo quân kẻ thù muốn tiêu diệt nó. Ông ta đã len lỏi vào những triều đại vua chúa, đánh cắp bí mật của những bạo chúa và giết chết vô số kẻ thù, có khi từ chính tay mình, có khi mượn bàn tay kẻ khác, ví dụ như Gabriel. Chỉ có một bí mật mà Shamron không có được – lòng tự mãn. Tuy đã luống tuổi và tình trạng sức khỏe không khả quan, ông ta vẫn bấu víu một cách tuyệt vọng vào vai trò của mình như một nhà tư vấn hoạt động trong bóng tối quan trọng và rất có ảnh hưởng của Cơ quan An ninh Israel và vẫn còn can dự vào những vấn đề nội bộ của Văn phòng giống như đó là lĩnh vực riêng tư của ông. Không phải do ngạo mạn đã dẫn đưa Shamron mà là vì nỗi sợ hãi dai dẳng rằng công việc của ông chỉ là vô ích. Dù kinh tế thịnh vượng và mạnh về quân sự, nhưng Israel vẫn luôn bị vây quanh bởi một thế giới, mà đối với một số đông, thù địch với chính sự hiện diện của Israel. Việc Gabriel đã chọn sống trong thế giới này được xem như một nỗi thất vọng lớn nhất của Shamron.

"Tôi ngạc nhiên vì sao Shamron không đích thân đến đây," Gabriel nói.

"Ông ta đã có ý định đó."

"Vậy sao ông ấy không làm?"

"Đi xa không dễ dàng đối với ông ta."

"Sao vậy?"

"Đủ thứ chuyện," nhún vai, Navot nói. "Dạo này ông ta hiếm khi rời Tiberia. Ông ta chỉ ngồi trên sân thượng và nhìn ra hồ. Ông ấy đang làm cho Gilah giận và bối rối. Bà ta năn nỉ tôi đưa một công việc gì đó cho ông ấy làm."

"Tôi có nên đến thăm ông ta không?"

"Ông ta không đang trên giường bệnh, có phải ngụ ý của anh không? Nhưng thỉnh thoảng anh cũng nên sớm đến thăm. Ai biết được? Thật ra, biết đâu anh sẽ yêu thương đất nước mình lại."

"Tôi yêu đất nước tôi mà, Uzi."

"Chỉ không yêu đủ để sống ở đó."

"Anh luôn làm tôi nhớ một chút về Shamron," Gabriel nhíu mày nói, "nhưng giờ trông anh giống một cách kỳ lạ."

"Gilah cũng nói với tôi về điều tương tự cách đây không lâu."

"Khi tôi nói vậy, tôi không khen đâu."

"Bà ấy cũng vậy." Navot thêm một thìa kem đặc nữa vào bánh nướng với sự cẩn thận thái quá.

"Vậy thì vì sao anh lại đến đây, Uzi?"

"Tôi muốn đưa cho anh một cơ hội duy nhất."

"Nghe sao giống người đi bán hàng vậy."

"Tôi là gián điệp," Navot nói. "Cũng chẳng có khác bao nhiêu."

"Anh cho tôi cơ hội gì?"

"Một cơ hội để chuộc lỗi."

"Lỗi gì?"

"Anh đã phải bắn Farid Khan từ phía sau đầu trước khi hắn kịp bấm kíp nổ." Navot hạ thấp giọng và như muốn tâm sự, ông nói tiếp, "Đó là điều mà tôi đã làm nếu tôi ở vào địa vị anh."

"Vậy tôi sẽ phải làm gì để sửa sự thiếu sót trong phán đoán này?"

"Bằng cách nhận một lời mời."

"Từ ai?"

Im lặng, Navot nhìn về phía tây.

"Những người Mỹ?" Gabriel hỏi.

Navot mỉm cười. "Thêm nước trà nhé?"

Cơn mưa chấm dứt đột ngột như khi bắt đầu. Gabriel để tiền trên bàn và đưa Navot xuống dốc về hướng vịnh Polpeor. Gã cận vệ vẫn đứng dựa vào lan can đổ nát của nhà để thuyền cấp cứu. Hắn giả vờ thờ ơ không nhìn khi Gabriel và Navot đi từ từ qua bờ đá đến rìa nước. Navot lơ đãng nhìn đồng hồ và kéo cao cổ áo khoác che cơn gió mạnh từ biển thổi vào. Một lần nữa Gabriel lại giật mình vì sự giống nhau kỳ lạ của Navot với Shamron. Sự giống nhau này vượt qua cả bề mặt. Giống như là Shamron, bằng sức mạnh tuyệt đối của ý chí bất khuất của mình, đã thâm nhập vào cơ thể và thần trí của Navot. Không còn là Shamron, người bị suy yếu vì tuổi tác và bệnh tật, nhưng là một Shamron thời phong độ nhất, Gabriel nghĩ vậy. Chỉ thiếu những điếu thuốc lá Thổ Nhĩ Kỳ đáng ghét đã tàn phá Shamron. Bella chưa bao giờ cho Navot hút thuốc, cho dù là với mục đích che đậy ông ta.

"Ai là kẻ đứng sau vụ nổ bom, Uzi?"

"Cho đến nay, chúng tôi không thể xác định rõ ràng được. Tuy nhiên, có vẻ như những người Mỹ xem hắn là hình ảnh tương lai của khủng bố thánh chiến Hồi giáo toàn cầu – Bin Laden mới."

"Bin Laden mới này có tên không?"

"Người Mỹ nhấn mạnh rằng họ muốn chia sẻ thông tin này khi đối mặt với anh. Họ muốn anh đến Washington, dĩ nhiên là mọi chi phí sẽ do họ chi trả."

"Lời mời được đưa đến bằng cách nào?"

"Đích thân Adrian Carter đã gọi tôi."

Adrian Carter đã là giám đốc của Sở Mật vụ Quốc gia CIA*.

"Yêu cầu trang phục ra sao?"

"Màu đen," Navot nói. "Chuyến đi của anh đến Mỹ hoàn toàn riêng biệt, không theo những thủ tục thường lệ."

Im lặng một lúc, Gabriel nhìn Navot và nói. "Hiển nhiên là anh muốn tôi đi, Uzi. Nếu không thì anh đâu đến đây."

"Đi cũng chẳng mất mát gì," Navot nói. "Tệ lắm đây là một cơ hội để nghe người Mỹ nói gì về những vụ đánh bom. Ngoài ra, còn có vài điểm lợi lẻ tẻ khác."

"Ví dụ như gì?"

"Mối quan hệ của chúng ta có thể được điều chỉnh."

"Điều chỉnh kiểu nào?"

"Anh không biết sao? Có một luồng gió mới đang thổi qua Washington. Mọi người đều cảm thấy như thế," Navot mỉa mai nói. "Tổng thống mới của Mỹ là một người theo chủ nghĩa lý tưởng. Ông ta tin rằng ông có thể chỉnh đốn lại mối quan hệ giữa phương Tây

và thế giới Hồi giáo, và ông tự thuyết phục rằng chúng ta là một phần của vấn đề."

"Như vậy, giải pháp là gửi *tôi*, một cựu sát nhân, tay vấy máu của nhiều người Palestine và khủng bố Hồi giáo, đến Mỹ phải không?"

"Khi các gián điệp cùng hoạt động tốt với nhau thì thường lấn qua lĩnh vực chính trị, đó chính là lý do vì sao thủ tướng cũng nôn nóng muốn anh qua."

"Thủ tướng à? Điều kế tiếp mà anh sắp nói với tôi là Shamron cũng có phần trong việc này."

"Đúng vậy." Navot lượm một hòn đá và ném mạnh xuống biển. "Sau chiến dịch Iran, tôi đã tự nghĩ rằng Shamron cuối cùng sẽ lui vào hậu trường. Tôi đã sai. Ông ta không có ý định để tôi điều hành Văn phòng mà không có sự can thiệp thường xuyên của ông ta. Nhưng điều đó không đáng ngạc nhiên phải không Gabriel? Cả hai chúng ta đều biết rằng Shamron đã có một người nào khác cho công việc đó. Do định mệnh, tôi đã đi vào lịch sử lừng danh của Văn phòng như một người điều hành bất đắc dĩ. Và anh sẽ luôn là người được chọn."

"Chọn một người nào khác đi Uzi. Anh nhớ là tôi đã về hưu chứ? Hãy chọn một người khác đi Uzi."

"Adrian sẽ không chịu đâu," vừa bóp vai Navot vừa nói. "Và Shamron cũng vậy. Còn đối với việc mà anh gọi là về hưu, nó đã kết thúc ngay khi anh quyết định đi theo Farid Khan ở Covent Garden."

Gabriel nhìn ra biển và thấy lại kết quả của vụ nổ súng không thành: những phần thân thể và máu, một vụ Baghdad trên sông Thames, có vẻ như Navot đoán được tư tưởng của Gabriel. Ông chụp lấy lợi thế và nói:

“Người Mỹ muốn anh có mặt tại Washington ngay sáng ngày mai. Máy bay Gulfstream đang đợi anh ngoài London. Đây là loại máy bay họ dùng cho chương trình chuyên chở những người đầu hàng về. Họ bảo đảm là đã bỏ hết những còng tay và kim chích dưới da ra rồi.”

“Còn Chiara thì sao?”

“Lời mời chỉ dành cho một người.”

“Chiara không thể ở đây một mình.”

“Graham đã đồng ý cho một đội an ninh từ London đến.”

“Tôi không tin họ. Đưa cô ấy về Israel với anh đi. Cô ấy có thể giúp Gilah trông nom ông già trong vài ngày cho đến khi tôi quay về.”

“Cô ta cũng có thể ở đó ít lâu.”

Gabriel nhìn Navot dò xét. Ông hiểu rõ hơn những gì mình đang nói. Thường là như vậy.

“Tôi vừa mới nhận lời phục chế lại một bức tranh cho Julian Isherwood.”

“Bức *Đức Mẹ và Chúa Hài đồng với Mary Magdalene*, trước được xem là của Phòng tranh Palma Vecchio, giờ tạm thời là của Titian, đang chờ kiểm tra để xác định.”

“Rất ấn tượng đó, Uzi.”

“Bella đã mở rộng tầm nhìn cho tôi đó.”

“Bức tranh không thể để trong căn nhà vắng người bên bờ biển.”

“Julian đã đồng ý lấy lại bức tranh. Như anh có thể tưởng tượng, anh ta rất thất vọng.”

“Tôi được trả hai trăm ngàn bảng Anh cho bức tranh đó.”

“Lỗi không phải ở tôi, Gabriel. Ngân sách hiện nay trống trơn. Tôi đã phải cố gắng cắt giảm chi phí trong tất cả các phòng ban. Bọn kế toán cũng đang bắt tôi giảm bớt chi phí riêng. Tiền công của tôi giờ rất ít ỏi.”

“May là anh đang ăn kiêng.”

Navot lơ đãng sờ bụng, như để kiểm tra xem nó có to ra thêm từ khi ông ra khỏi nhà không.

“Con đường từ đây về London xa đó Uzi. Có lẽ anh nên lấy thêm bánh nướng nữa.”

“Đừng nghĩ đến điều đó nhé.”

“Anh sợ rằng Bella sẽ biết?”

“Tôi *chắc chắn rằng* Bella sẽ biết.” Navot nhìn tên cận vệ đứng dựa vào lan can nhà thuyền. “Mấy đứa chết tiệt này báo cáo đầy đủ cho bà ta. Cứ giống như đang sống trong một chế độ cảnh sát chuyên chế.”

11

GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.

Căn nhà nằm ở dãy 3300 của đường N, trên sân thượng thanh lịch của nơi cư trú xây dựng theo phong cách liên bang, mà giá trị vượt xa tầm với của số đông, trừ những kẻ giàu nhất Washington. Gabriel leo lên những bậc thang của cầu thang xoắn trước cổng trong ánh sáng xám của bình minh, và như đã được hướng dẫn, ông vào trong mà không cần bấm chuông. Adrian Carter đợi ở tiền sảnh. Ông mặc quần vải nhẹ nhăn, áo len có đường viền quanh cổ, và một áo khoác nhung kẻ nâu nhạt. Quần áo kết hợp với mái tóc bù rối và bộ râu mép lỗi thời tạo cho Carter bề ngoài của một giáo sư đại học tầm thường, loại người bảo vệ cho những lý tưởng cao quý và luôn là cái gai trong mắt của viện trưởng. Là giám đốc của Sở Mật vụ Quốc gia CIA, công việc của Carter trong những ngày này, không có gì hơn ngoài việc gìn giữ quê hương nước Mỹ khỏi một sự tấn công nữa của khủng bố – dù mỗi tháng vẫn phát bữa ăn cho những kẻ không nhà ở tầng hầm của nhà thờ giám mục ở ngoại ô Reston. Đối với Carter, công việc tự nguyện là một cơ hội để suy ngẫm, một cơ hội hiếm hoi để thâm nhập vào một lĩnh vực nào đó khác với việc giết hại lẫn nhau trong chiến tranh luôn được bàn cãi gay gắt trong những hội nghị của cộng đồng tình báo.

Ông chào đón Gabriel một cách thận trọng, theo bản năng tự nhiên của những người trong thế giới ngầm và đưa Gabriel vào.

Gabriel ngừng một lúc ở giữa hành lang và nhìn xung quanh. Những thỏa thuận ngầm đã được thiết lập và phá vỡ trong những căn phòng được trang bị một cách buồn tẻ này; nhiều người đã bị mê hoặc để phản bội lại đất nước của họ bằng những va li đầy đô la và những lời hứa hẹn được người Mỹ bảo vệ. Carter đã sử dụng cơ ngơi này khá thường xuyên và khắp Langley đều xem Georgetown như một nơi tạm trú của ông. Một kẻ hóm hỉnh của Sở đã đặt tên cho chỗ này là Dar-al-Harb, tiếng Ả Rập là "Căn nhà của chiến tranh". Dĩ nhiên đây là chiến tranh kín đáo, vì Carter không biết cách nào khác để chiến đấu.

Adrian Carter đã không tích cực tìm kiếm quyền lực, mà rất nhiều quyền lực đã được cố tình trao cho ông, quyền lực mà Carter không mong muốn. Được Cơ quan Tình báo tuyển dụng ngay khi còn ở bậc đại học, ông đã dùng phần nhiều thời gian khởi đầu những cuộc chiến tranh bí mật chống lại người Nga – đầu tiên là ở Ba Lan, nơi mà ông đã luồn tiền và máy in roneo cho Đoàn Kết (tổ chức công đoàn phi chính phủ của Ba Lan); sau đó là Moscow, nơi ông quản lý một trạm, và cuối cùng là Afghanistan, nơi ông đã động viên và trang bị vũ khí cho lính của Allah, dù ông biết một ngày nào đó họ sẽ nã súng và giết chết ông. Nếu Afghanistan đã chứng tỏ là Vương quốc suy đồi của tội ác, thì nó cũng đã cung cấp cho Carter tấm vé để thăng tiến trong sự nghiệp. Ông đã giám sát sự sụp đổ của Liên bang Xô Viết, không ở tại hiện trường mà tại một văn phòng tiện nghi ở Langley, nơi ông vừa mới được đề bạt lên làm lãnh đạo phụ trách khối châu Âu. Trong khi đồng nghiệp của ông công khai ăn mừng sự thất bại của quân thù, thì Carter xem những sự kiện xảy ra như một điềm gở. Cơ quan đã thất bại trong việc dự đoán sự sụp đổ

của chế độ cộng sản, một sai lầm sẽ ám ảnh Langley trong nhiều năm. Tệ hơn là chỉ trong nháy mắt, CIA đã mất lý do để tồn tại.

Điều này đã thay đổi vào buổi sáng ngày 11 tháng Chín, năm 2001. Cuộc chiến xảy ra tiếp theo sẽ là một cuộc chiến trong bóng tối, nơi mà Adrian Carter hiểu rất rõ. Trong khi Lầu Năm Góc đang gắng sức nghĩ ra một cuộc trả đũa ngày 11/9 bằng quân sự thì chính Carter và nhân viên của ông ở Trung tâm Chống Khủng bố đã đưa ra một kế hoạch táo bạo là hủy diệt sào huyệt al-Qaeda ở Afghanistan bằng chiến tranh du kích do CIA tài trợ, chỉ huy bởi một nhóm nhỏ lực lượng đặc biệt của Mỹ. Khi những sĩ quan chỉ huy và những chiến binh al-Qaeda bắt đầu rơi vào tay người Mỹ thì Carter đã là quan tòa xét xử họ tại Langley. Những phòng tối, phòng tra tấn đặc biệt để quy phục, những phương pháp làm tăng hiệu quả xét hỏi – tất cả đều có bàn tay của Carter. Carter không thể cảm thấy hối hận, ông không có kiểu cách này. Đối với Carter, sáng nào cũng là 12 tháng Chín. Ông đã thề nguyện là sẽ không bao giờ nữa phải nhìn thấy cảnh người Mỹ thoát ra từ những tòa nhà chọc trời bốc cháy, bởi lẽ họ sẽ không còn phải gánh chịu sức nóng của ngọn lửa quân khủng bố nữa.

Trong mười năm nay, Carter đã tìm cách giữ lời hứa này. Không ai đã làm nhiều hơn ông để bảo vệ mảnh đất quê hương khỏi một vụ tấn công thứ hai có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Vì những tội lỗi bí mật của mình, ông đã bị giới báo chí bêu rếu và đe dọa bị truy tố hình sự. Theo sự tư vấn của một luật sư ở Cơ quan Tình báo, ông đã thuê một luật sư đắt tiền ở Washington. Sự ngông cuồng này đã ngốn đều đều số tiền tiết kiệm của ông và buộc Margaret, vợ ông, quay lại giảng dạy. Bạn ông đã thúc giục ông từ bỏ cơ quan và nhận một chức vụ sinh lợi ở một công ty bảo hiểm tư nhân, nhưng ông từ

chối. Sự thất bại để ngăn chặn vụ tấn công 11/9 vẫn còn ám ảnh ông. Và những bóng ma của ba trăm ngàn người buộc ông phải tiếp tục đấu tranh cho đến khi kẻ thù bị đánh bại.

Cuộc chiến đã gây thiệt hại cho Carter – không chỉ cho cuộc sống gia đình, trở nên hỗn loạn, mà còn cho sức khỏe của ông. Gương mặt Carter hốc hác và cau lại, Gabriel còn để ý thấy tay phải của Carter run nhẹ khi ông buồn rầu lấy trong tủ ở phòng ăn bánh trái do chính phủ cung cấp và bỏ lên đĩa của mình. "Huyết áp cao," Carter giải thích khi ông rót cà phê từ bình thủy ra. "Điều này bắt đầu từ ngày Lễ Nhậm chức, và huyết áp tôi tăng giảm tùy vào mức độ đe dọa của khủng bố. Một điều đáng buồn là sau mười năm chiến đấu với quân khủng bố Hồi giáo, tôi có cảm tưởng mình trở thành hơi thở, nhịp đập của Ủy ban Cố vấn Chống đe dọa Quốc gia."

"Hiện chúng ta đang ở mức độ nào?"

"Anh không biết à?" Carter hỏi. "Chúng ta đã bỏ hệ thống mã màu cũ."

"Huyết áp ông nói gì?"

"Màu đỏ," Carter nghiêm nghị nói. "Đỏ tươi."

"Đó không phải là ý kiến của giám đốc Bộ An ninh Nội địa. Bà ta nói là không có mối đe dọa tức thì."

"Những lời bà ấy nói không phải luôn luôn của bà ta."

"Vậy thì của ai?"

"Nhà Trắng," Carter nói. "Và tổng thống không thích báo động cho người dân Mỹ một cách không cần thiết. Ngoài ra, làm tăng mức độ đe dọa sẽ đối chọi với bài tường thuật thuận lợi đang lan truyền trong dư luận công chúng ở Washington."

"Bài tường thuật nói gì?"

"Có bài thì nói là người Mỹ đã phản ứng quá mức trong vụ 11/9. Có bài nói rằng al-Qaeda sẽ không còn là mối đe dọa cho bất cứ ai nữa, chứ đừng nói chi là quốc gia mạnh nhất trên trái đất. Cũng có bài nói rằng đã đến lúc tuyên bố chiến thắng trong chiến tranh toàn cầu với khủng bố và nên hướng sự quan tâm đến những vấn đề quốc nội." Carter nhíu mày. "Lạy Chúa, nhưng tôi ghét khi nhà báo sử dụng từ 'tường thuật'. Đã có một thời gian nhiệm vụ của các tiểu thuyết gia là tường thuật lại câu chuyện và các nhà báo chỉ báo cáo lại việc xảy ra trong thực tế. Và thực tế hoàn toàn đơn giản. Trên thế giới ngày nay, có một tổ chức tìm cách làm suy yếu hoặc ngay cả hủy diệt phương Tây bằng những hành động bạo lực bừa bãi. Tổ chức này là một phần của phong trào cấp tiến rộng rãi nhằm áp đặt luật *sharia* và tái lập lại Vương quốc Hồi giáo. Và có nghĩa là không ai có thể mơ tưởng là sẽ phá tan phong trào này."

Gabriel và Carter ngồi đối diện nhau trên chiếc bàn hình chữ nhật. Carter chọn một cái bánh croissant bị thiu. Rõ ràng là tâm trí của ông đang ở đâu đâu.

Gabriel biết tốt hơn là không nên hấp tấp. Trong câu chuyện, Carter đôi khi hơi lơ đãng. Trước sau rồi ông ta cũng sẽ đi vào vấn đề, nhưng cũng sẽ có vài sự lòng vòng và lạc đề, tất cả những điều này sẽ chắc chắn hữu ích cho Gabriel sau này.

"Ở một khía cạnh nào đó," Carter tiếp, "tôi đồng cảm với ý muốn của tổng thống là lật sang trang lịch sử khác. Ông ta nhìn trận chiến toàn cầu với khủng bố như một sự xao lãng khỏi những mục tiêu rộng lớn của ông. Anh có thể thấy khó tin, nhưng tôi đã gặp tổng thống hai lần, và ông ta gọi tôi là Andrew."

"Nhưng ít ra, ông ta cũng đã cho chúng ta hy vọng."

“Hy vọng không phải là một chiến thuật được chấp nhận khi sinh mạng đang lâm nguy. Hy vọng là những gì đã dẫn đến vụ 11/9.”

“Vậy thì ai đã giật dây bên trong chính phủ?”

“James McKenna, trợ lý của tổng thống về an ninh nội địa và chống khủng bố, còn được biết như một ‘Nga hoàng’ của chủ nghĩa khủng bố, điều này thật buồn cười vì McKenna đã ban hành một sắc lệnh cấm dùng từ ‘khủng bố’ trong tất cả những lời tuyên bố trước công chúng. Hắn ta còn cản trở việc sử dụng từ này cả những nơi riêng tư. Và lạy trời chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi lỡ đặt từ ‘Hồi giáo’ cạnh chữ ‘khủng bố’. Điều mà James McKenna quan tâm là chúng ta sẽ không dính líu vào một trận chiến với quân khủng bố Hồi giáo, chúng ta tham gia vào một nỗ lực quốc tế chống lại một nhóm nhỏ xuyên quốc gia cực đoan. Những kẻ cực đoan này nếu ngẫu nhiên là người Hồi giáo, cũng chỉ làm chúng ta bực bội, chứ không là một mối đe dọa thực sự đến cuộc sống của chúng ta.”

“Ông hãy nói điều đó với những gia đình đã có người thiệt mạng ở Paris, Copenhagen và London.”

“Đây là một câu trả lời đượm mùi cảm xúc,” Carter mỉa mai nói. “Và James McKenna không chấp nhận cảm xúc khi liên quan đến khủng bố.”

“Ông muốn ám chỉ những kẻ cực đoan,” Gabriel nói.

“Thứ lỗi cho tôi,” Carter nói. “McKenna là một chính trị gia độc ác, tưởng tượng mình là một chuyên gia về tình báo. Ông ta là nhân viên của Ủy ban đặc biệt về Tình báo của Thượng viện vào những năm 90, sau đó ông ta gia nhập vào Langley chẳng bao lâu sau khi người Hy Lạp đến. Thời gian này chỉ kéo dài một ít tháng, nhưng ông ta cũng tự xem mình là người kỳ cựu của CIA. McKenna thừa

nhận ông ta là người của Cơ quan Tình báo và là người thực tâm chú ý nhất đến lợi ích của cơ quan, sự thật hơi khác. Ông ta ghét cơ quan và những người làm việc cực nhọc ở đó. Hơn hết, ông ta khinh thường tôi."

"Tại sao?"

"Hiển nhiên là tôi đã làm ông ta lúng túng trong một buổi họp nhân viên cao cấp. Tôi không nhớ sự cố, nhưng dường như McKenna chưa bao giờ quên. Ngoài ra, người ta nói với tôi rằng McKenna xem tôi như một quái vật đã làm tổn hại đến hình ảnh của nước Mỹ trên thế giới. Không có điều gì có thể làm ông ta hạnh phúc hơn là thấy tôi đằng sau song sắt."

"Thật tốt khi thấy cộng đồng tình báo của Mỹ hoạt động hòa hợp lại."

"Thực sự, McKenna có cảm tưởng mọi thứ đều trôi chảy khi ông ta điều hành toàn bộ công việc, ông ta còn sắp xếp để được bổ nhiệm làm chủ tịch của Đội Điều tra Đặc biệt. Nếu một tên khủng bố quan trọng bị bắt bất cứ đâu trên thế giới, dưới bất cứ hoàn cảnh nào, McKenna sẽ đảm nhiệm việc tra hỏi. Việc này chính là đặt quyền lực rất lớn vào tay duy nhất một người, khi người đó có đủ trình độ. Nhưng rất tiếc là James McKenna không nằm trong thành phần có khả năng này. Ông ta có tham vọng, ông ta có thiện chí, nhưng ông ta không biết mình đang làm gì. Và nếu ông ta không cẩn thận, ông ta sẽ giết hết chúng ta."

"Nghe có vẻ hấp dẫn nhỉ," Gabriel nói. "Bao giờ thì tôi sẽ gặp ông ta?"

"Không bao giờ."

"Vậy tại sao tôi lại ở đây, Adrian?"

“Anh ở đây vì những vụ thảm sát ở Paris, Copenhagen và London.”

“Ai là thủ phạm?”

“Một nhánh mới của al-Qaeda,” Carter nói. “Nhưng tôi e rằng, họ có sự hỗ trợ của một người có ảnh hưởng và quyền lực trong giới tình báo phương Tây.”

“Ai?”

Carter không nói gì thêm. Tay phải của ông đang run.

12

GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.

Gabriel và Carter dừng lại ở sân thượng phía sau và ngồi vào ghế bằng sắt bên cạnh chấn song ở lan can. Carter đặt tách cà phê lên đùi và hướng mắt về ngọn tháp màu xám bên trên đại học Georgetown. Thật là một nghịch lý khi ngồi trước một khung cảnh mỹ miều thì Carter lại nói về một khu tồi tàn ở San Diego. Tại đó vào một ngày hè năm 1999, Rashid al-Husseini, một giáo sĩ người Yemen đã xuất hiện. Với tiền tài trợ của hội từ thiện Hồi giáo ở Saudi, gã Yemen này đã mua một cơ sở kinh doanh đang suy sụp và thành lập một đền thờ Hồi giáo, sau đó tìm kiếm tín đồ để thành lập giáo đoàn. Hắn tập trung tìm ở khuôn viên trường đại học San Diego, và đã thu phục một số sinh viên Ả Rập nhiệt tình và tận tụy. Những sinh viên này đến Mỹ để trốn khỏi sự áp bức của xã hội tại quê hương, để rồi lại bị lạc lõng và trôi dạt vào những *ghurba,* vùng đất của những người lạ. Là người duy nhất có đủ yếu tố trong công việc hướng dẫn họ, là con một của một viên chức chính phủ trước đây tại Yemen, Rashid được sinh ra tại Mỹ, nói tiếng Anh phổ thông, và không mấy hãnh diện khi được sở hữu tấm hộ chiếu Mỹ.

"Tất cả những linh hồn lầm đường lạc lối bắt đầu đổ vào đền thờ Hồi giáo của Rashid, trong đó có Khalid al-Mihdhar và Nawaf al-Hazmi." Carter liếc nhìn Gabriel và tiếp, "Tôi cam đoan hai tên đó rất quen thuộc với anh."

"Họ là hai tên không tặc cơ bắp của chuyến bay 77 của American Airlines, được chính Osama Bin Laden tuyển chọn. Vào tháng Giêng 2000, chúng có mặt ở buổi họp bàn kế hoạch tại Kuala Lumpur, rồi sau đó Đội CIA phụ trách về Bin Laden đã làm thế nào lại để mất dấu chúng. Sau này, mới tìm ra là cả hai đã bay về Los Angeles và có lẽ hiện nay vẫn còn ở Mỹ – điều này ông đã bỏ qua không nói với FBI."

"Điều này muôn đời làm tôi xấu hổ," Carter nói. "Nhưng đây không phải là câu chuyện về al-Mihdhar và al-Hazmi."

Câu chuyện là về Rashid al-Husseini. Carter tiếp tục. Chẳng bao lâu, Rashid al-Husseini tạo được danh tiếng trong thế giới Hồi giáo như một nhà truyền giáo đầy ma lực, một người đã được Allah ban cho khiếu ăn nói tuyệt vời và quyến rũ. Những bài giảng của Rashid không chỉ được yêu cầu ở San Diego mà còn ở Trung Đông dưới hình thức băng ghi âm. Vào mùa Xuân 2001, Rashid được mời làm giáo sĩ ở một Trung tâm Hồi giáo có nhiều ảnh hưởng ở ngoại ô Washington, tại Falls Church, Virginia. Chẳng bao lâu, Nawaf al-Hazmi cũng đến đó cầu nguyện cùng với một người Hồi giáo trẻ, Hani Hanjour đến từ Taif.

"Một sự tình cờ," Carter nói, "là vị trí của nhà thờ Hồi giáo ở Leesburg Pike. Nếu anh giữ bên tay trái về hướng Columbia Pike và đi vài dặm, anh sẽ đụng ngay mặt tiền phía tây của Lầu Năm Góc. Đó là lộ trình chính xác của Hani Hanjour sáng ngày 11/9. Lúc đó Rashid ở trong văn phòng và đã nghe tiếng máy bay bay qua trên đầu vài phút trước khi va chạm."

FBI không cần nhiều thời gian để tìm ra sự liên quan của Hazmi và Hanjour với đền thờ Hồi giáo Falls Church, Carter nói, hoặc cho

giới truyền thông đến gõ cửa nhà Rashid. Họ đối mặt với một giáo sĩ trẻ, ăn nói hùng hồn và giác ngộ, một người ôn hòa, thẳng thắng lên án vụ tấn công 11/9 và thuyết phục anh em đồng đạo Hồi giáo từ bỏ bạo lực và khủng bố dưới mọi hình thức. Nhà Trắng rất ấn tượng về sức lôi cuốn của giáo sĩ Hồi giáo nên Rashid được mời tham gia cùng với nhiều học giả và giáo sĩ Hồi giáo một buổi họp kín với tổng thống. Bộ Ngoại giao nghĩ rằng Rashid có thể là loại người hoàn hảo để làm cầu nối giữa nước Mỹ và một tỷ rưỡi người Hồi giáo đa nghi. Tuy nhiên, Cơ quan Tình báo lại có ý nghĩ khác.

"Chúng tôi nghĩ rằng Rashid có thể giúp thâm nhập vào căn cứ của kẻ thù mới," Carter nói. "Nhưng trước khi chúng tôi tiếp cận hắn, chúng tôi cần làm rõ một số vấn đề. Cụ thể là, hắn có liên quan gì đến vụ âm mưu ngày 11/9, hoặc mối liên lạc của hắn với ba tên không tặc có phải hoàn toàn vô tình không? Chúng tôi xem xét hắn dưới mọi góc cạnh, bắt đầu bằng giả định bàn tay hắn đã vấy nhiều máu của dân Mỹ. Chúng tôi xem xét thời khóa biểu. Chúng tôi xem xét ai ở đâu và vào lúc nào. Và cuối cùng chúng tôi kết luận là thầy tế Rashid al-Husseini trong sạch."

"Rồi sao?"

"Chúng tôi cử một sứ giả đến Falls Church xem liệu Rashid có muốn biến lời nói thành hành động không. Rashid tỏ ra tích cực với câu trả lời là có. Ngày hôm sau chúng tôi đưa hắn đến một nơi an toàn gần biên giới Pennsylvania. Và cuộc chơi thực sự bắt đầu."

"Các ông lại bắt đầu quy trình kiểm tra đánh giá toàn bộ một lần nữa."

Carter gật gù. "Nhưng lần này với đối tượng ngồi trước mặt chúng tôi, tay cột vào máy phát hiện nói dối. Chúng tôi tra hỏi hắn

trong ba ngày, xem xét kỹ quá khứ và những mối liên hệ của hắn, từng chi tiết một."

"Và câu chuyện của hắn đứng vững."

"Hắn rất thành công và dễ dàng vượt qua sự kiểm tra. Cho nên chúng tôi thẳng thắn đề nghị kèm theo một số tiền lớn. Chiến dịch rất đơn giản. Rashid đi một vòng trong thế giới Hồi giáo, rao giảng lòng khoan dung và sự ôn hòa, cùng lúc cung cấp cho chúng tôi tên những ứng viên tiềm năng cho chính nghĩa của chúng tôi. Ngoài ra, Rashid sẽ để ý tìm kiếm những thanh niên nổi loạn, tỏ ra nhẹ dạ bởi những bài ru ngủ của Thánh chiến, chúng tôi thử nghiệm hắn ở nội địa, làm việc mật thiết với FBI, và sau đó chúng tôi mở rộng hoạt động của hắn ra quốc tế."

Ba năm kế tiếp, hoạt động từ một căn cứ trong một vùng có số lượng lớn dân Hồi giáo ở phía đông London, Rashid đi ngang về dọc châu Âu và Trung Đông. Hắn thuyết trình trong các hội nghị, rao giảng tại các đền thờ Hồi giáo, và được phỏng vấn bởi những phóng viên nịnh bợ. Hắn tố cáo Bin Laden như một tên sát nhân, đã vi phạm lề luật của Allah và sự giảng dạy của các nhà tiên tri. Hắn nhìn nhận quyền tồn tại và hiện hữu của Israel và kêu gọi thỏa thuận hòa bình với Palestine. Hắn lên án Saddam Hussein như một kẻ chống Hồi giáo, mặc dù, theo sự tư vấn của những người huấn luyện trong CIA, hắn ngừng xác nhận sự xâm lấn của người Mỹ. Không phải lúc nào thông điệp của hắn cũng được khán giả ủng hộ, cũng như những hoạt động của hắn hạn chế trong thế giới vật chất. Cùng với sự hỗ trợ của CIA, hắn xâm nhập vào Internet, với ý định cạnh tranh với sự tuyên truyền về thánh chiến của al-Qaeda. Những người truy cập vào trang web sẽ được nhận dạng và theo dõi khi họ giao tiếp với nhau trên không gian mạng.

“Chiến dịch này được xem như một trong những thành công vượt bậc của chúng tôi để thâm nhập vào một thế giới, mà phần lớn, đối với chúng tôi vẫn còn hoàn toàn mờ ám, khó hiểu. Rashid cung cấp đều đặn những chuỗi tên cho những người huấn luyện hắn, tên của những kẻ tốt, tên những kẻ xấu, ngay cả cung cấp thông tin mách nước một vài toan tính âm mưu. Ở Langley, chúng tôi dành thời gian tôn vinh trí thông minh tuyệt diệu đã tuyển Rashid, chúng tôi nghĩ sẽ kéo dài mãi mãi, nhưng tất cả chấm dứt một cách đột ngột.”

Thánh địa Mecca là sự an bài khá thích hợp cho sự chấm dứt này. Rashid được mời để thuyết trình ở đại học, niềm vinh dự lớn lao cho một giáo sĩ bị nguyền rủa vì tấm hộ chiếu Mỹ. Vì lý do thánh địa Mecca không tiếp đón những kẻ ngoại đạo nên CIA đành để Rashid đi một mình. Hắn bay từ Amman đến Riyadh và một lần cuối cùng gặp gỡ một trong những người huấn luyện CIA, sau đó lên chuyến bay nội địa của hàng không Ả Rập Saudi đến Mecca. Bài thuyết trình của hắn được ấn định lúc 8 giờ tối hôm đó. Rashid không bao giờ xuất hiện. Hắn đã biến mất không để lại dấu vết.

“Mới đầu chúng tôi sợ rằng hắn đã bị một nhóm al-Qaeda địa phương bắt cóc và thủ tiêu. Nhưng sự thật không phải như vậy. Một vài tuần sau, vật sở hữu được đánh giá cao của chúng tôi xuất hiện trên Internet. Chàng thanh niên ôn hòa với lời nói hùng hồn và giác ngộ đã biến mất, thay vào đó là một kẻ cuồng tín say sưa thuyết giảng rằng phương cách duy nhất để đàm phán với phương Tây là hủy diệt.”

“Hắn đã lừa dối các ông.”

“Hiển nhiên là thế.”

“Từ bao lâu rồi?”

“Điều này vẫn còn chưa có câu trả lời,” Carter nói. “Một số người ở Langley tin rằng Rashid là kẻ lừa dối ngay từ đầu, một số khác cho rằng hắn bị dồn vào cái thế của một kẻ có tội vì đã làm việc như một gián điệp cho những kẻ ngoại đạo. Dù thế nào đi nữa, có một điều không thể chối cãi. Trong thời gian hắn đi du lịch đến thế giới Hồi giáo bằng tiền của chúng tôi, hắn đã tuyển dụng một mạng lưới gián điệp ấn tượng ngay trước mũi chúng tôi. Hắn là một bậc thầy săn tìm tài năng, có tay nghề cao trong thủ đoạn lừa dối và hướng dẫn sai đường. Chúng tôi mong rằng hắn chỉ làm công việc thuyết giáo và tuyển mộ, nhưng sự mong muốn đó đã đặt sai chỗ. Những cuộc tấn công ở Âu châu là tiệc ra mắt của Rashid. Hắn muốn thay thế Bin Laden, với vai trò một nhà lãnh đạo của phong trào Thánh chiến toàn cầu. Hắn còn muốn thực hiện điều mà Bin Laden không bao giờ có khả năng làm được sau ngày 11/9.”

“Tấn công kẻ thù nơi phương xa trên quê hương của họ,” Gabriel nói. “Máu người Mỹ đổ trên mảnh đất của họ.”

“Với mạng lưới được mua và do Cơ quan Tình báo Trung ương trả tiền,” Carter tiếp. “Làm sao anh có thể thích sự thật này khắc trên mộ bia của anh? Nếu điều Rashid đã một lần có tên trên bảng lương của Cơ quan Tình báo Trung ương được công bố…” Carter bối rối hạ thấp giọng. “Tiêu tan như tro, tất cả chúng tôi đều sụp đổ.”

“Ông muốn gì ở tôi, Adrian?”

“Tôi muốn anh làm cho vụ nổ bom ở Covent Garden là cuộc tấn công cuối cùng của Rashid al-Husseini. Tôi muốn anh đập tan mạng lưới hoạt động của hắn trước khi có thêm người chết vì sự điên rồ của tôi.”

“Chỉ có thế thôi sao?”

“Không,” Carter nói. “Tôi muốn anh giữ chiến dịch này hoàn toàn bí mật, đối với tổng thống, James McKenna và bộ phận còn lại của cộng đồng Tình báo Mỹ.”

13

GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.

Khi liên quan đến những mánh khóe lừa dối thì Adrian Carter là người theo chủ nghĩa giáo điều. Điều này có nghĩa là ông không thể nói nhiều trong phạm vi của nơi ẩn náu ngay cả khi nó thuộc về ông. Gabriel và Carter bước xuống cầu thang xoắn trước nhà cùng với một nhân viên an ninh theo sau. Họ đi về phía tây dọc theo đường N. Lúc bấy giờ hơn 9 giờ một chút. Đôi giày penny gõ nhịp nhàng lên vỉa hè lát đá đỏ, trong khi Gabriel di chuyển không gây một tiếng động nào. Một chiếc xe điện ngầm chật cứng người, rầm rầm chạy qua. Trong tâm trí Gabriel hiện ra hình ảnh chiếc xe điện ngầm đó bị xé toạc ra làm hai và chìm trong biển lửa.

"Rashid đã đi đâu sau khi rời Mecca?"

"Chúng tôi tin rằng hắn đã được những thành phần của các bộ lạc che chở ở thung lũng Rafadh thuộc Yemen. Nơi này không có pháp luật, không có trường học, hệ thống đường trải nhựa và ngay cả nguồn nước đáng tin cậy cũng không có. Thực tế là cả đất nước hoàn toàn khô héo như khúc xương. Có lẽ Sana là thủ đô đầu tiên trên trái đất không có nước."

"Nhưng không thiếu chiến sĩ Hồi giáo." Gabriel nói.

"Đúng vậy," Carter đồng ý và tiếp. "Yemen đang trên đà trở thành một Afghanistan nữa. Hiện giờ thì chúng tôi bằng lòng với việc ném

thường xuyên tên lửa Hellfire qua biên giới. Nhưng đây chỉ là vấn đề thời gian trước khi chúng tôi phải đích thân bước sang bên đó và dọn sạch cái bọn lầy lội ấy đi." Carter liếc nhìn Gabriel và tiếp, "Nói tới lầy lội, thật sự là có đầm lầy ở Yemen dọc theo bờ biển và là nơi sản xuất những con muỗi to như chim ưng gây sốt rét. Lạy Chúa, thật là một nơi khủng khiếp."

Tay chắp sau lưng, đầu cúi xuống, Carter im lặng bước đi trong một lúc. Gabriel khéo léo tránh một rễ cây lồi lên trên vỉa hè và hỏi không hiểu Rashid làm cách nào để liên lạc với mạng lưới gián điệp ở một nơi xa xôi hẻo lánh như vậy.

"Chúng tôi cũng chưa hiểu," Carter trả lời. "Chúng tôi đoán là Rashid sử dụng những người trong bộ lạc địa phương để chuyển tin bằng phà đến Sana hoặc có lẽ qua vịnh Aden đến Somalia, nơi mà Rashid đã xây dựng mối liên hệ với nhóm khủng bố al-Shabaab. Một điều chúng tôi có thể chắc chắn là Rashid không dùng điện thoại, vệ tinh hay phương tiện nào khác. Hắn đã biết được khá nhiều về khả năng của người Mỹ khi còn là nhân viên của chúng tôi. Và giờ khi hắn đã qua bên kia chiến tuyến, hắn sử dụng những kiến thức đã học một cách hữu dụng."

"Tôi không nghĩ là các ông cũng đã dạy hắn cách lên kế hoạch và đồng bộ hóa một loạt tấn công ở ba nước châu Âu."

"Rashid có tài tìm và tuyển mộ người, và là nguồn cảm hứng của mọi người," Carter nói, "nhưng hắn không phải là người chỉ huy khi hoạt động. Rõ ràng là hắn cùng làm việc với một người tài giỏi. Nếu tôi đoán không lầm thì những vụ tấn công ở châu Âu được một người giải quyết giúp hắn."

"Baghdad," Gabriel kết thúc câu nói của Carter.

"Viện Công nghệ Massachusetts của quân khủng bố," Carter gật đầu đồng ý. "Những sinh viên tốt nghiệp đều là tiến sĩ và họ cho thực tập sinh thích hợp làm việc với Cơ quan Tình báo và Quân đội Hoa Kỳ."

"Thêm lý do để ông phải đối phó với chúng."

Carter không trả lời.

"Tại sao là chúng ta, Adrian?"

"Bởi vì cơ cấu phức tạp của cơ quan chống Khủng bố của Mỹ đã phát triển đến độ chúng ta không tự tìm ra lối thoát. Con số cuối cùng chúng ta có là hơn tám trăm ngàn người có lý lịch trong sạch. *Tám trăm ngàn,*" Carter lặp lại một cách hoài nghi, "vậy mà chúng tôi không thể ngăn cản một chiến sĩ Hồi giáo cho nổ bom ngay trung tâm quảng trường Thời Đại. Khả năng của chúng tôi trong thu thập thông tin là không có đối thủ, nhưng chúng tôi quá lớn và quá thừa để có hiệu quả. Cuối cùng thì chúng tôi *là* người Mỹ và khi phải đối mặt với một mối đe dọa, chúng tôi ném tiền ra để giải quyết. Đôi khi, chúng tôi nên nhỏ bé và nhẫn tâm. Giống như anh vậy đó."

"Chúng tôi đã cảnh báo các ông về sự nguy hiểm khi tái tổ chức."

"Và chúng tôi nên khôn ngoan nghe lời," Carter nói. "Nhưng tầm cỡ của chúng tôi chỉ là một phần của vấn đề. Sau 11/9, xung đột bắt đầu xảy ra, và chúng tôi áp dụng chính sách cứu cánh biện minh khi giải quyết các vấn đề với kẻ thù. Lúc đó chúng tôi tránh đề cập đến tên kẻ thù, kẻo xúc phạm. Ở Langley, trách nhiệm chống khủng bố được xem như một rủi ro chính trị. Tất cả những sĩ quan giỏi nhất của Sở Mật vụ đều học tiếng Trung Quốc phổ thông."

"Trung Quốc không đang tích cực âm mưu giết người Mỹ."

"Nhưng Rashid thì có đó," Carter nói, "và cơ quan tình báo của ta cho rằng hắn đang hoạch định một chuyện gì ngoạn mục trong một ngày rất gần. Chúng ta cần phá tan mạng lưới của hắn và chúng ta cần làm ngay. Nhưng chúng ta không thể thực hiện được điều đó nếu chúng ta phải hoạt động dưới lề luật mới do tổng thống Hope và kẻ đồng lõa có thiện chí là James McKenna đề ra."

"Cho nên ông muốn chúng tôi làm công việc thiếu thành thật này thay ông."

"Tôi cũng sẽ làm điều đó cho anh," Carter nói. "Đừng cố gắng nói với tôi rằng anh không có khả năng. Văn Phòng là cơ quan tình báo theo định hướng phương Tây đầu tiên thiết lập một đội phân tích phong trào toàn cầu của Thánh chiến. Anh cũng là người đầu tiên nhận dạng Bin Laden như một tên khủng bố quan trọng và cũng là người đầu tiên bằng lòng giết hắn. Nếu như anh thành công thì ngày 11/9 đã không bao giờ xảy ra."

Họ đến góc đường số 35. Lô nhà kế tiếp có hàng rào chắn tiếp cận với đường giao thông. Phía bên kia đường, học sinh của trường Holy Trinity đang nhảy dây và ném bóng ra đường, tiếng la hét vui vẻ vang dội khắp cả khu vực các tòa nhà xung quanh. Quang cảnh bình dị, tràn đầy sức sống, nhưng rõ ràng lại làm Carter khó chịu.

"Bộ An ninh Nội địa là một huyền thoại," vừa nói Carter vừa nhìn đám trẻ. "Đây là một câu chuyện ru ngủ trẻ con làm cho họ cảm thấy an toàn ban đêm. Dù cho tất cả nỗ lực tốt nhất và tất cả tỷ đô la đã tung ra, phần đông nước Mỹ không thể được bảo vệ. Cách duy nhất để ngăn chặn mảnh đất Mỹ không bị tấn công là làm chúng tiêu tan *trước khi* chúng chạm vào bờ biển của chúng ta. Chúng ta phải xé tan mạng lưới của chúng và giết gián điệp của chúng."

"Giết Rashid al-Husseini cũng là một ý hay."

"Chúng tôi muốn thế," Carter nói. "Nhưng điều này sẽ không khả thi cho đến khi chúng ta kiếm ra cách lọt vào đám tay chân thân tín nhất của hắn."

Carter dẫn Gabriel về hướng bắc dọc theo đường số 35. Carter lấy ống điếu từ trong túi ra và lơ đãng nhét thuốc vào tẩu.

"Anh là người đã chiến đấu với bọn khủng bố lâu hơn ai hết Gabriel – hơn bất cứ ai, trừ Shamron, dĩ nhiên. Anh biết cách thâm nhập vào mạng lưới của chúng, và anh rất tuyệt trong việc này, thêm nữa anh biết hết ruột gan chúng. Tôi muốn anh thâm nhập vào trong mạng lưới của Rashid và tiêu hủy nó. Tôi muốn anh làm chúng biến mất."

"Thâm nhập vào mạng lưới khủng bố của Thánh chiến không giống như thâm nhập Tổ chức Giải phóng Palestine. Chúng gắn bó rất chặt chẽ với nhau nên khó chấp nhận người ngoài vào giữa cộng đồng, vả lại những thành viên của chúng không dễ mắc phải những cám dỗ trần thế."

"Một bông hồng là một bông hồng và là một bông hồng. Một mạng lưới là một mạng lưới và cũng chỉ là một mạng lưới."

"Ý ông là gì?"

"Cho là có khác biệt giữa khủng bố của nhóm Thánh chiến và nhóm Palestine đi, nhưng cơ cấu cơ bản thì giống nhau. Có người lên kế hoạch và bộ binh, người trả lương và quân nhu, người đưa tin và những nơi để ẩn náu. Ở điểm mà tất cả những thứ này giao nhau, sẽ có kẽ hở cần được khai thác bởi một người thông minh như anh."

Một ngọn gió thổi khói ống điếu vào mặt Gabriel. Là thuốc lá pha trộn độc quyền cho Carter bởi một người bán thuốc lá ở New York, thuốc có mùi lá cháy và mùi lông chó bị ẩm. Gabriel đưa tay xua khói và hỏi, "Việc này sẽ diễn ra như thế nào?"

"Có nghĩa là anh đã nhận lời?"

"Không," Gabriel nói, "có nghĩa là tôi muốn biết chính xác là sẽ tiến hành ra sao."

"Anh sẽ hoạt động như một trạm ảo của Trung tâm chống Khủng bố, giống như cách mà đơn vị khủng bố của Bin Laden đã hoạt động trước 11/9, nhưng với một sự khác biệt quan trọng."

"Tất cả nhân viên ở Trung tâm Chống Khủng bố không biết là có tôi ở đó."

Carter gật đầu. "Tất cả mọi công việc đều do tôi và nhân viên của tôi giải quyết. Khi tới lúc anh hành động, tôi sẽ giữ vai trò một cảnh sát chìm để chắc chắn là anh không vướng vào bất cứ một hoạt động nào của Cơ quan, cũng như họ sẽ không vướng vào những hoạt động của anh."

"Tôi cần xem mọi thứ mà ông có. *Mọi* thứ, Adrian."

"Anh sẽ được truy cập vào những vấn đề tình báo nhạy cảm nhất của chính quyền Hoa Kỳ, bao gồm những hồ sơ về Rashid và tất cả những phòng thủ của Cơ quan An ninh Quốc gia. Anh cũng được phép xem tất cả những thông tin tình báo về ba cuộc tấn công do những cơ quan tình báo châu Âu gửi đến." Carter ngừng một lúc và tiếp. "Tôi nghĩ với thông tin tôi vừa cung cấp cho anh cũng đủ để anh có hứng thú nhận lời làm việc cho chúng tôi. Dù sao đi nữa thì hiện nay, mối quan hệ của anh với khối châu Âu cũng không mấy khả quan."

Gabriel không trả lời thẳng. "Quá nhiều tài liệu để tôi tự xem xét. Tôi cần sự giúp đỡ."

"Anh có thể có tất cả mọi giúp đỡ mà anh cần, nếu chính đáng. Dựa trên tính cách nhạy cảm của thông tin tình báo, tôi cũng cần một người ở Cơ quan Tình báo trông chừng anh. Một người biết tính cách tinh nghịch của anh. Tôi đã có một ứng viên trong tâm trí."

"Cô ta đâu?"

"Đang đợi ở một quán cà phê ở đại lộ Wisconsin."

"Ông tỏ ra rất tự tin đó, Adrian."

Carter ngừng lại và kiểm tra ống điếu. "Tôi không cần hạ mình xuống những tình cảm như thế," ông tiếp tục nói một lúc sau, "tôi muốn nhắc anh vụ tàn sát trưa thứ Sáu vừa qua ở Covent Garden mà anh đã chứng kiến, và bắt anh nhìn đi nhìn lại những cảnh ấy mãi. Nhưng tôi sẽ không làm như vậy, vì không chuyên môn. Thay vì như vậy, tôi sẽ cho anh biết rằng Rashid có cả một đạo quân cảm tử giống như Farid Khan đang đợi để làm nhiệm vụ. Một đạo quân mà hắn đã tuyển mộ với sự giúp đỡ của tôi. Tôi đã dựng nên Rashid. Hắn là lỗi lầm của tôi. Và tôi cần anh tiêu diệt hắn trước khi một ai khác phải chết."

"Có thể ông thấy khó tin, nhưng hiện nay tôi không có thẩm quyền nhận lời ông. Uzi phải đồng ý trước."

"Ông ta đã đồng ý. Ngài thủ tướng của anh cũng vậy."

"Tôi đoán chắc ông đã nói riêng với Graham Seymour."

Carter gật đầu. "Bởi những lý do hiển nhiên, Graham muốn được cập nhật về sự tiến triển của anh. Ông ta cũng muốn được báo trước nếu anh phải hoạt động trên quần đảo Anh."

"Ông đã lừa tôi, Adrian."

"Tôi là một gián điệp," Carter vừa nói vừa bật lại ống điếu. "Tất nhiên, tôi đã nói dối. Anh cũng vậy. Giờ anh phải nghĩ cách nói dối Rashid. Anh nên cẩn thận để nghĩ ra cách hành động. Rashid của chúng tôi rất giỏi. Tôi có nhiều kinh nghiệm xương máu về điều đó."

14

GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.

Tiệm cà phê nằm dưới chân đồi Book Hill Park ở cuối hướng bắc quận Georgetown. Gabriel gọi một tách cappuccino ở quầy và bước qua cửa hai cánh kiểu Pháp để đến một khu vườn nhỏ có những bức tường phủ kín nho. Ba bàn nằm trong bóng mát, người phụ nữ ngồi một mình đọc báo ở bàn thứ tư dưới ánh sáng mặt trời. Cô mặc bộ đồ chạy bộ màu đen ôm chặt lấy hình dáng mảnh mai và mang đôi giày thể thao màu trắng tinh. Mái tóc vàng dài đến vai được chải thẳng ra sau và buộc bằng một sợi thun ở gáy. Dù cặp kính mát che đôi mắt, nhưng vẫn không che được vẻ đẹp tuyệt vời của cô. Cô gỡ kính và nghiêng mặt cho Gabriel hôn nhẹ khi ông đến gần. Cô lộ vẻ ngạc nhiên khi nhìn thấy Gabriel.

"Tôi đã mong người tôi gặp sẽ là ông," Sarah Bancroft nói.

"Adrian không nói với cô là tôi sẽ đến sao?"

"Ông ta là người quá lỗi thời để làm điều đó," Sarah vừa xua tay vừa nói. Giọng nói và cung cách của Sarah như thuộc một thế hệ khác, giống như đang nghe một nhân vật của tiểu thuyết Fitzgerald. "Tối qua, ông ta gửi cho tôi một e-mail mật bảo tôi có mặt ở đây lúc chín giờ. Tôi phải ngồi chờ đến mười giờ ba mươi, nếu không có ai xuất hiện, tôi phải rời quán và đi làm như thường lệ. Ông đến là tốt rồi, ông cũng biết là tôi rất ghét bị cho leo cây."

"Theo tôi thấy thì cô có đem theo vài thứ gì để đọc," vừa nói Gabriel vừa liếc nhìn tờ báo.

"Ông không đồng ý?"

"Luật của Văn phòng cấm nhân viên đọc báo trong quán cà phê vì quá lộ liễu." Ông ngừng rồi tiếp, "tôi nghĩ bọn tôi đã huấn luyện cô tốt hơn thế, Sarah ạ."

"Các ông đã làm điều đó, nhưng thỉnh thoảng tôi cũng muốn xử sự như người bình thường. Và một người bình thường lâu lâu cũng muốn cảm thấy thoải mái khi ngồi đọc một tờ báo trong một quán cà phê vào một buổi sáng nắng ấm mùa thu."

"Với một khẩu Glock giấu ở thắt lưng cô ta."

"Cảm ơn ông, đó là người bạn đồng hành thường trực của tôi."

Sarah nở một nụ cười u sầu. Là con gái một nhà điều hành giàu có của ngân hàng Citibank, Sarah đã trải qua phần lớn thời thơ ấu của mình ở châu Âu, hấp thụ một nền giáo dục cùng với ngôn ngữ và một phong cách hoàn hảo của châu Âu. Cô đã quay về Mỹ và theo học tại Dartmouth, và tiếp tục, sau một năm học tại Viện Mỹ thuật có uy tín Courtauld ở London, cô đã trở thành người phụ nữ trẻ tuổi nhất được cấp bằng tiến sĩ về Lịch sử Mỹ thuật tại Harvard.

Nhưng chẳng phải sự giáo dục có giá trị của Sarah Bancroft đã đưa cô vào thế giới tình báo, mà là đời sống tình cảm của cô. Khi đang hoàn tất luận án thì Sarah hẹn hò với Ben Callahan, một luật sư trẻ. Chẳng may Ben Callahan đã đáp chuyến bay 175 của United Airlines vào sáng ngày 11 tháng Chín, 2001. Trước khi máy bay đâm xuống tháp phía nam tòa nhà Trung tâm Thương mại Thế giới, Ben đã xoay xở để có thể gọi điện thoại. Cú điện thoại dành cho Sarah. Với sự "đồng ý" của Adrian Carter và với sự cố của bức tranh van

Gogh bị mất, Gabriel đã gài Sarah vào đoàn hộ tống một tỷ phú Ả Rập, Zizi al-Bakari trong một cuộc thách đố đấu giá nhằm tìm ra kẻ chủ mưu tinh khôn khủng bố ẩn nấp trong đó. Sau khi chiến dịch kết thúc, Sarah đã tham gia vào CIA và được bổ nhiệm qua Trung tâm Chống Khủng bố. Từ đó cô đã duy trì mối quan hệ mật thiết với Văn phòng và đã làm việc với Gabriel cùng đội của ông trong nhiều chiến dịch. Ngoài ra Sarah cũng có một người tình ở Văn phòng, Mikhail Abramov, một sát nhân và một sĩ quan tình báo. Việc không đeo nhẫn cho thấy là mối quan hệ tình cảm tiến triển chậm so với mong ước của Sarah.

Như đọc được tư tưởng của Gabriel, Sarah nói "Mối quan hệ của bọn tôi lúc thế này lúc thế kia."

"Và bây giờ thì sao?"

"Đã chấm dứt," Sarah nói. "Hoàn toàn chấm dứt."

"Tôi đã từng nói với cô đừng dính líu đến một người đàn ông giết người vì đất nước của mình."

"Ông nói đúng Gabriel, ông luôn luôn đúng."

"Vậy chuyện gì đã xảy ra?"

"Tốt hơn là tôi không nên đi sâu vào những chi tiết bẩn thỉu."

"Anh ta nói với tôi rằng anh ta yêu cô."

"Anh ta cũng nói như vậy với tôi. Thật buồn cười khi tôi đã tin vào điều đó."

"Anh ta có gây thương tổn cho cô không?"

"Tôi không nghĩ rằng mình lại có thể để cho bản thân bị đau khổ lâu hơn nữa." Một lúc lâu sau Sarah mới mỉm cười. Cô đã không thành thật và Gabriel có thể thấy điều đó.

"Cô có muốn tôi nói với anh ấy không?"

"Lạy Chúa, không." Sarah nói. "Tôi đã tự mình làm cuộc đời mình quá rắc rối rồi."

"Anh ta đã phải trải qua những chiến dịch khó khăn, Sarah. Lần cuối cùng là…"

"Anh ấy có kể cho tôi," Sarah nói. "Đôi lúc tôi đã cầu mong cho anh ấy không sống sót trở về từ dãy Alps."

"Cô không thực sự nghĩ vậy chứ?"

"Không," Sarah đáp một cách miễn cưỡng, "nhưng nói được như vậy làm tôi dễ chịu."

"Có lẽ kết thúc như vậy tốt hơn. Cô nên tìm một ai đó không sống phía bên kia thế giới. Một ai đó sống ở Washington."

"Vậy tôi phải trả lời sao khi họ hỏi tôi làm việc ở đâu?"

Gabriel im lặng.

"Tôi không còn trẻ nữa, ông biết đó. Tôi sắp…"

"Ba mươi bảy tuổi," Gabriel nói.

"Có nghĩa là tôi sắp thành gái già," Sarah cau mày nói. "Tôi nghĩ tốt nhất ở thời điểm này, tôi nên mơ ước một đám cưới không nồng nàn với một người đàn ông lớn tuổi. Và nếu may mắn, hắn sẽ cho tôi một hay hai đứa con, mà tôi sẽ phải cố gắng dạy dỗ bởi vì hắn sẽ không mảy may quan tâm đến."

"Chắc chắn là không tệ đến vậy."

Sarah nhún vai và uống từng ngụm cà phê. "Ông và Chiara sao rồi?"

"Hoàn hảo," Gabriel nói.

"Tôi đang sợ ông nói câu này," Sarah thầm thì một cách tinh quái.

"Sarah…"

"Đừng lo Gabriel. Em đã dứt được tình cảm với ông từ lâu rồi."

Hai người đàn bà trung niên vào vườn và ngồi đối diện ở bàn cuối. Sarah nghiêng người về phía trước, giả vờ thân mật và hỏi Gabriel ra phố làm gì bằng tiếng Pháp. Gabriel trả lời bằng cách gõ tay xuống trang đầu tờ báo.

"Từ khi nào món nợ cao ngất của quốc gia là một vấn đề đối với Cơ quan Tình báo Israel?" Sarah hỏi một cách tinh nghịch.

Gabriel chỉ vào câu chuyện đang ở trang đầu về cuộc tranh luận sôi nổi trong cộng đồng tình báo Mỹ về nguồn gốc của ba vụ tấn công ở châu Âu.

"Làm thế nào mà ông lại bị kéo vào?"

"Trên đường đi ăn trưa, Chiara và tôi đi tản bộ qua Covent Garden trưa thứ Sáu vừa qua."

Mặt Sarah tối sầm lại. "Như vậy những báo cáo về một người đàn ông chưa được nhận dạng rút vũ khí trước vụ nổ bom…"

"Là đúng," Gabriel nói. "Tôi đã có thể cứu mười tám mạng người. Tiếc thay những người Anh không để tôi thực hiện điều đó."

"Vậy thì ông có biết ai là thủ phạm không?"

"Cô là chuyên viên về khủng bố mà, cô nói cho tôi biết đi Sarah."

"Có thể những vụ tấn công được những quân sư của nhóm lãnh đạo al-Qaeda cũ ở Pakistan dàn dựng," Sarah nói. "Nhưng theo tôi thì chúng ta đang đối đầu với một mạng lưới hoàn toàn mới."

"Do ai lãnh đạo?"

"Một người với uy tín của Bin Laden, một người có thể tuyển mộ những chiến sĩ cho chính mình tại châu Âu và liên lạc với những

nhóm khủng bố khác.”

“Cô có nghĩ đến ai không?”

“Chỉ có một,” Sarah nói. “Rashid al-Husseini.”

“Tại sao lại là Paris?”

“Vì lệnh cấm che mạng trên mặt.”

“Vậy còn Copenhagen?”

“Họ còn đang sôi sục vì những tranh biếm họa.”

“Còn London?”

“London là mục tiêu dễ đạt được. London có thể bị tấn công bất cứ lúc nào.”

“Không tồi đối với một người trước đây phụ trách bảo tàng Phillips Collection.”

“Tôi là một nhà sử học về Nghệ thuật, Gabriel. Tôi biết làm thế nào nối các điểm lại với nhau. Tôi còn có thể liên kết thêm nếu ông thích.”

“Cô làm ơn thực hiện đi.”

“Sự hiện diện của ông ở London đồng nghĩa với những lời đồn là thật.”

“Lời đồn nào?”

“Lời đồn về Rashid được Cơ quan Tình báo thuê sau ngày 11/9. Lời đồn về một ý tưởng hay nhưng đã trở nên xấu đi. Adrian đặt lòng tin vào Rashid, và hắn đã trả lại bằng cách xây dựng một mạng lưới ngay trước mũi ông ta. Giờ thì tôi nghĩ rằng Adrian muốn ông giải quyết vấn đề giùm ông ta – dĩ nhiên là ngầm bên trong.”

“Còn cách nào khác không?”

“Không, đối với vấn đề mà ông quan tâm,” Sarah nói. “Những việc này có liên quan gì đến tôi?”

“Adrian cần một người giám sát tôi. Hiển nhiên cô là ứng viên được chọn.” Gabriel do dự, rồi nói, “nhưng nếu cô thấy quá bất tiện cho cô…”

“Vì Mikhail?”

“Rất có thể cô lại làm việc cùng với anh ấy. Tôi không muốn tình cảm cá nhân xen vào làm ảnh hưởng đến công việc trôi chảy của nhóm.”

“Có bao giờ nhóm của ông làm việc trôi chảy đâu? Các ông là người Do Thái, các ông tranh đấu với nhau liên miên.”

“Nhưng tôi đã không bao giờ cho phép tình cảm cá nhân ảnh hưởng đến quyết định khi hành động.”

“Tôi là người chuyên nghiệp,” Sarah nói. “Dựa vào câu chuyện trong quá khứ, chúng tôi không nghĩ là mình cần nhắc nhở ông về điều đó.”

“Đừng.”

“Khi nào thì mình bắt đầu?”

“Chúng ta cần biết về Rashid hơn một chút nữa.”

“Chúng ta sẽ làm cách nào?”

“Qua hồ sơ của Cơ quan Tình báo.”

“Nhưng chúng là những hồ sơ chứa đựng những điều láo khoét.”

“Đúng vậy,” Gabriel nói. “Nhưng những lời nói láo này giống như những lớp sơn trên một bức tranh. Gỡ bỏ chúng đi. Chúng ta có thể nhìn thẳng vào sự thật.”

“Chưa ai nói như vậy ở Langley.”

“Tôi biết,” Gabriel nói. “Nếu họ làm được vậy thì tôi vẫn còn ở Cornwall và làm việc trên bức tranh Titian.”

15

GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.

Sáng hôm sau, Gabriel và Sarah dọn đến căn nhà ở đường N lúc 9 giờ. Một giờ sau, đợt hồ sơ đầu tiên được chở đến – sáu thùng bằng thép không gỉ, tất cả đều khóa bằng số. Không hiểu vì lý do gì, Carter chỉ giao phó mật mã khóa cho Sarah. "Điều lệ là điều lệ," ông ta nói, "và điều lệ của Cơ quan Tình báo là sĩ quan tình báo nước ngoài không bao giờ được giao phó mật mã của thùng chứa hồ sơ." Khi Gabriel nhấn mạnh rằng ông ta có quyền xem một số vấn đề cá nhân bẩn thỉu nhất của Cơ quan, Carter đã không nhượng bộ. Căn bản thì Sarah cất giữ tài liệu. Việc ghi chép phải được hạn chế và không được sao tài liệu. Chính tay Carter tháo gỡ máy fax và yêu cầu Gabriel đưa điện thoại di động của ông, nhưng Gabriel đã lịch sự từ chối. Văn phòng đã cung cấp điện thoại cho Gabriel và có những chức năng mà điện thoại bán trên thị trường không có. Như thực tế chiều hôm qua. Gabriel đã dùng nó để rà soát căn nhà tìm máy nghe lén. Ông đã tìm được bốn máy. Hiển nhiên là chỉ có sự hợp tác giữa Liên Cục Tình báo mới đi quá xa như vậy.

Những hồ sơ ban đầu gửi đến tập trung vào thời gian Rashid ở Mỹ trước 11/9 cùng những mối liên lạc bất chính và tình cờ của hắn với chính âm mưu tấn công. Phần lớn tài liệu được FBI, đối thủ không mấy quyến rũ của Langley, tạo ra. Những tài liệu này đã được chia sẻ trong thời gian ngắn, theo lệnh của tổng thống, khi mà hai

cơ quan xem như phải hợp tác với nhau. Tài liệu này cho thấy khi Rashid al-Husseini xuất hiện trên ra-đa của Cơ quan Tình báo trong tuần lễ hắn đến San Diego và là mục tiêu theo dõi có vẻ như không được chú ý lắm. Tài liệu chứa đựng bản chép ra từ cuộc nghe lén điện thoại được tòa án chấp nhận cùng những bức ảnh của đội theo dõi đối tượng trong thời gian ngắn Rashid ở San Diego và Washington khi họ có thời gian và nhân lực để theo dõi hắn. Ngoài ra còn có một bản sao của bản đánh giá phân loại liên ngành đã chính thức xác nhận rằng Rashid không giữ một vai trò nào trong âm mưu 11/9. Gabriel nghĩ đúng là Rashid đóng vai một giáo sĩ vô cùng ngây thơ, quá xuất sắc không thể hơn được nữa. Gabriel tin rằng một người sẽ quen thuộc với môi trường anh ta sống, và Gabriel đã có mối liên hệ với mạng lưới khủng bố khá lâu để có thể nhận ra một nghi can khi ông nhìn thấy hắn. Gần như chắc chắn Rashid al-Husseini là một người đưa tin hoặc một đầu mối thông tin. Ít nhất thì hắn là một cảm tình viên. Và, theo Gabriel thì cơ quan tình báo không thể thu nhận một cảm tình viên và trả lương như những nhân viên có uy tín. Họ phải được canh chừng và nếu cần thì đối xử một cách hà khắc.

Đợt tài liệu tiếp theo chứa những bản ghi chép và những băng ghi âm lại cuộc thẩm vấn Rashid của CIA, sau đó không bao lâu là mảnh vụn của chiến dịch bất hạnh trong đó hắn đã giữ vai trò của nhân vật chính. Tài liệu đã kết luận bằng một báo cáo rút kinh nghiệm biểu lộ sự thất vọng qua sự cố này sau những ngày mà Rashid đào tẩu ở Mecca. Bản báo cáo cho thấy chiến dịch đã được hình thành một cách kém cỏi từ ban đầu. Carter là người bị khiển trách nhiều nhất do sai sót trong sự quan sát lỏng lẻo của ông. Kèm theo tài liệu là bản tự đánh giá của chính Carter, tự phê bình rất gay

gắt. Tiên đoán sẽ có phản ứng, Carter đã đề nghị xem xét lại toàn bộ những mối liên lạc của Rashid ở Mỹ và châu Âu. Giám đốc của Carter đã bác bỏ lời đề nghị này, ông ta nói rằng lực lượng của cơ quan đã bị xé ra quá mỏng để đuổi theo những cái bóng. Rashid cũng đã quay về Yemen, nơi hắn thuộc về. Như vậy là rảnh nợ.

"Cơ quan Tình báo đã có những giờ phút khó khăn," Sarah nói trong lúc giải lao vào chiều tối. "Chúng ta đã quá điên rồ khi sử dụng hắn."

"Họ đã bắt đầu bằng một phỏng đoán chính xác về sự xấu xa của Rashid, nhưng trong quá trình làm việc đã bị hắn mê hoặc. Cũng dễ hiểu thôi vì Rashid tỏ ra rất thuyết phục."

"Gần như ông."

"Nhưng tôi không gửi những người tôi tuyển mộ đến những đường phố đông đúc để thực hiện những vụ ám sát bừa bãi."

"Không," Sarah nói, "ông đưa họ vào những chiến trường mật để tiêu diệt kẻ thù của ông."

"Những điều đó không có vẻ gì là thánh thiện cả. Tôi đối xử với họ không đến nỗi thô bạo như cô nói."

"Đúng vậy. Tin tôi đi, tôi biết mà." Mệt mỏi, Sarah nhìn chồng hồ sơ. "Chúng ta còn một núi tài liệu để xem, giờ chỉ mới là bắt đầu. Cửa sắp mở ra để nhận thêm tài liệu."

"Cô đừng lo," Gabriel mỉm cười, nói. "Những người viện trợ đang trên đường đến."

Chiều hôm sau họ đến sân bay Dulles, với những tên và hộ chiếu giả. Họ không bị phạt mà ngược lại, còn được một đội nhân viên của cơ quan dẫn nhanh qua cửa hải quan và đưa vào một đoàn xe bọc thép Escalade đến Washington. Theo chỉ thị của Adrian Carter, những chiếc Escalade rời sân bay Dulles cách nhau mười lăm phút. Kết quả là nhóm đặc vụ được nói tới nhiều nhất trong thế giới gián điệp, dọn đến ở một ngôi nhà trên đường N tối hôm đó, mà những người cư ngụ trong vùng không ai hay.

Chiara là người đến đầu tiên, sau đó là một chuyên gia về khủng bố của Văn phòng tên là Dina Sarid. Nhỏ con và tóc nâu, Dina quá biết nỗi kinh hoàng của sự bạo tàn từ nhóm cực đoan. Vào ngày 09/10/1994, cô đã đứng ở đường Dizengoff – Tel Aviv, khi một tên cảm tử của Hamas cho nổ bom và đã biến chiếc xe buýt số 5 thành quan tài của hai mươi mốt người. Mẹ và hai người chị cô trong số thương vong, Dina bị thương nặng và đến nay vẫn còn đi hơi khập khiễng. Khi hồi phục, Dina đã thề rằng sẽ tiêu diệt bọn khủng bố không bằng sức mạnh mà bằng trí óc. Dina như một kho dữ liệu sống, cô có thể đọc giờ, nơi chốn, thủ phạm và số thương vong của mỗi một vụ khủng bố ở Israel và những mục tiêu ở châu Âu. Đã có lần Dina nói với Gabriel là cô biết về khủng bố hơn là chính bọn chúng. Và Gabriel tin Dina.

Người kế tiếp là Eli Lavon, một người đàn ông cuối thời trung niên. Nhỏ người và quần áo xộc xệch, mái tóc muối tiêu và mắt tinh ranh màu nâu, Lavon được xem như một người theo dõi tinh tế nhất mà Văn phòng đã từng có. Được thiên phú cho một khả năng ẩn danh tự nhiên, Lavon nhìn như một kẻ bị đời chà đạp. Trên thực tế, Lavon là một dã thú có thể theo dõi một sĩ quan tình báo được huấn luyện ở trình độ cao hoặc một tên khủng bố cứng cỏi qua bất cứ con

phố nào trên thế giới mà không gây một thoáng chú ý nào. Cũng giống như Gabriel, quan hệ giữa Lavon với Văn phòng rất mong manh. Lavon vẫn thuyết giảng ở Viện Hàn lâm – chưa một người nào được Văn phòng tuyển lại được gửi vào trận chiến mà không trải qua một vài giờ với Lavon – nhưng gần đây, địa chỉ làm việc đầu tiên của Lavon là đại học Do Thái ở Jerusalem, nơi Lavon dạy khảo cổ học. Nhưng với vài miếng đồ gốm bể, Eli Lavon có thể giải mã những bí mật tối tăm nhất của một ngôi làng thời đại đồ đồng. Và chỉ vài đầu mối tình báo liên quan, Lavon có thể lần ra một mạng lưới khủng bố.

Người xuất hiện tiếp là Yaakov Rossman, một cựu chiến binh mặt rỗ chuyên cung cấp điệp viên kỳ cựu, theo sau là hai nhân viên tình báo Oded và Mordecai. Kế đến là Rimona Stern, trước đây là một sĩ quan tình báo quân đội, giờ giải quyết những vấn đề liên quan đến chương trình vô hiệu hóa hạt nhân của Iran. Là một phụ nữ đầy đặn và gợi cảm với mái tóc màu đá sa thạch, Rimona cũng là cháu gái của Shamron. Gabriel biết cô ta từ khi còn bé – dĩ nhiên, ký ức triu mến nhất của Gabriel về Rimona là một cô gái gan dạ ngồi trên chiếc xe trượt đồ chơi của trẻ con, di chuyển không kiểm soát lao xuống lối mòn dốc vào căn nhà nổi tiếng của chú Rimona. Một lần ngã xe nặng đã để lại vết sẹo mờ bên phía đùi trái đẫy đà của cô. Gabriel đã băng bó cấp cứu cho Rimona và Chiara đã lau khô nước mắt cho cô. Shamron đã quá bối rối để có thể giúp cho cô cháu gái của mình, thành viên duy nhất của gia đình sống sót trong vụ thiêu sống, và ông không thể chịu đựng nổi khi nhìn những người thân yêu của mình phải chịu đau đớn.

Đến sau Rimona vài phút là Yossi Gavish. Dáng cao, đầu hói, mặc một quần nhung và áo vải tweed, Yossi từng là sĩ quan cao cấp phụ

trách về Nghiên cứu, tên mà Văn phòng đặt cho phòng phân tích. Sinh ra ở London, Yossi học ngôn ngữ và văn học cổ Hy La tại All Souls, nói tiếng Do Thái với phát âm bằng giọng Anh. Yossi cũng có học một ít diễn xuất – vai Iago vẫn còn được nhắc đến với nhiều cảm tình của giới phê bình ở Stratford – và ngoài ra, Yossi còn là người chơi cello có năng khiếu. Gabriel chưa khai thác năng khiếu âm nhạc của Yossi, nhưng khả năng đóng kịch của Yossi thì đã hơn một lần cho thấy rất có ích khi hữu sự. Như trong khi ở một quán cà phê tại bờ biển St. Barts, những cô hầu bàn cứ mơ mộng về một Yossi thì tại một khách sạn ở Geneva, một nhân viên đã tự thề sẽ bắn gã Yossi ngay lập tức nếu gặp mặt.

Như thường lệ, Mikhail Abramov là người đến sau cùng. Cao lêu nghêu và tóc sáng màu, mặt xương và mắt màu xanh rất đẹp của tảng băng ở Bắc Cực, Mikhail đã di dân từ Nga sang Israel khi còn là một thanh niên. Anh ta đã gia nhập Sayeret Matkal, đội ưu tú cho những chiến dịch đặc biệt của Lực lượng Phòng vệ Israel. Gabriel mô tả anh ta là "Gabriel không có lương tâm" vì cá nhân Mikhail đã ám sát nhiều tay khủng bố sừng sỏ từ Hamas đến nhóm Hồi giáo Jihad Palestine. Khiêng hai thùng nặng đầy thiết bị điện tử, Mikhail chào Sarah bằng một nụ hôn rất lạnh nhạt. Eli Lavon sau này mô tả nụ hôn này như vòng ôm băng giá nhất kể từ khi Shamron đã phải nỗ lực bắt tay Yasser Arafat trong ngày thanh bình hạnh phúc của buổi diễu hành suy tôn hòa bình.

Đội của Gabriel mang mã Barak, tiếng Do Thái nghĩa là tiếng sét. Chín người đàn ông và phụ nữ trong đội có nhiều tính cách và thói quen khác nhau. Những khác biệt phong cách cá nhân này dẫn đến những cuộc tranh cãi ầm ĩ như trẻ con về nhiệm vụ được giao. Một trong những thói quen là bữa cơm thịnh soạn do Chiara làm trong

đêm đầu tiên. Một bữa ăn như vậy tại đường N gây nhiều cảm xúc nhất vì không bao giờ tưởng tượng có thể xảy ra. Giống như mọi người ở Đại lộ King Saul, cả đội đều nghĩ rằng chiến dịch chống lại chương trình hạt nhân ở Iran là nhiệm vụ cuối cùng của Gabriel. Họ được người sếp trên danh nghĩa Uzi Navot, người không hoàn toàn bực mình, và Shamron đang lo lắng, thông báo sự việc. "Tôi không còn lựa chọn nào khác là để anh ta đi." Shamron nói sau cuộc chạm trán huyền thoại với Gabriel ở vách đá Cornwall. "Lần này là thật."

Sẽ là thật nếu Gabriel không bắt gặp tại chỗ Farid Khan, đang đi dọc theo đường Wellington, với một trái bom bên dưới áo khoác. Những người đàn ông, đàn bà ngồi tụ tập quanh bàn ăn hiểu rằng số thương vong tại Covent Garden đã tác động lên Gabriel như thế nào. Nhiều năm trước đây, ở một cuộc sống khác, dưới một tên khác, Gabriel đã thất bại khi ngăn cản một vụ đánh bom ở Vienna, và thất bại này đã thay đổi cuộc sống của ông. Lúc đó trái bom không được giấu bên dưới áo khoác một *shahid** mà dưới gầm xe của Gabriel. Những nạn nhân vụ nổ bom không phải là những người lạ, mà là Leah, vợ ông và Dani, đứa con trai độc nhất của Gabriel. Leah hiện đang sống trong bệnh viện tâm thần trên núi Herzl ở Jerusalem, giam cầm trong ngục tù ký ức với thân thể bị tàn phá vì bỏng. Leah chỉ có một cảm tưởng mơ hồ là Dani được chôn cất không xa chỗ ở của mình, trên núi Olives.

Tối đó, những người trong đội không nhắc đến Leah và Dani, và họ cũng không dừng lại ở những chuỗi sự kiện đã dẫn Gabriel đến chỗ làm nhân chứng vô tình cho việc tử đạo của Farid Khan. Thay vào đó, họ trò chuyện về bạn bè, gia đình, sách mà họ đã đọc, phim mà họ đã xem, và về những thay đổi đáng kể đang tràn vào thế giới Ả Rập. Ở Ai Cập, cuối cùng chế độ quân chủ đã sụp đổ và làm dấy

động một làn sóng phản đối đe dọa lật đổ triều đại vua chúa và các nhà độc tài thế tục đã cai trị từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đề tài nóng bỏng được tranh cãi tại Văn phòng và tại bàn ăn tối nay là những thay đổi này có đem lại nhiều an toàn cho Israel hoặc đặt nó vào một mối nguy hiểm lớn hơn. Với bản chất lạc quan tự nhiên, Yossi tin rằng người Ả Rập, nếu được cho quyền tự trị, sẽ từ chối liên kết với những ai muốn chiến tranh với Israel. Yaakov, người đã qua nhiều năm làm gián điệp chống lại chính quyền thù địch Ả Rập, xem Yossi là một kẻ ảo tưởng, và đó cũng gần như là ý kiến của những người trong bàn. Riêng Dina từ chối không đưa ra một nhận xét nào, vì cô còn bận suy nghĩ tập trung vào chồng hồ sơ để trên bàn phòng khách. Đầu óc Dina là một cái đồng hồ điểm giờ và Dina tin rằng mỗi giây phút lãng phí là một giây phút cho bọn khủng bố mưu toan và lập kế hoạch, chồng hồ sơ cần xem xét là một hứa hẹn cho những mạng sống được cứu rỗi. Chúng là những tài liệu thiêng liêng chứa đựng những bí mật mà chỉ có cô mới giải mã được.

Gần đến khuya bữa ăn mới kết thúc. Và rồi lại cãi nhau xem ai sẽ là người dọn bàn, rửa chén và lau khô. Lảng ra chỗ khác và để Dina làm quen với hồ sơ, Gabriel đưa Chiara lên phòng. Căn phòng ở tầng ba nhìn ra khu vườn phía sau nhà. Xa xa ngọn đèn đỏ của hệ thống cảnh báo không lưu nhấp nháy trên đỉnh ngọn tháp của đại học Georgetown như nhắc nhở đến điểm yếu của thành phố đối với khủng bố trên không.

"Em nghĩ có những chỗ tệ hơn để ở vài ngày," Chiara nói. "Anh đã sắp xếp cho Mikhail và Sarah ra sao?"

"Cách xa nhau nhất có thể."

"Chiến dịch này có cơ may nào đưa họ quay lại với nhau không?"

“Giống như thế giới Ả Rập bỗng nhiên nhìn nhận sự tồn tại của chúng ta vậy đó.”

“Tệ thế sao?”

“Anh e rằng như vậy.” Gabriel nâng túi xách của Chiara và để ở cuối chân giường. Chiếc túi thụng xuống vì nặng. “Em để gì trong này vậy?”

“Gilah gửi cho anh một ít đồ.”

“Đá à?”

“Thức ăn,” Chiara nói. “Anh biết Gilah rồi, bà ấy nghĩ anh gầy quá.”

“Bà ấy sao rồi?”

“Giờ khi mà Ari không ở nhà nhiều, bà ta có vẻ ổn hơn.”

“Cuối cùng thì ông ta có đăng ký học lớp làm đồ gốm mà ông ấy luôn muốn học không?”

“Ông ta quay lại Đại lộ King Saul rồi.”

“Ông ta làm gì ở đó?”

“Uzi nghĩ ông ta cần làm một điều gì để tránh ngồi không, nên ông ta tự biến mình thành điều phối viên trong chiến dịch của anh. Ông ta muốn điều đầu tiên anh làm vào sáng mai là gọi cho ông ta.” Chiara hôn lên má Gabriel và mỉm cười. “Mừng anh về nhà anh yêu.”

16

GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.

Có một chân lý hiển nhiên về mạng lưới khủng bố: việc sắp xếp lại những mảnh ghép vào vị trí không khó như người ta nghĩ. Nhưng một khi tên đầu sỏ bóp cò và thực hiện cuộc tấn công đầu tiên thì yếu tố gây ngạc nhiên không còn nữa và mạng lưới khủng bố hiện nguyên hình của nó. Trong những năm đầu tiên của cuộc chiến chống khủng bố – khi nhóm Tháng Chín Đen của Palestine và tên khủng bố Carlos Chó rừng chạy lung tung trong trạng thái điên loạn, với sự hỗ trợ của những nhóm cánh tả châu Âu ngu ngốc như nhóm Baader-Meinhof và nhóm Lữ đoàn Đỏ – những nhân viên tình báo đã sử dụng câu dây nghe lén điện thoại, giám sát vật lý và những công việc theo kiểu xưa cũ của những thám tử để nhận dạng một thành viên của tổ chức. Giờ đây, với sự phát triển của Internet và thông tin liên lạc toàn cầu bằng vệ tinh, diễn biến của chiến trường đã thay đổi. Qua Internet quân khủng bố đã có một công cụ mạnh để tổ chức, truyền cảm hứng và liên lạc, nhưng cùng lúc Internet đã cung cấp cho cơ quan tình báo những phương tiện theo dõi từng cử động của khủng bố. Không gian mạng giống như một khu rừng mùa đông. Quân khủng bố có thể trốn một thời gian trên Internet, nảy sinh những âm mưu và tổ chức lực lượng, nhưng chúng cũng không thể vào và ra mà không để lại dấu vết trên tuyết. Theo dõi những dấu vết trong một khu rừng ảo, một nơi tăm tối và

rắc rối, lang thang vô định và không mục đích trong khi những người vô tội chết là một thử thách đối với những sĩ quan chống khủng bố khi phải tìm và theo dõi những dấu vết đúng.

Gabriel và đội của ông thận trọng bước chân vào thế giới tăm tối đó sáng hôm sau, khi cơ quan tình báo Anh, bằng một thỏa thuận chính thức, chia sẻ với Mỹ, người họ hàng của họ, kết quả đầu tiên của cuộc thẩm vấn về vụ đánh bom ở Covent Garden. Kèm trong tài liệu là nội dung giao dịch của Farid Khan trong máy tính ở nhà và nơi làm việc, bản in của từng số điện thoại gọi từ di động của hắn và một danh sách của những nhân vật Hồi giáo cực đoan nổi tiếng mà hắn đã gặp khi còn là thành viên của Hizb ut-Tahrir và al-Muhajiroun. Còn có cả một bản sao cuốn băng thu lại cảnh tự sát, và nhiều tấm hình thu được từ camera quan sát trong những tháng cuối cùng của cuộc đời Farid. Trong tấm hình cuối cùng, Farid đứng ở Covent Garden, tay giơ trên đầu, một đốm lửa phun ra từ thắt lưng đầy thuốc nổ. Cách đó chừng một mét, nằm trên mặt đất, được hai người đàn ông bảo vệ, là Gabriel. Khi tấm hình được phóng to, có thể trông thấy bóng một khẩu súng trong tay trái Gabriel.

Carter đã phát tài liệu cho CTC ở Langley và NSA ở Fort Meade, Maryland. Và không để cả hai cơ quan biết, Carter đã gửi một bản sao mỏng đến ngôi nhà đường N. Ngày hôm sau, ông ta gửi một gói rất tương tự từ Copenhagen, nhưng hết trọn một tuần trước khi ông xuất hiện cùng với tài liệu ở Paris. "Người Pháp vẫn chưa nghĩ rằng chúng ta đều ở trong vụ này," Carter nói. "Họ nhìn cuộc tấn công như một thất bại trong hệ thống tình báo của họ, có nghĩa rằng anh có thể chắc chắn là chúng ta chỉ biết một phần của câu chuyện."

Gabriel và đội xem xét tài liệu nhanh nhất có thể, nhưng với sự kiên nhẫn và chú tâm đến chi tiết được yêu cầu trong một công việc

cần nhiều nỗ lực như vậy. Theo bản năng, Gabriel bảo họ tiếp cận với đống tài liệu như một bức tranh to lớn đã bị tổn thất trên phạm vi rộng. "Đừng đứng ra xa và cố gắng nhìn tất cả ngay tức thì," ông cảnh báo. "Điều này chỉ làm bối rối thêm. Hãy làm theo cách của mình, từ ngoài vào, một cách chậm rãi. Hãy chú ý đến những chi tiết nhỏ – một bàn tay, mắt, đường viền của quần áo, một sợi chỉ nhỏ len qua mỗi cuộc tấn công. Lúc đầu các bạn sẽ không thể nhìn thấy ngay, nhưng tôi hứa với các bạn, nó ở trong chồng tài liệu này."

Với sự trợ giúp của NSA và đội khai phá dữ liệu của Chính phủ làm việc ở những văn phòng vô danh quanh vành đai Capital Beltway, đội của Gabriel đã đào sâu bộ nhớ của máy tính lớn và những máy chủ phân tán trên thế giới. Số điện thoại này dẫn đến số điện thoại kia, địa chỉ e-mail này dẫn đến địa chỉ e-mail kia. Họ đọc hàng ngàn tin nhắn bằng hàng tá ngôn ngữ khác nhau. Lùng sục những lịch sử duyệt web để xem cấu trúc dữ liệu mô tả cách thức, đối tượng thực hiện, chứng cứ bằng hình ảnh của mục tiêu, tìm tòi trong lịch sử duyệt web những ham muốn thầm kín và đam mê bị cấm kỵ.

Dần dần, đường nét không rõ rệt của một mạng lưới khủng bố bắt đầu có hình thù. Mạng lưới được phân tán và mù mờ – chỗ này là tên một gián điệp tiềm năng ở Lyon; chỗ kia là một địa chỉ nơi có khả năng an toàn tại Malmö; một chỗ khác là số điện thoại ở Karachi, và còn chỗ kia là một trang web có nguồn gốc không rõ ràng để có thể tải những video của những vụ đánh bom và xử trảm, hình ảnh khiêu dâm của thế giới Thánh chiến. Cơ quan tình báo phương Tây, nghĩ rằng đang làm việc với CIA, đã tỏ thiện chí và vui vẻ gửi tài liệu mà đáng lý ra họ phải giữ lại, và cảnh sát ngầm của thế giới Hồi giáo cũng vậy. Chẳng bao lâu, bức tường của phòng vẽ

đã được phủ đầy bởi ma trận nhức óc của giới tình báo. Eli Lavon so sánh hình ảnh này giống như nhìn lên bầu trời mà không cần sự trợ giúp của biểu đồ tinh tú. Eli nói thật dễ chịu, nhưng không hữu ích lắm khi mạng sống của nhiều người đang bị đe dọa. Bên ngoài có một nguyên lý ngăn nắp, một bàn tay dẫn dắt của khủng bố. Rashid, giáo sĩ có uy tín, đã gầy dựng một mạng lưới bằng miệng lưỡi hùng hồn và quyến rũ của mình, nhưng một kẻ khác đã châm mồi để thực hiện ba vụ nổ bom trên ba thành phố châu Âu, mỗi vụ ở một thời khắc chính xác. Kẻ đó không phải là nghiệp dư. Hắn là bậc thầy chuyên nghiệp trong giới khủng bố.

Gọi được tên và đối mặt với con quái vật này là nỗi ám ảnh của Dina. Sarah, Chiara và Eli Lavon làm việc không mệt mỏi bên cạnh Dina trong khi Gabriel giữ vai trò người chạy việc và đưa tin. Hai lần một ngày, Dina đưa cho ông danh sách những câu hỏi cần trả lời gấp. Thỉnh thoảng, Gabriel đến tòa đại sứ Israel ở xa phía tây bắc Washington và chuyển cho Shamron qua một đường liên kết an toàn. Vào những thời điểm khác, ông sẽ đưa cho Adrian Carter, và ông ta sẽ đi hành hương đến Fort Meade và nói chuyện riêng với đội khai phá dữ liệu. Vào tối ngày lễ Tạ ơn, trong không khí dòng người tràn xuống đường ở Georgetown, Carter mời Gabriel đến một quán cà phê ở đường số 35 để giao một gói tài liệu dày cộm.

"Dina làm đến đâu rồi?" vừa hỏi Carter vừa cạy nắp của tách cà phê Mỹ mà ông không có ý định uống.

"Ngay cả tôi cũng không biết," Gabriel trả lời. "Cô ta có cách của mình. Tôi chỉ cố không cản trở công việc của cô ấy."

"Anh biết đó, cô ta đánh bại chúng ta. Cơ quan Tình báo Mỹ có hai trăm nhân viên phân tích đang cố bẻ khóa vụ này và họ bị đánh bại chỉ bởi một phụ nữ."

"Bởi lẽ cô ta biết chính xác chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng ta không tiêu diệt chúng. Và cô ta có vẻ không cần ngủ."

"Cô ta có một giả thuyết nào về thủ phạm không?"

"Cô ta cảm thấy dường như mình biết hắn."

"Vấn đề cá nhân à?"

"Đối với Dina, luôn luôn là vấn đề cá nhân, Adrian à. Đó là lý do tại sao cô ta lại giỏi như vậy trong công việc."

Dù Gabriel không muốn thừa nhận, nhưng vụ này, đối với ông đã trở thành vấn đề cá nhân. Thực vậy, khi Gabriel không ở tòa đại sứ hoặc gặp gỡ Carter, ông thường ở "Rashidistan", từ mà đội dùng khi đề cập đến thư viện chật hẹp tại căn nhà đường N. Bốn bức tường đầy hình ảnh của giáo sĩ ăn ảnh trên ti vi. Được sắp xếp theo thứ tự xảy ra, họ thiết lập biểu đồ của sự vươn lên không thể tin được của hắn, từ một kẻ truyền giáo địa phương tồi tàn ở San Diego thành một nhà lãnh đạo của mạng lưới khủng bố Thánh chiến. Bề ngoài của hắn có thay đổi chút ít trong thời gian này – cũng hàm râu thưa, cặp kính của một con mọt sách, cặp mắt nâu biểu lộ sự nhân từ. Hắn không giống một kẻ có khả năng sát nhân tập thể, hoặc ngay cả không giống một kẻ có cảm hứng để thực hiện việc ám sát. Gabriel không mấy ngạc nhiên; ông đã từng bị những kẻ có bàn tay tu sĩ tra tấn và có lần giết một bậc thầy khủng bố Palestine có gương mặt trẻ con. Ngay cả bây giờ, sau hơn hai mươi năm, Gabriel vẫn đấu tranh để hòa giải sự ngọt ngào của một gương mặt vô hồn với nỗi chấn động sâu sắc vì bàn tay vấy máu của ông.

Vũ khí lợi hại nhất của Rashid không phải là cái bề ngoài tầm thường của hắn mà là giọng nói của hắn. Gabriel đã nghe những bài giảng của Rashid, cả bằng tiếng Ả Rập, cả bằng ngôn ngữ giao tiếp

tiếng Anh Mỹ của hắn, và ông cũng nghe nhiều cuộc phỏng vấn sâu sắc của hắn với giới báo chí sau ngày 11/9. Chủ yếu là Gabriel nghe lại những đoạn ghi âm cách đấu trí của Rashid khi CIA thẩm vấn hắn. Một phần Rashid là thi sĩ, một phần là nhà truyền giáo, một phần là giáo sư của thánh chiến. Hắn khuyến cáo người Mỹ rằng dân số dứt khoát nghiêng về phía kẻ thù của họ, rằng thế giới Hồi giáo là một thế giới trẻ, đang lớn dần, sôi sục nỗi tức giận và nhục nhã. "Trừ phi một điều gì đó được thực hiện để làm thay đổi phương trình, các bạn thân mến, cả một thế hệ sẽ bị mất dưới tay thánh chiến." Điều mà Mỹ cần là một cầu nối với thế giới Hồi giáo – và Rashid al-Husseini là chiếc cầu nối đó.

Mệt mỏi vì sự hiện diện ngấm ngầm của Rashid, phần còn lại của đội yêu cầu Gabriel đóng chặt cửa của thư viện khi ông nghe băng thu âm. Nhưng trong đêm khuya, khi phần đông đội đã đi ngủ, ông không nghe lời họ, chỉ để giải thoát khỏi cảm giác lo sợ khi bị tù túng bởi giọng nói của Rashid. Gabriel luôn thấy Dina nhìn chăm chú vào những mảnh ghép xếp trên tường của phòng vẽ. Gabriel sẽ nói "Đi ngủ đi Dina," và Dina sẽ trả lời, "Tôi sẽ đi ngủ khi ông đi."

Vào ngày thứ Sáu đầu tiên của tháng Mười hai, khi tuyết phủ trắng xóa những đường phố của Georgetown, Gabriel nghe lại cuộc phỏng vấn cuối cùng của Rashid với những người huấn luyện hắn tại Cơ quan Tình báo. Đó là cuộc phỏng vấn đêm trước ngày đào tẩu của hắn. Rashid có vẻ phấn khích hơn bình thường và có vẻ hơi bực mình. Cuối cuộc phỏng vấn, hắn nói tên một thầy tế ở Oslo cho người phụ trách vấn đề. Theo Rashid thì thầy tế này đang quyên góp tiền cho quân kháng chiến ở Iraq. "Họ không phải là quân kháng chiến, họ là quân khủng bố," nhân viên CIA nói rõ ràng. "Thứ

lỗi cho tôi, Bill," Rashid sử dụng biệt hiệu của người nhân viên CIA khi trả lời, "nhưng đôi khi tôi khó nhớ là tôi đang ở bên phe nào."

Gabriel tắt máy tính và đi vào phòng vẽ. Im lặng, Dina đứng trước ma trận, chà lên chân, cái chân luôn làm cô đau khi cô mệt.

"Đi ngủ đi Dina," Gabriel nói.

"Tối nay thì không," cô trả lời.

"Cô đã tìm ra hắn rồi?"

"Tôi nghĩ vậy."

"Là ai?"

"Malik," Dina nhẹ nhàng nói. "Và cầu xin Chúa thương xót tất cả chúng ta."

17

GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.

Qua hai giờ sáng một vài phút, một thời gian khủng khiếp, như câu nói nổi tiếng của Shamron, khi những âm mưu lỗi lạc ít khi nào để lại dấu vết. Gabriel đề nghị chờ đến sáng mai, nhưng sự nôn nóng của Dina quá lớn để có thể chờ. Đích thân Dina đánh thức đội và bồn chồn đếm từng bước trong phòng vẽ trong khi chờ pha cà phê. Cuối cùng, Dina nói bằng giọng khẩn trương nhưng kính cẩn. Malik, bậc thầy của khủng bố đáng được nể phục.

Bắt đầu báo cáo của mình, Dina nhắc nhở đội về dòng dõi của Zubair Malik – dòng dõi mà chỉ có thể đưa đến một kết quả. Hậu duệ của bộ lạc al-Zubair – một gia đình pha lẫn giữa Palestine và Syria đến từ làng Abu Ghosh, cận tây Jerusalem – Malik được sinh ra trong trại tị nạn Zarqa, Jordan. Zarqa là một nơi khốn khổ, với những tiêu chuẩn tồi tệ và là mảnh đất nuôi dưỡng quân Hồi giáo cực đoan. Là một thanh niên thông minh nhưng vô định, Malik trải qua phần nhiều thời gian tại đền thờ Hồi giáo al-Falah. Chính nơi này, hắn bị mê hoặc bởi sự kích động của một thầy tế thuộc nhóm Salafi, người giới thiệu Malik vào phong trào Kháng chiến Hồi giáo, được biết rộng rãi dưới tên Hamas. Malik gia nhập nhóm Lữ đoàn Izzaddin al-Qassam và học về những kỹ thuật của khủng bố với những người hành động cực kỳ có hiệu quả trong nghề. Được sinh ra để làm lãnh đạo và một nhà tổ chức nhiều khả năng, Malik lên

cấp rất nhanh và vì sự bắt đầu lớn mạnh của phong trào Intifada Thứ hai, Malik trở thành bậc thầy về khủng bố. Trú ẩn an toàn ở trại Zarqa, hắn âm mưu một vài vụ tấn công đẫm máu nhất trong thời gian đó, trong đó có một vụ đánh bom cảm tử một hộp đêm ở Tel Aviv, giết chết ba mươi ba mạng người.

"Sau vụ tấn công này," Dina nói, "thủ tướng đã ký một sắc lệnh cho phép ám sát Malik. Malik trốn sâu trong trại Zarqa và ấp ủ một âm mưu lớn nhất – tấn công đột ngột bằng bom vào bức tường phương Tây. Rất may là chúng ta đã bắt giữ ba tên *shahid* trước khi chúng đạt được mục tiêu. Xem như đây là lần thất bại duy nhất của Malik."

Dina tiếp, mùa hè năm 2004, đối với Malik rõ ràng là cuộc xung đột giữa Israel và Palestine thuộc tầm cỡ nhỏ. Lấy cảm hứng từ 11/9, cải trang thành một người đàn bà, Malik ra khỏi trại và đến Amman để gặp nhà tuyển dụng al-Qaeda. Sau khi đọc bayat, lời tuyên thệ trung thành với Osama Bin Laden, Malik được đưa bí mật đến biên giới Syria. Sáu tuần sau, hắn vào Iraq.

"Malik tinh vi hơn những thành viên khác của nhóm al-Qaeda cũ," Dina nói. "Hắn dành nhiều năm để hoàn thiện kỹ thuật tiếp xúc với lực lượng khủng bố vượt trội nhất trên thế giới. Hắn không chỉ là chuyên gia chế tạo bom, mà hắn còn biết gài những *shahid* của hắn vào những nơi được canh chừng chặt chẽ nhất. Hắn được xem như là người vạch ra những cuộc nổi loạn hiệu quả cao nhất và những vụ tấn công gây nhiều ấn tượng. Thành quả sáng chói nhất của hắn là đợt đánh bom trong một ngày ở quận Shiite, Baghdad giết chết hơn hai trăm người."

Vụ tấn công cuối cùng của Malik tại Iraq là đền thờ Hồi giáo Shiite đã gây ra cái chết của năm mươi tín đồ. Từ đó, hắn trở thành mục

tiêu truy lùng lớn của Lực lượng đặc biệt 6-26, Bộ Tư lệnh Hoa Kỳ, đơn vị phụ trách những chiến dịch đặc biệt, và đơn vị tình báo. Mười ngày sau vụ nổ bom, lực lượng đặc biệt nhận được tin Malik trốn trong một ngôi nhà an toàn mười dặm phía bắc Baghdad, cùng với hai nhân vật cao cấp khác của al-Qaeda. Tối đó máy bay phản lực của lực lượng Mỹ F-16 tấn công ngôi nhà với hai quả bom định hướng bằng tia laser, nhưng khi tìm kiếm trong tòa nhà đổ nát, họ chỉ tìm thấy hai thi thể. Cả hai đều không phải của Malik al-Zubair.

"Rõ ràng là hắn đã lẻn ra khỏi căn nhà một vài phút trước khi bom rơi xuống." Dina nói. "Sau này, hắn nói với các đồng đội rằng Allah đã mách bảo hắn rời khỏi căn nhà. Sự cố này chỉ làm tăng thêm lòng tin của hắn vào việc Thượng Đế đã chọn hắn để làm việc lớn."

Và rồi Malik quyết định đã đến lúc nâng hoạt động lên tầm quốc tế. Hắn đã phát triển sự thích thú giết người Mỹ tại Iraq, giờ hắn muốn giết người Mỹ trên chính quê hương của họ, nên hắn đến Pakistan để xin thêm viện trợ và sự trợ giúp từ trụ sở al-Qaeda. Bin Laden đã chăm chú lắng nghe và đuổi hắn đi.

Dina nhanh chóng tiếp. "Thật ra, có thể nghĩ rằng Ayman al-Zawahiri là người đứng sau quyết định đuổi Malik đi tay không. Gã Ai Cập này còn ấp ủ nhiều âm mưu chống lại phương Tây và không muốn bị phương Tây đe dọa vì một tên Palestine mới nổi đến từ Zarqa."

"Cho nên Malik đến Yemen và đề nghị với Rashid?" Gabriel hỏi.

"Chính xác."

"Bằng chứng," Gabriel nói. "Bằng chứng đâu?"

“Tôi là một sĩ quan tình báo phụ trách phân tích.” Không cần biện giải, Dina tiếp. “Tôi ở vị thế ít khi nào có chứng cứ tuyệt đối. Cái tôi có thể nói với các bạn chỉ là phỏng đoán, dựa trên một số dữ kiện thích đáng.”

“Ví dụ như?”

“Damascus,” cô nói. “Vào mùa thu năm 2008, Văn phòng nhận được một tin từ một người đáng tin cậy ở Cơ quan Tình báo Syria cho biết rằng Malik đang trốn ở Syria. Hắn luôn di chuyển giữa những nhà an toàn của những thành viên trong gia tộc al-Zubair. Dưới sự hối thúc của Shamron, thủ tướng cho phép chúng tôi lên kế hoạch thủ tiêu Malik, việc lẽ ra phải thực hiện lâu rồi. Lúc đó Uzi vẫn còn là người điều hành những đặc vụ. Ông ta cử một nhóm đặc vụ đến Damascus – Mikhail Abramov là một thành viên trong đội đó,” Dina liếc nhìn Mikhail và nói tiếp rất nhanh. “Chỉ trong vài ngày, họ đã giám sát hoàn toàn được Malik.”

“Tiếp đi Dina.”

“Mikhail sẽ cho các bạn biết là Malik không dễ theo dõi. Hắn luôn thay đổi hình dáng bên ngoài của mình – tóc, kính, mũ, quần áo, ngay cả cách đi đứng – nhưng nhóm đặc vụ vẫn bám sát được hắn. Vào tối ngày 23 tháng Mười, họ thấy Malik vào một căn hộ của một người đàn ông có tên là Kernel Arwish. Arwish thích tự thủ vai một người phương Tây ôn hòa muốn ép người của mình theo kịp thế kỷ 21. Sự thật, hắn là một người Hồi giáo tham gia không tích cực những hoạt động bên ngoài al-Qaeda và những chi nhánh của họ. Nhờ vậy Arwish có thể đi lại giữa Trung Đông và phương Tây mà không bị nghi ngờ, khiến hắn trở thành một người đưa tin và chạy vặt rất có giá trị.” Dina nhìn thẳng vào Gabriel và tiếp. “Tôi tin rằng

cái tên Kernel và địa chỉ của hắn đã quen thuộc với ông từ khi ông dành thời gian nghiên cứu hồ sơ về Rashid."

"Khi đến Damascus, với tư cách là người đại diện cho CIA, Rashid đã dự bữa tiệc tối tại căn hộ của Kernel Arwish vào 2004," Gabriel nói. "Sau đó hắn đã nói với sĩ quan CIA huấn luyện hắn rằng hắn và Arwish đã thảo luận về cách làm giảm bớt lửa đạn của Thánh chiến Hồi giáo."

"Và nếu ông tin rằng điều này…"

"Không là gì ngoài sự trùng hợp, Dina."

"Cũng có thể, nhưng tôi đã được huấn luyện để không bao giờ tin vào sự trùng hợp. Và ông cũng vậy Gabriel."

"Chuyện gì đã xảy ra cho chiến dịch chống lại Malik?"

"Hắn đã lọt qua sự kiểm soát của chúng ta giống như đã lọt qua tay người Mỹ ở Baghdad. Uzi thấy nên giám sát Arwish, nhưng điều này trở nên không cần thiết vì thi thể của Arwish được tìm thấy trên sa mạc phía đông Damascus. Hắn đã được ban cho một cái chết không đau đớn."

"Malik cho người giết hắn?"

"Có thể là Malik, và cũng có thể là Rashid, điều đó không quan trọng. Arwish chỉ là con cá bé trong cái ao lớn. Hắn đã hoàn thành vai trò được giao. Hắn đã truyền tải một tin và sau đó hắn là vật hy sinh."

Gabriel có vẻ chưa được thuyết phục. "Cô còn biết thêm gì?"

"Thiết kế của thắt lưng những tên *shahid* đeo ở Paris, Copenhagen và London," Dina nói. "Chúng giống thắt lưng mà Malik đã sử dụng trong đợt tấn công của Phong trào Intifada Thứ hai và cũng giống cái mà hắn đã sử dụng tại Baghdad."

"Không cần thiết phải là Malik đã thiết kế thắt lưng này. Có thể nó đã xuất hiện từ lâu rồi ở những máy may của thế giới ngầm quân Thánh chiến Hồi giáo."

"Malik không thể đưa lên Internet mẫu thiết kế này để cả thế giới đều thấy. Cách đấu dây điện, kíp nổ, hình dáng của chỗ chứa thuốc nổ và mảnh đạn, tất cả đều là kỹ thuật mới của Malik. Cách này đã *cho tôi biết* chính là hắn."

Gabriel im lặng. Dina nhướng mày và hỏi, "Không còn ý kiến nào về sự trùng hợp chứ?"

Gabriel tỏ vẻ không chú ý đến lời nhận xét. "Lần cuối mà chúng ta biết là hắn ở đâu?"

"Theo một vài báo cáo chưa được kiểm chứng là hắn đã trở về Zarqa và người điều hành của chúng ta ở trạm Thổ Nhĩ Kỳ cho biết có tin đồn rằng hắn đang sống sang trọng ở Istanbul. Nhưng rốt cuộc tin đồn này không đúng. Đối với Văn phòng thì Malik là một bóng ma."

"Ngay cả ma cũng cần hộ chiếu."

"Chúng ta tin rằng hắn mang hộ chiếu Syria được một nhà cải cách lớn ở Damascus trao cho. Rất tiếc là chúng ta không biết hắn đang sử dụng tên gì và hình dáng hắn ra sao. Tấm hình cuối cùng của Malik được chụp hơn hai mươi năm rồi và giờ thì vô dụng."

"Có một ai đó thân thuộc với Malik, một thân nhân, một người bạn, một đồng chí cũ của hắn khi hắn ở Hamas, mà chúng ta có thể tiếp cận không?"

"Chúng ta đã thử tìm khi Malik đánh bom chúng ta tơi bời trong lần phong trào Intifada Thứ hai," Dina lắc đầu nói. "Không còn ai trong gia tộc al-Zubair ở Israel hoặc trên lãnh thổ và những người

trong trại Zarqa quá gắn bó với cuộc chiến để hợp tác với chúng ta." Ngừng lại một lúc, Dina tiếp. "Tuy nhiên chúng ta còn một điều ủng hộ chúng ta."

"Điều gì?"

"Tôi nghĩ mạng lưới của Malik có thể đang thiếu tiền."

"Thử nói xem ai?"

Dina chỉ về phía tấm hình Farid Khan, kẻ đánh bom Covent Garden và nói.

"Là hắn."

18

GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.

Vào những tuần cuối cuộc đời ngắn ngủi nhưng lẫy lừng của mình, Farid Khan, người đã ám sát mười tám linh hồn vô tội trên mảnh đất hắn được sinh ra, đăng trên trang mạng của Hồi giáo hàng loạt than vãn về vấn đề hắn không đủ tiền để mua một món quà cưới xứng đáng cho chị gái mình. Hầu như hắn đã dự định không tham dự đám cưới để khỏi phải xấu hổ. Tuy nhiên, Dina vạch ra kẽ hở trong câu chuyện không đứng vững này. Allah đã ban cho gia đình Khan bốn người con trai, nhưng không có con gái.

"Tôi nghĩ hắn đề cập đến số tiền thanh toán cho cuộc tử vì chính nghĩa – một khoản thanh toán mà Malik đã hứa trả. Đó là cách làm của phong trào Hamas, luôn chăm sóc hậu sự tài chính của những *shahid*."

"Thế rồi hắn có lấy được tiền không?"

"Một tuần trước vụ tấn công, Farid đăng trên mạng lần cuối rằng hắn đã được ban cho phương tiện để mua món quà cho chị gái mình. Cuối cùng thì nhờ ơn Allah, hắn cũng có thể tham dự lễ cưới."

"Vậy là cuối cùng Malik cũng đã giữ lời hứa."

"Đúng vậy, nhưng chỉ sau khi *shahid* của Malik dọa sẽ không thi hành sứ mạng. Mạng lưới khủng bố có thể đã có đủ tiền mặt trong

tay để gây quỹ cho một loạt tấn công khác, nhưng nếu Rashid và Malik muốn trở thành một Bin Laden và Zawahiri mới thì…”

“Họ sẽ cần tiền đều đặn.”

“Chính xác.”

Gabriel tiến lên phía trước và nhìn dải thiên hà đầy tên, số điện thoại và những khuôn mặt. Ông quay lại và hỏi Lavon, “Theo anh thì phải cần bao nhiêu để thành lập một nhóm Thánh chiến khủng bố mới có thể thật sự bao trùm toàn cầu?”

“Phải cần hai mươi triệu,” Lavon trả lời. “Có thể nhiều hơn chút nếu anh cho chúng đi và ăn ở hạng nhất.”

“Nhiều tiền đó, Eli.”

Lavon liếc nhìn Gabriel và nói “Khủng bố đâu có rẻ. Anh đang nghĩ gì?”

“Tôi đang nghĩ là chúng ta có hai lựa chọn, chúng ta có thể ngồi đây, nhìn chằm chằm vào điện thoại và ma trận e-mail, hy vọng sẽ có một mảnh thông tin tình báo rơi xuống chân mình, hoặc…” Gabriel đổi giọng.

“Hoặc sao?”

“Hoặc chính chúng ta có thể làm những công việc của khủng bố.”

“Chúng ta phải làm gì?”

“Chúng ta sẽ cho chúng tiền, Eli. Chúng ta sẽ cho chúng tiền.”

Gabriel không cần thiết nhắc cho đội của ông về hai loại cơ bản của tình báo. Tình báo giao tiếp xã hội hoặc “humint”* theo thuật ngữ trong nghề và tình báo tín hiệu, còn được gọi là “sigint”*. Nhưng

khả năng dò tìm nguồn tài chính được rót vào qua một hệ thống ngân hàng toàn cầu ở một thời điểm chính xác đã cho những gián điệp một loại tình báo thứ ba đầy quyền lực gọi là "finint", hoặc tình báo tài chính. Phần lớn thì tình báo tài chính có độ tin cậy cao. Tiền không biết nói dối, vì nằm ở chỗ mà nó được rót. Thêm nữa, bản chất của tình báo là luôn để lại dấu vết điện tử qua các hành động. Từ lâu, quân khủng bố Hồi giáo đã học được cách lừa dối gián điệp phương Tây bằng những câu chuyện giả tạo, nhưng hiếm khi chúng lại dùng nguồn tài chính quý giá cho những công việc lừa đảo. Tiền thường trao cho những đặc vụ thật, thi hành những âm mưu thật. Hãy đi theo dấu vết của tiền, Gabriel nói, vì nó sẽ chiếu sáng ý định của Rashid và Malik như đèn sáng trên đường băng.

Nhưng vấn đề mà Gabriel và đội của ông vật lộn trong thời gian còn lại của đêm dài không ngủ là làm cách nào để thực hiện mưu đồ này. Giả mạo tinh tế chăng? Gabriel nhấn mạnh là điều này không thể được, thế giới Thánh chiến Hồi giáo quá thiển cận để thực hiện điều đó. Nếu đội cố gắng ngụy tạo hoàn toàn một nhà hảo tâm Hồi giáo giàu có, quân khủng bố sẽ dẫn ông ta tới trước máy quay và cứa cổ ông ta bằng một con dao trét bơ. Số tiền phải đến từ một người có thành tích đáng tin cậy trong Thánh chiến. Nếu không, quân khủng bố sẽ không bao giờ chấp nhận. Nhưng tìm đâu ra một người hai mang như vậy? Một người được quân Thánh chiến xem như chính hiệu và vẫn sẵn sàng làm việc cho Israel hay cơ quan tình báo Mỹ. Yaakov đề nghị gọi cho Ông già. Có khả năng là ông ta có tên ngay đầu ngón tay bám đầy nicotine của mình. Còn nếu như ông ta không có thì chắc chắn ông ta phải biết tìm ở đâu.

Hóa ra là Shamron đã có một cái tên, ông ta thầm thì qua đường dây an toàn cho Gabriel, một vài phút sau bốn giờ sáng, giờ

Washington. Shamron đã xem xét người này nhiều năm nay. Gabriel sẽ gặp rất nhiều rủi ro khi tiếp cận, về cả phương diện cá nhân và chuyên môn, nhưng Shamron đã có một tủ hồ sơ chứng cứ đáng kể để lời đề nghị được đón nhận một cách tích cực. Shamron đã nói ý định cho Uzi Navot và chỉ trong giây lát, Uzi đã tán thành. Và như vậy, với một nét từ cây bút bằng vàng kệch cỡm của Navot, sự trở về của Gabriel Allon, đứa con bướng bỉnh của tình báo Israel, đã hoàn tất.

Qua nhiều năm, thành viên của đội Barak đã tham gia vào nhiều cuộc tranh luận sâu rộng, nhưng không có cuộc tranh luận nào bằng những tranh cãi diễn ra trong những bức tường của căn nhà đường N vào buổi sáng tháng Mười hai này. Chiara loại bỏ ý tưởng như một sáng tạo nhưng không thực tế và rất nguy hiểm; Dina gọi đó là mất thời gian và tài nguyên quý báu chắc chắn sẽ không đi đến đâu. Ngay cả Eli Lavon, bạn thân và đồng minh của Gabriel, cũng ủ rũ về triển vọng thành công của chiến dịch. "Hóa ra là phiên bản của chúng ta về Rashid," Eli nói. "Chúng ta sẽ khen ngợi chúng ta về sự thông minh. Và rồi, ngày nào đó điều này sẽ đập vào mặt chúng ta."

Hơn cả sự ngạc nhiên của mọi người, Sarah là người bênh vực Gabriel. Sarah biết người mà Shamron đã chọn hơn cả mọi người và Sarah tin vào sức mạnh của sự cứu rỗi. "Cô ta không giống bố cô ấy," Sarah nói. "Cô ta khác. Cô ta đã cố thay đổi mọi việc."

"Đúng vậy," Dina nói, "nhưng điều đó không có nghĩa là cô ta sẽ đồng ý làm việc với chúng ta."

"Điều tệ nhất mà cô ấy có thể làm là từ chối."

"Có thể," Lavon buồn rầu nói. "Hoặc có thể điều tệ nhất cô ấy có thể làm là chấp thuận."

19

CÔNG VIÊN VOLTA, WASHINGTON, D.C.

Gabriel đợi đến khi mặt trời mọc mới gọi cho Adrian Carter, ông ta đang trên đường đến Langley, điểm dừng đầu tiên để bắt đầu một ngày kinh khủng. Buổi sáng phải dự phiên tòa làm chứng bí mật kín tại Điện Capitol, ăn trưa với đoàn gián điệp Ba Lan và cuối cùng họp về chiến lược chống khủng bố tại Phòng Tình huống Nhà Trắng*, chủ tọa không ai khác là James McKenna. Ngay sau sáu giờ chiều hôm đó, mệt mỏi và chán nản, Carter ra khỏi chiếc Escalade bọc thép tại đường Q và trong bóng tối nhá nhem, vào công viên Volta. Gabriel ngồi đợi ở một băng ghế gần sân tennis, cổ áo kéo cao che lạnh. Carter đến ngồi cạnh ông. Chiếc SUV vẫn nổ máy chờ ngoài đường một cách kín đáo như cá voi mắc cạn.

"Tôi hút thuốc có phiền anh không?" Carter vừa hỏi vừa tìm trong túi cái tẩu và bọc thuốc lá. "Tôi đã có một buổi trưa gian nan."

"McKenna à?"

"Thực ra, chúng tôi hân hạnh đón tiếp tổng thống đến tham dự và tôi e rằng ông ta không chú tâm đến điều tôi phải nói." Carter cỏ vẻ để hết sự quan tâm đến việc nhồi chiếc tẩu. "Tôi được đặc quyền bị bốn vị tổng thống rầy la trong thời gian phục vụ đất nước vĩ đại của chúng ta. Đó không phải là một trải nghiệm dễ chịu lắm."

"Có vấn đề gì?"

“NSA đang thâu tóm một số câu chuyện phiếm đề cập đến một cuộc tấn công khác sắp xảy ra. Tổng thống cần những chi tiết chính xác, về vị trí, thời gian và vũ khí. Khi tôi chưa thể trả lời được, ông ấy khó chịu.” Carter đốt cái tẩu, ánh lửa chiếu lên nét mặt mệt mỏi của ông một lúc ngắn. “Cách đây mười hai tiếng, tôi đã muốn xem những lời phiếm là vô nghĩa. Nhưng giờ tôi biết là chúng ta phải đương đầu với Malik al-Zubair, tôi không lạc quan mấy.”

“Khi các sĩ quan chống khủng bố lạc quan thường là lúc những sinh mạng vô tội phải chết.”

“Có phải lúc nào anh cũng mừng vui thế không?”

“Mấy ngày vừa qua thật mệt mỏi.”

“Làm thế nào Dina tin thực sự là hắn?”

Gabriel kể lại những yếu tố cơ bản: thất bại của Malik khi xin Bin Laden hỗ trợ, cuộc họp tại căn hộ của Kernel Arwish ở Amman và thiết kế độc nhất của thắt lưng gắn bom. Carter không đòi hỏi thêm chứng cứ. Trong quá khứ, ông đã ít dựa vào chứng cứ để hành động và đã từ lâu, ông biết chúng sẽ xảy ra. Malik là loại khủng bố mà Carter sợ nhất. Malik và Rashid cùng hợp tác với nhau là cơn ác mộng tệ nhất đã biến thành sự thật.

“Theo thông tin hồ sơ,” Gabriel nói, “không ai bên trong CTC tìm được mối liên quan giữa Rashid và Malik. Dina là người đầu tiên tìm ra.”

“Cô ta thường là người tìm ra trước.”

“Vậy người ta sẽ làm gì với thông tin như vậy khi ở vào địa vị tôi? Người ta có đưa thông tin đó cho những nhân viên phân tích đang làm việc quần quật trong một xó của CTC không? Và người ta có báo cáo thông tin cho giám đốc và tổng thống không?”

“Người ta sẽ giữ thông tin này cho mình, nếu không chiến dịch của tôi sẽ tiêu tan ra từng mảnh.”

“Chiến dịch nào?”

Gabriel đứng dậy và dẫn Carter qua một cái băng ghế ghế khác nhìn xuống sân chơi. Chiếc xích đu đong đưa kẽo kẹt trong làn gió nhẹ, Gabriel cúi xuống gần tai Carter và thầm thì nhẹ nhàng kế hoạch đã được phác thảo.

“Nghe có hơi hám cứ như là Ari Shamron.”

“Ông có lý do tốt để nghĩ vậy. Vì lý do rất đúng đắn.”

“Anh nghĩ gì? Ý anh muốn nói gì? Một quyên góp vô danh cho hội từ thiện Hồi giáo mà anh chọn?”

“Thật ra, chúng tôi đang nghĩ đến cái gì đó có tính mục tiêu tự nhiên trực tiếp hơn một chút.”

“Một sự quyên góp thẳng cho kho bạc của Rashid?”

“Gần giống như vậy.”

Một trận mưa lá đổ xuống sân chơi trước cơn gió. Carter gạt một chiếc lá trên vai xuống và nói, “Sẽ mất nhiều thời gian.”

“Sự kiên nhẫn là một đức tính mà Adrian.”

“Washington không thể kiên nhẫn, họ thích làm mọi thứ một cách vội vã.”

“Ông có ý nào hay hơn không?”

Với sự im lặng nặng nề, Carter biểu lộ rõ ràng ông không có ý kiến nào. “Điều này rất thú vị,” ông thừa nhận. “Thú vị hơn là nó rất xảo quyệt. Nếu chúng ta thực sự trở thành nguồn tài trợ chính cho mạng lưới của Rashid…”

“Thì chúng ta sẽ *sở hữu* nó, Adrian.”

Carter đập cái tẩu vào cạnh băng ghế và từ từ cho thuốc vào. "Đừng vội phấn khích quá. Cuộc nói chuyện này chỉ là giả thuyết trừ phi anh có thể thuyết phục một tên Hồi giáo giàu có tín ngưỡng với Thánh chiến, nhiều uy tín với Thánh chiến để làm việc với anh."

"Tôi có bao giờ nói là dễ đâu."

"Nhưng hiển nhiên là anh có một ứng viên trong ý nghĩ."

Gabriel nhìn về phía nhân viên an ninh của Carter đang từ từ đếm bước trên sân bóng rổ.

"Có chuyện gì?" Carter hỏi. "Anh không tin tôi?"

"Không phải tôi không tin ông, Adrian. Mà là không tin tám trăm ngàn người khác trong cộng đồng tình báo của ông. Đây là những người có thể truy cập vào những thông tin tối mật và được phép làm những chuyện tối mật."

"Ta vẫn còn biết cách phân loại những thông tin mà."

"Ông hãy nói điều này với các bạn và đồng minh của ông, họ cho phép ông tìm kiếm cật lực những người cho phép ông đặt những căn cứ tối mật trong lãnh địa của họ. Tôi tin chắc là ông hứa với họ là chiến dịch sẽ được giữ kín. Nhưng tiếc thay! Thật sự là thông tin sẽ được tung ra trên trang đầu tờ *Washington Post*."

"Đúng vậy," Carter buồn rầu đáp, "Dường như tôi có đọc đâu đó một điều như vậy."

"Người mà chúng tôi nghĩ đến từ một đất nước có quan hệ mật thiết với đất nước ông. Nếu như thất thoát tin là người này đang làm việc cho chúng ta…" Gabriel hạ thấp giọng. "Sự thương tổn không dừng ở những bản tin làm nao núng xấu hổ trên báo. Nhiều người có thể chết đó Adrian."

"Ít ra hãy cho tôi biết kế hoạch tiếp theo của anh."

"Tôi cần phải tìm kiếm một người bạn ở New York."

"Tôi biết người đó không?"

"Chỉ qua danh tiếng thôi. Trước đây, cô ta là phóng viên điều tra có tài nổi bật của tờ *Financial Journal* ở London. Bây giờ cô ấy làm việc cho CNBC."

"Chúng tôi có quy định không sử dụng phóng viên."

"Nhưng chúng tôi thì không. Và cả hai ta đều biết, đây là một chiến dịch của Israel."

"Nhưng anh hãy cẩn thận, chúng tôi không muốn nhìn thấy anh kết thúc trên tin tức buổi chiều đó."

"Còn lời khuyên bổ ích nào nữa không?"

"Câu chuyện phiếm mà chúng tôi lượm lặt được có thể vô hại hoặc lừa đảo," Carter đứng lên và nói. "Nhưng nếu một lần nữa nghĩ lại… câu chuyện phiếm này là có thật."

Không thêm lời nào nữa, ông quay lưng đi về phía chiếc Escalade, do một nhân viên an ninh lái. Gabriel ngồi lại trên băng ghế, chăm chú nhìn ngọn gió vờn trên mặt đất, chiếc xích đu trống đong đưa trong gió. Một vài phút sau, ông rời công viên và đi bộ về phía nam xuống một con dốc thoai thoải của đường số 34. Hai người đàn ông dáng mảnh mai, đầu đội mũ bảo hiểm đen rồ máy hai chiếc mô tô và biến mất vào bóng tối. Ngay lúc đó, một hình ảnh lóe lên trong ký ức Gabriel – một người đàn bà tóc đen nhánh, mặt lo lắng đang quỳ gối bên cạnh thi thể bố bà ta tại bến Saint-Pierre ở Cannes. Tiếng máy xe mô tô xóa tan hình ảnh người đàn bà trong ký ức Gabriel. Ông thọc tay vào túi áo và bước đi, không nghĩ ngợi gì nữa, trong khi những chiếc lá vàng rơi.

20

PALISADES, WASHINGTON, D.C.

Vào cùng lúc đó, một chiếc xe đậu vào lề đường trước một căn nhà gỗ ở miền lân cận Washington có tên gọi là Palisades. Chiếc xe Ford Focus và căn nhà là của Ellis Coyle, nhân viên CIA. Căn nhà là một cấu trúc nhỏ, có vẻ là một ngôi nhà đơn giản so với những ngôi nhà bình thường khác, là thứ đẩy giới hạn về tài chính của Coyle đi đến mức khó khăn. Sau nhiều năm ở nước ngoài, Coyle đã có khả năng muốn ổn định ở một vùng ngoại ô phía bắc Virginia, nhưng Norah muốn sống ở Washington, D.C. để tiện cho việc hành nghề của mình hơn. Norah, vợ Coyle là một bác sĩ về tâm lý trẻ em, một sự lựa chọn kỳ cục về nghề nghiệp, Coyle luôn nghĩ như vậy cho một người đàn bà không còn khả năng chăn gối sinh con. Chỗ đi lại thường xuyên bình dị của Norah, một lô nhà bốn căn dọc theo đại lộ MacArthur, đứng sững, đối diện với sông Potomac, con sông mà Coyle phải đi qua một ngày hai lần. Một thời gian, Coyle đã thử nghe nhạc New Age để xoa dịu tinh thần nhưng chỉ làm cho ông tức giận hơn. Ngày nay có những sách thu vào băng. Mới đây Coyle đã nghe xong tuyệt tác của Martin Gilbert về Winston Churchill. Thật ra do cây cầu Chain Bridge phải sửa chữa nên gần một tuần Coyle mới nghe xong quyển sách. Coyle luôn khâm phục Churchill vì sự quyết đoán của ông. Gần đây, Coyle cũng quyết đoán.

Coyle tắt máy. Ông phải đậu xe ngoài đường vì căn nhà mà ông mua gần một triệu đô la không có ga ra. Ông đã hy vọng căn nhà nhỏ sẽ đáng giá với vị trí địa đầu khu đất sát bờ sông của Washington, D.C., là căn nhà đầu tiên mà ông nghĩ có thể bán với giá hời để bù thêm tiền vào mua một ngôi nhà lớn hơn ở Kent hay Spring Valley hoặc có thể ngay cả Wesley Heights. Thay vì vậy, Coyle đã thất vọng thấy giá nhà leo thang quá tầm với của đồng lương mà chính phủ trả ông. Chỉ có những cư dân giàu nhất ở Washington – những luật sư hút máu, những kẻ vận động hành lang tham ô, những nhà báo chuyên về các nhân vật nổi tiếng với bài viết nào cũng làm giảm giá trị của chính phủ Liên bang – có khả năng thế chấp mua nhà ở những vùng lân cận này. Ngay cả ở Palisades, những nhà gỗ là lạ bị phá đổ và được thay thế bằng những nhà uy nghi. Láng giềng của Coyle, luật sư Roger Blankman vừa mới xây cho bản thân một ngôi nhà Nghệ thuật và Thủ công mỹ nghệ có hình thù kỳ quái che cả ánh sáng mặt trời trước đây chiếu xuống góc yên tĩnh mà Coyle ngồi ăn sáng. Cách xử sự thô lỗ như con nít của Blankman thường xuyên ảnh hưởng đến đất của Coyle, cũng giống như đội quân thiết kế cảnh quan luôn sửa lại cây bách xù và hàng rào nhà Coyle. Coyle trả đũa bằng cách đầu độc những cây bóng nước của Blankman. Coyle rất rõ hiệu quả của hành động vụng trộm này.

Giờ Coyle ngồi bất động trong xe, qua cửa sổ nhà bếp, ông nhìn chăm chú vào ngọn lửa trên lò. Ông có thể tưởng tượng ra những gì sẽ diễn ra sau đó, vì chỉ thay đổi chút ít đêm này qua đêm khác. Norah sẽ ngồi ở bàn trong bếp với ly Merlot đầu tiên, lật những lá thư và nghe một chương trình kinh khủng phát ra từ radio. Cô ta sẽ hôn ông một cách lơ đãng và nhắc ông rằng Lucy, con chó đen

giống Labrador cần phải được dắt ra ngoài để đi dạo hằng đêm. Con chó, cũng như căn nhà ở Palisades là ý tưởng của Norah và một cách nào đó công việc của Coyle là đoán trước những yêu cầu tiểu tiện và đại tiện của con Labrador. Thường Lucy thích đi đến công viên Battery Kemble, một khu rừng ở sườn đồi, nơi mà những người phụ nữ đi một mình nên tránh xa. Những lúc khi đặc biệt cảm thấy nổi loạn, Coyle sẽ để Lucy đi đại tiện ở công viên thay vì dắt nó về nhà, bỏ mặc phân của Lucy trong công viên thay vì mang về nhà để vứt đi. Coyle cũng đã có những hành động nổi loạn khác – những hành động mà ông giữ bí mật đối với Norah và những đồng nghiệp ở Langley.

Một trong những bí mật của Coyle là Renate. Gần một năm trước, ông đã gặp cô ở một quán bar tại một khách sạn ở Brussels. Lúc đó từ Langley, Coyle đến để tham gia một buổi hội họp những viên chức chống khủng bố ở phương Tây; Renate là một phóng viên nhiếp ảnh đến từ Hamburg để chụp hình những người vận động cho nhân quyền cho tạp chí của cô. Hai đêm trải qua với Renate là những đêm đầy đam mê cuồng nhiệt nhất trong cuộc đời của Ellis Coyle. Họ gặp lại nhau ba tháng sau đó, Coyle đã viện cớ qua Berlin để trả tiền thuế, với đồng tiền thuế của người dân và sau đó một tháng khi Renate đến Washington để chụp hình một buổi họp tại Ngân hàng Thế giới. Việc ân ái của họ đạt đến một cấp độ khác, cũng như sự gắn bó với nhau. Renate là người đơn giản còn độc thân, cô cầu xin ông từ bỏ vợ. Coyle, mặt đầm đìa nước mắt, nói rằng ông không muốn gì khác ngoài chuyện từ bỏ vợ. Ông chỉ yêu cầu có một điều, ông cần thêm một ít thời gian nữa và sẽ không khó khăn gì. Coyle có thể truy cập vào những bí mật – những bí mật mà ông có thể biến thành tiền. Thời gian của ông tại Langley được tính

từng ngày, cũng như những đêm với Norah và căn nhà nhỏ bé tại Palisades.

Ông bước ra khỏi xe và bước vào nhà. Norah mặc một cái váy không hợp thời và nhàu, mang đôi vớ dày, cùng một cặp kính hình bán nguyệt mà Coyle đặc biệt nhận thấy không hợp. Ông chấp nhận cái hôn thờ ơ và trả lời khi Norah nhắc ông dắt Lucy ra ngoài, "Dĩ nhiên rồi em yêu." "Và đừng đi lâu quá, Ellis," Norah nói, nhăn nhó nhìn tờ hóa đơn điện tử. "Anh biết rằng em cảm thấy cô đơn như thế nào khi không có anh ở nhà."

Coyle sử dụng những kỹ thuật ông học được ở cơ quan để dập tắt tư tưởng có lỗi của mình. Bước ra ngoài, Coyle bị chóa mắt vì ngọn đèn chiếc Mercedes to lớn của Blankman khi hắn cho xe vào ga ra thứ hai trong dãy ga ra ba gian của hắn. Lucy gầm gừ một lúc trước khi kéo Coyle về phía đại lộ MacArthur. Phía đối diện của đại lộ là cổng vào công viên. Một bảng bằng gỗ màu nâu khuyến cáo không cho xe đạp vào và chó phải luôn luôn được cột dây cổ. Ở cuối tấm bảng, một phần bị che lấp bởi cỏ là một dấu phấn. Coyle thả dây cột Lucy và nhìn nó chạy nhảy tự do trong công viên. Sau đó ông lau vết phấn trên mũi giày và theo dấu chỉ dẫn.

PHẦN HAI

KHOẢN ĐẦU TƯ

21

THÀNH PHỐ NEW YORK

Sáng hôm sau, một bản tin rất chính xác về một chuyện rắc rối của nhóm khủng bố mới xuất hiện trên tờ *New York Times*. Trên chuyến tàu tốc hành Amtrak Acela từ Washington về New York, Gabriel chú ý đọc câu chuyện được đăng. Người ngồi cạnh ông, một nhà tư vấn chính trị ở Washington, không ngừng hét lên trong điện thoại. Cứ mỗi hai mươi phút, một cảnh sát mặc quần áo phi quân sự, sải bước trên đoàn tàu dắt theo chó đánh hơi bom. Có vẻ như Bộ An ninh Nội địa cuối cùng cũng đã nhận ra là những chuyến tàu Amtrak đang vận chuyển những thảm họa khủng bố đang chực chờ xảy ra.

Khi Gabriel bước ra khỏi trạm Penn thì trời đang đổ một trận mưa làm rát mặt. Tuy vậy, Gabriel đi bộ lướt qua những con đường của khu trung tâm quận Manhattan. Đến góc đại lộ Lexington và đường Đông 63, Gabriel trông thấy Chiara đang nhìn kỹ vào cửa kính một tiệm giày, chiếc điện thoại áp vào tai phải. Nếu Chiara áp điện thoại vào tai trái, điều đó có nghĩa là Gabriel đang bị theo dõi. Nếu áp vào tai phải có nghĩa là Gabriel có thể tiếp cận mục tiêu an toàn.

Gabriel băng qua đại lộ số 5. Quấn chiếc khăn *kaffiyeh* trắng-đen quanh cổ, Dina ngồi trên bức tường đá bao quanh Công viên Trung tâm. Cách đó không xa về hướng nam, Eli Lavon đang mua một chai

nước ngọt ở quán bên đường. Không một lời, Gabriel đi ngang qua Eli về phía gian hàng sách cũ ở góc đường Đông 60. Một phụ nữ hấp dẫn đang đứng một mình ở một giá đỡ sách, giống như muốn giết thời gian trước khi đến một cuộc hẹn. Khi Gabriel đến, người phụ nữ nhìn xuống đất nhiều giây, rồi sau đó nhìn Gabriel thật lâu, không nói. Tóc cô ta đen, nước da màu ô liu và cặp mắt to màu nâu. Cô ta khẽ mỉm cười. Không phải là lần đầu tiên mà Gabriel có cảm giác khó chịu như đang bị một hình vẽ trong tranh nghiên cứu.

"Tôi có cần thiết phải đi cái tàu điện ngầm chết tiệt đó không?" bằng giọng kênh kiệu của người Anh, Zoe Reed bực bội hỏi.

"Chúng tôi phải chắc chắn là cô không bị theo dõi."

"Tôi nghĩ rằng sự xuất hiện của ông chứng tỏ là không có ai theo dõi tôi."

"Đúng vậy."

"Thật nhẹ nhõm," cô ta nói một cách láu lỉnh. "Vậy thì ông phải đưa tôi ra quán Pierre uống một cái gì đó. Tôi đã phải lên phát sóng từ sáu giờ sáng nay."

"Tôi e rằng gương mặt cô đã quá quen thuộc trên truyền hình. Cô đã hoàn toàn trở thành ngôi sao từ khi đến Mỹ."

"Tôi đã luôn là ngôi sao," Zoe đùa. "Không tính đến việc ông cũng đã được lên truyền hình."

"Tôi nghe nói là cô đã có chương trình riêng cho mình."

"Phát sóng vào giờ cao điểm, chương trình được xem như một bản tin dưới hình thức trò chuyện dí dỏm nhấn mạnh về những sự kiện và kinh doanh toàn cầu. Có thể ông muốn xuất hiện vào đầu chương trình." Zoe hạ thấp giọng và tiếp bằng giọng đồng lõa, "Cuối cùng chúng ta có thể nói cho thế giới biết cách chúng ta đã phá

hỏng chương trình hạt nhân của Iran. Việc phá hủy này có tất cả yếu tố của một bộ phim bom tấn. Con trai gặp con gái. Con trai quyến rũ con gái. Con gái lấy cắp bí mật của con trai và đem chúng cho cơ quan tình báo Israel."

"Tôi không nghĩ có ai xem chuyện đó là đáng tin cậy."

"Nhưng đó là điều tốt đẹp của bản tin truyền hình Mỹ cưng ạ. Không cần phải đáng tin cậy. Chỉ cần giải trí thôi." Zoe vuốt một hạt mưa trên má và hỏi, "Điều gì cho tôi vinh hạnh có được cuộc gặp gỡ ngày hôm nay? Mong rằng không phải kiểm tra lại vấn đề an ninh bảo mật chứ?"

"Tôi không phụ trách việc kiểm tra lại an ninh bảo mật."

"Tôi không nghĩ ông phụ trách vấn đề này." Zoe lấy trên bàn một cuốn tiểu thuyết và chỉ cho Gabriel xem bìa cuốn sách, "Ông đã bao giờ đọc tác giả này chưa? Tính tình tác giả cũng hơi giống ông – tùy hứng, tự cao tự đại, nhưng pha chút nhạy cảm mà phụ nữ cho là quyến rũ."

"Thêm một cuốn đúng sở thích của tôi." Gabriel vừa nói vừa chỉ về phía cuốn sách chuyên khảo về Rembrandt.

Zoe cười. "Để tôi mua tặng ông."

"Tôi sẽ không còn chỗ để mang đi. Vả lại tôi đã có một bản rồi."

"Dĩ nhiên là ông đã có rồi." Zoe để lại cuốn sách vào chỗ cũ và giả vờ liếc về phía đại lộ số 5. "Tôi thấy là ông có đem theo hai người trợ giúp. Dường như ông đã gọi họ là Max và Sally khi chúng ta ở trong nhà an toàn ở Highgate. Nếu ông hỏi tôi thì hai cái tên này không thực tế lắm cho nhân viên nằm vùng. Tên này hợp cho hai chú chó Wales hơn là cho hai gián điệp chuyên nghiệp."

"Không có nhà an toàn ở Highgate, Zoe."

"Ồ, phải rồi, tôi nhớ rồi. Chỉ là một giấc mơ xấu." Cô thoáng mỉm cười. "Thật ra cũng không xấu *lắm* phải không Gabriel? Thật ra là đã suôn sẻ đến lúc cuối. Nhưng âu cũng là kết quả của những chuyện tình cảm. Lúc nào cũng chấm dứt một cách thảm hại và một ai đó sẽ luôn bị thương tổn, thường là phụ nữ."

Zoe cầm cuốn chuyên khảo về Rembrandt và lật đến trang bức họa *Chân dung một phụ nữ trẻ* và hỏi "Theo ông cô ấy đang nghĩ gì?"

"Cô ta tò mò."

"Về chuyện gì?"

"Về lý do tại sao một người đàn ông trong quá khứ gần đây của cô ta lại xuất hiện mà không báo trước."

"Vì sao vậy?"

"Ông ta cần một ân huệ."

"Lần cuối cùng khi ông nói vậy, cô ta đã suýt bị giết."

"Không phải loại ân huệ đó."

"Vậy là gì?"

"Một ý tưởng cho chương trình được phát sóng vào giờ cao điểm trên kênh tin tức của cô ta."

Zoe gấp sách lại và để lại trên bàn.

"Cô ta đang nghe đây. Nhưng đừng cố đánh lừa cô ấy. Nhớ đó Gabriel, cô ấy là người duy nhất trên thế gian biết khi nào ông nói dối."

Mưa dứt khi họ vào công viên. Họ đi qua đồng hồ Delacorte, sau đó đi về cuối Literary Walk. Zoe dành nhiều thời gian im lặng để nghe và suy nghĩ, chỉ cắt ngang Gabriel để hỏi lại hoặc làm rõ một vấn đề nào đó. Những câu hỏi thông minh và sâu sắc của Zoe đã làm cô trở nên một trong những phóng viên chất vấn được nể phục và kính sợ nhất trên thế giới. Trong sự nghiệp lẫy lừng của Zoe Reed chỉ có một sai lầm – cô đã phải lòng một thương gia người Thụy Sĩ rất quyến rũ, anh ta đã bán những vật liệu hạt nhân cho Cộng hòa Hồi giáo Iran mà Zoe không biết. Để chuộc lại lỗi lầm, Zoe đã gia nhập lực lượng tình báo Anh và Mỹ cùng với Gabriel và đồng minh của ông. Kết quả của chiến dịch là chương trình hạt nhân của Iran bị tiêu hủy.

"Như vậy là các ông rót tiền mặt vào mạng lưới," cô nói, "và nếu may mắn thì tiền sẽ được chuyển cho các chi nhánh trước khi đến lực lượng đầu não."

"Tôi không thể nói thêm gì hay hơn thế nữa."

"Rồi sau đó, chuyện gì xảy ra?"

"Cắt bỏ lực lượng đầu não."

"Nghĩa là sao?"

"Tôi nghĩ rằng sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào tình huống."

"Đừng khoác lác nữa Gabriel."

"Chiến dịch này có thể bắt được những thành viên quan trọng của mạng lưới, Zoe. Hoặc có thể một cái gì đó quyết liệt hơn."

"Quyết liệt? Cách dùng uyển ngữ hay nhỉ."

Gabriel ngừng lại trước tượng đài Shakespeare nhưng không nói gì.

"Tôi sẽ không tham gia vào việc giết người đâu Gabriel."

"Vậy thì cô có tham gia vào một cuộc thảm sát khác giống như vụ ở Covent Garden không?"

"Ngay cả ông cũng không làm chuyện đó, Gabriel thân mến."

Gabriel gật đầu thừa nhận, rồi ông khoác vai Zoe và bước xuống lối đi.

"Ông đang quên một điều quan trọng," cô nói. "Tôi đã đồng ý làm việc với ông và bạn ông trong vụ Iran, không có nghĩa là tôi bỏ đi những tín ngưỡng của tôi. Trong tâm, tôi vẫn còn là một phóng viên chính thống cánh tả. Và như vậy, tôi tin rằng chúng ta cốt yếu phải đánh lại bọn khủng bố toàn cầu mà vẫn không thỏa hiệp với nguyên tắc cơ bản của mình."

"Kiểu lý luận súc tích này có vẻ tuyệt vời trong sự an toàn của phòng thu truyền hình, nhưng tôi e rằng nó không thích hợp với thế giới thật." Gabriel ngừng lại rồi tiếp, "Cô vẫn nhớ đến thế giới thật chứ Zoe?"

"Ông vẫn chưa giải thích tất cả những điều ông nói liên quan gì đến tôi."

"Bọn tôi muốn cô giới thiệu. Những gì cô cần làm là bắt đầu một bài nói chuyện. Sau đó cô lặng lẽ lui vào hậu trường và sẽ không bao giờ xuất hiện nữa."

"Rất may là đầu tôi vẫn còn dính vào cổ." Zoe nói giọng hơi bỡn cợt. "Có phải là người tôi biết không?"

Gabriel đợi cho một cặp tình nhân đi qua trước khi nói ra một cái tên. Zoe ngừng lại, nhướng mày và nói.

"Ông không đùa chứ?"

"Cô biết rõ hơn là hỏi một câu như vậy."

"Cô ta là người đàn bà giàu nhất thế giới."

"Vấn đề là chỗ đó."

"Cô ta cũng nổi tiếng là ghét xuất hiện trên báo chí."

"Cô ta có lý do làm vậy."

Zoe tiếp tục đi. "Tôi nhớ đêm hôm bố cô ta bị giết ở Cannes," Zoe nói. "Theo báo chí thì bố cô ta ở cạnh cô khi bị bắn. Những người làm chứng nói rằng cô ta ôm ông ấy lúc hấp hối. Thực sự là một vụ giết người kinh khủng."

"Tôi cũng nghe vậy." Gabriel nhìn qua vai và thấy Eli Lavon đang đi phía sau một đoạn, dưới cánh tay phải là một cuốn sổ Moleskine, nhìn Eli giống như một thi sĩ đang đi tìm cảm hứng. "Cô có bao giờ xem xét kỹ vụ đó không?"

"Cannes à?" Zoe vừa nói vừa nhíu mắt. "Tôi đã lùng sục mọi ngõ ngách."

"Rồi sao?"

"Tôi chưa có một kết luận nào vững chắc cả. Giới tài chính London đưa ra giả thuyết là ông ta bị giết vì mối thù nội bộ của Ả Rập Saudi. Rõ ràng là có dính líu đến một vị hoàng tử, một thành viên cấp thấp của hoàng gia, người này đã nhiều lần cãi vã với cảnh sát và với nhân viên khách sạn." Zoe liếc nhìn Gabriel và tiếp. "Tôi nghĩ ông sắp nói với tôi thêm về câu chuyện."

"Có những điều tôi có thể nói cho cô, Zoe và có những chuyện tôi không thể nói. Đó chỉ là để bảo vệ cô thôi."

"Cũng giống như lần trước?"

Gabriel gật đầu. "Cũng giống lần trước."

Cách đó vài bước, Chiara đang ngồi một mình trên băng ghế. Zoe tìm cách không nhìn Chiara khi họ đi ngang qua. Họ đi xa hơn một chút về phía Wisteria Pergola và đứng sát lại bên dưới lưới mắt cáo. Khi mưa bắt đầu rơi lại, Gabriel giải thích chính xác cho Zoe điều ông muốn cô ta làm.

"Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cô ta nổi giận và quyết định nói với chủ tôi là tôi làm việc thay mặt cho cơ quan tình báo Israel?"

"Cô ta sẽ mất quá nhiều nếu cô ta làm điều đó. Ngoài ra ai có thể tin một lời cáo buộc lớn như vậy? Zoe Reed là một trong những phóng viên được kính nể nhất thế giới."

"Có một doanh nhân Thụy Sĩ có thể không đồng ý với điều đó."

"Anh ta không phải là mối bận tâm của chúng ta."

Zoe rơi vào một trạng thái im lặng, bị gián đoạn bởi tiếng reo của chiếc điện thoại BlackBerry. Zoe lấy ra từ túi xách và im lặng nhìn vào màn hình, mặt cô có vẻ hoảng loạn. Một vài giây sau, điện thoại BlackBerry của Gabriel rung lên trong túi áo. Ông cố giữ một thái độ thờ ơ khi đọc tin nhắn.

"Có vẻ như không phải là một cuộc trò chuyện vô ích," ông nói. "Cô vẫn còn nghĩ rằng chúng ta phải đấu tranh với những con quái vật này mà không thỏa hiệp với tín ngưỡng của tôi chứ? Hay cô muốn quay lại thế giới thật và giúp bọn tôi cứu những sinh mạng vô tội?"

"Không có gì bảo đảm cô ta sẽ nghe cuộc gọi của tôi."

"Cô ta sẽ nghe," Gabriel nói. "Ai cũng sẽ nghe."

Gabriel mượn điện thoại của Zoe. Hai phút sau, sau khi tải một tập tin từ một trang web yêu cầu giảm giá khi đi du lịch đến miền Đất Thánh, ông trả điện thoại lại cho Zoe.

“Cô hãy thực hiện mọi cuộc đàm phán bằng điện thoại này. Nếu có điều gì cô cần báo trực tiếp cho bọn tôi, cô để sát điện thoại vào miệng và nói. Bọn tôi sẽ nghe thấy mọi lúc.”

“Giống như lần trước?”

Gabriel gật đầu. “Giống như lần trước.”

Zoe bỏ điện thoại vào lại trong túi xách và đứng lên. Gabriel nhìn theo Zoe khi cô bỏ đi, theo sau là Lavon và Chiara, ông ngồi một mình trong nhiều phút, đọc bản tin đầu tiên. Có vẻ như Rashid và Malik đang tiến dần gần đến Mỹ.

Tro bụi, chúng ta sẽ về với tro bụi.

22

MADRID-PARIS

Theo như dự đoán, cảm giác bình an xưa đã quay về với Madrid. Đã bảy năm, kể từ vụ đánh bom đoàn tàu hỏa và những ký ức của buổi sáng khủng khiếp hôm đó đã phai nhòa từ lâu. Để trả lời cho vụ thảm sát công dân của mình, Tây Ban Nha đã rút quân ra khỏi Iran và ra mắt cái được mô tả là "Liên minh các nền văn minh" với thế giới Hồi giáo. Theo các nhà bình luận chính trị, thì việc này đã thành công trong việc chuyển hướng sự nổi giận của Hồi giáo từ Tây Ban Nha sang Mỹ, nơi thực sự đã gây ra sự căm giận này. Chiếu theo những yêu sách của al-Qaeda có thể bảo vệ Tây Ban Nha khỏi một cuộc tấn công khác, hoặc ít ra họ đã nghĩ vậy.

Trái bom nổ lúc 9:12 tối, ở giao lộ của hai con đường đông đúc gần Puerta del Sol. Quả bom được lắp ráp trong một ga ra thuê ở một quận công nghiệp phía nam thành phố và giấu trong một chiếc xe tải nhỏ hiệu Peugeot. Nhờ vào sự lắp ráp khéo léo nên lực phá nổ ban đầu hướng về phía trái của một quán ăn phổ biến trong giới quan chức tinh nhuệ của Tây Ban Nha. Không có một chứng cứ mắt thấy tai nghe về chuyện gì đã thực sự xảy ra bên trong quán, bởi không còn ai sống sót để kể lại. Nếu có ai sống sót, thì họ sẽ kể lại giây phút ngắn ngủi của những thân thể bay trong những mảnh kính, dao, nĩa, thìa, đồ sứ và máu. Và rồi nguyên tòa nhà sụp đổ, chôn vùi người chết, người hấp hối bên dưới một núi đá vỡ vụn.

Sự thương tổn lớn hơn cả những mong đợi của quân khủng bố. Mặt tiền bị tách ra khỏi tòa nhà của nguyên một dãy, phơi bày những mạng người mà chỉ cách đây vài phút còn sống yên lành. Nhiều cửa hàng và quán cà phê gần đó bị thiệt hại và có thương vong, những cây nhỏ dọc trên đường rụng hết lá hoặc rễ bị bứng hoàn toàn. Không còn dấu vết nào của chiếc xe tải nhỏ, chỉ còn lại một hố lớn trên đường. Cuộc điều tra của cảnh sát Tây Ban Nha trong hai mươi bốn giờ đầu tiên, cho thấy rõ ràng là quả bom được điều khiển từ xa. Sau này, họ tìm ra DNA của một *shahid* văng tung tóe giữa những đống gạch vụn. Hắn chỉ mới hai mươi, là thợ mộc người Maroc thất nghiệp đến từ quận Lavapiés của Madrid. Trong cuốn video cảm tử, hắn nói một cách trìu mến về Yaqub al-Mansur, một vị vua Almohad của thế kỷ mười hai, được biết đến vì những cuộc đột kích đẫm máu vào lãnh thổ người Thiên Chúa giáo.

Để chống lại bối cảnh kinh khủng này, Zoe Reed của kênh CNBC về tin tức thị trường của Mỹ, gọi đến văn phòng quảng cáo của AAB Holdings, trước đây ở Riyadh và Geneva, sau này ở đại lộ Haussmann, ở quận chín của Paris. Thời gian lúc đó là bốn giờ mười phút chiều, thời tiết Paris dự đoán là u ám. Thông tin không được đáp trả ngay, theo quy tắc của AAB.

Như tạp chí *Forbes* đăng hàng năm, AAB là một trong những công ty thành công nhất trên thế giới chuyên về đầu tư những sáng tạo mới. Doanh nghiệp được Abdul Aziz al-Bakari sáng lập vào năm 1979. Đối với bạn bè và những người hay chê bai, chỉ trích Abdul al-Bakari là Zizi. Ông ta là người con trai thứ mười chín của một nhà buôn tầm cỡ. Bố ông đã làm chuyên viên khách hàng cao cấp và cố vấn tài chính cho Ibn Saud, người sáng lập vương quốc và là vị quốc vương chuyên chế đầu tiên. Những cổ phần của AAB bao phủ một

phạm vi rộng lớn và rất sinh lợi. Lĩnh vực hoạt động của AAB là vận chuyển và khai thác mỏ, hóa chất và thuốc. AAB có cổ phần chính ở những ngân hàng Mỹ và châu Âu. Đơn vị phụ trách bất động sản và khách sạn của AAB là một trong những đơn vị lớn nhất thế giới. Zizi đi du lịch bằng máy bay 747 mạ vàng và là chủ nhân của một dãy cung điện trải dài từ Riyadh đến French Riviera và Aspen, di chuyển trên biển bằng du thuyền *Alexandra* có kích cỡ của một chiến hạm. Bộ sưu tập thuộc trường phái Ấn tượng và Mỹ thuật Hiện đại được xem như một bộ sưu tập lớn nhất trong những bộ sưu tập cá nhân, và trong đó có bức *Marguerite Gachet bên bàn trang điểm* của Vincent van Gogh mua từ phòng tranh Mỹ thuật Isherwood, 7-8 Mason's Yard, St. James's, London. Người môi giới mua bức tranh này là một phụ nữ trẻ người Mỹ, Sarah Bancroft, đã làm việc trong thời gian ngắn cho Zizi với tư cách là tư vấn về nguồn gốc của hội họa.

Zizi là mục tiêu của nhiều lời đồn đãi, đặc biệt là về nguồn gốc tài sản to lớn của ông ta. Những tờ quảng cáo khẳng định rằng Zizi hoàn toàn được thừa hưởng tài sản này từ bố mình, nhưng sau một cuộc điều tra cẩn thận của một tờ báo doanh nghiệp Mỹ có thẩm quyền, lời khẳng định này được cho là không xác thực. Theo bài báo thì số tiền mặt khổng lồ của AAB chỉ có thể giải thích bằng một điều duy nhất: số tiền này được sử dụng như một bình phong cho hoàng gia Saud để âm thầm tái đầu tư cho việc xuất khẩu dầu mỏ trên toàn thế giới. Bị xúc phạm vì bài báo, Zizi dọa sẽ kiện. Sau này, nghe lời khuyên của những luật sư, ông thay đổi tâm tính, "sự trả thù tốt nhất là sống tốt," ông phát biểu với một nhà báo của tờ *Wall Street Journal*. "Và điều này tôi biết cách làm."

Có thể là vậy, nhưng những người phương Tây được vào trong nhóm thân tín của Zizi luôn cảm thấy ông ta có gì đó bồn chồn. Zizi rất hào phóng cho những buổi tiệc, mặc dù ông không tỏ vẻ thích thú. Ông không hút thuốc, cũng không uống rượu và từ chối sự hiện diện của chó và thịt heo. Ông cầu nguyện năm lần một ngày; mỗi mùa đông, khi những cơn mưa làm sa mạc Saudi nở rộ, ông lui về một trại quân hẻo lánh ở Nejd để suy gẫm và săn bắn với những con chim ưng săn mồi. Ông khẳng định rằng mình là hậu duệ của Muhammad Abdul Wahhab, một nhà truyền giáo của thế kỷ mười tám. Lời rao giảng của nhà truyền giáo này, về một đạo Hồi khắc khổ và khe khắt đã chính thức trở nên tín ngưỡng của Ả Rập Saudi. Zizi đã xây dựng nhiều nhà thờ Hồi giáo trên toàn thế giới, kể cả tại Mỹ và Tây Âu, và ông đã tài trợ nhiều cho Palestine. Những doanh nghiệp muốn kinh doanh với AAB biết rất rõ nên cử người Do Thái đến gặp Zizi. Theo lời đồn thì Zizi ghét Do Thái còn hơn là ghét những thua lỗ trong các vụ đầu tư.

Hóa ra những hoạt động từ thiện của Zizi vượt xa hơn những gì báo chí biết, ông cũng đóng góp hậu hĩnh cho những quỹ từ thiện liên quan đến phe cực đoan Hồi giáo và ngay cả dính líu trực tiếp đến al-Qaeda. Dần dà Zizi đã bước qua lằn ranh mỏng manh nhưng đầy hứa hẹn giữa những nhà tài chính với những người giúp cho quân khủng bố và chính quân khủng bố. Kết quả của việc đóng góp này là cuộc tấn công vào Vatican để lại hơn bảy trăm người chết và phá hủy mái vòm của vương cung Thánh đường Thánh Phê-Rô. Với sự trợ giúp của Sarah Bancroft, Gabriel đã truy đuổi và dồn đến đường cùng gã đàn ông lập kế hoạch tấn công – một sĩ quan phản bội hàng ngũ tình báo Ả Rập tên Ahmed Bin Shafiq – và đã giết hắn

trong một khách sạn ở Istanbul. Một tuần sau, ông cũng giết Zizi ở bến tàu Saint-Pierre, ở Cannes.

Mặc dù gắn bó với truyền thống Ả Rập, Zizi chỉ có hai vợ và đều ly dị cả hai. Ông có một người con độc nhất – cô con gái xinh đẹp Nadia. Nadia chôn bố mình theo truyền thống Wahhabi, dưới một ngôi mộ không bia ở một nơi bỏ phế, không người chăm sóc và ngay sau đó củng cố việc nắm giữ tài sản của bố mình. Cô chuyển trụ sở của AAB châu Âu từ Geneva, nơi mà cô thấy buồn chán, sang Paris, nơi mà cô thấy thoải mái hơn. Một số ít nhân viên sùng đạo của doanh nghiệp từ chối làm việc cho một phụ nữ, đặc biệt là một phụ nữ từ bỏ tấm mạng che mặt và uống rượu, nhưng phần đông nhân viên thì ở lại. Dưới tay Nadia, công ty đầu tư vào những lĩnh vực trước đây không có tên trong phạm vi hoạt động của mình. Nadia mua được một công ty thời trang nổi tiếng của Pháp, một công ty sản xuất các mặt hàng da thuộc cao cấp của Ý, một phần đầu tư đáng kể vào một ngân hàng của Mỹ, và một công ty sản xuất phim của Đức. Cô cũng thay đổi đáng kể số cổ phần của cá nhân cô. Nhiều căn nhà và đất của bố cô được âm thầm bán đi, trong số đó có chiếc du thuyền *Alexandra* và máy bay 747. Giờ Nadia chỉ sử dụng một chiếc Boeing Business Jet khiêm tốn và chỉ sở hữu có hai ngôi nhà – một biệt thự thanh nhã ở đại lộ Foch, Paris và một cung điện sang trọng ở Riyadh mà Nadia ít khi đến. Dù thiếu sự đào tạo trong kinh doanh chính quy, nhưng Nadia tỏ ra là một người thành thạo và có khả năng lãnh đạo. Tổng giá trị tài sản dưới quyền kiểm soát của AAB lớn hơn bao giờ hết trong lịch sử công ty, và Nadia al-Bakari, ở tuổi ba mươi ba được xem như là một trong những phụ nữ giàu nhất trên thế giới.

Mối quan hệ của AAB với giới truyền thông trong tay người trợ lý điều hành của Nadia, bà Yvette Dubois, một phụ nữ người Pháp ở tuổi năm mươi nhưng trông còn trẻ. Bà Dubois hiếm khi quan tâm đến những yêu cầu của phóng viên, nhất là những phóng viên làm việc cho các tòa báo Mỹ. Nhưng sau khi nhận được một cú điện thoại từ phóng viên nổi tiếng Zoe Reed, bà quyết định phải trả lời. Bà Dubois để một ngày trôi qua trước khi trả lời, và vì cố tình nên bà Dubois gọi lúc nửa khuya, giờ New York, giờ mà bà tin rằng cô Reed đang ngủ. Vì những lý do mà bà Dubois không hay biết, hóa ra cô Reed vẫn còn thức. Cuộc đối thoại tỏ ra thân thiện nhưng ít hứa hẹn. Bà Dubois giải thích rằng việc được mời nói chuyện đặc biệt trong một tiếng vào giờ phát sóng cao điểm, mặc dù rất đáng được chiếu cố và hãnh diện, nhưng hoàn toàn vượt quá khả năng có thể khả thi. Cô al-Bakari là người luôn đi du lịch và có nhiều vấn đề lớn tồn đọng cần giải quyết. Hơn nữa, rất đơn giản là cô al-Bakari không tham gia những loại phỏng vấn mà cô Reed có ý định thực hiện.

"Ít ra bà có thể chuyển lời yêu cầu đến cô al-Bakari không?"

"Tôi sẽ chuyển," người đàn bà Pháp nói, "nhưng tôi e rằng ít có hy vọng."

"Nhưng không phải là hoàn toàn không chứ?" Zoe hỏi một cách thăm dò.

"Chúng ta không nên chơi chữ, cô Reed ạ. Chúng không thuộc tầm cỡ của mình."

Câu nhận xét của bà Dubois gây ra một tràng cười vang rất cần thiết ở lâu đài Treville, một biệt thự kiểu Pháp xây dựng vào thế kỷ mười

tám, ở phía bắc Paris, ngay ngoài làng Seraincourt. Được bảo vệ bởi những bức tường cao gần bốn mét khỏi những cặp mắt soi mói, tòa biệt thự có hồ bơi nước nóng, hai sân tennis đất nện, ba mươi hai mẫu vườn được cắt tỉa và mười bốn phòng ngủ được trang trí công phu. Gabriel đã thuê căn biệt thự dưới tên của một công ty công nghệ cao của Đức, vốn chỉ có trong trí tưởng tượng của luật sư cộng tác cho Văn phòng và ngay sau đó ông nhanh chóng gửi hóa đơn cho Shamron ở Đại lộ King Saul. Ở vào trường hợp bình thường thì Shamron đã ngần ngại trước một cái giá cắt cổ như vậy, nhưng thay vào đó, với một chút khoái trá, Shamron chuyển hóa đơn cho Langley, nơi được xem như chịu trách nhiệm về tất cả chi phí của chiến dịch.

Trong những ngày tiếp theo, Gabriel và đội của ông bỏ phần nhiều thời gian vào việc giám sát những thông tin từ chiếc BlackBerry của Zoe. Chiếc điện thoại đang hoạt động như một gián điệp điện tử không mệt mỏi trong túi Zoe. Họ biết chính xác vĩ độ và kinh độ của cô, họ biết chính xác cả tốc độ di chuyển của cô. Họ biết khi cô đang mua cà phê sáng tại Starbucks, khi cô kẹt xe ở New York, và khi nhà sản xuất đang làm cô bực mình, một việc thường xuyên xảy ra. Qua giám sát hoạt động của Zoe qua Internet, họ biết là cô có kế hoạch sửa lại căn hộ ở Upper West Side. Qua đọc e-mail của cô, họ biết cô có nhiều người trồng cây si, trong đó có một tỷ phú kinh doanh trái phiếu, dù cho mất mát nặng cũng tìm thời gian để gửi cho cô hai lá thư một ngày. Họ cảm nhận rằng, mặc dù cô đạt được thành công nhưng cô không hoàn toàn hạnh phúc ở Mỹ. Cô thường thì thầm những lời chúc mã hóa cho họ. Đêm đến, giấc ngủ của cô không yên vì những cơn ác mộng.

Tuy nhiên, với phần còn lại của thế giới, cô cho thấy một sự bất khuất lạnh lùng. Và đối với một số ít người được đặc quyền chứng kiến sự quyến rũ của một nhà báo Pháp, cô chưa cung cấp nhiều chứng cứ rằng cô là một gián điệp tự nhiên nhất mà chưa một ai trong họ đã gặp. Cách thức mà Zoe sử dụng trong những điệp vụ của mình là một cuốn sách giáo khoa phối hợp kỹ thuật âm thanh phù hợp với sự kiên trì không nhượng bộ. Zoe tâng bốc, Zoe phỉnh phờ, và ngay cả cuối của một cuộc tranh cãi qua điện thoại, Zoe cũng cố nhỏ một vài giọt lệ. Ngay cả như vậy, bà Dubois cũng chứng tỏ mình hơn cả một đối thủ đáng giá. Sau một tuần, bà tuyên bố rằng việc thuyết phục Nadia đi đến chỗ bế tắc, nhưng hai ngày sau bà lại thay đổi tình thế khi bất ngờ gửi cho Zoe một bảng câu hỏi chi tiết. Zoe hoàn tất tài liệu bằng tiếng Pháp rất chuẩn và gửi lại vào sáng hôm sau. Bà Dubois lại bặt vô âm tín. Ở lâu đài Treville, Gabriel và đội của ông rơi vào tình trạng thất vọng điển hình khi nhiều ngày quý giá trôi đi mà không có một sự liên lạc nào. Chỉ có Zoe là vẫn lạc quan. Cô đã gạ gẫm nhiều trong quá khứ và biết khi nào thì cá cắn câu. Một buổi tối, lúc đã trễ, khi chiếc điện thoại BlackBerry đang được nạp pin ở bàn đầu giường, Zoe thầm thì với Gabriel, "Tôi đã nắm được bà ta rồi cưng, chỉ còn là vấn đề khi nào bà ta đầu hàng thôi."

Sự tiên đoán của Zoe hóa ra là đúng, mặc dù người đàn bà Pháp còn để trôi qua thêm hai mươi bốn giờ nữa trước khi tuyên bố lời đầu hàng có điều kiện của mình. Bà ta gửi đến một lời mời miễn cưỡng. Do hủy bỏ bất ngờ một cuộc hẹn nên cô al-Bakari rảnh vào bữa trưa lúc hai giờ. Không biết cô Reed có muốn đến Paris mặc dù được báo trễ không? Với sự khéo léo chuyên nghiệp tột bậc, để chọc

tức, Zoe đợi chín mươi phút trước khi gọi điện thoại lại chấp nhận lời mời.

"Tôi muốn làm rõ một vấn đề," bà Dubois nói. "Đây sẽ không phải một cuộc phỏng vấn, bữa trưa sẽ hoàn toàn không được công bố và ghi chép công khai. Nếu cô al-Bakari cảm thấy thoải mái với cô, cô ta sẽ xem xét bước tiếp theo."

"Tôi sẽ gặp cô ta ở đâu?"

"Như cô đã biết, cô al-Bakari không thích nói chuyện kinh doanh tại nhà hàng, chúng tôi đã mạn phép đặt chỗ ở dãy phòng Louis XV tại khách sạn Crillon. Cô al-Bakari sẽ tiếp cô lúc một giờ ba mươi, và cô ta sẽ giành quyền thanh toán bữa ăn. Đó là quy luật của cô ấy."

"Còn có điều gì tôi cần biết về cô ấy nữa không?"

"Cô al-Bakari nhạy cảm về những câu hỏi liên quan đến cái chết của bố cô ta," bà Dubois nói. "Và tôi sẽ không dừng lại ở đề tài Hồi giáo và quân khủng bố. Cô al-Bakari thấy đó là một vấn đề nhàm chán. *À tout à l'heure*, cô Reed."

23

PARIS

Sau này, đội sẽ nhớ lại quãng thời gian chuẩn bị sau đó là thời gian khó chịu nhất mà họ đã phải chịu đựng. Nguyên nhân không ai khác là Gabriel, với tâm trạng dễ cáu đã bỏ lại áo khoác trong những căn phòng của lâu đài Treville. Ông lý sự nhỏ nhặt về vị trí của nơi quan sát, bình luận về kế hoạch dự phòng, và ngay cả yêu cầu thay đổi địa điểm buổi gặp gỡ. Nếu theo hoàn cảnh bình thường, thì đội sẽ không do dự để phản đối, nhưng họ có thể cảm thấy có điều gì đó trong chiến dịch đã làm Gabriel dễ bực mình. Dina nghĩ là vì vụ Covent Garden và ký ức kinh khủng về phát súng đã không được bắn ra, một giả thuyết mà Eli Lavon bác bỏ. Eli giải thích không phải Gabriel chịu áp lực của vụ ở London, nhưng là vụ ở Cannes. Gabriel đã vi phạm một nguyên tắc cá nhân tối hôm đó; ông đã giết chết Zizi ngay trước mặt con gái ông ta. Zizi al-Bakari, tên tài trợ tài chính cho những vụ thảm sát hàng loạt, xứng đang chết, nhưng Nadia, đứa con một, không cần bị bắt buộc phải chứng kiến cái chết này.

***Chỉ có Zoe là bảo vệ tâm trạng cáu gắt của Gabriel. Cô đã dành ngày cuối rảnh rang ở New York, sau đó lúc năm giờ ba mươi chiều, đáp chuyến bay 17 của hãng Air France đi Paris. Là người đi du lịch nhiều kinh nghiệm, Zoe chỉ mang một túi xách nhỏ và một va li đựng máy tính xách tay và một tập tài liệu. Tập tài liệu này gồm

các tài liệu được phân loại kỹ càng, cùng với bản báo cáo tóm tắt cụ thể về chiến lược áp dụng trong bữa trưa. Những tài liệu này được người ngồi cạnh Zoe đưa cho cô chẳng bao lâu sau khi máy bay cất cánh. Người này là một sĩ quan của trạm tình báo tại New York. Sau đó tài liệu được thu lại ngay trước khi máy bay hạ cánh.

Vì vẫn còn sở hữu hộ chiếu Anh nên Zoe vô tư qua cửa hải quan để xếp hàng di chuyển nhanh chóng và sau đó đón một chiếc xe dịch vụ về trung tâm thành phố. Cô đến khách sạn Crillon gần chín giờ; sau khi nhận phòng, Zoe thay quần áo thể thao và chạy bộ dọc theo những lối đi của vườn Tuileries. Mười một giờ ba mươi, Zoe vào một tiệm làm tóc độc quyền cạnh khách sạn, gội và sấy tóc sau đó về phòng và thay đồ để đi ăn trưa. Cô rời phòng sớm và đứng ở sảnh sang trọng, hai tay siết chặt để che giấu sự bồn chồn, khi chiếc đồng hồ quả lắc oai vệ điểm 1:15.

Mùa này là thời gian yên ắng của năm tại Crillon, thời điểm tạm ngưng các hoạt động giữa mùa hè với những giành giật nhộn nhịp mua bán và sự săn đón chào mời các nhân vật nổi tiếng trong các ngày lễ mùa đông. Ông Didier quản lý những nhân viên hướng dẫn khách đứng sau quầy, cặp mắt kính nửa tròng gắn trên cái mũi vương giả, nếu ông ta là người cuối cùng trên thế gian này thì mới có người đến hỏi nhờ giúp đỡ. Herr Schmidt, quản lý người Đức, đứng cách quầy lễ tân chừng một mét, tay đang cầm chiếc điện thoại áp vào tai, trong khi Isabelle, điều phối viên những sự kiện đặc biệt, chú ý một cách tỉ mỉ đến những cành lan ở lối vào lấp lánh của đại sảnh. Nỗ lực của Isabelle không hề được một doanh nhân dáng điệu chán nản người Ả Rập ngồi gần cầu thang và một cặp tình nhân đang uống vội vàng ly cà phê kem ngồi dưới bóng mát của sân trong chú ý đến nhiều. Thật ra, doanh nhân là một nhân viên trong

đội ngũ đông đảo của phòng bảo vệ an ninh khách sạn, và cặp tình nhân là Yaakov và Chiara. Nhân viên khách sạn tin rằng họ là một cặp dễ thương từ Montreal đường đột đến Paris để an ủi một người bạn đang gặp vấn đề khi ly dị.

Khi đồng hồ điểm một giờ rưỡi, Isabelle đi thong thả ra cửa và nhìn lên bầu trời xám xịt của Paris như trông ngóng một ai. Zoe liếc nhìn vào trong sân và thấy Yaakov gõ vào túi diêm giấy để trên bàn. Đây là ám hiệu cho biết đoàn xe hộ tống – hai chiếc Mercedes S được thuê và chiếc Maybach 62 được thuê cho công chúa – đã rời tòa nhà AAB ở đại lộ Haussmann và đang đi đến khách sạn. Ngay lúc này, đoàn xe đang kẹt ở con phố hẹp Miromesnil. Khi lưu thông được thông suốt, chỉ cần năm phút là đoàn xe sẽ vào cổng khách sạn Crillon. Isabelle đứng chờ đón giữa một nửa số nhân viên mở cửa ăn mặc tề chỉnh. Nhân viên an ninh AAB không giả vờ nhàm chán nữa mà lảng vảng quanh Zoe và không cần quá nỗ lực để che giấu là mình có mang vũ khí.

Bên ngoài sáu cánh cửa xe mở cùng một lúc, và sáu người đàn ông trước đây là thành viên thuộc đội Cận vệ tinh nhuệ của Ả Rập bước ra khỏi xe. Một người trong số họ quen thuộc đối với Gabriel: Rafiq al-Kamal, cựu đội trưởng vạm vỡ của đội cận vệ cá nhân của Zizi al-Bakari và nay phục vụ con gái ông ta. Chính al-Kamal đã điều hành việc rà soát trước khách sạn sáng sớm nay và giờ đi sau Nadia như một thuộc hạ khi cô bước ra từ sau xe Maybach, đi vào đại sảnh nơi mà Zoe đón cô bằng một nụ cười với hàm răng trắng đều đặn trong khi tim đập mạnh trong lồng ngực.

Trong phòng cất hồ sơ của Đại lộ King Saul có nhiều hình ảnh của Nadia trẻ hơn, hoặc như Eli Lavon thích nói, Nadia trước khi vấp ngã. Trong chuyến bay từ New York đến Paris, Zoe đã được xem

một vài hình ảnh minh họa rõ ràng cho thấy một phụ nữ da màu nóng bỏng khoảng hai mươi lăm, xinh đẹp, được nuông chiều và trịch thượng. Cô là người hút thuốc lá và uống rượu sau lưng bố, là người đã vi phạm giáo điều Muhammad, để da trần trên những bãi biển sang trọng nhất thế giới. Cái chết của bố cô đã làm dáng đi cô thẳng hơn và nét mặt trở nên nghiêm nghị hơn nhưng vẫn không làm mất đi vẻ đẹp của Nadia chút nào. Cô mặc một cái áo trắng tinh, mái tóc đen đổ dài xuống vai giống như một chiếc khăn choàng bằng satin. Mắt cô to và gần như đen. Một chuỗi ngọc trai vòng qua trên cổ màu bánh mật. Cổ tay thon đeo một chiếc vòng vàng dày. Mùi của cô pha trộn nồng nàn giữa mùi hoa lài, oải hương và mặt trời. Bàn tay Nadia khi bắt tay Zoe lạnh như đá cẩm thạch.

Bằng một chất giọng không bộc lộ nguồn gốc nào ngoài giọng của sự giàu có, Nadia nói "Thật là một niềm vui lớn khi cuối cùng cũng được gặp cô, tôi đã được nghe rất nhiều về những hoạt động của cô."

Trong một nỗ lực thận trọng, lần đầu tiên Nadia nở nụ cười, trong khi cặp mắt không biểu lộ gì. Zoe cảm thấy hơi tù túng giữa những cận vệ, nhưng Nadia xử sự như không hề chú ý đến sự hiện diện của họ.

"Tôi xin lỗi đã bắt cô đột ngột đi một đoạn đường đến Paris."

"Không sao đâu, thưa cô al-Bakari."

"Nadia," cô nói, với nụ cười thành thật hơn. "Tôi rất mong cô gọi tôi là Nadia."

Al-Kamal có vẻ bồn chồn muốn cuộc gặp gỡ diễn ra phía ngoài đại sảnh, bà Dubois cũng vậy. Bà đong đưa nhẹ đầu gối đến ngón chân. Bỗng nhiên Zoe cảm thấy có một bàn tay vô hình trên vai và

đẩy cô về phía thang máy. Cô ép mình vào thang máy chật chội cạnh Nadia và những người cận vệ, cô phải nhích vai một chút thì mới đóng được cánh cửa thang máy. Mùi hoa lài và hoa oải hương trong không gian giới hạn gây ảo giác nhẹ. Hơi thở của Nadia vẫn còn dấu vết nhẹ của điếu thuốc lá sau cùng Nadia hút.

"Cô có thường xuyên đến Paris không Zoe?"

"Không thường xuyên lắm," Zoe đáp trả.

"Trước đây cô có ở Crillon không?"

"Thật ra đây là lần đầu tiên."

"Cô nhất định phải để tôi thanh toán tiền phòng cho cô."

"Tôi e rằng không nên." Zoe duyên dáng mỉm cười và đáp.

"Đó là điều ít nhất tôi có thể làm."

"Như vậy cũng phi đạo đức."

"Sao thế?"

"Giống như tôi đang nhận một điều gì đáng giá để viết một bài báo thuận lợi. Tòa soạn báo tôi cấm điều này. Phần đông các tòa soạn đều như vậy, hay ít ra những tòa soạn có tiếng."

"Tôi không nghĩ rằng quan trọng như vậy."

"Một tòa soạn có uy tín?" Zoe nói như tâm sự. "Một hay hai."

"Trong đó có tòa soạn của cô?"

"Vâng trong đó có tòa soạn của tôi." Zoe nói. "Thật ra, tôi sẽ cảm thấy thoải mái hơn nếu cô cho phép tôi trả tiền bữa trưa."

"Đừng nghĩ vớ vẩn nữa. Vả lại," Nadia tiếp, "tôi chắc chắn là cô Zoe Reed nổi tiếng không để cho mình bị ảnh hưởng bởi một bữa ăn trưa thân mật trong một khách sạn ở Paris."

Họ im lặng. Khi cuối cùng cánh cửa thang máy lách cách mở ra và al-Kamal quan sát hành lang trước khi nhanh nhẹn đưa Zoe và Nadia vào dãy phòng Louis XV hạng sang. Đồ đạc theo phong cách cổ điển của Pháp đã được bố trí lại để tạo ra cảm giác của một phòng ăn sang trọng và riêng tư. Một bàn ăn tròn cho hai người được dọn trước cửa sổ cao trông xuống quảng trường Concorde. Với vẻ hài lòng, Nadia quan sát căn phòng trước khi dập tắt cây nến đang cháy giữa những đồ bằng pha lê và bạc. Và, bằng cặp mắt đen, cô mời Zoe ngồi.

Tiếp sau đó là một vài phút khôi hài để trải khăn ăn, đóng cửa, lén nhìn, và thầm thì – bằng tiếng Pháp và tiếng Ả Rập. Cuối cùng, theo yêu cầu của Nadia, đám cận vệ lui ra hành lang, cùng với bà Dubois, bà có vẻ không thoải mái khi để cô chủ lại một mình với cô phóng viên nổi tiếng. Người phục vụ rượu rót một vài giọt Montrachet vào ly của Nadia. Nadia hài lòng về rượu và nhìn chiếc BlackBerry nằm trên bàn như một vị khách không được mời. "Cô không phiền tắt điện thoại chứ?" Nadia cố gắng làm nhẹ lời yêu cầu. "Người ta nên cẩn thận ngày nay đối với những thiết bị điện tử. Cô không thể biết ai đang nghe lén đâu."

"Tôi hoàn toàn hiểu cô," Zoe đáp.

Nadia quay về ly rượu trên bàn và nói, "Tôi chắc chắn cô hiểu."

Đối với thiết bị truyền tải rất nhỏ giấu cẩn thận trong dãy phòng khách sạn, những chữ cuối này, xem có vẻ ngây thơ và đe dọa, có thể là những chữ cuối cùng người đàn ông có tầm vóc trung bình đang ngồi trong căn phòng của một lâu đài phía bắc Paris nghe thấy.

Với cái lướt nhẹ trên bàn phím của máy tính xách tay, thông tin nghe được lại tiếp tục được truyền chỉ sau một gián đoạn ngắn. Trong sân khách sạn Crillon, cặp tình nhân từ Montreal đã đi, và được thay bằng hai người đàn bà trạc độ ba mươi lăm. Một người có mái tóc nâu nhạt và hông đẫy đà; người kia có tóc màu sẫm và dáng đi hơi khập khễnh. Cô ta giả vờ đọc một tạp chí thời trang. Điều này giúp cô ta quên đi tiếng tích tắc của đồng hồ không ngừng reo lên trong đầu.

24

PARIS

Có những cuộc tuyển mộ dựa trên sự lôi kéo, có những cuộc tuyển mộ khác gần như là sự tống tiền, và vẫn có những tuyển mộ khác như một vũ khúc ba lê dành cho những người bị thương tích. Nhưng ngay cả Ari Shamron, người đã thuộc về thế giới ngầm lâu nhất sau này cũng sẽ nói là ông chưa bao giờ chứng kiến một sự tuyển mộ như của Nadia al-Bakari. Qua một đường kết nối an toàn ở Đại lộ King Saul, ông đã nghe phần mở màn và ông tuyên bố rằng đây là màn tuyển mộ xuất chúng nhất mà ông chưa bao giờ nghe, ông đặc biệt đánh giá cao người tuyển mộ. Thật đặc biệt khi sự khen ngợi đến từ một nghề nghiệp mà Shamron không biết ngoại trừ sự khinh miệt.

Gabriel đã hướng dẫn người chiêu mộ của ông là phải từ từ, và cô ta đã hành động từ từ. Trong những giờ đầu tiên của sự gặp gỡ, khi những người phục vụ im lặng ra vào dãy phòng, Zoe đã hỏi Nadia một cách kính trọng về những thay đổi mà cô đã thực hiện trong vấn đề đầu tư của AAB và về những thách thức mà sự suy thoái kinh tế toàn cầu đã gây ra. Gabriel đã ngạc nhiên vì hóa ra cô nàng thừa kế Ả Rập thích sống ẩn dật lại là người có tài ăn nói lưu loát, hấp dẫn và thẳng thắn, cũng là người khôn ngoan hơn so với số tuổi ba mươi ba của cô. Dĩ nhiên là không có một dấu vết nào của sự căng thẳng cho đến khi Zoe, một cách thờ ơ, hỏi Nadia là cô đi Ả Rập

Saudi có thường xuyên không. Câu hỏi gây ra một sự im lặng khó chịu đầu tiên, như Gabriel đoán sẽ xảy ra. Nadia nhìn Zoe một lúc bằng cặp mắt đen sâu thẳm của mình trước khi trả lời bằng một câu hỏi.

"Cô đã đến Ả Rập Saudi chưa?"

"Một lần." Zoe trả lời.

"Đi công việc?"

"Còn có một lý do khác cho một người phương Tây đến Ả Rập sao?"

"Tôi nghĩ rằng không." Gương mặt Nadia dịu lại. "Cô đã đi những đâu?"

"Tôi có hai ngày ở Riyadh. Sau đó tôi đến Empty Quarter để đi tham quan dự án khoan dầu mới của Saudi Aramco ở Shaybah. Thật là ấn tượng."

"Thực ra cô vừa mô tả dự án này như một sự kiện 'kỳ diệu về công nghệ bảo đảm sự thống trị của Ả Rập trên thị trường dầu hỏa toàn cầu kéo dài ít nhất trong một thế hệ khác nữa'." Nadia thoáng mỉm cười. "Cô có thực sự nghĩ rằng tôi chấp nhận một cuộc phỏng vấn mà không xem lại tác phẩm của cô không? Suy cho cùng cô cũng có một điều gì đó làm nên danh tiếng của cô."

"Là điều gì?"

Không do dự, Nadia nói "Sự tàn nhẫn, người ta nói tính cô khắt khe, cô thích hủy diệt các công ty và những người thừa hành làm trái ý cô."

"Tôi không còn như vậy nữa. Giờ tôi đã có chương trình phát sóng trên truyền hình, chúng ta không tra hỏi nhau. Chúng ta chỉ nói chuyện."

"Cô không bỏ lỡ cơ hội làm một nhà báo *đích thực* chứ?"

"Ý cô muốn nói phóng viên báo in?"

"Phải."

"Thỉnh thoảng," Zoe xác nhận, "nhưng khi tôi nhìn vào tài khoản của mình, tôi cảm thấy dễ chịu hơn."

"Đó là lý do cô rời London? Vì tiền?"

"Có những lý do khác nữa."

"Lý do gì?"

"Loại lý do mà tôi thường không tranh luận trong chuyên môn."

"Nghe có vẻ như liên quan đến một người đàn ông," Nadia nói bằng giọng hòa giải.

"Cô rất sâu sắc."

"Đúng vậy," Nadia đưa tay ra lấy ly rượu nhưng ngừng lại và bỗng nhiên nói. "Tôi không thường xuyên đi Ả Rập, định kỳ ba hay bốn tháng một lần, không hơn. Và khi tôi đi, tôi không ở lại lâu."

"Vì sao?"

"Vì những lý do cô có thể đoán ra." Nadia có vẻ như chọn lời để nói một cách thận trọng. "Lề luật và phong tục của Hồi giáo và Ả Rập rất xưa và rất quan trọng trong xã hội của chúng tôi. Tôi đã học cách lèo lái hệ thống theo cách mà công việc kinh doanh của tôi ít bị gián đoạn."

"Về số phận phụ nữ trong đất nước cô thì sao?"

"Về số phận họ à?"

"Họ không may mắn như cô. Phụ nữ ở Ả Rập được xem như tài sản chứ không phải con người. Một số họ có cuộc sống khóa kín trong nhà. Họ không được phép lái xe, không được phép ra ngoài xã

hội mà không có người đàn ông hộ tống và phải che kín thân thể dưới một tấm áo choàng và một tấm vải che. Họ không được phép đi du lịch, ngay cả đi trong nước mà không được sự cho phép của bố và anh của họ. Được phép giết họ vì danh dự nếu người phụ nữ mang lại nhục nhã cho gia đình hoặc tham gia vào những hành vi không hợp với Hồi giáo; ngoại tình là tội bị ném đá. Ở cái nôi của Hồi giáo, phụ nữ còn không được vào nhà thờ Hồi giáo tại Mecca và Medina, một điều kỳ lạ, khi nhà tiên tri Muhammad bảo vệ cho thuyết nam nữ bình quyền. 'Hãy đối xử tốt và tử tế với vợ mình,' Ngài nói, 'vì họ là đối tác và là người hỗ trợ cho các người.'"

Nadia khảy một vết bẩn trên khăn bàn. "Tôi khâm phục sự trung thực của cô đó Zoe. Phần đông các nhà báo khi muốn bảo đảm có một cuộc phỏng vấn quan trọng thì họ sẽ sử dụng đến những lời vô vị và tâng bốc."

"Tôi có thể làm điều đó nếu cô thích hơn."

"Thật ra tôi thích sự trung thực hơn. Chúng tôi không có điều đó ở Ả Rập Saudi. Đúng ra là chúng tôi tránh với bất cứ giá nào." Nadia hướng mắt về phía cửa sổ. Bên ngoài trời đủ tối để phản chiếu lại hình ảnh của Nadia như một bóng ma. "Tôi không bao giờ nghĩ rằng cô lại quan tâm đến hoàn cảnh của phụ nữ Hồi giáo," Nadia nhẹ nhàng nói. "Những bài báo trước đây của cô không đề cập đến vấn đề này."

"Cô có đọc nhiều bài của tôi không?"

"Tất cả," Nadia nói. "Có nhiều bài về sự tham nhũng trong giới doanh nhân, nhưng không có bài nào về hoàn cảnh khốn khổ của phụ nữ Hồi giáo."

"Tôi quan tâm đến quyền lợi của *tất cả* phụ nữ, bất kể tín ngưỡng của họ," Zoe ngừng lại, và tiếp bằng giọng thách thức. "Tôi nghĩ một người ở địa vị cô cũng quan tâm đến điều này."

"Vì sao cô nghĩ vậy?"

"Vì cô có quyền lực và ảnh hưởng để là một ví dụ quan trọng."

"Tôi điều hành một công ty rộng lớn, Zoe. Tôi không có thời gian và mong muốn dính líu vào chính trị."

"Cô không có?"

"Không có gì?"

"Mong muốn chính trị."

"Tôi là công dân Ả Rập Saudi," Nadia nói. "Chúng tôi có quốc vương, chúng tôi không làm chính trị. Ngoài ra ở Trung Đông làm chính trị có thể rất nguy hiểm."

Zoe thận trọng hỏi "Bố cô có bị giết vì chính trị không?"

Nadia quay nhìn Zoe. "Tôi không biết vì sao bố tôi bị giết, và tôi chắc rằng cũng không ai biết, dĩ nhiên là ngoại trừ những kẻ giết ông."

Một không khí im lặng bao trùm. Nó chỉ bị phá vỡ bởi tiếng cửa mở vài giây sau đó. Hai người phục vụ mang cà phê và bánh ngọt vào, theo sau họ là Rafiq al-Kamal, người điều hành an ninh, và bà Dubois. Bà ta gõ vào mặt đồng hồ đeo ở tay ra vẻ là cuộc gặp gỡ đã kéo dài khá lâu. Zoe sợ rằng Nadia hiểu được tín hiệu và sẽ tìm cớ để về. Nhưng trái lại, Nadia ra lệnh cho họ bằng cách hất tay hách dịch bảo họ đi ra. Cô cũng làm vậy với những người cầm khay bánh, nhưng lấy cà phê trên khay. Nadia uống cà phê đen với rất nhiều đường.

“Đây có phải là loại câu hỏi cô có ý định hỏi tôi khi phát sóng lên ti vi không? Những câu hỏi về quyền lợi phụ nữ ở Ả Rập Saudi? Những câu hỏi về cái chết của bố tôi?”

“Chúng tôi không tiết lộ trước những câu hỏi của một cuộc phỏng vấn.”

“Thôi mà Zoe, thôi mà. Chúng ta đều biết sẽ diễn ra như thế nào mà.”

Zoe thoáng suy nghĩ. “Nếu thất bại trong việc hỏi về bố cô, tôi sẽ bị đưa ra tòa vì hành nghề phi pháp. Và cô sẽ được trở thành một đề tài rất hấp dẫn.”

“Điều này sẽ biến tôi thành một người không bố.” Nadia lấy gói thuốc lá Virginia Slims từ túi xách và lấy chiếc bật lửa có vẻ như tầm thường bằng vàng mồi thuốc.

“Đêm đó cô ở Cannes?”

“Vâng, tôi ở đó,” Nadia nói. “Một phút trước chúng tôi đang tận hưởng một buổi tối tuyệt vời trong nhà hàng ưa thích của hai bố con. Vài phút sau, tôi ôm bố tôi đang hấp hối trên đường.”

“Cô có thấy những kẻ giết ông không?”

“Chúng có hai người,” Nadia gật đầu nói. “Chúng đi xe mô tô, rất nhanh và điều khiển rất khéo léo. Ban đầu tôi nghĩ chúng là bọn thanh niên Pháp đang vui đùa trong một buổi tối ấm áp mùa hè. Nhưng sau đó tôi trông thấy vũ khí. Hiển nhiên chúng là dân chuyên nghiệp.” Nadia kéo một hơi và thở ra một làn khói mỏng lên trần nhà. “Sau đó mọi thứ là một bóng mờ.”

“Một số bản báo cáo cho biết cô đã hét lên đòi trả thù.”

"Tôi e rằng sự trả thù là cách của người Ả Rập du cư ở vùng sa mạc." Nadia buồn bã nói. "Tôi nghĩ rằng sự báo thù nằm trong máu tôi."

"Cô khâm phục bố cô," Zoe hối thúc thêm.

"Tôi khâm phục ông," Nadia nói.

"Ông ấy là một nhà sưu tầm nghệ thuật."

"Ông ấy là người ham hiểu biết."

"Cô chia sẻ với niềm đam mê của bố cô."

Với tay lấy tách cà phê, Nadia nói "Bộ sưu tập nghệ thuật của tôi là sự riêng tư."

"Không riêng tư như cô nghĩ đâu."

Nadia nhìn lên ra vẻ cảnh giác nhưng không nói gì.

"Theo nguồn tin tôi được biết là tháng trước cô đã sở hữu một vật quan trọng. Cô là người mua bức tranh *the Rothko* ở Christie's với một giá kỷ lục."

"Nguồn tin của cô sai rồi Zoe."

"Nguồn tin của tôi *không bao giờ* sai. Và tôi cũng được biết thêm một số thông tin về cô. Thật ra cô không thờ ơ về quyền lợi của phụ nữ trong thế giới Hồi giáo như cô làm ra vẻ đâu. Cô đã âm thầm cho hàng triệu đô la để chống lại sự bạo tàn đối với phụ nữ và thêm hàng triệu nữa để thúc đẩy tinh thần làm chủ của phụ nữ, vì cô tin rằng sẽ hữu ích cho việc nâng cao vị thế của phụ nữ Hồi giáo hơn bao giờ hết. Nhưng việc từ thiện của cô không dừng ở đó. Tôi nghe nói cô dùng tiền để thúc đẩy tự do ngôn luận và độc lập trong giới truyền thông Ả Rập. Cô cũng nỗ lực để phản bác lại sự lan truyền của hệ tư tưởng Wahhabi nguy hiểm bằng cách quyên tiền cho

những tổ chức thúc đẩy một kiểu Hồi giáo khoan dung hơn." Zoe ngừng một lát và tiếp. "Tóm lại, những hoạt động của cô phác họa bức chân dung một phụ nữ can đảm, đơn thân độc mã cố gắng thay đổi bộ mặt của Trung Đông mới."

Nadia cười khảy và một lúc sau cô nói. "Thật là một câu chuyện hấp dẫn, nhưng tiếc thay không có gì là thật cả."

"Không sao," Zoe đáp trả, "bởi vì có những người muốn giúp cô."

"Loại người nào?"

"Người có thể quyết định."

"Ở Trung Đông, những người có thể quyết định là gián điệp hay khủng bố."

"Tôi có thể bảo đảm họ không phải khủng bố."

"Nếu vậy họ chắc hẳn phải là gián điệp."

"Tôi không được biết mối liên kết của họ."

Nadia nhìn Zoe một cách hoài nghi. Zoe lấy tấm thiệp không đề tên chỉ có số điện thoại của chiếc BlackBerry.

"Đây là số điện thoại cá nhân của tôi. Cô nên tiến hành một cách thận trọng. Như cô biết đó, có những người quanh cô không cùng chí hướng để thay đổi thế giới Hồi giáo tốt hơn – trong đó có cả cận vệ của chính cô."

"Cô được lợi ích gì trong việc này, Zoe?"

"Không có lợi ích gì ngoài việc có được một cuộc phỏng vấn người phụ nữ tôi ngưỡng mộ."

Nadia do dự. Rồi cô lấy tấm thiệp và nhét vào túi xách. Vào lúc đó cánh cửa lại mở ra và bà Dubois bước vào, đi cạnh bà là Rafiq al-Kamal. Một lần nữa bà Dubois lại gõ chiếc đồng hồ đeo tay. Lần này,

Nadia đứng lên. Bỗng nhiên cô có vẻ mệt mỏi, cô giơ tay về phía Zoe.

"Tôi không chắc là tôi sẵn sàng vén màn lên," cô nói, "nhưng tôi sẽ xem xét đề nghị của cô. Cô có vui lòng ở lại Paris thêm vài ngày nữa không?"

"E rằng sẽ rất khó," Zoe nói một cách bỡn cợt, "nhưng tôi sẽ cố thu xếp."

Nadia thả tay Zoe ra và theo cận vệ của cô ra hành lang. Zoe đứng lại trong phòng ăn thêm một lúc lâu nữa trước khi về phòng mình ở ba tầng phía dưới. Zoe bật chiếc BlackBerry và gọi cho nhà sản xuất ở New York. Cô giải thích là cô sẽ ở lại Paris để tiếp tục thương thuyết. Sau đó cô để chiếc BlackBerry trên bàn đầu giường và ngồi rất lâu ở chân giường. Zoe còn ngửi được mùi hoa lài và hoa oải hương, mùi của Nadia. Zoe nhớ lại lúc chia tay với Nadia. Tay Nadia lạnh một cách kỳ lạ khi chạm vào. Bàn tay của sự sợ hãi, Zoe nghĩ vậy. Bàn tay của sự chết chóc.

25

SERAINCOURT, PHÁP

Cuộc điện thoại Zoe gọi về New York vang lên trong những căn phòng có trần nhà cao ở lâu đài Treville như một bản nhạc trumpet. Gabriel trả lời ngay bằng cách gửi một đường truyền an toàn đến Adrian Carter, và rồi công ty mẹ AAB cũng như người sở hữu công ty, Nadia al-Bakari là mục tiêu cho NSA canh phòng. Điều đó có nghĩa là bây giờ Carter đã biết tên người Hồi giáo giàu có với thành tích không thể nghi ngờ mà Gabriel muốn gây quỹ cho mạng lưới của Rashid. Điều đó cũng có nghĩa là, vào bất cứ lúc nào, hàng chục thành viên khác trong cộng đồng ngổn ngang của tình báo Mỹ cũng biết. Đây là một rủi ro mà Gabriel không có lựa chọn. Tín hiệu tình báo của Israel rất vượt trội, nhưng khả năng mờ nhạt so với NSA. Ưu thế của Mỹ về thế giới kỹ thuật số không có đối thủ. Đây là một nhân tố thuộc về con người – khả năng tuyển dụng gián điệp và lấy được cảm tình của kẻ thù – điều này người Mỹ không làm được, và đó là lý do họ đến với Văn phòng.

Theo yêu cầu của Gabriel, Carter làm tất cả những gì có thể để che giấu tên Nadia với những quan chức còn lại của Washington. Dù hiển nhiên sẽ có ảnh hưởng đến mối bang giao giữa Mỹ với Ả Rập, nhưng Carter làm lơ đi việc đề cập điều này cho tổng thống và cả cho James McKenna trong buổi họp hàng tuần tại Nhà Trắng về vấn đề chống khủng bố. Ông cũng cẩn thận bảo vệ danh tính của những

người lo việc xem xét lại những vụ việc bị can thiệp của NSA. Trước tiên, chúng được gửi đến cho cá nhân Carter tại Langley sau đó đến trạm CIA tại Paris. Phó giám đốc, người mang một món nợ trong sự nghiệp của ông với Carter, sẽ tự lái xe đi giao tài liệu cho ngôi nhà lớn ở nông thôn Seraincourt, tài liệu sẽ chuyển cho Sarah Bancroft. Đặc biệt cho Gabriel và đội là điện thoại và e-mail của Rafiq al-Kamal, đội trưởng an ninh của Nadia. Mặc dù có nhiều cuộc gọi cho những người liên lạc bên trong Ban Giám sát Tình báo Ả Rập và Bộ Nội vụ, nhưng al-Kamal chưa một lần nhắc đến tên Zoe Reed. Tuy nhiên, đối với bà Dubois lại khác. Bà Dubois dành bảy mươi hai giờ tiếp sau cuộc gặp gỡ giữa Nadia và Zoe để lục tung những tài liệu giữa Paris và London, hầu tìm ra những chuyện bẩn thỉu và những lời bàn tán về cuộc sống nghề nghiệp trước đây của Zoe. Gabriel xem đó là một dấu hiệu đáng khích lệ. Điều đó có nghĩa là chừng nào mà còn liên quan đến AAB thì cô phóng viên điều tra của CNBC là một vấn đề đối với quan hệ công chúng, chứ không phải là mối đe dọa cho an ninh.

Zoe không hề biết gì về kế hoạch đang xoay quanh mình. Tuân thủ cẩn thận theo kịch bản của Gabriel, Zoe hạn chế liên lạc với AAB hoặc với nhân viên của họ. Để trám thời gian trống trải, Zoe đi viếng những nhà bảo tàng và thả bộ dọc sông Seine, điều này giúp cho Eli Lavon và những người theo dõi hiện trường của đội khẳng định rằng Zoe không bị theo dõi. Khi hai ngày trôi qua không có tin gì từ Nadia, nhà sản xuất ở New York của Zoe bắt đầu mất bình tĩnh, ông nói qua điện thoại "Tôi muốn cô quay về Mỹ trễ nhất là thứ Hai, có hay không có phỏng vấn độc quyền. Đây đơn giản chỉ là vấn đề tiền. Nadia thì có nhiều nhưng chúng ta thì phải chắt bóp."

Cuộc điện thoại làm cụt hứng những người ở nhà an toàn Seraincourt, cũng như bài diễn văn của tổng thống Pháp trưa hôm đó trong một buổi họp khẩn của Quốc hội.

"Đây không phải là một vấn đề liệu nước Pháp có bị khủng bố tấn công hay không," tổng thống khuyến cáo, "mà chỉ là vấn đề thời gian và không gian. Đây là một sự thật đau lòng khi nhiều sinh mạng sẽ bị chết dưới lửa đạn của khủng bố. Đáng tiếc đây lại là ý nghĩa của việc là công dân của châu Âu ở thế kỷ hai mươi mốt."

Một vài phút sau khi bài diễn văn kết thúc, một tin nhắn đến từ bộ phận Chiến dịch của Đại lộ King Saul. Tin nhắn chỉ dài trong phạm vi bốn chữ – hai chữ theo sau là hai con số – nhưng ý nghĩa rất rõ ràng. Thượng Đế đang theo sát gót ở chung cư an toàn tại Montmartre và Thượng Đế muốn gặp riêng Gabriel.

26

MONTMARTRE, PARIS

Ngôi nhà trong căn hộ ở đường Lepic, không xa nghĩa trang nhiều. Tòa nhà bảy tầng, màu xám với lan can bằng sắt rèn và những phòng trên gác xép sát mái. Một cây độc nhất, trụi lá ở ngay giữa sân. Tại phòng chờ sạch sẽ là một cầu thang xoắn bằng gỗ đã cũ làm giảm tiếng động của bước chân khi Gabriel nhanh chóng lên tầng ba. Cửa căn hộ 3A hé mở; một ông già mặc quần kaki ủi kỹ, áo sơ mi oxford trắng và khoác áo bomber bằng da bị rách trên vai trái. Ông ngồi ở mép ghế bành gấm thêu, chân hơi dang ra, bàn tay to nắm lại trên cây can bằng gỗ ô liu, nhìn ông giống như một hành khách nhẫn nại ngồi đợi trong ga tàu hỏa. Giữa hai ngón tay vàng là một mẩu thuốc lá đầu lọc đang cháy. Làn khói có mùi vị hăng lượn trên đầu ông như một đám mây.

"Nhìn anh có vẻ khỏe," Ari Shamron nói. "Quay lại chiến trường hiển nhiên hợp với anh."

"Đây không phải kế hoạch mùa đông của tôi."

"Vậy thì có lẽ anh đừng nên theo tên đánh bom cảm tử ở Covent Garden."

Shamron mỉm cười buồn bã và bóp mẩu thuốc vào cái gạt tàn để trên bàn cà phê. Sáu mẩu thuốc đã được xếp thành hàng trong gạt

tàn, giống như những viên đạn sẵn sàng để nạp cò. Shamron để mẩu thứ bảy vào và chăm chú nhìn Gabriel qua làn khói.

"Thật vui khi nhìn thấy anh, con trai tôi. Tôi đã nghĩ cuộc gặp gỡ của chúng ta ở Cornwall mùa hè vừa qua sẽ là lần cuối."

"Thật ra, tôi cũng mong là như vậy."

"Ít nhất anh có thể *giả vờ* quan tâm đến cảm xúc của tôi không?"

"Không."

Shamron mồi một điếu thuốc khác bằng cái bật lửa Zippo cũ và cố tình phà khói về phía Gabriel.

"Thật là đầy xúc cảm," Gabriel nói.

"Đôi lúc tôi không đủ ngôn từ. Rất may là những kẻ thù của tôi lại thừa. Và một lần nữa họ lại thu xếp để đưa anh về với vòng tay của Đại lộ King Saul, nơi mà anh thuộc về."

"Chỉ là tạm thời thôi."

"Phải," Shamron đồng ý một cách vội vàng không thành thật. "Tất nhiên sự sắp xếp này chỉ là tạm thời."

Gabriel đi về phía cửa hai cánh kiểu Pháp nhìn xuống đường Lepic và mở một cánh ra. Một làn không khí lạnh ùa vào phòng, cùng với âm thanh của giao thông buổi chiều.

"Có nên mở không?" Shamron nói. "Bác sĩ của tôi căn dặn tôi phải tránh không khí lạnh."

"Bác sĩ của tôi bảo tôi phải tránh ngửi mùi khói. Nhờ ông mà phổi tôi giống như của một người hút bốn mươi điếu thuốc một ngày."

"Đến một lúc nào đó anh sẽ phải ngừng đổ lỗi cho tôi về những vấn đề anh gặp phải trong cuộc sống của mình."

"Vì sao?"

"Vì nó phản tác dụng."

"Đôi khi cũng là sự thật."

"Tôi luôn thấy tốt nhất là tránh sự thật. Nó luôn luôn dẫn đến những rắc rối không cần thiết."

Gabriel đóng cửa, ngăn tiếng giao thông lọt vào phòng và hỏi Shamron vì sao ông đến Paris.

"Uzi nghĩ anh cần sự trợ giúp."

"Tại sao anh ta không cho tôi biết là ông sẽ đến?"

"Có thể anh ấy không nghĩ đến."

"Anh ấy có biết ông ở đây không?"

"Không."

Gabriel chỉ có thể cười. "Để tôi nói lại nhé, Ari. Tại sao ông đến Paris?"

"Tôi lo lắng."

"Về chiến dịch?"

"Về anh," Shamron nói. "Làm bố là như vậy. Lo lắng cho những đứa con của mình cho đến khi nhắm mắt."

"Tôi e rằng tôi sẽ không biết một điều gì về cách làm bố."

Một lúc sau Shamron nói "Thứ lỗi cho tôi, con trai. Tôi phải biết điều đó. Suy cho cùng, đó cũng là lỗi của tôi."

Ông đẩy mình đứng dậy, đè xuống nặng nề trên cây gậy và đi về phía nhà bếp. Những phần của máy lọc cà phê nằm rải rác trên mặt bàn, cùng với ấm pha trà rỗng và một gói Carte Noire đã mở. Shamron thử mở lò gas và đưa tay đầu hàng. Gabriel thúc khuỷu tay vào Shamron, đẩy ông về phía bàn cà phê nhỏ và cẩn thận đưa gói cà phê lên mũi ngửi. Gói cà phê có mùi bụi bặm.

“Trừ phi tôi nhầm,” Shamron vừa ngồi xuống ghế vừa nói, “đây cũng là cà phê mà ta đã uống lần cuối khi ta đến đây.”

“Có một khu chợ gần đây. Ông nghĩ ông có sống sót chờ tôi trở lại không?”

Shamron xua tay cho biết là cà phê khá ngon rồi. Gabriel đổ đầy nước vào ấm trà và để trên lò cho nước sôi.

“Vẫn còn một điều tôi không hiểu,” Shamron dò xét nhìn Gabriel và hỏi.

“Không rắc rối vậy đâu, Ari. Trước hết ông đổ cà phê vào, sau đó thêm nước và ông ấn cái pít tông nhỏ này xuống.”

“Tôi đang nói về Covent Garden. Tại sao anh đi theo tên khủng bố? Tại sao anh không đơn giản báo cho Graham Seymour và quay về căn nhà nhỏ cạnh bờ biển của mình?”

Gabriel không trả lời.

“Anh cho phép tôi giải thích nhé?”

“Nếu ông muốn.”

“Anh đi theo hắn vì anh biết rất rõ rằng người Anh sẽ không có can đảm hay cách giải quyết để ngăn chặn hắn. Những người bạn châu Âu của chúng ta đang ở giữa một cuộc khủng hoảng hiện sinh toàn diện. Tôi chắc chắn rằng đây là một trong những lý do họ khinh thường chúng ta. Chúng ta có mục đích, chúng ta tin rằng lý tưởng của chúng ta là đúng. Họ không tin vào gì hết ngoại trừ ba mươi lăm giờ làm việc, ngoại trừ việc trái đất của họ sẽ nóng lên, ngoại trừ sáu tuần nghỉ phép hàng năm ở phía nam. Điều lởn vởn trong đầu tôi là tại sao anh lại chọn sống với họ.”

“Bởi vì họ đã tin vào Thượng Đế, và lòng tin đó đã cho họ cảm hứng để vẽ như thiên thần.”

“Phải,” Shamron nói. “Nhưng lòng tin vào Thượng Đế giờ gần như hoàn toàn ở vào thánh chiến. Không may là lòng tin này được sản sinh từ lòng hẹp hòi của Wahhabi và được nuôi dưỡng bằng tiền của Ả Rập. Sau ngày 11/9, người Ả Rập hứa sẽ kết thúc sự kích động đã làm cho Bin Laden và al-Qaeda vùng dậy. Nhưng bây giờ, mười năm sau, tiền của Ả Rập lại một lần nữa rót vào hận thù, mà hầu như không một lời phản đối của Mỹ.”

“Họ cố tự thuyết phục mình rằng người Ả Rập là một đồng minh quan trọng trong cuộc chiến chống khủng bố.”

“Họ ảo tưởng,” Shamron nói. “Nhưng đây hoàn toàn không phải lỗi của họ. Không phải chỉ có dầu lửa chảy vào phương Tây từ Ả Rập Saudi. Còn có một số tình báo béo bở trong đường ống dẫn dầu. GID Ả Rập luôn cung cấp cho CIA và cơ quan tình báo châu Âu những thông tin về những âm mưu tiềm năng và những cá nhân đáng nghi ngờ. Thỉnh thoảng, cũng có những thông tin về hành động tình báo, nhưng phần nhiều hoàn toàn là thông tin tào lao.”

Gabriel nói một cách mỉa mai “ông không đang *ám chỉ rằng* tình báo Ả Rập đang sử dụng lại chiêu bài nước đôi, vừa đấu tranh với thánh chiến vừa ủng hộ họ?”

“Chính là điều tôi đang ám chỉ đó. Và người Mỹ hiện nay yếu về kinh tế nên không có tư cách làm bất cứ điều gì.”

Ấm nước bắt đầu rít lên. Gabriel đổ nước sôi vào cái lọc và đứng chờ cà phê nhỏ xuống, ông liếc nhìn Shamron. Vẻ nghiêm nghị trên mặt Shamron cho biết rõ ràng là ông đang nghĩ nhiều đến người Mỹ.

"Mỗi cơ quan hành chính của Mỹ đều có từ thông dụng của nó. Cơ quan này thích nói về phương diện *vốn chủ sở hữu*. Họ luôn miệng nhắc chúng ta về *vốn chủ sở hữu* họ đã đầu tư vào khắp Trung Đông. Họ có vốn chủ sở hữu ở Iran, chủ sở hữu ở Afghanistan, và vốn chủ sở hữu để duy trì giá ổn định của dầu. Hiện nay chúng ta không dựa nhiều vào bảng cân đối kế toán của Mỹ. Nhưng nếu anh thành công trong việc trung hòa mạng lưới của Rashid thì…"

"Có thể thêm một ít vốn chủ sở hữu cần thiết vào tài khoản của chúng ta."

Shamron gật đầu có vẻ dứt khoát. "Điều đó không có nghĩa là chúng ta phải xử sự hoàn toàn như một cơ quan lệ thuộc và thuộc sở hữu của CIA. Thật ra, thủ tướng đã kiên quyết để chúng ta sử dụng cơ hội này nhằm giải quyết một vài công việc còn dang dở."

"Giống như vụ Malik al-Zubair?"

Shamron gật đầu.

"Có điều gì đó mách bảo tôi rằng ông biết Malik có liên quan ngay từ đầu."

"Cứ xem như tôi nghi ngờ vậy đi."

"Cho nên khi Adrian Carter yêu cầu tôi đến Washington…"

"Tôi đã dẹp mối nghi ngại thông thường qua một bên và không ngần ngại đồng ý."

"Ông thật hào phóng," Gabriel nói. "Vậy tại sao bây giờ ông lại lo lắng?"

"Nadia."

"Cô ta là ý của ông mà."

"Có thể tôi đã sai. Có thể cô ta đã lừa chúng ta mấy năm nay. Có thể cô ta giống bố cô ta hơn là chúng ta tưởng." Ông ngừng lại rồi tiếp, "Có thể chúng ta không nên dùng cô ta nữa và tìm người khác."

"Không có ai khác đâu."

"Vậy thì hãy tạo ra người đó đi," Shamron nói. "Tôi nghe đồn rằng anh rất khéo trong việc đó mà."

"Không thể được, và ông biết điều đó."

Gabriel đem cà phê đến bàn và rót ra hai tách, Shamron cho đường vào và nhâm nhi tách cà phê một lúc.

"Ngay cả khi Nadia đồng ý làm việc cho anh," Shamron nói, "bằng bất cứ giá nào anh cũng không để cô ta dưới quyền của anh. Chúng ta có cách cổ truyền của mình. *Kesef, kavod, kussit* – tiền, sự tôn trọng, tình dục. Nadia al-Bakari không cần những thứ đó, cho nên cô ta không thể bị kiểm soát."

"Vậy thì tôi nghĩ chúng ta sẽ phải tin cậy lẫn nhau."

"*Tin cậy?*" Shamron hỏi lại. "Thứ lỗi cho tôi, Gabriel, tôi không quen nghe chữ này." Ông uống thêm cà phê và nhăn mặt. "Có một câu tục ngữ xưa mà tôi đặc biệt rất thích. Câu đó nói rằng bức màn che tương lai được dệt bằng Thiên thần Hạnh phúc. Không may là không có bức màn nào có thể che quá khứ của chúng ta. Quá khứ đó được làm bởi những bóng ma. Bóng ma của những người thương yêu. Bóng ma của kẻ thù. Chúng sẽ luôn đi cùng chúng ta. Và hiện giờ chúng đang ở đây." Cặp mắt ướt át màu xanh của ông tìm kiếm trong bếp một lúc trước khi nhìn Gabriel. "Có lẽ tốt hơn hết là không nên khuấy động quá khứ. Điều đó tốt cho Nadia, tốt cho anh."

Gabriel nhìn Shamron như dò xét. "Tôi có lầm không Ari, hay ông đang cảm thấy có lỗi khi kéo tôi về lại?"

"Mùa hè vừa qua ở Cornwall, anh đã nói rất rõ ý định của anh. Tôi phải tôn trọng."

"Trước đây ông chưa bao giờ tôn trọng. Sao bây giờ lại bắt đầu?"

"Bởi vì anh xứng đáng, và điều cuối cùng mà anh cần làm lúc này trong quãng đời của anh là đối mặt với đứa con của người mà anh đã giết không gớm tay."

"Tôi không định thú nhận tội lỗi của tôi."

"Có thể anh sẽ không có sự lựa chọn về chuyện này," Shamron nói. "Nhưng anh hãy hứa với tôi một điều, Gabriel. Nếu anh muốn sử dụng cô ta, hãy chắc chắn là anh sẽ không phạm sai lầm như người Mỹ đã phạm với Rashid. Hãy xem cô ta như một kẻ thù đáng chết và đối xử một cách thích hợp với cô ta."

"Tại sao ông không tham gia cùng chúng tôi? chúng tôi có nhiều phòng ở căn nhà an toàn."

"Tôi đã già rồi," Shamron nói một cách buồn bã. "Tôi chỉ không muốn cản đường."

"Vậy ông định làm gì?"

"Tôi sẽ ngồi đây một mình và lo lắng. Bây giờ phần số của tôi có lẽ là như vậy."

"Đừng bắt đầu lo lắng làm gì, Ari. Có thể Nadia sẽ không đến."

"Cô ta sẽ đến," Shamron nói.

"Làm sao ông biết chắc chắn vậy?"

"Bởi vì trong thâm tâm, cô ta biết anh là người đã thầm thì bên tai mình. Và cô ta không thể cưỡng lại cơ hội để nhìn mặt anh."

Theo học thuyết nghề nghiệp thì Gabriel phải quay về ngay lâu đài Treville, nhưng sự nóng giận bắt ông phải đi hành hương đến Champs-Élysées. Ông đến đó khi đã quá nửa đêm một chút. Tất cả chứng cứ của cuộc đánh bom đều đã được xóa. Những cửa tiệm và hàng ăn đã được sửa chữa lại. Các tòa nhà đã được thay kính và phủ một lớp sơn mới. Máu trên vỉa hè đã được rửa sạch. Không còn dấu vết của sự phẫn nộ, dấu vết của việc tưởng niệm người chết, dấu vết của lời kêu gọi tỉnh táo trong một thế giới điên đảo. Dĩ nhiên không phải trường hợp của hai viên cảnh sát đứng quan sát ở góc đường, có thể tưởng tượng như không hề xảy ra một vấn đề gì ở đây. Trong một lúc, Gabriel tiếc là đã đến, nhưng khi ông sắp đi thì một e-mail bí mật của đội ở Seraincourt làm ông lên tinh thần. E-mail nói rằng Nadia al-Bakari, con gái của người mà Gabriel giết tại cảng Old Port ở Cannes, vừa mới hủy cuộc hành trình đến Saint Petersburg. Gabriel nhét chiếc BlackBerry vào túi áo khoác và đi bộ dưới ánh đèn. Bức màn che phủ tương lai của ông đã được xé làm đôi. Ông thấy một phụ nữ đẹp tóc đen mướt băng qua sân trước của một lâu đài phía bắc Paris, và một ông già ngồi một mình trong căn hộ ở Montmartre, lo lắng cho chính mình đến chết.

27

PARIS

Chính Nadia al-Bakari đích thân gọi điện thoại cho Zoe Reed lúc 10:22 sáng ngày hôm sau để mời Zoe đến dùng trà tại biệt thự của Nadia trên đại lộ Foch. Zoe từ chối một cách lịch sự giống như cô đã có kế hoạch khác rồi.

"Tôi đang đi cùng với một người bạn cũ ở London đến. Anh ta kiếm được rất nhiều tiền và tự mua cho mình một lâu đài ở Val d'Oise. Tôi e rằng anh ta đang tổ chức một bữa tiệc nhỏ cho tôi."

"Tiệc sinh nhật à?"

"Sao cô biết?"

"Nhân viên an ninh của tôi đã kín đáo kiểm tra lai lịch trước bữa trưa tại khách sạn Crillon. Và hôm nay cô tròn ba mươi tuổi."

"Làm ơn đừng nói to. Tôi đang cố gắng giả vờ như là một ác mộng."

Nadia cô cười. Sau đó cô hỏi tên người bạn của Zoe từ London tới.

"Fowler. Thomas Fowler."

"Anh ấy thuộc thương hội nào?"

"Thomas không làm cho thương hội nào. Thomas chiến đấu độc lập. Thật ra cô đã gặp anh ấy vài năm trước ở vùng Caribbean, ở

một trong những hòn đảo Pháp. Tôi không thể nhớ tên. Có lẽ là St. Barts, cũng có thể là Antigua."

"Tôi chưa bao giờ đến Antigua."

"Vậy chắc là St. Barts."

Nadia im lặng.

"Cô còn đó không?" Zoe hỏi.

"Tôi vẫn đây."

"Có gì không vậy?"

"Tôi đã gặp anh ta ở đâu?"

"Anh ấy nói ở một quán rượu gần một trong những bờ biển."

"Quán rượu nào?"

"Tôi không chắc lắm."

"Bờ biển nào?"

"Tôi không nghĩ là Thomas có nói tên."

"Hôm đó Thomas có đi một mình không?"

"Thật ra là lúc đó anh ấy đi với vợ. Một cô gái xinh đẹp. Hơi đề cao mình một chút, nhưng tôi nghĩ là do hoàn cảnh."

"Hoàn cảnh nào?"

"Là vợ một tỷ phú như Thomas."

Nadia lại im lặng, lần này lâu hơn trước.

"Tôi e rằng tôi không nhớ anh ta."

"Anh ấy chắc chắn là nhớ ra cô."

"Cô vui lòng tả anh ta đi."

"Cao, giống như một cột đèn. Anh ấy có thể là người thú vị, nếu cô hiểu rõ anh ấy. Tôi nghĩ cách đây vài năm, anh ấy có làm ăn với

một cộng sự của bố cô.”

“Cô có nhớ tên người cộng sự đó không?”

“Sao cô không tự đi hỏi Thomas?”

“Cô nói gì vậy Zoe?”

Ở tầng hai của lâu đài Treville là một phòng nhạc ảm đạm với tường phủ lụa đỏ và cửa sổ sang trọng sửa sang cho thích hợp. Ở cuối phòng là một cây phong cầm với khuôn mạ vàng và một bức tranh sơn dầu cảnh đồng quê trên nắp. Ở phía đối diện là một bàn cổ thời Phục Hưng Pháp khảm gỗ óc chó. Gabriel và Eli Lavon ngồi dán mắt vào hai cái máy tính. Đèn nhấp nháy trên một máy cho biết vị trí hiện thời của Zoe cùng với vĩ độ. Máy bên kia là phần thu lại cuộc nói chuyện sáng nay lúc 10:22 với Nadia al-Bakari. Gabriel và Lavon đã nghe đi nghe lại mười lần. Mười lần họ đã không tìm thấy lý do để không tiến hành. Giờ là 11:55, Lavon nhíu mày khi Gabriel nhấn nút ‘phát’ một lần cuối.

“Cô có nhớ tên người cộng sự đó không?”

“Sao cô không tự đi hỏi Thomas?”

“Cô nói gì vậy Zoe?”

“Tôi nói là cô nên đến bữa tiệc. Tôi biết là Thomas sẽ rất thích và chúng ta sẽ có dịp dành thời gian cho nhau nhiều hơn.”

“Tôi e rằng không thích hợp lắm.”

“Tại sao không?”

“Bởi vì bạn cô… Xin lỗi Zoe, cô vui lòng cho tôi tên anh ta một lần nữa.”

"Thomas Fowler. Giống như tên trong tiểu thuyết của Graham Greene."

"Ai?"

"Không quan trọng. Quan trọng là cô đến."

"Tôi không muốn là một sự áp đặt."

"Lạy Chúa, không đâu. Vả lại hôm nay là sinh nhật tôi, nên tôi năn nỉ cô."

"Chính xác nhà bạn cô ở đâu?"

"Phía bắc Paris. Khách sạn đã thu xếp xe cho tôi."

"Cô hãy bảo khách sạn hủy đi. Chúng ta sẽ đi bằng xe của tôi, như vậy chúng ta sẽ có dịp nói chuyện."

"Tuyệt vời. Thomas nói trang phục sẽ là quần áo thoải mải thích hợp cho một bữa tiệc tại lâu đài. Nhưng chúng ta nên nới lỏng vấn đề an ninh đi một chút, được không? Thomas hơi ba hoa lèm bèm nhưng anh ấy hoàn toàn vô hại."

"Tôi sẽ gặp cô trưa nay, Zoe."

Cuộc gọi kết thúc và Gabriel bấm nút 'ngừng', ông nhìn lên và thấy Yossi đang đứng ở cửa, cúi nhìn từng tí một vào ông trùm có vốn chủ sở hữu cá nhân phồn thịnh đang dành kỳ nghỉ cuối tuần tại nơi ẩn dật của Pháp. "Trong bản ghi âm," bằng giọng Oxford kéo dài Yossi nói, "tôi không thích từ 'cột đèn' mà cô ta dùng."

"Tôi chắc chắn rằng cô ấy chỉ dùng như một từ thân mật."

"Ông cảm thấy như thế nào khi có người so sánh ông với cột đèn?"

"Thân mật thôi."

Yossi vuốt cái áo khoác mịn bằng cashmere mua ở phố Bond. "Chúng ta đã ăn mặc theo phong cách lâu đài chưa?"

"Tôi tin rằng rồi."

"Cà vạt bướm hay không?"

"Không cà vạt bướm."

"Cà vạt bướm," Lavon nói. "Dứt khoát là phải đeo cà vạt bướm."

Yossi bước ra ngoài. Gabriel với tay lấy con chuột lần nữa. Lavon giữ tay ông lại.

"Cô ta biết là chúng ta và cô ấy vẫn đến. Vả lại," Lavon tiếp, "quá trễ để làm gì khác rồi."

Gabriel nhìn vào màn hình của máy tính kia. Biểu tượng lên xuống cho biết là Zoe đang tiến về sảnh chờ. Vài phút sau, Gabriel nghe tiếng cửa thang máy mở cùng với tiếng giày cao gót của Zoe khi cô đi qua sảnh. Cô chúc Herr Schmidt một ngày tốt lành, cảm ơn Isabelle về giỏ trái cây thêm để trên phòng cô tối hôm trước, hôn gió ông Didier, lúc đó đang cố đặt chỗ ở Jules Verne cho Chiara và Yaakov – một chỗ được đặt mà sau này họ bắt buộc phải hủy. Sau đó là tiếng giao thông khi Zoe bước ra ngoài. Và kế tiếp là tiếng dập cửa của chiếc limousine. Im lặng tiếp theo như trong quan tài. Im lặng này được phá tan bằng một giọng dễ chịu của một phụ nữ rõ ràng là có những thành tích đối với thánh chiến.

"Thật vui gặp lại cô Zoe," Nadia al-Bakari nói. "Tôi có đem cho bạn cô một chai Latour như một món quà thân mật. Tôi mong rằng anh ta thích rượu đỏ."

"Cô không nên làm vậy."

"Đừng vớ vẩn, Zoe."

Và lại một lần nữa biểu tượng di chuyển, theo sau là ba ngọn hải đăng của đội canh gác. Một lúc sau, họ đi về hướng tây, dọc theo Champs-Élysées với tốc độ là ba mươi ba dặm một giờ. Khi họ đến Khải Hoàn Môn, Zoe đề nghị tắt điện thoại BlackBerry của cô. "Đừng bận tâm," Nadia nói. "Bây giờ tôi tin cô rồi, Zoe. Cho dù có gì xảy ra tôi luôn xem cô là bạn."

28

SERAINCOURT, PHÁP

Những khu ngoại ô của phía đông bắc Paris trải dài đến tận chân trời, nhưng dần dần những dãy căn hộ tầm thường nhường chỗ cho những không gian xanh đầu tiên. Trong âm thanh trầm và kéo dài của chiếc Maybach sedan màu đen, họ đi qua miền quê nước Pháp trông như một bức tranh gia đình, dưới bầu trời thấp và mây trĩu nặng của mùa đông. Không có xe hộ tống theo sau, hay ít ra Zoe không thấy chiếc nào. Rafid al-Kamal, phụ trách an ninh, với gương mặt rỗ, cau có ngồi ở ghế trước. Hắn mặc bộ quần áo màu sẫm như thông lệ, nhưng vì lòng tôn trọng với hoàn cảnh không chính thức nên không đeo cà vạt. Nadia mặc áo màu kem bằng len cashmere, quần bó màu nâu, mang bốt đế thấp thích hợp để đi trên những đường mòn trong rừng của miền quê. Để che giấu sự bồn chồn, cô nói không ngừng về người Pháp, về thời trang kinh khủng của mùa đông, về một bài báo mà cô đọc được trong tờ *Financial Journal* ngay sáng hôm nay về tình trạng tài chính tồi tệ của nền kinh tế trong khu vực châu Âu. Trong xe sức nóng vùng nhiệt đới lan tỏa, và Zoe đổ mồ hôi dưới quần áo, nhưng Nadia dường như hơi lạnh. Tay cô tím ngắt một cách kỳ lạ. Nhìn thấy sự chú ý của Zoe, Nadia đổ lỗi cho thời tiết ẩm thấp của Paris, và cô không ngừng nói về thời tiết cho đến khi bảng báo hiệu sắp đến làng Seraincourt xuất hiện ở trên đường.

Vào lúc đó, một chiếc mô tô vượt qua xe họ. Chiếc mô tô là một loại xe công suất mạnh của Nhật, loại xe mà người lái phải nằm rạp xuống ở một góc độ trông không thoải mái. Người lái mô tô nhìn vào cửa kính chiếc Mayback sedan khi hắn vượt qua, giống như tò mò về những người trên một chiếc xe đẹp như vậy, và hắn làm một cử chỉ thô tục về phía tài xế xe trước khi biến mất trong làn khói xe. *Chào Mikhail,* Zoe nghĩ. *Rất vui được gặp lại anh.*

Zoe lấy chiếc BlackBerry từ túi xách và bấm số. Giọng nói trả lời điện thoại hơi quen. Dĩ nhiên là Zoe nhớ rất nhanh, đó là giọng của Thomas Fowler người bạn từ London, người đầu tư rất nhiều vào cái gì thì chỉ có Trời mới biết. Thomas là người đã gặp Nadia vài năm trước ở một quán rượu gần bờ biển ở St. Barts và là người đang chỉ đường cho Zoe đến lâu đài mới của anh ta – rẽ phải vào đường Vexin, sau đó rẽ trái qua đường Vallées, rồi rẽ phải vào đường Hèdes. Cánh cổng ở ngay phía trái đường, Thomas nói, ngay ngoài vườn nho. Đừng để ý đến tấm bảng coi chừng chó. Chỉ là đánh lừa thôi, vì lý do an toàn. Thomas là người quan tâm đến vấn đề an toàn, và anh ta có lý do để quan tâm.

Zoe cắt điện thoại và cho lại chiếc BlackBerry vào túi xách. Khi nhìn lên cô bắt gặp Rafiq al-Kamal đang nhìn cô một cách thận trọng qua kính xe. Zoe nhìn ra cảnh đồng quê một cách ủ rũ. *Cười lên,* Zoe nghĩ. *Cuối cùng thì mình cũng đi dự tiệc. Mình phải cười chứ.*

Không có tiền lệ chính thức cho những gì họ định làm, không có giáo điều, không có truyền thống cơ quan để theo. Trong những buổi diễn thử kéo dài, Gabriel đã so sánh với một buổi ra mắt, trong

đó Nadia là một khách mua tiềm năng và chính Gabriel như một bức tranh dựng trên bệ. Một cuộc hành trình ngắn có thể xảy ra trước sự kiện này – Gabriel giải thích rằng cuộc hành trình có thể đưa Nadia và đội từ hiện tại về một quá khứ không xa. Tính chất của cuộc hành trình này phải được hiệu chỉnh một cách cẩn thận, chuyến đi phải đủ thoải mái để không làm Nadia phải sợ hãi bỏ đi, ít ra là không cho cô ta cơ hội để quay lui. Ngay cả Gabriel, người đưa ra chiến lược cũng chỉ nghĩ cơ hội thành công không hơn một phần ba. Eli Lavon vẫn bi quan hơn. Nhưng đó là vì Lavon, một sinh viên nghiên cứu về những thảm họa có tầm cỡ lớn là người có bản chất cả lo hơn người khác.

Dù cho vào lúc đó, khả năng thất bại là một suy nghĩ xa vời trong tâm trí Lavon. Quấn mình dưới nhiều lớp len, di vật còn sót lại từ những hoạt động trong quá khứ, Lavon đang nặng nề bước đi trên đường Vallées đầy cỏ, tay chống trên cây gậy, đầu óc có vẻ như trên mây. Lavon ngừng lại nhanh để nhìn chiếc Maybach đang chạy qua – làm một điều gì khác sẽ là bất thường – nhưng không chú ý đến chiếc Renault nhỏ dòng hatchback đi theo sau chiếc sedan lớn không cân xứng với nhau. Đằng sau chiếc Renault con đường vắng người, đó là điều Lavon mong ước. Lavon đưa tay che miệng, giả vờ ho và báo cho Gabriel biết rằng mục tiêu đang diễn tiến như được chỉ thị, không có sự theo dõi nào khác ngoài sự theo dõi của đội nhà.

Bây giờ thì chiếc Maybach đang rẽ vào đường Hèdes và đang đi ngang qua vườn nho cũ với tốc độ rất nhanh. Chiếc xe đi qua cổng lớn của lâu đài và tiến thẳng vào lối đi lát sỏi. Yossi, trong dáng điệu nhàn rỗi mà chỉ những kẻ có tiền mới có, đứng đón ở cuối đường. Yossi chờ cho đến khi chiếc xe ngừng hẳn mới từ từ tiến đến, nhưng

ngừng ngay lại khi thấy al-Kamal xuất hiện một cách hung hăng. Gã cận vệ Ả Rập đứng bên cạnh xe trong nhiều giây, cặp mắt nhấp nháy nhìn mặt tiền của ngôi biệt thự to lớn trước khi mở cửa sau của xe ở một góc chính xác bốn mươi lăm độ. Nadia từ từ bước ra như trên sân khấu – đôi bốt đắt tiền đặt lên sỏi, một tay đeo trang sức đặt trên cửa, mái tóc như lụa thoáng lóe lên như gom nhặt những tia sáng còn lại của buổi chiều.

Vì những lý do không chia sẻ với đội, Gabriel quyết định ghi lại hình ảnh này bằng một tấm hình, tấm hình này vẫn còn để trong phòng hồ sơ của Đại lộ King Saul cho đến hôm nay. Tấm hình Chiara chụp từ cửa sổ tầng hai, cho thấy Nadia đi những bước đầu tiên qua sân trước với Zoe đi bên cạnh cô. Tay Nadia đưa ra một cách rụt rè về phía Thomas Fowler, tay kia nắm lấy cổ chai rượu Latour. Trán Nadia hơi nhăn lại, và trong mắt cô thoáng nhận ra. Đúng là Nadia đã có lần trông thấy người đàn ông này trên hòn đảo của St. Barts, ở một quầy rượu nhỏ lộ thiên nhìn xuống đầm muối của Saline. Hôm đó, Nadia đã uống daiquiris; người đàn ông, da rám nắng, đã ngồi uống bia ở cách cô vài bàn. Anh ta đi cùng với một phụ nữ có mái tóc màu nâu nhạt, mặc quần áo chật và có hông đẫy đà – người đó đang đứng ở phía trước cổng vào của ngôi biệt thự. Cô ta mặc quần áo tiệp với quần áo của Nadia về giá trị và phong cách. Người đàn bà đang nắm tay Nadia giống như không bao giờ muốn thả ra. "Tôi là Jenny Fowler," Rimona Stern nói. "Tôi rất vui cô đã đến dự tiệc cùng chúng tôi. Xin mời vào trong trước khi chúng ta chết cóng vì lạnh."

Bước đầu tiên của cuộc hành trình với Nadia hoàn tất, họ cùng vào nhà. Gã cận vệ định vào theo, nhưng Nadia trong một hành động thông đồng đầu tiên, ngăn hắn lại bằng một động tác và vài từ

trấn an bằng tiếng Ả Rập. Nadia đã lầm nếu cô nghĩ là những vị chủ nhân ngôi biệt thự không thể hiểu, vì họ đều nói thông thạo tiếng Ả Rập, cũng như người đàn bà nhỏ bé, tóc màu sẫm, đứng đợi bên dưới đèn chùm ở sảnh chính. Một lần nữa nét mặt Nadia biểu lộ sự hồi tưởng của quá khứ xa xăm. "Tôi là Emma," Dina Sarid nói. "Tôi là một người bạn cũ của gia đình Fowler. Rất vui được biết cô."

Nadia nắm lấy bàn tay đưa ra, một giai đoạn khác của cuộc hành trình đã hoàn tất và Dina đưa Nadia vào căn phòng lớn có mái vòm. Đứng trước một dãy cửa hai cánh kiểu Pháp, mắt nhìn chăm chú vào khu vườn được chăm sóc công phu trên sân thượng là một phụ nữ có mái tóc vàng và nước da trắng xanh như ngọc thạch. Khi nghe tiếng chân, người phụ nữ từ từ quay lại và nhìn Nadia một lúc lâu, cặp mắt vô cảm. Người phụ nữ không màng cho một tên giả vì điều này không thích hợp.

"Chào Nadia," cuối cùng Sarah Bancroft nói. "Rất hạnh phúc gặp lại cô."

Nadia thoáng khựng lại, và lần đầu tiên tỏ vẻ sợ hãi. "Lạy Chúa tôi," Nadia nói sau một lúc ngập ngừng. "Có phải là cô không? Tôi cứ sợ rằng…"

"Tôi đã chết?"

Nadia không trả lời. Cặp mắt đảo từ người này đến người kia và cuối cùng nhìn Zoe.

"Cô có biết những người này là ai không?"

"Dĩ nhiên."

"Cô làm việc cho họ?"

"Tôi làm việc cho CNBC ở New York."

"Vậy tại sao cô ở đây?"

“Họ cần nói chuyện với cô. Không còn cách nào khác.” Nadia có vẻ chấp nhận lời giải thích, hay ít ra là lúc này. Một lần nữa mắt Nadia đảo quanh phòng, lần này cô nhìn Sarah.

“Tất cả những điều này là vì gì?”

“Vì cô, Nadia.”

“Vì tôi?”

“Cô đang nỗ lực thay đổi thế giới Hồi giáo và chúng tôi muốn giúp.”

“Cô là ai?”

“Tôi là Sarah Bancroft, cô gái Mỹ đã bán bức tranh của Van Gogh cho bố cô. Sau đó ông ta mời tôi làm cố vấn nghệ thuật cho cá nhân ông. Tôi đã tham dự cuộc hành trình trên biển của cô ở Caribbean. Và rồi tôi đã bỏ đi.”

“Cô có phải là gián điệp không?” Nadia hỏi nhưng Sarah không trả lời ngoài việc dang tay ra. Cuộc hành trình của Nadia gần hoàn thành, chỉ còn một điểm dừng nữa thôi. Một người cuối cùng cô phải gặp.

29

SERAINCOURT, PHÁP

Hai cửa uy nghi tách salon khỏi một phòng khách nhỏ và ít trang trọng hơn. Trên tường là những kệ sách và nhiều đồ nội thất được xếp trước một lò sưởi bằng đá. Phòng khách vừa tiện nghi vừa bí ẩn, nơi của những nụ hôn vụng trộm, của những tội lỗi được thú nhận và của những liên minh bí mật được ngụy tạo. Được Sarah dẫn vào, Nadia đã đi quanh phòng trước khi ngồi vào ở một đầu của băng ghế dài. Zoe ngồi ở đầu bên kia, như để có sự cân bằng, và Sarah ngồi đối diện, tay chắp lại và để trên đùi, mắt hơi nhìn về hướng khác. Những thành viên khác của đội tản ra xung quanh, dáng điệu ung dung nhàn nhã giống như nối tiếp lại buổi tiệc mà Nadia khi đến đã làm gián đoạn, chỉ có Gabriel là không tham gia. Ông đứng trước lò sưởi không đốt lửa, một tay chống cằm, đầu hơi nghiêng về một phía. Vào lúc đó ông đang cố quyết định trả lời tốt nhất cho một câu hỏi đơn giản của Nadia một vài giây sau khi ông vào phòng. Thất vọng vì sự im lặng của Gabriel, Nadia hỏi lại, lần này giọng mạnh hơn.

"Ông là ai?"

Gabriel bỏ tay ra khỏi cằm và dùng nó để giới thiệu. "Đây là gia đình Fowlers, Thomas và Jenny. Thomas làm ra tiền và Jenny tiêu tiền. Cô gái có vẻ u sầu trong góc là Emma. Emma và Thomas là

bạn cũ. Thật ra trước đây họ là tình nhân, và trong những giờ phút đen tối của mình, Jenny nghi ngờ rằng họ vẫn còn là tình nhân của nhau." Gabriel ngừng lại một lúc và đặt tay lên vai Sarah, ông tiếp. "Và dĩ nhiên cô nhớ cô gái này chứ. Đây là Sarah, ngôi sao của chúng tôi. Sarah có nhiều bằng cấp hơn tất cả chúng tôi cộng lại. Mặc dù được ăn học rất tốn kém, tiền học được một người cha tội lỗi trả đủ, Sarah đã làm ở một phòng mỹ thuật khốn khổ tại London, nơi mà một vài năm trước đây bố cô đã đến tìm một bức tranh của van Gogh, bức tranh của một nghệ sĩ duy nhất thiếu trong bộ sưu tập của ông. Sarah đã gây ấn tượng cho bố cô và ông đã thuê Sarah làm việc lâu dài như một nhà tư vấn nghệ thuật và đã trả cho cô ấy một đồng lương hơn lương cũ của mình rất nhiều lần. Đặc quyền bao gồm một lời mời đi trên chiếc du thuyền *Alexandra* đến Caribbean. Theo như tôi nhớ thì lúc đầu cô hoàn toàn lạnh lùng. Nhưng khi đến đảo St. Barts thần tiên thì cô và Sarah đã trở thành bạn tốt của nhau. Bạn tâm giao, nếu tôi có thể nói về tình bạn của hai người."

Sarah làm ra vẻ như không nghe thấy gì hết. Nadia quan sát Sarah một lúc trước khi quay lại nhìn Gabriel.

"Không phải ngẫu nhiên mà bốn người này đều đến St. Barts cùng một lúc. Cô biết không Nadia, họ đều là sĩ quan tình báo chuyên nghiệp. Thomas, Jenny và Emma là nhân viên tình báo nước ngoài của Israel, giống như tôi. Sarah làm cho CIA. Chuyên môn về nghệ thuật của Sarah là thật, đó là lý do vì sao Sarah được tuyển chọn vào chiến dịch chống lại AAB. Giống như cô, bố cô là một nhà từ thiện. Không may là lòng từ thiện của ông lại bị hướng đến phe đối nghịch của Hồi giáo, ông đã đóng góp tiền cho những kẻ xúi giục bạo loạn, những kẻ chiêu mộ và trực tiếp cho chính quân khủng

bố. Khi bố cô biết sự thật về Sarah, ông đã bàn giao Sarah để bị tra tấn và giết chết. Chắc cô đã biết, phải không Nadia? Vì thế cô đã rất ngạc nhiên khi thấy cô bạn Sarah của cô còn sống và trông như cô ta không hề hấn gì."

"Ông vẫn chưa cho tôi biết tên."

"Hiện giờ tên tôi không quan trọng. Tôi muốn xem mình như người đi thu nhặt những tia lửa." Gabriel ngừng rồi tiếp, "giống như cô vậy đó Nadia."

"Xin lỗi, ông nói sao?"

"Một số giáo sĩ Do Thái tin rằng khi Thượng Đế tạo dựng thế gian, Ngài đã để ánh sáng siêu phàm của Ngài vào những vị thần thánh đặc biệt. Nhưng hóa ra tạo vật dựng nên không đi đúng ý nguyện của Ngài, một sự cố đã xảy ra. Những mạch máu bị vỡ, và thế giới đầy những tia lửa của ánh sáng siêu phàm và những mảnh của những mạch máu bị vỡ. Các giáo sĩ cho rằng công việc tạo dựng chỉ có thể hoàn tất khi những tia lửa này được tập trung vào với nhau, chúng ta gọi đó là Tikkun Olam, hay là Hàn gắn Thế giới. Những người trong căn phòng này đang cố hàn gắn thế giới đó Nadia, và chúng tôi tin rằng cô cũng có cùng ý niệm. Cô đang cố gắng gom nhặt lại những mảnh thù hận do những nhà truyền giáo Wahhabi rải ra. Cô đang cố gắng sửa chữa lại những thiệt hại mà bố cô đã gây ra khi ủng hộ quân khủng bố. Chúng tôi hoan hô nỗ lực của cô, và chúng tôi muốn giúp cô."

"Làm sao ông biết những điều này về tôi?"

"Bởi vì chúng tôi đã theo dõi cô một thời gian."

"Tại sao?"

“Sự thận trọng,” Gabriel nói. “Sau khi bố cô bị sát hại tại Cannes, chúng tôi e rằng cô sẽ cố gắng thực hiện lời thề sẽ trả thù cho ông. Và điều cuối cùng mà thế giới đang cần là một người Ả Rập giàu có khác rót tiền vào túi quân khủng bố. Nỗi lo sợ của chúng tôi tăng lên đáng kể khi cô âm thầm thuê Faisal Qahtani, một sĩ quan trước đây của GID Ả Rập, điều tra về những tình huống xung quanh cái chết của bố cô. Faisal Qahtani đã báo cáo lại là bố cô bị tình báo Israel, với sự hỗ trợ của CIA và tổng thống Mỹ giết. Và rồi, nói có sách mách có chứng, hắn báo cáo lại việc bố cô hỗ trợ cho phong trào thánh chiến toàn cầu.” Gabriel ngừng một lúc rồi tiếp. “Tôi đã luôn tự hỏi, không biết khía cạnh nào trong cuộc đời bố làm cô bận tâm nhiều nhất – bố cô là kẻ giết người hàng loạt hay việc ông ta đã dối cô. Điều này có thể gây đau buồn khi biết bị một người trong gia đình lừa dối.”

Nadia không trả lời. Gabriel tấn công tiếp.

“Chúng tôi biết những gì ông Qahtani đã báo cáo cho cô, vì ông ta cũng kể cho chúng tôi những điều tương tự chỉ với một trăm ngàn đô la Mỹ, chuyển vào một tài khoản ở ngân hàng Thụy Sĩ.” Gabriel mỉm cười. “Ông Qahtani là một người có nhiều nguồn tin không chê vào đâu được, nhưng lòng trung thành đáng ngờ. Ông ta cũng thích phụ nữ đẹp thuộc ngành nghề đa dạng.”

“Thông tin của ông có chính xác không?”

“Phần nào?”

“Phần nói rằng bố tôi bị tình báo Israel, với sự hỗ trợ của CIA và tổng thống Mỹ giết.”

Gabriel nhìn Zoe đang cố che giấu sự tò mò của mình. Bây giờ công việc được giao đã hoàn thành, Zoe lý ra phải lặng lẽ ra cửa,

nhưng Gabriel đã quyết định cho Zoe ở lại. Động cơ của ông chỉ đơn giản là vì ích kỷ. Gabriel biết chắc chắn là cách nói chuyện của ông đã đưa ông đến gần mục tiêu của mình. Gabriel cũng biết rằng Zoe có thể là một tài sản đầy quyền lực để hoàn thành bước cuối. Bằng sự hiện diện của mình ngay lúc này, Zoe làm cho chính nghĩa của Gabriel hợp pháp và ý đồ của ông cao cả hơn.

"Ám sát là từ không chính xác để mô tả cái chết của bố cô," ông nói. "Nhưng nếu cô không phiền, tôi muốn nói nhiều hơn về mối quen biết của chúng ta, ông Qahtani, kẻ lừa dối. Những gì kẻ lừa dối này làm còn hơn là chỉ mổ xẻ về cái chết của bố cô. Ông ta cũng đã chuyển một thông tin từ không ai khác là chính Đức vua Ả Rập. Thông tin đó nói rõ ràng là một số phần tử của gia tộc Saud đã biết về hoạt động của bố cô và đã ngầm chấp nhận chúng. Thông tin đó cũng nói rõ ràng rằng cô không được có hành động trả đũa đối với Israel và Mỹ trong bất cứ hoàn cảnh nào. Lúc bấy giờ, gia tộc Saud chịu áp lực rất lớn từ Washington để kết thúc sự hỗ trợ vương quốc từ phía phe Hồi giáo cực đoan và quân khủng bố. Đức vua không muốn cô gây ra thêm rắc rối giữa Riyadh và Washington."

"Ông Qahtani cũng nói với ông điều đó sao?"

"Điều này nằm trong đợt giao dịch đầu tiên, không tính thêm tiền."

"Ông Qahtani có nói điểm đặc biệt về phản ứng của tôi không?"

"Có," Gabriel nói. "Ông ta nói rằng lời cảnh báo từ gia tộc Saud có lẽ không cần thiết vì theo ông ta, cô không có ý định làm theo lời thề báo thù cho cái chết của bố cô. Điều mà ông Qahtani không nhận thấy là cô kinh tởm về những gì cô đã được biết về bố cô – kinh tởm tới mức chính cô đã trở thành một kẻ cực đoan. Sau khi đã

nắm được AAB, cô đã quyết định dùng tài sản của bố cô để sửa những thiệt hại mà bố cô đã gây ra. Cô đã trở thành một người đi hàn gắn thế giới, một người đi gom góp lại những tia lửa."

Nadia mỉm cười thoái thác. "Như tôi đã nói với cô bạn Zoe của ông lúc trưa ngày hôm trước, đây là một câu chuyện khá thú vị, nhưng không phải là sự thật."

Gabriel cảm thấy sự thoái thác của Nadia không thuyết phục. Ông quyết định cách hay nhất là không để ý đến.

"Cô đang ở giữa những người bạn, Nadia." Ông nói một cách thân thiện. "Thật ra là những người hâm mộ. Chúng tôi không chỉ hâm mộ lòng can đảm trong công việc của cô, mà còn nể phục khả năng giấu giếm của cô. Thật sự là chúng tôi đã tốn một thời gian để biết rằng cô đang sử dụng một cách khôn khéo những giao dịch về mỹ thuật để rửa tiền và đưa nó đến tay những người cô muốn giúp. Với tư cách chuyên môn, chúng tôi ngả mũ chào cô. Thành thật mà nói, chúng tôi cũng không thể làm tốt hơn vậy."

Nadia nhìn lên một cách sắc bén, nhưng lần này cô không chối. Gabriel tiếp.

"Kết quả của sự khôn khéo, cô đã cố giữ công việc bí mật của mình khỏi cơ quan tình báo Ả Rập và gia tộc al-Saud. Thật là một thành quả đáng kinh ngạc khi xung quanh cô là những nhân viên và đám cận vệ cũ của bố cô. Mới đầu chúng tôi bối rối về việc cô quyết định giữ họ lại phục vụ. Nhưng nhìn lại thì lý do rất hiển nhiên."

"Hiển nhiên?"

"Cô không có lựa chọn nào khác. Bố cô là một doanh nhân xảo quyệt, nhưng gia tài của ông không tự ông làm nên. Gia tộc Zizi đã

được gia tộc Saud mua, điều này có nghĩa là al-Saud có thể bẻ gãy cô bằng một cái búng tay."

Gabriel nhìn Nadia chờ đợi một phản ứng. Khuôn mặt Nadia vẫn bình thản.

Gabriel tiếp. "Điều đó có nghĩa là cô đang chơi một trò chơi nguy hiểm. Cô đang dùng tiền của quốc vương để gieo rắc ý tưởng, và ý tưởng này cuối cùng có thể đe dọa ngai vàng của quốc vương. Việc này biến cô thành một kẻ phản loạn, một kẻ dị giáo. Và chúng ta đều biết chuyện gì xảy ra với kẻ phản loạn và dị giáo đe dọa gia tộc Saud. Một cách này hay cách khác, họ sẽ bị trừ khử."

"Nghe có vẻ như ông không muốn giúp tôi. Thật ra nghe như ông đang tống tiền tôi để làm theo những gì ông muốn."

"Việc quan tâm duy nhất của chúng tôi là công việc của cô tiếp tục. Tuy nhiên chúng tôi cũng muốn khuyên cô một vấn đề."

"Khuyên về vấn đề gì?"

"Khuyên về đầu tư," Gabriel nói. "Chúng tôi nghĩ giờ đã đến lúc thuận lợi để thay đổi chút ít về hồ sơ cá nhân của cô – những thay đổi liên quan đến quyền thừa kế của cô như là người con độc nhất của Zizi al-Bakari đã quá cố."

"Bố tôi đã là người xuất vốn cho quân khủng bố."

"Không Nadia, ông ta không *chỉ* là người xuất vốn cho khủng bố. Ông ta không có đối thủ. Ông ta là Tổ chức Thánh chiến."

Nadia nói "Xin lỗi, nhưng tôi không hiểu ông muốn gì ở tôi?"

"Đơn giản thôi, chúng tôi muốn cô theo dấu chân của bố cô. Chúng tôi muốn cô nhặt lại biểu ngữ thánh chiến đã rơi xuống từ tay bố cô vào cái đêm kinh khủng ở Cannes. Chúng tôi muốn cô báo thù cho cái chết của ông ta."

"Ông muốn *tôi* trở thành khủng bố?"

"Chính xác."

"Làm bằng cách nào?"

"Bằng cách mua lại nhóm khủng bố cho cá nhân cô. Nhưng cô đừng lo. Cô không phải làm điều này một mình đâu Nadia. Thomas và tôi sẽ giúp cô."

30

SERAINCOURT, PHÁP

Họ tạm dừng ở một chỗ tốt – Gabriel nghĩ là một ốc đảo, và chính ông bị mê hoặc bất ngờ bởi cảnh tượng như tranh của sa mạc. Lý do triệu tập Nadia đã được đề cập đến thành công. Bây giờ là lúc tạm dừng một lúc và xem lại diễn biến của cuộc hành trình cho đến nay. Đây cũng là lúc thảo luận về một số việc không mấy dễ chịu. Gabriel còn có một số câu hỏi cần được trả lời trước khi có thể đi tiếp – những câu hỏi liên quan đến những rắc rối chính trị và những mối thù trước đây của Trung Đông. Gabriel làm bước đầu tiên khi khom người trước lò sưởi, trên tay cầm que diêm chưa đốt.

Ông quẹt que diêm lên đá và hỏi "Cô nghĩ gì về chúng tôi?"

"Nghĩ về Israel?"

"Về người Do Thái," Gabriel nhóm lửa và trả lời. "Cô có nghĩ chúng tôi là những đứa con của quỷ không? Cô có nghĩ là chúng tôi kiểm soát tài chính và truyền thông của thế giới không? Cô có nghĩ là chúng tôi mang theo sự hủy diệt dân Do Thái không? Cô có tin là sự hủy diệt đã xảy ra không? Cô có nghĩ là chúng tôi sử dụng máu của những trẻ con không phải là người Do Thái để sửa soạn bánh mì không men của chúng tôi không? Cô có tin là chúng tôi là khỉ và heo, như những giáo sĩ Wahhabi và những sách giáo khoa Ả Rập thích mô tả chúng tôi không?"

“Tôi đã không theo học ở Ả Rập Saudi,” Nadia chống chế đáp.

“Không,” Gabriel nói, “cô theo học những trường có uy tín nhất tại Âu châu, cũng như Sarah, bạn cô. Và Sarah nhớ rất rõ một sự cố xảy ra trên bãi biển ở St. Barts khi cô nói một cách khó chịu về một người đàn ông mà cô tưởng là người Do Thái. Sarah cũng nhớ một số cuộc nói chuyện thô bỉ về người Do Thái khi bố cô và đoàn tùy tùng của ông bắt đầu tranh luận về chính trị.”

Nadia buồn rầu nhìn Sarah, như thể lời tâm sự đã bị phản bội. Một lúc sau, Nadia nói “Ý kiến của bố tôi về người Do Thái rất được biết đến, và không may là tôi đã tiếp xúc với những tư tưởng này hàng ngày, và rồi suy nghĩ của bố tôi nhanh chóng trở thành của tôi.” Nadia ngừng một lúc và nhìn Gabriel. “Ông đã bao giờ nói một điều gì mà ông mong có thể lấy lại chưa? Ông đã bao giờ làm một điều gì mà ông cảm thấy rất xấu hổ chưa?”

Gabriel thổi nhẹ vào đống củi trong lò sưởi nhưng không nói gì.

“Tôi ngồi trên hàng tỷ đô la,” Nadia nói. “Cho nên ông chắc chắn không ngạc nhiên khi tôi không tin là người Do Thái kiểm soát hệ thống tiền tệ của thế giới. Cũng như tôi không tin là họ kiểm soát giới truyền thông. Tôi thực sự tin là sự hủy diệt xảy ra, rằng sáu triệu người sẽ bị hủy diệt và từ chối tin vào sự thật này là một hành động phát ngôn có tính thù địch. Tôi tin rằng máu đã đổ ra trước đây là một sự phỉ báng, chỉ là vậy, một sự phỉ báng, và tôi lùi lại mỗi lần tôi nghe một người Ả Rập với danh nghĩa người của tôn giáo, gọi người Do Thái và người Thiên Chúa là khỉ và heo.” Nadia ngừng lại rồi tiếp. “Tôi có bỏ sót điều gì không?”

“Ma quỷ,” Gabriel nói.

“Tôi không tin vào ma quỷ.”

"Vậy Israel thì sao Nadia? Cô có tin là chúng tôi có quyền sống trong yên bình không? Tin rằng chúng tôi có quyền đưa con chúng tôi đến trường hoặc đi chợ mà không sợ bị xé tan thành từng mảnh bởi một chiến binh của Allah không?"

"Tôi tin rằng nước Israel có quyền tồn tại. Tôi cũng tin là Israel có quyền tự bảo vệ chống lại những ai tìm cách hủy diệt hoặc ám sát người dân Israel."

"Và cô nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra nếu mai đây chúng tôi rút khỏi Bờ Tây và dải Gaza rồi giao chính quyền lại cho Palestine? Cô có nghĩ rằng thế giới Hồi giáo có bao giờ chấp nhận chúng tôi, hay chúng tôi phải cam chịu được xem như mãi mãi là một thực thể xa lạ, một căn bệnh ung thư cần được gỡ bỏ?"

"Tôi e rằng là ý thứ hai," Nadia nói, "nhưng tôi đang cố gắng giúp ông. Sẽ dễ chịu hơn nếu thỉnh thoảng ông không làm mọi việc quá khó cho tôi. Từng ngày và mọi ngày, bằng cách này và cách khác, các ông hạ nhục người Palestine và những người ủng hộ họ trong thế giới Hồi giáo rộng lớn. Và khi mà ông trộn việc hạ nhục với hệ tư tưởng của chủ nghĩa Wahhabi…"

"Bom sẽ nổ trên những đường phố châu Âu," Gabriel nói. "Nhưng không phải chỉ sự hạ nhục và hệ tư tưởng mới sản sinh ra khủng bố trên phạm vi rộng, mà còn là tiền nữa. Những người chủ mưu cần tiền để có cảm hứng, tiền để chiêu mộ và huấn luyện, và tiền để vận hành. Với tiền họ có thể tấn công bất cứ lúc nào, bất cứ đâu họ muốn. Không có tiền, họ không là gì hết. Bố cô biết mãnh lực của đồng tiền. Cô cũng vậy. Đó là lý do chúng tôi gặp nhiều vấn đề khi nói với cô, Nadia. Đó là lý do tại sao cô có mặt ở đây."

Eli Lavon lặng lẽ vào phòng và theo dõi cuộc nói chuyện một cách thụ động từ một vị trí cao trên cửa sổ. Nadia chăm chú nhìn Eli một lúc giống như đang cố để ông ta vào đúng chỗ trong những ngăn tủ ngổn ngang của trí nhớ.

"Ông ta có phải là người phụ trách không?" Nadia hỏi.

"Max?" Gabriel từ từ lắc đầu. "Không, Max không phải là người phụ trách. Tôi là người bị nguyền rủa phải giữ nhiệm vụ chỉ huy. Max chỉ là lương tâm tội lỗi của tôi. Max là linh hồn lo lắng của tôi."

"Tôi thấy ông ta không có vẻ gì lo lắng."

"Bởi vì Max là dân chuyên nghiệp. Và cũng giống như tất cả dân chuyên nghiệp, Max rất giỏi che giấu cảm xúc của mình."

"Giống như ông."

"Phải, giống như tôi."

Nadia liếc nhìn Lavon và hỏi "Chuyện gì làm ông ta có vẻ bực mình vậy?"

"Max nghĩ tôi đã để lỡ một cơ hội. Max đang cố ngăn tôi phạm một sai lầm mà ông ta nghĩ là sai lầm lớn nhất của một sự nghiệp không tì vết."

"Sai lầm gì?"

"Cô," Gabriel nói. "Tôi chắc chắn cô là câu trả lời cho những lời khẩn cầu của tôi, chắc chắn là chúng ta có thể cùng làm việc để có thể loại bỏ mối đe dọa nghiêm trọng cho sự an toàn của phương Tây và Trung Đông. Nhưng như cô có thể thấy, Max lớn tuổi hơn tôi nhiều, ông ta là người kiên định và thấy ý tưởng chúng ta làm việc chung là điều buồn cười và ngây thơ. Ông ta tin rằng, cô là một phụ nữ Hồi giáo từ Ả Rập, cô đã lĩnh hội sự căm thù người Do Thái từ

trong bầu sữa mẹ. Và Max cũng khẳng định là trước tiên và hơn bất cứ điều gì, cô là con gái bố cô. Và ông ta tin rằng, giống như bố cô, cô là người hai mặt – một mặt cô cho phương Tây nhìn thấy, một mặt ở nhà."

Lần đầu tiên trong suốt cuộc nói chuyện, Nadia mỉm cười. "Có lẽ ông nên nhắc cho Max là tôi không được quyền khoe gương mặt ở nhà với công chúng. Và ông cũng nên nhắc Max rằng tôi đã liều cả mạng sống của mình mỗi ngày để thay đổi điều đó."

"Những hoạt động từ thiện và động cơ của những việc làm này không rõ ràng đối với Max. Max tin rằng những hoạt động này là lớp vỏ che đậy cho ý đồ thật của cô, hơn là ý đồ của bố cô nhiều. Max tin rằng cô là một Thánh chiến. Đơn giản Max tin rằng cô là một kẻ nói láo."

"Có thể ông mới là kẻ nói láo."

"Tôi là một sĩ quan tình báo, Nadia, điều đó có nghĩa là tôi nói láo để sống."

"Ông có đang nói láo tôi không?"

"Một chút thôi," Gabriel ra vẻ ăn năn. "Tôi e rằng linh hồn nhỏ bé đằng kia không phải tên thật là Max."

"Nhưng ông ta vẫn tin là tôi là kẻ nói láo?"

"Ông ta không phải là vấn đề chính. Nhưng ông ta cần biết chúng ta có cùng chung một chiến tuyến không trước khi tiếp tục câu chuyện."

"Chiến tuyến nào?"

"Chiến tuyến các thiên thần, dĩ nhiên."

"Cũng những thiên thần này đã ám sát bố tôi không gớm tay?"

"Cô lại dùng từ đó rồi, Nadia. Bố cô không bị ám sát, ông ta bị kẻ thù giết trên chiến trường mà ông đã chọn. Ông đã tử vì chính nghĩa khi phục vụ Thánh chiến. Tiếc rằng, ý thức hệ tàn bạo mà ông ta giúp để truyền bá không bị hủy diệt cùng ông ta. Cuồng bạo tiếp tục hiện diện trong cơn thịnh nộ của Vầng Trăng Lưỡi Liềm trải dài từ những bộ lạc Pakistan đến những đường phố của London. Và ý thức hệ này được nuôi dưỡng trong một mạng lưới giết người mới trú đóng trên núi của Yemen. Mạng lưới này có một thủ lĩnh rất lôi cuốn, một người chủ mưu đầy kỹ năng hành động, và một *shahid* quyết tâm. Điều mà hắn thiếu cô có thể cung cấp."

"Tiền," Nadia nói.

Gabriel lặp lại "Tiền, vấn đề là cô có phải thực sự là người phụ nữ đơn thương độc mã muốn thay đổi bộ mặt của Trung Đông cấp tiến hay cô là con gái của bố cô?"

Nadia im lặng một lúc và cuối cùng nói. "Tôi e rằng ông sẽ phải quyết định mà không có sự giúp đỡ của tôi, vì hiện giờ cuộc truy vấn này đã chính thức kết thúc. Nếu có điều gì cần, tôi đề nghị ông cứ nói. Và tôi sẽ không đợi lâu. Ông có thể đặt những câu hỏi về quan điểm của tôi nhưng không được hỏi đến những chi tiết chính yếu về an ninh. Rafiq al-Kamal là một Wahhabi đích thực và rất trung thành với bố tôi. Và nếu tôi không lầm thì anh ta bắt đầu nghi ngờ chuyện gì đang xảy ra trong này."

31

SERAINCOURT, PHÁP

Từng người trong đội từ từ rời phòng – mọi người trừ Eli Lavon vẫn ngồi cao gần cửa sổ, và Gabriel ngồi vào chỗ Sarah vừa rời khỏi. Ông nhìn Nadia một lúc, vẻ kính trọng. Và rồi bằng một giọng đều đều, bắt chước giọng Shamron, ông bắt đầu kể một câu chuyện cho Nadia. Câu chuyện kể về Rashid al-Husseini, một giáo sĩ Hồi giáo rất lôi cuốn, về một chiến dịch với nhiều thiện chí của CIA đã không thành công, và về một mạng lưới khủng bố giết người thiếu vốn cần thiết để đạt được mục tiêu cuối cùng. Câu chuyện được tóm lược một cách khá đầy đủ – dĩ nhiên là khi Gabriel kết thúc câu chuyện cũng là lúc ánh sáng yếu ớt của bầu trời mùa thu vừa tắt và căn phòng chập chờn nhá nhem. Lavon giờ chỉ còn là một hình dáng mờ, không nhận ra trừ mớ tóc rối bù giống như một hào quang trên đầu. Nadia ngồi bất động ở cuối ghế dài, chân bắt chéo, tay khoanh trước ngực. Cặp mắt sậm màu nhìn Gabriel không chớp khi ông kể chuyện, giống như cô đang làm mẫu vẽ cho một bức tranh. Bức tranh một người phụ nữ đã tháo bỏ mạng che mặt, của một nghệ sĩ vô danh.

Từ phòng bên cạnh vọng lại một tiếng cười, tiếp đó im bặt và theo sau là tiếng nhạc. Nadia nhắm mắt lắng nghe.

"Có phải nhạc Miles Davis không?" Cô hỏi.

Gabriel khẽ gật đầu "Bài 'Dear old Stockholm'."

"Tôi luôn thích Miles Davis, mặc dù trên thực tế bố tôi, một tín đồ sùng bái chủ nghĩa Hồi giáo Wahhabi, đã ngăn cản tôi nghe loại nhạc này." Vẫn lắng nghe, Nadia ngừng một lúc. "Tôi cũng rất thích Stockholm. Mong rằng Rashid không để thành phố này vào danh sách những mục tiêu của hắn."

"Có lần một người uyên bác nói với tôi rằng mong ước không phải là một chiến lược có thể chấp nhận khi mạng sống con người bị đe dọa."

"Có thể là không," Nadia nói, "nhưng hiện giờ đang rất thịnh hành ở Washington."

Gabriel mỉm cười. "Cô vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi, Nadia."

"Câu nào?"

"Điều gì đau khổ nhất, biết bố cô là khủng bố hay biết ông ta lừa cô?"

Nadia nhìn Gabriel chăm chú. Một lúc sau, cô lấy gói Virginia Slims trong túi xách ra, mồi một điếu thuốc rồi đưa bao thuốc cho Gabriel, ông khoát tay từ chối.

Cuối cùng cô nói "Tôi e rằng câu hỏi của ông cho thấy sự thiếu hiểu biết về văn hóa Ả Rập. Bố tôi là người được Tây hóa, nhưng trước tiên và quan trọng nhất ông vẫn là một người Ả Rập. Có nghĩa hoàn toàn theo nghĩa đen là ông ta giữ sinh mạng của tôi trong tay. Ngay cả khi ông đã chết, tôi vẫn sợ ông. Và ngay cả khi ông chết, tôi cũng không cho phép mình làm ông thất vọng."

"Nhưng cô không hoàn toàn là một đứa trẻ Ả Rập điển hình."

"Đúng vậy," Nadia công nhận. "Bố tôi đã cho tôi rất tự do khi ở phương Tây, nhưng tự do này không tồn tại khi chúng tôi ở Ả Rập Saudi và trong mối quan hệ cá nhân của hai bố con tôi. Bố tôi giống như gia tộc al-Saud. Ông hoàn toàn là một quốc vương của gia đình. Và tôi biết rất rõ chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi vượt qua giới hạn."

"Ông ta đe dọa cô?"

"Dĩ nhiên là không. Bố tôi không bao giờ nặng lời với tôi. Ông không cần làm vậy. Phụ nữ Ả Rập biết vị trí của họ. Từ lần kinh nguyệt đầu tiên, họ đã ẩn dưới một miếng mạng đen. Và cầu Trời giúp cho họ, nếu họ dám đem sự sỉ nhục về cho người đàn ông thống trị họ."

Nadia ngồi hơi thẳng lên giống như cô chú ý đến dáng ngồi của mình. Ánh sáng lờ mờ của ngọn lửa đã xóa đi dấu vết già nua trên gương mặt cô. Giờ thì cô là người phụ nữ xấc xược, đẹp tuyệt trần mà nhiều năm trước họ đã trông thấy lướt qua lần đầu trên vỉa hè lát đá ở Mason's Yard. Trong chiến dịch chống lại bố cô, Nadia chỉ được nghĩ đến sau như một sự xuất hiện khó chịu. Ngay cả Gabriel cũng không thể hoàn toàn tin là cô con gái được nuông chiều của Zizi al-Bakari lại trở thành một phụ nữ quý phái và sâu sắc đang ngồi trước mặt ông.

"Danh dự rất quan trọng cho tâm lý của đàn ông Ả Rập," Nadia tiếp. "Danh dự là tất cả. Tôi đã có một bài học rất đau đớn năm tôi vừa mười tám. Rena là một trong những người bạn thân của tôi, gia đình cô ta bề thế, không giàu như gia đình chúng tôi, nhưng danh tiếng. Rena có một bí mật. Cô phải lòng một anh chàng người Ai Cập đẹp trai đã gặp ở một trung tâm mua sắm tại Riyadh. Họ bí mật gặp nhau ở căn hộ của người thanh niên. Tôi đã khuyến cáo Rena rằng

cô ta đang dấn thân vào một trò chơi nguy hiểm, nhưng Rena không chịu ngừng gặp gỡ người tình. Cuối cùng, *mutaween,* cảnh sát tôn giáo đã bắt cặp tình nhân. Vì bố của Rena quá xấu hổ nên ông ta đã lấy một quyết định duy nhất mà ông có thể chọn, ít ra theo suy nghĩ của ông."

"Giết chết vì danh dự?"

Nadia từ từ gật đầu. "Rena bị trói vào dây xích nặng nề. Và dưới sự chứng kiến của gia đình, Rena bị ném xuống bể bơi của nhà. Mẹ và chị Rena bị bắt buộc chứng kiến. Họ không nói gì. Họ không làm gì. Họ hoàn toàn không có quyền."

Nadia rơi vào im lặng. Cuối cùng cô nói "Khi tôi biết chuyện gì đã xảy ra, tôi suy sụp. Làm sao một người cha có thể dã man và cổ hủ đến vậy? Làm sao ông ta có thể giết chính con mình? Nhưng khi tôi hỏi bố tôi về những điều này. Ông nói những điều này xảy ra vì Allah đã định như vậy. Rena phải bị trừng phạt vì sự thiếu thận trọng của mình. Đơn giản là phải đền tội." Nadia ngừng lại một lúc rồi tiếp. "Tôi không bao giờ quên nét mặt của bố tôi khi ông nói những câu này. Nét mặt này tôi nhìn thấy lại nhiều năm sau, khi ông đứng nhìn tòa nhà Trung tâm Thương mại Thế giới sụp đổ. Đó là một thảm kịch khủng khiếp, nhưng là ý của Allah. Đơn giản là phải xảy ra thôi."

"Có bao giờ cô nghi ngờ bố cô có dính líu đến khủng bố không?"

"Dĩ nhiên là không. Tôi tin rằng hành động khủng bố là hành động của những kẻ thánh chiến điên rồ như Bin Laden và Zawahiri, không phải là hành động của một người như bố tôi. Zizi al-Bakari là một doanh nhân và một nhà sưu tầm nghệ thuật, không phải là một kẻ giết người hàng loạt. Lúc đó tôi đã nghĩ vậy."

Nadia dập tắt điếu thuốc đã gần hết, cô mồi ngay một điếu khác.

“Nhưng bây giờ, qua thời gian vừa đủ, tôi có thể thấy rằng có một mối liên quan giữa cái chết của Rena và vụ thảm sát ba ngàn mạng người vô tội của ngày 11/9. Tất cả đều cùng bắt nguồn từ một ông tổ – Muhammad Abdul Wahhab. Chừng nào mà ý thức hệ của sự thù hận chưa được khống chế, chừng đó vẫn còn nhiều vụ khủng bố và nhiều phụ nữ như Rena. Mọi thứ tôi làm là vì cô ta. Rena là người hướng dẫn tôi, là ngọn hải đăng soi đường cho tôi.”

Nadia nhìn về phía góc căn phòng, nơi Lavon đang ngồi một mình, khuôn mặt chìm trong bóng tối.

“Max vẫn còn lo lắng chứ?”

“Không,” Gabriel nói. “Max không còn mảy may lo lắng nữa.”

“Max đang nghĩ gì?”

“Max tin rằng đó là niềm vinh dự được làm việc với cô, Nadia, và tôi cũng tin vậy.”

Im lặng, Nadia nhìn chăm chú vào lò sưởi một lúc. “Tôi đã lắng nghe lời đề nghị của ông và tôi cũng đã trả lời những câu hỏi mà tôi muốn trả lời. Bây giờ ông phải trả lời một vài câu hỏi của tôi.”

“Cô có thể hỏi tôi bất cứ gì cô muốn.”

Một nụ cười thoáng trên môi Nadia. “Có lẽ chúng ta nên uống một ít rượu tôi mang đến. Tôi luôn nghĩ một chai rượu ngon Latour có thể làm giảm áp lực của một cuộc nói chuyện không mấy dễ chịu.”

32

SERAINCOURT, PHÁP

Nadia chăm chú quan sát bàn tay Gabriel khi ông mở nút chai rượu. Ông rót ra hai ly, và đưa một ly cho Nadia.

"Ông không rót cho Max?"

"Max không uống rượu."

"Max theo trào lưu chính thống Hồi giáo?"

"Max là người kiêng rượu."

Gabriel hơi giơ ly rượu lên để mời trước khi uống. Nadia không đáp trả. Cô cẩn thận để ly rượu trên bàn với một sự chú ý thái quá, theo Gabriel.

"Có một số câu hỏi về cái chết của bố tôi mà tôi không bao giờ có thể trả lời được." Nadia nói sau một sự im lặng kéo dài. "Tôi cần ông trả lời chúng bây giờ."

"Tôi bị giới hạn về những gì tôi có thể nói."

"Tôi khuyên ông nên suy nghĩ lại về giới hạn này, nếu không…"

"Cô muốn biết gì?"

"Ngay từ đầu, bố tôi có phải mục tiêu để ám sát không?"

"Hoàn toàn trái lại."

"Điều đó có nghĩa là gì?"

“Có nghĩa là người Mỹ đã rất rõ ràng xem bố cô quá quan trọng để đối xử như một kẻ khủng bố tầm thường. Ông ta không phải là thành viên của hoàng tộc. Ông ta còn hơn thế nữa – bố cô là hậu duệ của một dòng dõi thương gia xa xưa Nejd, dòng dõi này đòi nợ máu liên quan đến không ai khác là chính Muhammad Abdul Wahhab.”

“Và điều này biến bố tôi thành người bất khả xâm phạm trong mắt người Mỹ?”

“‘Người bị nhiễm phóng xạ’, đó là từ họ dùng.”

“Chuyện gì đã xảy ra?”

“Sarah xuất hiện.”

“Họ đã gây thương tích cho cô ta?”

“Họ gần giết cô ta.”

Nadia im lặng một lúc. “Làm thế nào ông đưa cô ta về được?”

“Chúng tôi chiến đấu trên một chiến trường mật, nhưng chúng tôi tự xem mình là những chiến sĩ, và chúng tôi không bao giờ để chiến hữu của chúng tôi rơi vào tay kẻ thù.”

“Thật là cao cả.”

“Cô có thể không luôn luôn đồng ý với mục đích và phương pháp của chúng tôi, Nadia, nhưng chúng tôi cố gắng hoạt động theo một quy tắc nào đó. Thỉnh thoảng kẻ thù của chúng tôi cũng làm vậy. Nhưng bố cô thì không. Ông ta có luật chơi riêng. Luật của Zizi.”

“Và vì điều này, ông ta bị giết trên một đường phố đông người ở Cannes.”

“Hay cô muốn là London? Hay Geneva? Hay Riyadh?”

“Tôi muốn không phải nhìn thấy bố tôi bị bắn không gớm tay.”

“Chúng tôi cũng không muốn như vậy. Không may là chúng tôi không có lựa chọn khác.”

Một sự im lặng nặng nề bao trùm căn phòng. Nadia nhìn thẳng vào mặt Gabriel. Mắt cô không hề biểu lộ sự giận dữ, chỉ một thoáng buồn.

Cuối cùng cô nói “Ông vẫn chưa cho tôi biết tên, như vậy rất khó cho nền tảng hợp tác vững chắc và tín cần.”

“Tôi tin rằng cô đã biết tên tôi, Nadia.”

“Phải, tôi biết.” Nadia trả lời một lúc sau. “Và nếu như quân khủng bố và những người ủng hộ họ trong gia tộc Saud biết tôi đang làm việc với Gabriel Allon, người đã giết bố tôi, họ sẽ tuyên bố tôi là kẻ bội giáo, và, ngay khi có cơ hội đầu tiên, họ sẽ cắt cổ tôi.” Nadia ngừng và tiếp, “Không phải cổ ông, ông Allon, mà là cắt cổ tôi.”

“Chúng tôi rất hiểu cô phải đối mặt với nguy hiểm khi cô làm những gì chúng tôi yêu cầu, và chúng tôi sẽ làm mọi thứ, trong quyền hành của chúng tôi để bảo đảm sự an toàn cho cô. Mỗi bước của cô trong chiến dịch này sẽ được lập kế hoạch và tiến hành cẩn thận như cuộc gặp gỡ này.”

“Nhưng đây không phải điều tôi muốn hỏi, ông Allon. Tôi cần biết liệu *ông* có bảo vệ tôi không.”

Gabriel trả lời không do dự. “Cô có lời hứa của tôi.”

“Lời hứa của một kẻ đã giết bố tôi.”

“Tôi e rằng tôi không làm gì được để thay đổi quá khứ.”

“Không,” Nadia nói, “chỉ tương lai thôi.”

Nadia nhìn Eli Lavon đang cố che giấu sự không vừa lòng với những gì vừa được tiết lộ. Cô nhìn ra cửa sổ, qua khu vườn ngoài sân thượng.

Cuối cùng Nadia nói "Chúng ta còn hưởng được thêm vài phút ánh sáng, tại sao chúng ta không cùng đi dạo, ông Allon? Tôi còn một điều nữa cần nói với ông."

Họ đi dọc theo lối đi lát đá giữa hai hàng cây bách đang đong đưa trước gió. Nadia đi phía bên phải của Gabriel. Lúc đầu cô có vẻ thận trọng khi đi quá gần Gabriel, nhưng khi họ tiến sâu vào khu vườn thì Lavon chú ý thấy bàn tay cô đặt một cách kín đáo lên khuỷu tay Gabriel. Cô ngừng lại một lần, giống như bắt buộc phải đặt tay lên khuỷu tay Gabriel vì đã tỏ ra gay gắt trong lời nói và một lần nữa ở cạnh đài phun nước không còn hoạt động ở giữa khu vườn. Khi ánh sáng cuối cùng nhường chỗ cho màn đêm, cô ngồi ở mép đài phun nước, khoát tay trên mặt nước, một cách ngây thơ. Sau đó Lavon gần như hoàn toàn mất dấu họ. Lavon thấy Gabriel đặt tay nhanh lên má Nadia, sau đó không còn thấy gì cho đến khi họ trở lại lối đi về phía nhà. Nadia bám vào khuỷu tay Gabriel để làm điểm tựa.

Khi họ trở về phòng khách nhỏ, Gabriel triệu tập đội và bữa tiệc tiếp tục. Theo yêu cầu của Gabriel, họ nói về bất cứ điều gì trừ chia sẻ quá khứ và tương lai không chắc chắn của mình. Hiện giờ không còn chiến tranh khủng bố toàn cầu, không còn mạng lưới mới cần phải tháo bỏ, không còn lý do để bận tâm về bất cứ điều gì. Chỉ còn là rượu ngon, và một nhóm bạn mà thực sự ra không phải là bạn gì hết. Cũng như Gabriel, Nadia như những người quan sát rất thụ

động, đang nhìn cảnh thân mật giả tạo trước mắt. Vẫn như một bức chân dung, mắt Nadia từ từ đảo nhìn các gương mặt như thể những mảnh ghép mà cô đang cố sắp xếp lại trong trí nhớ. Thỉnh thoảng cô nhìn tay Gabriel, ông không cố che giấu chúng bởi giờ chẳng còn gì để giấu. Với Lavon và những người còn lại của đội rõ ràng là Gabriel không còn nuôi dưỡng bất cứ nghi ngờ gì về mục đích của Nadia nữa. Giống như một cặp tình nhân, họ đã dâng hiến sợi dây ràng buộc họ bằng cách chia sẻ những bí mật với nhau.

Vài phút sau bảy giờ, Gabriel báo là bữa tiệc sắp tàn. Nadia đứng lên và bỗng nhiên cảm thấy đầu hơi lâng lâng. Cô chúc đội một đêm tốt lành và đi cùng Zoe ra sân trước về phía xe. Rafiq al-Kamal, cận vệ của bố cô đang đợi để biết thông tin. Trên đường quay về Paris, lại một lần nữa Nadia nói không ngừng, lần này cô nói về những người bạn mới, Thomas và Jenny Fowler. Gabriel giám sát câu chuyện qua chiếc BlackBerry của Zoe. Sáng hôm sau, Gabriel nhìn hình tượng nhấp nháy từ quảng trường Concorde đến sân bay Charles de Gaulle. Trong khi đợi chuyến bay, Zoe gọi về nhà sản xuất ở New York để báo tin là ít ra cho đến giờ, tin tức độc quyền về gia tộc al-Bakari đã xong. Và rồi, trong tiếng thì thào, Zoe nói với Gabriel "Đã đến lúc nói lời tạm biệt rồi cưng. Đừng ngại gọi em khi ông cần bất cứ điều gì thêm nhé." Gabriel đợi đến lúc Zoe đã an toàn lên máy bay, ông mới vô hiệu hóa phần mềm trong điện thoại Zoe. Ánh sáng nhấp nháy thêm ba lần nữa, sau đó Zoe biến mất trên màn hình.

33

SERAINCOURT, PHÁP

Chiến dịch bắt đầu sớm lúc 10:15 sáng hôm sau, khi Nadia al-Bakari, người thừa kế, nhà hoạt động, và nhân viên của cơ quan Tình báo Israel, báo với nhân viên cao cấp của mình là cô có ý định là đối tác với công ty Thomas Fowler and Associates, một công ty nhỏ nhưng là một doanh nghiệp tư nhân rất thành công ở London. Trưa đó, chỉ cùng với nhân viên an ninh đặc biệt của mình, Nadia đi xe đến nhà riêng của ông Fowler ở phía bắc Paris để thương thuyết đợt đầu. Sau này, cô đặc tả tính chất của cuộc nói chuyện là hữu ích và rất sôi động, cả hai điều đều là sự thật.

Cô trở lại nhà Fowler ngày hôm sau, và ngày hôm sau nữa. Vì những lý do mà Gabriel không chia sẻ được với những người trong đội, ông không cần nhiều đến sự huấn luyện thông thường, mà tập trung chính vào câu chuyện làm vỏ bọc của Nadia. Nadia học câu chuyện đó không khó khăn vì tương ứng phần lớn với những sự việc. "Đây là câu chuyện *của cô*," Gabriel nói, "chỉ sắp xếp lại một chút những chi tiết nổi bật. Đây là câu chuyện về ám sát, về trả thù, về lòng thù hận xưa như câu chuyện của Trung Đông. Bắt đầu từ bây giờ Nadia al-Bakari không còn là lời giải đáp. Nadia chỉ là giống như bố cô ta. Cô ta là một phần của vấn đề. Cô ta là lý do giải thích tại sao người Ả Rập sẽ không bao giờ thoát ra được khỏi câu chuyện của họ."

Yossi giúp Nadia về những vấn đề trình diễn bên ngoài, nhưng phần nhiều là Nadia dựa vào sự chỉ dẫn của Sarah. Mới đầu Gabriel lo ngại về tình bạn được nối lại giữa Sarah và Nadia, nhưng Lavon xem sự liên kết của họ như một tài sản để hành động. Sarah là một sự nhắc nhở kịp thời về sự ác độc của Zizi. Và không như Rena, người bạn thuở thiếu thời bị ám sát của Nadia, Sarah đã nhìn thẳng vào mắt con quái vật và đánh bại nó. Sarah là Rena không bị xiềng xích, một Rena được hồi sinh.

Nadia tỏ ra là một người học nhanh, nhưng đó là điều Gabriel đòi hỏi. Việc chuẩn bị cho Nadia dễ hơn bởi lẽ Nadia đã sống một cuộc sống hai mặt trong nhiều năm, cô là một người giả dối tự nhiên. Ngoài những tài sản này, Nadia còn hai lợi thế quan trọng khác nữa, hai lợi thế này đã cố gắng xâm nhập hàng ngũ của phong trào thánh chiến toàn cầu: tên tuổi của Nadia và của những cận vệ của cô. Tên tuổi của cô bảo đảm cho sự xâm nhập và sự tin tưởng tức thì trong khi cận vệ của Nadia cho cô một lớp bảo vệ mà phần đông những kẻ xâm nhập không có được. Là đứa con một còn sống sót của một tên tỷ phú sát nhân Ả Rập, Nadia al-Bakari là một trong những cá nhân được bảo vệ cẩn thận nhất trên thế giới. Cho dù Nadia đi bất cứ nơi đâu, cô sẽ được bao quanh bởi những cận vệ trung tín cùng với một vòng cận vệ của Cơ quan Tình báo. Đụng đến Nadia xem như là một điều không khả thi.

Tuy nhiên tài sản có giá trị nhất của Nadia là tiền. Gabriel tự tin rằng cô sẽ không thiếu người cầu hôn một khi cô quay về thế giới của thánh chiến và khủng bố. Sự thách đố đối với Gabriel và đội của ông là đưa tiền cho đúng người. Chính Nadia đã cung cấp tên của một ứng viên tiềm năng trong khi đi bộ với Gabriel và Sarah vào một buổi trưa trong vườn của lâu đài.

“Ông ta đã tìm tôi không lâu sau khi bố tôi mất và yêu cầu tôi quyên góp cho một cơ sở từ thiện của Hồi giáo. Ông ta tự mô tả mình là một cộng sự của bố tôi. Một người anh em.”

“Còn cơ sở từ thiện?”

“Chỉ là tấm bình phong của al-Qaeda. Samir Abbas là người ông cần tìm. Ngay cả khi ông ta không dính líu đến mạng lưới mới này ông ta cũng biết ai là người của mạng lưới.”

“Ông ta làm gì?”

“Ông ta làm việc cho văn phòng Ngân hàng TransArabian tại Zurich. Như ông biết trụ sở của TransArabian ở Dubai, và ngân hàng này là một trong những tổ chức tài chính rộng lớn nhất ở Trung Đông. Nơi đây cũng được xem là ngân hàng được chọn lựa cho phong trào thánh chiến toàn cầu. Samir Abbas là một thành viên được xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Ông ta quản lý tài khoản của những khách hàng sung túc Trung Đông. Vị trí này cho ông là người duy nhất tìm kiếm người quyên góp cho cái gọi là cơ sở từ thiện.”

“Có tài sản cá nhân nào của cô để ở Ngân hàng TransArabian không?”

“Cho đến nay thì không.”

“Có lẽ cô nên mở một tài khoản. Không cần nhiều lắm. Chỉ vừa đủ để gây sự chú ý của Samir.”

“Tôi phải đưa cho ông ta bao nhiêu?”

“Cô có thể đưa một trăm triệu không?”

Nadia lắc đầu. “Một trăm triệu? Bố tôi sẽ không bao giờ đưa cho họ một số tiền như vậy.”

"Vậy thì bao nhiêu?"

"*Hai* trăm triệu đi." Nadia mỉm cười. "Như vậy ông ta sẽ biết chúng ta thực sự muốn kinh doanh."

Trong vòng mười hai tiếng từ khi cuộc nói chuyện bắt đầu, Gabriel đã cử một đội đến Zurich, và Samir Abbas, chuyên gia quản lý tài sản cho Ngân hàng TransArabian ở Dubai, được đặt dưới sự kiểm soát của Văn phòng. Eli Lavon ở lại lâu đài Treville để chốt lại những chi tiết cuối cùng của chiến dịch, bao gồm việc giải quyết vấn đề tế nhị làm sao một nữ doanh nhân Ả Rập, có cơ sở kinh doanh ở Paris gây quỹ cho quân khủng bố mà không gây sự nghi ngờ của người Pháp và những cơ quan chính quyền về tài chính của châu Âu. Qua sự bí mật gây quỹ cho phong trào cải cách Ả Rập, Nadia đã chỉ đường cho họ. Tất cả những gì Gabriel cần là một bức tranh và một kẻ đồng lõa có thiện chí. Đó là lý do tại sao vào đêm trước lễ Giáng Sinh, trong khi cả nước Pháp đang chuẩn bị để mừng lễ trong nhiều ngày, Gabriel yêu cầu Lavon đưa ông ra nhà ga Gare du Nord. Gabriel có một tấm vé cho chuyến tàu 3:15 đi London, và một cơn nhức đầu khủng khiếp do thiếu ngủ. Ở giai đoạn này của chiến dịch, Lavon bồn chồn hơn thường lệ. Không vợ, không con, ông ta luôn chán nản vào những dịp nghỉ lễ.

"Anh có chắc là anh muốn làm như vậy không?"

"Đi tàu về London vào ngày trước lễ Giáng Sinh? Thật ra tôi nghĩ tôi nên đi bộ."

"Tôi đang nói về Nadia."

"Tôi biết, Eli."

Lavon nhìn qua cửa kính đám người đang đi về phía nhà ga. Cũng là những nhóm người thông thường – doanh nhân, sinh viên, khách

du lịch, dân Phi châu nhập cư, và những tên móc túi, tất cả đều được cảnh sát Pháp mang vũ khí canh chừng. Cả đất nước đang chờ một quả bom tiếp theo nổ. Và cả châu Âu cũng vậy.

"Anh có nói cho tôi biết cô ta đã nói gì với anh buổi tối hôm đó trong vườn không?"

"Không, tôi sẽ không nói."

Lavon cũng đã biết câu trả lời. Tuy vậy ông ta cũng không che được sự thất vọng.

"Chúng ta đã cùng làm việc với nhau bao nhiêu lâu rồi?"

"Một trăm năm mươi năm," Gabriel nói. "Và chưa một lần nào tôi lại giấu anh một thông tin quan trọng."

"Vậy tại sao bây giờ lại khác?"

"Cô ta yêu cầu tôi."

"Anh có nói cho vợ anh nghe không?"

"Tôi nói cho vợ tôi tất cả mọi chuyện, và vợ tôi không nói với tôi điều gì hết. Đó là một phần của thỏa thuận giữa chúng tôi."

"Anh là người may mắn," Lavon nói. "Thêm một lý do nữa để anh đừng hứa khi anh không thể giữ lời hứa."

"Tôi luôn luôn giữ lời hứa, Eli."

"Đó là điều tôi lo sợ." Lavon nhìn Gabriel và tiếp. "Anh có tin cô ta không?"

"Tin giống như tôi tin anh vậy đó."

"Thôi anh đi đi," Lavon nói sau một lúc. "Tôi không muốn anh lỡ chuyến tàu. Và nếu anh thấy một kẻ đánh bom cảm tử trên tàu, làm ơn giúp tôi, hãy báo cảnh sát. Điều cuối cùng mà chúng ta cần ngay bây giờ cho anh là làm nổ tung một nhà ga Pháp."

Gabriel đưa cho Lavon khẩu Beretta 9mm rồi bước xuống xe, đi về phía soát vé của nhà ga. Do một phép lạ nào đó, tàu của Gabriel khởi hành đúng giờ. Và cùng chiều ngày hôm đó, lúc năm giờ, Gabriel lại đi bộ trên vỉa hè của St. James's. Sau này, Adrian Carter sẽ thấy nhiều biểu tượng trong việc trở về London của Gabriel, nơi mà hành trình của ông bắt đầu. Thật ra những lý do khiến Gabriel trở về chẳng có gì là cao quý. Kế hoạch tiêu diệt mạng lưới của Rashid từ bên trong sẽ đòi hỏi một hành động gian lận mang tính hình sự. Và còn nơi nào tốt nhất để thực hiện hơn là thế giới mỹ thuật.

34

ST. JAMES'S, LONDON

Người cộng sự của Gabriel chưa biết về kế hoạch của ông – một điều khá ngạc nhiên vì người đó không ai khác ngoài Julian Isherwood, chủ sở hữu và chủ duy nhất của Viện Mỹ thuật Isherwood, 7-8 Mason's Yard. Bức tranh *Đức Mẹ và Chúa Hài đồng với Mary Magdalene* là một trong hàng trăm bức tranh trong phòng tranh Isherwood. Trước đây bức tranh được xem như dòng tranh Venetian của Palma Vecchio, và nay dự kiến là của không ai khác hơn là chính Titian. Hiện giờ bức tranh được cất giữ an toàn trong phòng kho dưới hầm của Isherwood. Hình vẽ trên tranh được che bằng một lớp giấy mỏng. Isherwood đã gần như ghét bức tranh và cả người đã làm hỏng nó. Thật ra trong tâm trí rối loạn của Isherwood, vết cắt lộn xộn trên tấm vải gần như là biểu tượng của những vấn đề trong cuộc sống của Isherwood.

Về phía Isherwood, đây là một mùa thu cần phải quên. Isherwood chỉ bán có một bức tranh – một bức tranh nhỏ của Ý cho một nhà sưu tầm nhỏ ở Houston – và đã bị ho mạn tính như chó sủa, có thể xua người khác ra khỏi phòng nhanh hơn là bị một trái bom đe dọa. Có những lời đồn nói rằng Isherwood vẫn còn đau khổ ở một giai đoạn khủng hoảng nữa của tuổi xế chiều, lần này là lần thứ bảy hay tám, nếu không kể giai đoạn kéo dài của Thời kỳ Xanh mà Isherwood phải chịu đựng khi một cô gái làm việc ở tiệm pha cà

phê Costa tại Picadilly, bỏ ông. Jeremy Crabbe, giám đốc hay mặc quần vải tweed của đơn vị phụ trách các tác phẩm của bậc thầy ở Bonhams, nghĩ rằng một bữa tiệc tổ chức đột ngột có thể sẽ làm lên tinh thần cho Isherwood, một ý kiến mà Oliver Dimbleby, một kẻ thù béo phệ của Isherwood từ phố Bury, đã bác bỏ. Oliver xem đó là một ý kiến ngu xuẩn nhất mà ông đã được nghe kể từ nhiều năm nay. Ông ta nói "Dựa vào tình trạng sức khỏe bấp bênh của Julie lúc này, một bữa tiệc đột ngột nhằm gây ngạc nhiên sẽ giết chết ông ta." Oliver đề nghị nâng tinh thần Isherwood bằng một cô gái gọi rành nghề, đó là cách giải quyết mọi vấn đề của Oliver, dù là vấn đề cá nhân hay vấn đề chuyên môn.

Vào buổi trưa Gabriel quay về London, Isherwood đóng cửa phòng tranh sớm, và vì không có gì tốt hơn nữa để làm, dưới mưa nặng hạt Isherwood đi về hướng phố Duke để uống một tí gì đó ở quán Green's cùng với Roddy Hutchinson, người được toàn thế giới xem như một kẻ buôn bán vô đạo đức nhất ở St. James's. Nhanh chóng, Isherwood uống hết một chai rượu trắng Burgundy, và sau đó là một liều rượu mạnh cho sức khỏe của mình. Trước sáu giờ một chút, Isherwood loạng choạng bước ra đường tìm taxi, nhưng khi một chiếc taxi trờ đến, Isherwood bị một cơn ho làm ông buồn nôn đến không thể nhấc tay lên. "Mẹ kiếp," Isherwood gắt gỏng nói khi chiếc taxi lướt qua, làm bắn nước lên quần mình. "Chết tiệt, mẹ kiếp, đúng là *chết tiệt*!"

Cơn nóng giận của Isherwood kéo theo một tràng ho khác. Cuối cùng khi cơn ho dịu xuống, Isherwood để ý thấy một bóng người cúi xuống đống gạch của lối đi dẫn đến Mason's Yard. Người này mặc một áo mưa Barbour, đội mũ kéo xuống lông mày. Chân phải bắt chéo qua chân trái, cặp mắt đảo qua đảo về con đường. Hắn nhìn

Isherwood một lúc, cái nhìn pha lẫn sửng sốt và thương hại. Và rồi không một lời hoặc một tiếng động, hắn quay đi và băng qua những viên cuội của sân. Không một phán đoán, Isherwood nối gót hắn, ho khan như một bệnh nhân đi về nhà dưỡng bệnh.

"Để tôi nói lại xem tôi có hiểu đúng không nhé," Isherwood nói. "Trước tiên anh phủ một lớp keo làm bằng da thỏ và giấy mỏng lên bức tranh Titian của tôi. Sau đó anh để bức tranh vào kho của tôi và biến mất đến tận phương nào. Bây giờ anh xuất hiện lại, không báo trước, xem như không có gì xảy ra như thường lệ và nói với tôi anh cần bức Titian này cho một dự án ngoại khóa. Tôi có bỏ sót chi tiết nào chưa nói không?"

"Để dự án này có thể tiến hành, Julian, tôi sẽ cần anh lừa dối thế giới nghệ thuật, và xử sự một cách mà một vài đồng nghiệp sẽ xem là phi đạo đức."

"Lại một ngày nữa ở văn phòng thôi bạn hiền," Isherwood nhún vai nói. "Nhưng *tôi* được gì?"

"Nếu suôn sẻ, sẽ không còn cuộc tấn công nào như cuộc tấn công ở Covent Garden."

"Và rồi lại một jihadi đến. Và rồi không lại hoàn không, chúng ta lại trở về điểm xuất phát, phải không? Chỉ có Trời mới biết. Tôi không phải là nhà chuyên môn, nhưng dường như trò chơi khủng bố hơi giống như một cuộc mua bán nghệ thuật. Có những lúc lên đỉnh xuống đèo, có những mùa đắt hàng và có những lúc ế ẩm, nhưng không bao giờ kết thúc."

Trong phòng trưng bày ở tầng trên của phòng tranh Isherwood, ngọn đèn trần tỏa ánh sáng êm dịu như những cây nến tạ ơn. Mưa đập vào cửa sổ trên mái. Mưa nhỏ giọt xuống từ viền áo mà Isherwood chưa cởi. Isherwood nhăn mặt nhìn vũng nước trên sàn và nhìn bức tranh bị hư tổn dựng trên bệ bọc nỉ.

"Anh có biết cái này đáng giá bao nhiêu không?"

"Trong một cuộc đấu giá công bằng, tệ lắm cũng phải là mười triệu. Nhưng trong cuộc đấu giá mà tôi muốn nói tới thì…"

"Anh tệ quá," Isherwood nói. "Tệ quá, tệ quá."

"Ông có nói chuyện này với ai không, Julian?"

"Về bức tranh à?" Isherwood lắc đầu. "Không hé môi."

"Ông có chắc không? Không có giây phút nào thiếu thận trọng ở quán rượu Green's chứ? Không thì thầm bên gối với cô nàng gặp gỡ một cách phi lý ở Tate chứ?"

"Tên cô ta là Penelope," Isherwood nói.

"Cô ta có biết về bức tranh không Julian?"

"Dĩ nhiên là không. Không phải là cách diễn tiến khi người ta làm một việc như vậy, bạn hiền. Người ta không khoe khoang những việc như vậy. Người ta giữ kín cho đến thời cơ. Và rồi người ta tuyên bố điều đó cho cả thế giới một cách rầm rộ thông thường. Người ta cũng mong sẽ được đền bù cho sự thông minh của mình. Nhưng theo kịch bản của anh thì tôi sẽ chịu tổn thất – lạy Chúa, dĩ nhiên là tổn thất."

"Tổn thất của ông chỉ là tạm thời."

"Tạm thời là sao?"

"CIA sẽ lo mọi chi phí cho chiến dịch."

“Đây không phải là điều mà người ta nghe mỗi ngày trong một phòng trưng bày tranh.”

“Một cách này hay cách khác, ông sẽ được đền bù Julian.”

“Dĩ nhiên rồi,” Isherwood nói như chế nhạo. “Điều này làm tôi nhớ lần Penelope của tôi bảo tôi rằng chồng cô ta sẽ không về nhà trong vài giờ nữa. Tôi khá già để nhảy qua bức tường rào quanh vườn.”

“Ông vẫn còn gặp cô ta à?”

“Penelope? Cô ta bỏ tôi.” Isherwood lắc đầu nói. “Cuối cùng thì tất cả bọn họ đều bỏ tôi, trừ anh, bạn hiền ạ. Và cả cơn ho chết tiệt này nữa. Tôi bắt đầu xem nó như một người bạn thân cũ.”

“Ông đi khám bác sĩ chưa?”

“Tôi không hẹn được. Bây giờ Dịch vụ Y tế Quốc gia quá tồi. Tôi đang nghĩ đến việc trở thành một nhà khoa học Ki-tô.”

“Tôi nghĩ ông là một người bị chứng rối loạn lo âu bệnh.”

“Thật ra là được mọi người tán thành.” Isherwood với tay chọn miếng giấy mỏng trên phía cao bên phải của bức tranh.

“Mỗi vết tróc sơn mà ông gỡ ra, tôi đều phải gắn lại.”

“Xin lỗi,” Isherwood cho tay vào túi áo khoác và nói. “Có một tiền lệ đó anh biết không. Một vài năm trước, nhà bán đấu giá Christie’s bán một bức tranh cho là trường phái của Titian. Bức tranh được bán với giá không quan trọng là tám chục ngàn đồng bảng Anh. Nhưng bức tranh không phải là trường phái Titian, nó là một bức của Titian. Như anh có thể tưởng tượng ra, những người sở hữu không hài lòng lắm. Họ kết tội Christie’s là làm ăn phi pháp. Luật sư

đã can thiệp. Báo chí đăng những tin kinh khủng. Nhiều cảm xúc xoay quanh sự việc."

"Có lẽ chúng ta phải cho Christie's cơ hội để chuộc lại lỗi."

"Họ sẽ thích điều đó. Chỉ có một vấn đề."

"Chỉ có một thôi sao?"

"Chúng ta đã bỏ lỡ cuộc bán đấu giá của bức tranh của bậc thầy này."

"Đúng vậy," Gabriel công nhận, "nhưng ông quên mất cuộc bán đấu giá của những bức tranh thuộc trường phái Venetian, dự kiến vào tuần thứ nhất của tháng Hai sao. Một bức tranh mới tìm thấy của Titian có thể thêm một chút phấn khích."

"Đúng là một cậu bé xấu xa, thật xấu xa."

"Phạm tội như bị cáo buộc."

"Xét về mối liên quan của tôi trong quá khứ với một vài yếu tố nhơ nhuốc của chiến dịch này, có lẽ nên khôn ngoan để một khoảng cách giữa phòng tranh và cuộc đấu giá cuối cùng. Điều đó có nghĩa là chúng ta phải tuyển một người mua bán khác. Dựa vào hoàn cảnh, người đó phải tham lam, hèn hạ, xảo quyệt, và là một người đểu bậc nhất."

"Tôi hiểu ông đang nghĩ gì," Gabriel nói, "nhưng ông có chắc chắn là người đó làm được không?"

"Hắn là người hoàn toàn phù hợp," Isherwood nói. "Những gì anh cần làm là một bức Titian trông như thật."

"Tôi nghĩ tôi làm được."

"Khi nào anh định làm?"

Gabriel nhìn quanh phòng và nói, "Phòng này hoàn toàn phù hợp để làm việc."

"Anh còn yêu cầu gì nữa không?"

Gabriel đưa cho Isherwood một danh sách. Isherwood đẩy kính đọc sách của mình lên và cau mày. "Một lít methyl proxytol, một lít xăng trắng, một tá cọ Winsor & Newton Seri 7, một cặp đèn halogen đứng, một bản sao bức *La Bohème* của Giacomo Puccini…" Isherwood nhìn Gabriel qua cặp kính. "Anh có biết tất cả những thứ này sẽ tốn bao nhiêu tiền của tôi không?"

Nhưng Gabriel dường như không nghe thấy, ông đứng trước bức tranh, một tay chống cằm, đầu hơi nghiêng về một bên như đang suy nghĩ.

Gabriel tin rằng việc phục chế tranh cũng hơi giống việc ái ân. Sẽ tốt hơn nếu thực hiện chậm rãi và siêng năng chú ý đến chi tiết, với những khoảng thời gian nghỉ ngơi và tịnh dưỡng. Nhưng chỉ trong nháy mắt, nếu nghệ nhân và đối tượng của họ quen biết nhau hoàn toàn thì việc phục chế có thể tiến hành ở một tốc độ đáng kể, với cùng một hiệu quả.

Mười ngày tiếp theo, mà sau này Gabriel không còn nhớ gì nhiều, là mười ngày gần như không ngủ với những nét mờ nhòe của tấm vải lanh, dung môi, sơn dầu, và các chất màu, trong tiếng nhạc của Puccini và dưới ánh sáng trắng bệch và chói lóa của đèn halogen. Nỗi lo sợ ban đầu của Gabriel về tình trạng miếng vải vẽ bức tranh rất may cho thấy đó là lo sợ hão huyền quá mức. Thật vậy khi đã hoàn tất việc lót lại tranh và lấy đi vệt vẹc ni, Gabriel tìm lại được tác

phẩm gốc Titian phần lớn còn nguyên trừ một dãy đốm thấy rõ trên người của Nữ đồng trinh Maria và bốn đường trầy nơi mà miếng vải được căng vào khung cũ. Vì Gabriel đã phục chế nhiều tranh của Titian trong quá khứ, nên ông có thể phục chế bức tranh nhanh chóng gần như chính người họa sĩ bậc thầy đã dùng thời gian để vẽ. Bảng màu vẽ của Gabriel là bảng màu vẽ của Titian, cũng như những nét vẽ của ông. Duy chỉ có hoàn cảnh làm việc là khác. Không nghi ngờ gì là Titian đã làm việc với một đội học nghề và người làm thuê có tài trong khi Gabriel không có ai hỗ trợ ngoài Julian Isherwood, điều này có nghĩa là Isherwood không giúp đỡ được gì.

Không đeo đồng hồ nên Gabriel chỉ có một khái niệm mơ hồ về thời gian, và khi ông ngủ, việc này rất hiếm, trên chiếc giường tháo ráp được ở góc phòng, bên dưới ánh sáng chói lọi của bức tranh vẽ phong cảnh của Claude. Gabriel uống cà phê bằng cái xô lấy từ tiệm Costa và tự nuôi sống phần nhiều bằng bánh quy bơ và bánh ngọt dùng để uống trà mà Isherwood đã đem về phòng tranh từ Fortnum & Mason. Gabriel không có thời gian để cạo râu nên ông để râu mọc. Gabriel hốt hoảng vì râu ông bạc hơn lần trước. Isherwood nhận xét là với hàm râu như vậy, Gabriel nhìn giống như chính Titian đang đứng trước bức tranh. Cũng không lạ gì vì nét vẽ tài tình của Gabriel, nên việc giống Titian cũng không xa sự thật mấy.

Vào buổi chiều cuối cùng ở London, như đã hứa, Gabriel đến Thames House, trụ sở chính của MI5 ở bờ sông. Gabriel thông báo cho Graham Seymour rằng trên nguyên tắc, chiến dịch đã đổ bộ vào bờ biển Anh Quốc. Tâm trạng của Seymour rất khó chịu và rõ ràng ông đang suy nghĩ đến một điều gì khác. Con trai của vị vua tương lai đã quyết định thành hôn vào cuối mùa xuân, và Seymour và

đồng nghiệp của ông ở Sở Cảnh sát Thành phố phải làm sao cho không có gì phá hỏng lễ thành hôn. Khi nghe Seymour phàn nàn về tình thế, Gabriel không thể giúp gì ngoài việc nghĩ đến lời nói của Sarah trong vườn quán cà phê ở Georgetown. London là mục tiêu dễ đạt được. London có thể bị tấn công bất cứ lúc nào.

Giống như để minh họa về điều này, khi Gabriel rời Thames House thì thấy tuyến xe điện ngầm Jubilee đã bị đóng trước đám đông chen chúc trong giờ cao điểm, vì tìm thấy một gói đồ đáng nghi ngờ. Ông đi bộ về Mason's Yard, và dưới sự quan sát của Isherwood, ông sơn thêm một lớp vẹc ni lên bức tranh Titian mới được phục chế. Sáng hôm sau, Gabriel chỉ thị cho Nadia đặt cọc hai trăm triệu trong Ngân hàng TransArabian. Sau đó Gabriel đi taxi ra sân bay Heathrow.

35

ZURICH

Không nhiều nước đã giữ một vai trò quan trọng trong cuộc đời và sự nghiệp của Gabriel như Liên bang Thụy Sĩ. Gabriel nói ba thứ tiếng của Liên bang Thụy Sĩ lưu loát cũng như biết rõ núi và thung lũng của Thụy Sĩ như những khe hở và đường cong của thân thể vợ ông. Ông đã giết người ở Thụy Sĩ, bắt cóc ở Thụy Sĩ, và đã khám phá ra một vài bí mật đáng kinh tởm nhất của Thụy Sĩ. Một năm trước, trong một tiệm cà phê ở chân sông băng Diablerets, ông đã nguyện thề sẽ không bao giờ đặt chân đến xứ sở này nữa. Thật buồn cười là đôi khi sự việc không theo đúng kế hoạch.

Trong chiếc Audi thuê, ông đi qua những ngân hàng oai nghiêm và những cửa hàng của đường Bahnhofstrasse, sau đó rẽ vào con đường sầm uất dọc theo bờ của hồ Zurich. Ngôi nhà an toàn ở hai dặm phía nam của trung tâm thành phố. Đây là một ngôi nhà hiện đại với quá nhiều cửa sổ cho sự tiện nghi của Gabriel, và một bến tàu hình chữ T phủ một màn trắng như đường của trận tuyết vừa rồi. Khi bước vào, Gabriel nghe một giọng nữ hát nho nhỏ tiếng Ý. Gabriel mỉm cười. Chiara luôn hát cho chính mình khi nàng ở một mình.

Gabriel để túi xách ở tiền sảnh và lần theo tiếng hát vào phòng. Phòng khách được biến thành bộ chỉ huy tạm thời. Chiara vừa gọt

cam vừa nhìn chăm chú vào màn hình vi tính. Khi Gabriel hôn Chiara, môi nàng rất ấm giống như nàng đang sốt. Gabriel hôn nàng một lúc lâu.

"Em là Chiara Allon," vừa vuốt tóc trên má Gabriel nàng vừa thì thầm. "Vậy anh có thể là ai?"

"Anh không chắc nữa."

"Người ta nói tuổi tác có thể gây ra những vấn đề về trí nhớ," vẫn hôn Gabriel nàng nói. "Anh nên thử dầu cá xem. Em nghe nói là nó giúp cho trí nhớ đó."

"Anh nên ăn một ít trái cam em đang gọt."

"Em cũng nghĩ vậy. Lâu lắm rồi."

"Đã rất lâu lắm rồi."

Nàng cắt trái cam ra làm nhiều miếng và đút cho Gabriel một miếng.

"Mấy người trong đội đâu hết rồi?" Ông hỏi.

"Họ đang canh chừng một nhân viên của Ngân hàng TransArabian. Nhân viên này có dính líu đến phong trào thánh chiến toàn cầu."

"Vậy em có một mình?"

"Không còn nữa."

Gabriel cởi khuy áo của Chiara. Núm vú của nàng cứng lên ngay khi Gabriel chạm vào. Nàng đút cho Gabriel một miếng cam khác.

"Có lẽ chúng ta không nên làm điều đó trước máy vi tính," nàng nói. "Chúng ta không bao giờ biết ai đang nhìn đâu."

"Chúng ta còn bao nhiêu thời gian?"

"Bao lâu tùy anh."

Nàng nắm tay Gabriel và kéo ông lên lầu. "Từ từ thôi," nàng nói khi Gabriel đặt nàng xuống giường. "Từ từ thôi anh."

Căn phòng đang ngả dần sang màu của bóng tối, Gabriel mệt lả người bên tấm thân của Chiara. Họ im lặng nằm gần nhau một lúc lâu, sát nhau nhưng không chạm vào nhau. Từ xa bên ngoài vọng lại tiếng ầm ầm của con thuyền đi ngang qua, một lúc sau là tiếng sóng đập lăn tăn vào bến tàu. Chiara chống vai xuống, nằm nghiêng cạnh Gabriel. Ngón tay nàng vẽ trên sống mũi của Gabriel.

"Anh định giữ nó trong bao lâu nữa?"

"Từ khi anh yêu cầu gắn nó để thở, anh định giữ nó càng lâu càng tốt."

"Em đang nói về hàm râu anh đó, anh yêu."

"Anh ghét nó, nhưng có một cái gì đó bảo anh phải giữ nó cho đến khi chiến dịch kết thúc."

"Có lẽ anh nên giữ nó sau khi chiến dịch kết thúc nữa đó. Em thấy nó làm anh nhìn như…" nàng hạ giọng.

"Đừng nói Chiara."

"Em đang định nói là nó làm anh trông có vẻ đàng hoàng."

"Giống như nói một phụ nữ là cô ta có vẻ sang trọng."

"Có vấn đề gì không anh?"

"Em sẽ hiểu khi người ta nói em trông sang trọng."

"Sẽ không quá tệ."

“Điều đó sẽ không bao giờ xảy ra đâu Chiara. Em đẹp và em sẽ luôn luôn đẹp. Và nếu anh giữ bộ râu này sau chiến dịch, người ta sẽ bắt đầu lầm em là con gái anh.”

“Anh bắt đầu vớ vẩn rồi đó.”

“Về sinh học thì có thể lắm.”

“Nghĩa là?”

“Em có thể là con gái anh.”

“Em chưa bao giờ nghĩ theo cách này.”

“Đừng,” Gabriel nói.

Chiara cười và không nói gì thêm nữa.

“Bây giờ em đang nghĩ gì?” Gabriel hỏi.

“Chuyện gì có thể xảy ra nếu anh không thấy thằng bé đó mang quả bom dưới áo khoác và đi trên phố Wellington. Mình đã ngồi xuống ăn trưa khi quả bom nổ. Dĩ nhiên sẽ là một bi kịch nhưng cuộc sống của mình sẽ diễn ra bình thường, giống như bao nhiêu người khác.”

“Có thể nó sẽ là bình thường với mình, Chiara.”

“Những cặp bình thường không làm tình trong nhà an toàn.”

“Thật ra anh luôn tận hưởng khi làm tình với em trong nhà an toàn.”

“Em đã phải lòng anh trong một nhà an toàn.”

“Cái nào?”

“Rome,” Chiara nói. “Cái tầng an toàn ở Via Veneto, nơi mà em đưa anh về sau khi anh bị Cảnh sát Quốc gia định giết anh trong *cái phòng trọ* gớm ghiếc gần ga tàu hỏa.”

“The Abruzzi,” Gabriel nói. “Thật là một địa ngục.”

“Nhưng cái tầng an toàn đó thật đáng yêu.”

“Em chỉ mới biết anh.”

“Thật ra em biết anh rất rõ.”

“Em đã nấu cho anh món fettuccini với nấm.”

“Em chỉ làm món fettuccini với nấm cho người em yêu.”

“Vậy giờ hãy làm cho anh đi.”

“Trước tiên anh có công việc để làm.”

Chiara bật công tắc trong tường bên trên cái giường. Một cây đèn nhỏ đọc sách bằng halogen chiếu ánh sáng như laser vào mắt Gabriel.

Gabriel liếc nhìn Chiara và nói “Em có cần bật đèn lên không?”

“Ngồi dậy.”

Chiara lấy một tập hồ sơ từ bàn cạnh giường và đưa cho Gabriel, ông nâng cái bìa lên và nhìn thấy gương mặt của Samir Abbas lần đầu tiên. Đó là một gương mặt có góc cạnh, đeo kính và hơi có râu. Cặp mắt sâu màu nâu và tóc chẻ sâu về phía sau. Bức hình được chụp khi Samir đang đi bộ trên con đường có nhiều nhà ở tại Zurich. Hắn mặc một bộ quần áo màu xám, đồng phục của nhân viên ngân hàng Thụy Sĩ, cổ đeo cà vạt màu xám bạc. Áo khoác không gài khuy và không đeo bao tay. Hắn đang nói chuyện điện thoại, và qua khẩu hình thì hắn đang nói tiếng Đức.

“Đây là người đàn ông sẽ giúp anh mua một nhóm khủng bố,” Chiara nói. “Samir Abbas, sinh ra ở Amman năm 1967, học trường Kinh tế ở London, và là nhân viên của ngân hàng TransArabian từ 1998.”

"Hắn sống ở đâu?"

"Trên Hottingen, gần trường đại học. Nếu trời tốt, hắn đi bộ đi làm, để giữ eo. Nếu thời tiết xấu, hắn đi xe điện từ Romerhof xuống khu thương mại."

"Xe điện số mấy?"

"Dĩ nhiên là xe số Tám. Hắn còn đi xe nào khác nữa?"

Chiara mỉm cười. Cũng như Gabriel, sự hiểu biết của nàng về hệ thống giao thông công cộng ở châu Âu như bách khoa toàn thư.

"Hắn ở đâu?"

"Tầng bốn đường Carmen. Đây là một tòa nhà nhỏ sau chiến tranh, tường bằng xi măng, và có sáu tầng."

"Hắn có vợ không?"

"Anh nhìn hình tiếp theo đi."

Tấm hình cho thấy một phụ nữ cũng đi bộ trên cùng đường. Cô ta mặc một bộ quần áo theo phong cách châu Âu, trừ miếng *hijab* che khuôn mặt trẻ con của cô ta. Một bé trai khoảng bốn tuổi nắm tay trái cô ta. Tay phải người phụ nữ nắm tay một bé gái khoảng tám, chín tuổi.

"Tên cô ta là Johara, tiếng Ả Rập có nghĩa là 'nữ trang'. Cô ta dạy học bán thời gian cho một cộng đồng Hồi giáo ở phía tây thành phố. Đứa con lớn học tại đây. Thằng bé được gửi ở một cơ sở trông trẻ ban ngày. Cả hai đứa bé nói thông thạo tiếng Đức, nhưng Johara thoải mái hơn khi dùng tiếng Ả Rập."

"Samir có đi nhà thờ Hồi giáo không?"

"Hắn cầu nguyện trong căn hộ. Những đứa trẻ thích phim hoạt hình Mỹ, điều này khủng khiếp đối với cha chúng. Tuy nhiên không

được phép nghe nhạc. Nhạc bị cấm triệt để."

"Cô vợ có biết về nỗ lực làm từ thiện của Samir không?"

"Từ khi hai vợ chồng dùng chung máy tính, e rằng việc này khó giấu."

"Cái máy ở đâu?"

"Trong phòng khách, chúng ta đã có thể truy cập vào khi chúng ta đến đây. Chúng ta có thể nghe và nhìn một cách hợp lệ. Chúng ta cũng có thể đọc được e-mail của hắn, và giám sát những trang web mà hắn xem. Anh bạn Samir này thích xem phim jihadi khiêu dâm."

"Điện thoại hắn thì sao?"

"Việc này cũng hơi căng, nhưng chúng ta đã làm được." Chiara chỉ vào tấm hình của Samir. "Hắn để điện thoại ở túi phải áo khoác, chúng ta đã lấy được trên xe điện trên đường hắn đi làm."

"Chúng ta?"

"Yaakov thực hiện vụ va chạm vào người hắn, Oded lấy điện thoại, và Mordecai thực hiện khâu kỹ thuật. Anh ta đã để lại cái điện thoại khi Samir đang đọc báo. Tất cả chỉ mất hai phút."

"Sao không có ai cho anh biết vậy?"

"Bọn em không muốn làm phiền anh."

"Còn có điều gì em quên chưa nói anh không?"

"Chỉ còn một điều," Chiara nói.

"Điều gì?"

"Chúng ta đang bị quan sát."

"Bởi cơ quan Thụy Sĩ?"

"Không, không phải người Thụy Sĩ."

“Vậy thì ai?”

“Ba vị khách. Hai vị khách đầu không tính.”

Gabriel chộp lấy chiếc BlackBerry và bắt đầu viết.

36

HỒ ZURICH

Phải bốn mươi tám tiếng thì Adrian Carter mới đến Zurich. Ông gặp Gabriel ở mũi chiếc phà đi về ngoại ô Rapperswil. Ông mặc áo khoác đi mưa màu nâu nhạt và kẹp tờ *Neue Zürcher Zeitung* dưới tay. Giấy báo bị ướt vì tuyết.

"Tôi ngạc nhiên là ông không đem theo những hồ sơ thành tích của Cơ quan," Gabriel nói.

"Tôi phòng ngừa mọi rủi ro khi đến đây."

"Ông qua đây bằng cách nào?"

"Hạng vé phổ thông," Carter nói một cách giận dữ.

"Ông có nói với bên Thụy Sĩ là ông qua đây không?"

"Chắc anh đang nói đùa."

"Ông sẽ ở đâu?"

"Tôi không ở lại."

Gabriel nhìn lên bầu trời Zurich, mờ mờ sau đám mây thấp và tuyết. Toàn cảnh không màu sắc – một thành phố u ám bên cạnh hồ ảm đạm, hợp với tâm trạng của Gabriel.

"Khi nào thì ông quyết định nói cho tôi biết đây, Adrian?"

"Nói gì?"

Gabriel đưa cho Carter một bao thư khổ nhỏ không đề gì bên ngoài. Bên trong là tám tấm ảnh của tám nhân viên CIA.

"Bao nhiêu lâu anh mới tìm ra họ?" Vừa lật từng hình Carter vừa rầu rĩ hỏi.

"Ông có thực sự muốn tôi trả lời không?"

"Chắc là không." Carter đóng bao thư lại. "Nhân viên tình báo tốt nhất đang hoạt động ở đâu đó. Tôi phải sử dụng những người có sẵn. Một vài người trong đám là 'sự tươi mới của Nông trại', gọi theo cách mà chúng ta thường dùng."

Nông trại là nơi luyện tập của CIA ở trại Peary, Virginia.

"Ông gửi những nhân viên thử việc để theo dõi chúng tôi? Nếu tôi không giận thì cũng cảm thấy bị xúc phạm."

"Đừng xem đó là vấn đề cá nhân quá."

"Mấy cái trò nguy hiểm của ông có thể bắn chúng tôi nổ tung lên trời cao. Cơ quan Thụy Sĩ không ngu, Adrian. Thật ra họ rất giỏi. Họ quan sát. Họ cũng lắng nghe. Và họ rất bực mình khi gián điệp hoạt động trên lãnh thổ của họ mà khi vào không ký tên vào sổ khách mời. Ngay cả những gián điệp có kinh nghiệm hoạt động ở đây cũng đã bị rắc rối, kể cả chúng ta. Vậy mà Langley làm gì? Langley gửi tám nhân viên còn non, mặt búng ra sữa chưa từng đến châu Âu để hoạt động như kỳ ngoại khóa ở nước ngoài. Ông có biết là một trong số họ đã chạm trán với Yaakov, cách đây vài ngày khi anh ta đang dò bản đồ của Zurich để tìm đường không? Nói để ông biết đó Adrian."

"Anh đã nói rõ ràng quan điểm của anh."

"Chưa đâu," Gabriel nói. "Tôi muốn họ cút ra khỏi đây. Ngay tối nay."

“Tôi e rằng không được.”

“Tại sao?”

“Bởi vì chính quyền cấp cao đang rất quan tâm đến chiến dịch của anh. Và họ đã quyết định cần thêm một thành phần hoạt động của Mỹ nữa.”

“Ông nói với chính quyền cấp cao là chúng tôi đã có một thành phần hoạt động của Mỹ rồi. Tên cô ấy là Sarah Bancroft.”

“Một nhân viên phân tích từ cơ quan CTC không được tính.”

“Nhân viên phân tích này có thể thay thế tám kẻ ngu đần mà ông đã gửi đến để quan sát chúng tôi.”

Carter không nói gì, ông chỉ nhìn xuống mặt hồ.

“Chuyện gì vậy, Adrian?”

“Không phải là chuyện gì mà là ai.” Carter đưa lại cho Gabriel bao thư. “Tôi phải trả anh bao nhiêu để hủy những tấm hình chết tiệt này?”

“Ông nói đi.”

37

HỒ ZURICH

Gabriel và Adrian vào quán cà phê nhỏ trên boong phà phía trên của toa hành khách. Carter uống cà phê rẻ tiền, Gabriel uống trà. Họ chia nhau một miếng sandwich kẹp trứng lòng đào và một gói khoai tây chiên cũ. Carter giữ hóa đơn để tính vào phí công tác của ông.

"Tôi đã bảo ông là giữ kín tên cô ta," Gabriel nói.

"Tôi đã cố gắng."

"Chuyện gì đã xảy ra?"

"Có người đã mách Nhà Trắng. Tôi được mời vào Phòng Bầu dục để được tra hỏi. McKenna và tổng thống đã cùng nhau tra tấn tôi, họ gọi tôi là cảnh sát tồi. Dùng các hình thức tra tấn như khủng hoảng bằng các tư thế khó chịu, không cho ngủ, không cho ăn uống – tất cả những kiểu tra tấn mà hiện nay chúng ta bị cấm áp dụng với kẻ thù. Chẳng bao lâu tôi đầu hàng. Tôi sẽ không đi thêm vào chi tiết, chỉ cần nói rằng bây giờ tổng thống biết tên tôi. Ông ta cũng biết tên của người phụ nữ Hồi giáo với những thành tích hoàn hảo về thánh chiến mà anh đã cùng lên giường – dĩ nhiên đây chỉ là một cách nói thôi."

"Rồi sao?"

"Ông ta không hài lòng."

"Thật sao?"

"Ông ta sợ rằng mối quan hệ Mỹ – Ả Rập Saudi sẽ bị tổn thất nghiêm trọng nếu chiến dịch thất bại và tan thành mây khói. Kết quả là ông ta không còn muốn Langley đứng ngoài nữa."

"Tổng thống muốn ông lái máy bay?"

"Không chỉ có vậy," Carter nói. "ông ta muốn chúng ta duy trì chuyến bay, tiếp tế xăng, dự trữ trong khoang máy bay và chất hành lý lên khoang chứa."

"Kiểm soát hoàn toàn? Ý ông là vậy?"

"Đúng thế."

"Vô lý, Adrian."

"Vô lý chỗ nào?"

"Thành thật mà nói, tất cả đều vô lý. Chúng ta là người thực hiện, tổng thống có thể phủ nhận hoàn toàn với Ả Rập nếu chiến dịch thất bại. Nhưng nếu Langley phụ trách thì Nhà Trắng không có cơ may để phủ nhận. Giống như tổng thống đang cố ngăn chặn một cú đánh vào cằm."

"Anh biết không Gabriel, tôi chưa bao giờ nhìn vào sự việc bằng những lời lẽ như vậy." Carter lấy miếng khoai chiên cuối cùng. "Anh có phiền tôi ăn hết không?"

"Ông tự nhiên đi."

Carter cho miếng khoai vào miệng và im lặng một lúc lâu để chùi lớp muối ra khỏi những ngón tay. Cuối cùng ông nói "Anh có quyền tức giận, nếu tôi là anh tôi cũng sẽ giận."

"Vì sao?"

"Vì tôi lao vào thành phố với một câu chuyện rẻ tiền nghĩ rằng tôi có thể qua mặt anh, nhưng anh xứng đáng hơn vậy. Sự thật là tổng thống và người đầy tớ trung thành nhưng ngu đần James A. McKenna không quan tâm đến việc chiến dịch al-Bakari sẽ thất bại. Thật ra họ sợ rằng chiến dịch này sẽ thành công."

"Thử lại đi Adrian. Mấy ngày vừa qua thật là mệt mỏi."

"Dường như tổng thống đang yêu điên cuồng."

"Ai là người phụ nữ may mắn vậy?"

Carter thì thầm trong miếng giấy nhàu nát che trên miệng, "Nadia. Ông ta điên vì cô ấy. Ông ta yêu câu chuyện của cô ấy. Ông ta yêu sự can đảm của cô ấy. Quan trọng hơn hết là ông ta yêu vở kịch mà anh xây dựng xung quanh cô ấy. Đây đúng là loại chuyện mà ông ta đang tìm kiếm. Kịch bản sạch, thông minh, có chí hướng. Kịch bản được xây dựng để bắt một mẻ lớn. Và nó cũng rất khớp với cái nhìn của tổng thống về thế giới. Một sự hợp tác giữa Hồi giáo và phương Tây để đánh bại lực lượng cực đoan. Sức mạnh của trí tuệ chống lại bạo lực. Ông ta muốn hủy diệt mạng lưới của Rashid và cúi đầu thỏa thuận trước kỳ bầu cử sắp tới, và ông ta không muốn chia thành tích với ai hết."

"Như vậy là ông ta muốn tiến hành một mình? Không có đối tác?"

"Không hẳn là như vậy," Carter nói. "Ông ta muốn chúng ta kéo người Pháp, người Anh, người Đức và người Tây Ban Nha vào cuộc, từ khi họ là những nước bị tấn công."

"Còn con chim đa đa trên cây lê thì sao?"

"Hiện giờ ông ta làm cho một công ty bảo vệ tư nhân. Theo nguồn tin tôi nghe được thì ông ta làm khá tốt."

“Điều cần biết,” Gabriel nói. “Câu này không phải là một khẩu hiệu quảng cáo, Adrian. Đây là một tín điều thiêng liêng. Nó giữ cho chiến dịch không bị tiêu hủy. Nó giữ những tài sản tồn tại.”

“Mối quan tâm của anh được ghi nhận một cách hợp lệ.”

“Và giải tán.”

Carter không nói gì.

“Vậy thì tôi và đội của tôi sẽ làm gì?”

“Đội của anh sẽ lặng lẽ rút và được thay thế bằng nhân viên chính phủ. Anh sẽ là người tư vấn về khả năng cho đến khi vở kịch được diễn.”

“Rồi sau đó?”

“Anh sẽ được rút ra khỏi chiến dịch.”

“Tôi có tin cho ông đây Adrian. Vở kịch đã sẵn sàng để diễn. Thực ra ngôi sao của vở kịch sẽ bắt đầu sự nghiệp trưa mai tại Zurich.”

“Chúng ta phải hoãn lại cho đến khi ban điều hành mới vào cuộc.”

Gabriel nhìn thấy ánh đèn của Rapperswil nhấp nháy yếu ớt dọc theo bờ biển, “Ông đã quên một điều,” ông nói một lúc sau. “Ngôi sao của vở kịch là một người danh tiếng. Cô ta đòi hỏi cao. Và cô ta sẽ không làm việc với bất cứ ai đâu.”

“Anh muốn nói rằng cô ta sẽ làm việc với anh, người đã giết bố cô ta chứ không làm việc với chúng tôi?”

“Phải, tôi muốn nói vậy đó.”

“Tôi muốn thử đề nghị xem sao.”

“Ông cứ tự nhiên. Nếu ông muốn nói chuyện với Nadia, ông có thể gặp cô ta ở văn phòng cô ta tại đại lộ Haussmann, ở quận Chín Paris.”

“Thật ra, chúng tôi hy vọng là anh sẽ làm việc với chúng tôi trong quá trình chuyển đổi.”

“Hy vọng không phải là một chiến lược có thể chấp nhận khi nhiều mạng sống bị đe dọa.” Gabriel giơ bao thư đựng những tấm hình lên. “Ngoài ra, nếu tôi khuyên Nadia, tôi sẽ nói với cô ấy tránh xa ông và đám nhân viên mới từ Nông trại ra càng xa càng tốt.”

“Anh và tôi, chúng ta là người lớn. Chúng ta đã cùng đánh trận, chúng ta đã cứu những mạng người, chúng ta đã thi hành những nhiệm vụ dơ bẩn mà không ai khác muốn làm hoặc có đủ can đảm để thi hành. Nhưng ngay lúc này đây, tôi rất giận anh.”

“Tôi rất vui là tôi không một mình, tôi cũng rất giận ông.”

“Anh có thực sự nghĩ là tôi muốn làm việc này không? Ông ta là tổng thống, Gabriel à. Tôi chỉ có thể hoặc vâng theo chỉ thị của ông ta hoặc bỏ đi. Và tôi không có ý định bỏ đi.”

“Vậy thì làm ơn nói với tổng thống là tôi không chúc ông ấy điều gì ngoại trừ điều tốt lành nhất,” Gabriel nói. “Nhưng, ở một điểm nào đó, ông phải nhắc nhở ông ta là Nadia chỉ là bước đầu tiên để tiêu hủy mạng lưới của Rashid. Cuối cùng, chiến dịch sẽ không triệt để, hoặc tinh tế hoặc hướng về phía trước. Tôi chỉ hy vọng tổng thống không mất lòng thương yêu những khi phải đưa ra những quyết định khó khăn.”

Chiếc phà rung chuyển khi chạm vào bến tàu. Gabriel đứng lên đột ngột. Carter thu thập lại tách và bao khoai tây và dùng lưng bàn tay đẩy những mảnh vụn xuống.

“Tôi cần biết ý định của anh.”

“Tôi có ý định quay về bộ chỉ huy của tôi và bảo đội rằng chúng tôi về nhà.”

"Đây có phải là quyết định cuối cùng không?"

"Tôi không bao giờ đe dọa."

"Vậy anh cho tôi một ân huệ."

"Ân huệ gì?"

"Lái xe từ từ thôi."

Họ rời phà cách nhau vài giây đồng hồ, theo chiếc cầu trơn trượt, tới chiếc xe nhỏ đậu ngay bìa bãi đậu xe. Carter leo lên phía sau của chiếc Mercedes để đi về biên giới Đức. Gabriel ngồi vào chiếc Audi rồ máy chạy qua Seedamm về phía đối diện với hồ. Mặc cho lời khuyên bảo của Carter, Gabriel lái rất nhanh. Kết quả là ông đậu xe ở nhà an toàn vừa lúc Carter gọi để phác thảo sự thỏa thuận mới của chiến dịch. Những điều kiện rất đơn giản và rõ ràng. Gabriel và đội của ông được phép giữ lại thế lực của họ trong phạm vi hoạt động, miễn là không đụng đến lãnh thổ thiêng liêng của Ả Rập Saudi. Về điểm này, Carter nhấn mạnh, sẽ không có thương thảo thêm. Tổng thống sẽ không để Cơ quan Tình báo Israel đùa trên lãnh địa Mecca và Medina. Ả Rập là người thay đổi diện mạo, Ả Rập là trận tuyến thứ ba. Nếu chiến dịch xâm phạm vào bờ cõi Ả Rập, coi như mọi thỏa thuận đều kết thúc. Gabriel ngắt điện thoại và ngồi một mình trong tối. Ông cân nhắc những gì phải làm. Mười phút sau, Gabriel gọi Carter và miễn cưỡng chấp nhận các điều kiện. Ông vào nhà an toàn và bảo đội rằng họ đang đùa giỡn với tử thần.

38

PARIS

Trong nhiều tầng của biệt thự trên đại lộ Foch, Nadia al-Bakari đã tạo cho chính mình một căn hộ tiện nghi. Căn hộ gồm một phòng làm việc, một phòng khách, dãy phòng ngủ cao cấp và một phòng trưng bày mỹ thuật cá nhân, trưng bày mười hai bức tranh mà cô yêu quý nhất. Rải rác trong căn hộ là những tấm ảnh của bố cô. Ông không cười trong tấm hình nào cả, thay vào đó là hình ảnh của một *juhayman*, gương mặt "nổi giận" truyền thống của dân Ả Rập du cư. Chỉ có một tấm hình mà tình cờ Nadia chụp được trên chiếc *Alexandra* vào ngày cuối cùng của ông cho thấy bộ mặt hơi buồn rầu, giống như ông biết được định mệnh đang chờ đón mình tối đó ở bến tàu Old Port tại Cannes.

Tấm hình được để trong khung bằng bạc, trên bàn cạnh giường ngủ. Gần đó là chiếc đồng hồ Thomas Tompion, mua tại một cuộc bán đấu giá với số tiền là hai triệu năm trăm ngàn đô la, bố cô đã tặng cho Nadia nhân dịp sinh nhật lần thứ hai mươi lăm của cô. Gần đây, đồng hồ đó chạy nhanh nhiều phút, nhưng Nadia lại thấy thích hợp một cách kỳ lạ. Cô nhìn chằm chằm vào những chi tiết trang nghiêm của nó khi đi bộ vào lúc ba giờ sáng. Nadia đang thèm cà phê, cô có thể cảm nhận được khởi phát của cơn đau đầu. Nhưng, cô vẫn nằm bất động trên giường. Trong lần huấn luyện cuối cùng, Gabriel đã nhắc cô là tránh bất cứ thay đổi nào trong sinh hoạt hàng

ngày – sinh hoạt mà rất nhiều người trong đám gia nhân và nhân viên của cá nhân cô có thể kể ra bằng trí nhớ. Không thay đổi, mỗi sáng cô thức dậy đúng bảy giờ, không sớm hơn và cũng không trễ hơn. Khay thức ăn sáng được đặt trên tủ trong phòng làm việc. Trừ phi được báo, thức ăn sáng gồm có một bình thủy *cà phê pha bằng phin*, một bình sữa hấp, một ly cam tươi và hai khoanh bánh mì cỡ 15 cm phết bơ và mứt dâu. Những tờ báo phải được để phía bên phải của bàn làm việc – tờ *Wall Street Journal* để ở trên, sau đó là tờ *International Herald Tribune*, tờ *Financial Journal* và tờ *Le Monde* – cùng với quyển sổ bằng da ghi những lộ trình của ngày. Ti vi phải được bật ở kênh BBC, không có âm thanh và cái điều khiển phải để vừa tầm tay.

Bây giờ là sáu giờ ba mươi. Nadia không nghĩ đến gì khác ngoài cái đau nhức nhói lên từng cơn trong đầu, cô nhắm mắt và quyết chí ngủ một chút. Ba mươi phút sau, Esmeralda – người gia nhân có thâm niên gõ nhẹ vào cửa, như thường lệ, đánh thức Nadia dậy. Nadia vẫn nằm trên giường cho đến khi Esmeralda rời phòng. Nadia khoác chiếc áo choàng dài và dưới ánh mắt dò xét của bố cô, Nadia đi chân trần sang phòng làm việc.

Hương thơm của cà phê xay chào đón Nadia. Cô rót một tách cà phê, thêm sữa và ba thìa cà phê đường, rồi ngồi vào bàn làm việc. Trên màn hình ti vi là hình ảnh những vụ lộn xộn ở Islamabad, một hậu quả nữa của lực lượng al-Qaeda đánh bom vào xe làm thiệt mạng hơn một trăm người, phần đông là người Hồi giáo. Nadia không để âm thanh và cầm bìa da ghi lộ trình lên. Lịch làm việc không nhiều. Sau hai tiếng làm việc cá nhân, cô sẽ rời biệt thự và bay đến Zurich để cùng với những người giúp đỡ thân thiết của cô gặp cấp quản lý một công ty kinh doanh sản phẩm thuộc về quang

học của thành phố Zug, một công ty được sở hữu phần lớn bởi AAB Holdings, tại phòng họp của khách sạn Dolder Grand. Ngay sau đó, cô sẽ chủ tọa một buổi họp mà không có sự hiện diện của những người giúp đỡ. Đề tài được ghi là "riêng tư", từ dùng để đề cập đến vấn đề tài chính cá nhân của Nadia.

Cô đóng sổ bằng da lại và như thói quen, dành thời gian để đọc báo trong khi uống cà phê và ăn bánh mì nướng. Sau tám giờ một chút, qua máy vi tính, Nadia kiểm tra tình trạng thị trường Á châu và sau đó cô vào những kênh truyền hình để xem tin tức. Nadia kết thúc ở kênh Al Jazeera, đã chuyển từ sự chém giết ở Islamabad sang cuộc tấn công bằng quân đội Israel ở dải Gaza đã giết chết hai thủ lĩnh khủng bố Hamas. Mô tả cuộc tấn công này như một "tội ác chống lại nhân loại", thủ tướng Thổ Nhĩ Kỳ kêu gọi Liên Hợp Quốc trừng phạt Israel bằng hình thức chế tài kinh tế – trong phần tiếp theo của chương trình lời kêu gọi bị một giáo sĩ Ả Rập quan trọng bài bác. "Thời gian dành cho những hình thức ngoại giao đã chấm dứt," vị giáo sĩ trả lời người phỏng vấn xun xoe của kênh Al Jazeera. "Đã đến lúc cho *tất cả* những người Hồi giáo gia nhập cuộc đấu tranh vũ trang chống lại Chủ nghĩa phục quốc Do Thái. Và cầu xin Thượng Đế trừng phạt những ai dám hợp tác với kẻ thù của Hồi giáo."

Nadia tắt ti vi và quay vào phòng ngủ thay quần áo thể thao. Cô không bao giờ quan tâm đến thể dục và bây giờ đến ba mươi cô lại càng ít quan tâm hơn. Mỗi buổi sáng cô nghiêm túc nâng nhịp tim và căng tứ chi bởi vì đây là điều mà một nữ doanh nhân hiện đại sống phần lớn thời gian ở phương Tây đều làm. Vì vẫn còn nhức đầu nên Nadia thu ngắn lại công việc hàng ngày. Sau khi thong dong đi bộ trên băng chuyền của máy chạy bộ, Nadia giãn người trong nhiều

phút trên thảm yoga. Rồi cô nằm im, hai chân áp vào nhau, cánh tay duỗi thẳng hai bên. Tư thế này luôn luôn cho cảm giác lâng lâng. Tuy nhiên, sáng hôm nay, tư thế này cũng tiết lộ một sự việc sửng sốt về tương lai của cô. Nadia nằm yên rất lâu, không thay đổi tư thế và đắn đo suy nghĩ không biết có nên đi Zurich không. Cô nghĩ, chỉ cần một cú điện thoại. Một cú điện thoại thôi là gánh nặng sẽ được gỡ bỏ. Một cú điện thoại mà cô sẽ không thực hiện. Nadia tin rằng cô được sinh ra trên trái đất vào thời điểm này và ở không gian này là có lý do. Cô cũng tin điều này với người đàn ông đã giết bố cô và cô không muốn làm người đó thất vọng.

Nadia đứng lên và, chống lại cơn chóng mặt, cô quay lại phòng ngủ. Sau khi tắm và xức nước hoa, cô vào phòng quần áo và chọn trang phục, từ bỏ những bộ màu sáng để chọn những bộ màu xám đậm và màu đen. Cô chải tóc như ngoan đạo. Ba mươi phút sau, gương mặt ngồi phía sau Rafiq al-Kamal trên chiếc limousine, là gương mặt một *Juhayman* của người Ả Rập du cư. Sự biến đổi hầu như hoàn toàn. Nadia là một phụ nữ Ả Rập giàu có đang âm mưu báo thù cho bố bị ám sát của mình.

Chiếc xe lướt qua cổng và rẽ ra đường. Khi xe đi về hướng rừng Boulogne, Nadia để ý thấy người đàn ông mà cô biết dưới tên Max đang đi vài bước đằng sau một phụ nữ có thể là hoặc không có thể là Sarah. Ngay sau đó, một tay mô tô xuất hiện rất nhanh bên cạnh cửa xe, ông ta gầy, mặc chiếc áo khoác đen bằng da. Gương mặt ông ta giấu dưới mũ bảo hiểm. Có một điều gì đó ở ông ta như đâm vào trí nhớ của Nadia. Có thể không là gì, cô tự nhủ khi chiếc mô tô biến mất ở đường bên cạnh, chỉ là sự chạm nhẹ vào thần kinh bị căng thẳng, chỉ là tâm trí của cô đang chơi xỏ cô.

Ở địa vị chỉ huy của gia tộc al-Saud, ngoài việc phải giữ lại nhân viên an ninh của bố cô, thì cơ cấu cơ bản của công ty vẫn giữ lại, cùng với những nhân viên cao cấp. Daoud Hamza, một người Lebanon học ở Stanford, vẫn điều hành công việc hàng ngày. Manfred Wehrli, người Thụy Sĩ bình tĩnh như đá, người xuất tiền, vẫn điều hành tài chính của công ty. Và đội tư vấn pháp lý được biết đến là Abdul & Abdul làm mọi việc vẫn đảm bảo hợp pháp. Thêm hai mươi nhân viên trợ giúp, bộ binh, người giúp việc và các loại nhân viên ăn bám khác. Họ đều tụ tập ở phòng chờ VIP của sân bay Le Bourget khi Nadia đến. Khi đồng hồ điểm mười giờ, họ tuần tự lên máy bay Boeing Business Jet của AAB và khoảng 10:15, họ ở biên giới Zurich. Trong chuyến bay dài nhiều giờ họ lạo xạo với những con số xung quanh bàn họp và khi đến sân bay Kloten, họ lên một đoàn xe hộ tống của chiếc Mercedes sedan. Đoàn xe chạy với tốc độ rất nhanh lên những con dốc nhiều cây cối của Zürichberg đến cổng của khách sạn Dolder Grand. Ban quản lý tháp tùng họ đến phòng họp có một cái tên nghe như những tên gọi thuộc vùng núi Alps với tầm nhìn xuống hồ xứng đáng với đống tiền bỏ ra để được vào. Phái đoàn công ty cáp quang của Thụy Sĩ đã đến và đang chia nhau bữa buffet sang trọng. Nhóm AAB ngồi xuống và bắt đầu mở cặp, máy tính xách tay ra. Nhân viên AAB không bao giờ ăn trong khi họp. Đó là quy luật của Zizi.

Buổi họp dự kiến kéo dài trong hai tiếng. Buổi họp kết thúc trong ba mươi phút với lời hứa của Nadia là sẽ đầu tư thêm hai mươi triệu franc vào công ty Thụy Sĩ để giúp nâng cấp những nhà máy và dây chuyền sản xuất. Sau một vài lời tạ ơn, phái đoàn Thụy Sĩ rời phòng họp. Đi qua hành lang sang trọng, họ đi ngang qua một người Ả Rập gầy, ít râu, khoảng bốn mươi, ngồi một mình với chiếc cặp để bên

cạnh. Năm phút sau, một cú điện thoại mời ông vào phòng họp, nơi mà phái đoàn Thụy Sĩ vừa rời khỏi. Một phụ nữ xinh đẹp với những thành tích thánh chiến đáng tin cậy đang ngồi đợi ông.

"Thượng Đế chúc phúc cho ông," người phụ nữ nói bằng tiếng Ả Rập.

"Và cũng chúc phúc cho cô," Samir Abbas trả lời cũng bằng tiếng Ả Rập. "Tôi tin rằng cuộc họp với phái đoàn Thụy Sĩ đã tốt lành."

"Vấn đề trần thế mà," Nadia khoát tay trả lời.

"Thượng Đế đã rất phóng khoáng với cô," Abbas nói. "Tôi có những đề nghị về cách làm thế nào đầu tư tiền của cô."

"Tôi không cần lời khuyên của ông về đầu tư, ông Abbas. Tôi biết cách dùng tiền của tôi."

"Vậy thì tôi có thể giúp gì cho cô, cô al-Bakari?"

"Mời ông ngồi xuống trước đã. Và sau đó ông vui lòng tắt điện thoại. Không ai có thể biết điều gì sẽ xảy ra với những thiết bị điện tử đâu. Ông không thể biết được ai đang nghe lén."

"Tôi hoàn toàn hiểu."

Nadia cố cười, cô nói "Tôi tin chắc là ông hiểu."

39

ZURICH

Họ ngồi đối diện nhau trên bàn phòng họp, không nước giải khát nào khác ngoài nước khoáng của Thụy Sĩ, mà họ không hề chạm vào. Hai chiếc điện thoại đã tháo sim, tắt màn hình nằm trên bàn giữa hai người. Sau khi đã quan sát gương mặt không che mạng của Nadia, Samir Abbas dường như đang chăm chú nhìn ngọn đèn chùm trên đầu. Sáng sớm nay, Mordecai và Oded đã gài một máy phát tín hiệu thu nhỏ ngắn hạn được giấu giữa những bóng đèn và pha lê. Từ một phòng ở tầng bốn, Mordecai và Oded đang giám sát những tín hiệu của máy. Tất cả chi phí đều do Sở Mật vụ Quốc gia của Cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ chi trả. Từ nhà an toàn ở bờ hồ đối diện, qua một liên kết của sóng viba an toàn, Gabriel đang lắng nghe. Môi Gabriel hơi nhấp nháy giống như ông đang nhắc Nadia những câu nói sắp tới.

"Tôi muốn bắt đầu bằng một lời xin lỗi chân thành," Nadia nói.

Abbas thoáng ngạc nhiên. "Cô vừa mới ký quỹ vào cơ sở tài chính tôi làm, hai trăm triệu đô la, cô al-Bakari. Tôi không hiểu sao cô lại phải xin lỗi."

"Bởi vì không bao lâu sau khi bố tôi mất, ông đã yêu cầu tôi quyên góp cho một cơ sở từ thiện Hồi giáo mà ông cộng tác. Tôi đã từ chối – có phần cộc cằn, nếu tôi nhớ chính xác."

"Tôi đã sai khi tiếp cận với cô trong lúc nhạy cảm như vậy."

"Tôi biết ông chỉ quan tâm đến lợi tức tốt nhất của tôi. *Zakat* rất quan trọng cho đức tin của ông. Thật ra bố tôi tin rằng của bố thí là phần quan trọng nhất trong Năm Cột trụ của Hồi giáo."

"Bố cô hào phóng vô cùng. Tôi luôn luôn có thể trông cậy vào ông khi chúng tôi cần."

"Ông ấy luôn luôn nói tốt về ông, ông Abbas."

"Và cũng nói tốt về cô, cô al-Bakari. Bố cô rất thương yêu cô. Tôi không thể tưởng tượng hết nỗi đau của cô. Mong cô an tâm vì hiện giờ bố cô ở trên Thiên đàng với Thượng Đế."

"*Inshallah,*" Nadia nói một cách buồn bã, "nhưng, tôi e rằng tôi đã không có một ngày bình yên từ khi bố tôi bị ám sát. Và nỗi đau của tôi càng xấu hơn khi nghĩ rằng những kẻ giết người chưa bao giờ bị trừng phạt về tội ác của chúng."

"Cô có quyền tức giận. Tất cả chúng ta đều có quyền. Vụ ám sát bố cô là một sự sỉ nhục cho tất cả những người Hồi giáo."

"Nhưng ta phải làm gì với nỗi tức giận đó?"

"Có phải cô đang cần tôi khuyên không, cô al-Bakari?"

"Về vấn đề thiêng liêng," cô nói. "Tôi biết ông là người có đức tin rất mạnh."

"Giống như bố cô," ông nói.

"Giống bố tôi," cô nhẹ nhàng lặp lại.

Abbas nhìn thẳng nhanh vào mắt cô trước khi nhìn đi chỗ khác một lần nữa. "Kinh Koran còn hơn cả một bài đọc thuộc lòng những lời của Allah," ông ta nói. "Nó cũng là một tài liệu hợp pháp chi phối mọi khía cạnh cuộc sống chúng ta. Và trong trường hợp có án mạng,

việc phải làm rất rõ ràng. Điều này được gọi là *al-quisas*. Là người thân thuộc còn sống sót, cô có ba sự lựa chọn. Cô có thể đơn giản tha thứ bằng lòng vị tha của tâm hồn. Cô có thể chấp nhận tiền bồi thường. Hoặc cô có thể trả lại cho kẻ giết người những gì hắn đã làm với nạn nhân, mà không phải giết hại ai trừ bên có tội."

"Những kẻ giết hại bố tôi là dân chuyên nghiệp. Chúng được cử đến."

"Vậy thì những kẻ cử họ đến để giết bố cô là những kẻ cuối cùng có trách nhiệm về cái chết của ông."

"Và nếu như trong thâm tâm tôi không thể tìm thấy sự khoan dung để tha tội thì sao?"

"Vậy thì theo luật Allah, cô được phép giết những kẻ đó, mà không giết một ai khác nữa," Abbas vội vàng nói.

"Một lời đề nghị khó, ông có đồng ý không, ông Abbas?"

Abbas không trả lời, nhưng lần đầu tiên chỉ nhìn thẳng vào mặt Nadia, không có chút gì là bất kính của người Ả Rập.

"Có vấn đề gì không?" Nadia hỏi.

"Tôi biết ai giết bố cô, cô al-Bakari. Và tôi biết vì sao ông bị giết."

"Như vậy ông cũng biết là tôi không thể trừng phạt họ dựa theo luật của Hồi giáo." Ngừng một lát, cô tiếp, "Nếu không có sự trợ giúp."

Abbas cầm chiếc BlackBerry đã tắt máy của Nadia và im lặng xem xét.

"Không có gì phải lo lắng," cô lặng lẽ nói.

"Tại sao tôi lại phải lo lắng? Tôi quản lý tài khoản những người có lượng tài sản lớn trên thế giới cho Ngân hàng TransArabian. Tôi

dùng thời gian rảnh của mình để đi quyên góp cho quỹ từ thiện hợp pháp nhằm giúp những người Hồi giáo cơ nhỡ trên toàn thế giới."

"Chính vì thế tôi mới yêu cầu gặp ông."

"Cô muốn đóng góp?"

"Một đóng góp đáng kể."

"Cho ai?"

"Cho loại người có thể mang lại cho tôi sự công bằng mà tôi được hưởng."

Abbas để lại chiếc BlackBerry trên bàn nhưng không nói gì. Trong một lúc lâu, Nadia khó chịu, nhìn ánh mắt soi mói của Abbas.

"Ông và tôi ở phương Tây, nhưng chúng ta đều là người của sa mạc. Gia đình tôi đến từ Nejd, gia đình ông từ Hejaz. Chúng ta không cần nhiều lời để làm nên sự nghiệp lớn."

"Cha tôi chỉ thường nói với tôi bằng mắt," Abbas nói một cách buồn bã.

"Bố tôi cũng vậy," Nadia đáp.

Abbas mở nắp chai nước khoáng và đổ một ít vào ly, giống như thể đó là nguồn nước cuối cùng trên mặt đất. Cuối cùng Abbas nói "Cơ sở từ thiện mà tôi cộng tác hoàn toàn hợp pháp, tiền được sử dụng để xây đường sá, trường học, bệnh viện và những thứ đại loại như vậy. Đôi khi tiền được đưa đến một nhóm có trụ sở ở những bộ lạc phía tây bắc Pakistan. Tôi chắc chắn là nhóm này rất biết ơn nếu có bất cứ sự trợ giúp nào. Như cô biết đó, họ vừa mới mất người tài trợ đầu tiên của họ."

"Tôi không quan tâm đến nhóm có trụ sở ở những bộ lạc của Pakistan," Nadia nói. "Họ không còn hữu ích nữa. Thời của họ đã

qua.”

“Cô hãy nói điều này với những người ở Paris, Copenhagen, London và Madrid.”

“Theo như tôi hiểu thì nhóm người có trụ sở ở những bộ lạc của Pakistan không dính líu gì đến những vụ tấn công này.”

Abbas cảnh giác nhìn lên. “Ai nói với cô những điều như vậy?”

“Một người trong đám cận vệ của tôi. Người này có quan hệ mật thiết với GID Ả Rập.”

Nadia ngạc nhiên sao lời nói dối này lại được thốt ra một cách dễ dàng từ miệng mình. Abbas đóng nút chai nước lại và có vẻ như đang cân nhắc cẩn thận câu trả lời của Nadia.

Cuối cùng Abbas nói. “Người ta nghe những tin đồn về một nhà truyền giáo Yemen, người mang một hộ chiếu Mỹ và nói y như người Mỹ. Người ta cũng nghe nói nhà truyền giáo này cũng mở rộng hoạt động của mình. Dĩ nhiên là các hoạt động từ thiện.”

“Ông có biết cách liên lạc với tổ chức của nhà truyền giáo này không?”

“Nếu cô nghiêm túc muốn giúp họ, tôi nghĩ tôi có thể giới thiệu.”

Nadia nói “Càng sớm càng tốt.”

“Có những loại đàn ông không thích bị sai khiến, cô al-Bakari, nhất là bị đàn bà sai khiến.”

“Tôi không chỉ là đàn bà. Tôi là con gái của Abdul Aziz al-Bakari và tôi đã chờ đợi lâu lắm rồi.”

“Họ cũng vậy – thật ra là hàng trăm năm. Họ là những người rất kiên nhẫn. Và cô cũng phải kiên nhẫn.”

Buổi họp diễn tiến một cách chính xác y như đã được hoạch định và thi hành. Abbas quay về văn phòng của mình, Nadia quay về máy bay, Oded và Mordecai về nhà an toàn bên bờ tây của hồ. Gabriel không màng bận tâm đến sự trở về của họ. Ông đang khom lưng trên máy vi tính, đeo tai nghe, gương mặt lộ vẻ nhẫn nhục, ông bấm nút 'tạm dừng', rồi nút 'quay lui lại', rồi nút 'phát'.

"Có những loại đàn ông không thích bị sai khiến, cô al-Bakari, nhất là bị đàn bà sai khiến."

"Tôi không chỉ là đàn bà. Tôi là con gái của Abdul Aziz al-Bakari và tôi đã chờ đợi lâu lắm rồi."

"Họ cũng vậy – thật ra là hàng trăm năm. Họ là những người rất kiên nhẫn. Và cô cũng phải kiên nhẫn."

"Tôi có một yêu cầu, ông Abbas. Vì những gì đã xảy ra cho bố tôi, nên tôi cần thiết phải biết tôi sẽ gặp ai và tôi sẽ được an toàn."

"Cô không cần phải lo ngại, cô al-Bakari. Người mà tôi có ý định giới thiệu cho cô hoàn toàn không nguy hại cho sự an toàn của cô."

"Người đó là ai?"

"Tên ông ta là Marwan Bin Tayyib. Ông ta là trưởng khoa của khoa Thần học đại học Mecca và là một người thánh thiện."

Gabriel bấm nút 'tạm dừng', rồi nút 'quay lui', rồi cho 'phát' tiếp.

"Tên ông ta là Marwan Bin Tayyib. Ông ta là trưởng khoa của khoa Thần học đại học Mecca và là một người thánh thiện."

Gabriel bấm nút 'ngừng'. Sau đó, ông gửi cái tên cho Adrian Carter ở Langley. Năm phút sau, Carter gửi câu trả lời. Đó là thông tin đặt chỗ cho chuyến bay sáng về Washington. Hạng thường. Carter trả thù.

40

LANGLEY, VIRGINIA

"Làm tốt lắm," Carter nói. "Thành công rực rỡ. Đúng là một tác phẩm nghệ thuật."

Carter đang đứng ngoài thang máy tầng bảy của dãy văn phòng, ông cười bằng tất cả sự thật thà dành cho những cây kiểng già nở rộ trong bóng tối thường trực của văn phòng ông. Gabriel nghĩ đây là nụ cười an ủi của cấp điều hành khi sa thải nhân viên, chỉ còn thiếu có một điều là đồng hồ vàng, số tiền trợ cấp ít ỏi và bữa ăn tối cho hai người tại nhà hàng phục vụ bít tết Morton. Carter vỗ vai Gabriel và nói "Anh vào đây." Hành động này ông chưa bao giờ làm. "Tôi có cái này cho anh xem."

Sau khi xuống tầng bí mật dưới đất của tòa nhà, họ lang thang qua những dãy hành lang rất dài màu xám và trắng. Họ đến một sàn tàu có cửa sổ quan sát nhìn xuống một hang động lộ thiên nhìn giống như không khí sàn giao dịch Phố Wall. Trên mỗi bốn bức tường là những màn hình to như bảng hiệu. Bên dưới là hai trăm màn hình máy tính chiếu sáng hai trăm gương mặt. Chính xác họ đang làm gì thì Gabriel không biết. Nói đúng ra thì Gabriel không chắc là mình vẫn còn đang ở Langley hay ở bang Virginia nữa.

"Chúng tôi đã quyết định đến lúc mang tất cả mọi người về dưới một mái nhà," Carter giải thích.

“Mọi người?” Gabriel hỏi.

“Đây là chiến dịch của anh,” Carter nói.

“Tất cả những thứ này chỉ để phục vụ *một* chiến dịch?”

“Chúng tôi là người Mỹ,” Carter nói như ăn năn. “Chúng tôi chỉ làm ăn lớn.”

“Chiến dịch có mã bưu chính riêng không?”

“Thật ra, chiến dịch còn không có tên nữa. Hiện giờ, chúng tôi gọi là Rashidistan để thể hiện sự kính trọng với anh. Để tôi đưa anh đi một vòng nhé.”

“Trong trường hợp này, tôi nghĩ là tôi không được đánh giá cao.”

“Không lẽ chúng ta lại tranh nhau giận dữ như vậy chỉ vì thế lực?”

“Chỉ khi cần thiết thôi.”

Carter đưa Gabriel xuống dưới tầng của Trung tâm Điều hành chiến dịch bằng một cầu thang chật hình xoắn ốc. Không khí hôi mùi thảm mới trải và mạch điện quá nóng.

Một cô gái trẻ, tóc màu đen ngắn sát da đầu đi ngang qua họ không nói một lời và ngồi vào một trong những bàn làm việc ở giữa phòng. Gabriel nhìn lên một màn hình và thấy nhiều nhà bình luận nổi tiếng ở Washington đang nói chuyện phiếm trong ánh sáng đỏ của phòng quay. Âm thanh đã tắt.

“Họ có đang âm mưu một vụ tấn công khủng bố không?”

“Theo tôi biết thì không.”

“Vậy tại sao chúng ta phải quan sát họ?” Gabriel vừa hỏi vừa nhìn xung quanh phòng, dáng điệu ngạc nhiên và thất vọng. “Tất cả những người này là ai?”

Ngay cả Carter, người chỉ huy hư danh của chiến dịch cũng có vẻ thận trọng trước khi trả lời. Cuối cùng ông nói. "Phần đông đến từ cơ quan, nhưng cũng có người của NSA, FBI, bộ Tư pháp và bộ Ngân khố, cùng với hàng tá nhân viên ăn lương theo từng vụ."

"Họ có phải là loại gây ra nguy hiểm không?"

"Hoàn toàn trái lại," Carter nói. "Những người mà anh thấy đeo huy hiệu xanh lá cây đều là những người có hợp đồng tư. Tôi cũng không biết có bao nhiêu người như vậy đang làm việc ở Langley. Nhưng có một điều tôi biết, phần đông những người này làm nhiều hơn tôi."

"Làm gì?"

"Một số ít được xếp vào loại khủng bố trước đây, họ đã kiếm nhiều gấp ba khi sang làm cho những công ty tư nhân. Trong nhiều trường hợp, họ làm cùng một nhiệm vụ và nhận được khoản tiền chuyển khoản giống như vậy. Nhưng giờ Công ty Giải pháp An ninh ACME hoặc một công ty tư nhân nào khác thay vì Cơ quan Tình báo trả lương cho họ."

"Còn những người còn lại?"

"Những người khai phá dữ liệu," Carter nói, "và nhờ vào cuộc họp ở Zurich hôm qua, họ đã tìm ra mạch chính." Ông chỉ về phía một bàn làm việc. "Nhóm đằng kia đang phụ trách vụ Samir Abbas, người bạn của chúng ta ở ngân hàng TransArabian. Họ đang lục tung những dữ liệu liên quan đến Samir, e-mail này đến e-mail kia, những cuộc điện thoại này đến những cuộc điện thoại kia, giao dịch tài chính này đến giao dịch điện thoại kia. Họ cố gắng tập hợp một dãy dữ kiện liên kết với nhau xảy ra trước 11/9. Chừng nào mà chúng ta còn quan tâm thì một mình Samir cũng xứng đáng cho

chúng ta tham gia chiến dịch này. Điều đáng chú ý là Samir đã thoát khỏi chúng ta trong bao năm nay. Hắn hiện hữu và bạn hắn ở đại học Mecca cũng vậy."

Cô gái tóc ngắn sát da đầu đưa cho Carter một hồ sơ. Sau đó ông đưa Gabriel vào một phòng họp được cách âm. Một cửa sổ duy nhất nhìn xuống tầng của trung tâm điều hành chiến dịch. "Chàng trai của anh đây," Carter vừa nói vừa đưa cho Gabriel một tấm hình cỡ 8x10. "Hiện thân của vấn đề Ả Rập khó giải quyết."

Gabriel nhìn xuống tấm hình. Sheikh Marwan Bin Tayyib đang nhìn lại ông một cách nghiêm nghị. Tên giáo sĩ Ả Rập có hàm râu không gọn gàng của một Salafi Hồi giáo và nét mặt của một người không quan tâm việc chụp hình. Khăn choàng đầu màu đỏ và trắng quấn từ đầu xuống để lộ cái mũ chỏm cầu nguyện bên dưới. Không giống như phần đông đàn ông Ả Rập, hắn không che cái mũ bằng sợi dây tròn màu đen được gọi là *agal*. Trong tấm hình là hình ảnh của một người mộ đạo cho cả thế giới thấy là hắn ít quan tâm đến bề ngoài.

Gabriel hỏi "Ông biết được bao nhiêu về hắn?"

"Hắn đến từ trung tâm miền bắc Wahhabi của Riyadh. Thật ra, ở đó có một túp lều mà nghe nói đã có lần chính Wahhab ở đó. Những người đàn ông nơi hắn ở luôn cho mình là người giữ đức tin thật, tinh khiết nhất trong những sự tinh khiết. Ngay cả bây giờ, người ngoại quốc cũng không được đón tiếp. Nếu có ai đó đến thành phố, những người dân địa phương sẽ che mặt lại và đi lối khác."

"Bin Tayyib có liên quan đến al-Qaeda không?"

"Rất mỏng manh," Carter nói, "nhưng một điều không thể chối cãi, hắn là hình ảnh chính làm hồi sinh sự hăng hái nhiệt tình của

Hồi giáo đã cuốn đi kinh thành sau sự tiếp quản Đền thờ Hồi giáo năm 1979. Trong đề tài luận án tiến sĩ của hắn, hắn tranh luận rằng chủ nghĩa duy vật là một âm mưu do phương Tây khơi mào nhằm tiêu hủy Hồi giáo và cuối cùng là Ả Rập Saudi. Luận án này được yêu cầu đọc giữa một số thành viên cấp tiến của gia tộc Saud, trong số đó có ông bạn xưa của chúng ta hoàng tử Nabil, bộ trưởng bộ Nội vụ và cho đến bây giờ vẫn không thừa nhận là 19 tên không tặc ngày 11/9 là công dân của đất nước ông ta. Luận án của Bin Tayyib gây ấn tượng cho Nabil rất mạnh, nên chính ông ta tiến cử Bin Tayyib vào một vị trí có nhiều ảnh hưởng ở đại học Mecca."

Gabriel trả lại tấm hình cho Carter. Carter nhìn khinh bỉ trước khi để lại vào tập hồ sơ.

"Đây không phải là lần đầu tiên mà tên của Bin Tayyib được gắn liền với mạng lưới của Rashid," ông nói. "Mặc dù quá khứ cấp tiến của hắn, Bin Tayyib là cố vấn cho Ả Rập Saudi trong chương trình phục hồi lực lượng khủng bố rất được tán dương. Ít ra cũng có hai mươi lăm người Ả Rập đã quay lại chiến trường sau khi tốt nghiệp chương trình này. Bốn người trong số họ đã ở Yemen với Rashid."

"Còn mối liên lạc nào khác không?"

"Anh đoán thử xem ai là người cuối cùng được trông thấy cùng với Rashid vào đêm mà hắn qua bên kia chiến tuyến?"

"Bin Tayyib?"

Carter gật đầu. "Bin Tayyib là người gửi thư mời Rashid thuyết trình tại đại học Mecca. Và cũng chính Bin Tayyib đã tháp tùng Rashid vào đêm mà hắn bỏ đi."

"Đã bao giờ ông nói về điều này với những người bạn ông ở Riyadh chưa?"

"Chúng tôi đã thử."

"Rồi sao?"

"Không đi đến đâu cả," Carter thú nhận. "Như anh biết, mối quan hệ giữa gia tộc Saud và những thành viên của cộng đồng giáo sĩ nếu tôi nói không quá là không đơn giản. Gia tộc al-Saud không thể điều hành nếu không có sự hỗ trợ của các nhà hiền triết. Và nếu như họ phải chống đối một nhà thần học có ảnh hưởng như Bin Tayyib theo lệnh của chúng ta thì…"

"Những người trong thánh chiến sẽ bất bình."

Carter gật đầu và quay lại bới đống hồ sơ, ông lấy ra hai tờ ghi chép những gì NSA đã lấy trộm được.

"Sáng nay, người bạn của chúng ta đã thực hiện hai cuộc gọi từ ngân hàng TransArabian – một cho Riyadh và cuộc gọi thứ hai cho Jeddah. Trong cuộc gọi thứ nhất, hắn nói hắn đang làm việc với Nadia al-Bakari. Trong cuộc gọi thứ hai, hắn nói hắn có người bạn muốn bàn luận vấn đề tâm linh với tù trưởng Bin Tayyib. Tách hai cuộc gọi ra thì chúng có vẻ vô hại. Nhưng ghép chúng lại thì…"

"Và một điều không nghi ngờ nữa là Nadia al-Bakari, một phụ nữ với những thành tích thánh chiến rõ ràng, muốn nói chuyện riêng với tù trưởng."

"Dĩ nhiên là bàn luận vấn đề tâm linh," Carter để lại những tờ báo cáo vào tập hồ sơ. Vừa đóng tập hồ sơ, Carter vừa nói "Vấn đề là chúng ta có để cô ấy đi không?"

"Tại sao không?"

"Bởi vì điều này có thể vi phạm tất cả những thỏa thuận chính thức với chính quyền Ả Rập và cơ quan an ninh của họ. Sách Hadith đã ghi rõ ràng là không thể có hai tôn giáo ở Ả Rập. Và gia tộc al-

Saud cũng đã nói rõ ràng là họ sẽ không chấp nhận hai cơ quan tình báo."

"Đến khi nào thì ông mới nhận ra rằng họ là vấn đề hơn là lời giải đáp?"

"Ngày mà chúng ta không còn cần đến dầu hỏa của họ để vận hành xe và nền kinh tế của chúng ta," Carter nói. "Từ 11/9 chúng ta đã bắt giữ và giết hàng trăm công dân Ả Rập, nhưng không phải trong chính nước Ả Rập. Đất nước Ả Rập ngoài giới hạn của những người ngoại đạo như chúng ta. Nếu Nadia đi gặp tù trưởng Bin Tayyib, cô ta phải đi một mình, không có người theo."

"Chúng ta có thể mang núi đến cho Muhammad mà?"

"Nếu anh muốn nói là Bin Tayyib có thể ra khỏi Ả Rập để gặp Nadia, thì câu trả lời sẽ là không. Hắn đã nằm trong danh sách bị theo dõi và không một nước châu Âu nào còn lý trí lại cho hắn vào. Nếu Bin Tayyib cắn câu, thì chúng ta không còn lựa chọn nào khác là để Nadia tự lên núi. Và nếu gia tộc al-Saud biết rằng Nadia thay mặt chúng ta lên đó thì sẽ có lúc chúng ta bị trừng phạt."

"Có lẽ ông nên nghĩ đến điều này trước khi xây dựng một cơ quan chính phủ hoàn toàn tách biệt để xử lý việc này," Gabriel chỉ xuống phòng điều hành bên dưới cửa sổ và nói. "Nhưng bây giờ là vấn đề của ông, Adrian. Dựa theo những điều kiện của thỏa thuận xử lý chiến dịch gần đây nhất, đây là thời điểm mà tôi có thể bàn giao và lặng lẽ lui về phía sau."

"Tôi đang tự hỏi anh có thể chấp nhận một ít sửa đổi," Carter dè dặt nói.

"Tôi đang nghe đây."

“Trước khi tôi trở thành người quản lý của lực lượng chống khủng bố hùng mạnh nhất thế giới, tôi đã tuyển mộ người và điều khiển gián điệp. Và nếu có một điều mà gián điệp ghét, đó là thay đổi. Anh đã tìm ra Nadia và tuyển cô ấy. Tiếp tục quản lý cô ta là điều có lý đối với anh.”

“Ông muốn tôi làm người phụ trách vụ việc của cô ta?”

“Tôi nghĩ vậy.”

“Dĩ nhiên dưới sự giám sát của ông.”

“Nhà Trắng đã rất cứng rắn về việc Cơ quan Tình báo sẽ đảm nhận tất cả sự kiểm soát của chiến dịch. Tôi e rằng tôi đành bó tay.”

“Dường như đứng sau một cấp cao hơn không giống ông, Adrian.”

Carter không trả lời. Gabriel ra chiều thật sự suy nghĩ về vấn đề này, nhưng thật ra ông đã quyết định. Gabriel nghiêng đầu về phía tấm kính cách âm và hỏi, “Ông có phòng nào dưới kia cho tôi không?”

Carter mỉm cười và nói. “Tôi đã làm một tấm thẻ nhận dạng nên anh có thể vào đây mà không bị tháp tùng, dĩ nhiên là nó màu xanh.”

“Màu xanh là màu của kẻ thù chúng ta.”

“Hồi giáo không phải là kẻ thù của chúng ta, Gabriel.”

“À phải rồi, tôi quên.”

Carter đứng lên và đưa Gabriel đến một căn phòng nhỏ màu xám trong một góc ở xa của trung tâm điều hành chiến dịch. Căn phòng có một bàn, một ghế, một đường dây điện thoại nội bộ, một máy tính, một tủ cất hồ sơ, một túi hủy hồ sơ, một tách cà phê bên hông

có in biểu tượng của CIA. Vẫn không nói một lời, cô gái tóc ngắn sát da đầu đem đến cho ông một đống hồ sơ và sau đó quay về 'vỏ đậu' của cô ta. Khi Gabriel mở hồ sơ đầu tiên, ông nhìn lên và thấy Carter đang chiêm ngưỡng hình ảnh của Rashidistan từ sàn quan sát. Ông ta có vẻ hài lòng về chính mình, ông ta có quyền làm như vậy. Chiến dịch giờ là chiến dịch của ông. Gabriel giờ cũng chỉ là một nhân viên làm việc độc lập, một người ngồi trong cái hộp màu xám với tấm thẻ xanh quấn quanh cổ.

41

RIYADH, Ả RẬP SAUDI

Chiếc Boeing Business Jet của AAB Holdings vào lãnh thổ vương quốc Ả Rập đúng 5:18 chiều. Theo phong tục tập quán, viên phi công người Anh thông báo ngay cho hành khách và phi hành đoàn về diễn tiến chuyến bay để cho tất cả phụ nữ trên máy bay bắt đầu thay quần áo phương Tây để mặc quần áo thích hợp của Hồi giáo.

Ngay tức thì mười phụ nữ trên máy bay thay đổi quần áo. Người phụ nữ thứ mười một, Nadia al-Bakari vẫn ngồi ở ghế thông thường của cô, làm việc với đống hồ sơ cho đến khi ánh đèn đầu tiên của Riyadh xuất hiện như những mảng hổ phách rải rác trên cát sa mạc. Vào thế kỷ trước, thủ đô của Ả Rập nhỏ không hơn một thành luỹ đắp bằng bùn lầy ở sa mạc xa xôi, nơi mà gần như không được thế giới phương Tây biết đến, một vết trên bản đồ đâu đó giữa những sườn núi của dãy Sarawat và bờ biển của vịnh Ba Tư. Dầu hỏa đã thay đổi Riyadh thành một thủ đô hiện đại của những cung điện, nhà chọc trời và trung tâm thương mại. Nhưng vẻ hào nhoáng của sự giàu sang do dầu hỏa chỉ là ảo ảnh. Gia tộc al-Saud đã tiêu hàng tỷ để hiện đại hóa đế quốc của họ trên sa mạc khô cằn, họ đã lãng phí nhiều tỷ hơn cho những du thuyền, cho gái làng chơi và cho những khu nhà nghỉ mát ở Marbella. Tồi tệ hơn là họ đã thực hiện rất ít để chuẩn bị các bước cần thiết cho đất nước đến ngày cái giếng cuối cùng cạn. Mười triệu công nhân nước ngoài làm việc vất

vả bên những giếng dầu và những cung điện, nhưng hàng trăm ngàn thanh niên Ả Rập không thể tìm ra việc làm. Ngoài dầu lửa, nguồn xuất khẩu lớn nhất là chà là và kinh Koran. Và những kẻ cuồng tín có râu, Nadia dứt khoát nghĩ như vậy khi cô nhìn thấy những ánh đèn của Riyadh dần dần sáng hơn. Nói về sản xuất Hồi giáo cực đoan thì Ả Rập Saudi dẫn đầu trên thị trường.

Nadia rời mắt khỏi cửa sổ và nhìn xung quanh bên trong máy bay. Khoang phía trước được bố trí theo phong cách *majlis,* với những ghế tiện nghi được xếp dọc theo thân máy bay, sàn máy bay được lót bằng thảm phương Đông. Những nhân viên nam cao cấp của AAB đều ngồi trong khoang này – Daoud Hamza, đội tư vấn pháp lý của Abdul & Abdul và dĩ nhiên Rafiq al-Kamal. Rafiq nhìn Nadia bằng ánh mắt phản đối, giống như ngầm nhắc Nadia đã đến lúc thay đổi quần áo. Họ sắp đáp xuống vùng đất của những người đàn bà ẩn mặt, có nghĩa là Rafiq sẽ không chỉ còn là cận vệ của Nadia, mà hắn cũng sẽ là người đi kèm để chăm sóc và theo luật hắn sẽ phải đi với Nadia đến mọi nơi có công chúng. Vài phút nữa, Nadia al-Bakari, một trong những phụ nữ giàu nhất, sẽ được quyền cưỡi lạc đà. Ít ra, Nadia bực dọc nghĩ, một con lạc đà còn được quyền lộ mặt ra nơi công cộng.

Không một lời, cô đứng dậy và đi về phía cuối máy bay để đến khu riêng biệt sang trọng dành riêng cho cô. Mở tủ, cô thấy bộ đồng phục Ả Rập được treo trên thanh tủ: một áo choàng *thobe* trắng đơn giản, áo choàng *abaya* thêu màu đen và một *mạng che mặt* đen. Nadia nghĩ, chỉ một lần thôi, cô muốn đi bộ trên những con đường của đất nước mình, trong quần áo rộng hơn là bó mình bên trong một vỏ kén chật chội màu đen. Điều này không khả thi, dĩ nhiên, ngay cả giàu sang như tầm cỡ gia tộc al-Bakari cũng không được

bảo vệ đối với cảnh sát tôn giáo cuồng tín. Vả lại, không phải là lúc để thử những quy tắc xã hội và tôn giáo của Ả Rập Saudi. Nadia đến quê hương mình để gặp riêng tù trưởng Marwan Bin Tayyib, trưởng khoa của khoa Thần học, đại học Mecca. Chắc chắn vị học giả về tôn giáo đáng kính sẽ cảm thấy kỳ lạ nếu trước ngày gặp gỡ mà Nadia lại bị bắt bởi những người có râu vì đã không ăn mặc phù hợp với truyền thống Hồi giáo.

Nadia miễn cưỡng cởi bộ quần áo nhãn hiệu Oscar de la Renta và từ từ mặc quần áo đen vào. Với tấm mạng che gương mặt mà Thượng Đế đã ban cho, Nadia đứng trước gương để nhìn bộ dạng mình, chỉ có thể trông thấy cặp mắt của cô, cùng với dấu vết khêu gợi của mắt cá chân. Tất cả những bằng chứng hiện hữu của cô đều đã được xóa đi. Trên thực tế những hành khách nam trong khoang trước chỉ thoáng nhìn qua khi Nadia quay lại chỗ ngồi. Chỉ có Daoud Hamza, người Lebanon, là quan tâm đến sự hiện diện của cô. Những người khác, tất cả đều là người Ả Rập, đều cố né tránh không nhìn. Nadia nghĩ, căn bệnh đã trở lại, căn bệnh của Ả Rập Saudi. Không cần biết Nadia là chủ. Allah đã tạo ra cô là một phụ nữ và khi đến mảnh đất của Nhà Tiên Tri, thì cô phải đảm đương vị trí thích hợp của mình.

Máy bay hạ cánh xuống sân bay King Khalid International trùng với giờ đọc kinh chiều. Không được phép cầu nguyện cùng với đàn ông, Nadia không còn lựa chọn nào khác ngoài việc kiên nhẫn đợi trong khi họ hoàn tất nghĩa vụ thiêng liêng và quan trọng với nghi lễ cột trụ của Hồi giáo. Sau đó, vây quanh bởi nhiều người đàn bà che mạng trên mặt, Nadia lúng túng xuống cầu thang máy bay, cố gắng không bị vấp ngã vì gấu áo choàng. Một cơn gió lạnh buốt xương đang thổi qua đường băng mang theo một lớp bụi dày màu nâu của

Nejd. Gập người trước gió để giữ thăng bằng, Nadia theo những người đồng nghiệp nam của cô về phía nhà ga chính. Tại đó họ đi bằng một lối đi riêng biệt, vì giống như mỗi không gian công cộng ở Ả Rập Saudi, nhà ga được tách riêng theo giới tính. Mặc dù có những thẻ hành lý của AAB, nhưng những túi xách của họ đều được lục soát cẩn thận để tìm vật dụng khiêu dâm, rượu, hoặc bất cứ dấu vết gì của sự suy đồi phương Tây.

Bước lên từ phía đối diện của tòa nhà, Nadia leo lên phía sau của chiếc Mercedes limousine đang đợi với Rafiq al-Kamal để đi một quãng đường hai mươi hai dặm về Riyadh. Tầm nhìn chỉ còn một vài mét vì cơn bão bụi. Thỉnh thoảng, đèn trước của một chiếc xe đến gần đột ngột xuất hiện phía trước họ như ánh sáng lướt nhanh của một con tàu, nhưng phần nhiều thì dường như họ hoàn toàn một mình trên đường. Nadia muốn cởi bỏ một cách vô vọng mạng che mặt của cô, nhưng cô biết rõ là cảnh sát tôn giáo luôn luôn đi tìm những phụ nữ ngồi trên xe mà không đeo mạng – đặc biệt là phụ nữ giàu có quay về nhà từ Âu châu. Những phụ nữ này đã được Tây hóa.

Mười lăm phút sau, cuối cùng chân trời Riyadh cũng ló ra khỏi bóng tối nâu sẫm. Họ đi nhanh qua đại học Ibn Saud Islamic và đi qua nhiều vòng xoay để đến đường King Fahd, đại lộ chính của Riyadh, nơi khu vực tài chính Olaya đang phát triển mạnh. Ngay trước mặt là tháp bằng bạc Kingdom Center, trông giống như cặp đựng văn kiện để nhầm chỗ và đang chờ người chủ lơ đễnh đến nhận. Khu vực mua sắm mới Makkah lấp lánh nằm dưới bóng của tháp. Khu mua sắm Makkah mở cửa lại sau lễ cầu nguyện chiều và giờ đang bị một đám người nôn nóng mua sắm tấn công. Cảnh sát tôn giáo tay cầm dùi cui đi từng cặp giữa đám đông, tìm kiếm chứng

cứ của một biểu hiện hoặc mối liên quan không thích hợp. Nadia nghĩ đến Rena và lần đầu tiên từ khi được mời đến tòa nhà Seraincourt, thực sự cảm thấy nỗi sợ hãi như dao đâm vào cô.

Một lúc sau, nỗi sợ hãi tan biến khi xe rẽ vào đường Musa Bin Nusiar và đi về hướng al-Shumaysi, khu vực những cung điện được những bức tường bao quanh, nơi ở của những hoàng tử gia tộc al-Saud và những thành phần Ả Rập ưu tú. Khu vực rào kín của gia tộc al-Bakari ở phía tây của khu vực có cảnh sát và quân đội thường xuyên đi tuần. Được pha trộn giữa Đông và Tây, cung điện được vây quanh bởi ba mẫu hồ bơi, đài phun nước, sân cỏ và cây cọ. Những bờ tường cao như tháp màu trắng được thiết kế để giữ không cho kẻ thù kiên quyết nhất đến gần, nhưng lại không ngăn được đám bụi tràn vào sân trước như sóng biển khi chiếc xe limousine lướt qua cổng bảo vệ.

Đứng nghiêm ở dãy cột là mười gia nhân thường trực, tất cả đều là người châu Á. Bước ra từ phía sau của chiếc Mercedes, Nadia muốn chào mừng họ nồng nhiệt thay vì đóng vai trò một người thừa kế Ả Rập xa cách. Cô đi qua họ không một lời và bắt đầu lên cầu thang rộng lớn chính giữa. Vừa vào phòng thì cô đã xé tấm vải mạng ra khỏi mặt. Và rồi trong sự riêng tư của căn phòng, cô cởi hết quần áo và đứng trần truồng trước gương dài lớn, cho đến khi cơn chóng mặt làm cô khụy xuống đầu gối. Khi cơn chóng mặt đã qua, Nadia làm sạch bụi của Nejd trên tóc và nằm trên sàn, hai mắt cá chân ép vào nhau và hai tay duỗi dài hai bên. Nadia chờ cảm giác lâng lâng quen thuộc đến mang cô đi. Cô nghĩ, sắp xong rồi. Vài tháng nữa thôi, có thể chỉ là vài tuần. Và rồi mọi thứ sẽ được hoàn tất.

Ở Langley là 11:30 sáng, nhưng ở Rashidistan thì thường xuyên là không khí buổi chiều. Adrian Carter ngồi ở bàn chỉ huy, tay cầm chiếc điện thoại an toàn, một tờ giấy trắng trên tay kia. Điện thoại được kết nối với James McKenna ở Nhà Trắng. Tờ giấy được in ra là bức điện từ trạm CIA tại Riyadh. Bức điện với mật mã không quá động não cho biết Nadia al-Bakari đã về nhà an toàn và không có thánh chiến, Ả Rập hay bất cứ gì theo dõi. Carter tỏ vẻ bớt căng thẳng khi đọc bức điện và đưa cho Gabriel vẫn đang vô cảm. Họ không nói gì với nhau. Họ không cần phải nói. Cả hai đều khổ sở. Họ có một nhân viên ở lãnh thổ thù nghịch và không ai trong cả hai người có một giây phút yên bình cho đến khi Nadia quay lại máy bay và rời khỏi Ả Rập Saudi.

Vào trưa theo giờ Washington, Carter quay về văn phòng ở tầng bảy trong khi Gabriel đi về hướng căn nhà ở đường N. Ông cần ngủ một chút. Gabriel thức dậy lúc nửa khuya và trở về Rashidistan lúc một giờ sáng, tấm thẻ xanh đeo trên cổ và Adrian Carter đang căng thẳng ngồi cạnh ông. Mười lăm phút sau, bức điện từ Riyadh đến. Bức điện cho biết Nadia al-Bakari đã rời cung điện ở al-Shumaysi và giờ đang quay về văn phòng của cô ở đường al-Olaya. Nadia nán lại văn phòng đến một giờ trưa, sau đó cô được đưa đến khách sạn Four Seasons để dùng cơm trưa với những nhà đầu tư Ả Rập, tất cả đều là đàn ông. Sau khi rời khách sạn, xe của Nadia rẽ phải về phía đường King Fahd – điều kỳ lạ là văn phòng của Nadia ở hướng đối nghịch. Lần cuối cùng cô được nhìn thấy là mười phút sau, khi đi về hướng bắc trên đường cao tốc 65. Nhóm CIA không có ý định đi theo. Nadia al-Bakari giờ hoàn toàn tự mình xoay xở.

42

NEJD, Ả RẬP SAUDI

Gió giảm bớt vào buổi trưa và khoảng xế chiều thì không khí yên bình lại trở về với Nejd. Không khí yên bình chỉ là tạm thời, giống như phần đông ở cao nguyên khắc nghiệt, vì ở phía xa về hướng tây, mây đen báo hiệu bão đang lùa lên vách của dãy núi Sarawat giống như một bữa tiệc bố ráp của Hejazi. Từ trận mưa đầu tiên cách đây hai tuần, ngọn cỏ đầu tiên và hoa dại đã nhú lên, lấp lánh trên sa mạc. Trong vòng một vài tuần, mảnh đất sẽ xanh như một cánh đồng Berkshire. Sau đó luồng gió nóng sẽ ngự trị và sẽ không có một giọt mưa nào cho đến mùa đông năm tới khi Allah muốn, bão sẽ lại đổ xuống một lần nữa trên những vách núi Sarawat.

Đối với người dân ở Nejd, mưa là một trong số ít điều được hoan nghênh từ phương Tây. Họ dường như đánh giá một cái gì khác, kể cả những người được họ gọi là đồng bào từ Hejaz, với sự khinh thường và khinh miệt. Chính đức tin của họ đã làm họ thù nghịch với thế lực bên ngoài, một đức tin đã được ban cho họ ba thế kỷ trước đây bởi một nhà truyền giáo khắc khổ kêu gọi cải cách. Nhà truyền giáo này là Muhammad Abdul Wahhab. Vào 1744, ông đã thành lập một liên minh với một bộ lạc Nejd có tên là al-Saud, như vậy ông đã tạo ra một liên hiệp về quyền lực chính trị và tôn giáo, tiền đề mà cuối cùng sẽ dẫn đến sự hình thành của Ả Rập Saudi

hiện đại. Mối liên minh này tồn tại không dễ dàng và thỉnh thoảng gia tộc al-Saud bắt buộc phải đặt những người đầy nhiệt huyết có râu của Nejd vào đúng vị trí của họ, đôi khi nhờ vào sự trợ giúp của những kẻ ngoại đạo. Năm 1930, gia tộc al-Saud đã dùng đến tiểu liên để thảm sát những chiến sĩ thánh thiện của Ikhwan tại thành phố Sabillah. Và sau 11/9, gia tộc al-Saud đã hợp lực với những người Mỹ đáng ghét để đánh bại trở lại phiên bản ngày nay của Ikhwan được biết dưới tên al-Qaeda. Nhưng hơn hết thảy, kết giao giữa người theo Wahhab và gia tộc al-Saud đã tồn tại được. Họ phụ thuộc vào nhau để sống còn. Trong bối cảnh điều kiện tự thiên không hề khoan nhượng của Nejd thì không thể đòi hỏi gì thêm.

Mặc dù khí hậu khắc nghiệt, mặt đường mới của cao tốc 65 mịn và đen như những con sông dầu thô đang chảy phía bên dưới, về phía tây bắc, đường cao tốc theo con đường của một lối đi đoàn lữ hành trước đây nối liền Riyadh với thành phố ốc đảo Hail, vài dặm phía nam thành phố Hail, gần thành phố Buraydah, Nadia chỉ cho tài xế rẽ vào một con đường hai làn xe nhỏ hơn chạy về hướng tây của sa mạc. Bây giờ thì Rafiq al-Kamal rõ ràng là không thoải mái. Nadia đã không nói gì với hắn về kế hoạch đến Nejd cho đến lúc họ rời khách sạn Four Seasons và ngay cả lời giải thích của cô cũng không rõ ràng. Nadia nói cô sẽ ăn tối trong trại của gia đình tù trưởng Marwan Bin Tayyib, một thành viên quan trọng của đoàn hiền triết. Sau bữa tối, được tách riêng theo giới tính, dĩ nhiên, cô sẽ gặp riêng tù trưởng để thảo luận về những vấn đề liên quan đến *zakat. Cô* sẽ không cần thiết đem theo người chăm sóc đến buổi họp vì vị giáo sĩ là người tốt, có học thức được biết đến vì lòng mộ đạo của mình. Không có lý do gì phải quan tâm đến sự an toàn của cô. Al-Kamal đã chấp nhận sắc lệnh của Nadia nhưng rõ ràng là hắn không hài lòng.

Bây giờ đã là quá năm giờ một vài phút và ánh sáng đã bắt đầu từ từ lan từ phía chân trời. Chiếc xe đi nhanh qua hàng cây cọ, chanh và cam, chỉ chậm lại một lần để cho một người chăn cừu dẫn cừu băng qua đường. Mỗi dặm đi qua, al-Kamal dần dần bớt căng thẳng. Là người sinh ra ở vùng này, hắn chỉ một vài mốc quan trọng khi đi ngang qua. Và khi đến Unayzah, một thành phố rõ ràng là sùng đạo được biết đến vì sự tinh khiết của đạo Hồi, hắn yêu cầu Nadia đi một đường vòng để hắn có thể thấy ngôi nhà nhỏ mà khi còn bé hắn đã ở đó với một trong số bốn vợ của cha hắn.

Nadia nói, "Tôi chưa bao giờ biết anh đến từ thành phố này."

Gật đầu, hắn nói, "Tù trưởng Bin Tayyib cũng vậy, tôi biết ông ta khi ông ấy là một cậu bé. Chúng tôi học cùng trường và cầu nguyện ở cùng một nhà thờ Hồi giáo. Khi đó Marwan thực sự đã gây mối hiềm thù. Ông ta đã gặp rắc rối khi ném một cục đá vào cửa kính của một tiệm video. Ông ta nghĩ đó là không Hồi giáo."

"Còn ông thì sao?"

"Tôi không quan tâm đến tiệm. Không có nhiều thứ để làm ở Unayzah ngoại trừ xem video và đi đền thờ Hồi giáo."

"Theo tôi biết thì từ đó đến nay tù trưởng đã có tầm nhìn ôn hòa hơn."

"Những người Hồ giáo của Unayzah không biết nghĩa của từ 'ôn hòa'," al-Kamal nói. "Nếu như từ đó Marwan đã thay đổi thì là để chỉ cho sự tiêu dùng chung. Marwan là một người Hồi giáo chính cống và đối với al-Saud thì ông ta không hữu dụng lắm mặc dù họ trả tiền cho ông rất khá. Tôi sẽ canh chừng cho cô."

"Tôi sẽ nhớ điều này."

"Có lẽ tôi nên tham dự cuộc họp với cô."

“Tôi sẽ ổn thôi, Rafiq.”

Al-Kamal giữ im lặng khi họ rời Unayzah và lại đi vào sa mạc. Ngay phía trước họ, qua một biển đá cuội và đá, là vách đá cằn cỗi với những gờ đá mang dấu khắc của gió và cát từ hàng triệu năm. Trại của tù trưởng nằm ở phía bắc của vách đá lộ thiên dọc theo sườn của một thung lũng. Nadia có thể cảm nhận những tảng đá nặng chạm mạnh vào bánh xe khi họ đi dọc theo những đường mòn lồi lõm không trải nhựa.

Nắm chặt lấy thành ghế, al-Kamal hỏi “Tôi mong cô nói cho tôi biết mình đang đi đâu đây? Chúng ta có thể lấy xe Range Rover.”

“Tôi nghĩ đường không đến nỗi tệ hơn vậy nữa đâu.”

“Đây là một trại trong sa mạc. Cô nghĩ chúng ta đến đó bằng cách nào?”

Nadia bật cười một cách vô tình. “Tôi mong rằng bố tôi không đang nhìn con đường này.”

“Thật ra tôi nghĩ là ông ta đang nhìn đó.” Al-Kamal nhìn cô một lúc lâu không nói. “Tôi chưa bao giờ rời bố cô, Nadia, ngay cả khi ông ta bàn luận về những vấn đề rất nhạy cảm trong công việc với những người như tù trưởng Bin Tayyib. Ông ta đã giao phó cuộc đời ông cho tôi. Không may là tôi đã không thể bảo vệ cho ông ta tối hôm ở Cannes, nhưng tôi sẵn sàng đứng hứng đạn cho ông. Và tôi cũng làm như vậy với cô. Cô có hiểu tôi đang nói gì với cô không?”

“Tôi rất hiểu, Rafiq.”

“Tốt,” Kamal nói. “Nếu Thượng Đế muốn thì cuộc họp tối nay sẽ thành công. Nhưng lần sau, hãy cho tôi biết trước để tôi có thể thu xếp thích hợp. Tốt hơn là như vậy. Không có bất ngờ.”

“Điều luật của Zizi à?” Nadia hỏi.

Kamal gật đầu. "Phải, luật của Zizi. Điều luật của Zizi giống như những bài học của Nhà Tiên Tri, cầu xin ông an nghỉ. Tuân thủ triệt để điều luật này và Thượng Đế sẽ ban cho một cuộc sống lâu dài và hạnh phúc. Nếu bỏ qua thì…" hắn nhún vai. "Đó là lúc những điều xấu xảy ra."

Họ đến một dãy xe đậu lung tung dọc theo thung lũng: Range Rover, Mercedes, Toyota và một vài xe tải nhỏ méo mó. Kế bên khu vực đậu xe là hai cái lều công cộng lớn, bên trong được chiếu sáng. Hàng chục lều nhỏ hơn rải rác trên sa mạc, mỗi lều đều có máy phát điện và ăng ten đĩa vệ tinh. Dưới tấm mạng che mặt, Nadia mỉm cười. Những người Ả Rập thích quay về sa mạc mỗi mùa đông để kết nối lại với di sản của dân Ả Rập du cư, nhưng chỉ là lòng thành tâm của họ với lề lối cũ đã đi quá xa.

"Rõ ràng là tù trưởng tự chăm sóc cho mình rất tốt."

"Cô phải nhìn thấy biệt thự của ông ta ở Mecca," al-Kamal nói. "Tất cả đều được chính phủ mua và thanh toán. Khi mà những người al-Saud còn quan tâm thì đó là số tiền tiêu đúng chỗ. Họ chăm sóc các nhà hiền triết và các nhà hiền triết chăm sóc họ."

"Tại sao lại có điểm này?" Nadia nhìn xung quanh và hỏi.

"Trước đây rất lâu đã có cái như là Ả Rập Saudi, những thành viên bộ lạc của tù trưởng thường đem gia súc của họ đến đây vào mùa đông. Những người trong gia tộc Bin Tayyib đã đến đây dựng lều từ nhiều thế kỷ rồi."

"Ông sắp nói với tôi là ông đã đến đây khi còn là một cậu bé."

Al-Kamal nở một nụ cười hiếm có. "Đúng vậy, tôi đã đến đây."

Al-Kamal ra hiệu cho tài xế đậu xe vào bãi tách xa những xe khác. Sau khi giúp Nadia ra khỏi xe, hắn ngừng lại để nhìn chiếc Toyota

Camry. Nhưng qua lớp bụi mỏng, cho thấy chiếc xe chỉ mới đi qua bến tàu ở Dhahran.

"Chiếc xe trong mơ của ông à?" Nadia mỉa mai hỏi.

"Đây là loại xe mà họ đưa cho những người tốt nghiệp chương trình phục hồi phong trào khủng bố. Họ cho những người này một chiếc xe, một căn nhà trả trước và một cô nàng dễ thương để cưới – tất cả những cái bẫy của một cuộc sống bình thường để họ bị cột chặt vào thế giới này hơn là thế giới của thánh chiến. Họ mua lòng trung thành của nhà hiền triết và họ mua lòng trung thành của thánh chiến. Đây là cách của sa mạc. Đây là cách của gia tộc al-Saud."

Al-Kamal bảo tài xế ở lại trong xe và sau đó dẫn Nadia về phía hai lều công cộng, chỉ trong vài giây, một thanh niên ra chào đón họ. Anh ta mặc một áo choàng dài đến bắp chân theo phong cách Salaf và một mũ chỏm mà không có khăn trùm đầu. Hàm râu dài nhưng thưa thớt và mắt anh ta nhìn có vẻ dịu dàng không bình thường đối với một người Ả Rập. Sau khi chào đón chúc bình an họ theo truyền thống, anh ta tự giới thiệu là Ali và cho biết anh ta là một *talib*, hoặc môn sinh của tù trưởng Bin Tayyib. Anh ta trạc độ ba mươi.

"Bữa ăn vừa mới bắt đầu. Cận vệ của cô có thể cùng tham gia, nếu anh ta muốn. Phụ nữ ngồi bên kia," anh ta chỉ về phía bên trái của căn lều và tiếp. "Có nhiều thành viên của gia đình tù trưởng ở đây tối nay. Tôi chắc chắn là cô sẽ được tiếp đón nồng nhiệt."

Nadia liếc nhanh nhìn al-Kamal trước khi đi về hướng trái căn lều. Hai phụ nữ che mạng xuất hiện và ân cần chào đón cô bằng tiếng Ả Rập Nedj và kéo cô qua lối vào. Bên trong đã có hai mươi phụ nữ giống như họ. Họ ngồi trên thảm dày phương Đông, xung quanh

những đĩa to đựng nhiều thịt cừu, gà, cà tím, cơm và bánh mì dẹp. Một vài người đeo mạng che mặt giống Nadia, nhưng phần đông họ đều che toàn bộ thân thể. Trong khuôn khổ khép kín của căn lều, những câu chuyện phiếm của họ nghe giống như tiếng ve sầu. Câu chuyện tạm ngừng một vài giây khi người đàn bà chào đón cô, giới thiệu Nadia với mọi người. Xem ra họ chờ cô đến để bắt đầu ăn. Một phụ nữ thốt lên rất lớn, *"Al-hamdu lillah!"* – cảm ơn Thượng Đế! Và rồi họ ngồi trước những đĩa thức ăn giống như họ chưa ăn từ nhiều ngày và sẽ không nhìn thấy thức ăn trong một thời gian dài nữa.

Vẫn đứng, Nadia tìm những hình dáng kỳ quái che mặt một lúc trước khi ngồi xuống giữa hai phụ nữ khoảng hai mươi. Một người tên Adara, người kia là Safia. Adara đến từ Buraydah và là cháu gái của tù trưởng. Anh trai cô ta đã sang Iraq để đánh Mỹ và đã biến mất không để lại dấu vết. Hóa ra Safia là vợ của Ali, chàng *talib*. "Tên tôi được đặt để tưởng nhớ đến người phụ nữ Hồi giáo đã giết tên gián điệp Do Thái vào thời của Nhà Tiên Tri," cô ta hãnh diện nói trước khi thêm câu bắt buộc "cầu cho ngài được bình an." Rafiq al-Kamal đã nói đúng về chiếc Toyota Camry; nó đã được tặng cho Ali sau khi anh ta tốt nghiệp chương trình phục hồi phong trào khủng bố. Safia cũng được ban cho Ali cùng với của hồi môn đáng kể. Họ đang chờ đón đứa con đầu tiên bốn tháng nữa. "*Inshallah,* sẽ là một bé trai," Safia nói.

"Đó là ý Trời," Nadia lặp lại một cách bình thản không đúng với suy nghĩ của cô.

Nadia lấy cho mình một phần thịt gà nhỏ với cơm và nhìn những phụ nữ xung quanh. Một số ít đã tháo bỏ mạng che mặt, nhưng phần đông vẫn che mặt, đang cố ăn, kể cả Adara và Safia. Nadia cũng làm như vậy, trong suốt thời gian ăn, cô lắng nghe tiếng vo vo

liên tục của những câu chuyện phiếm quanh cô. Chúng nhàm chán kinh khủng: chuyện gia đình, trung tâm mua sắm mới nhất ở Riyadh, thành tích của con họ. Dĩ nhiên là chỉ con trai, vì con gái là biểu tượng của sự thất bại trong sinh sản. Đó là cuộc sống của họ, cất giữ cẩn thận trong phòng riêng biệt, trong lều riêng biệt, cùng với những phụ nữ giống y như họ. Họ không xem kịch, vì không hề có rạp hát ở trong cả đất nước. Họ không đi vũ trường, vì nhạc và khiêu vũ đều là trái luật. Họ không đọc gì ngoài kinh Koran – họ không học kinh Koran chung với đàn ông – những tạp chí về quần áo mà họ không được phép mặc nơi công cộng, bị kiểm duyệt gắt gao. Thỉnh thoảng, họ được ban cho một thú vui thể xác khác, bí mật bẩn thỉu của Ả Rập Saudi, nhưng phần nhiều là họ có những cuộc sống tủi nhục và buồn chán và khi mọi thứ kết thúc, họ sẽ được chôn cất theo truyền thống Wahhabi, trong phần mộ không bia bên dưới lớp cát nóng bỏng của Nejd.

Mặc cho tất cả những điều này, Nadia cũng không thể không cảm thấy thoải mái trong vòng tay ấm áp của dân tộc cô và trong đức tin của cô. Đó là điều mà những người phương Tây sẽ không bao giờ hiểu được về Hồi giáo: tâm trạng này bao gồm về mọi mặt. Tâm trạng này đánh thức bạn vào buổi sáng bằng lời kêu gọi đọc kinh và bao phủ bạn như một áo choàng theo từng cử động suốt ngày của bạn. Tâm trạng này thể hiện trong từng từ ngữ, từng suy nghĩ và trong mỗi hành động của một người Hồi giáo mộ đạo. Và tâm trạng này đang ở đây, ở giữa sự tụ tập của những phụ nữ mang mạng che mặt, ngay trong lòng của Nejd.

Đó cũng là lúc mà Nadia cảm nhận được sự đau đớn kinh khủng đầu tiên của ý tưởng tội lỗi. Nó xuất hiện rất nhanh và bất ngờ như một cơn bão cát và không một lời cảnh báo nhã nhặn. Bằng cách gia

nhập vào cộng đồng của cô với người Israel và người Mỹ, Nadia đã chối bỏ một cách hiệu quả đức tin Hồi giáo của mình. Cô là một kẻ dị giáo, một kẻ bội giáo và sự trừng phạt dành cho kẻ bội giáo là cái chết. Đó là một cái chết mà những phụ nữ che mạng trên mặt, sống buồn chán, tụ tập quanh cô sẽ tha thứ không nghi ngờ gì nữa. Họ không có sự lựa chọn; nếu họ dám đứng lên để bảo vệ cô, thì họ cũng sẽ chịu chung số phận.

Tư tưởng có tội tan nhanh và được thay thế bằng nỗi sợ hãi. Để cho lòng mình sắt đá lại, cô nghĩ đến Rena, người hướng dẫn cô, ngọn hải đăng của cô. Và Nadia nghĩ sẽ thích hợp biết bao nếu sự phản bội của cô xảy ra ở đây, trên mảnh đất thiêng liêng của Nejd, trong vòng tay của những phụ nữ che mạng này. Và nếu cô còn bất cứ nghi ngờ gì về con đường cô đã chọn, thì đã quá muộn. Bởi vì qua khe hở của lều, cô có thể thấy Ali, anh *talib* để râu, trong chiếc áo choàng Salafi ngắn đang đi đến. Đã đến lúc nói chuyện riêng với tù trưởng. Sau đó, nếu Allah muốn, mưa sẽ đến và công việc sẽ hoàn tất.

43

NEJD, Ả RẬP SAUDI

Nadia theo Ali vào sa mạc dọc theo ven thung lũng. Không có lối đi bộ rõ ràng, chỉ có một vạt đất vết tích còn lại của dấu chân lạc đà đã in sâu xuống sa mạc rất lâu trước khi bất cứ ai ở Nejd đã từng nghe về một nhà truyền giáo có tên là Wahhab hoặc nghe về một thương gia từ Mecca được gọi là Muhammad. Ali không đem theo đuốc vì không cần thiết. Con đường họ đang đi được chiếu sáng bởi những ngôi sao trên bầu trời bao la và bởi mặt trăng lưỡi liềm đang nổi phía xa trên ngọn núi, như một hình bán nguyệt bên trên tháp giáo đường cao nhất thế giới. Một tay, Nadia cầm đôi giày cao gót, tay kia vén gấu áo choàng đen. Trời đã trở lạnh nhưng mặt đất rất ấm dưới chân Nadia. Ali đi cách vài bước phía trước. Chiếc áo choàng của anh ta phát sáng dưới ánh trăng. Ali đang đọc nho nhỏ kinh Koran cho chính mình, nhưng không hề nói một câu với Nadia.

Họ đến một căn lều không có ăng ten đĩa vệ tinh hay máy phát điện. Hai người đàn ông ngồi phục ở lối vào bên ngoài, gương mặt trẻ có hàm râu được chiếu sáng bởi ánh sáng yếu ớt của một ngọn lửa nhỏ. Ali chúc họ bình an, rồi kéo mảnh vải của lều lên, đưa tay ra dấu mời Nadia vào. Tù trưởng Marwan Bin Tayyib, trưởng khoa của khoa Thần học tại đại học Mecca, ngồi chéo chân trên tấm thảm phương Đông giản dị, đang đọc kinh Koran dưới ánh sáng của ngọn đèn khí. Gấp sách lại, vị tù trưởng nhìn Nadia qua cặp kính tròn một

lúc lâu trước khi mời cô ngồi. Cô từ từ cúi mình xuống thảm, cẩn thận không để lộ da thịt và ngồi thành kính xuống cạnh quyển kinh Koran.

"Cô đã quen với mạng che mặt rồi," Bin Tayyib nói một cách ngưỡng mộ, "nhưng cô có thể mở mạng che mặt ra nếu cô muốn."

"Tôi muốn giữ nó lại."

"Tôi không bao giờ nghĩ rằng cô lại sùng đạo đến vậy. Cô nổi tiếng là một phụ nữ được giải phóng."

Rõ ràng là vị tù trưởng không cho đó là một lời khen. Ông có ý thử Nadia, mặt khác cô không mong đợi gì hơn. Gabriel cũng thế. Ông ta đã nói với cô *hãy chỉ che giấu chúng tôi. Bám lấy sự thật khi có thể. Nói dối là phương cách cuối cùng.* Đó là cách của cơ quan tình báo. Cách của gián điệp chuyên nghiệp.

"Giải phóng khỏi cái gì?" cố tình khiêu khích tù trưởng, Nadia hỏi.

"Khỏi *Sharia*," vị tù trưởng nói. "Tôi nghe nói là cô không bao giờ mang mạng che mặt khi ở phương Tây."

"Vì không thực tế."

"Theo như tôi hiểu thì càng ngày càng nhiều phụ nữ của chúng ta chọn che mặt khi họ du lịch. Tôi nghe nói là nhiều phụ nữ Ả Rập che mặt khi họ uống trà ở Harrods."

"Họ không điều hành những công ty có vốn đầu tư lớn. Và phần đông uống rượu nhiều hơn là uống trà khi họ ở phương Đông."

"Tôi nghe nói cô là một người trong số đó."

Bám lấy sự thật khi có thể…

"Tôi thú nhận là tôi thích rượu."

"Đó là điều cấm kỵ," ông ta nói như mắng.

"Bố tôi là người nên bị khiển trách, ông ta cho phép tôi uống rượu khi tôi ở phương Tây."

"Ông ta đã nhân hậu với cô."

Lắc đầu, cô nói, "Không, ông ta không nhân hậu. Ông ta chiều chuộng tôi kinh khủng. Nhưng ông ta cũng cho tôi đức tin lớn lao của ông."

"Tin vào gì?"

"Tin vào Allah và tiên tri của ông Muhammad, cầu bình an cho ngài."

"Nếu trí nhớ của tôi đúng thì bố cô tự xem minh là hậu duệ của chính Wahhab."

"Không giống như gia đình al-Asheikh, chúng tôi không phải là hậu duệ trực tiếp, chúng tôi đến từ một nhánh xa hơn."

"Xa hay không, trong cô vẫn có dòng máu của ông ta."

"Cứ cho là như vậy."

"Nhưng cô đã chọn không lấy chồng và không có con. Đây cũng là một vấn đề thực tế à?"

Nadia do dự.

Nói dối là phương cách cuối cùng…

Cô nói, "Tôi đến tuổi trưởng thành sau vụ ám sát của bố tôi, nhưng sự đau khổ làm tôi không thể nghĩ ngay cả đến ý tưởng lập gia đình."

"Và bây giờ thì sự đau khổ của cô mang cô đến với chúng tôi."

"Không phải đau khổ," Nadia nói. "Mà là tức giận."

"Ở tại Nejd này, khó mà tách rời hai việc này ra." Tù trưởng mỉm cười thông cảm, nụ cười đầu tiên. "Nhưng cô phải biết cô không một

mình. Có hàng trăm người Ả Rập như cô – những người Hồi giáo tốt có người thân yêu bị Mỹ giết hoặc cho đến hôm nay vẫn đang thối rữa trong cũi của vịnh Guantánamo. Và rất nhiều đã tìm đến những người anh em để tìm cách trả thù."

"Không ai trong họ đã nhìn bố mình bị ám sát một cách nhẫn tâm."

"Cô nghĩ rằng điều đó làm cô đặc biệt sao?"

"Không," Nadia nói. "Tôi tin rằng tiền của tôi mới làm tôi đặc biệt."

"Rất đặc biệt," vị tù trưởng nói. "Có phải bố cô đã tử vì chính nghĩa được năm năm rồi không?"

Nadia gật đầu.

"Đó là một thời gian dài, cô al-Bakari."

"Ở Nejd thì chỉ là một nháy mắt."

"Chúng tôi mong chờ cô đến sớm hơn. Chúng tôi cũng đã gửi người anh em Samir tiếp cận cô. Nhưng cô đã từ chối sự khẩn cầu của Samir."

"Lúc đó tôi chưa thể giúp ông."

"Tại sao không?"

"Tôi đang bị canh chừng."

"Ai canh chừng cô?"

"Tất cả mọi người," cô nói, "kể cả gia tộc al-Saud."

"Họ cảnh cáo cô không được hành động để báo thù cái chết của bố cô?"

"Rõ ràng và mạnh mẽ."

"Họ nói sẽ có những hậu quả tài chính sao?"

"Họ không đi vào chi tiết cụ thể, ngoại trừ nói là hậu quả sẽ nghiêm trọng."

"Và cô đã tin họ sao?"

"Tại sao không?"

"Bởi vì họ là những kẻ nói láo," Bin Tayyib bỏ lửng câu nói của mình một lúc. "Làm sao tôi có thể biết rằng cô không phải là một gián điệp do al-Saud gửi đến để gài bẫy tôi?"

"Làm sao tôi có thể biết rằng *ông* không phải là gián điệp, tù trưởng Bin Tayyib? Dù sao đi nữa thì ông là người có tên trong bảng lương của al-Saud mà."

"Cô cũng vậy, cô al-Bakari. Ít ra là theo lời đồn."

Bối rối, Nadia nhìn vị tù trưởng. Cô chỉ có thể tưởng tượng dưới mắt ông, cô có vẻ như thế nào – cặp mắt đen giận dữ dưới tấm mạng che mặt đen. Có lẽ cuối cùng thì tấm mạng che cũng có giá trị.

"Cô al-Bakari, cô hãy thử nhìn sự việc ở góc độ của cô," Bin Tayyib tiếp tục nói. "Từ năm năm nay, kể từ khi bố cô chết vì chính nghĩa, cô đã không nói gì về ông ta ở trước công chúng. Cô cố gắng ít đến Ả Rập Saudi. Cô hút thuốc, cô uống rượu, cô tránh sử dụng mạng che mặt – trừ khi, dĩ nhiên, khi cô cố gắng gây ấn tượng với tôi bằng sự mộ đạo của cô – và cô phung phí hàng trăm triệu đô la để mua những tác phẩm nghệ thuật ngoại đạo."

Hiển nhiên là thử nghiệm của tù trưởng chưa kết thúc. Nadia nhớ những câu cuối cùng Gabriel đã nói ở lâu đài Treville. *Cô là con gái của Zizi. Đừng bao giờ để chúng quên điều đó.*

"Có lẽ ông đúng đó tù trưởng Bin Tayyib. Có lẽ tôi phải tự mặc áo choàng *burqa* và công bố trên truyền hình ý định báo thù cho cái

chết của bố tôi. Chắc chắn đây là diễn tiến khôn ngoan hơn."

Vị tù trưởng nở nụ cười hòa giải và nói. "Tôi đã được nghe hết tất cả về miệng lưỡi nguy hiểm của cô."

"Tôi thừa hưởng miệng lưỡi của bố tôi. Và lần cuối cùng tôi nghe giọng nói của bố tôi, ông chảy máu cho đến chết trong tay tôi."

"Và giờ cô muốn báo thù."

"Tôi muốn công lý – công lý của Thượng Đế."

"Còn công lý của al-Saud thì sao?"

"Dường như họ không còn quan tâm đến tôi nữa."

"Tôi không ngạc nhiên mấy," Bin Tayyib nói. "Ngay cả gia tộc al-Saud cũng không chắc là sẽ sống sót trước sự rối loạn đang tràn vào thế giới Ả Rập. Họ cần những người bạn ở bất cứ đâu họ có thể tìm thấy, ngay cả khi họ phải mặc áo choàng ngắn và để bộ râu xồm xoàm của Salaf."

Nadia không thể tin được những gì cô đang nghe. Nếu vị tù trưởng đang nói sự thật, những người cai trị Ả Rập Saudi đã đổi mới lại vở kịch *Mặc cả với quỷ*, giao kèo với ma quỷ đã dẫn đến biến cố 11/9 và bao nhiêu cái chết không đếm được sau đó. Gia tộc al-Saud không có sự lựa chọn, Nadia nghĩ vậy. Họ giống như một người leo lên lưng cọp. Nếu họ giữ vững họ có thể sống sót thêm một ít thời gian nữa, nếu không họ sẽ bị vồ ngay tức thì.

"Những người Mỹ có biết điều này không?" Nadia hỏi.

"Cái được gọi là mối quan hệ đặc biệt giữa người Mỹ và gia tộc al-Saud đã là quá khứ," Bin Tayyib nói. "Như cô al-Bakari biết đó, Ả Rập đang thành lập những liên kết mới và đang tìm những khách hàng cho những mỏ dầu của mình. Người Trung Quốc không quan tâm lắm đến những điều gọi là nhân quyền và dân chủ. Họ trả tiền

đúng hạn và họ không chõ mũi vào những chuyện không dính đến họ."

"Những chuyện như thánh chiến?" Nadia hỏi.

Vị tù trưởng gật đầu. "Nhà Tiên Tri Muhammad, bình an ở với Ngài, đã dạy chúng ta về Năm Cột trụ của Hồi giáo. Chúng ta tin rằng còn một cột trụ thứ sáu. Thánh chiến không phải là một lựa chọn, đó là một nghĩa vụ. Những người al-Saud tin điều đó. Một lần nữa họ muốn nhìn theo một hướng khác, miễn là những người anh em không gây rối bên trong Vương quốc. Đó là sai lầm lớn nhất của Bin Laden."

"Bin Laden chết rồi," Nadia nói, "và nhóm của ông ta cũng vậy. Tôi quan tâm đến người có thể đem bom vào những thành phố của châu Âu."

"Vậy là cô quan tâm đến người Yemen."

"Ông có biết kẻ đó không?"

"Tôi đã gặp hắn."

"Ông có cơ hội nói chuyện với hắn không?"

"Đây là một câu hỏi nguy hiểm. Và ngay cả khi tôi có thể nói với hắn. Chắc chắn tôi sẽ không quan tâm đến việc nói cho hắn về một phụ nữ Ả Rập giàu có đang tìm cách báo thù. Cô phải tin vào những gì cô đang làm."

"Tôi là con gái của Abdul Aziz al-Bakari và là hậu duệ của Muhammad Abdul Wahhab. Tôi chắc chắn *tin* vào những gì tôi đang làm. Và tôi không chỉ theo đuổi báo thù."

"Cô theo đuổi cái gì nữa?"

Nadia do dự. Những lời nói tiếp theo không phải của cô. Chúng là mệnh lệnh của người đã giết bố cô.

"Tôi chỉ mong tiếp tục công việc của Abdul Aziz al-Bakari," Nadia nghiêm trang nói. "Tôi sẽ giao tiền cho người ở Yemen để hắn làm gì tùy thích. Và có lẽ, nếu Thượng Đế muốn, bom sẽ nổ một ngày nào đó trên đường phố Washington và Tel Aviv."

"Tôi e rằng hắn sẽ còn hơn là biết ơn nữa," vị tù trưởng nói một cách cẩn trọng. "Nhưng tôi chắc là hắn không có một bảo đảm nào hết."

"Tôi không cần bảo đảm. Chỉ là một lời hứa hắn sẽ sử dụng tiền một cách khôn ngoan và cẩn thận."

"Cô đang đề nghị một công việc thanh toán duy nhất một lần?"

"Không, tù trưởng Bin Tayyib, tôi đang đề nghị một mối quan hệ lâu dài. Hắn sẽ tấn công chúng. Và tôi sẽ trả tiền cho việc đó."

"Cô dự tính sẽ đưa bao nhiêu tiền?"

"Bao nhiêu tùy hắn."

Vị tù trưởng mỉm cười.

"Al-hamdu lillah."

Nadia ở lại trong lều của tù trưởng thêm một giờ nữa. Sau đó cô theo anh *talib* đi dọc theo thung lũng để về xe. Trên đường về Riyadh mưa như trút và vẫn mưa đến tận sáng hôm sau khi Nadia và đoàn tùy tùng đáp máy bay về châu Âu. Khi ra khỏi không phận của Ả Rập, Nadia cởi mạng che mặt và áo choàng, thay bộ Chanel màu nhạt vào. Sau đó Nadia gọi điện thoại cho Thomas Fowler ở

miền bắc Paris để nói rằng cuộc họp ở Ả Rập Saudi tốt hơn là mong đợi. Ngay tức thì Fowler gọi cho công ty liên doanh nhỏ ở bắc Virginia – cuộc gọi được tự động chuyển vào bàn của Gabriel ở Rashidistan. Gabriel dành cả tuần lễ tiếp theo để giám sát cẩn thận sự chuyển dịch tài chính và pháp lý của Samir Abbas tại Ngân hàng TransArabian ở Zurich. Rồi sau khi ăn tối đạm bạc với Carter tại một nhà hàng hải sản ở McLean, Gabriel quay về London. Carter để ông sử dụng chiếc Gulfstream của cơ quan. Không còng, không kim tiêm. Không cảm xúc khó chịu.

44

ST. JAMES'S, LONDON

Một ngày sau khi Gabriel trở về London, nhà đấu giá Christie's đáng kính tuyên bố một sự ngạc nhiên thêm vào cho đợt bán đấu giá sắp tới của các bậc thầy Venetian: bức tranh sơn dầu *Đức Mẹ và Chúa Hài đồng với Mary Magdalene*, 110 x 92 cm, trước đây được xem là của xưởng Palma Vecchio, nay được xem một cách chắn là của không ai khác ngoài chính bậc thầy Titian. Vào trưa, những điện thoại tại nhà Christie's được nhấc lên liên tục và vào cuối ngày thì không ít hơn bốn mươi bảo tàng và những nhà sưu tầm quan trọng đã bắt đầu rục rịch, chiều hôm đó, không khí quầy rượu ở nhà hàng Green's như có điện, mặc dù Julian Isherwood không ở đó. Jeremy Crabbe lẩm bẩm trong ly rượu gin và bia đắng. "Tôi trông thấy ông ta trên chiếc taxi ở phố Duke, trông ông ta thật sự kinh khủng, tội nghiệp, khốn khổ. Nghe nói ông ta đã có kế hoạch ở nhà tĩnh lặng với cơn ho của mình."

Hiếm khi một bức tranh của một họa sĩ như Titian lại xuất hiện và khi việc đó xảy ra thì thường bao giờ cũng có một câu chuyện theo sau. Như vậy chắc chắn là trường hợp của bức *Đức Mẹ và Chúa Hài đồng với Mary Magdalene*, cho dù câu chuyện là một bi kịch, một hài kịch, hoặc câu chuyện đạo đức, thì cũng phụ thuộc vào ai là người sẽ kể chuyện. Nhà đấu giá Christie's đưa ra một phiên bản tóm tắt có lợi cho xuất xứ chính thức của bức tranh, nhưng ở ngôi làng nhỏ

bé phía tây London ở St. James's, lại bị xem như một chuyện bịa đặt được đánh bóng lên. Cuối cùng, một phiên bản *không chính thức* của câu chuyện được ghi lại đại khái như sau.

Có vẻ như ở một thời điểm nào đó vào tháng Tám năm trước, một nhà quý tộc ở Norfolk không rõ danh tính, có chức vị cao nhưng tiền eo hẹp, miễn cưỡng quyết định từ bỏ một phần của bộ sưu tập nghệ thuật. Nhà quý tộc này đã liên lạc với một người buôn tranh, không rõ danh tính ở London và yêu cầu người này chấp nhận sự chuyển nhượng. Lúc đó, người buôn tranh ở London rất bận rộn – sự thật được tiết lộ là lúc đó, ông ta đang tắm nắng ở Costa del Sol – và chỉ xem xét tài sản của nhà quý tộc vào cuối tháng Chín. Nói cho cùng thì nhà buôn tranh nhận thấy bộ sưu tập không gây hứng thú, nhưng vẫn mua lại nhiều bức tranh từ tay nhà quý tộc, kể cả một bức tranh rất bẩn được xem là một bức tranh sao chép của xưởng tranh Palma Vecchio, số tiền trao tay không bao giờ được tiết lộ. Nghe nói là rất ít.

Vì những lý do không rõ ràng, nhà buôn tranh để những bức tranh mòn mỏi trong kho trước khi đem bức tranh Palma Vecchio được nhắc đến ở trên ra lau chùi nhanh. Danh tính của người phục chế tranh không bao giờ được tiết lộ, mặc dù mọi người đều đồng ý ông ta đã để lại danh tiếng cho mình trong một thời gian ngắn, một cách đáng kể. Dĩ nhiên, bức tranh được phục chế tốt đến nỗi được Oliver Dimbleby, nhà mua bán tranh của bậc thầy tại phố Bury, chú ý đến. Oliver sở hữu bức tranh qua một cuộc mua bán – những bức tranh có liên quan khác không bao giờ được tiết lộ. Oliver treo bức tranh ở phòng trưng bày tranh của ông ta và muốn xem tranh thì phải hẹn.

Tuy nhiên bức tranh không ở đó lâu. Trên thực tế, thì chỉ bốn mươi tám tiếng sau, bức tranh được một công ty trách nhiệm hữu hạn có tên Onyx Innovative Capital (OIC), đăng ký ở Lucerne, Thụy Sĩ mua lại. Oliver không giao dịch trực tiếp với OIC, mà với một gã tên là Samir Abbas của Ngân hàng TransArabian. Sau khi tranh luận triệt để về những chi tiết bên tách trà ở khách sạn Dorchester, Abbas đưa cho Oliver một tấm ngân phiếu hai mươi hai ngàn bảng. Oliver nhanh chóng chuyển số tiền vào tài khoản ở ngân hàng Lloyds, như vậy kết thúc việc mua bán và bắt đầu quy trình rắc rối đảm bảo giấy phép cần thiết để xuất khẩu.

Đến giai đoạn này thì việc mua bán gặp tai họa, ít ra là dưới cách nhìn của Oliver. Vì vào một buổi trưa ảm đạm cuối tháng Giêng, xuất hiện ở phòng tranh của Oliver, một nhân vật lôi thôi, dưới nhiều lớp quần áo, chỉ bằng một câu hỏi đột ngột, tấn công bằng võ mồm. Oliver không bao giờ tiết lộ danh tính của người đàn ông, trừ việc cho biết ông ta là người đã được học về Nghệ thuật trong thời kỳ Phục Hưng tại Ý, đặc biệt là trường phái Venetian. Đối với một câu hỏi của người đàn ông, Oliver sẵn sàng lặp lại từng câu một. Thật ra, chỉ cần một ly Sancerre ngon là Oliver có thể diễn lại toàn bộ sự việc. Vì Oliver không thích gì khác hơn là kể chuyện về chính ông ta, nhất là khi ít tâng bốc, gần như luôn luôn là vậy.

"Này, ông tướng, có phải là Titian không?"

"Không phải là Titian, ông bạn ơi."

"Ông có chắc về điều đó không?"

"Chắc chắn."

"Vậy thì của ai?"

"Palma."

“Thật không? Khá tốt nếu là của Palma. Sao chép hay chính Palma?”

“Sao chép, ông bạn. Sao chép thôi.”

Đó là lúc mà người đàn ông cúi xuống phía trước để nhìn gần hơn – Oliver diễn lại cái cúi về phía trước đó mỗi đêm ở quán Green’s dưới những tràng cười của những người xung quanh.

“Bán rồi phải không?” vừa kéo mạnh trái tai, người đàn ông ăn mặc lôi thôi vừa nói.

“Mới bán tuần trước,” Oliver nói.

“Bán như một bức của Palma?”

“Sao chép ông bạn. Sao chép thôi.”

“Bao nhiêu?”

“Trời, ông bạn ơi.”

“Nếu tôi là ông, tôi sẽ tìm cách luồn lách ra khỏi việc mua bán này.”

“Để làm gì?”

“Ông nhìn vào bức tranh đi. Nhìn nét vẽ đi. Ông vừa để một bức của Titian vuột ra khỏi tay. Thật xấu hổ. Ông cúi đầu chịu nhục đi. Thú nhận tội lỗi đi.”

Oliver không làm gì, nhưng chỉ trong ít phút, ông gọi cho người bạn thân cũ ở Bảo tàng Anh, người này biết về Titian hơn tất cả mọi sử gia chuyên về nghệ thuật. Người bạn thân chạy như bay đến St. James’s và đứng trước bức tranh giống như người sống sót duy nhất của một vụ đắm tàu.

“Oliver! Làm sao ông có thể?”

“Có rõ ràng như vậy không?”

"Tôi dám cá danh tiếng của tôi đó."

"Ít ra ông còn có danh tiếng để cá. Danh tiếng của tôi sẽ cho vào toilet nếu việc này vỡ lở."

"Anh phải có *một* lựa chọn chứ."

"Là gì?"

"Gọi ông Abbas. Nói với ông ta là tờ ngân phiếu không đủ tiền."

Và đừng nghĩ là ý nghĩ này không thoáng qua đầu óc xảo quyệt của Oliver. Thật ra, Oliver dành phần nhiều thời gian của bốn mươi tám tiếng tiếp theo để tìm ra lỗ hổng hợp pháp và đạo đức có thể chấp nhận được mà ông có thể sử dụng để có thể thoát ra khỏi vụ mua bán. Không tìm ra một lỗ hổng nào – ít ra một cách để cho ông có thể ngủ yên – Oliver gọi cho ông Abbas để báo là công ty Onyx Innovative Capital đã là chủ sở hữu của bức tranh mới tìm ra của Titian. Oliver đề nghị bán bức tranh, hy vọng kiếm chác được một khoản hoa hồng hậu hĩnh, nhưng ngay ngày hôm sau Abbas gọi lại để nói rằng OIC có một hướng giải quyết khác. "Cố làm tôi thất vọng dễ dàng," Oliver nói một cách buồn rầu. "Rất vui làm việc với ông, ông Dimbleby. Hẹn ông ăn trưa lần sau khi ông ghé Zurich, ông Dimbleby. Và nhân thể, ông Dimbleby, khoảng một tiếng nữa, những nhân viên của nhà Christie's sẽ ghé qua."

Họ xuất hiện đột ngột như những kẻ bắt cóc chuyên nghiệp và đem bức tranh về phố King, tại đó một đội chuyên nghiệp về tranh Titian xem xét bức tranh tỉ mỉ. Họ đều đưa ra cùng một phán quyết, và, một cách kỳ diệu, không một ai vi phạm thỏa thuận hà khắc về bảo mật mà nhà Christie's đã cho họ ký về khoản tiền công của họ. Ngay cả người thường lắm lời như Oliver cũng cố gắng giữ im lặng cho đến sau khi nhà Christie's tiết lộ giá của bức tranh. Mặt khác,

Oliver có lý do để giữ miệng. Oliver là con dê đã để bức tranh Titian vuột khỏi móng của mình.

Nhưng ngay cả Oliver cũng cảm thấy hơi thoải mái vừa lòng trong sự điên cuồng khi nghe lời tuyên bố. Và tại sao không nhỉ? Thật sự là một mùa đông kinh khủng với sự nghiêm khắc của chính phủ, bão tuyết và những vụ đánh bom. Oliver hạnh phúc khi ông có thể làm nhẹ bớt tâm trạng, ngay cả khi điều đó có nghĩa là đóng vai thằng điên vì rượu ở Green's. Ngoài ra, ông diễn vai trò này rất tốt. Trước đây ông đã diễn nhiều lần và được cổ vũ nhiều.

Vào đêm diễn ra cuộc đấu giá, ông đã diễn giống như là buổi trình diễn cuối cùng trước một đám đông trong căn phòng chỉ có chỗ đứng. Khi kết thúc, được tán dương ba lần khi màn hạ, sau đó ông đi cùng với đám đông về hướng nhà Christie's cho màn trình diễn lớn. Ban quản lý đã khá tử tế khi dành cho ông một chỗ ở hàng thứ hai, ngay trước bục của người điều khiển đấu giá. Ngồi bên trái Oliver là bạn ông và là người cạnh tranh với ông, Roddy Hutchinson và người ngồi bên trái Hutchinson là Julian Isherwood. Ghế bên phải của Oliver chưa có ai ngồi. Một lúc sau, không ai khác là Nicholas Lovegrove, cố vấn mỹ thuật cho những đại gia, đến ngồi vào đó. Lovegrove vừa mới bay từ New York qua. Dĩ nhiên là mục đích cá nhân. Lovegrove không còn giao dịch thương mại nữa.

"Tại sao mặt dài ra vậy, Ollie?"

"Suy nghĩ về những gì đã xảy ra."

"Rất tiếc về bức Titian."

"Thắng một số, thua một số. Công việc làm ăn như thế nào, Nicky?"

"Không có gì đáng than phiền."

"Tôi không nghĩ ông nhúng tay vào những bức tranh của các bậc thầy."

"Thật ra, những bức tranh này làm tôi sợ. Hãy nhìn chỗ này đi. Giống như ở trong một nhà thờ đẫm máu – nào những thiên thần, nào các thánh, như cuộc tuẫn đạo và cuộc đóng đinh vào thập giá."

"Vậy chuyện gì đưa ông đến đây?"

"Một khách muốn mạo hiểm vào một lĩnh vực mới."

"Khách hàng có tên chứ?"

"Khách hàng muốn giữ sự nặc danh – *rất* nặc danh."

"Hiểu rồi. Khách hàng của ông muốn mạo hiểm vào lĩnh vực mới bằng cách mua một bức Titian?"

"Ông sẽ biết sớm thôi, Ollie."

"Mong rằng khách hàng của ông có nhiều tiền."

"Tôi chỉ giao dịch với khách hàng nhiều tiền."

"Nghe đồn rằng sẽ là rất lớn."

"Quảng cáo trước khi trình diễn."

"Tôi chắc chắn là ông đúng, ông luôn luôn đúng."

Lovegrove không màng tranh cãi về vấn đề này. Ông rút chiếc điện thoại từ túi trên ngực của áo khoác và lướt tay tìm số để liên lạc. Oliver vẫn là Oliver, ông lén nhìn vào màn hình sau khi Lovegrove gọi. *Bây giờ mới thật là thú vị,* ông nghĩ. *Hiển nhiên là rất thú vị.*

45

ST. JAMES'S, LONDON

Bức tranh xuất hiện vào giữa buổi bán đấu giá, giống như một cô gái đẹp đến dự tiệc một cách chậm trễ đúng điệu, cho đến lúc bức tranh xuất hiện thì không khí hơi buồn tẻ và cô gái đẹp đã làm cho căn phòng rạng ngời hơn. Oliver Dimbleby ngồi thẳng hơn trên ghế. Julian Isherwood kiểu cách chỉnh lại cái nút cà vạt và nháy mắt với một trong những phụ nữ ngồi ở bệ điện thoại.

"Lô Hai mươi bảy, bức tranh của Titian," Simon Mendenhall, người điều khiển õng ẹo của buổi đấu giá, nói bằng giọng rè rè. Simon là người duy nhất ở London có da rám nắng, cổ áo sơ mi được may theo đúng số đo của ông bắt đầu đẫm ướt mồ hôi. "Chúng ta có thể bắt đầu với giá hai triệu không?"

Terry O'Connor, ông trùm tư bản cuối cùng người Ireland, không đồng xu dính túi, lên tiếng. Chỉ trong vòng ba mươi giây, tiền đấu giá đã lên đến sáu triệu rưỡi bảng. Oliver Dimbleby nghiêng qua bên phải và lẩm bẩm, "Vẫn còn trong chiến lược dọ giá phải không Nicky?"

Lovegrove thầm thì, "chúng ta chỉ mới ở vòng đầu và tôi nghe nói có luồng gió mạnh thổi ngược ở những chỗ chúng ta không thấy."

"Nicky, nếu tôi là ông, tôi sẽ kiểm tra lại phần dự báo."

Cuộc đấu giá tạm gián đoạn ở mức bảy triệu. Đưa tay gãi mũi, Oliver đưa giá lên bảy triệu rưỡi.

"Tên khốn," Lovegrove lẩm bẩm.

"Không có chi, Nicky."

Số tiền đấu giá của Oliver làm kích động không khí của căn phòng. Terry O'Connor chuyển từ từ qua nhiều giá đấu liên tiếp, nhưng những đối thủ khác không chịu nhường. Cuối cùng, người Ireland hạ bảng đấu giá ở mức mười hai triệu, mức mà Isherwood vô tình bước vào cuộc chiến khi Mendenhall kín đáo ho và đưa giá lên mười hai triệu rưỡi bảng, chẳng hề gì; một vài giây sau, điện thoại của người dự đấu giá vang lên trong phòng và đưa ra giá mười lăm triệu. Lovegrove lấy điện thoại ra và gọi.

"Chúng ta đang ở giá nào?" ông Hamdali hỏi.

Lovegrove cho Hamdali biết giá được đấu. Trong khi Lovegrove thực hiện cuộc gọi thì điện thoại để đấu giá cũng đã thưa thớt dần. Giá bây giờ là mười sáu triệu.

"Ông O'Connor tưởng mình là một võ sĩ, phải không?"

"Vô địch hạng bán trung ở đại học."

"Hãy cho hắn một cú đấm móc mạnh nhé?"

"Mạnh cỡ nào?"

"Đủ để cho thấy chúng ta có ý định thực sự."

Lovegrove làm Mendenhall chú ý và giơ hai ngón tay lên. "Tôi có giá hai mươi triệu. Thưa bà, không phải bà. Cũng không phải ông, thưa ông. Và không phải là Lisa trên điện thoại. Giá đưa ra của một người trong phòng, Ông Lovegrove, với giá hai mươi triệu bảng. Có ai trả hai mươi triệu năm trăm không?"

Có ngay. Đó là Julian Isherwood. Terry O'Connor ngay tức thì đưa lên hai mươi mốt. Điện thoại đấu giá lên hai mươi hai. Giá thứ hai lên hai mươi bốn, ngay sau đó giá thứ ba lên hai mươi lăm. Mendenhall vặn vẹo người, xoay như một vũ công. Cuộc đấu giá giờ là một cuộc chiến sống còn. Đó là điều mà ông muốn. Lovegrove đưa điện thoại lên tai và nói, "Tôi cảm thấy có điều gì đó không suôn sẻ."

"Đấu tiếp đi ông Lovegrove."

"Nhưng…"

"Làm ơn đấu tiếp đi."

Lovegrove làm như được chỉ bảo.

"Giá bây giờ là hai mươi sáu triệu do ông Lovegrove đưa ra. Có ai đưa ra hai mươi bảy không?"

Từ bàn điện thoại, Lisa vẫy tay.

"Tôi có giá hai mươi tám từ điện thoại. Bây giờ tôi có hai mươi chín từ cuối phòng. Giờ là ba mươi. Bây giờ là ba mươi mốt từ ông O'Connor trong phòng. Giờ là ba mươi hai. Ba mươi ba. Không tôi sẽ không đưa giá lên ba mươi ba rưỡi, vì tôi đang trông đợi giá ba mươi bốn. Và dường như tôi có giá ba mươi bốn với ông Isherwood. Phải không nhỉ? Phải rồi, đúng vậy. Giờ là ba mươi bốn của ông Isherwood."

"Đấu nữa đi," Hamdali nói.

"Tôi khuyên không nên đấu tiếp."

"Đấu tiếp đi, ông Lovegrove, nếu không khách hàng của tôi sẽ tìm một người tư vấn khác chịu đấu tiếp."

Lovegrove đưa giá lên ba mươi lăm. Trong vài giây, điện thoại đấu giá đưa lên bốn mươi.

"Đấu tiếp đi, ông Lovegrove."

"Tôi sẽ…"

"Đấu đi."

Mendenhall công nhận giá đấu của Lovegrove là bốn mươi hai triệu bảng.

"Bây giờ là bốn mươi ba, giá đấu của Lisa trên điện thoại. Bốn mươi bốn của Samantha. Và bốn mươi lăm với Cynthia."

Và giờ không khí mà Lovegrove chờ đợi lắng xuống. Ông liếc nhìn về phía Terry O'Connor và thấy Terry đã rời cuộc đấu. Ông nói với Hamdali, "Khách hàng của ông muốn bức tranh này đến cỡ nào?"

"Muốn đến cỡ để đấu với giá bốn mươi sáu."

Lovegrove đưa ra giá bốn mươi sáu.

"Giá đấu bây giờ là bốn mươi sáu của ông Lovegrove," Mendenhall nói. "Có ai đưa ra giá bốn mươi bảy không?"

Ở bàn điện thoại, Cynthia bắt đầu vẫy tay giống như đang cầu cứu máy bay trực thăng.

"Bây giờ là giá đưa ra từ điện thoại của Cynthia là bốn mươi bảy triệu bảng."

Không còn giá đấu đưa ra từ điện thoại nữa.

"Chúng ta kết thúc được chưa?"

"Nên thế," Hamdali nói.

"Bao nhiêu?"

"Khách hàng của tôi thích làm tròn số."

Lovegrove nhếch mày và đưa năm ngón tay lên.

"Giá đấu bây giờ là năm mươi triệu bảng," Mendenhall nói. "Không phải giá của Cynthia trên điện thoại. Năm mươi triệu, giá đưa ra trong phòng, cho bức của Titian. Tuyên bố công bằng, cơ hội cuối cùng. Mọi giá đưa ra đã xong chưa?"

Không hoàn toàn kết thúc, vì còn tiếng búa nhỏ của Mendenhall đập xuống cho biết cuộc đấu giá đã kết thúc và sự phấn chấn biểu lộ qua tiếng thở phào của đám đông, cùng lời trao đổi phấn khích cuối cùng với ông Hamdali nhưng Lovegrove không thể nghe rõ vì Oliver Dimbleby đang hét câu gì đó vào tai kia của ông mà ông cũng không nghe được. Rồi sau đó là những cái bắt tay giả dối với những kẻ thua cuộc, sự ve vãn bắt buộc với đám nhà báo về danh tính của người mua và con đường dài lên cầu thang để đến văn phòng kinh doanh của nhà Christie's, tại đó những hồ sơ được hoàn tất với những nghi thức buồn tẻ. Khi Lovegrove ký tên vào hồ sơ cuối cùng thì cũng gần mười giờ. Ông ra khỏi cửa lớn của nhà Christie's và gặp Oliver cùng những người phục vụ đang lang thang trên phố King. Họ đi về hướng Nobu để ăn cá ngừ cay cuốn và đi xem những ca sĩ người Nga mới nhất. "Đi cùng với chúng tôi, Nicky," Oliver hét lên. "Hãy đi vui chơi cùng các anh em đồng đạo người Anh của ông. Ông đã ở Mỹ quá lâu rồi. Ông sẽ không được vui lâu nữa đâu."

Lovegrove cũng muốn đi nhưng biết rằng cuộc chơi cũng sẽ kết thúc không tốt, nên ông nhìn theo họ vào taxi và đi bộ về phía khách sạn. Đang đi dọc theo phố Duke thì ông nhìn thấy một người đàn ông xuất hiện từ Mason's Yard và leo lên một chiếc xe đang đợi.

Người đàn ông cao trung bình và có tầm vóc; chiếc xe là một chiếc Jaguar đẹp sặc mùi công chức Anh. Và người đàn ông đẹp trai có tóc màu bạc ở trong xe cũng sặc mùi công chức Anh. Anh ta không nhìn Lovegrove khi ông đi ngang qua, nhưng ông ta có cảm tưởng khó chịu là họ đang chế nhạo ông.

Lovegrove cũng có cảm tưởng này ở buổi đấu giá – buổi đấu giá mà ông đã đóng vai ngôi sao. Có người không chịu nổi nữa. Lovegrove chắc chắn về điều đó. Và ông ta e rằng đó là khách hàng của ông. Chuyện này không động chạm đến ông. Ông ta đã kiếm được nhiều triệu bảng khi chỉ cần giơ ngón tay vài lần. Tự mỉm cười với chính mình, ông nghĩ cách này không tệ lắm để kiếm sống. Có lẽ ông phải chấp nhận lời mời của Oliver tham dự cuộc bán những món không bán được trong buổi đấu giá. Không, ông nghĩ khi đi vòng vào hướng Piccadilly, chắc chắn tốt hơn là ông nên từ chối, sự việc sẽ kết thúc tốt đẹp. Họ thường làm như vậy khi dính líu đến Oliver.

46

LANGLEY, VIRGINIA

Ba ngày sau buổi đấu giá, nhà đấu giá Christie's ở phố King, khu St. James's, gửi số tiền năm mươi triệu bảng – trừ tiền hoa hồng, thuế và nhiều chi phí giao dịch khác – vào chi nhánh ngân hàng TransArabian ở Zurich. Nhà Christie's nhận được sự xác nhận số tiền được chuyển lúc 2:18 chiều giờ London, cũng như hai trăm người đàn ông và đàn bà tụ tập ở trung tâm điều hành chiến dịch kín được biết dưới tên gọi Rashidistan. Trong phòng vang lên tiếng chúc mừng vang dội khắp nơi trong những phòng của cộng đồng tình báo Mỹ và ngay cả bên trong Nhà Trắng. Tuy nhiên, buổi tiệc ăn mừng không kéo dài lâu, vì còn nhiều việc phải làm. Sau nhiều tuần cực nhọc và lo lắng, chiến dịch của Gabriel cuối cùng đã kết trái. Bây giờ thì mùa gặt sẽ bắt đầu. Và sau mùa gặt, theo ý Trời, sẽ đến bữa tiệc ăn mừng.

Số tiền nằm trong ngân hàng ở Zurich một ngày trước khi được chuyển về trụ sở chính của TransArabian ở Dubai. Nhưng không phải tất cả số tiền. Hai triệu bảng chuyển cho Samir Abbas, người được ủy quyền thông qua một ngân hàng tư nhân nhỏ ở Zurich's Talstrasse. Thêm vào đó, Abbas quyên số tiền lớn cho một số cộng đồng Hồi giáo và từ thiện – bao gồm cả Quỹ Tiền tệ vì Công lý cho cộng đồng Hồi giáo Toàn cầu, Phong trào Palestine tự do, các Trung tâm Giáo dục cho người Hồi giáo, Xã hội Hồi giáo Tây Âu, Liên minh

Hồi giáo Thế giới và Viện Hòa giải Do Thái và Hồi giáo, tổ chức mà cá nhân Gabriel ưa thích. Abbas cũng dành phần mình một số tiền hậu hĩnh cho phí tư vấn mà hắn rút ra bằng tiền mặt. Abbas quyên một phần số tiền cho vị lãnh tụ Hồi giáo của đền thờ Hồi giáo, nơi mà Abbas lui tới. Số còn lại Abbas giấu trong bếp của căn hộ ở Zurich, nơi hắn ở. Việc này được camera giấu trong máy tính của Abbas thu lại và phát trực tiếp lên màn hình lớn ở Rashidistan.

Nhờ vào những liên kết của TransArabian với phong trào thánh chiến toàn cầu, Langley và NSA đã làm quen với sổ cái của TransArabian, cũng như những chuyên gia tài chính cho khủng bố ở Bộ Ngân khố và FBI. Kết quả là Gabriel và nhân viên ở Rashidistan có thể giám sát tiền ở thời gian thực khi tiền chuyển cho các mặt trận, vỏ bọc và những tập đoàn bù nhìn – tất cả đều được tạo ra vội vã với phạm vi quyền hạn lỏng lẻo, trong những ngày sau khi Nadia gặp tù trưởng Bin Tayyib ở Nejd. Tốc độ mà tiền được chuyển từ tài khoản này sang tài khoản khác chứng tỏ rằng mạng lưới của Rashid đã đạt đến mức độ tinh vi so với quy mô và sự non trẻ của nó. Điều này là một báo động cho Langley – một mạng lưới đã phát triển vượt xa Trung Đông và phương Tây.

Chứng cứ về phạm vi toàn cầu của mạng lưới Rashid quá lớn để có thể chống đỡ. Có một khoản tiền ba trăm ngàn đô la xuất hiện đột ngột trong tài khoản của một công ty vận tải đường bộ ở Ciudad del Este, Paraguay. Và năm trăm ngàn đô la trả cho một công ty thương mại và xây dựng ở Caracas. Và tám trăm ngàn đô la đổ vào một công ty tư vấn về Internet ở Montreal – một công ty thuộc về một người Algerie trước đây có liên quan tới al-Qaeda ở vùng Maghreb Hồi giáo, số tiền lớn nhất hai trăm triệu đô la chuyển cho QTC Logistics, một công ty dịch vụ vận chuyển hàng hóa và môi giới

hải quan trong vùng qua lại hợp pháp của Tiểu vương quốc Sharjah. Trong thời gian tiền được chuyển cho QTC, đội Rashidistan đã giám sát những đường dây điện thoại của QTC và nghiên cứu kỹ lưỡng những hồ sơ từ ba năm trước. Họ cũng giám sát công ty Internet ở Montreal, tuy nhiên việc theo dõi tên Algerie được giao cho cơ quan An ninh và Tình báo Canada. Gabriel đã phản đối kịch liệt việc đưa người Canada vào cuộc điều tra, nhưng Adrian Carter và người đồng minh mới tìm ra của ông ở Nhà Trắng, James A. McKenna bác bỏ. Đây chỉ là một trong nhiều trận, lớn và nhỏ, mà Gabriel sẽ mất khi chiến dịch càng ngày càng vuột xa tầm tay của ông.

Khi cơ quan tình báo vào trung tâm điều hành, nhân viên cung cấp một mạng lưới ma trận được cập nhật nhiều hơn so với những dữ liệu được Dina và đội của Gabriel tập hợp lại sau những cuộc tấn công đầu tiên. Cứ vài ba ngày McKenna ghé qua chỉ để tỏ vẻ ngạc nhiên về điều đó, cũng như những thành viên của những Ủy ban Quốc hội khác nhau liên quan đến tình báo và Cục An ninh Nội địa. Và vào một buổi trưa đầy tuyết cuối tháng Hai, Gabriel đã nhìn thấy chính tổng thống đứng trên sàn quan sát với giám đốc CIA và Adrian Carter đứng bên cạnh, dáng vẻ rất tự hào. Rõ ràng là tổng thống hài lòng với những gì trông thấy. Sạch và cấp tiến. Một liên kết giữa Hồi giáo và phương Tây để đánh bại lực lượng cực đoan. Sức mạnh của trí óc chống lại bạo lực.

Chiến dịch được Gabriel tạo ra, chiến dịch là tác phẩm nghệ thuật của Gabriel, nhưng cho đến nay vẫn không thành công trong việc cung cấp bất cứ đầu mối nào vững chắc liên quan đến nơi ở của kẻ chủ mưu vận hành mạng lưới hoặc những kẻ cầm đầu khơi nguồn cho mạng lưới. Cho nên Gabriel đã ngạc nhiên khi nghe những tin đồn về việc ngừng lại. Ông đối chất với Adrian Carter ngày hôm sau

trong phòng họp cách âm của trung tâm. Carter sắp xếp lại những hồ sơ một lúc rồi cuối cùng mới xác nhận tin đồn là thật. Gabriel gõ vào chiếc thẻ xanh đang đeo trên cổ và hỏi. "Cái này có cho tôi cái quyền được đưa ra một ý kiến không?"

"Tôi e rằng có."

"Ông sắp phạm sai lầm đó Adrian."

"Đây không phải sai lầm đầu tiên của tôi."

"Đội của tôi và tôi đã dành nhiều thời gian và nỗ lực để đưa chiến dịch vào hoạt động. Và bây giờ ông đang thổi tung nó bằng cách giảm bớt nhân viên canh chừng."

"Tôi sợ rằng anh đã nhầm lẫn tôi với một ai khác rồi," Carter nói một cách bình thản.

"Ai?"

"Một người nào đó có quyền cai trị theo sắc lệnh chính thức. Tôi là phó giám đốc cho chiến dịch thuộc CIA. Tôi có cấp trên trong tòa nhà này. Tôi có những đối tác tham lam từ những cơ quan khác với những lợi ích cạnh tranh. Tôi có một giám đốc ở cơ quan tình báo Quốc gia, ở những Ủy ban Quốc hội và James A. McKenna. Và cuối cùng, nhưng không phải hết, tôi có một tổng thống."

"Chúng tôi là gián điệp, Adrian, chúng tôi không bắt giữ. Chúng tôi cứu mạng, ông phải kiên nhẫn, giống như những kẻ thù của ông. Nếu chúng ta tiếp tục để tiền tiếp tục lưu thông, ông sẽ đi trước chúng một bước đã nhiều năm rồi. Ông sẽ canh chừng chúng, ông sẽ nghe được chúng. Ông sẽ để chúng lãng phí thời gian quý báu và nỗ lực để âm mưu, lập kế hoạch những cuộc tấn công mà chúng sẽ không bao giờ xảy ra. Và ông chỉ bắt giữ khi đó là phương cách cuối

cùng – và chỉ khi cần thiết để ngăn chặn một vụ nổ bom hoặc một máy bay rớt xuống từ bầu trời."

"Nhà Trắng không đồng ý," Carter nói.

"Vậy thì đây là vấn đề chính trị sao?"

"Tôi không nên suy đoán về những động cơ phía sau."

"Vậy Malik thì sao?"

"Malik là tin đồn. Malik là một linh cảm trong phần của Dina."

Gabriel nhìn Carter vẻ hoài nghi, "Ông không tin điều đó, Adrian. Suy cho cùng, ông là người nói những vụ đánh bom ở châu Âu được lên kế hoạch bởi một người đã có kinh nghiệm trong vụ ở Baghdad."

"Và tôi tin điều đó. Nhưng mục đích của chiến dịch này là không bao giờ truy tìm một người, mà là phá hủy một mạng lưới khủng bố. Cảm ơn những gì anh làm, chúng tôi tin là đã đủ chứng cứ để hạ ít nhất sáu mươi kẻ thừa hành trong hàng chục nước. Lần cuối cùng mà ai đó bắt giữ sáu mươi kẻ xấu là bao giờ vậy? Đây là một thành tựu đáng kinh ngạc. Đây là thành tựu *của anh*."

"Mong rằng chúng đúng là sáu mươi kẻ thừa hành. Nếu không sẽ không ngăn chặn được đợt tấn công tiếp theo và trên thực tế có thể làm Rashid và Malik đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch của mình."

Carter bẻ cái kẹp giấy thẳng ra, một lần cuối cho trọn vẹn ở Langley, nhưng không nói gì.

"Ông có xem xét xem điều này có ý nghĩa gì cho sự an toàn của Nadia không?"

"Có khả năng là Rashid thấy thời gian của việc bắt giữ đáng nghi," Carter thừa nhận. "Đó là lý do chúng tôi cố gắng bảo vệ cô ta

bằng một loạt thông tin rò rỉ được đặt đúng chỗ trên báo.”

“Loại thông tin rò rỉ gì?”

“Loại thông tin miêu tả những cuộc bắt giữ như điểm mấu chốt của một cuộc điều tra từ nhiều năm. Việc này đã bắt đầu từ khi Rashid vẫn còn ở Mỹ. Chúng tôi tin rằng thông tin này sẽ gieo bất hòa bên trong cộng đồng của hắn và làm tê liệt mạng lưới.”

“Phải không?”

“Đó là hy vọng của chúng tôi,” Carter nói, giọng không hề mỉa mai.

“Tại sao tôi không hề được hỏi ý kiến về điều này?” Gabriel hỏi.

Carter giơ cao cái kẹp giấy giờ đã hoàn toàn thẳng. “Tôi nghĩ là chúng tôi đang hỏi ý kiến anh đó.”

Cuộc đối thoại giữa Carter và Gabriel là cuộc đối thoại cuối cùng trong nhiều ngày. Carter không rời tầng bảy trong khi Gabriel dành phần nhiều thời gian để sắp xếp việc rút đội ra khỏi phạm vi hoạt động. Vào cuối tháng Hai, Cơ quan Tình báo đã chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc canh chừng sinh mạng lẫn những thông tin trên thiết bị điện tử của Nadia al-Bakari và Samir Abbas, về phần chiến dịch gốc của Gabriel, không tồn tại gì ngoài hai căn nhà an toàn không người – một biệt thự nhỏ ở bắc Paris, một cái khác trên bờ hồ Zurich. Ari Shamron chủ tâm đến lâu đài Treville nhưng ra lệnh đóng cửa căn nhà ở hồ Zurich, chính Chiara xử lý những tài liệu trước khi bay về Washington để gặp Gabriel. Họ chuyển đến ở một văn phòng tầng trệt trên đường Tunlaw, bên kia đường của tòa đại sứ Nga. Carter đặt hai người canh chừng họ, chỉ là để chắc chắn.

Ở với Chiara tại Washington, Gabriel hạn chế thời gian dành cho Rashidistan. Ông đến Langley đúng giờ để dự cuộc họp buổi sáng

của nhân viên cao cấp, sau đó dành một vài giờ xem xét kỹ những thông tin của những nhân viên phân tích và những người rà soát dữ liệu trước khi quay về Georgetown để gặp Chiara ăn trưa. Sau đó nếu trời quang đãng, ông và Chiara sẽ đi mua sắm hoặc đi dạo trên những con đường êm đềm, bàn về tương lai của hai người. Đôi khi, giống như họ chỉ đang tiếp nối lại câu chuyện bị gián đoạn bởi vụ đánh bom ở Covent Garden. Chiara cũng nêu lên vấn đề làm việc tại phòng trưng bày tranh của Isherwood. "Hãy nghĩ về điều đó đi," Chiara nói khi Gabriel phản đối. "Tất cả những gì em muốn nói là vậy đó anh yêu. Anh hãy nghĩ về điều đó đi."

Hiện giờ, Gabriel chỉ có thể nghĩ đến sự an toàn của Nadia. Với sự chấp thuận của Carter, ông xem lại kế hoạch của Cơ quan Tình báo về việc bảo vệ lâu dài cho Nadia và ngay cả giúp một tay thảo thông tin sẽ bị rò rỉ cho giới báo chí Mỹ. Phần lớn, Gabriel tiến hành một chiến dịch không mệt mỏi từ bên trong Rashidistan để ngăn ngừa việc bắt giữ xảy ra, nói với bất cứ ai sẽ nghe được là cơ quan dưới áp lực chính trị, sắp phạm một sai lầm thảm hại. Carter ngừng tham dự những buổi họp có mặt Gabriel. Không còn dấu vết. Nhà Trắng ra lệnh cho Carter quy ẩn hoàn toàn. Ông thường xuyên liên lạc với bạn và đồng minh ở hàng chục nước, phối hợp để tiến hành một mẻ lưới đặc biệt lớn nhất của chiến sĩ thánh chiến và những gián điệp từ khi Afghanistan bị thua.

Vào sáng thứ Sáu, cuối tháng Ba, Gabriel gặp riêng Carter rất nhanh chỉ đủ để nói rằng ông sắp rời Washington để quay về Anh Quốc. Carter đề nghị Gabriel ở lại lâu hơn. Nếu không ông sẽ bỏ lỡ màn trình diễn lớn.

"Khi nào thì bắt đầu?" Gabriel hỏi một cách buồn bã.

Carter nhìn đồng hồ và mỉm cười.

Trong vài giờ, những quân cờ domino bắt đầu rơi xuống nhanh và trong phạm vi rộng đến nỗi báo chí theo không kịp diễn tiến câu chuyện được tiết lộ.

Cuộc bắt giữ đầu tiên diễn ra tại Mỹ, khi Đội chiến thuật và vũ khí đặc biệt SWAT của FBI tiến hành cùng một lúc hàng loạt bố ráp ở bốn thành phố. Một nhóm người Ai Cập ở Newark đang lập kế hoạch làm trật đường ray của chuyến tàu New York đi Amtrak. Và một nhóm của những người Somali ở Minneapolis âm mưu tấn công hóa học vào nhiều cao ốc văn phòng ở trung tâm. Và nhóm Pakistan ở Denver đang trong giai đoạn cuối cùng của âm mưu ám sát hàng trăm người với một loạt tấn công vào những cơ sở thể thao đông người. Tuy nhiên, ở mức báo động hơn là Falls Church, Virginia, đội gồm sáu người ở giai đoạn cuối của một kế hoạch tấn công khu tiếp đón khách Trung tâm Du khách Quốc hội Hoa Kỳ mới. Trong máy vi tính của một trong những người bị bắt, FBI đã tìm thấy một số hình ảnh đáng ngờ của du khách và học sinh xếp hàng để đợi cho vào. Một kẻ khác trong bọn chúng vừa thuê một nhà kho riêng biệt để bắt đầu chế tạo bom làm bằng peroxide. Tiền được rót vào từ người Algerie ở Montreal. Người này cũng bị bắt cùng lúc với tám người ở Canada.

Ở châu Âu, mẻ lưới còn lớn hơn. Ở Paris, bọn khủng bố âm mưu tấn công tháp Eiffel và Bảo tàng Orsay, ở London, chúng nhắm vào Vòng quay Thiên niên kỷ và quảng trường Quốc hội. Và ở Berlin, chúng đang chuẩn bị một cuộc tấn công theo kiểu tấn công ở Mumbai, nhắm vào những người thăm viếng khu tưởng niệm người Do Thái gần cổng Brandenburg. Thêm vào những nhóm khủng bố

đánh bom Copenhagen và Madrid, nạn nhân của vòng tấn công đầu tiên, đầu hàng. Các nhóm khủng bố ở Stockholm, Malmö, Oslo và Rome cũng đầu hàng, ở phía bên kia lục địa, những tài khoản ngân hàng bị đóng băng và các cơ sở kinh doanh đóng cửa. Tất cả là nhờ vào tiền của Nadia.

Từng người một, các thủ tướng, tổng thống và đại pháp quan xuất hiện trước báo chí để tuyên bố rằng thảm họa đã được ngăn chặn. Tổng thống Hoa Kỳ là người tuyên bố sau cùng. Ông ta quả quyết mô tả mối đe dọa là điều nghiêm trọng nhất kể từ thảm họa 11/9 và gợi ý sẽ còn nhiều vụ bắt giữ khác nữa. Khi được hỏi vì sao những nhóm khủng bố được phát hiện, ông nhường lời cho vị tư vấn chống khủng bố của ông, James McKenna, nhưng McKenna từ chối trả lời. Tuy nhiên ông dồn hết tâm trí để hướng sự chú ý vào bước đột phá trong thực hiện mà không cần những chiến thuật được chính quyền sử dụng trước đây. "Mối đe dọa đã biến chuyển," McKenna tuyên bố, "và chúng tôi cũng vậy."

Sáng hôm sau, tờ *New York Times* và tờ *Washington Post* đăng những bài viết dài về chiến thắng đã âm ỉ gần như một thập kỷ giờ đang hình thành của nhiều cơ quan tình báo và những cơ quan thực thi pháp luật. Ngoài ra, cả hai tờ báo đều đăng những bài xã luận khen ngợi "tầm nhìn của thế kỷ hai mươi mốt cho cuộc chiến chống lại phe cực đoan toàn cầu" và vào chiều hôm đó, trên sóng các chương trình giao lưu truyền hình, những thành viên của phe đối lập có vẻ chán nản và mất lòng tin. Tổng thống không những đã loại bỏ một mạng lưới khủng bố nguy hiểm mà còn tự bảo đảm cho chính mình thêm một nhiệm kỳ bốn năm nữa. Cuộc chạy đua của 2012 đã kết thúc. Đã đến lúc nghĩ đến cuộc chạy đua của 2016.

47

PALISADES, WASHINGTON, D.C.

Cùng chiều hôm đó, giám đốc CIA triệu tập nhân viên trong phòng Bubble, hội trường tương lai của Langley, để dự đại hội. Ellis Coyle không tham dự. Ông biết những loại đại hội này dự kiến sẽ giống những tối của ông ở nhà với Norah. Sẽ có câu chuyện vô vị về lòng kiêu hãnh thu phục lại được và một cơ quan đang trong giai đoạn phục hồi, một cơ quan cuối cùng đã tìm ra chỗ đứng của mình trong một thế giới không có Liên bang Xô Viết. Coyle đã được nghe cùng một bài diễn văn từ bảy vị giám đốc trước đây, tất cả đều đã làm cho CIA yếu hơn và rối loạn hơn. Kiệt quệ tài năng, yếu đi vì tổ chức lại cộng đồng tình báo Mỹ, cơ quan tình báo là một thất bại đang ngấm ngầm cháy âm ỉ. Ngay cả Coyle, một người giả dối chuyên nghiệp cũng không thể ngồi trong phòng Bubble và giả vờ như việc bắt giữ sáu mươi kẻ khủng bố báo trước một tương lai sáng sủa hơn – đặc biệt từ khi ông biết sự thật làm thế nào mà bước đột phá đã thu được kết quả.

Có bốn chiếc xe va chạm liên hoàn vào nhau ở đường Canal nên Coyle có thể nghe cho đến phút cuối *Atlas Shrugged* trên con đường về nhà. Ông về Palisades và thấy căn nhà của Roger Blankman được chiếu sáng bằng đèn của Gatsbyesque và hàng chục xe sang trọng nối đuôi nhau trên con đường chật hẹp. "Hắn lại có một bữa tiệc

nữa," Norah nói khi Coyle hôn bà hờ hững. "Hắn ta là một nhà huy động quỹ gì đó."

"Anh nghĩ đó là lý do mình không được mời."

"Đừng nhỏ mọn vậy, Ellis. Không hợp với ông đâu."

Norah rót hai phân rưỡi rượu vang Merlot vào ly khi Lucy vào bếp, trong miệng ngậm dây xích. Coyle buộc sợi xích cẩn thận vào cổ con chó và họ cùng đi về phía công viên Battery Kemble. Gần chân bảng hướng dẫn bằng gỗ, ở góc chính xác bốn mươi lăm độ từ trái sang phải, có một dấu phấn. Dấu hiệu này có nghĩa là có một món hàng đang chờ Coyle tại điểm giao hàng số 3. Coyle xóa vết phấn bằng gót giày và đi vào rừng.

Bên trong, cây cối um tùm nên tối, nhưng Coyle không cần đèn pin; ông ta biết con đường mòn như một người mù biết những con đường xung quanh nhà anh ta. Từ đại lộ MacArthur, con đường mòn không thay đổi chỉ vài bước trước khi thẳng đứng lên sườn đồi. Trong công viên có một nơi được phát quang trước đây là chỗ để loạt súng nặng cả gần năm mươi kilogram của đội pháo trước kia. Ở phía bên phải là một cây cầu cho người đi bộ bằng gỗ bắc qua một con sông phụ lưu nhỏ. Sườn đồi điểm giao hàng số ba nằm ngay bên kia chiếc cầu phía dưới một thân cây sồi bị gãy. Đối với một người ở tuổi trung niên, đau lưng mạn tính, rất khó leo xuống điểm giao, nhưng đối với Lucy thì không. Lucy biết mỗi điểm giao khi nghe đọc số và có thể dọn dẹp chỉ trong vài giây. Còn gì hơn, trừ phi Cục Tình báo tìm ra cách nói chuyên với chó, Lucy cũng không bao giờ được gọi ra làm nhân chứng. Coyle nghĩ Lucy là một nhân viên điều tra hiện trường hoàn hảo: thông minh, có khả năng, gan dạ và hoàn toàn trung thành.

Coyle ngừng một lúc để lắng nghe tiếng đá banh hoặc giọng nói. Không nghe thấy gì, Coyle ra lệnh cho Lucy dọn dẹp sạch điểm giao số ba. Lucy lao mình vào rừng, bộ lông đen làm nó vô hình và lội xuống dòng suối. Một lúc sau, Lucy leo lên bờ đê, miệng ngậm một cái gậy và ngoan ngoãn ném nó xuống dưới chân Coyle.

Cây gậy dài khoảng 30 cm và đường kính khoảng 5 cm. Coyle nắm hai đầu cây gậy và vặn mạnh. Cây gậy tách ra làm đôi một cách dễ dàng, để lộ ra một ngăn bên trong. Bên trong cái ngăn là một tờ giấy nhỏ. Coyle lấy miếng giấy ra rồi lắp lại cây gậy sau đó đưa nó cho Lucy để đem về điểm giao. Có khả năng là người xử lý của Coyle sẽ lấy cây gậy đi trước bình minh. Người xử lý này không phải là sĩ quan tình báo giỏi nhất mà Coyle đã gặp, nhưng hắn kỹ lưỡng và có thể nói là cần cù và hắn chưa bao giờ bắt Coyle phải đợi tiền thanh toán. Điều này đáng ngạc nhiên. Những sĩ quan tình báo đối diện với nhiều mối đe dọa, trong nội bộ và lẫn cả bên ngoài, nhưng việc thiếu tiền không phải là một mối đe dọa.

Coyle đọc lời nhắn dưới ánh sáng của chiếc điện thoại, sau đó cho miếng giấy vào túi an toàn. Túi này cũng là túi mà Coyle sử dụng năm phút trước để cho phân của Lucy vào. Cái túi được cột chặt, đong đưa như một quả lắc, đánh vào cổ tay Coyle, khi ông leo xuống con đường mòn để về nhà. Coyle nghĩ bây giờ sẽ không lâu nữa. Thêm vài bí mật, thêm vài chuyến đi dạo với Lucy vào công viên. Coyle tự nghĩ ông thực sự có can đảm để rời bỏ không. Và rồi Coyle nghĩ đến cặp kính không thời trang của Norah và căn nhà khổng lồ của người láng giềng và quyển sách về Winston Churchill mà ông đã nghe khi bị kẹt xe trên đường. Coyle đã luôn luôn ngưỡng mộ sự quyết đoán của Churchill. Cuối cùng, Coyle cũng sẽ quyết đoán.

Bên kia hồ, ở Langley, bữa tiệc vẫn tiếp tục gần như trọn tuần kế tiếp. Họ ăn mừng công việc nặng nhọc của họ. Họ ăn mừng trình độ kỹ thuật cao của họ. Họ ăn mừng cuối cùng họ cũng lừa gạt được kẻ thù. Chính ra là họ ăn mừng Adrian Carter. Họ nói rằng chiến dịch có thể xem chắc chắn là một trong những chiến dịch tinh tế nhất của Carter. Những vết đen đã được xóa, những tội lỗi đã được tha thứ. Không bận tâm đến việc Rashid và Malik vẫn còn ở đâu đó ngoài kia. Vì bây giờ, chúng là những tên khủng bố không có mạng lưới và tất cả là công lao của Carter.

Rashidistan vẫn còn mở cửa để hoạt động, nhưng hàng ngũ đã thưa thớt qua một đợt bổ nhiệm lại vội vàng. Những gì được bắt đầu như một cơ quan tình báo tối mật – tập hợp những nỗ lực nay là một vấn đề lớn cho cảnh sát và những người khởi tố. Đội không còn theo dõi lưu lượng của tiền chuyển vào mạng lưới của khủng bố nữa. Thay vào đó họ tham gia những cuộc tranh luận nóng bỏng với những luật sư của bộ Tư pháp về việc chứng cứ nào có thể chấp nhận được và chứng cứ nào không bao giờ được tiết lộ. Không có một luật sư nào bận tâm đến việc hỏi Gabriel Allon, đứa con huyền thoại nhưng cứng đầu của Cục Tình báo Israel, vì không một luật sư nào biết ông ở đó.

Với hoạt động của chiến dịch đang dần bớt đi, Gabriel dành phần nhiều thời gian và nỗ lực để rời bỏ. Theo yêu cầu của Đại lộ King Saul, ông tiến hành những cuộc họp bàn giao và thương lượng một hệ thống thường xuyên để chia sẻ những kết quả tình báo, biết rõ rằng người Mỹ sẽ không bao giờ đạt đến những điều kiện, sự thỏa thuận được ký rất rầm rộ trước sự tham dự thưa thớt trong văn

phòng giám đốc, sau đó Gabriel tiến hành việc trao lại tấm thẻ xanh cho Văn phòng Nhân sự. Những thủ tục đáng lý chỉ có năm phút, đã kéo dài hơn một tiếng vì Gabriel phải ký vô số văn bản hứa hẹn mà ông không hề có ý định tuân theo. Khi sự hám danh tốn giấy mực của phòng Nhân sự đã được làm hài lòng, một cận vệ, mặc đồng phục, đưa Gabriel xuống sảnh, ông ở lại đó vài phút, để nhìn một ngôi sao mới đang được khắc lên Bức tường Tưởng niệm của CIA, sau đó Gabriel bước ra dưới cơn giông rất ngắn đầu mùa xuân.

Khi Gabriel về Georgetown thì cơn mưa đã dứt và mặt trời lại chiếu trên bầu trời trong sáng. Gabriel gặp Chiara để ăn trưa tại một quán cà phê cổ ngoài trời gần đại học Hoa Kỳ, sau đó hai người về đường Tunlaw để thu xếp hành lý bay về nhà. Khi về đến căn hộ ở tòa cao ốc, họ thấy một chiếc Escalade bọc thép đen đang đợi ở cổng, ống pô đang nhả khói. Một bàn tay thò ra đưa dấu, bàn tay của Adrian Carter.

"Có vấn đề gì?" Gabriel hỏi.

"Còn tùy thuộc hoàn toàn vào anh nhìn vấn đề như thế nào đã."

"Ông nói thẳng vào vấn đề đi. Tôi còn phải ra sân bay."

"Thật ra là tôi đã mạn phép hủy chuyến bay của anh rồi."

"Ông thật chu đáo."

"Vào xe đi."

PHẦN BA

HOANG MẠC
EMPTY
QUARTER

48

THỊ TRẤN PLAINS, VIRGINIA

Căn nhà được xây trên phần cao nhất của mảnh đất, dưới bóng của bụi cây sồi và cây du nhỏ. Những tấm lợp mái của căn nhà bằng đồng đã hoen ố và cổng rất đẹp cả tầng trên lẫn tầng dưới, căn nhà nhìn xuống một đồng cỏ xanh. Những người láng giềng được cung cấp thông tin rằng người chủ căn nhà là một nhà vận động hành lang giàu có ở Washington tên là Hewitt. Ở Washington, không có một nhà vận động hành lang nào tên Hewitt, hay ít ra không phải là tên của một nông trại xinh đẹp trải dài bốn mươi mẫu của một quý ông tọa lạc trong phạm vi hai dặm phía tây của thị trấn Plains trên quốc lộ 601. Cái tên được chọn ngẫu nhiên qua những máy vi tính của CIA. Nông trại này thuộc sở hữu của CIA và đã được sử dụng như một công ty bình phong. CIA cũng sở hữu một xe máy cày John Deere, xe tải nhỏ hiệu Ford, máy cắt quay hiệu Bush Hog và một cặp ngựa màu đỏ hồng. Một con tên Colby; con kia tên Helms. Đúng theo tính chất của cơ quan tình báo, cũng như nhân viên, mỗi năm chúng phải qua cuộc giảo nghiệm máy phát hiện nói dối để bảo đảm chúng không qua phe bên kia, cho dù là phe nào đi nữa.

Buổi trưa hôm sau, cả hai con ngựa đang ăn cỏ trên đồng cỏ phía dưới khi chiếc Escalade chở Gabriel và Chiara đến, khuấy động con đường trải nhựa. Một nhân viên an ninh CIA đưa họ vào nhà và sau

khi giúp họ cởi bỏ áo khoác và lấy điện thoại di động đi, hướng dẫn họ đến căn phòng lớn. Khi họ vào, Uzi Navot đang nhìn hau háu vào cái tủ buffet và Ari Shamron đang cố nhẹ nhàng lấy một tách cà phê từ bình thủy. Graham Seymour trong trang phục thích hợp cho kỳ nghỉ cuối tuần ở miền quê nước Anh đang ngồi gần lò sưởi không được đốt lên. Ngồi gần Graham, Adrian Carter đang cau mày khi nghe James McKenna gấp rút thì thầm điều gì đó vào tai ông.

Những người đàn ông tụ tập trong phòng đại diện một cách nào đó cho tình huynh đệ. Từ những vụ tấn công 11/9, họ đã cùng thực hiện nhiều chiến dịch, phần nhiều những chiến dịch này không được công chúng biết đến. Họ đã chiến đấu cho nhau, đã giết cho nhau và trong vài trường hợp đã đổ máu cho nhau. Mặc dù đôi lúc có bất đồng, sự gắn bó của họ đã vượt qua thời gian và những thay đổi bốc đồng từ những bậc thầy chính trị của họ. Họ nhìn thấy sứ mạng của họ rõ ràng trong mọi điều kiện – dùng một từ của kẻ thù, họ là "hội đồng Shura" của thế giới văn minh. Họ đã gánh vác những công việc khó chịu mà không một ai muốn thực hiện và lo lắng về hậu quả sau này, đặc biệt là khi mạng sống bị đe dọa. James McKenna không phải là thành viên của hội đồng, ông ta cũng sẽ không bao giờ trở thành thành viên. Ông là một động vật chính trị, điều đó theo định nghĩa có nghĩa ông cũng là một phần của vấn đề. Sự hiện diện của ông hứa hẹn là một yếu tố phức tạp, đặc biệt là nếu ông định dành suốt thời gian để thầm thì vào tai Carter.

Rõ ràng là McKenna thoải mái nhất khi ngồi vào bàn chữ nhật, nên theo đề nghị của ông, họ vào phòng khách trang trọng. Hiển nhiên là Carter không ưa ông. McKenna trẻ. Ông ta thích hợp. Dáng vẻ ông ta đẹp sau bục. Ông ta còn vô cùng tự tin, bất kể điều đó có được bảo đảm hoặc được hỗ trợ trên thực tế hay không. Tay

McKenna không nhuốm máu và McKenna không có tội lỗi nghề nghiệp trong quá khứ. Ông chưa bao giờ đối chất với kẻ thù trước họng súng hoặc hỏi cung kẻ thù trong phòng tra hỏi. McKenna không hề nói một ngôn ngữ nào của kẻ thù. Tuy nhiên ông đã đọc nhiều quyển sách nói về ông và đã đề cập đến ông một cách rất thận trọng trong nhiều buổi họp. Đóng góp chính của ông cho nền văn học chống khủng bố là một bài ông đã viết cho tạp chí của *Bộ Ngoại giao* biện luận rằng nước Mỹ có thể thoát ra vững mạnh hơn. Bài viết đã gây sự chú ý của một thượng nghị sĩ có sức thu hút và khi vị thượng nghị sĩ này trở thành tổng thống, ông đã đặt nhiều trách nhiệm đối với sự an toàn của đất nước vào tay một chính trị gia dở ẹc, người đã một lần đến Langley cả một tuần lễ pha cà phê cho giám đốc.

Sau đó đã xảy ra một thoáng khó xử xem ai sẽ ngồi đầu bàn, Carter hay McKenna. Trong những điều luật không viết ra của tình huynh đệ, người chủ tọa các buổi họp được xác định bằng địa lý, nhưng tình huynh đệ lại không có luật về điều phải làm khi đối chất với một kẻ xía vào chuyện chính trị của người khác. Cuối cùng, McKenna nhường chỗ ngồi đầu bàn cho Carter và ngồi cạnh Graham Seymour, người có vẻ đe dọa ông ta ít hơn là nhóm tứ tấu Israel. Carter đặt ống tẩu và túi đựng thuốc lá lên bàn để lát nữa hút và mở nắp máy tính xách tay lên. Một bản sao của tài liệu mật mà NSA thu thập được về một cuộc điện thoại lúc 10:36 sáng theo đồng hồ thế giới, ngày hôm trước giữa chi nhánh Zurich của Ngân hàng TransArabian và văn phòng ở Paris của AAB Holdings. Hai người trong cuộc điện thoại là Samir Abbas, chủ ngân hàng liên hệ mật thiết với những vấn đề từ thiện Hồi giáo và người khách mới, Nadia al-Bakari. Họ nói chuyện bằng tiếng Ả Rập với nhau trong vòng hai

phút và mười hai giây. Carter phát bản phiên dịch của NSA. Và ông bật tập tin âm thanh trên máy tính rồi bấm nút 'phát'.

Giọng nói đầu tiên trong đoạn thu lại là của thư ký điều hành của Nadia. Cô ta nói Abbas giữ máy để cô ta chuyển cuộc gọi. Nadia nhấc điện thoại đúng sáu giây sau. Sau những câu chúc phúc bắt buộc của Hồi giáo, Abbas nói là mới liên lạc với "một người cộng tác của Yemen". Dường như gần đây công ty của người này đã chịu một chuỗi thất bại và đang rất cần thêm vốn. Người cộng tác này mong muốn gặp chính Nadia và muốn bàn về kế hoạch tương lai, bao gồm nhiều vấn đề tồn đọng ở Mỹ. Người cộng tác này mà Abbas mô tả là "rất thân" với người Yemen, gợi ý nơi gặp là Dubai. Xem ra hắn là một khách thăm viếng thường xuyên của tiểu vương quốc rất giàu sang và còn có một căn hộ khiêm tốn ở khu Jumeirah Beach. Không cần phải nói, người cộng tác rất biết mối quan tâm về an toàn của cô al-Bakari và muốn gặp cô ở một nơi mà cô sẽ cảm thấy vừa an toàn và vừa thoải mái.

"Ở đâu?"

"The Burj Al Arab."

"Khi nào?"

"Một tuần sau kể từ thứ Năm."

"Lúc đó tôi ở Istanbul cho công việc kinh doanh."

"Lịch trình của người cộng tác với tôi rất bận. Đây là cơ hội duy nhất của anh ta để gặp cô bàn về dự tính của tương lai."

"Khi nào thì anh ta cần câu trả lời?"

"Tôi e rằng anh ta cần câu trả lời ngay bây giờ."

"Anh ta muốn gặp tôi lúc mấy giờ?"

"Chín giờ tối."

"Cận vệ của tôi sẽ không chấp nhận sự thay đổi."

"Người cộng tác của tôi nói sẽ không có sự thay đổi nào."

"Vậy làm ơn nói với anh ta tôi sẽ đến Burj vào thứ Năm tuần sau, lúc chín giờ tối. Và nói với anh ta đừng đến trễ, vì tôi không bao giờ đầu tư tiền vào những người trễ hẹn."

"Tôi bảo đảm anh ta sẽ không đến trễ."

"Có ai đi cùng với anh ta không?"

"Chỉ có tôi – trừ phi, dĩ nhiên, nếu cô thích đi một mình."

"Thật ra tôi thích có ông đến nữa."

"Vậy thì tôi rất hân hạnh ở cạnh cô. Tôi sẽ đợi ở sảnh. Cô có số điện thoại di động của tôi."

"Gặp ông thứ Năm tuần sau, Inshallah*."*

"Inshallah, *cô al-Bakari."*

Carter bấm nút 'tạm dừng'.

"Phần thu tiếp theo là một cuộc gọi từ nhà Samir sáu tiếng trước. Samir đang ngủ say và không hài lòng khi điện thoại reo. Tâm trạng của Samir thay đổi khi hắn nghe giọng nói bên kia đầu dây. Quý ông đầu dây bên kia không màng nói danh tính của mình. Ông ta gọi từ Jeddah, Ả Rập Saudi, bằng một điện thoại di động không có tiền sử và có vẻ như không còn hoạt động nữa. Có vài đoạn bỏ lửng và nhiều tạp âm. Đây là một ví dụ."

Carter bấm nút cho máy chạy.

"Hãy nói với cô ta chúng tôi cần thêm tiền. Nói với cô ta chúng tôi muốn thảo luận về những kế hoạch tương lai. Nói rõ cho cô ta hiểu là chúng tôi sẽ gửi đến một người quan trọng."

Ngừng.

“Vậy chính xác ai là người cộng tác thân thiết của gã người Yemen muốn gặp Nadia?” Carter hỏi một cách thuyết phục. “Cuộc điện thoại này rõ ràng đã cung cấp câu trả lời. Vì tình trạng không tốt của đoạn thu âm, NSA cần thực hiện một ít việc để tiến hành phân tích giọng nói trùng khớp. Họ sử dụng mỗi dữ liệu mà chúng tôi có, kể cả dữ liệu vô tuyến và những liên lạc bằng điện thoại di động thu thập ở Iraq trong thời gian cao trào của cuộc nổi loạn. Cách đây một tiếng, họ tìm ra một sự trùng khớp. Có ai dám mạo hiểm đoán thử xem danh tính của người mà Samir tiếp chuyện không?”

Gabriel nói “Tôi sẽ nói là Malik al-Zubair, nhưng điều này không thể. Ông thấy đó, Adrian, Malik chỉ là một tin đồn. Malik là một linh cảm của riêng Dina.”

“Không, Malik không phải là một linh cảm,” Carter công nhận. “Dina đã đúng. Malik là thật. Cách đây hai ngày hắn đã ở Jeddah. Và hắn ta có thể hoặc không thể đến khách sạn Burj Al Arab ở Dubai tối thứ Năm tuần sau để nói chuyện với người chủ mới, Nadia al-Bakari. Vấn đề là chúng ta sẽ làm gì?”

Carter gõ chiếc tẩu vào mép của cái gạt tàn. Hội đồng Shura bây giờ đang mở cuộc họp.

49

THỊ TRẤN PLAINS, VIRGINIA

Đây là một chiến dịch của Mỹ, điều này có nghĩa đây phải là một quyết định của Mỹ. Rõ ràng là McKenna không có ý định đưa ra ý kiến đầu tiên, vì sợ rằng tình hình sẽ đột ngột thay đổi, cho nên ông khéo léo chiều theo Carter. Ông ta bắt đầu theo kiểu điển hình của Carter, đi một đường vòng. Con đường vòng dẫn đến một nơi gọi là Căn cứ Điều hành tiền phương Chapman, một căn cứ của CIA ở một vùng hẻo lánh phía tây Afghanistan. Tại căn cứ này, vào tháng Mười hai 2009, một nhân viên CIA, tên gọi là Humam Khalil Abu-Mulal al-Balawi đến để báo cáo với người phụ trách. Là một bác sĩ người Jordan có liên kết với phong trào thánh chiến, bác sĩ Balawi đã cung cấp cho CIA thông tin then chốt được sử dụng để nhắm vào các chiến sĩ al-Qaeda ở Pakistan. Tuy nhiên, nhiệm vụ thật sự của hắn là thâm nhập vào CIA và cơ quan tình báo Jordan – một nhiệm vụ kết thúc thảm hại khi hắn kích nổ trái bom giấu bên dưới áo khoác của mình, giết chết bảy sĩ quan CIA. Đây là một trong những vụ tấn công tệ hai nhất trong sự nghiệp lâu dài của Adrian Carter khi ông làm giám đốc những chiến dịch. Việc này chứng tỏ là al-Qaeda muốn bỏ nhiều thời gian và nỗ lực để đòi nợ cơ quan tình báo đang truy đuổi họ. Và điều này cũng chứng tỏ rằng khi gián điệp bỏ qua những quy luật cơ bản của phương pháp hoạt động tình báo, thì họ có thể chết.

“Ông có cho rằng Nadia al-Bakari cũng có liên kết với al-Qaeda không?” McKenna hỏi.

“Tôi không nghĩ như vậy. Thật ra, ý kiến của tôi là khi câu chuyện bí mật của chiến tranh toàn cầu đối với khủng bố cuối cùng được viết ra thì Nadia sẽ được xem như một trong những tài sản có giá trị nhất đã làm việc cùng phương Tây. Cũng vì vậy, tôi ghét mất cô ta vì chúng ta đã tham lam và đã đưa cô ta vào một tình huống mà chúng ta không nên đưa vào.”

“Malik không mời cô ta đến South Waziristan,” McKenna nói. “Hắn muốn gặp cô ta ở một trong những khách sạn nổi tiếng nhất trên thế giới.”

“Thật ra”, Carter đáp, “chúng ta không biết có phải là Malik al-Zubair hay là Nobody al-Nobody. Nhưng đó không phải vấn đề.”

“Vậy vấn đề *ở đâu*?”

“Vấn đề là điều này vi phạm phương pháp hoạt động tình báo của chúng ta. Ông nhớ phương pháp hoạt động của chúng ta chứ, Jim? Điều một đề cập đến việc chúng ta kiểm soát càng nhiều yếu tố môi trường nhất có thể. Chúng ta chọn thời gian, chúng ta chọn vị trí. Chúng ta chọn chỗ ngồi. Chúng ta gọi nước uống. Và nếu được, chúng ta pha nước. Và chúng ta phải thật chắc chắn là không để một người nào như Nadia al-Bakari đến gần một người như Malik.”

“Nhưng đôi khi chúng ta sử dụng những gì chúng ta có,” McKenna phản đối. “Có phải đó là điều ông đã nói với tổng thống sau ngày mà chúng ta mất bảy sĩ quan CIA không?”

Gabriel nhận thấy ánh mắt tức giận hiếm có của Carter, nhưng khi ông nói thì giọng bình tĩnh và đủ mạnh như bình thường. “Bố tôi là một Giám mục đó Jim. Tôi không bài bạc.”

"Vậy thì ông có ý kiến gì?"

"Chiến dịch này đã tiến hành tốt hơn bất cứ ai trong chúng ta dám mơ ước tới," Carter nói. "Có lẽ chúng ta không nên liều lĩnh giao banh một cách đầy rủi ro và mạo hiểm trong phút cuối của hiệp tư."

Shamron có vẻ bực mình, ông cho rằng sử dụng những từ ngữ thể thao Mỹ theo cách ẩn dụ là không thích hợp cho một công việc quan trọng như công việc tình báo. Theo ý kiến của Shamron, thì những sĩ quan tình báo không làm mất điểm dẫn trước trong hiệp tư, hoặc không đánh hụt hay đánh rớt banh, chỉ có thành công hay thất bại – và cái giá của thất bại ở một nơi như là Trung Đông thường là đổ máu.

"Hôm nay thế là đủ rồi phải không?" Shamron hỏi. "Có phải ông muốn nói vậy không Adrian?"

"Tại sao không? Tổng thống đã đạt được chiến thắng ông ta muốn và cơ quan tình báo cũng vậy. Tốt hơn là mọi người nên sống để còn chiến đấu cho một ngày khác." Carter phủi hai bàn tay vào với nhau hai lần và nói, "*Halas.*"

McKenna tỏ vẻ bối rối. Gabriel giải thích cho ông.

"*Halas* là một từ tiếng Ả Rập có nghĩa là 'đã xong'. Nhưng Adrian quá biết là cuộc chiến này sẽ không bao giờ kết thúc. Đây mãi mãi là một cuộc chiến và ông sợ rằng sẽ đẫm máu nếu ông để cho một kẻ chủ mưu tài năng như Malik vuột khỏi tầm tay."

"Không ai hơn tôi muốn cắt đầu Malik," Carter nói. "Hắn phải chịu như vậy do tình trạng hỗn loạn hắn đã gây ra ở Iraq và sự biến mất của hắn trên trái đất này sẽ làm tất cả chúng ta an toàn hơn. Đánh bom cảm tử chỉ là tầm thường. Nhưng kẻ chủ mưu – những tên

khủng bố chủ mưu thực sự – rất khó để thay thế. Loại trừ một kẻ chủ mưu như Malik và các anh sẽ còn lại một nhóm thánh chiến dỏm đang cố tìm hiểu làm cách nào để chế tạo những trái bom peroxide trong hầm nhà của mẹ chúng."

"Vậy tại sao không để Nadia đến cuộc hẹn?" McKenna hỏi. "Tại sao không để cô ta nghe những gì Malik muốn nói về kế hoạch tương lai của hắn?"

"Vì tôi có cảm giác sởn gai ốc đằng sau gáy."

"Nhưng chúng tin cô ta. Tại sao lại không? Cô ta là con của Zizi. Lạy Chúa tôi, cô ta là hậu duệ của chính Wahhab."

"Tôi sẽ công nhận là họ đã tin cô ta *một lần*," Carter trả lời, "nhưng để xem họ có tin cô ta bây giờ không là một câu hỏi chưa có câu trả lời khi mạng lưới của họ đã bị lộ ra."

"Ông đang sợ chính cái bóng của mình," McKenna nói. "Nhưng tôi nghĩ điều đó cũng dễ đoán ra thôi. Suy cho cùng, ông đã theo vụ này lâu rồi. Từ mười năm gần đây, ông đã đọc e-mail của chúng, nghe lén điện thoại của chúng, tìm kiếm những bí mật phía sau. Nhưng đôi khi không có kết quả. Đôi khi một đám cưới chỉ là một đám cưới. Và đôi khi gặp gỡ ở khách sạn cũng chỉ là gặp gỡ ở khách sạn. Ngoài ra nếu chúng ta không thể bảo vệ an toàn cho một nữ doanh nhân như Nadia al-Bakari trong và ngoài Burj Al Arab thì có lẽ chúng ta đã chọn sai công việc."

Carter im lặng trong một lúc. "Có cơ may nào chúng ta có thể làm những việc này trong phạm vi nghề nghiệp không, Jim?"

"Tôi nghĩ rằng, chúng ta có thể làm như vậy."

"Tôi có nên nghĩ rằng anh đang nói thay cho Nhà Trắng không?"

"Không," McKenna nói. "Ông nên nghĩ rằng tôi đang nói thay cho tổng thống."

"Từ khi anh quá hòa hợp với những gì tổng thống nghĩ, tại sao không cho chúng tôi biết tất cả những gì tổng thống muốn."

"Ông ta muốn những gì mà tất cả các tổng thống đều muốn. Ông ta muốn nhiệm kỳ thứ hai. Nếu không, 'thợ thuyền' sẽ chiếm quyền quản lý thay cho 'giám đốc' và tất cả những tiến triển của chúng ta trong cuộc chiến chống khủng bố sẽ bị xóa sạch hết."

"Anh muốn nói những kẻ *cực đoan*," Carter sửa cách dùng từ của ông ta. "Nhưng cuộc gặp gỡ ở Dubai thì sao?"

"Cả tổng thống và tôi đều muốn cô ta tham dự cuộc gặp gỡ đó – với những người tốt canh chừng cô ta, dĩ nhiên. Nghe những gì hắn cần nói. Chụp hình hắn. Lấy dấu tay hắn. Thu lại giọng nói của hắn. Xác định hắn là Malik hay là một thành viên nặng ký nào khác của mạng lưới."

"Và chúng ta sẽ nói gì với những người bạn của chúng ta ở Cục tình báo Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất?"

"Những người bạn chúng ta ở Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất ít khi là những đồng minh đáng tin trong nhiều vấn đề từ khủng bố đến rửa tiền hay buôn vũ khí trái phép. Ngoài ra, theo kinh nghiệm của tôi, người ta không bao giờ biết hoàn toàn đang nói chuyện với ai trong tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất. Người đó có thể là một đối thủ tự nguyện chống lại thánh chiến, hoặc là anh em họ của một kẻ đã bị trừ khử."

"Cho nên chúng ta không nói gì hết?" Carter hỏi.

"Không nói gì hết," McKenna đáp lại.

"Và nếu chúng ta xác định đó là Malik?"

"Nếu vậy thì tổng thống muốn hắn ta biến khỏi hiện trường."

"Có nghĩa là gì?"

"Vận dụng trí tưởng tượng của ông đi, Adrian."

"Tôi đã sử dụng nó sau 11/9, Jim, và anh đã nói trước đám đông là tôi đáng bị tống giam vì điều đó. Cho nên, nếu anh không phiền, tôi rất muốn biết *chính xác* Tổng thống muốn tôi làm gì."

Shamron là người trả lời, không phải là McKenna.

"Tổng thống không bảo ông làm gì hết Adrian," Shamron nhìn McKenna và hỏi. "Có phải đúng không?"

"Tôi được lệnh là phải cẩn thận đường đi nước bước với ông."

"Tôi cũng được lệnh như vậy."

McKenna có vẻ hài lòng vì câu nói đó. "Tổng thống không muốn cho phép một mật vụ của Mỹ trên đất nước Ả Rập như thể là bạn ở một thời điểm nhạy cảm như lúc này," McKenna nói. "Tổng thống nghĩ rằng điều này có thể gây khó khăn cho chế độ và như vậy sẽ làm cho chế độ dễ bị lực lượng đang làm thay đổi Trung Đông tấn công."

"Nhưng Israel gây rối loạn ở Dubai lại hoàn toàn là một vấn đề khác."

"Điều này xảy ra để ăn khớp với những sự việc."

"Sự việc gì?"

"Malik mang phần lớn dòng máu Israel, như vậy ông hoàn toàn có lý do để muốn hắn chết."

"Hay lắm, ông McKenna," Shamron nói. "Nhưng ngược lại chúng ta được gì?"

“Lòng biết ơn của vị tổng thống Mỹ quan trọng nhất và luôn đổi mới của cả thế hệ.”

Shamron hỏi “Luật công bằng?”

McKenna mỉm cười và nói, “Có qua có lại.”

50

THỊ TRẤN PLAINS, VIRGINIA

James A. McKenna, trợ lý đặc biệt của tổng thống về An ninh nội địa và chống khủng bố, may mắn chọn thời điểm khi mọi việc đang tiến triển để rời phòng. Carter mời các huynh đệ bí mật vào phòng khách và hỏi không biết có ai nhớ lại Khalid Sheikh Mohammed, chủ mưu của biến cố 11/9, đã trốn vào đêm hắn bị bắt không. Dĩ nhiên là tất cả đều nhớ, nhưng Chiara lại là người trả lời.

"Hắn ở một căn nhà ở Rawalpindi, cùng dãy đường với trụ sở của quân đội Pakistan."

"Ở đâu không ở mà lại ở đấy," Carter lắc đầu và nói. "Và các anh em có nhớ làm cách nào chúng ta bắt hắn không?"

"Ông đưa vào một người cung cấp thông tin xác nhận chính là hắn. Sau khi nhìn thấy mục tiêu, người cung cấp thông tin lẻn vào phòng tắm và gửi tin nhắn cho ông."

"Và một vài giờ sau, kẻ lập kế hoạch vụ tấn công khủng bố tệ hại nhất thế giới bị còng tay, mặt nhìn giống đến giật mình anh thợ sửa xe Volvo cho vợ tôi. Tôi rất đau buồn về những điều đã làm cho Khalid Mohammed và về những nơi đã đưa hắn đến, nhưng hình ảnh của hắn bị dẫn đi là xứng đáng cho tất cả điều đó. Và việc bắt giữ hắn chỉ cần một gã cầm chiếc điện thoại di động báo tin. Đơn giản chỉ có vậy."

"Nếu chúng ta đồng ý làm điều này," Gabriel nói, "các ông có thể yên tâm là Nadia sẽ không phải chạy vào toilet để nhắn bất cứ gì."

"*Nếu* các ông đồng ý làm điều này?" Carter nghiêng đầu về phía Shamron và Navot đang ngồi gần nhau trên ghế dài, khoanh tay và gương mặt cùng giấu dưới một mặt nạ khó đoán. "Họ rất giỏi che giấu ý nghĩ của họ," Carter nói, "nhưng tôi có thể cho các ông biết một cách chính xác ý đồ của họ. Họ muốn đặt Malik vào thế tồi tệ nhất – có thể còn hơn cả tổng thống và McKenna. Và họ sẽ không bỏ qua một cơ hội nào để bắt hắn. Cho nên chúng ta sẽ lướt qua phần làm bộ làm tịch của chương trình tối nay và đi thẳng vào kế hoạch."

Gabriel nhìn cấp trên của ông để được chỉ đạo. Navot đang chà một vết trên sống mũi ông ta. Cặp kính hợp thời trang của ông đang làm ông đau. Shamron vẫn chưa phản ứng. Ông đang nhìn về phía Chiara, giống như cho nàng một cơ hội để can thiệp. Chiara không nắm lấy cơ hội đó.

"Để biết thêm," Gabriel nói, "chúng ta không đến Dubai để bắt bất cứ ai. Nếu là Malik, hắn sẽ không sống sót để rời khỏi đó."

"Tôi hoàn toàn chắc chắn là tôi không nghe McKenna đề cập đến chuyện bắt giữ."

"Nếu vậy, chúng ta đã hiểu rõ chưa?"

"Rõ rồi," Carter nói. "Hãy nghĩ rằng chúng ta là tên lửa Hellfire, nhưng không gây thiệt hại ngoài dự kiến và giết chết những người vô tội."

"Tên lửa Hellfire không cần hộ chiếu, phòng khách sạn và vé máy bay. Chúng cũng không gặp vấn đề khi hoạt động trên lãnh thổ Ả

Rập. Chúng ta thì có." Gabriel ngừng một lúc rồi tiếp. "Chúng ta *chắc chắn* biết rằng Dubai là một nước Ả Rập, phải không Adrian?"

"Dường như tôi có đọc điều này ở đâu đó."

Gabriel do dự. Bây giờ họ sắp vào một lãnh thổ nhạy cảm để đối mặt với những khuynh hướng sử dụng khả năng và hành động. Những cơ quan tình báo giữ những bí mật của họ rất kỹ và chỉ tiết lộ cho đồng minh khi bị ép buộc. Đối với Cơ quan Tình báo Mỹ thì điều này gần như dị giáo. Gabriel gật đầu và chuyển nhiệm vụ cho Uzi Navot. Uzi đeo lại cặp kính một lần nữa và chăm chú nhìn Carter một lúc lâu không nói.

Cuối cùng ông nói "Chúng ta sống trong một thế giới phức tạp Adrian, cho nên thỉnh thoảng nên đơn giản mọi việc. Ngày nào mà chúng ta còn dính líu đến, ngày đó còn hai loại đất nước – đất nước mà chúng ta có thể hoạt động và được miễn tội, và đất nước mà chúng ta không thể hoạt động. Chúng ta gọi loại thứ nhất là đất nước làm *căn cứ*."

"Giống như Hoa Kỳ," Carter mỉm cười công nhận.

Navot liếc nhìn về phía phó giám đốc MI5 và nói "Và Anh Quốc, mặc cho sự cố gắng của ông, chúng tôi đến và đi khi cần thiết và làm những công việc mà chúng tôi muốn làm. Nếu chúng tôi gặp rắc rối, chúng tôi có cả một mạng lưới nhà an toàn và nơi ẩn náu mà người đàn ông ngồi cạnh tôi đây đã sắp xếp. Trong trường hợp thảm họa, lạy Trời cho đừng có chuyện đó xảy ra, những nhân viên tình báo của chúng tôi có thể trú ẩn trong một đại sứ quán và kêu gọi giúp đỡ từ một cảnh sát thân tín bí mật như Graham."

Shamron ném một cái nhìn đầy sát khí về phía Navot. Ra vẻ không để ý đến, Navot tiếp tục.

"Chúng ta đề cập đến loại đất nước thứ hai như là đất nước *mục tiêu*. Đó là những mảnh đất đầy hiểm khích. Không đại sứ quán. Không nhà an toàn. Những cảnh sát chìm không thân thiện. Thật ra nếu họ bắt chúng ta, họ sẽ tra tấn, bắn, đưa chúng ta lên ti vi để dân tộc họ nhìn thấy và ném chúng ta vào tù trong một thời gian rất dài."

"Anh cần gì?" Carter hỏi.

"Hộ chiếu," Gabriel nói thay cho Navot. "Loại hộ chiếu cho chúng ta vào Dubai mà không cần phải có visa trước."

"Nước nào?"

"Mỹ, Anh, Canada, Úc."

"Tại sao Canada và Úc?" Graham Seymour hỏi.

"Bởi vì chúng ta sẽ cần một đội lớn và tôi cần trải rộng đội ra trên bình diện địa lý."

"Tại sao không sử dụng chính hộ chiếu giả của các anh?"

Lần này là Shamron trả lời. "Vì cần nhiều thời gian, nỗ lực và kế hoạch để làm. Và chúng tôi không muốn phí những hộ chiếu của các anh vào một chiến dịch mà chúng ta thực hiện vì *tài sản* của Hoa Kỳ."

Carter không giấu được nụ cười về phía James McKenna và nói. "Chúng tôi sẽ cung cấp tất cả những hộ chiếu mà các anh cần."

"Và những thẻ tín dụng nữa," Gabriel tiếp. "Không phải là loại thẻ trả trước. Tôi muốn thẻ tín dụng thật từ những ngân hàng thật."

Carter gật đầu và Graham Seymour cũng vậy.

"Còn gì nữa?" Carter hỏi.

“Địa lý của Dubai có nhiều thử thách cho chúng ta,” Navot nói. “Chừng nào chúng ta còn quan tâm thì chỉ có một đường vào và ra.”

“Sân bay,” Carter nói.

“Đúng rồi,” Gabriel đáp. “Nhưng chúng ta không thể bị bắt làm con tin trong một chuyến bay thương mại. Chúng ta cần một máy bay riêng cho mình, đăng ký ở Mỹ, nguồn gốc trong sạch.”

“Tôi sẽ lấy cho anh máy bay G5.”

“Máy bay Gulfstream không đủ lớn.”

“Anh muốn cái nào?”

Gabriel nói với ông ta. Carter nhìn lên trần nhà, như đang tính toán ảnh hưởng của yêu cầu này đối với ngân sách cho chiến dịch.

“Tiếp theo tôi nghĩ anh sẽ nói anh cũng sẽ cần một phi hành đoàn người Mỹ.”

“Tôi cần đó,” Gabriel nói. “Tôi cũng cần vũ khí.”

“Hãng sản xuất gì và loại nào?”

Gabriel liệt kê ra. Carter gật gù. “Tôi sẽ mang chúng tới đại sứ quán. Đã đủ hết chưa?”

“Đủ rồi, trừ ngôi sao của vở trình diễn,” Gabriel nói.

“Với giọng nói của cô ta qua những gì chúng ta nghe lén được, anh sẽ không khó khăn gì để thuyết phục cô ta làm việc này.”

“Tôi vui khi ông nghĩ như vậy,” Gabriel nói, “bởi vì cô ta xứng đáng để biết rằng lòng tin tuyệt đối và sự tín nhiệm của chính phủ Hoa Kỳ làm hậu thuẫn cho cô.” Gabriel ngừng lại và tiếp, “Và chúng ta cũng vậy.”

“Tôi đã hứa cung cấp cho anh hộ chiếu, tiền, súng ống và một chiếc Boeing Business Jet cùng với một phi hành đoàn người Mỹ.

Anh cần sự hỗ trợ gì nữa từ phía người Mỹ?”

“Tôi muốn nói chuyện riêng với ông chủ của ông.”

“Giám đốc?”

Gabriel gật đầu. Carter đến chỗ đường dây an toàn và quay số.

Khi chiếc Escalade đến Nhà Trắng qua cổng ở đường số 15 thì đã gần 10 giờ tối. Một nhân viên tình báo mặc đồng phục nhìn nhanh vào thông tin của Carter, sau đó ra lệnh cho tài xế đậu phía trước để Oscar, con chó berger tham ăn đánh hơi nhanh. Con chó này đã thử cắn vào chân Gabriel lần cuối khi ông ghé đến. Oscar không tìm thấy cái gì trên xe của Carter ngoài bánh xe đằng trước phía bên phải, nó tiểu vào đó trước khi quay về chuồng.

Sau khi kiểm tra xong, chiếc SUV đi qua một dãy khu vực đậu xe bằng bê tông cốt thép như mê cung ở phía tây khu đậu xe cho nhân viên điều hành. Carter và Chiara ngồi lại trong xe trong khi Gabriel bước ra khỏi xe một mình và đi lên con dốc thoai thoải của lối đi về phía Nhà Trắng. Đứng dưới mái hiên của cổng Ngoại giao là bóng một người cao, thanh mảnh trong bộ quần áo sậm màu và áo sơ mi cổ Dalton màu trắng, sự chào đón thân mật nhưng chừng mực – cái bắt tay nhanh và sau đó là một cử chỉ uể oải như mời đi dạo xung quanh mảnh đất mười tám mẫu được canh chừng cẩn mật nhất trên thế giới. Gabriel gật đầu nhanh và theo sau tổng thống Hoa Kỳ khi ông rẽ sang phải, về phía cây mộc lan cũ vẫn chưa mọc lại hoàn toàn sau lần máy bay rơi trúng.

Carter quan sát kỹ hai người đàn ông khi họ đi xuống lối đi – một người thì quả quyết và chính xác trong điệu bộ, người kia thì tay

chân uyển chuyển và mềm mại. Khi họ đến gần lối đi dẫn đến Phòng Bầu dục thì đột ngột ngừng và cùng quay lại đối diện với nhau. Ngay cả ở khoảng cách xa và trong bóng tối, Carter có thể thấy sự trao đổi không được thiện cảm lắm.

Dường như cuộc tranh luận của hai người đã được giải quyết, họ lại đi tiếp qua sân golf và sân chơi nhỏ dựng lên cho con tổng thống, rồi sau đó không thấy hai người nữa. Bản tính đặc vụ trong người Carter buộc ông ghi lại thời gian trên điện thoại an toàn Motorola và ghi thêm lần thứ hai khi Gabriel và tổng thống xuất hiện lại. Tổng thống giờ đã đút tay vào túi quần và ông ta hơi khom người xuống, giống như khom xuống để chống lại với gió ngược chiều. Dường như Gabriel là người nói nhiều hơn. Ông đang dùng ngón tay để chém vào không khí như thể cố nhấn mạnh vào một điểm quan trọng nào đó.

Đi hết vòng South Lawn, hai người đàn ông trở về cổng Ngoại giao. Tại đó họ có một cuộc trao đổi cuối cùng. Cuối cuộc trao đổi, Gabriel có vẻ quả quyết và tổng thống cũng vậy. Ông đặt tay lên vai Gabriel và gật đầu lần cuối, sau đó quay lại Nhà Trắng. Gabriel đứng đó một lúc, hoàn toàn một mình. Sau đó ông quay đi và trở lại lối đi về phía chiếc Escalade. Gabriel không nói gì cho đến khi họ đi qua mê cung an toàn và về lại đường số 15.

"Ông ta sao rồi?"

"Ông ta chắc chắn biết tên ông," Gabriel nói. "Và ông ta ngưỡng mộ ông nhiều."

"Có lẽ ông ta có thể nói một điều gì đó cho Nga hoàng khủng bố của ông ta."

"Tôi đang tiếp tục làm đây."

“Còn điều gì tôi cần biết không?”

“Câu chuyện của chúng tôi là riêng tư, Adrian, và sẽ là riêng tư.”

Carter mỉm cười. “Người đàn ông tốt.”

51

KHU TRUNG TÂM THÀNH PHỐ, LONDON

Tòa nhà bằng kính và thép mà Công ty Đầu tư Mạo hiểm Rogers & Cressey ở tầng chín đường Cannon, không xa thánh đường Saint Paul, là một sự sỉ nhục đối với kiến trúc. Trong giới kinh doanh ở London, công ty R&C xứng đáng mang danh là một công ty lén lút và lừa đảo. Vì vậy, không ngạc nhiên gì khi việc mua lại công ty này của Thomas Fowler Associates được tiến hành với sự thận trọng gần như là bí mật quốc gia. Một thông cáo ngắn mà không ai để ý và hình quảng cáo mờ mờ không rõ nét chỉ xuất hiện trên trang web không hấp dẫn của R&C. Hình ảnh được bố trí bởi một người có tay nghề cao về nghệ thuật thị giác và chụp bởi một nhiếp ảnh gia đã thực hiện phần nhiều công việc trong những xe giám sát có kính sậm màu.

Như dự đoán, Thomas Fowler và những người cộng sự, gồm mười hai người, nhanh nhẹn bắt tay làm việc. Vào sáng thứ Ba, họ di chuyển đến một dãy văn phòng ở góc và cùng chiều ngày hôm đó, họ bận rộn tập hợp những dữ liệu của chuyến làm ăn đầu tiên cùng phe cánh gia đình R&C. Đây là một công việc phức tạp, với nhiều biến số, nhiều rủi ro và vô số quyền lợi cạnh tranh. Nhưng khi được lột trần ra, có liên quan đến mảnh đất bỏ trống bên bờ sông ở Dubai và một nhà đầu tư tỷ phú Ả Rập tên Nadia al-Bakari.

Fowler và đội của ông ta quen biết rất thân với cô al-Bakari và đã có những cuộc họp bí mật với cô Bakari ở lâu đài phía bắc Paris. Họ trao đổi e-mail với người thừa kế vào thứ Tư và vào sáng thứ Năm, máy bay riêng của cô al-Bakari đã đáp xuống sân bay London's Stansted. R&C đã cho xe đón tại sân bay với sự hỗ trợ bí mật của MI5. Chi phí của hai chiếc Bentley bọc thép đã làm những kế toán viên ở Thames House nhíu mày. Cũng giống như các phòng ban khác trong chính phủ của Nữ hoàng đang trong tình trạng thiếu hụt, phòng kế toán đang theo dõi vấn đề mấu chốt của lợi nhuận sau thuế. Mọi lo lắng được xoa dịu khi Graham Seymour gửi hóa đơn cho Langley để thanh toán ngay. Langley lẩm bẩm điều gì đó đại loại là hy sinh được chia sẻ và mối quan hệ đặc biệt. Sau đó Langley thanh toán hóa đơn qua một trong những tài khoản dường như không đáy và vấn đề không bao giờ được nêu lên giữa cộng đồng những người cư xử lịch sự nữa.

Dù việc trông thấy những chiếc Bentley limousine ở đường Cannon là điều bình thường, nhưng cũng có vài cái đầu ngoái lại nhìn khi Nadia al-Bakari ra khỏi xe giữa một đám cận vệ mặc áo sậm màu. Họ đưa cô vào sảnh của tòa nhà R&C với lối kiến trúc đúng là không thể tha thứ được. Một thanh niên với gương mặt như một nhà truyền giáo đang đợi để đón cô. Nếu anh ta có xưng danh tính thì cũng không ai nghe được. Thật ra, tên anh ta là Nigel Whitcombe, một sĩ quan MI5 trẻ, bắt đầu vào nghề khi làm việc với Gabriel để chống lại Ivan Kharkov, một tên buôn vũ khí người Nga.

Whitcombe đưa Nadia và cận vệ của cô vào thang máy đang chờ và bấm nút lên tầng chín. Những đối tác cấp cao của R&C cùng với đội của Thomas Fowler, được biết dưới tên Yossi Gavish trong vài cộng đồng, đang đợi ở phòng chờ. Yossi mặc một bộ sọc màu xám

do Anthony Sinclair của Savile Row thiết kế. Ông chào đón Nadia như một người bạn cũ; rồi đưa cô vào phòng hội nghị lộng lẫy của R&C, Whitcombe đi phía sau họ. Những người cận vệ của Nadia không phản đối khi Whitcombe mời họ ngồi ngoài hành lang. Whitcombe theo Yossi và Nadia vào phòng hội nghị rồi đóng cửa lại và kiểm soát *quả đấm cửa* lần nữa cho chắc ăn.

Trong phòng, rèm cửa được khép chặt, ánh sáng điều chỉnh cho dịu bớt, đội của Gabriel, ăn mặc chỉnh tề và Gabriel cũng vậy, ngồi quanh cái bàn bằng gỗ đào đánh bóng. Gabriel ngồi ở ghế chủ tọa, Adrian Carter và Graham Seymour ngồi một bên còn Ari Shamron và Uzi Navot ngồi phía bên kia. Shamron quan sát kỹ Nadia khi cô ngồi cạnh Sarah trong bộ tóc giả màu đen và cặp kính gần như không thể nhận ra.

Vẫn giữ vai trò của Thomas Fowler, Yossi giới thiệu mọi người bằng tên giả. Đây chỉ là một thủ tục; căn phòng được cách âm và không để những thiết bị điện tử xâm nhập vào. Cho nên Gabriel cũng không nghi ngờ về việc đặt máy nghe lén của NSA trong hệ thống âm thanh. Năm ngày trước, lúc 10:36 sáng giờ chuẩn Trung Âu, hệ thống đã thu lại được. Giọng nói đầu tiên là Samir Abbas của Ngân hàng TransArabian.

"Lịch trình của người cộng tác với tôi rất bận. Đây là cơ hội duy nhất của anh ta để gặp cô bàn về dự tính của tương lai."

"Khi nào thì anh ta cần câu trả lời?"

"Tôi e rằng anh ta cần câu trả lời ngay bây giờ."

"Anh ta muốn gặp tôi lúc mấy giờ?"

"Chín giờ tối."

"Cận vệ của tôi sẽ không chấp nhận sự thay đổi."

"Người cộng tác của tôi nói sẽ không có sự thay đổi nào."

"Vậy làm ơn nói với anh ta tôi sẽ đến Burj vào thứ Năm tuần sau, lúc chín giờ tối. Và nói với anh ta đừng đến trễ, vì tôi không bao giờ đầu tư tiền vào những người trễ hẹn."

Gabriel bấm nút 'ngừng' trên cái điều khiển từ xa và nhìn Nadia. "Tôi muốn bắt đầu buổi họp hôm nay bằng một lời cảm ơn cô. Khi nhận lời của Samir, cô đã giúp chúng tôi đỡ tốn thời gian để thực hiện bước hành động tiếp theo. Tất cả chúng tôi đều rất ấn tượng. Không phải là dân chuyên nghiệp, nhưng cô đã làm rất tốt."

"Thưa ông Allon, tôi đã sống trong hai thế giới khác nhau trong một thời gian dài. Tôi không phải là dân không chuyên nghiệp." Nadia đảo mắt nhìn mọi người xung quanh bàn và ngừng lại ở Shamron. "Tôi thấy là số người trong đội ông đã tăng từ lần cuối khi chúng ta gặp nhau."

"Tôi e rằng đây chỉ là cùng du lịch thôi."

"Có ai khác ở đâu nữa không?"

"Nhiều," Gabriel nói. "Và hiện giờ, nhiều người trong số họ đang băn khoăn về một câu hỏi."

"Là câu gì?"

"Không biết là họ có nên cho cô đi đến Dubai hay là chúng tôi phải gọi cho Samir và nói cô quá bận để đi."

"Tại sao phải nói với ông ta như vậy?"

"Lát nữa tôi sẽ trả lời câu hỏi này," Gabriel nói. "Nhưng trước tiên, tôi muốn cô nghe một đoạn thu âm nữa."

Ông với tay lấy cái điều khiển và cho 'phát'.

52

KHU TRUNG TÂM THÀNH PHỐ, LONDON

"Tên hắn là gì?"

"Tôi sẽ không nói cho cô."

"Tại sao không?"

"Vì không quan trọng. Và biết chỉ đặt cô vào tình huống nguy hiểm."

"Ông chu đáo thật, nghĩ đến mọi việc."

"Chúng tôi cố gắng, nhưng đôi khi ngay cả chúng tôi cũng phạm sai lầm."

Nadia yêu cầu nghe lại đoạn thu âm một lần nữa. Gabriel cho máy chạy.

"Giọng nói có vẻ của người Jordan," Nadia nói và lắng nghe kỹ.

Gabriel cho ngừng đoạn thu âm. "Hắn là người Jordan và cũng là tên khủng bố hung bạo nhất mà chúng tôi đã từng gặp. Chúng tôi nghi ngờ hắn có liên quan đến mạng lưới của Rashid. Bây giờ chúng tôi chắc chắn như vậy."

"Bằng cách nào?"

"Cùng cách mà cô biết hắn là người Jordan."

"Âm của giọng nói à?"

Gabriel gật đầu. "Không may là chúng tôi biết điều đó quá rõ. Chúng tôi nghe được khi hắn ra lệnh cho những *shahid* đánh bom những quán cà phê và xe buýt ở Tel Aviv và Jerusalem. Và những người bạn Mỹ của chúng tôi đã nghe giọng nói đó trên làn sóng radio của đài Sunni Triangle khi hắn đang tìm cách đem rắc rối đến cho Iraq. Nhưng cũng đã lâu lắm rồi kể từ khi chúng tôi nghe tin về hắn – lâu đến mức một số thành viên trong nhóm huynh đệ chúng tôi cuối cùng phải tự lừa gạt mình là hắn ta đã chết. Không may là cuộc gọi này chứng tỏ là hắn thực sự còn sống."

Dường như Nadia không còn câu hỏi gì nữa. Cô nhìn Carter và Graham Seymour và nhíu mày.

"Tôi thấy là ông có đưa những đối tác theo."

"Đã đến lúc để cô làm quen với họ."

"Họ là ai?"

"Người đàn ông khả kính, tóc muối tiêu là Graham. Ông ta là người Anh."

"Đương nhiên." Nadia nhìn sang Carter. "Còn ông này?"

"Người này là Adrian."

"Người Mỹ à?"

"Tôi e rằng là vậy."

Nadia nhìn qua Gabriel và lại nhìn Shamron một lần nữa.

"Ông tìm thấy ông này ở đâu?"

"Lâu lắm rồi."

"Ông ta có tên chứ?"

"Ông ta muốn được gọi là Herr Heller."

"Herr Heller làm gì?"

“Phần nhiều thời gian, ông ta ăn cắp bí mật. Đôi khi ông ta nghĩ ra những phương pháp sáng tạo để khống chế những nhóm khủng bố. Lý do cô có mặt ở đây là vì Herr Heller. Yêu cầu cô thâm nhập mạng lưới của Rashid là ý kiến của ông ta.”

“Ông ta có nghĩ tôi nên tham dự cuộc họp ở Dubai tuần sau không?”

“Đây là một cơ hội mà ông ta khó cưỡng lại. Nhưng ông ta cũng lo lắng về tính xác thực của lời mời này. Và ông ta sẽ không bao giờ cho phép mình đặt cô vào một tình huống mà ông ta không thể bảo đảm sự an toàn của cô.”

“Tôi đã ở Burj Al Arab nhiều lần. Chưa bao giờ tôi nghĩ rằng đây là một nơi đặc biệt nguy hiểm. Trừ phi nơi đây đầy người Anh,” cô vừa nhìn Graham Seymour vừa nói thêm. “Những người đồng hương của ông sẽ có thể nghỉ ngơi thoải mái nhiều hơn một chút khi họ đến Dubai.”

“Tôi có nghe.”

Nadia nhìn Gabriel lần nữa và nói, “Tôi đọc báo thấy tuần trước bọn khủng bố đã gặp phải một trở lực quan trọng. Tổng thống Hoa Kỳ có vẻ rất hài lòng.”

“Ông ta có quyền đó.”

“Tôi nghĩ rằng tiền của tôi cũng đóng góp vào việc đó.”

“Tiền của cô đóng góp rất *nhiều*.”

“Như vậy ông đã đánh một đòn nghiêm trọng vào mạng lưới của Rashid.”

Gabriel từ từ gật đầu.

“Nhưng không phải thường xuyên?”

"Không có gì trong nghề này là thường xuyên, Nadia."

"Ông có đủ thông tin để tìm ra chỗ của Rashid không?"

"Bây giờ thì không."

"Còn người đàn ông mà ông không cho tôi biết tên thì sao?"

Gabriel lắc đầu. "Chúng tôi không biết hắn đang dùng tên gì, loại hộ chiếu mà hắn đang mang theo, hoặc ngay cả trông hắn như thế nào."

"Nhưng chắc chắn ông *có* biết rằng hắn muốn gặp tôi tối thứ Năm tuần sau ở Dubai." Nadia lấy một điếu thuốc từ túi xách và đốt lên. "Đối với tôi, sự lựa chọn đã hiển nhiên, ông Allon. Để tiêu hủy mạng lưới, giờ ông phải chặt cái đầu. Nếu không thì tất cả các ông, sẽ lại tìm cách làm thế nào để phá vỡ một mạng lưới *mới* trong một hay hai năm nữa."

Gabriel nhìn thẳng vào Shamron mà không nói. Cuối cùng, Shamron gật đầu, ra dấu rất kín đáo và thúc cùi chỏ vào Gabriel xúi ông nói.

"Chúng tôi nói láo để kiếm ăn," Gabriel lại nhìn Nadia và nói, "nhưng chúng tôi xem mình là người chịu trách nhiệm về lời nói của mình. Vì mục đích này, chúng tôi đã hứa với cô và chúng tôi muốn giữ lời hứa."

"Lời hứa gì vậy?"

"Chúng tôi đã yêu cầu cô giúp chúng tôi rót tiền vào mạng lưới khủng bố. Nhưng chúng tôi chưa bao giờ yêu cầu cô nhận diện kẻ sát nhân mặt đối mặt."

"Tình thế đã thay đổi."

"Nhưng cam kết của chúng tôi với cô thì không."

Nadia phả một làn khói mỏng lên trần nhà và mỉm cười. "Sự quan tâm của ông đối với an toàn của tôi rất đáng khâm phục, nhưng nó hoàn toàn không bảo đảm. Như ông biết, tôi là một trong những công dân được bảo vệ chặt chẽ nhất trên thế giới. Khi tôi ở trên mảnh đất Dubai, tôi sẽ được một đội rất đông cận vệ bao vây trong suốt thời gian. Họ sẽ khám xét bất cứ căn phòng nào mà tôi vào và lục soát toàn thân bất cứ ai đến gặp tôi. Tôi là người phù hợp hoàn hảo cho công việc này, vì không có điều gì có thể gây tổn hại cho tôi."

Gabriel lại liếc nhìn về phía Shamron lần nữa. Một lần nữa, Shamron trả lời bằng một cái gật đầu.

"Chúng tôi không chỉ quan tâm đến sự an toàn cho thân thể cô," Gabriel nói. "Chúng tôi cũng phải chú ý đến cảm xúc và tâm lý của cô. Có người cho rằng việc đánh đổi đồng bọn mình vì tiền là chuyện bình thường, hoặc vì thù hằn, hoặc vì lý do đặc biệt hoặc cả chục lý do khác tôi có thể nêu ra. Và có những người khác thấy đây là một kinh nghiệm đau thương ảnh hưởng đến họ sâu sắc nhiều năm sau."

"Tôi không xem những kẻ khủng bố thánh chiến là thành viên của cộng đồng hoặc tín ngưỡng của tôi, cũng như họ không xem tôi là một thành viên trong cộng đồng của họ. Ngoài ra chẳng phải là ông đã sử dụng tiền của tôi để xác định danh tính và bắt giữ hơn sáu mươi kẻ bị nghi ngờ là khủng bố sao?" Nadia ngừng lại rồi tiếp, "Xin thứ lỗi, ông Allon, nhưng tôi nghĩ là ông đang phân biệt mà không nêu ra sự khác biệt."

Gabriel nghiêng về phía trước, thu ngắn khoảng cách giữa ông và nhân viên của ông. Ông không muốn có hiểu lầm, không ngộ nhận và triệt để không lạc lối.

“Cô có hiểu chuyện gì sẽ xảy ra với người đàn ông này nếu hắn chính là người chúng ta đang tìm không?”

“Tôi không nghĩ là ông cần hỏi một câu hỏi như vậy.”

“Cô có thể sống với một ký ức như vậy không?”

“Tôi đã có thể sống được.” Nadia cố mỉm cười. “Ngoài ra như ông biết, ông Allon, không có gì tồn tại mãi mãi.”

Gabriel nghiêng người về phía sau và ngắm bàn tay mình một lúc. Lần này ông không màng nhìn Shamron để được hướng dẫn nữa. Quyết định là của ông và chỉ mình ông.

“Chúng tôi cần thời gian để chuẩn bị cho cô.”

Nadia rút một quyển sổ bằng da từ túi xách ra và nhìn lịch trình của cô. “Ngày mai tôi sẽ ở Moscow, Prague ngày tiếp theo và Stockholm ngày tiếp theo đó.”

“Cuối tuần của cô thì sao?”

“Tôi dự tính đi Casablanca để hưởng chút ánh nắng mặt trời.”

“Chúng tôi cần cô hủy chuyến du lịch này.”

“Tôi sẽ nghĩ về điều đó,” Nadia cứng đầu nói. “Nhưng tôi rảnh vào trưa nay.”

Gabriel cầm lấy tập hồ sơ từ tay Uzi Navot. Bên trong là tấm hình mới nhất của Malik al-Zubair, cùng với một số hình minh họa xử lý qua vi tính. Gabriel rải ra thành hàng trên bàn.

“Đây là người đàn ông có thể hoặc không thể đến gặp cô thứ Năm tuần sau tại khách sạn Burj Al Arab ở Dubai,” Gabriel nói và chỉ tay vào tấm hình cũ. Tay ông di chuyển trên những tấm ảnh minh họa. “Trên hình này, hắn tăng thêm gần mười kilogram. Hình này hắn để râu. Hình này không để râu, mà để ria mép. Cái này có vết

sẹo trên trán do cầu nguyện. Tấm này không có. Tấm này đeo kính. Tấm này tóc ngắn. Tóc dài. Tóc muối tiêu. Không có tóc…”

53

KHU TRUNG TÂM THÀNH PHỐ, LONDON

Tờ *Financial Journal* của London đã mất đi nhiều sự vẻ vang từ khi thuộc về Viktor Orlow, một người Nga, thành viên của một tập đoàn đầu sỏ chính trị, nhưng đồng thời cũng gây ra một chấn động trong Khu Trung tâm thành phố vào sáng hôm sau khi đăng tin tòa cao ốc hám lợi của Roger & Cressey đang tập hợp những hồ sơ để thực hiện một dự án quan trọng ở Dubai. Câu chuyện đạt thêm một cái đà khi Zoe Reed của CNBC báo cáo rằng dự án được AAB Holdings, công ty đầu tư Ả Rập dưới quyền kiểm soát của người thừa kế ẩn dật, Nadia al-Bakari, cấp vốn một phần. Khi được phỏng vấn tại Paris, Yvette Dubois, nữ phát ngôn viên ít kinh nghiệm đưa ra một cuốn sách phổ thông về "phủ nhận với tính cách không phủ nhận" nhưng ở London vào tối đó, đèn sáng rất trễ tại văn phòng R&C ở đường Cannon. Những quan sát viên kỳ cựu của công ty không ngạc nhiên. Họ nói rằng R&C luôn luôn làm những việc tốt nhất của họ trong bóng tối.

Nếu họ được biết riêng những gì xảy ra trong những phòng họp, những đường dây điện thoại mật, thì họ đã nghe được một thứ ngôn ngữ hoàn toàn không giống bất cứ thứ ngôn ngữ nào khác được nói trong thế giới kinh doanh. Nguồn gốc của ngôn ngữ này có thể bắt nguồn từ vụ thảm sát ở thế vận hội Munich tháng Chín 1972 và từ những vụ trả thù bí mật xảy ra sau đó. Thế giới đã thay đổi

nhiều từ đó, nhưng những nguyên tắc cất giữ trong những loạt ám sát là bất khả xâm phạm. *Aleph, Bet, Ayin, Qoph:* bốn từ trong chữ cái tiếng Do Thái. Bốn quy luật hành động vô tận và bền lâu như người đã viết ra bốn từ đó.

Đối với một vài phòng ban của văn phòng R&C, ông là Herr Heller. Nhưng một khi ông vào trong phòng dành cho Gabriel và đội của ông, Herr Heller là Ari, hoặc là Ông Già, hoặc *Memuneh*, tiếng Do Thái có nghĩa là "người phụ trách". Nhờ vào một mớ giấy tờ có chữ ký của Uzi Navot, trên danh nghĩa Shamron là chỉ huy của chiến dịch, nhưng vì những lý do thực tế, ông nhường lại trách nhiệm lập kế hoạch và điều hành cho Gabriel và người có khả năng làm phó của ông, Eli Lavon, sự nhượng bộ này không khó đối với Shamron. Gabriel và Lavon chia sẻ phương pháp của Shamron cùng với bản năng cơ bản và nỗi lo lắng sâu sắc của ông. Nghe họ nói nghĩa là nghe giọng của *Memuneh*. Và quan sát họ tỉ mỉ lập kế hoạch cho cái chết của một con quái vật như Malik nghĩa là nhìn thấy Shamron ở thời gian xuất sắc nhất của cuộc đời ông ta.

Vì nhiều lý do, chiến dịch là một trong những chiến dịch khó nhất mà Gabriel và đội của ông đã từng đảm nhận. Tính cách thù nghịch của môi trường chỉ là một chướng ngại vật. Họ không biết chắc chắn là mục tiêu có ở đó hoặc nếu hắn xuất hiện họ có cơ hội giết hắn mà không bị lộ hay không. Cũng như Adrian Carter, Gabriel không chấp nhận trò chơi may rủi. Do đó, ngày đầu tiên khi lên kế hoạch, Gabriel đã vạch ra một ranh giới không được vượt qua. Họ phải để tình huống cảm tử cho kẻ thù. Nếu con mồi của họ không thể bị bắt mà không gây rủi ro cho bên đi săn, thì họ phải bám sát hắn và đợi một dịp khác. Và trong bất cứ tình huống nào, họ chỉ được bắn nếu

họ chắc chắn không một thoáng nghi ngờ nào rằng người đàn ông họ đang ngắm vào là Malik al-Zubair.

Họ làm việc suốt ngày đêm để loại trừ càng nhiều biến số khác càng tốt. Bộ phận Quản lý nhà của Văn phòng chịu trách nhiệm về sự ăn ở an toàn, đã bảo đảm sắp xếp ba căn hộ ở Dubai trong khi bộ phận Vận tải đã bố trí sáu chiếc xe hơi và xe mô tô ở nhiều điểm xung quanh thành phố. Đại lộ King Saul cũng đã tạo ra nơi ẩn náu hợp lý có tên gọi là *Neptune*, một tàu chở hàng đăng ký của Liberia, thật ra là một trạm ra-đa thả nổi và nghe trộm do AMAN, cơ quan tình báo quân đội của Israel, điều hành. Đội của Sayeret Matkal ở trên tàu. Đây là một đội biệt động quân có thể thực hiện dàn quân bằng đường biển nhanh chóng. Navot đã tốn rất nhiều tiền để đảm bảo cho con tàu hoạt động và ông đã nói rõ ràng là chỉ sử dụng con tàu như một phương cách cuối cùng. Cả người Mỹ và người Anh đều không biết sự tồn tại của con tàu, vì thế *Neptune* tha hồ thu lượm những tín hiệu lưu thông của Anh-Mỹ trên sóng radio của vịnh Ba Tư.

Nhưng nguồn gốc mối lo ngại hàng đầu trong những ngày gấp rút chuẩn bị xoay quanh sự an toàn cho tài sản của họ, Nadia al-Bakari. Một lần nữa, Gabriel lại đặt ra những giới hạn không thay đổi. Thời gian Nadia ở Dubai sẽ nhanh chóng và được biên kịch cao độ. Nadia sẽ luôn luôn được bao quanh bởi hai vòng cận vệ – vòng thứ nhất là đám cận vệ của cô, vòng thứ hai là những cận vệ do cơ quan tình báo cung cấp. Sau cuộc họp ở Burj Al Arab, Nadia sẽ quay lại sân bay và lên máy bay ngay. Lúc đó, nhóm an ninh ngầm của cơ quan sẽ biến đi và Nadia lại được giao phó cho sự chăm sóc của chính người của cô.

Họ đều biết là thời gian chuẩn bị cho Nadia có giới hạn. Sau khi đồng ý hủy chuyến đi đến Maroc, Nadia đã quay lại London vào thứ Bảy để dự một buổi tiệc tối thân mật ở ngôi nhà hiện đại Mayfair của Fowler, nơi mà thức ăn không được dùng đến. Vào Chủ nhật, Nadia đến Milan để dự một buổi biểu diễn thời trang quan trọng, nhưng cô cố trở về đường Cannon vào thứ Hai cho buổi chỉ dẫn cuối cùng. Phần cuối cùng, họ đưa cho cô một túi xách Prada, một bộ quần áo Chanel và đồng hồ đeo tay Harry Winston. Túi xách đựng một máy phát sóng giấu rất kỹ. Máy phát sóng này có thể phát sóng an toàn trong vòng năm kilomet. Một máy phát dự phòng được khâu vào bộ quần áo Chanel, cùng với hai máy theo dõi GPS thu nhỏ. Một máy theo dõi thứ ba được giấu trong đồng hồ Harry Winston. Đây cũng là cái đồng hồ mà bố của Nadia đã cho Sarah năm năm trước đây như một khích lệ đã đến làm việc cho ông. Một thợ kim hoàn, do bộ phận Định danh thuê, đã đánh bóng những chữ gốc khắc trên đồng hồ và thay thế bằng dòng chữ *To the future, Thomas*. Mắt Nadia long lanh khi cô đọc. Khi rời đi, cách cô ôm Gabriel rõ ràng làm Shamron khó chịu.

"Anh có điều gì muốn nói với tôi về cô gái của chúng ta không?" Shamron hỏi Gabriel khi họ đứng trên cửa sổ nhìn Nadia lên xe.

"Cô ta là một trong những người phụ nữ khác thường nhất mà tôi từng gặp. Và nếu như có điều gì làm tổn hại cho cô ta, tôi sẽ không bao giờ tự tha thứ cho mình."

"Bây giờ hãy nói cho tôi điều mà tôi *chưa* biết," Shamron nói.

"Cô ta biết ai giết bố mình. Và cô ta tha lỗi cho kẻ đó."

Họ đinh ninh là kẻ thù đang quan sát và những người bạn của họ đang nghe và họ đảm đương công việc cho tương thích. Phần nhiều

thời gian, họ cố thủ trong những văn phòng của Rogers & Cressey ở đường Cannon, những nhân viên người Anh phụ trách công việc lặt vặt bên ngoài, những người này không dính líu gì đến chiến dịch. Shamron dành phần nhiều thời gian ở tầng nhà của Văn phòng ở đường Bayswater. MI5 biết cơ sở tình báo này. Mỗi ngày một lần, Gabriel ghé qua để đi dạo với ông trên những lối đi của khu vườn Kensington. Ngày cuối cùng ở London, những người Anh đi theo họ, người Mỹ cũng vậy.

"Tôi đã luôn muốn chỉ mình tôi làm công việc tàn sát," Shamron rầu rĩ nhìn những người canh giữ đi theo họ dọc theo Long Water và nói. "Tôi ngạc nhiên là bạn ông, ngài tổng thống, không cố đến Liên Hợp Quốc để giải quyết vấn đề."

"Tôi đã cố ngăn ông làm điều đó."

"Ông *đã* nói gì với tổng thống?"

"Adrian Carter," Gabriel nói. "Tôi đã nói với tổng thống rằng chúng tôi chỉ đảm nhiệm vụ Malik nếu bộ Tư pháp chuyển việc điều tra của họ cho Adrian điều hành cuộc chiến chống khủng bố."

"Ông ta có đồng ý không?"

"Ông ta có vẻ muốn giấu chuyện này nhưng tôi chắc chắn là ông ta đồng ý. Ông ta cũng đồng ý yêu cầu thứ hai của tôi."

"Là yêu cầu gì?"

"Yêu cầu ông ta đuổi James McKenna trước khi ông ấy làm cho tất cả chúng ta bị giết."

"Chúng ta luôn nghĩ rằng không thể tách rời tổng thống và McKenna."

"Ở Washington, không có hai người nào là không có thể tách rời được."

Shamron đã bắt đầu tỏ vẻ mệt. Họ đi đến khu vườn Ý và ngồi trên ghế dài nhìn đài phun nước. Shamron không che giấu sự bực mình. Ông không quan tâm đến những công trình nước cũng như những trò giải trí khác.

"Anh nên biết là những nỗ lực của anh đã cho chúng tôi những vốn chính trị với người Mỹ rất giá trị," ông nói. "Tối qua, bộ trưởng bộ Ngoại giao đã lặng lẽ đồng ý với tất cả những điều kiện của chúng tôi để tiếp tục tiến trình đàm phán hòa bình với Palestine. Bà ta cũng gợi ý là tổng thống có thể muốn thăm Jerusalem trong một tương lai gần. Chúng tôi nghĩ rằng chuyện này sẽ xảy ra *trước* lần bầu cử tiếp."

"Đừng đánh giá ông ta thấp."

"Chưa bao giờ," Shamron nói. "Nhưng tôi không chắc là tôi muốn ở địa vị ông ta. Sự kiện lớn của cuộc Thức tỉnh Ả Rập đã xảy ra và được kiểm soát và những hoạt động của ông ấy giúp xác định Trung Đông có ngả về phía những người như Nadia al-Bakari hay những thánh chiến như Rashid al-Husseini." Shamron ngừng lại rồi tiếp. "Tôi sẽ thừa nhận mặc dù tôi không biết sẽ xảy ra chuyện gì. Tôi chỉ biết rằng giết một người như Malik sẽ làm cho những tác động về phát triển và gương mẫu đạo đức dễ xảy ra hơn."

"Ông đang định nói là tương lai của Trung Đông hoàn toàn phụ thuộc vào kết quả chiến dịch của tôi à?"

"Có lẽ là tôi hơi quá phóng đại," Shamron nói. "Và tôi luôn luôn cố gắng tránh những gì thổi phồng quá mức."

"Trừ phi khi nào thích hợp với mục đích của ông."

Shamron hơi mỉm cười và mồi một điếu thuốc Thổ Nhĩ Kỳ. "Anh có nghĩ đến ai sẽ là người tuyên án Malik không?"

"Xét về tất cả những khả năng thì chính Malik sẽ đưa ra quyết định."

"Đây chỉ là một trong những điều của chiến dịch này mà tôi không quan tâm." Shamron hút thuốc trong im lặng một lúc. "Tôi biết là anh luôn luôn thích chung cuộc sẽ là súng, nhưng trong trường hợp này, kim chích là một lựa chọn tốt hơn nhiều. Ám sát mà gây tiếng động sẽ chỉ làm cho anh và đội của anh khó khăn thoát ra thôi, cho hắn một liều suxamethonium chloride vừa đủ, hắn chỉ cảm thấy như đinh ghim chích thôi và hắn sẽ thấy khó thở khi bắt đầu bị tê liệt, chỉ trong vài phút hắn sẽ chết. Và các anh sẽ lên một máy bay tư nhân ở sân bay."

"Suxamethonium có một điểm chung với một viên đạn," Gabriel nói. "Nó sẽ nằm trong thân thể nạn nhân lâu sau khi anh ta chết. Cuối cùng, pháp y ở Dubai sẽ tìm ra và cảnh sát sẽ có thể sắp xếp những sự kiện lại với nhau và tìm ra chính xác chuyện gì đã xảy ra."

"Đó là cái giá mà chúng ta phải trả khi chúng ta hành động trong những khách sạn tân tiến, cố làm hết sức để tránh cho camera thấy mặt. Nếu gương mặt anh mà lại xuất hiện trên báo một lần nữa thì quay về cuộc sống thường nhật sẽ rắc rối." Shamron không nói gì và quan sát Gabriel một lúc. "Đây là điều mà anh mong muốn *phải không*?"

Gabriel không trả lời. Shamron thả điếu thuốc xuống đất và gí gót giày xuống để dụi.

"Anh không thể bắt lỗi tôi vì hành động trong những khách sạn tân tiến," Shamron nói.

"Tôi sẽ thất vọng nếu ông không làm."

"Thật ra lần này tôi lại mong là câu trả lời của anh sẽ khác."

"Tại sao?"

"Bởi vì anh đã cho phép vợ anh đến Dubai."

"Tôi không có sự lựa chọn. Cô ấy đã nài nỉ."

"Anh bảo tổng thống Hoa Kỳ đuổi một trong những người thân cận nhất của ông ta, nhưng anh lại bằng lòng chiều theo tối hậu thư của vợ anh sao?" Shamron gật đầu và nói, "Có lẽ tôi phải chọn *vợ anh* là giám đốc kế tiếp của Văn phòng."

"Vậy hãy chọn Bella Navot làm cấp phó của cô ấy đi."

"Bella à?" Shamron mỉm cười. "Thế giới Ả Rập sẽ rung chuyển."

Mười phút sau, họ rời cổng Lancaster, Shamron quay về tầng an toàn của Văn phòng trong khi Gabriel đi về phía sân bay Heathrow. Khi đến sân bay, ông là Roland Devereaux, trước kia ở Grenoble, Pháp, sau này sang Quebec, Canada. Gabriel có hộ chiếu của một người đi du lịch quá nhiều với điệu bộ phù hợp. Sau khi làm thủ tục check-in và kiểm tra hộ chiếu, Gabriel được nhân viên MI5 hộ tống đến khu vực dành cho hành khách hạng nhất của hãng hàng không British Airways. Gabriel tìm một chỗ yên tĩnh xa khu vực có rượu trên máy bay và xem tin tức trên ti vi. Chán nản vì chương trình tranh luận thiếu thông tin về mối đe dọa hiện nay của khủng bố, Gabriel mở máy tính xách tay và bằng trí nhớ, phác thảo ra hình ảnh một phụ nữ trẻ đẹp với mái tóc đen. Đó là chân dung một phụ nữ không che mạng, Gabriel nghĩ. Chân dung một gián điệp.

Ông xé bức phác thảo thành những mảnh nhỏ khi sắp lên máy bay và vứt những mảnh giấy vào ba thùng rác khác nhau khi ông

bước vào cổng. Sau khi ngồi vào ghế, ông kiểm tra e-mail lần cuối. Gabriel nhận được nhiều e-mail; tất cả đều giả trừ một cái. E-mail từ một phụ nữ không tên nói rằng cô luôn yêu ông. Tắt chiếc điện thoại BlackBerry, Gabriel cảm thấy hoảng loạn khác thường. Rồi ông nhắm mắt và lược lại kế hoạch của chiến dịch một lần nữa.

54

DUBAI

Palm Jumeirah là hòn đảo nhân tạo lớn nhất thế giới, có hình dáng một cây dừa với những lá nằm trải trên dòng nước lờ lững của vùng Vịnh, đang lún xuống từ từ dưới sức nặng của những ngôi biệt thự xa hoa chưa bán được. Trong khách sạn khổng lồ màu hồng ở đỉnh của hòn đảo, một cơn mưa nhẹ rơi xuống sàn bằng đá cẩm thạch của hành lang dài. Gần giống như tất cả mọi thứ ở Dubai, cơn mưa là nhân tạo. Tuy nhiên, trong trường hợp này cơn mưa là ngoài ý muốn; trần nhà có một vết nứt và rò rỉ. Thay vì sửa lại, ban quản lý đã chọn cách dùng một bảng nhỏ màu vàng để lưu ý khách hàng mà rất ít người chú ý đến để đi đứng cẩn thận.

Tiếp tục lên phía bờ biển, ở khu vực tài chính, có nhiều chứng tích của sự không may đã xảy ra cho thành phố tự trị. Những cần cẩu xây dựng trước đây đã từng là biểu tượng của phép lạ kinh tế của Dubai, nay hiện ra lờ mờ và bất động bên những dãy văn phòng và những căn hộ chung cư mới hoàn tất một nửa. Những trung tâm thương mại sang trọng nhưng gần như vắng khách và có những lời đồn về những người châu Âu thất nghiệp nằm ngủ trên những cồn cát của sa mạc. Nhiều người đã chạy trốn khỏi tiểu vương quốc hơn là đối mặt với viễn cảnh ở lại trong nhà tù ô nhục của con nợ. Tại một nơi, khoảng ba ngàn chiếc xe vô chủ nằm chật cứng ở bãi đậu xe của sân bay. Những mảnh giấy viết vội vã nguệch ngoạc xin lỗi

chủ nợ được dán vào vài kính xe. Ở Dubai, một chiếc xe cũ gần như không có giá trị. Nạn kẹt xe, trước đây là một vấn đề, nay hầu như chưa từng nghe thấy.

Người Thống trị vẫn còn nhìn xuống lãnh địa của mình từ vô số bảng thông báo nhưng trong những ngày này, nét mặt của ông có vẻ hơi buồn. Kế hoạch biến một cảng đánh cá không hoạt động thành một trung tâm thương mại, tài chính và du lịch toàn cầu đã bị một núi nợ nghiền nát. Giấc mơ Dubai hóa ra là không bền vững. Thêm vào đó, việc thực hiện giấc mơ đó cũng đã nảy sinh một thảm họa sinh thái. Người dân ở Dubai là người có vết carbon* lớn nhất trên thế giới. Họ tiêu thụ nhiều nước hơn bất cứ ai trên hành tinh, tất cả nước từ những nhà máy lọc nước biển chạy bằng điện, số lượng tiêu thụ điện không kể xiết được sử dụng để làm lạnh nhà, văn phòng, hồ bơi và khu vực trượt tuyết nhân tạo. Chỉ những công nhân nước ngoài mới làm việc không có máy điều hòa. Họ làm việc cực nhọc dưới ánh nắng gay gắt – trong một vài trường hợp có thể hơn mười sáu tiếng một ngày – và sống trong những căn nhà dành cho công nhân bẩn thỉu đầy rẫy ruồi, ngay cả đến một cây quạt cũng không có. Vì cuộc sống quá bất hạnh cho nên cả trăm người đã chọn cách tự tử mỗi năm, sự việc này cả Người Thống trị và những đối tác kinh doanh đều từ chối xác nhận.

Đối với những công dân bị mê hoặc của Dubai, cuộc sống không thể tốt hơn nữa. Chính phủ thanh toán cho chăm sóc sức khỏe, nhà ở và giáo dục và bảo đảm công ăn việc làm suốt đời – để họ không chỉ trích Người Thống trị. Cha ông của họ đã sống nhờ vào sữa lạc đà và trái chà là; bây giờ thì một đạo quân công nhân ngoại quốc nắm quyền kinh tế và chiều theo mọi ý thích và nhu cầu của họ. Những công nhân ngoại quốc ngạo mạn lang thang trong thành phố

trong những bộ đồ truyền thống trắng tinh của Ả Rập *kandoura* và khăn choàng đầu. Vài người ngoại quốc không bao giờ nói với nhau. Nhưng khi họ nói, thì cuộc trao đổi không mấy thoải mái.

Trong cộng đồng những người ngoại quốc cũng có một tôn ti nghiêm ngặt. Những người Anh và những người ngoại quốc sung túc khác sống ẩn dật trong những khu sang trọng của Satwa và Jumeirah trong khi số còn lại của thế giới đang phát triển phần đông sống phía bên kia Lạch Dubai, trong khu vực cũ được biết dưới tên Deira. Đi tản bộ trên những con đường và quảng trường của khu Deira giống như đi qua nhiều đất nước khác nhau – đây là một tỉnh của Ấn Độ, kia là một ngôi làng của Pakistan và đây là một góc của Tehran hoặc Moscow. Mỗi cộng đồng đã mang đến một chút gì đó từ quê nhà họ. Từ Nga là án mạng và đàn bà, cả hai có thể được tìm thấy rất nhiều ở Odessa, một vũ trường và một quầy rượu ở không xa Gold Souk lắm. Gabriel ngồi một mình trên một băng ghế dài trong bóng tối gần phía sau, sát cùi chỏ của ông là một ly vodka. Ở bàn bên cạnh, một người Anh có gương mặt đỏ đang mơn trớn một cô gái lang thang gầy ốm nhà quê nước Nga. Gabriel không quan tâm đến cả hai cô gái. Ông có cái nhìn của một người chỉ đến để xem.

Tuy nhiên không phải là trường hợp của người đàn ông Nga gầy ốm tóc vàng vào quán Odessa một vài phút sau nửa đêm, với những cử chỉ thu hút sự chú ý. Anh ta đi vơ vẩn đến quầy rượu để vỗ vào hai tấm lưng có hình dáng đẹp trước khi tiến đến bàn của Gabriel. Một trong những cô gái ngay tức thì định đến ngồi với họ, nhưng người Nga gầy ốm xua bàn tay dài và xanh đuổi cô đi. Anh ta gọi một ly vodka khi cô phục vụ đến và một ly khác cho bạn anh ta.

“Uống một thứ gì đi,” Mikhail nói. “Nếu không chẳng ai nghĩ ông là người Nga chính gốc.”

“Tôi không muốn làm người Nga.”

“Tôi cũng không muốn. Đó là lý do tôi chuyển qua Israel.”

“Tôi có bị theo dõi từ khách sạn của tôi không?”

Mikhail lắc đầu.

Gabriel đổ ly vodka vào giữa hai cái gối của ghế và nói, “Chúng ta đi thôi.”

Mikhail chỉ nói tiếng Nga khi họ đi bộ về căn hộ chung cư gần Corniche. Tòa nhà theo phong cách điển hình của vùng Vịnh. Đó là một dãy nhà bốn tầng với vài khu vực đậu xe ở tầng trệt, cầu thang có mùi đậu và thì là, giống như tầng trên cùng. Có một bếp hai lò trong bếp và một ghế sofa giường trong phòng khách. Cát sa mạc bao phủ mọi nơi. “Hàng xóm từ Bangladesh tới,” Mikhail nói. “Có ít nhất mười hai người ở đây. Họ ngủ theo ca. Một ai đó phải nói cho thế giới biết cách mà những người này được đối xử thực sự ở đây.”

“Hãy để cho một người khác nói điều đó thay vì là anh, Mikhail.”

“Tôi à? Tôi chỉ là một thanh niên làm việc cho một công ty ở Moscow cố tìm cách làm giàu ở thành phố của vàng.”

“Dường như anh đến không đúng lúc.”

“Không đùa chứ,” Mikhail nói. “Vài năm trước đây, chỗ này bơi trong tiền. Bọn mafia người Nga đã dùng cách buôn bán bất động sản để rửa tiền. Họ mua căn hộ và biệt thự rồi một tuần sau đó bán

đi. Bây giờ, ngay cả những cô gái ở Odessa cũng cố xoay xở cho đủ sống."

"Tôi chắc chắn là bằng cách nào đó họ sẽ thu xếp được."

Mikhail lấy một va li từ tủ duy nhất trong phòng ra và tháo mấy cái chốt. Bên trong là tám khẩu súng – bốn khẩu Beretta và bốn khẩu Glocks. Mỗi khẩu đều có ống giảm thanh tương ứng.

"Mấy khẩu Beretta là chín," Mikhail nói. "Còn mấy khẩu Glocks là bốn mươi lăm. Vật 'chặn' bia người. Sức công phá của chúng tạo ra những lỗ lớn, gây nhiều tiếng động ngay cả khi có ống giảm thanh. Tuy nhiên, vũ khí này không gây một tiếng động nào hết."

Anh ta mở khóa kéo của một túi mỹ phẩm. Bên trong là những kim tiêm và nhiều lọ thuốc dán nhãn INSULIN. Gabriel lấy hai kim tiêm và hai lọ thuốc rồi nhét chúng vào túi áo khoác.

"Còn súng thì sao?" Mikhail hỏi.

"Ở Burj Al Arab phản đối súng."

Mikhail đưa khẩu Beretta cùng với một băng đạn đầy ắp. Gabriel nhét vào thắt lưng và hỏi, "Bộ phận Vận tải cung cấp cho chúng ta loại xe nào?"

"BMW và Toyota Land Cruiser, con tàu mới của sa mạc. Nếu chúng ta quyết định kẻ cộng sự của Yemen là Malik, chúng ta phải không có bất cứ vấn đề gì để theo đuôi hắn khi hắn rời khách sạn. Đây không phải là Cairo hay Gaza. Đường sá ở đây thẳng và rộng. Nếu hắn đi về phía một trong những tiểu vương quốc thì chúng ta có thể đi theo. Nhưng nếu hắn chạy về phía Ả Rập, chúng tôi phải hạ hắn trước khi hắn đến biên giới. Điều này có thể rắc rối."

"Tôi muốn tránh một cuộc đấu súng trên sa mạc, nếu có khả năng xảy ra."

"Tôi cũng vậy. Ai biết được? Với một chút may mắn, hắn sẽ quyết định dành thời gian ở lại trong căn hộ ở Jumeirah Beach, chúng ta sẽ cho hắn một liều thuốc giúp hắn ngủ và rồi…" Mikhail hạ thấp giọng. "Này, cuộc sống ở khu Burj như thế nào?"

"Thì như anh nghĩ về một thế giới chỉ có khách sạn bảy sao."

"Tôi mong rằng ông đã tận hưởng," Mikhail nói một cách tức giận.

"Nếu anh nghe tôi, thì bây giờ anh đã đang sống ở Mỹ với Sarah rồi."

"Rồi làm gì?"

Gabriel im lặng một lúc, cuối cùng ông nói. "Không quá muộn, Mikhail, vì một vài lý do cô ta vẫn yêu anh. Ngay cả một thằng điên như anh cũng thực sự nhìn thấy điều đó."

"Đối với chúng tôi sẽ không đi đến đâu cả."

"Tại sao?" Gabriel nhìn xung quanh căn hộ nhỏ bẩn thỉu. "Bởi vì anh muốn sống như thế này sao?"

"Ông là người có thể nói chuyện được," Mikhail đóng va li và để lại vào tủ. "Cô ta có yêu cầu ông nói gì không?"

"Cô ta sẽ giết tôi nếu cô ta biết."

"Cô ta *đã* nói gì với ông?"

"Rằng anh đã đối xử không phải," Gabriel ngừng rồi tiếp, "Một điều gì mà anh thề sẽ không làm."

"Tôi không đối xử tệ với cô ta, Gabriel. Tôi chỉ…"

"Quậy tưng ở Thụy Sĩ."

Mikhail không trả lời.

"Khi mọi việc kết thúc, hãy nghĩ đến mình một chút đi," Gabriel nói. "Tìm một cái cớ để đi Mỹ. Dành thời gian với cô ta. Nếu có ai

trên thế gian này biết anh đã phải trải qua những gì thì người đó là Sarah Bancroft. Đừng để vuột mất cô ta. Cô ấy là người đặc biệt."

Mikhail mỉm cười buồn bã, theo cách mà những thanh niên luôn cười vào sự điên rồ của người già và nói. "Ông về khách sạn đi, cố gắng ngủ và chắc chắn là phải giấu những lọ thuốc này ở chỗ mà mấy cô phục vụ phòng không thể tìm ra. Thị trường chợ đen về thuốc ăn cắp rất lớn. Tôi không muốn xảy ra một tai nạn đau thương."

"Còn lời khuyên nào nữa không?"

"Đón taxi về Burj. Họ lái xe tệ hơn là chúng tôi. Chỉ có người nghèo và người muốn tự tử mới đi bộ ở Dubai."

Trái với lời khuyên của Mikhail, Gabriel đi bộ qua những ngõ hẻm đông người của Deira về bờ kè của Lạch Dubai. Không xa souk là một trạm *abra*. Đây là phiên bản Dubai của *traghetto* ở Venise, một phà nhỏ, chở khách đi đi về về từ phía này của nhánh sông qua phía bên kia. Trên phà, Gabriel bắt chuyện với một người đàn ông có vẻ mệt mỏi ở những vùng ven của Pakistan. Người đàn ông đến Dubai để trốn tránh Taliban và al-Qaeda và mong kiếm được đủ tiền để gửi về cho vợ và bốn đứa con. Cho đến giờ, ông ta chỉ có thể kiếm được những công việc kỳ quặc để có thể nuôi sống chính bản thân, nói gì đến việc nuôi sống một gia đình sáu người.

Khi họ xuống phà, Gabriel nhét nhanh năm trăm dirham vào túi quần lùng thùng của người đàn ông. Sau đó ông ngừng lại một quán mở suốt đêm để lấy tờ báo *Khaleej Times*, tờ báo bằng tiếng Anh của Dubai. Ở trang đầu là bài viết về chuyến viếng thăm sắp đến

của Nadia al-Bakari, chủ tịch của AAB Holdings. Gabriel kẹp tờ báo dưới cánh tay, đi một quãng trước khi vẫy một chiếc taxi. Mikhail đã đúng, Gabriel nghĩ khi leo lên ghế sau của xe taxi. Chỉ có kẻ nghèo và kẻ muốn tự tử mới đi bộ ở Dubai.

55

SÂN BAY QUỐC TẾ DUBAI

Hoàng tử, bộ trưởng bộ Tài chính chói lọi trong áo dát vàng và pha lê, đứng ở cuối đường băng dưới ánh nắng mặt trời. Mười vị thứ trưởng ăn mặc giống nhau đứng phía bên phải ông ta và bên phải họ đám phóng viên vẻ chán nản đang đi lang thang. Những bộ trưởng và nhóm phóng viên sắp tiến hành một tập tục được giữ gìn lâu đời ở vương quốc Ả Rập Sunni của vùng Vịnh: đến sân bay. Trong một thế giới không có truyền thống về tự do báo cáo, đến sân bay và rời sân bay được xem như là cực điểm của báo chí. Nhìn các quan chức cao cấp đáp xuống và nhìn các quan chức cao cấp bay đi sau những cuộc nói chuyện có tính chất xây dựng được mô tả là ôn hòa. Trong những trường hợp này, sự thật ít khi được nói ra và giới báo chí bất lực không bao giờ dám báo cáo lại. Buổi lễ hôm nay sẽ như là một dấu mốc, trong vài phút nữa, ngay cả những hoàng tử cũng sẽ bị lừa dối.

Chiếc máy bay đầu tiên xuất hiện ngay sau mười hai giờ trưa như một vệt bạc trắng lóe sáng bên trên đám mây bụi màu hồng của vùng hoang mạc Empty Quarter ở Ả Rập Saudi. Trên máy bay có một trùm tư bản người Anh, Thomas Fowler. Ông ta hoàn toàn không phải người Anh, thật ra ông không có một đồng xu dính túi. Ông ta bước xuống thang máy bay cùng với vợ ông, nhưng thật ra không phải là vợ và với ba nữ phụ tá biết nhiều về khủng bố Hồi

giáo hơn là về kinh doanh và tài chính. Một người làm việc cho CIA trong khi hai người phụ nữ kia làm việc cho Cơ quan Tình báo Israel. Đội cận vệ cũng là nhân viên của Cơ quan Tình báo Israel, mặc dù họ mang hộ chiếu công dân Úc và New Zealand.

Ông trùm tư bản tiến về phía ngài bộ trưởng, tay đưa ra như đang cầm lưỡi lê. Tay ngài bộ trưởng đưa ra một cách lười biếng từ dưới lớp quần áo, mười vị thứ trưởng cũng làm như vậy. Sau khi hoàn thành những thủ tục cần thiết, ông trùm tư bản người Anh được hộ tống đến chỗ nhà báo để đọc một lời tuyên bố ngắn. Ông ta không cần dùng đến những ghi chép, nhưng lời tuyên bố của ông ta nhiều uy quyền và nhiệt huyết. Ông tuyên bố rằng sự suy thoái kinh tế của Dubai đã chấm dứt. Bây giờ là lúc tiếp tục tiến bước về tương lai. Thế giới Ả Rập đang thay đổi từng phút. Và chỉ có Dubai – một Dubai cấp tiến, khoan dung và ổn định mới có thể dẫn đường cho họ.

Phần tuyên bố cuối cùng không được hưởng ứng xứng đáng bởi báo chí vì bị át đi bởi tiếng hạ cánh của một máy bay thứ hai – một chiếc Boeing Business Jet dán logo của AAB Holdings từ Riyadh và Paris. Đoàn tùy tùng nhanh chóng tràn ra từ khoang phía trước máy bay tương phản với đoàn của ông trùm tư bản người Anh. Công ty luật Abdul & Abdul ra đầu tiên. Sau đó là Herr Wehrli, người Thụy Sĩ phụ trách chi phí. Rồi Daoud Hamza và Rahimah, con gái ông theo sau. Sau Rahimah là hai cận vệ, rồi đến Mansur, trưởng phòng Du lịch luôn bận rộn của AAB và Hassan, trưởng phòng IT và thông tin liên lạc.

Cuối cùng, sau vài giây, Nadia al-Bakari bước ra cửa cùng với cận vệ của cô, Rafiq al-Kamal đi sau cô một bước. Nadia mặc một chiếc áo choàng đen không đính cườm trải dài trên thân thể như một áo

dự tiệc cùng một chiếc khăn quàng đầu bằng lụa để lộ tất cả gương mặt của cô và nhiều phần của mái tóc bóng. Lần này là ngài bộ trưởng tiến lên trước, ông ta đinh ninh rằng lời chào mừng của mình mang tính riêng tư, nhưng ông đã lầm vì chiếc BlackBerry của Nadia và máy phát sóng cất giấu trong túi xách thời trang Prada đã thu nhận và phát về một cách an toàn cho tầng bốn mươi của khách sạn Burj Al Arab, nơi mà Gabriel và Eli Lavon đang căng thẳng ngồi trước máy vi tính của họ.

Nghi lễ đón tiếp hoàn tất, ngài bộ trưởng làm một cử chỉ khinh khi về phía những phóng viên, nhưng người thừa kế nổi tiếng sống ẩn dật khước từ và đi về phía xe limousine. Tới lúc đó, ngài bộ trưởng đề nghị Nadia đi cùng xe với ông. Sau khi hội ý nhanh với Rafiq al-Kamal, Nadia lên phía sau của xe ngài bộ trưởng – sự kiện này được phát cho toàn đất nước, ba mươi phút sau, trên ti vi Dubai. Gabriel gửi một e-mail bí mật cho Adrian Carter ở Rashidistan, thông báo cho ông là Nadia al-Bakari đã an toàn đáp xuống đất. Nhưng lần này cô ta không một mình. Nadia đang ở cạnh bộ trưởng Tài chính. Và Nadia dẫn đầu trên tin tức buổi trưa.

Mảnh đất không có gì nhiều để xem – một hồ vài mẫu muối và cát ở ngay trên bãi biển cạnh Palm Jumeirah. Một công ty Ý đã khởi công xây dựng một khu nghỉ mát thông thường vài năm trước nhưng đã phải dời đi khi tài chính đổ vào như nước trên sa mạc. Công ty cổ phần AAB Holdings và đối tác Anh Quốc, công ty đầu tư bóc lột Rogers & Cressey, muốn khôi phục lại dự án, mặc dù kế hoạch của họ chỉ là thông thường. Khách sạn cao tầng sẽ sang trọng hơn Burj

Al Arab, trung tâm thể dục thể hình và sân tennis sẽ được trang bị tốt nhất trên thế giới và hồ bơi sẽ đáp ứng những mong đợi vừa về kiến trúc vừa về môi trường. Những đầu bếp hàng đầu sẽ điều hành nhà hàng và những nhà tạo mẫu nổi tiếng thế giới sẽ đảm nhận những tiệm làm tóc. Những nhà chung cư sẽ được khởi công với số tiền tương đương ba trăm triệu đô la. Dãy cửa hàng bên ngoài sẽ biến trung tâm mua sắm của tiểu vương quốc thành những khu thương mại phục vụ giới bình dân.

Tác động đối với nền kinh tế lao đao của Dubai hứa hẹn sẽ rất lớn. Theo chính dự đoán của AAB, sự phát triển hàng năm sẽ đổ hơn hàng trăm triệu đô la vào nền kinh tế của Dubai. Trong một thời gian ngắn, sự phát triển này sẽ phát ra một tín hiệu rõ ràng cho phần còn lại của cộng đồng tài chính toàn cầu về việc tiểu vương quốc lại một lần nữa mở cửa để kinh doanh. Đó là lý do mà ngài bộ trưởng tỏ vẻ nuốt từng lời của Nadia khi cô đi vòng quanh khu vực, tay cầm kế hoạch chi tiết, đầu đội nón bảo hộ lao động trong công trường. Nadia đã thận trọng phác họa ra một hình ảnh. Thế giới Hồi giáo sẽ không còn áp bức hơn nửa dân số của mình đơn giản tùy theo giới tính nữa. Chỉ khi nào người Ả Rập đối xử với phụ nữ như ngang hàng thì họ mới lấy lại được sự vinh quang trước đây.

Sau khi rời công trường, phái đoàn tiến về những văn phòng trang trí lộng lẫy của ngài bộ trưởng để thảo luận về gói khích lệ mà Dubai đang đề nghị để kết thúc giao dịch. Vào cuối buổi họp, Nadia được đưa đến cung điện để nói chuyện riêng với Người Thống trị, sau đó cô bắt tay vào cái được gọi là một phần riêng tư của lịch trình làm việc của mình. Cô tham gia bữa trà với những thành viên của Diễn đàn nữ doanh nhân Dubai, sau đó viếng thăm một trường nữ Hồi giáo và đi tham quan trại công nhân di trú ở Sonapur. Xúc

động đến rơi lệ vì điều kiện khủng khiếp, cô phá tan sự im lặng trước công chúng bằng sự kêu gọi chính quyền và giới kinh doanh áp dụng tiêu chuẩn tối thiểu về lương bổng và đối xử với công nhân di trú. Cô cũng hứa cho hai mươi triệu đô la từ tiền của mình để giúp xây dựng một trại mới ở Sonapur và những tòa nhà cho công nhân có gắn máy điều hòa, nước máy và những phương tiện giải trí vui chơi cơ bản. Cả truyền hình Dubai lẫn tờ báo *Khaleej Times* đều không dám công bố lời nhận xét. Ngài bộ trưởng đã cảnh cáo họ không được phát và in tin.

Khi Nadia rời trại và quay về Dubai thì cũng đã gần sáu giờ chiều. Trời đã tối khi đoàn xe hộ tống đến khu Jumeirah Beach và hai cánh của con thuyền dhow* nổi tiếng của Burj Al Arab đã được thắp sáng màu đỏ sậm. Giám đốc và nhân viên cao cấp đang đứng đợi bên ngoài cổng khi Nadia ra khỏi xe, gấu áo choàng bị bụi than của Sonapur làm lấm bẩn. Mệt vì một ngày đi du lịch và hội họp từ bình minh ở Paris, Nadia chào mọi người cho có lệ trước khi đi thẳng lên dãy phòng thường nhật của cô trên tầng bốn mươi hai. Hai nhân viên cận vệ đã đứng bên ngoài cửa. Rafiq al-Kamal nhanh chóng kiểm tra phòng trước khi để Nadia vào.

"Cuộc họp cuối cùng trong ngày của tôi sẽ từ chín đến mười, hoặc hơn," vừa tung túi xách Prada lên ghế trong phòng khách, cô vừa nói. "Nói với Mansur đăng ký thời gian đi lúc mười một giờ. Và làm ơn bảo Rahimah đến đúng giờ một lần trong đời. Nếu không, cô ta có thể bay về Paris bằng hãng Air France."

"Có lẽ tôi phải bảo cô ta đến sân bay không trễ hơn mười một giờ ba mươi."

Nadia mỉm cười và nói. "Nghe cũng được, nhưng tôi không nghĩ bố cô ấy sẽ vui vì điều đó."

Al-Kamal có vẻ như chưa thích đi.

"Có chuyện gì vậy?" Nadia hỏi.

Kamal do dự rồi nói. "Hôm nay ở trại…"

"Chuyện gì Rafiq?"

"Không ai can thiệp cho những người khốn cùng này. Đã đến lúc có người lên tiếng. Tôi rất vui người đó là cô." Hắn ngừng lại rồi tiếp, "Và tôi rất hãnh diện đứng bên cạnh cô."

Nadia mỉm cười và nói. "Chín giờ đó, đừng đến trễ."

"Luật của Zizi," Kamal nói.

Nadia gật đầu. "Luật của Zizi."

Còn lại một mình, Nadia thay bộ áo choàng bằng bộ Chanel và bỏ khăn quàng đầu ra. Cô quấn một chiếc khăn choàng thích hợp lên tóc và tuột chiếc đồng hồ Harry Winston ra khỏi tay. Sau đó cô nhìn bộ dạng mình trong gương. *Hãy bám lấy sự thật khi có thể. Nói dối là phương cách cuối cùng.* Sự thật đang nhìn lại cô trong gương, sự lừa dối ở trong phòng kế bên. Nadia mở cánh cửa liên thông qua dãy phòng bên và gõ hai lần. Cánh cửa mở ra ngay. Người đàn bà xuất hiện sau cánh cửa có thể hoặc không có thể là Sarah Bancroft, cô để ngón tay lên môi và lặng lẽ kéo Nadia vào trong.

56

KHÁCH SẠN BURJ AL ARAB, DUBAI

Căn phòng thượng hạng được đăng ký dưới tên của Thomas Fowler cho nên đầy rừng hoa chúc mừng, đĩa kẹo Ả Rập, chai Dom Pérignon chưa khui để trong xô đá đã tan. Người nhận được sự hào phóng này đang đi từng bước trong phòng khách lòe loẹt, xem xét tỉ mỉ những chi tiết cuối cùng của mảnh đất và diễn tiến của giao dịch mà thực sự ông không có ý định thực hiện. Cứ mỗi giây là một nhân viên của Fowler lại đặt một câu hỏi hoặc lại nói liến láu một vài con số khuyến khích – tất cả nhằm đánh lạc hướng những micro của Người Thống trị cất giấu trong phòng. Không một nhân viên nào quan tâm đến sự hiện diện của Nadia, cũng như họ không nghĩ việc Sarah bỗng nhiên kéo Nadia vào phòng tắm. Trong khu vực dùng để trang điểm, một căn lều được dựng trên một cấu trúc làm bằng vật liệu phủ bạc. Sarah lấy chiếc điện thoại BlackBerry trước khi mở nắp ra. Gabriel đã ngồi bên trong căn lều, ông ra hiệu cho Nadia ngồi xuống cái ghế trống.

"Một căn lều trong phòng tắm," Nadia vừa mỉm cười vừa nói. "Ông thật giống dân Ả Rập du cư."

"Không chỉ mình cô là đến từ sa mạc."

Lộ vẻ ngạc nhiên, Nadia nhìn xung quanh bên trong.

"Cái gì đây?"

"Chúng tôi gọi nó là *chuppah*. Nó cho chúng ta nói chuyện tự do trong những căn phòng bị đặt máy nghe lén."

"Tôi có thể có một cái khi chúng ta đã xong việc không?"

Gabriel mỉm cười. "Tôi e rằng không."

Nadia sờ vào miếng vải. Nó giống như bằng kim loại.

"Có phải *chuppah* được dùng trong những đám cưới Do Thái không?"

"Chúng tôi thề nguyện dưới cái *chuppah*. Điều này rất quan trọng đối với chúng tôi."

"Vậy thì đây là tiệc cưới của chúng ta à?" vừa sờ miếng vải, Nadia vừa hỏi.

"Tôi đã nói cho chúng ta rồi. Ngoài ra, tôi đã trịnh trọng thề nguyện với cô trong ngôi nhà bên ngoài Paris."

Nadia để tay lên vạt áo. "Kịch bản hôm nay là một tác phẩm nghệ thuật," cô nói. "Tôi chỉ mong tôi đã dốc hết tài năng của mình."

"Cô rất giỏi, Nadia. Nhưng màn trình diễn ở Sonapur khá đắt."

"Hai mươi triệu đô la cho một trại mới? Đó là điều ít nhất tôi có thể làm cho họ."

"Tôi sẽ bảo CIA trả lại tiền nhé?"

"Để tôi trả," cô nói.

Gabriel nhìn bộ đồ Chanel của cô. "Bộ quần áo này rất hợp với cô."

"Đẹp hơn là những bộ tôi may đo."

"Chúng tôi là những thợ may có trình độ cao. Bộ quần áo này có thể làm mọi thứ trừ việc mặc trong buổi họp với một con quái vật

tay vấy máu. Vì vậy chúng tôi cần cô." Gabriel ngừng lại rồi nói. "Cơ hội cuối cùng, Nadia."

"Để rút lui?"

"Chúng tôi không nghĩ như vậy. Và không ai trong chúng tôi lại coi thường cô."

"Tôi không vi phạm cam kết, ông Allon – không vi phạm nữa. Vả lại, cả hai ta đều biết bây giờ sẽ không còn thời gian để suy nghĩ khác đi." Nadia nhìn chiếc đồng hồ đeo tay Harry Winston. "Thật ra, tôi đang chờ cú điện thoại của ông chủ ngân hàng bất cứ lúc nào. Cho nên nếu ông còn lời khuyên nào khác…"

"Hãy nhớ cô là ai Nadia. Cô là con gái của Zizi al-Bakari, hậu duệ của Wahhab. Không ai bảo cô phải đi đâu, hoặc phải làm gì. Và không một ai có thể thay đổi kế hoạch. Nếu họ cố gắng thay đổi kế hoạch thì cô bảo họ là cuộc họp đã kết thúc. Sau đó cô gọi cho Mansur và bảo anh ta chuyển thời gian bay lên sớm hơn. Cô đã rõ chưa?"

Nadia gật đầu.

"Chúng tôi nghĩ rằng cuộc họp sẽ diễn ra ở một căn phòng cao cấp hơn là một nơi công cộng trong khách sạn. Cô phải làm cho Samir nói số phòng trước khi cô rời hành lang. Điều này rất quan trọng. Cô phải nài nỉ cho bằng được. Và nếu hắn cố tình lẩm bẩm, cô hãy lặp lại đủ to để chúng tôi nghe thấy. Cô hiểu chứ?"

Nadia lại gật đầu.

"Chúng tôi sẽ cố gắng cho một người vào cùng thang máy với cô, nhưng anh ta phải ra khỏi thang máy ở một tầng khác. Sau đó, cô sẽ hoàn toàn ra khỏi tầm tay chúng tôi và Rafiq sẽ là người bảo vệ duy nhất của cô. Cô không được vào phòng mà không có ông ta

dưới bất cứ tình huống nào. Đây là một điều cấm kỵ khác. Nếu họ cố gắng thuyết phục cô vào phòng một mình, cô phải rời phòng ngay. Nếu mọi thứ suôn sẻ, hãy vào phòng và bắt đầu cuộc họp. Đây không phải một buổi tụ tập xã hội hoặc một cuộc tranh luận chính trị. Đây là một cuộc giao dịch kinh doanh. Cô lắng nghe những gì hắn phải nói, cô nói với hắn những gì hắn muốn nghe và rồi cô sẽ ra sân bay. Máy bay của cô là thuyền cứu sinh của cô. Và giờ khởi hành mười một giờ là một cách để giữ cho mọi việc tiến triển. Vào lúc mười giờ, cô…"

"Ra khỏi cửa," cô nói.

Gabriel gật đầu. "Hãy nhớ quy ước của chiếc điện thoại BlackBerry. Bằng lòng tắt điện thoại của cô là một cách biểu lộ ý chí tốt của cô. Hãy yêu cầu chúng tắt điện thoại và tháo thẻ SIM ra. Nếu chúng từ chối hoặc nói rằng điều đó không cần thiết, thì đừng lập ra một ranh giới. Không quan trọng đâu."

"Những máy ghi âm lén ở đâu?"

"Máy ghi âm nào?"

"Thôi đi ông Allon, đừng giả vờ nữa."

Gabriel đập vào một phía túi xách Prada và hất đầu về phía trước của bộ quần áo Chanel. "Có thể chúng sẽ bảo cô để túi xách ở một phòng khác. Nếu vậy, hãy đồng ý không do dự. Chúng sẽ không có cách nào tìm ra cái gì được giấu trong túi xách đâu."

"Và nếu chúng bảo tôi thay quần áo."

"Chúng là những chiến binh thần thánh, chúng không dám đâu."

"Ông sẽ bị ngạc nhiên." Nadia nhìn xuống eo của cô.

"Đừng bận tâm tìm máy nghe lén. Chúng sẽ không bao giờ tìm ra đâu. Chúng tôi còn có thể giấu một máy quay trong quần áo của cô

nữa, nhưng vì sự an toàn của cô, chúng tôi không chọn phương án này."

"Như vậy ông sẽ không thể nhìn thấy những gì xảy ra trong phòng?"

"Một khi cô tắt chiếc BlackBerry, chúng tôi sẽ không thấy gì nữa. Điều đó có nghĩa là cô là người duy nhất biết hắn trông ra sao. Nếu an toàn – và *chỉ* nếu an toàn – hãy gọi cho tôi sau cuộc họp và nói cho tôi biết một điều gì đó về hình dáng của hắn. Chỉ một ít chi tiết. Sau đó cúp máy và ra sân bay. Chúng tôi sẽ theo cô lâu đến chừng nào có thể."

"Rồi sau đó?"

"Cô về nhà ở Paris và hãy quên sự tồn tại của chúng tôi."

"Một cách nào đó, tôi không nghĩ là sẽ làm được điều đó."

"Sẽ không khó như cô nghĩ đâu." Gabriel nắm hai tay Nadia. "Rất vinh dự được làm việc cùng với cô, Nadia. Đừng nghĩ sai, nhưng tôi mong rằng chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa sau đêm nay."

"Tôi sẽ không mong một điều như vậy." Nadia nhìn đồng hồ, chiếc đồng hồ mà bố cô đã tặng cho Sarah và nhận thấy là đã chín giờ ba phút. "Hắn ta đến trễ," cô nói. "Bệnh của người Ả Rập."

"Chúng tôi đã cho đồng hồ chạy nhanh để cho cô ráng chờ thêm."

"Thật ra là mấy giờ?" Nadia hỏi, nhưng trước khi Gabriel có thể trả lời, chiếc BlackBerry bắt đầu reo. Đã đúng chín giờ. Đã đến giờ Nadia phải đi.

57

LANGLEY, VIRGINIA

Trong sự nghiệp lâu dài của Ari Shamron, điều gây ngạc nhiên là ông hầu như không làm việc ở Langley, chiến công mà ông xem là một trong những thành tựu lớn nhất của ông. Do đó, dự đoán là ông sẽ hoảng sợ khi biết rằng Uzi Navot đã đồng ý thiết lập bộ chỉ huy của ông ở trung tâm chiến dịch Rashidistan của Langley. Đối với Shamron, việc chấp nhận lời mời của người Mỹ, một tội lỗi chủ yếu trong thế giới tình báo là thừa nhận sự yếu kém, nhưng Navot lại nhìn vấn đề trong những điều kiện thực dụng hơn. Người Mỹ không phải là kẻ thù – ít nhất là tối nay – và những khả năng kỹ thuật của họ có quá nhiều giá trị để không nên từ chối chỉ vì tự ái nghề nghiệp.

Qua một nhượng bộ nhỏ với Shamron, Rashidistan được gỡ bỏ khỏi những gì không cần thiết và không chuyên, chỉ để lại một số lượng người nòng cốt dạn dày và ngoan cố. Vào lúc 9 giờ tối giờ Dubai, hầu hết mọi người đang ngồi xung quanh hộp máy truyền tin ở giữa phòng, nơi mà Shamron, Navot và Adrian Carter đang chăm chú vào bản truyền tin mật mới nhất từ đội Burj Al Arab. Bản truyền tin cho biết Nadia đang đi về phía hành lang, cùng với viên an ninh thân cận Rafiq al-Kamal đi cạnh cô. Ba vị phụ trách tổ chức gián điệp biết rằng thông điệp đã bị những sự kiện dưới đất che khuất khi họ đang lắng nghe Nadia và al-Kamal đang đi qua sân trong cao

180 mét của Burj. Nguồn của âm thanh là chiếc điện thoại ngụy trang BlackBerry của Nadia giấu bên trong túi xách Prada cũng ngụy trang.

Lúc 9:04 giờ địa phương, thiết bị thu được một cuộc đối thoại ngắn giữa Nadia và ông chủ ngân hàng của cô, Samir Abbas. Vì cuộc đối thoại bằng tiếng Ả Rập thông dụng nên Carter không hiểu. Tuy nhiên đó không phải là trường hợp của Navot và Shamron.

"Sao rồi?" Carter hỏi.

"Cô ta sẽ lên lầu để gặp một người nào đó," Navot nói. "Dù cho đó là Malik al-Zubair hay Nobody al-Nobody thì cũng cần được nhìn thấy."

"Các ông có thể nghe được số phòng không?"

Navot gật đầu.

"Chúng ta có cho Gabriel biết không?"

"Không cần thiết."

"Anh ta cũng nghe thấy à?"

"Nghe rõ mồn một."

Cửa thang máy mở ra không một tiếng động. Nadia cho phép Abbas và al-Kamal ra hành lang trước, trước khi cô bước sát theo họ. Thật kỳ lạ, Nadia không cảm thấy một điều gì đó như sự sợ hãi, mà chỉ là sự quyết tâm. Nó giống một cách lạ kỳ với sự kiên quyết mà cô đã cảm nhận vào buổi họp kinh doanh quan trọng đầu tiên sau khi củng cố lại sự kiểm soát của cô đối với AAB Holdings. Đã có nhiều thành viên trong nhóm của bố Nadia âm thầm hy vọng cô sẽ thất

bại – và một số ít thật ra đang âm mưu chống lại Nadia – nhưng Nadia đã xoay xở để gây ngạc nhiên cho tất cả bọn họ. Khi liên quan đến việc kinh doanh, Nadia đã chứng tỏ rằng cô không thua gì bố cô. Giờ thì cô sẽ phải ngang tầm với bố cô trong một phần của cuộc đời mà ông ta chưa bao giờ được đề cập đến trong tạp chí *Forbes* và *Wall Street Journal*. Nadia tự nhủ với chính mình, chỉ vài phút thôi. Tất cả sẽ chỉ trong vài phút. Một vài phút ở một trong những khách sạn an toàn nhất thế giới và tên quái vật với bàn tay nhuốm máu của hàng ngàn sinh mạng sẽ được thực thi công lý mà hắn phải gánh chịu.

Abbas ngừng trước phòng 1437 và gõ cửa giống như tiếng gõ nhẹ nhàng mà Esmeralda đã làm mỗi sáng trước phòng Nadia. Hoàn toàn vô tình, bỗng dưng Nadia lại nghĩ đến chiếc đồng hồ Thomas Tompion đặt ở bàn đầu giường của cô và đến những tấm hình của bố cô để trong khung bạc. Không một bức hình nào bố cô nở nụ cười. Khi đứng chờ cửa mở, Nadia quyết định cuối cùng cô sẽ đem đồng hồ đi sửa. Cô cũng thề sẽ vứt bỏ những tấm hình đi. Cô nghĩ, sau đêm nay, sự giả vờ sẽ đến hồi kết thúc. Thời gian của cô trên trái đất có giới hạn và cô không mong kết thúc những ngày cuối cùng của cô bên dưới ngọn lửa thánh chiến *juhayman* của một tên sát nhân.

Khi Abbas gõ lần thứ hai, cánh cửa mở ra một nửa cho thấy một người đàn ông vai rộng, mặc áo choàng dài *kandoura* màu trắng và khăn choàng đầu của người Ả Rập. Hắn đeo kính màu gọng vàng và một bộ râu tỉa gọn gàng với những mảng xám xung quanh cằm. Ở giữa trán là một vết thâm *zebiba* rất rõ nét giống như vừa mới tấy lên. Hắn không giống bất cứ những hình nào mà Nadia được nhìn thấy ở London.

Người mặc áo choàng dài mở cửa rộng hơn một chút và đưa mắt mời Nadia vào. Hắn cho phép Rafiq al-Kamal vào theo, nhưng bảo Abbas quay lại hành lang. Người mặc áo choàng có giọng nói của người ở vùng thượng Ai Cập. Phía sau hắn là hai người đàn ông mặc áo choàng trắng và đội khăn trên đầu sạch sẽ như mới. Họ cũng đeo kính gọng vàng và có râu lốm đốm xám được tỉa gọn gàng. Khi cánh cửa được đóng lại, gã Ai Cập đưa tay lên tai và nói nhẹ nhàng, "Vui lòng cho tôi điện thoại của cô."

Nadia lấy chiếc BlackBerry từ túi ra và đưa cho hắn. Gã Ai Cập đưa ngay chiếc điện thoại cho một trong hai bản sao của y, gã này vô hiệu hóa thiết bị một cách nhanh nhẹn cho thấy tài khéo léo về kỹ thuật.

"Giờ tới phiên điện thoại của ông," Nadia nói một cách rõ ràng. Cô hất đầu về phía hai người đàn ông kia và tiếp, "Của họ nữa."

Rõ ràng là gã đàn ông Ai Cập có vai rộng không quen bị phụ nữ nói kiểu này ngoại trừ bằng cách khép nép. Hắn nhìn về phía hai tên đồng nghiệp và gật đầu bảo họ vô hiệu hóa điện thoại. Không phản đối, họ làm theo.

"Chúng ta xong chưa?" Nadia hỏi.

"Điện thoại của cận vệ của cô," hắn nói. "Và túi xách của cô."

"Túi xách của tôi có vấn đề gì?"

"Chúng tôi sẽ thoải mái hơn nếu cô để nó ở cạnh cửa. Tôi bảo đảm là những vật quý giá của cô sẽ an toàn."

Nadia tuột túi xách ra khỏi vai biểu lộ giống như cô đã kiên nhẫn quá mức. "Chúng ta không có cả đêm đâu người anh em. Nếu ông muốn yêu cầu tôi đóng góp nữa, tôi đề nghị chúng ta nên bắt tay vào việc đi."

"Xin cô thứ lỗi, cô al-Bakari, nhưng kẻ thù của chúng ta có tài nguyên kỹ thuật rộng lớn. Chắc chắn một phụ nữ như cô biết chuyện gì có thể xảy ra khi chúng ta bất cẩn."

Nadia nhìn al-Kamal. Al-Kamal trả lời cô bằng cách đưa điện thoại.

"Tôi được biết là cô muốn có sự hiện diện của cận vệ của cô trong buổi họp," gã Ai Cập nói.

"Không," Nadia nói, "Tôi *yêu cầu* điều đó."

"Cô tin anh ta à?" gã Ai Cập liếc về phía al-Kamal và trả lời.

"Bằng cả mạng sống tôi."

"Tốt," hắn nói. "Vui lòng đi hướng này."

Nadia theo ba người đàn ông mặc áo choàng dài vào phòng khách của dãy phòng, ở đó đã có hai người đàn ông nữa mặc quần áo Ả Rập đang đợi trong ánh sáng chập chờn. Một người ngồi ở ghế dài, đang xem bài tường thuật của vụ đánh bom gần nhất tại Pakistan ở Al Jazeera. Người kia đang chiêm ngưỡng quang cảnh của những tòa nhà chọc trời dọc theo đường Sheikh Zayed. Hắn từ từ quay người lại, giống như bức tượng bên trên một chân cột và đánh giá Nadia một cách chu đáo qua cặp kính gọng vàng. Hắn không nói lời nào. Nadia cũng vậy. Thật ra, vào lúc đó, cô không chắc là mình có thể nói gì.

"Có vấn đề gì không, cô al-Bakari?" hắn hỏi bằng giọng Ả Rập miền Jordan.

"Ông rất giống một người đã từng làm việc cho bố tôi," Nadia trả lời không do dự.

Hắn im lặng một lúc lâu. Cuối cùng hắn nhìn màn hình ti vi và nói. "Cô vừa bỏ lỡ mất bản tin chiều. Cô đã có một ngày bận rộn. Tôi ngợi khen cô, cô al-Bakari. Bố cô cũng sẽ hành động như vậy. Tôi nghe nói là ông ta luôn rất khéo léo khi pha trộn kinh doanh hợp pháp với bố thí thiện nguyện *zakat*."

"Ông ấy đã dạy tôi điều đó rất tốt."

"Cô có thực sự có ý định xây nó không?"

"Khu nghỉ mát à?" Nadia nhún vai có vẻ lưỡng lự. "Điều cuối cùng mà Dubai cần ngay bây giờ là một khách sạn khác."

"Đặc biệt là một khách sạn phục vụ rượu và cho phép những người ngoại quốc say rượu nửa trần truồng đi trên bãi biển."

Nadia không trả lời mà chỉ nhìn những người đàn ông còn lại trong phòng.

"Đây chỉ là một biện pháp cẩn thận của tôi thôi, cô al-Bakari. Những bức tường có mắt cũng như có tai."

"Rất có hiệu quả," Nadia nhìn thẳng vào mặt người đàn ông và nói. "Ông chưa cho tôi biết tên."

"Cô có thể gọi tôi là ông Darwish."

"Thời gian của tôi có hạn, ông Darwish."

"Một tiếng, theo như những đồng nghiệp của tôi cho biết."

"Thật ra là năm mươi lăm phút," vừa nhìn đồng hồ, Nadia vừa nói.

"Công ty của chúng tôi vừa trải qua một sự thất bại."

"Tôi có đọc được tin này."

"Chúng tôi cần thêm tài trợ để xây dựng lại."

"Tôi đã cho các ông bảy triệu bảng rồi."

"Tôi e rằng, gần như tất cả số tiền đó đã bị đóng băng hoặc bị chiếm lĩnh. Nếu chúng tôi phải xây dựng lại tổ chức, đặc biệt là ở phương Tây, chúng tôi cần được tiếp tế thêm vốn mới."

"Tại sao tôi phải thưởng cho sự bất tài của các ông?"

"Tôi có thể bảo đảm với cô, cô al-Bakari, rằng chúng tôi đã rút được bài học từ những sai lầm."

"Ông đang có kế hoạch thay đổi gì?"

"An ninh tốt hơn, cùng với một kế hoạch xông xáo hơn để tấn công trực tiếp những đối thủ của chúng tôi."

"Kế hoạch bành trướng?" Nadia hỏi.

"Nếu không phát triển thì sẽ chết, cô al-Bakari."

"Tôi đang lắng nghe đây, ông Darwish."

Khi điện thoại BlackBerry của Nadia được vô hiệu hóa và túi xách của cô để trên sàn của phòng ngoài, sóng truyền từ phòng họp đến phòng 1437 được cung cấp hoàn toàn bởi quần áo của Nadia. Mặc dù máy phát được khâu trong đường may chỉ có tấm phát rất ngắn, nhưng cũng quá đủ để phát tín hiệu rõ ràng đến bốn mươi lăm tầng của cùng tòa nhà. Đằng sau cánh cửa khóa hai lớp và được đồ đạc chặn lại, Gabriel và Eli Lavon đợi máy tính cung cấp tên thật của người đàn ông tự xưng mình là ông Darwish.

Vào những giây phút đầu tiên, phần mềm nhận dạng giọng nói của buổi họp báo không tương xứng để so sánh. Nhưng khi ông Darwish bắt đầu nói về tiền thì phần mềm đã có thể bắt đầu nhanh chóng so sánh một mẫu giọng nói của ông Darwish với những gì đã

nghe trộm được trước đây. Gabriel rất tự tin về kết quả mà những máy tính sắp đưa ra. Thật ra, ông gần như không chắc lắm về điều đó. Kẻ sát nhân đã ký tên, không phải bằng giọng nói của hắn, nhưng với bốn con số. Đó là những con số của căn phòng diễn ra buổi họp. Gabriel không cần phải làm toán cộng, trừ, nhân những con số này, hoặc sắp xếp lại thứ tự. Gabriel chỉ cần hoán đổi những con số của đồng hồ hai mươi bốn giờ với đồng hồ mười hai tiếng: 1437 giờ là 2:37 chiều, thời gian mà Farid Khan đã kích nổ quả bom tại Covent Garden.

Năm phút sau khi Nadia vào dãy phòng cao cấp, máy tính đưa ra lời phán quyết. Gabriel đưa radio lên và hướng dẫn cho đội bắt đầu thực hiện bản án. Hắn là Malik, Gabriel nói. Và cầu xin Chúa thương xót tất cả bọn họ.

58

KHÁCH SẠN BURJ AL ARAB, DUBAI

Người Nga gầy gò đến quầy lễ tân ba mươi giây sau. Anh ta có khuôn mặt xương và tái, cặp mắt màu xanh như tảng băng. Hộ chiếu Mỹ cũng như thẻ American Express của anh ta mang tên Anthony Colvin. Anh gõ ngón tay lên quầy trong khi đợi cô lễ tân xinh đẹp người Philippines tìm thông tin đặt phòng của mình. Anh ta đang áp chiếc điện thoại vào tai như thể cuộc đời của anh ta phụ thuộc vào nó.

"Đây rồi," cô lễ tân người Philippines nói. "Chúng ta có một căn hộ cao cấp một phòng ngủ ở tầng hai mươi chín, cho ba đêm. Đúng không ông Colvin?"

Hạ chiếc điện thoại xuống, anh ta nói. "Nếu cô không phiền, tôi đang tìm một phòng ở tầng mười bốn."

"Tầng hai mươi chín có vẻ tốt hơn."

"Vợ chồng tôi đã hưởng tuần trăng mật ở tầng mười bốn. Chúng tôi muốn ở lại đó một lần nữa. Vì lý do tình cảm," anh ta tiếp. "Chắc chắn cô hiểu."

Cô ta không hiểu. Cô lễ tân người Philippines làm việc theo ca mười hai tiếng và chia sẻ một căn hộ một phòng với tám cô gái khác ở Deira. Cuộc sống tình cảm của cô gồm cả việc tránh né những nhóm người say mèm và những kẻ hiếp dâm nghĩ sai lệch là cô làm

ngoài giờ ở Dubai bằng nghề bán dâm. Cô gõ vài phím của dàn máy điện toán và nở một nụ cười giả dối.

"Thật ra," cô ta nói, "chúng tôi có một số phòng sẵn sàng ở tầng mười bốn. Ông có nhớ căn phòng mà vợ chồng ông đã ở trong tuần trăng mật không?"

"Tôi chắc là phòng 1437," anh ta nói.

Cô lễ tân có vẻ chưng hửng. "Không may là hiện giờ phòng này đã có khách, thưa ông Colvin. Tuy nhiên, phòng thượng hạng bên cạnh trống và phòng đối diện cũng vậy."

"Tôi sẽ lấy căn phòng thượng hạng đối diện."

"Căn phòng thượng hạng đó hơi đắt hơn."

"Không có vấn đề gì," người đàn ông Nga nói.

"Tôi cần hộ chiếu của vợ ông."

"Ngày mai cô ấy sẽ đến."

"Vậy ông vui lòng nói bà ghé quầy khi bà đến."

"Việc đầu tiên cô ấy sẽ làm khi đến," anh ta nói.

"Ông có cần người phụ đem hành lý lên không?"

"Tôi có thể tự xoay xở, cảm ơn."

Cô lễ tân đưa cho anh ta chìa khóa điện tử của phòng và chỉ về phía thang máy tương ứng của tầng. Như đã nói, căn phòng ở đối diện phòng 1437. Khi vào phòng, anh ta bật ngay tín hiệu 'Xin đừng làm phiền' và khóa hai lần cánh cửa phòng. Sau đó anh ta mở va li. Bên trong là một ít quần áo có mùi đậu và thì là. Còn có một khẩu Beretta 9mm, một khẩu Glock 45, hai kim tiêm, hai lọ suxamethonium chloride, một máy tính xách tay và một ống dài ở đầu có gắn máy ảnh có thể điều chỉnh độ phân giải cao. Anh lắp

máy ảnh ở dưới cửa và nối dây với máy tính. Sau khi điều chỉnh góc nhìn, anh ta cho suxamethonium chloride vào hai ống chích và nạp đạn vào súng. Anh ta ngồi vào máy tính và chờ.

Trong bốn mươi lăm phút tiếp theo, anh ta được nhìn quang cảnh của Burj Al Arab không được thấy trên trang web hoặc trên tờ quảng cáo bằng giấy bóng của khách sạn. Bộ phận khu vực ẩm thực bận rộn. Nữ phục vụ phòng mệt mỏi. Một cô giữ trẻ người Ethiopia cầm tay một đứa bé đang kích động. Một doanh nhân người Úc cặp tay với một gái làng chơi người Ukraine. Cuối cùng, đúng mười giờ, anh ta thấy một phụ nữ Ả Rập đẹp đứng trước cửa phòng 1437, theo sau là một người cận vệ rất cảnh giác. Khi người phụ nữ và gã cận vệ đã vào trong, một người đàn ông vai rộng nghiêng ra ngoài cửa và nhìn hai phía của hành lang. Áo choàng trắng *kandoura* và khăn choàng đầu. Kính màu gọng vàng. Bộ râu tỉa gọn gàng lốm đốm xám xung quanh cằm. Người đàn ông người Nga lấy khẩu Glock, ống hãm thanh và lặng lẽ nạp đạn.

59

KHÁCH SẠN BURJ AL ARAB, DUBAI

Không phải Gabriel và đội của ông đảm nhận việc hộ tống Nadia al-Bakari rời Burj Al Arab, mà do Mansur, trưởng phòng Du lịch công ty AAB phụ trách. Không có tư trang để thu thập, vì Mansur đích thân đảm nhận. Cũng không có hóa đơn nào phải thanh toán vì tất cả đã được chuyển cho trụ sở AAB tại Paris. Những gì Nadia phải làm là đi ra bãi xe của Burj, nơi đã có xe của cô đợi ở cổng trước. Sau khi vào xe cô yêu cầu tài xế và Rafiq al-Kamal ra khỏi xe để cô cần có không gian riêng tư. Ngồi một mình trong xe, Nadia gọi cho Gabriel. Số điện thoại của ông đã được lưu trong chiếc BlackBerry của cô. Gabriel trả lời ngay bằng tiếng Ả Rập.

"Hãy nói cho tôi biết trông hắn như thế nào?"

"Áo *kandoura* trắng. Khăn choàng đầu trắng. Mắt kính màu gọng bằng vàng. Bộ râu tỉa gọn gàng lốm đốm xám."

"Cô đã làm rất tốt Nadia. Hãy ra sân bay và về nhà."

"Khoan!" cô nói đột ngột. "Có một điều này nữa tôi cần nói với ông."

Mặc dù Nadia không biết, Gabriel ngồi ở hành lang, giống như một người đến Dubai để làm ăn hơn là giải trí, dĩ nhiên đó là trường hợp mà ông đang đảm nhận. Trên bàn trước mặt ông là máy tính xách tay. Thiết bị tai nghe của điện thoại máng vào tai, thiết bị này cũng là máy phát bí mật. Ông dùng thiết bị này để báo động cho đội ở xa rằng chiến dịch vừa mới gặp vấn đề đầu tiên ngoài dự tính.

Nadia gõ chiếc BlackBerry vào kính và báo cho biết cô đã sẵn sàng đi. Một vài giây sau, khi họ đang đi về phía bờ để nối liền Burj với đất liền, Rafiq al-Kamal hỏi, "Có điều gì tôi cần được biết không?"

"Cuộc họp này chưa bao giờ xảy ra."

"Cuộc họp nào?" gã cận vệ hỏi.

Nadia cố mỉm cười. "Hãy nói với Mansur chúng ta đang trên đường ra sân bay. Hãy nói với ông ta là đưa giờ bay của chúng ta lên sớm hơn nếu được. Tôi muốn quay về Paris sớm hơn."

Al-Kamal rút điện thoại ra và gọi.

"Có lẽ cuối cùng Allah thực sự ở bên cạnh hắn," Adrian Carter nói. Ông có vẻ hoài nghi khi đọc thông tin mà Gabriel truyền về từ Dubai. Bản thông tin nói rằng Malik al-Zubair, bậc thầy khủng bố sắp rời Burj Al Arab cùng với bốn bản sao.

"Tôi sợ rằng Chúa không can dự gì vào chuyện này,"

Navot nói. "Malik đã có những thành viên hợp tác chặt chẽ với nhau chống lại cơ quan tình báo giỏi nhất thế giới từ nhiều năm nay. Hắn biết luật chơi."

Navot nhìn Shamron đang xoay cái bật lửa Zippo cũ bằng những ngón tay, dáng vẻ bồn chồn lo lắng.

Xoay hai lần bên phải, xoay hai lần bên trái.

"Chúng ta có bốn xe bên ngoài khách sạn đó," Navot nói. "Theo quy luật hoạt động của chúng ta, số lượng này đủ để theo dõi *một* xe – bất quá là hai. Nếu năm người đàn ông ăn mặc giống nhau vào năm xe khác nhau…" Ông hạ thấp giọng, "chúng ta phải nghĩ đến việc đưa họ thoát ra khỏi đó đi sếp."

"Chúng ta đã khổ công đưa một đội vào Dubai tối nay, Uzi. Điều tối thiểu chúng ta cần làm là để họ theo dõi đủ lâu để họ có thể nhìn mặt Malik." Ông nhìn thoáng qua dãy đồng hồ đỏ rực treo trên tường của Rashidistan và hỏi, "Tình trạng chuyến bay của Nadia như thế nào rồi?"

"Đã đổ đầy nhiên liệu và sẵn sàng cất cánh. Hiện giờ đoàn tùy tùng của cô ta đang làm thủ tục lên máy bay."

"Và ngôi sao của buổi trình diễn đang ở đâu?"

"Đang đi về hướng đông bắc trên đường Sheikh Zayed với tốc độ bốn mươi sáu dặm một giờ."

"Tôi có thể nhìn thấy cô ta không?"

Carter cầm lấy điện thoại. Một vài giây sau, tín hiệu đèn đỏ xuất hiện trên màn hình theo dõi, tín hiệu đi về phía đông bắc trên bản đồ thành phố Dubai.

Shamron xoay cái bật lửa, dáng vẻ bồn chồn lo lắng khi theo dõi diễn tiến.

Xoay hai lần bên phải, xoay hai lần bên trái.

Hai phút sau khi Nadia rời khách sạn, chiếc Range Rover đầu tiên đi chậm rãi vào lối đi của Burj Al Arab, một chiếc thứ hai xuất hiện chẳng bao lâu sau, tiếp theo là chiếc Mercedes GL và hai chiếc Denali. Gabriel bấm nút trên máy phát bí mật, nhưng Mikhail là người phát sóng đầu tiên.

"Họ đang rời phòng," Mikhail nói.

Gabriel không cần hỏi bao nhiêu người. Câu trả lời ở bên ngoài, đang chờ trên lối đi. Năm chiếc SUV cho năm người đàn ông. Gabriel phải xác định người nào trong năm gã đàn ông là Malik trước khi năm người đàn ông ra khỏi khách sạn. Và chỉ có một cách để biết. Gabriel ra lệnh.

"Có năm người trong bọn họ và một mình tôi," Mikhail trả lời.

"Anh càng nói lâu, chúng ta càng mất cơ hội để tóm hắn." Không nói một lời, Mikhail bấm nút tắt. Gabriel liếc xuống máy tính xách tay để kiểm tra vị trí của Nadia.

Cô đang đi nửa đường đến sân bay.

Mikhail khóa phòng và bước ra hành lang. Khẩu Glock nhét ở thắt lưng đã được lắp ống hãm thanh. Ống chích chứa thuốc nằm trong

túi áo khoác. Mikhail liếc nhanh sang phía bên phải và thấy năm người đàn ông trong áo choàng trắng *kandoura* và khăn choàng đầu đang loanh quanh ở góc chờ thang máy. Mikhail đi đến thang máy một cách bình thường một vài giây nhưng đi nhanh hơn khi nghe tiếng chuông báo hiệu thang máy đã đến. Khi Mikhail đến thì năm người đàn ông bước vào thang máy và cánh cửa lấp lánh vàng của thang máy sắp đóng. Mikhail lách vai vào thang máy, lẩm bẩm một câu xin lỗi và đứng ngay phía trước khi cửa đóng. Trong gương phản chiếu, anh có thể thấy năm người đàn ông giống nhau. Năm bộ râu giống nhau, lốm đốm xám. Năm cặp kính màu có gọng bằng vàng. Năm vết thâm trông như vừa tấy lên. Chỉ có một khác biệt. Bốn người trong bọn nhìn thẳng Mikhail. Người thứ năm dường như đang nhìn xuống giày của hắn.

Malik…

Hai mươi hai tầng phía trên, Samir Abbas, người gây quỹ cho phong trào thánh chiến toàn cầu, đang thực hiện một công việc hợp pháp cho ngân hàng TransArabian thì nghe tiếng gõ cửa. Abbas đang chờ người đến; người Ai Cập đã nói là sẽ gửi người đến khi cuộc họp với Nadia kết thúc. Hóa ra là ông ta không gửi một người mà là hai người đàn ông đến. Họ ăn mặc giống người Ả Rập, nhưng giọng nói cho thấy họ là người Jordan. Abbas cho họ vào không do dự.

"Cuộc họp có tốt đẹp không?" Abbas hỏi.

"Rất tốt," người đàn ông lớn tuổi hơn đáp. "Cô al-Bakari đã đồng ý quyên góp thêm cho lý tưởng của chúng ta. Chúng tôi có một số vấn đề cần thảo luận với ông."

Abbas mời họ vào phòng khách, chỉ khi cảm thấy sợi dây siết cổ, Abbas mới nhận ra sự nhầm lẫn của mình. Không thể thở hoặc thốt lên một âm thanh nào, Abbas cào cấu một cách tuyệt vọng sợi kim loại mỏng đang cắt sâu vào da. Việc thiếu oxy nhanh chóng làm mất sinh lực của Abbas và ông chỉ chống đỡ qua loa khi hai người đàn ông ấn mặt ông xuống sàn. Lúc đó, Abbas cảm thấy có một cái gì khác đang cắt vào cổ, ông mới nhận ra là họ có ý định lấy đầu ông ta. Đây là hình phạt cho những người ngoại đạo, cho kẻ bội giáo và kẻ thù của thánh chiến. Samir Abbas không phải là những thành phần này. Ông ta là người có tín ngưỡng, một chiến sĩ bí mật của quân đội Allah. Nhưng trong một lúc, vì những lý do ông không hiểu, ông có thể là một *shahid*.

Vô cùng thương xót, Abbas sắp ngất. Ông nghĩ đến tiền mà ông cất giấu trong tủ để đồ ăn trong căn hộ ở Zurich và ông mong rằng Johara hay những đứa con ông sẽ tìm ra một ngày nào đó. Và rồi ông cố gắng nằm im và chiều theo thánh ý của Thượng Đế.

Con dao cứa thêm vài nhát hiểm độc nữa. Abbas nhìn thấy một ánh sáng trắng chói lòa bùng nổ và nghĩ rằng đó là ánh sáng của thiên đàng. Sau đó ánh sáng bị dập tắt và rồi không còn gì nữa.

60

KHÁCH SẠN BURJ AL ARAB, DUBAI

Thang máy ngừng hai lần trước khi xuống đến hành lang. Một phụ nữ người Anh mặt rám nắng vào thang máy ở tầng mười một, một doanh nhân người Hoa vào thang máy ở tầng bảy. Mikhail lui vào phía sau nhường chỗ trong thang máy cho những người mới vào. Mikhail đang đứng gần Malik đến độ anh có thể ngửi được mùi cà phê qua hơi thở. Khẩu Glock áp chặt vào xương sống của Mikhail, nhưng điều làm anh bận tâm là ống chích ở túi áo khoác. Mikhail rất muốn ấn kim vào đùi Malik, nhưng thay vì làm vậy, anh nhìn lên trần hoặc đồng hồ đeo tay, hoặc những con số nhấp nháy trên bảng hiển thị trong thang máy – bất cứ đâu trừ gương mặt của kẻ sát nhân đứng gần anh ta. Cuối cùng khi cửa thang máy mở ra lần thứ ba, anh ta theo người phụ nữ Anh và doanh nhân người Hoa về phía quầy rượu.

"Hắn là người thứ hai tính từ phía trái," Mikhail nói vào điện thoại.

"Anh có chắc không?"

"Khá chắc chắn để bắn hắn ngay bây giờ nếu ông bảo tôi thi hành."

"Không phải ở đây."

"Đừng để hắn bỏ đi. Làm ngay bây giờ đi khi chúng ta có cơ hội."

Gabriel tắt máy. Mikhail vào quầy rượu, đếm từ từ đến mười và đi ra.

Gabriel cất máy tính xách tay và giả vờ nói nhanh bằng tiếng Pháp qua điện thoại khi Malik và bốn người bằng hữu của hắn trong áo choàng trắng phất phới, đi qua hành lang. Bên ngoài, họ lo bắt tay, hôn theo nghi thức chào hỏi trước khi tách ra đi về phía những chiếc SUV. Mặc dù đã cải trang từ đầu đến chân, Gabriel không gặp vấn đề gì để theo dõi Malik khi hắn leo lên phía sau một trong những chiếc Denali. Khi năm chiếc xe đã rời khách sạn, hai chiếc Toyota Land Cruiser vào thế chỗ. Mikhail giả vờ tỏ vẻ hơi chán khi đi ngang qua người phục vụ và vào ngồi ghế trước của chiếc Toyota đầu tiên. Gabriel vào chiếc thứ hai. "Thắt dây an toàn vào nhé," Chiara nói khi nàng phóng xe đi. "Những người này lái xe như điên."

Thông tin về Malik đang dưới sự kiểm soát của Văn phòng đến Rashidistan lúc 10:12 tối giờ Dubai. Thông tin này gây ra một sự bùng nổ cảm xúc trong thành viên nòng cốt, trừ đối với ba người phụ trách tổ chức gián điệp tụ tập xung quanh hộp máy truyền tin ở giữa phòng. Đặc biệt Shamron có vẻ buồn phiền khi theo dõi tín hiệu nhấp nháy đang di chuyển dọc theo đường Sheikh Zayed.

"Tôi chợt nghĩ rằng chúng ta không có tin gì của anh bạn Samir Abbas gần đây," ông nói, mắt vẫn theo dõi màn hình. "Chúng ta nên gọi cho hắn từ một số mà hắn có thể nhận ra."

"Ông có nghĩ đến số của ai không?" Carter hỏi.

"Số của vợ hắn đi," Shamron nói. "Tôi luôn nghĩ đến Samir như đã là người đàn ông của gia đình."

"Ông vừa nhắc đến hắn như một người của quá khứ."

"Thật vậy à?" Shamron nói một cách lơ đãng.

Carter nhìn một trong những kỹ thuật viên và nói, "Anh gọi đi."

Những cư dân ở Dubai, không chỉ là những người giàu nhất thế giới mà theo thống kê còn là những tài xế tệ nhất trên thế giới. Một vụ va chạm – với một xe khác, với khách bộ hành, hoặc một vật gì đó – xảy ra mỗi hai phút ở tiểu vương quốc Ả Rập, trung bình là ba ca tử vong một ngày. Tài xế tiêu biểu không nghĩ gì khác ngoài việc lách qua nhiều làn xe hoặc nối đuôi nhau ở tốc độ một trăm dặm một giờ trong khi nói chuyện điện thoại. Kết quả là, ít người chú ý đến cuộc rượt bắt ở tốc độ cao xảy ra không lâu sau mười giờ đêm trên con đường dẫn đến Jebel Ali. Chỉ là một cuộc đua xe khác trong đêm thôi.

Con đường có bốn làn xe ở mỗi hướng có bờ cỏ phân chia xuống tận khu trung tâm và những tín hiệu giao thông mà phần đông dân địa phương không đếm xỉa đến vì xem đó là những lời khuyên vô ích. Gabriel bám vào tay vịn, khi Chiara khéo léo lách chiếc Land Cruiser kềnh càng qua vô số xe khác. Vì là tối thứ Năm, thời gian bắt đầu cho kỳ nghỉ cuối tuần trong thế giới Hồi giáo, nên lưu thông đông đúc hơn buổi tối điển hình khác. Những chiếc xe thể thao to

lớn là tiêu chuẩn, hơn là một ngoại lệ. Tài xế những xe này phần đông có râu, mặc áo choàng *kandoura* và khăn choàng đầu trắng.

Năm xe hộ tống của Malik như những hộp sắt, lăn đi như không người điều khiển. Những chiếc xe chạy len lỏi, đổi hướng, chớp đèn pha cho những xe chạy chậm hơn tránh đường – tất cả đều thích nghi hoàn hảo với cách lái hỗn loạn trên những con đường của Dubai. Chiara và ba tài xế khác của cuộc truy đuổi cố gắng hết sức để không bị mất dấu. Thực sự là một công việc nguy hiểm. Dù cho không có luật giao thông, cảnh sát của tiểu vương quốc Ả Rập cũng không buồn nhìn một cách tử tế đến những người ngoại quốc bị tai nạn. Dĩ nhiên là Malik biết điều đó. Gabriel tự hỏi không biết Malik còn biết thêm gì nữa không. Ông đang lo lắng là những biện pháp an ninh được thiết lập không chỉ đơn giản là những phòng vệ và Malik, như thường lệ lại hơn kẻ thù của hắn một bước nữa.

Họ đang sắp đến cảng Jebel Ali. Họ đi qua công viên vui chơi giải trí lấp lánh đèn Ibn Battuta và trung tâm thương mại, rồi qua nhà máy khử muối: Dubai qua ảnh chụp nhanh. Gabriel hiếm khi chú ý đến những điểm mốc. Ông đang chăm chú vào những chuyển động của những thao tác thực hiện một cách cẩn thận phía trước ông. Bốn chiếc SUV giờ đang di chuyển cạnh nhau trên bốn làn xe. Chúng đang giảm tốc độ và đang dàn ra theo chiến thuật ngăn chặn. Chiếc xe thứ năm, chiếc Denali chở Malik đang tăng tốc độ.

"Hắn đang chạy trốn, Chiara. Em phải vượt qua chúng."

"Vượt qua chỗ nào?"

"Tìm cách đi."

Chiara chuyển đột ngột qua trái. Rồi qua phải. Mỗi lần như vậy đều bị một chiếc SUV chặn.

"Đi vào giữa chúng đi."

"Trời ơi, Gabriel!"

"Làm đi!"

Chiara cố gắng, nhưng không có đường xen vào giữa.

Họ sắp đến cuối Khu kinh tế tự do Jebel Ali. Ngoài kia là khoảng rộng của sa mạc chia cắt Dubai với vương quốc Abu Dhabi. Gabriel không còn thấy chiếc Denali của Malik nữa; nó chỉ còn là một ngôi sao ở xa trong dải ngân hà đèn sau của những xe khác. Ngay phía trước, đèn hãm chuyển từ xanh sang màu hổ phách. Bốn chiếc SUV đi chậm lại ngay tức thì, chắc chắn là lần đầu tiên từ khi rời Dubai và từ từ ngừng lại. Khi tiếng còi xe bắt đầu nổi lên, một trong những bản sao của Malik bước ra khỏi xe và nhìn chằm chằm Gabriel một lúc lâu trước khi đưa con dao ngắn lên cứa cổ của mình. Gabriel điểm danh nhanh đội của ông và được báo cáo và xác định là tất cả đều an toàn. Sau đó ông gọi cho Nadia. Không có hồi đáp.

61

DUBAI

Chiếc Boeing Business Jet của AAB Holdings rời sân bay quốc tế Dubai lúc 10:40 tối hôm đó. Tất cả những chứng cứ có được cho thấy là Nadia al-Bakari, chủ tịch của công ty, không ở trên máy bay vào lúc đó.

Chiếc BlackBerry của cô đã tắt lúc 10:14 tối, khi xe của cô đi qua Lạch Dubai và không còn phát bất cứ tín hiệu nào. Vào những lúc trước khi mất liên lạc, cô đang nói chuyện với Rafiq al-Kamal. Âm thanh cuối cùng nhận được từ thiết bị là một tiếng đập lớn không rõ ràng có thể là bất cứ gì từ tiếng kêu hấp hối đến tiếng gõ ngón tay của Nadia lên màn hình, một điều mà Nadia hay làm khi lái xe. Thiết bị phát sóng giấu trong túi xách và trong quần áo vào lúc bị gián đoạn, ở quá xa trạm tiếp nhận tín hiệu bên trong Burj Al Arab và do đó không cung cấp manh mối nào về điều gì đã xảy ra.

Chỉ có thiết bị định vị GPS là còn hoạt động. Cuối cùng thiết bị GPS ngừng ở một khu vực trống dọc theo đường Dubai-Hatta, không xa câu lạc bộ polo. Gabriel tìm thấy bộ quần áo Chanel lúc 10:53 tối và chiếc đồng hồ vài phút sau. Ông đem về chiếc Land Cruiser và xem xét dưới ánh sáng của bảng đồng hồ. Vải của bộ quần áo bị xé rách ở nhiều chỗ và trên cổ có dính máu. Mặt pha lê của đồng hồ bị

đập tan, nhưng chữ khắc ở mặt sau vẫn còn có thể đọc được. *Cho tương lai, Thomas*.

Gabriel bảo Chiara quay về khách sạn, sau đó gửi thông tin về Langley bằng chiếc BlackBerry của ông. Hai phút sau, có hồi đáp từ Langley. Gabriel khẽ chửi thề khi ông đọc.

"Họ nói gì?"

"Họ muốn chúng ta ra sân bay ngay tức thì."

"Vậy Nadia thì sao?"

"Không nói gì đến Nadia," Gabriel vừa nói vừa nhét chiếc BlackBerry vào túi áo khoác. "Langley và Shamron không còn quan tâm nữa. Không còn nữa."

"Vậy chúng ta bỏ lại Nadia sao?" Chiara hỏi một cách tức giận, mắt nhìn đường phía trước. "Có phải họ muốn chúng ta làm như vậy không? Sử dụng tiền của cô ta, sử dụng tên cô ta, rồi sau đó ném cô ta cho bầy sói sao? Anh có biết chúng sẽ làm gì cô ta không?"

"Chúng sẽ giết cô ta," Gabriel nói. "Và cô ta sẽ không được hưởng một cái chết đàng hoàng. Đây không phải là cách mà chúng tiến hành công việc."

"Có thể là Nadia đã chết rồi," Chiara nói. "Có lẽ đó là điều mà bạn của Malik đã muốn nói với anh."

Gabriel thú nhận. "Có thể lắm, nhưng anh vẫn không tin điều này. Chúng sẽ không quan tâm đến việc lấy quần áo và nữ trang của cô ta nếu chúng có ý định giết cô ta nhanh chóng. Có nghĩa là chúng muốn nói chuyện riêng với cô ta, điều này có thể hiểu được. Suy cho cùng, chúng đã mất mạng lưới của chúng vì cô ta."

Chiếc BlackBerry của Gabriel reo lên một lần thứ hai. Lại là Langley, hỏi Gabriel xác nhận đã nhận được thông tin hủy bỏ chiến

dịch. Gabriel không để ý đến cuộc gọi và nhìn ánh đèn của khu thương mại qua kính xe một cách ủ rũ.

"Chúng ta có thể làm gì cho cô ta không?" Chiara hỏi.

"Anh nghĩ tất cả đều tùy thuộc hoàn toàn vào Malik."

"Malik là một con quái vật. Và anh có thể chắc chắn là hắn biết anh đang ở Dubai."

"Ngay cả quái vật cũng có thể nói lý lẽ."

"Chiến sĩ Thánh chiến thì không, chúng không thể nghe lý lẽ được." Chiara lái xe một lúc trong im lặng, rồi một tay trên tay lái, tay kia ôm lấy bộ quần áo dính máu của Nadia, cuối cùng nàng nói. "Em biết anh đã hứa với cô ấy một điều, nhưng anh cũng đã hứa với em một điều nữa."

"Anh có nên để cô ta chết không Chiara?"

"Lạy Chúa, không."

"Em muốn anh làm gì?"

"Tại sao em phải là người ra quyết định này?"

"Bởi vì em là người duy nhất có thể quyết định."

Chiara xoắn lấy bộ quần áo của Nadia, nước mắt lăn trên má. Gabriel hỏi nàng có cần ông lái xe thay cho không. Chiara dường như không nghe thấy.

Ba mươi giây sau, câu trả lời của Gabriel lóe lên trên màn hình của Rashidistan. Shamron nhìn một cách sửng sốt. Sau đó, vi phạm chính sách hà khắc cấm hút thuốc của Langley, ông đốt điếu thuốc và nói, "Bây giờ là lúc thuận tiện đưa vài chiếc máy bay lên bầu trời

và đổ bộ người vào đất liền.” Carter và Navot đều cầm lấy điện thoại cùng một lúc. Trong vài phút, những chiếc máy bay cất cánh từ một trạm CIA bí mật ở Bahrain và những đôi ủng âm thầm đi qua dòng nước đen của vùng Vịnh tiến về bờ biển Jebel Ali.

Khi Gabriel và Chiara về đến khách sạn, những người còn lại của đội đang thu dọn một cách có hệ thống để chuyển đi. Việc này đã bắt đầu khi nhận được lệnh của Shamron và được sự hỗ trợ của Thomas Fowler, người đối tác mới được tạo ra trong công ty đầu tư Rogers & Cressey. Ban quản lý khách sạn được lèo lái để tin vào việc trả phòng đột ngột là do tình trạng sức khỏe khẩn cấp của một nhân viên của ông Fowler. Người điều hành bay cố định* ở sân bay quốc tế Dubai cũng được thông báo như vậy. Máy bay tư nhân của ông Fowler được chuẩn bị khởi hành lúc hai giờ sáng. Phi hành đoàn được thông báo chuẩn bị trước, không trì hoãn.

Dù cho tình trạng khẩn cấp, cả đội vẫn giữ kỷ luật chặt chẽ khi tiến hành trong khách sạn. Trong những phòng mà họ nghi ngờ bị đặt máy nghe lén, họ gọi nhau bằng tên giả và chỉ nói về kinh doanh và tài chính. Chỉ có trạng thái khẩn trương của họ mới tố cáo nỗi thống khổ mà tất cả đều cảm nhận và chỉ khi ở bên dưới sự che chở của tấm *chuppah* họ mới dám nói sự thật. Được che chắn khỏi những thiết bị nghe lén của Người Thống trị, Gabriel thực hiện một cuộc gọi căng thẳng với Shamron và Navot ở Rashidistan. Ông cũng đối mặt nói chuyện với các thành viên đội của mình. Phần lớn những cuộc gặp gỡ của Gabriel đều cần thiết; số ít là đối chất. Người cuối cùng Gabriel gặp là Chiara. Còn một mình, Chiara nhắc Gabriel buổi

trưa họ đã ân ái trong căn nhà an toàn ở Zurich, khi thân thể của nàng nóng bỏng như đang lên cơn sốt. Sau đó, nàng hôn môi Gabriel một lần cuối trước khi lấy hành lý và đi về phía hành lang.

Shamron đã luôn tin rằng sự nghiệp ít được xác định bởi những thành quả hơn là những thảm họa đã trải qua. Có một lần, trong khi thuyết trình ở Học viện, ông đã đưa ra một nhận xét nổi tiếng "Bất cứ ai cũng có thể học thêm vài năm nữa, nhưng chỉ có sĩ quan thực thụ vĩ đại mới có thể giữ bình tĩnh và vỏ bọc của mình khi con tim tan nát." Nếu là trường hợp này, Shamron sẽ có thể chứng kiến định nghĩa thực thụ của sự vĩ đại khi đội của Gabriel, từng người rời khỏi Burj Al Arab và ra sân bay. Chỉ mình Chiara có vẻ lúng túng, một phần là vì tim nàng thực sự tan nát, nhưng phần khác là vì nàng đã tự nguyện đóng vai cô nhân viên bị ốm nặng. Ban quản lý khách sạn chúc Chiara chóng bình phục khi giúp nàng vào phía sau xe limousine của khách sạn. Ông Fowler cho tiền những người phục vụ rất hậu hĩnh trước khi lên xe sau Chiara.

Họ đi lại con đường Nadia đã đi sớm hơn tối hôm đó nhưng đến sân bay bình an. Sau khi hộ chiếu được kiểm tra nhanh, họ lên máy bay ngay thay vì đợi trong phòng VIP sang trọng. Vì có chuyến bay bị hủy bỏ nên họ có thể cất cánh sớm hơn dự tính và vào lúc một giờ ba mươi, họ bay qua vùng Empty Quarter đang chìm trong bóng tối.

Hai thành viên của đội không lên máy bay. Mikhail đi về hướng một bãi biển hoang vu phía tây Jebel Ali; Gabriel đi về khu phố cổ của Dubai được biết dưới tên Deira. Sau khi rời chiếc Toyota Land Cruiser ở Corniche, ông đi bộ đến căn hộ nhỏ tồi tàn gần Gold Souk và leo lên cầu thang hôi mùi đậu và thì là. Một mình trong căn hộ, ông ngồi ở cái bàn tróc sơn trong bếp, nhìn chăm chú vào màn hình

chiếc BlackBerry. Để qua thời gian, ông liệt kê lại chiến dịch trong tâm trí. Ở đâu đó trong diễn tiến, đã bị rò rỉ hoặc một sự phản bội. Ông sẽ tìm ra kẻ chịu trách nhiệm cho việc này và ông sẽ giết hắn.

Hai mươi phút sau Mikhail nghe tiếng lốp bốp trong tai nghe. Dù chỉ nghe một hai từ nhưng Mikhail cũng nhận ra. Mikhail đã nghe giọng này nhiều lần trước đây – trong địa ngục Gaza, trên những đồi phía nam Lebanon, trên những lối đi của Jericho, Nablus và Hebron. Mikhail bật đèn pha hai lần, soi sáng chớp nhoáng bãi biển màu trắng đục và lo lắng đập tay lên vô lăng khi xuất hiện một chiếc Zodiac nhấp nhô trên bờ. Bốn người đàn ông bước xuống, mỗi người đều vác những bao nylon chứa đầy dụng cụ. Trông họ giống người Ả Rập. Họ di chuyển giống người Ả Rập. Ngay cả họ xức nước hoa cologne làm họ có mùi Ả Rập. Nhưng họ không phải người Ả Rập. Họ là thành viên của đội tinh nhuệ Sayeret Matkal. Và một người trong bọn họ, Yoav Savir trước đây là sĩ quan chỉ huy của Mikhail.

"Lâu không gặp," Yoav nói khi leo lên ngồi phía trước. "Có chuyện gì xảy ra vậy?"

"Chúng tôi mất một người rất quan trọng."

"Tên anh ta là gì?"

"*Cô ta,*" Mikhail nói. "Tên cô ta là Nadia."

"Ai bắt cô ta?"

"Malik."

"Malik nào?"

"Chỉ có một Malik."

"Khỉ thật."

Ánh đèn của giàn khoan dầu khổng lồ Shaybah sáng chói như đèn neon xanh rực trên những màn hình treo trên tường của Rashidistan. Hình ảnh được truyền trực tiếp từ một máy bay không người lái, giờ đặt dưới sự kiểm soát của đội ở Langley. Dưới sự hướng dẫn của Carter, chiếc máy bay nghiêng về phía đông, qua dãy ốc đảo dọc theo ranh giới của tiểu vương quốc Ả Rập, sau đó đi theo xa lộ chính quay lại phía thành phố Dubai, thiết bị nhìn xuyên màn đêm và camera ảnh nhiệt dò tìm trên sa mạc dấu hiệu của sự sống, nơi mà thường thì không hề có. Khi máy bay không người lái Predator đến gần cảng Jebel Ali, camera chụp nhanh hình ảnh một chiếc Zodiac nhỏ quay đầu ra biển, một hình ảnh sáng chói ở đuôi tàu. Không ai ở Rashidistan để ý đến hình ảnh này vì họ đang kiểm tra một cuộc đối thoại trên chiếc BlackBerry của Gabriel. Máy tính nhận dạng ra số gọi đến. Máy tính cũng nhận dạng ra giọng nói. Giọng nói của Malik, chỉ có một Malik.

62

DEIRA, DUBAI

"Tôi ngạc nhiên là ông trả lời. Có lẽ những gì họ nói về ông là thật."

"Nói gì, Malik?"

"Rằng ông can đảm. Rằng ông là người giữ lời. Cá nhân tôi thì nghi ngờ. Tôi chưa bao giờ gặp một người Do Thái mà không hèn nhát và nói láo."

"Tôi không bao giờ nhận ra rằng Zarqa lại có một cộng đồng Do Thái lớn như vậy."

"Rất may là không có Do Thái ở Zarqa, mà chỉ có nạn nhân của người Do Thái."

"Cô ấy đâu, Malik?"

"Ai?"

"Nadia," Gabriel nói. "Anh đã làm gì cô ta?"

"Tại sao ông lại nghĩ là chúng tôi bắt cô ta?"

"Bởi vì chỉ có một nơi anh có thể có số điện thoại này."

"Người Do Thái thông minh."

"Hãy để cô ta đi."

"Hiện giờ ông không có tư cách để xin."

"Tôi không xin điều gì hết," Gabriel bình tĩnh nói. "Tôi yêu cầu anh để cô ta đi."

"Như là một cử chỉ nhân đạo?"

"Anh có thể gọi nó bằng gì anh muốn. Hãy làm điều đúng đắn."

"Ông giết bố cô ta trước mặt cô ấy và ông yêu cầu tôi làm một điều đúng đắn?"

"Anh muốn gì Malik?"

"Chúng tôi yêu cầu các ông thả tất cả những người anh em bị người Mỹ và những đồng minh của họ bắt sau trò lừa bịp vừa rồi của các ông. Ngoài ra, chúng tôi cũng yêu cầu các ông thả những người anh em bị giam giữ bất hợp pháp ở vịnh Guantánamo."

"Không có người Palestine bị cầm tù? Anh làm tôi thất vọng."

"Tôi không muốn can thiệp vào những thương thuyết đang diễn ra giữa các ông và những người anh em của Hamas."

"Anh hãy yêu cầu một điều gì có lý, Malik – điều gì mà tôi có thể đáp ứng được."

"Chúng tôi không bao giờ thương thuyết với khủng bố. Hãy thả những người anh em của chúng tôi và chúng tôi sẽ thả gián điệp của ông mà không gây tổn thương."

"Anh đã làm gì cô ta?"

"Tôi có thể bảo đảm với ông không là gì so với sự đau đớn mà mỗi người anh em của chúng tôi mỗi ngày phải gánh chịu trong những phòng tra tấn ở Cairo, Amman và Riyadh."

"Anh có đọc báo không, Malik? Thế giới Ả Rập đang thay đổi. Vua Pharaoh của Ai Cập đã không còn nữa. Gia tộc al-Saud đang rạn nứt. Hashemite, vị vua nhỏ tuổi của Jordan đang lo sợ cho mạng

sống mình. Những người vào khuôn phép của thế giới Ả Rập đã đạt được chỉ trong vài tháng, những gì mà al-Qaeda và những người cùng chí hướng không thể thực hiện được bằng những cuộc tàn sát vô nghĩa. Thời của anh đã qua rồi, Malik. Thế giới Ả Rập không còn muốn có anh nữa. Cho cô ta đi đi."

"Tôi e rằng tôi không làm được điều đó, Allon." Malik ngừng một lúc như đang tìm cách thoát ra khỏi con đường cùng mà hắn đã tạo ra. "Nhưng vẫn có một khả năng khác."

Gabriel lắng nghe lời chỉ dẫn của Malik, Shamron, Navot và Adrian Carter cũng vậy.

"Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi không chấp thuận?" Gabriel hỏi.

"Nếu vậy thì cô ta sẽ chịu hình phạt cổ truyền dành cho kẻ bội giáo. Nhưng ông đừng lo. Các ông sẽ có thể theo dõi cách cô ta chết trên Internet. Người Yemen có kế hoạch sử dụng những hình ảnh này như một thiết bị tuyển mộ để thay thế tất cả những chiến sĩ chúng tôi đã mất vì cô ta."

"Tôi cần bằng chứng cho thấy cô ta vẫn còn sống sót."

"Tôi e rằng ông phải tin tôi thôi," Malik nói. Và sau đó đường dây bị cắt.

Chiếc BlackBerry của Gabriel lại reo một vài giây sau. Adrian Carter gọi.

"Dứt khoát là hắn vẫn còn ở Tiểu vương quốc."

"Ở đâu?"

"NSA chưa lập lưới tam giác được, nhưng họ nghĩ là hắn phải ở phía đông sa mạc, gần ốc đảo Liwa. Chúng ta có một nhân viên nằm vùng và hai nhân viên đang đến đó."

Gabriel lấy một thiết bị nhỏ từ bên trong bao nhỏ của túi ngủ. Thiết bị có kích thước của một viên kháng sinh. Một bên là một công tắc kim loại cực nhỏ, Gabriel bật lên và hỏi, "Ông có thể thấy tín hiệu không?"

"Thấy," Carter nói.

Gabriel nuốt thiết bị. "Ông có còn thấy nó không?"

"Thấy."

"Chợ Cá, mười phút."

"Hiểu."

Gabriel vẫn còn mặc quần áo nhà doanh nghiệp của vỏ bọc. Ông nghĩ đến việc thay nhanh một bộ khác thích hợp với một đêm ở sa mạc, nhưng nhận thấy không cần thiết. Những người bắt giữ ông chắc chắn sẽ làm điều đó thay ông. Gabriel để đồng hồ đeo tay vào túi cùng với chiếc BlackBerry, ví, hộ chiếu, vũ khí và một vật linh tinh vô nghĩa. Gabriel không còn giữ ống chích hoặc suxamethonium chloride nữa, mà chỉ có thuốc Advil để tạm thời giảm đau những vết thương mà ông có thể phải chịu đựng trong vài giờ tới và đủ thuốc chống tiêu chảy để ruột của ông chắc lại trong một tháng, ông bỏ túi xách vào tủ, khóa lại và xuống cầu thang để ra đường.

Gabriel còn lại sáu phút để đi bộ ra chợ Cá ở gần cửa Lạch Dubai dọc theo Corniche. Mặc dù đã trễ, nhưng vẫn có những nhóm thanh

niên đi hóng gió đêm dọc theo bờ sông – người Pakistan, Bangladesh, Philippines và bốn người Ả Rập nhưng không phải là Ả Rập. Gabriel đứng gần ngọn đèn đường sao cho có thể được nhìn thấy rõ ràng và trong vài giây, một chiếc Denali SUV ngừng ngay trước mặt Gabriel. Đằng sau tay lái là một bản sao của Malik. Một bản sao khác ngồi ở phía sau cùng với Rafiq al-Kamal, đội trưởng an ninh trước đây của Nadia al-Kamal.

Al-Kamal ra dấu cho Gabriel lên xe. Và ba mươi giây sau, al-Kamal ra tay đánh cú đầu tiên – thúc mạnh cùi chỏ vào ngực Gabriel làm ông gần nín thở. Sau đó chúng ấn ông xuống sàn và thọi liên tiếp cho đến khi tay chúng không còn sức lực để thọi nữa. Mùa gặt đã kết thúc, Gabriel thầm nghĩ khi ông mê đi. Giờ đến lúc vào tiệc.

63

HOANG MẠC EMPTY QUARTER, Ả RẬP SAUDI

Trên bản đồ vùng này được gọi một cách gở mồm gở miệng là Rub'al-Khali – theo nghĩa đen là Vùng Trống. Tuy nhiên những người du cư biết vùng này dưới một tên khác. Họ gọi đó là vùng Cát. Bao phủ một phạm vi rộng bằng nước Pháp, Bỉ và Hà Lan, cát trải dài từ Oman và những Tiểu vương quốc, qua Ả Rập Saudi và một phần của Yemen. Những cồn cát to lớn như núi kéo dài trên sa mạc dưới những cơn gió không ngừng thổi. Một vài cồn cát đứng sững một mình. Một số khác nối tiếp với nhau uốn lượn qua hàng trăm dặm. Vào mùa hè, nhiệt độ thường vượt quá một trăm bốn mươi độ F, hạ thấp mát dần xuống một trăm độ về đêm. Gần như không có mưa, một ít cho cây hoặc súc vật và một số ít người không phải là dân du cư, những tên cướp hay khủng bố của al-Qaeda di chuyển tự do qua biên giới. Trên những vùng này thời gian không quan trọng nhiều. Ngay cả bây giờ, thời gian được tính bằng những bước chân đến cái giếng tiếp theo.

Giống như phần đông những người Ả Rập, Nadia al-Bakari chưa bao giờ đặt chân đến vùng Empty Quarter. Mặc dù cô không biết là điều này sẽ thay đổi ba tiếng sau khi cô bị bắt cóc. Khi bị mê vì một liều thuốc mê ketamine, Nadia đã tin là cô đang lang thang trong những căn phòng mạ vàng của thời thơ ấu. Bố cô xuất hiện rất nhanh; ông mặc áo choàng dài cổ truyền của dân du cư với bộ mặt

dữ tợn được gọi là *juhayman*, người bị đạn xuyên qua. Ông cho cô chạm vào những vết thương, rồi khiển trách cô đã thông đồng với những người đã gây ra. Cô phải bị trừng phạt, ông nói, cũng như Rena đã bị trừng phạt vì đã đem sự ô nhục về cho gia đình. Đây là ý Thượng Đế. Không có gì làm thay đổi được.

Đúng vào lúc bố cô lên án cô phải chết thì Nadia cảm thấy mình bắt đầu lơ lửng trồi lên khỏi tình trạng hôn mê, trồi dậy từ từ, giống như một tài xế đi lên từ vực sâu. Khi cô đã hoàn toàn tỉnh, Nadia cố gắng mở mắt và thở mạnh ra. Và cô bắt đầu nhìn xung quanh. Cô đang nằm trên một tấm thảm hôi mùi đàn ông và lạc đà. Hai cổ tay bị trói, Nadia đang trùm một áo choàng mỏng bằng cotton trắng. Tấm áo choàng sáng lên dưới ánh trăng, cũng giống như áo choàng theo phong cách Salafi của người đàn ông đang nhìn xuống cô. Hắn đội mũ chỏm không có khăn trùm đầu và cầm một khẩu tự động với băng đạn cong. Ngay cả như vậy, cặp mắt của hắn có vẻ dịu dàng một cách bất thường đối với một người Ả Rập. Và rồi, Nadia nhận ra là cô đã trông thấy hắn trước đây rồi. Cặp mắt này là của Ali, *talib* của tù trưởng Marwan Bin Tayyib.

"Tôi đang ở đâu đây?" Nadia hỏi.

Hắn trả lời một cách thành thật. Đây không phải là dấu hiệu tốt.

"Safia khỏe không?"

"Cô ta khỏe," mặc dù trong tình trạng này gã *talib* cũng mỉm cười và nói.

"Còn bao nhiêu lâu nữa thì đứa bé ra đời?"

"Ba tháng," gã trả lời.

"*Inshallah*, sẽ là một đứa bé trai."

"Thật ra là bác sĩ bảo chúng tôi sẽ có một bé gái."

"Anh không có vẻ không vừa lòng."

"Phải."

"Anh đã chọn tên cho em bé chưa?"

"Chúng tôi sẽ gọi nó là Hanan."

Trong tiếng Ả Rập có nghĩa là "thương xót". Có lẽ cuối cùng cũng có hy vọng.

Gã *talib* bắt đầu đọc kinh Koran cho chính mình. Nadia nằm ngửa và nhìn lên những vì sao. Dường như khoảng cách giữa Nadia và những vì sao gần như có thể chạm được. Chỉ có âm thanh của tiếng đọc kinh Koran và tiếng vo vo vọng từ xa đến. Trong một lúc, cô nghĩ đây là một ảo giác nữa do thuốc – hoặc có thể, cô nghĩ vì trí óc cô bị xáo trộn. Nadia nhắm mắt lại, im lặng nghe giọng của *talib*, chăm chú lắng nghe. Cuối cùng, Nadia nhận ra rằng không phải là ảo giác. Đó là tiếng một loại máy bay nào đó. Và tiếng máy bay đang đến gần.

Một con đường chật hẹp nối liền thành phố ốc đảo Liwa của tiểu vương quốc Ả Rập với giàn khoan dầu Shaybah ở phía bên kia của đường ranh Ả Rập Saudi. Nadia đã qua những trạm kiểm soát trong vai người vợ che mạng đang thiếp đi của một trong những kẻ bắt cô. Gabriel cũng đã trải qua cùng một sự sỉ nhục, mặc dù, không giống Nadia, ông hoàn toàn biết chuyện gì đang xảy ra.

Dưới mạng che, Gabriel mặc một bộ áo liền quần màu xanh của nông dân Dubai, mà họ đã đưa cho ông sau khi đã xé quần áo ông ra, tìm tòi máy theo dõi và thiết bị nghe lén trong một nhà kho ở al-

Khaznah, một thành phố sa mạc trong tiểu vương quốc của Abu Dhabi. Gabriel cũng đã bị đánh đập lần thứ hai, Rafiq al-Kamal là người thực hiện sự đánh đập này nhiều nhất. Gabriel nghĩ rằng gã Ả Rập này có lý do để cáu với ông. Dù sao đi nữa thì Gabriel cũng đã giết ông chủ cũ của hắn và rồi lại tuyển dụng cô con gái vào làm nhân viên tình báo. Gabriel ngạc nhiên khi al-Kamal liên quan đến việc bắt cóc Nadia. Gabriel tự hỏi ai là người chỉ huy, những người Ả Rập ở đây? Bọn khủng bố? Hay gia tộc al-Saud?

Hiện giờ thì điều này không quan trọng, vấn đề là làm sao giữ cho Nadia sống sót. Muốn vậy thì phải cần nói láo thêm lần cuối cùng, sự lừa đảo cuối cùng. Gabriel tưởng tượng ra sự lừa đảo trên đường đến Shaybah khi ông mặc bộ áo liền quần màu xanh của nông dân và đeo mạng che mặt của đàn bà. Và rồi ông tự nói với mình hết lần này đến lần khác cho đến khi ông tin từng lời một là sự thật.

Trên màn hình plasma khổng lồ của Langley, Gabriel chỉ là một dấu vết mờ mờ của một ánh sáng nhấp nháy màu xanh đi qua vùng Empty Quarter. Năm ánh sáng khác cũng nhấp nháy gần thành phố ốc đảo Liwa. Đó là vị trí của Mikhail Abramov và đội Sayeret Matkal.

"Họ không có cách nào qua trạm kiểm soát ở làn ranh," Carter nói.

"Vậy thì họ sẽ đi xung quanh đó." Shamron nói.

"Có một hàng rào dọc theo ranh giới."

"Đối với đội Sayeret, hàng rào không có nghĩa lý gì hết."

"Làm sao họ có thể qua bằng một chiếc Land Cruiser?"

"Họ có *hai* chiếc Land Cruiser," Shamron nói, "nhưng tôi nghĩ sẽ không có cái nào qua hàng rào đó."

"Ông đang nói gì vậy?"

"Chúng tôi đợi cho đến khi Gabriel ngừng di chuyển."

"Và rồi sao?"

"Họ sẽ đi bộ."

"Trong hoang mạc Empty Quarter sao?" Carter hỏi có vẻ ngờ vực.

"Họ được huấn luyện để làm điều đó."

"Chuyện gì sẽ xảy ra nếu họ chạm trán với đội quân sự tuần tra Ả Rập?"

"Vậy thì tôi nghĩ rằng chúng ta phải đọc kinh dành cho người chết Kaddish với đội tuần tra," Shamron nói. "Bởi vì nếu họ chạm trán với Mikhail Abramov và Yoav Savir thì họ sẽ không còn tồn tại."

Có một trạm xăng và một khu chợ bán suốt đêm ở Liwa cho những người nông dân và tài xế xe tải ngoại quốc. Người Ấn Độ ngồi sau quầy giống như đã không ngủ cả tháng rồi. Yoav, người Ả Rập, nhưng không phải là Ả Rập mua khá đủ lương thực và nước cho nhóm quân đội nhỏ, cùng với một ít khăn choàng đầu rẻ tiền và một vài bộ quần áo bằng cotton rộng mà người Pakistan và Bangladesh ưa thích. Yoav nói với tên Ấn Độ là ông và những người bạn định dành một hay hai ngày trên cồn cát để hòa nhập với Thượng Đế và thiên nhiên. Người quản lý điều hành nói về một tổ chức đặc biệt gây nhiều ảnh hưởng ở phía bắc Liwa, dọc theo ranh giới Ả Rập.

“Nhưng hãy cẩn thận,” ông ta nói. “Vùng này đầy dân buôn lậu và al-Qaeda. Rất nguy hiểm.” Yoav cảm ơn người Ấn Độ về lời khuyến cáo. Ông thanh toán mà không trả giá, ra ngoài và đi về phía những chiếc Land Cruiser.

Họ bắt đầu tiến về phía bắc như người Ấn Độ đã gợi ý, nhưng khi ra khỏi thành phố, họ đột ngột quay về phía nam. Những cồn cát có màu hồng và cao như những ngọn đồi vùng Judean Hills. Họ lái xe khoảng một giờ, luôn luôn đi trên những đường mòn cát cứng, trước khi ngừng gần hàng rào của ranh giới Ả Rập. Rạng đông sắp ló dạng, họ che phủ những chiếc Land Cruiser dưới lưới ngụy trang và mặc những bộ quần áo họ đã mua ở Liwa. Yoav và những người khác trong đội Sayeret trông giống người Ả Rập, nhưng Mikhail trông giống một nhà thám hiểm phương Tây đến tìm kiếm một thành phố bị mất tích của Ả Rập. Ba mươi phút sau, cuộc thám hiểm của Mikhail bắt đầu khi đèn xanh mờ mờ của Gabriel Allon cuối cùng ngừng di chuyển ở cách đội bốn mươi dặm. Họ cho vũ khí và nước càng nhiều càng tốt trong khả năng họ có thể đem theo vào túi xách. Sau đó họ leo qua hàng rào ranh giới của Ả Rập và bắt đầu đi.

64

HOANG MẠC EMPTY QUARTER, Ả RẬP SAUDI

Căn lều làm bằng lông dê đen theo truyền thống của dân du cư và bao quanh bởi nhiều xe tải và xe jeep bị phai màu vì nắng được dựng lên giữa khe của một cồn cát lớn hình móng ngựa. Cách cửa lều chừng một mét, bốn phụ nữ che mạng trên tay xăm bằng mực henna, đang pha cà phê với hạt cardamom xung quanh ngọn lửa nhỏ. Có vẻ như không ai trong bọn họ chú ý đến người đàn ông bị đánh mặc bộ áo liền quần, ngã xuống từ sau xe Denali SUV và đang run lên trong không khí lạnh của buổi sáng.

Khe của cồn cát vẫn còn chìm trong bóng tối, nhưng ánh sáng yếu ớt trên bờ và những ánh sao đã hoàn toàn biến mất. Al-Kamal thúc vào Gabriel và ông bắt đầu đi loạng choạng về phía lều. Đầu Gabriel bưng bưng như muốn nổ tung nhưng những ý định của ông rất minh mẫn và vẫn tập trung vào một sự lừa đảo. Ông sẽ mang ra dùng từ từ, từng miếng từng miếng, giống như những miếng bánh mật ong. Ông sẽ biến mình thành người hấp dẫn đối với chúng, ông sẽ kéo dài thời gian để Mikhail và đội Sayeret bắt được tín hiệu từ thiết bị giấu trong ruột ông. Gabriel không nghĩ đến thiết bị nữa. Ông tự nhắc nhở mình, không có thiết bị nào hết. Chỉ có Nadia al-Bakari, một phụ nữ với thành tích thánh chiến hoàn hảo mà Gabriel đã dùng cách tống tiền để sai khiến.

Malik giờ đang đứng ở cửa lều. Hắn đã thay áo *kandoura* màu trắng thành áo choàng màu xám. Hắn đi chân đất, nhưng đầu thì quấn khăn choàng sọc đỏ. Hắn nhìn Gabriel như đe dọa, giống như suy nghĩ xem sẽ đấm vào đâu trước, sau đó bước qua một bên. Al-Kamal đáp lại bằng cách thúc mạnh giữa xương vai Gabriel, đẩy ông ngã chúi vào trong lều.

Sự xuất hiện của Gabriel trong bộ dạng không đàng hoàng dường như làm cho những người đàn ông tụ tập bên trong rất thích thú. Tất cả là tám người, ngồi nửa vòng tròn, uống cà phê có mùi hạt cardamom trong những tách nhỏ cỡ đê khâu. Một số ít đeo dao găm cổ truyền *jambia* của người Yemen, nhưng một người đang nhìn chăm chú vào máy tính xách tay. Mặt hắn nhìn rất quen đối với Gabriel, cũng như cuối cùng là giọng hắn khi cất lời. Đó là giọng của một người đàn ông mà Allah đã ban cho sức quyến rũ. Đó là giọng của Rashid.

Đối với camera ảnh nhiệt của máy bay không người lái Predator bay vòng bên trên thì sự tụ tập trong căn lều bằng lông dê của người du cư giống mười một ánh sáng hình cầu của ký sinh trùng amib. Gần đó cũng có nhiều nguồn sống khác. Cũng có bốn người ngồi xung quanh một ngọn lửa nhỏ. Có một vòng cận vệ đứng rải rác trên cồn cát. Và hai nhân vật cách phía nam của căn lều – một người nằm bất động trên sa mạc, người kia ngồi bắt chéo chân. Khi bình minh bắt đầu ló dạng, Shamron hỏi Carter có thể nhìn hai nhân vật này qua ống kính bình thường không. Phải chờ thêm năm phút nữa khi đã có đủ ánh sáng. Nhưng khi hình ảnh xuất hiện trên màn hình ở

Langley, thì rất rõ và cho thấy một phụ nữ tóc đen nhánh mặc đồ trắng được một người đàn ông có râu cầm một khẩu trông như khẩu AK-47 canh giữ. Ở gần đó, phía bên kia cồn cát lớn, một hố hình trụ đã được đào trên sa mạc. Gần cái hố là một đống đá.

Khi nhân viên ở Rashidistan đã điềm tĩnh lại, Carter nói, "Mikhail và đội Sayeret không thể đến đó đúng lúc. Và ngay cả khi họ đến đó đúng lúc thì họ sẽ bị phát hiện."

"Phải Adrian," Shamron nói. "Tôi thấy điều đó."

"Để tôi gọi hoàng tử Nabil ở bộ Nội vụ."

"Tại sao ông lại mất thì giờ làm việc đó?"

"Có thể ông ta có thể làm một điều gì đó để ngăn chặn họ bị giết."

"Có lẽ," Shamron nói. "Hoặc có lẽ tất cả những điều này đều do Nabil làm."

"Ông nghĩ là Nabil đã bán đứng cô ta cho Rashid và Malik à?"

"Khi Nabil còn dính líu đến, cô ta là một người dị giáo và bất đồng quan điểm. Cách nào hay hơn là khử cô ta thay vì giao cô ta cho những gã có râu để thanh toán cô ta chứ?"

Carter chửi thề nho nhỏ. Shamron nhìn vào hình ảnh trên sa mạc.

"Tôi nghĩ những máy bay không người lái hoàn toàn được trang bị vũ khí chứ?" ông hỏi.

"Tên lửa," Carter trả lời.

"Ông đã bao giờ bắn một quả vào Ả Rập Saudi chưa?"

"Không có cơ hội."

"Tôi nghĩ là ông cần có sự cho phép của tổng thống trước khi làm điều đó."

“Ông nói đúng.”

“Vậy thì làm ơn gọi ông ta đi, Adrian.”

65

HOANG MẠC EMPTY QUARTER, Ả RẬP SAUDI

Rashid bắt đầu bằng một bài thuyết trình. Một phần hắn là thi sĩ, một phần là nhà truyền giáo, một phần là giáo sư của thánh chiến. Hắn khuyến cáo là Israel sẽ sớm theo chế độ của những vua Pharaoh ở Ai Cập. Hắn tiên đoán là Thiên chúa của pháp luật *sharia* đang đến châu Âu dù cho châu Âu có muốn hay không. Hắn tuyên bố là thế kỷ của người Mỹ cuối cùng đã kết thúc, *al-hamdu lillah*. Đây là một trong số ít từ ngữ Ả Rập mà hắn sử dụng. Phần còn lại của bài thuyết trình được diễn đạt bằng tiếng Anh thông dụng hoàn chỉnh. Giống như đang được dạy dỗ theo nguyên tắc của Salaf bởi một đứa con nít trong hệ thống bán hàng Best Buy.

Hắn không nói với Gabriel, mà với một máy quay kỹ thuật số dựng trên một chân máy. Thỉnh thoảng hắn vung ngón tay dài để nhấn mạnh hoặc chỉ về phía tù nhân nổi tiếng của hắn, ngồi cách đó chừng một mét, hơi nheo mắt vì hai đèn đứng làm chóa mắt. Gabriel chỉ có thể tưởng tượng sự sôi nổi nóng bỏng sẽ xuất hiện như thế nào đối với máy bay không người lái Predator, ông có cảm tưởng đang ngồi trong phiên bản thánh chiến của một phòng thu truyền hình và Rashid đóng vai người dẫn chương trình đối chất. Malik, thủ lĩnh của khủng bố đi qua đi lại sau máy quay. Gabriel nghĩ, đó là tính chất của mối quan hệ giữa họ. Rashid là diễn viên được quay. Malik là nhà sản xuất ương ngạnh trông thấy những chi tiết lủng củng.

Rashid là người gây cảm hứng. Malik là người gây thương tật và là kẻ sát nhân tất cả dưới danh nghĩa Allah.

Cuối cùng khi Rashid kết luận cuộc độc thoại mở màn, hắn quay qua phần chính của chương trình buổi sáng: cuộc phỏng vấn. Hắn bắt đầu bảo Gabriel cho biết tên và nơi ở. Khi Gabriel trả lời, "Roland Devereaux, thành phố Quebec, Canada," Rashid lộ vẻ tức giận. Có một biểu hiện nóng nảy trong bộ dạng của Rashid mà Gabriel thấy buồn cười nếu ông không bị vây quanh bởi những người cầm dao găm. Ý tưởng của Rashid quái dị, nhưng cá nhân hắn không đe dọa. Malik thì khác.

"Tên *thật* của ông," Rashid ngắt lời. "Cho tôi biết tên khai sinh của ông."

"Anh biết tên thật của tôi mà."

"Sao bây giờ ông không nói ra?" Rashid hỏi. "Ông xấu hổ vì tên mình à?"

"Không," Gabriel nói, "Chỉ là vì tôi không sử dụng tên tôi thường xuyên."

"Nói tên ông ra đi."

Gabriel nói tên thật của ông.

"Ông sinh ra ở đâu?"

"Ở thung lũng Jezreel, Israel."

"Bố mẹ ông sinh ra ở đâu?"

"Đức."

Rõ ràng Rashid thấy đây là một bằng chứng của một tội ác lịch sử. "Bố mẹ ông có phải là những người sống sót của cái mà người ta gọi là cuộc Đại Thảm sát không?" hắn hỏi.

"Không, họ là những người sống sót của nạn tàn sát chủng tộc *hiện nay*."

"Cơ quan tình báo Israel có tuyển dụng ông không?"

"Thỉnh thoảng."

"Ông có phải là kẻ sát nhân không?"

"Tôi đã giết người khi làm nhiệm vụ."

"Ông có tự xem mình là chiến sĩ không?"

"Có."

"Ông đã giết rất nhiều người Palestine?"

"Phải, nhiều."

"Ông có hãnh diện về những việc ông làm không?"

"Không," Gabriel nói.

"Vậy thì tại sao ông lại làm?"

"Vì những người như anh."

"Chính nghĩa của chúng tôi đúng."

"Chính nghĩa của các anh lố bịch."

Bỗng nhiên Rashid dường như trở nên huyên thuyên, lạc đề. Cuộc phỏng vấn độc quyền của hắn không theo đúng kế hoạch. Hắn hướng lại về lĩnh vực vững chắc hơn.

"Ông đã ở đâu vào tối ngày 24 tháng Tám, 2006?"

"Tôi đã ở Cannes," Gabriel nói không do dự.

"Bên Pháp?"

"Phải, bên Pháp."

"Và ông làm gì ở đó?"

"Tôi đang giám sát một chiến dịch."

"Tính chất của chiến dịch là gì?"

"Đó là một vụ ám sát mục tiêu."

"Vậy ai là mục tiêu?"

"Abdul Aziz al-Bakari."

"Ai ra lệnh ám sát?"

"Tôi không biết."

Rõ ràng là Rashid không tin, nhưng hắn tỏ vẻ không muốn mất thời gian quý báu về một chuyện cũ. "Ông có tham gia vào vụ ám sát không?" hắn hỏi.

"Có."

"Tối đó ông có thấy Nadia al-Bakari không?"

"Có, tôi đã thấy cô ta."

"Sau đó ông gặp cô ta lúc nào?"

"Vào tháng Mười hai."

"Ở đâu?"

"Ở một lâu đài phía bắc Paris."

"Tiếp sau đó đã âm mưu gì?"

Chuyện gì xảy ra, Gabriel nói, là một chiến dịch dựng lên để tống tiền một trong những phụ nữ giàu nhất thế giới để tuân theo lệnh của cơ quan tình báo Israel và Mỹ. Qua một người đưa tin, CIA biết là mạng lưới mới thành lập của Rashid đang rất cần sự trợ giúp tài chính, cơ quan tình báo muốn cung cấp tiền cho mạng lưới và theo dõi khi tiền chuyển cho nhiều nhóm và mặt trận, chỉ có duy nhất

một vấn đề. Tiền phải được cung cấp từ một người mà khủng bố tin cậy. CIA đã hỏi cơ quan tình báo Israel xem họ có ý kiến gì không. Israel đã đưa ra tên của Nadia al-Bakari. Một phái viên của tình báo Israel đã gặp cô al-Bakari tại Paris dưới những lý do ngụy tạo và đã nói rõ với cô ta rằng công ty AAB Holdings sẽ bị tiêu diệt nếu cô ta không đồng ý hợp tác.

"Làm cách nào công ty có thể bị tổn thất?" Rashid hỏi.

"Qua những dàn xếp cẩn thận rò rỉ cho những người bạn trong giới truyền thông."

"Dĩ nhiên là những người bạn Do Thái."

"Phải, dĩ nhiên."

"Tính chất của những tin rò rỉ là gì?"

"Rằng AAB Holdings là một công ty của thánh chiến, theo cách của bố cô ta."

"Ông tiếp đi."

Gabriel tuân theo. Trước máy quay, ông chọn một thái độ kín đáo. Biểu hiện này là một sự lừa dối, giống như những lời nói dối thoát ra từ cặp môi bị sưng của Gabriel. Ông bịa chuyện ra từ từ với nhiều chi tiết. Rashid có vẻ như nuốt từng lời.

"Câu chuyện của ông rất thú vị," Rashid nói, "nhưng tôi e rằng nó đối nghịch với những gì cô al-Bakari nói với chúng tôi. Cô ta nói cô ta muốn giúp ông."

"Cô ta được bảo phải nói vậy."

"Ông đe dọa cô ta?"

"Thường xuyên."

"Tiền cho chiến dịch từ đâu?"

"Tiền của Nadia."

"Ông ép cô ta sử dụng tiền của chính cô ta."

"Chính xác."

"Tại sao ông không sử dụng tiền của chính phủ?"

"Ngân sách rất chặt."

"Ông không thể tìm ra một người Do Thái tài trợ cho chiến dịch à?"

"Điều này rất nhạy cảm."

Rashid nhìn máy quay một cách khinh khỉnh rồi nhìn sang Gabriel. Một lúc sau hắn nói, "Cô al-Bakari đến Dubai hôm qua, mục đích của cuộc viếng thăm là gì?"

"Tôi nghĩ rằng cô ta đến đó để hoàn tất một giao dịch về đất đai và dự án phát triển."

"Mục đích thật sự, Allon."

"Chúng tôi đưa cô ta đến đó để nhận dạng một nhân viên cao cấp trong mạng lưới của anh."

"Để bắt nhân viên đó?"

"Không," Gabriel nói, "hắn phải bị ám sát."

Vị giáo sĩ mỉm cười. Vị khách của hắn vừa mới tiết lộ một xác nhận quan trọng, mà Rashid có thể sử dụng để đăng những tiêu đề cho toàn thế giới biết.

"Điều này làm tôi kinh ngạc khi những gì ông vừa tiết lộ tiêu biểu cho cái gọi là chiến tranh chống khủng bố. Các ông không thể tiêu hủy chúng tôi, Allon. Và mỗi lần mà ông cố gắng thì chỉ làm chúng tôi mạnh hơn thôi."

"Các anh không mạnh hơn," Gabriel phản đối. "Sự thật là các anh đang giãy chết. Thế giới Ả Rập đang thay đổi. Thời của các anh đã qua."

Nụ cười của Rashid tan biến. Hắn nói bằng giọng một thầy giáo nghiêm khắc thất vọng đối với một học trò ngu đần. "Allon, chắc chắn một người như ông không quá ngây thơ nghĩ rằng cuộc Thức tỉnh Ả Rập sẽ nảy sinh một chế độ dân chủ theo kiểu phương Tây ở Trung Đông. Bạo động có thể bắt đầu với sinh viên và với người theo chủ nghĩa duy vật, nhưng những huynh đệ của tôi sẽ có tiếng nói cuối cùng, chúng tôi là tương lai. Rất tiếc là ông sẽ không nhìn thấy tương lai này. Nhưng trước khi ông rời thế giới này, tôi buộc phải hỏi ông câu cuối cùng, ông có mong ước theo ý muốn của Đạo Hồi và trở thành một người Hồi giáo không?"

"Chỉ khi nào điều này ngăn cản anh giết Nadia thôi."

"Không may là điều này không thể thực hiện được. Tội ác của cô ta còn tệ hơn của ông."

"Nếu vậy thì tôi vẫn là người Do Thái."

"Nếu thế thì cứ như vậy đi."

Rashid đứng dậy. Malik tắt máy quay.

Vùng hoang mạc Empty Quarter tràn ngập ánh sáng khi bóng dáng đầu tiên từ lều bước ra. Có tất cả là mười người – năm người mặc đồ trắng, năm người mặc đồ đen. Họ nhanh chóng leo lên đoàn xe jeep, xe tải và chạy rất nhanh xung quanh trại, đón từng người bảo

vệ. Một lúc sau, họ chỉ còn là những vệt băng qua những cồn cát phía tây nam đi về Yemen.

"Ông muốn cược bao nhiêu, rằng một kẻ trong đám chết tiệt kia là Rashid?" Adrian Carter hỏi một cách yếu ớt.

"Thêm lý do để ông bắn," Navot nói.

"Nhà Trắng sẽ không cho phép điều đó. Không phải ở trên lãnh thổ Ả Rập. Và không biết chính xác ai đang ở đó."

"Chúng là khủng bố và bạn của khủng bố," Shamron nói. "Bắn đi."

"Và nếu như Gabriel là một trong bọn họ thì sao?"

"Tôi e rằng ông ta không ở trong nhóm," Shamron nói.

"Làm sao ông lại chắc chắn như vậy?"

Không nói gì, Shamron chỉ về phía một người trên màn hình.

"Ông có chắc là ông ta không?" Carter hỏi.

"Tôi có thể nhận ra dáng đi này bất cứ đâu."

66

HOANG MẠC EMPTY QUARTER, Ả RẬP SAUDI

Gã *talib* đi dọc theo chân một cồn cát lớn có hình ngôi sao. Một tay, hắn cầm khẩu súng tự động và tay kia kéo Nadia bằng sợi dây trói tay cô. Khi họ đi quanh cồn cát, Nadia trông thấy cái hố to được đào trên sa mạc. Bên cạnh là một đống đá trông giống như xương dưới mặt trời nóng như cắt da. Nadia cố gắng kiên cường như cô tưởng tượng Rena đã tỏ ra can đảm trong những giây phút cuối cùng trước khi chết. Và rồi cô có cảm giác sa mạc bắt đầu xoay và cô quỵ xuống.

"Sẽ không kinh khủng như cô nghĩ đâu," vừa nói, gã *talib* vừa nhẹ nhàng kéo cô lên. "Những giây phút đầu tiên sẽ gây đau đớn nhiều. Rồi *inshallah*, cô sẽ bất tỉnh và sẽ không còn cảm thấy gì hết."

"Làm ơn," Nadia nói, "anh phải tìm một cách nào đó tha cho tôi phải chịu điều này."

"Đây là ý Thượng Đế," gã *talib* nói. "Không thể thay đổi được."

"Đây không phải là ý Thượng Đế, đây là ý của những người xấu."

Tất cả những gì hắn nói là "Đi, cô phải đi."

"Anh có làm điều này với Safia không?"

"Đi."

"Có không Ali?"

"Nếu cô ta vi phạm luật của Thượng Đế. Tôi không có sự lựa chọn."

"Vậy với Hanan? Anh có ném đá vào chính con ruột của anh không?"

Lần này, gã *talib* không nói gì hết. Đi thêm vài bước hắn bắt đầu đọc nho nhỏ kinh Koran cho chính hắn, nhưng với Nadia thì hắn không nói thêm lời nào.

Ở phía bên kia cồn cát cao sừng sững như núi, Gabriel đi chân đất trên cát bên cạnh Malik. Xung quanh ông là bốn gã đàn ông. Ba người trong bọn đã đến Dubai cùng với Malik; người thứ tư là Rafiq al-Kamal. Gã cận vệ được phân công cầm con dao sẽ kết liễu Gabriel và máy camera sẽ quay lại cảnh hành hình Gabriel. Malik và những gã khác cầm súng tự động, loại AK-47S cũ của Liên Xô, loại có thể mua được ở những vùng xa xôi nhất của Yemen, chỉ với vài riyal. Gabriel cẩn thận làm lỏng băng keo bạc trói cổ tay ông và thử tính khả năng ông có thể lấy được khẩu súng. Khả năng này không tốt lắm, ông nghĩ, nhưng chết dưới họng súng chắc chắn tốt hơn là bị chém đầu. Nếu sáng nay, ông phải chết trong hoang mạc Empty Quarter, thì ông sẽ chọn cái chết theo cách của ông. Và, nếu được thì ông sẽ bắt Malik al-Zubair cùng chết với ông.

Bước ra từ bóng mát của cồn cát, Gabriel nhìn thấy Nadia lần đầu tiên từ khi hai người đi ngang qua nhau ở hành lang của Burj Al Arab. Mặc chiếc áo choàng như khăn liệm, Nadia trông đờ người ra vì sợ, và gã jihadi trẻ có bộ râu thưa thớt đang canh giữ cô cũng vậy. Malik bước qua và đẩy gã jihadi trẻ ra. Rồi hắn túm mái tóc đen

của Nadia và kéo cô về phía Gabriel. "Nhìn xem ông đã làm gì," hắn la to át tiếng hét của Nadia. "Đây là điều sẽ xảy ra khi ông quyến rũ người của chúng tôi từ bỏ tín ngưỡng của họ."

"Cô ta chưa bao giờ từ bỏ tín ngưỡng của cô ấy, Malik. Để cô ta đi đi."

"Cô ta đã làm việc cho ông để chống lại chúng tôi. Cô ta phải bị trừng phạt. Và vì tội lỗi của ông, ông sẽ là người ném viên đá đầu tiên."

"Tôi sẽ không làm điều đó." Gabriel nhìn lên trời. Một sự lừa dối cuối cùng. Một lời nói dối cuối cùng. "Và anh cũng sẽ không làm điều đó, Malik."

Malik mỉm cười. Nụ cười thành thật.

"Đây không phải là Pakistan hay Yemen, Allon. Đây là Ả Rập Saudi. Và người Mỹ sẽ không bao giờ bắn tên lửa xuống lãnh thổ của đồng minh lớn nhất của họ, Ngôi nhà của gia tộc Saud. Và cũng không ai biết ông ở đâu. Ông hoàn toàn một mình."

"Anh có chắc điều đó không, Malik?"

Rõ ràng là hắn không chắc điều đó. Vẫn nắm tóc Nadia, hắn ngước mặt nhìn bầu trời. Những người khác cũng vậy, cả al-Kamal nữa. Hắn đứng cách Gabriel gần một mét về phía bên trái, tay cầm dao găm và camera.

"Hãy nghe cẩn thận đây," Gabriel nói. "Các anh có nghe thấy gì không? Nó đang bay vòng trên đầu, và đang quan sát bằng máy camera. Hãy để cô ta đi đi, Malik. Nếu không tất cả chúng ta sẽ chết trong một đám cháy. Các anh sẽ về với Chúa các anh, tôi và Nadia sẽ về với Chúa của chúng tôi."

"Không có thượng đế nào ngoài Thượng Đế, Allon. chỉ có duy nhất Allah."

"Tôi mong rằng anh đúng, Malik, bởi vì anh sắp trông thấy mặt Ngài. Anh có muốn là người tử vì đạo không? Hay anh muốn để người khác tử vì đạo?"

Malik quăng Nadia sang một bên và vung mạnh khẩu AK Kalashnikov vào đầu Gabriel. Gabriel dễ dàng tránh sang bên, và thúc đầu gối vào hạ bộ Malik, làm hắn nằm dài trên cát. Rồi Gabriel xoay người lại, cánh tay duỗi thẳng, bàn tay tựa như lưỡi búa, ngang tầm với cổ Rafiq al-Kamal, nghiền nát cuống họng của hắn. Gabriel nhìn Nadia và đống đá trắng như xương. Rồi ông quơ tay như một tên điên lên trời và hét lên, "Bắn đi! Bắn đi! Là Malik đó, chết tiệt! Bắn đi!"

Adrian Carter gác điện thoại sau khi nói với Nhà Trắng, và ôm mặt. Uzi Navot nhìn chăm chú thêm vài giây, rồi nhắm mắt. Chỉ có Shamron là không nhìn chỗ khác. Tất cả là lỗi của ông, tất cả. Điều tối thiểu ông có thể làm được là nhìn cho đến phút cuối.

Malik đã quỳ gối để đứng dậy và đang mò mẫm tìm khẩu Kalashnikov bị rơi. Gabriel vẫn còn vẫy tay lên bầu trời tàn nhẫn, ông nghe tiếng lách cách kim loại của tiếng lên cò súng và nhìn thấy nòng súng đưa lên. Và rồi, qua kẽ mắt, ông thoáng thấy chiếc áo trắng như khăn liệm của Nadia lóe lên như một linh hồn khi cô chạy

về phía ông. Khi cô chạy ngang qua tầm ngắm, hai bông hoa đỏ thắm xòe tung trên lồng ngực của cô, mặc dù gương mặt cô thật thanh thản kỳ lạ khi cô ngã vào Gabriel. Malik rời khỏi Nadia và chĩa khẩu Kalashnikov xuống mặt Gabriel, nhưng trước khi hắn có thể kéo cò lần nữa, đầu hắn nổ tung trong một tia sáng màu hồng. Nhiều phát súng nối tiếp nhau cho đến khi chỉ còn lại gã jihadi trẻ. Gã đứng và nhìn xuống Gabriel, mặt gã che khuất ánh mặt trời, gã buồn rầu nhìn Nadia.

"Ý Thượng Đế muốn cô ta chết hôm nay," gã nói, "nhưng ít ra cô ta không đau đớn."

"Không," Gabriel nói, "cô ta không đau đớn."

"Ông có bị trúng đạn không?" gã hỏi.

"Một phát thôi," Gabriel nói.

"Họ có đến cứu ông không?"

"Sau cùng, họ sẽ tới."

"Ông có thể cầm cự được đến khi họ tới không?"

"Chắc là có."

"Tôi phải bỏ ông lại một mình. Tôi còn có vợ, và tôi sắp có con."

"Trai hay gái?" Gabriel hỏi, sức lực của ông bắt đầu sút kém.

"Con gái."

"Anh đã chọn tên cho nó chưa?"

"Hanan."

"Hãy tử tế với nó. Hãy tôn trọng nó."

Gã jihadi trẻ quay đi; mặt trời đổ xuống mặt Gabriel. Ông nghe tiếng máy nổ, và thoáng thấy một đám bụi bay trên cát mênh mông. Và sau đó chỉ còn lại sự thinh lặng của sa mạc. Ông vẫy tay lần cuối

lên trời ra dấu cho họ biết là ông còn sống sót. Và rồi ông đưa tay vuốt mắt Nadia, rồi vùi đầu vào ngực cô và khóc trong khi thân thể cô từ từ cứng lại như đá.

PHẦN BỐN

THỨC TỈNH

67

PARIS – LANGLEY – RIYADH

Hơn hai mươi bốn giờ sau, cuối cùng AAB Holdings tiết lộ cho thế giới vị chủ tịch và giám đốc điều hành, Nadia al-Bakari mất tích và được xem như bị bắt cóc. Theo nguồn tin của công ty thì cô đang di chuyển bằng chiếc limousine trên đường từ khách sạn nổi tiếng Burj Al Arab ra sân bay thì bị mất tích. Hai cuộc điện thoại được gọi từ trong xe, cả hai đều từ điện thoại của người cận vệ lâu năm của cô. Trong cuộc gọi thứ nhất, người cận vệ đã chỉ thị cho trưởng phòng Du lịch của AAB là đưa giờ cất cánh của máy bay công ty sớm hơn mười lăm phút, từ 11:00 tối lên 10:45 tối. Bảy phút sau, viên cận vệ lại gọi để báo là cô al-Bakari không khỏe và sẽ quay về khách sạn nghỉ đêm tại đó. Viên cận vệ nói ý cô al-Bakari là những người nhân viên còn lại sẽ quay về Paris theo như dự tính. Không cần phải nói, chính quyền Tiểu vương quốc xem cuộc gọi thứ hai rất đáng nghi, mặc dù họ chưa xác định được viên cận vệ có phải là một phần của âm mưu hoặc chỉ là một nạn nhân khác không. Viên cận vệ cũng mất tích như tài xế của chiếc xe.

Như dự đoán, tin này gây chấn động cho thị trường tài chính toàn cầu vốn đã trong tình trạng lo sợ. Giá cổ phiếu sụp đổ ở châu Âu, nơi mà bề thế của AAB rất lớn, và thị trường Phố Wall giảm mạnh. Nhưng bị ảnh hưởng nặng nhất là Dubai, Inc. Sau khi đã tiêu hàng tỷ để tự miêu tả là một ốc đảo ổn định trong một vùng nhiễu

nhương, tiểu vương quốc giờ như một nơi mà ngay cả những tỷ phú được bảo vệ chặt chẽ nhất cũng không được an toàn. Người Thống trị lên sóng để tuyên bố là thành phố tự trị của mình an toàn và mở cửa để kinh doanh, nhưng những nhà đầu tư thì không mấy tin vào điều đó. Họ liên hồi tấn công những công ty có cơ sở tại Dubai và quỹ đầu tư quốc gia bằng những làn sóng bán tháo tàn nhẫn làm cho thành phố của vàng một lần nữa bấp bênh trên bờ phá sản.

Thêm hai mươi bốn giờ nữa trôi đi mà không có một lời nào về định mệnh của Nadia, giới báo chí không có sự lựa chọn nào ngoài việc khai thác nhiều vào những gì đã xảy ra. Một giả thuyết đưa ra là cô bị ám sát bởi một băng sát thủ người Nga đã mất hàng triệu khi đầu tư vào AAB Holdings. Một giả thuyết khác cho rằng cô đã làm mất lòng những nhóm lợi ích đầy quyền lực ở Dubai khi cô kêu gọi đối xử tốt với những lao động nhập cư vào tiểu vương quốc. Cũng có giả thuyết cho rằng việc bắt cóc chỉ là một trò lừa dối, và đơn giản là Nadia al-Bakari, một trong những người phụ nữ giàu nhất, đi trốn vì những lý do mà không ai biết.

Đáng tiếc là giả thuyết cuối cùng gây được nhiều chú ý trong một bộ phận giới truyền thông, và chẳng bao lâu là giả thuyết nhìn thấy Nadia xuất hiện đột ngột ở những nơi hấp dẫn xung quanh thế giới. Giả thuyết cuối cùng là cô đang sống ở một hòn đảo rất xa trên biển Baltic với con trai một người Thụy Điển giàu có.

Giả thuyết này xuất hiện cùng ngày với lời tuyên bố của vương quốc Ả Rập về việc tìm được xác Nadia ở vùng hoang mạc Empty Quarter. Theo họ, thi thể của nhiều người đàn ông cũng được tìm thấy cùng với thi thể của Nadia, kể cả thi thể của nhân viên cận vệ của cô. Tất cả đều bị giết bằng súng, cô Bakari cũng vậy. Cho đến bây giờ, chính quyền Ả Rập chưa có kẻ tình nghi nào cả.

Bằng cách bảo lưu những lời phát biểu ý kiến trước đây của chế độ Ả Rập, lời tuyên bố chỉ tiết lộ một phần của câu chuyện, ví dụ như không đề cập đến việc cơ quan tình báo Ả Rập đã biết chính xác những tình huống của vụ ám sát cô al-Bakari. Và cũng không tiết lộ rằng một đội tuần tra quân đội Ả Rập đã tìm được thi thể của cô trong vài giờ sau khi cô chết, cùng với kẻ duy nhất sống sót trong vụ ám sát. Bị thương rất nặng, kẻ sống sót này giờ là một nhân vật của những cuộc thương lượng ngoài hành lang nếu không nói là mãnh liệt thì cũng là bí mật, giữa CIA và thành phần có thiện cảm của gia tộc Saud. Cho đến giờ, sự thương thuyết chưa đem lại kết quả gì. Thật ra, khi chính quyền Ả Rập còn dính líu đến thì người đàn ông đang được nói đến không tồn tại. Họ hứa sẽ tìm kiếm ông ta, nhưng không có hy vọng nhiều. Họ cho biết là vùng Empty Quarter không nhân nhượng với những kẻ đột nhập. *Inshallah,* họ sẽ tìm xác ông ta, trừ phi dân du cư không tìm ra ông ta trước họ.

Máy theo dõi cực nhỏ giấu trong cơ thể Gabriel lại cho biết một câu chuyện hoàn toàn khác. Máy theo dõi cho biết là người đàn ông tìm thấy ở vùng Empty Quarter đã được đưa bằng trực thăng đến Riyadh, và chở đến khoảnh đất do Mabahith, cơ quan mật vụ của Bộ Nội vụ, quản lý. Một tuần sau, ông được đưa đi qua Riyadh để đến sa mạc phía tây thành phố. Trong nhiều giờ lo lắng, nhân viên của Rashidistan sợ điều tệ nhất xảy ra, rằng Gabriel sẽ bị hành hình và chôn theo phong tục của Wahhabi, trong một ngôi mộ không bia. Cuối cùng, những người phân tích của cơ quan tình báo có thể rõ ràng giảm bớt căng thẳng để xác định vị trí mới của Gabriel là ở nhà

máy nước thải chính của Riyadh. Điều này có nghĩa là cuối cùng, Gabriel đã đẩy máy theo dõi khỏi đường tiêu hóa. Điều này cũng có nghĩa là bây giờ ông không còn trong phạm vi theo dõi nữa và hoàn toàn ra khỏi phần kiểm soát của Langley.

Viên đạn đã làm gãy hai xương sườn và gây tổn thương cho phổi Gabriel. Người Ả Rập đợi đến khi ông bình phục vừa đủ để có thể thẩm vấn ông. Cuộc thẩm vấn do một người đàn ông cao, mặt có góc cạnh như chim ưng thực hiện. Bộ đồng phục màu xanh ô liu ủi cứng ngắc, nhưng không nhiều huy hiệu. Hắn tự xưng là Khalid, học ở trường bên Anh và có phong cách nói chuyện như người đọc bản tin của BBC.

Hắn bắt đầu bằng việc hỏi tên Gabriel, giải thích nhanh vì sao Gabriel lại ở vùng Empty Quarter và lại ôm lấy thi thể của một phụ nữ Ả Rập. Gabriel nói tên ông là Roland Devereaux đến từ Quebec, ông nói mình bị quân Hồi giáo cực đoan bắt trong khi ông đang đến Dubai bàn công việc kinh doanh, ông bị đánh đến bất tỉnh và đưa đến sa mạc để giết. Có một cuộc tranh cãi giữa những tên khủng bố dẫn đến nổ súng, ông không biết nội dung của cuộc tranh cãi vì ông không biết tiếng Ả Rập.

"Không biết chữ nào hết sao?"

"Tôi có thể gọi cà phê."

"Ông muốn cà phê như thế nào?"

"Hơi ngọt."

"Tính chất công việc kinh doanh của ông tại Dubai là gì?"

"Tôi làm cho một công ty vận chuyển hàng hóa."

"Còn người đàn bà chết trên tay ông?"

"Tôi chưa bao giờ thấy cô ta trước đây."

"Ông có bao giờ biết tên cô ta không?"

Gabriel lắc đầu, và hỏi đại sứ quán của ông có biết ông ở đây không.

"Đại sứ quán nào?" gã Ả Rập hỏi.

"Dĩ nhiên là đại sứ quán Canada."

"Ồ phải rồi," Khalid mỉm cười nói. "Tôi đang nghĩ gì vậy không biết?"

"Anh đã liên lạc với họ chưa?"

"Chúng tôi đang tiến hành."

Tên sĩ quan ghi nhanh vào cuốn sổ rồi bỏ đi. Gabriel bị còng tay và quay về xà lim. Sau đó không ai nói với ông trong nhiều ngày.

Khi Gabriel được quay lại phòng tra hỏi, ông thấy một chồng hồ sơ xếp trên bàn. Khalid, tên chim ưng, đang hút thuốc, một điều mà hắn đã kìm hãm từ cuộc gặp đầu tiên với Gabriel. Lần này, hắn không hỏi, thay vào đó hắn bắt đầu độc thoại không phải giống như cuộc độc thoại mà Gabriel đã phải chịu đựng dưới chân Rashid al-Husseini. Tuy nhiên, trong trường hợp này, đề tài không phải là sự chiến thắng không tránh được của Hồi giáo Salafi mà là sự nghiệp lâu dài và gây tranh cãi của một sĩ quan tình báo Israel có tên gọi là Gabriel Allon. Thông tin của Khalid rất chính xác. Đặc biệt, xoáy vào vai trò của Gabriel trong việc ám sát Abdul Aziz al-Bakari và việc sử

dụng con gái của Zizi như một phương tiện để thâm nhập vào mạng lưới khủng bố của Rashid al-Husseini và Malik al-Zubair.

"Nadia là người chết trên tay ông ở Empty Quarter," gã Ả Rập nói. "Malik đã ở đó. Chúng tôi muốn ông nói cho chúng tôi biết chuyện xảy ra thế nào."

"Tôi e rằng tôi không hiểu anh đang nói gì."

"Lời thú tội của ông qua video tràn ngập Internet và truyền hình, Allon. Nếu ông không hợp tác với chúng tôi, chúng tôi sẽ không còn lựa chọn nào khác là đưa ông ra tòa và công khai xét xử ông."

"Anh thật chu đáo quá."

"Tôi e rằng bánh xe công lý của người Ả Rập không nghiền nát từ từ."

"Nếu tôi là anh, tôi sẽ nói với Hoàng thân nghĩ lại việc xử công khai, ông ta có thể trả giá cho điều này bằng những mỏ dầu của mình."

"Những mỏ dầu này thuộc về nhân dân Ả Rập Saudi."

"Ồ, phải rồi," Gabriel nói. "Tôi đang nghĩ gì vậy không biết?"

Trong nhiều đêm tiếp, từ trong xà lim của mình, Gabriel nghe vọng lại tiếng la hét của những phạm nhân bị tra tấn. Không ngủ được, Gabriel bị nhiễm trùng và phải chích kháng sinh qua tĩnh mạch, ông bị sụt nhiều ký. Gabriel gầy đến nỗi khi ông được giải đến thẩm vấn lần tiếp theo, ngay cả tên chim ưng cũng tỏ vẻ lo lắng.

"Có lẽ ông và tôi, chúng ta có thể thỏa hiệp với nhau," hắn gợi ý.

"Thỏa hiệp gì?"

"Ông trả lời những câu hỏi của tôi, và tôi sẽ để ông vừa kịp quay về với những người thân mà vẫn giữ được mạng."

"Tại sao tôi phải tin anh?"

"Bởi vì hiện giờ, ông bạn thân mến, tôi là người bạn duy nhất của ông."

Có một sự thật hiển nhiên liên quan đến thẩm vấn. Sớm hay muộn sẽ phải khai. Không chỉ khủng bố, mà cả những sĩ quan tình báo chuyên nghiệp. Nhưng vấn đề là họ sẽ khai *như thế nào*, và khai gì để họ có thể nhìn thẳng vào mắt đồng nghiệp của mình nếu họ được thả ra. Gabriel hiểu điều đó, và gã chim ưng cũng vậy.

Tuần kế tiếp họ cùng nhau lao vào một vũ điệu lừa dối tinh vi. Khalid hỏi nhiều câu hỏi với từng từ trau chuốt và Gabriel đáp trả bằng những câu trả lời một nửa là thật, và nửa kia là những lời hoàn toàn dối trá. Những chiến dịch mà ông phản bội không tồn tại. Cũng như những tài sản đã thanh toán, nhà an toàn, hoặc những phương pháp để bảo mật thông tin liên lạc; tất cả đều được Gabriel bịa đặt trong thời gian dư dả mà ông ở trong xà lim. Có một vài điều mà ông yêu cầu không nên biết và những điều mà ông từ chối tiết lộ. Ví dụ như khi Khalid hỏi tên những gián điệp ngầm tại châu Âu thì Gabriel không nói gì. Ông cũng từ chối không trả lời khi được hỏi về tên những sĩ quan đã hợp tác với ông chống lại Rashid và Malik. Trước sự không nhượng bộ của Gabriel, tên chim ưng không tức giận, thật ra hắn còn có vẻ tôn trọng Gabriel hơn.

"Tại sao ông không cho tôi vài tên giả để tôi có thể đưa cho cấp trên của tôi?" Khalid hỏi.

"Bởi vì cấp trên của anh quá biết tôi để nhận ra rằng tôi không bao giờ phản bội bạn thân của tôi," Gabriel nói. "Họ sẽ không bao giờ tin những tên tôi đưa ra là thật."

Còn một sự thật hiển nhiên khác liên quan đến những cuộc thẩm vấn. Đôi lúc, chúng cho biết nhiều về người thẩm vấn hơn là người bị thẩm vấn. Gabriel đã biết Khalid là một kẻ chuyên nghiệp hơn là một tín đồ. Hắn không hoàn toàn là một người không hiểu lý lẽ. Hắn có lương tâm. Có thể điều đình với hắn được. Từ từ, dần dần họ có thể tạo ra một sự liên kết với nhau. Một liên kết giữa những dối trá, loại lừa dối chỉ có thể có trong thế giới ngầm.

"Có phải con trai ông đã bị giết chết vào cái tối ở Vienna không?" Khalid đột ngột hỏi vào một buổi trưa. Hoặc có lẽ vào đêm khuya; Gabriel chỉ có một khái niệm mơ hồ về thời gian.

"Con trai tôi không dính líu gì đến chuyện này."

"Con trai ông dính líu đến mọi chuyện," Khalid nói một cách ranh mãnh. "Con trai ông là lý do ông đã theo dõi tên *shahid ở* Covent Garden. Nó cũng là lý do ông cho phép Shamron và những người Mỹ dụ dỗ ông quay lại ván cờ."

"Anh có những nguồn tin tốt đấy," Gabriel nói.

Khalid mỉm cười chấp nhận lời khen. "Nhưng còn một điều tôi vẫn chưa hiểu," hắn nói. "Làm thế nào mà ông có thể thuyết phục Nadia làm việc cho ông?"

"Tôi là dân chuyên nghiệp, giống anh."

"Tại sao ông không nhờ chúng tôi hỗ trợ?"

"Các anh có hỗ trợ không?"

"Dĩ nhiên là không."

Gã Ả Rập lật những trang của quyển sổ, hơi nhíu mày giống như đang xem xét sẽ hỏi tiếp Gabriel câu gì. Là một người sành sỏi trong việc thẩm vấn, Gabriel biết là tất cả màn trình diễn này có lợi cho ông. Cuối cùng, gần như bất chợt nghĩ ra, gã Ả Rập hỏi, "Có thật là cô ta bị ốm không?"

Câu hỏi làm Gabriel bất ngờ. ông không tìm được cách trả lời nào khác ngoài sự thật. "Phải," một lúc sau Gabriel nói, "cô ta không còn sống được bao lâu."

"Chúng tôi có nghe tin đồn về điều này một thời gian rồi," gã Ả Rập nói, "nhưng chúng tôi không bao giờ chắc chắn."

"Cô ta giữ bí mật điều này, không cho ai biết, kể cả nhân viên của cô ta. Ngay cả những người bạn thân thiết của cô ta cũng không hề biết."

"Nhưng ông biết?"

"Cô ta tâm sự với tôi vì chiến dịch."

"Và bệnh của cô ta là gì?" gã Ả Rập hỏi, giơ cao cây bút chì trên quyển sổ giống như bệnh của Nadia chỉ mà một chi tiết nhỏ cần làm sáng tỏ cho bản báo cáo chính thức.

"Cô ta bị một chứng rối loạn gọi là dị dạng động tĩnh mạch," Gabriel trả lời một cách điềm tĩnh. "Bệnh này là sự nối thông bất thường giữa tĩnh mạch và động mạch trên não. Bác sĩ của cô ta nói rằng không thể điều trị được. Cô ta biết chỉ là vấn đề thời gian trước khi cô ta bị đột quỵ. Cô ta có thể chết bất cứ lúc nào."

"Cho nên cô ta mới tự tử bằng cách hứng viên đạn dành cho ông trên sa mạc?"

"Không," Gabriel nói. "Cô ta đã hy sinh chính mình." Gabriel ngừng lại rồi tiếp. "Cho tất cả chúng ta."

Khalid nhìn xuống đống hồ sơ một lần nữa. "Không may là cô ta đã tử vì đạo cho những phụ nữ cấp tiến của chúng tôi. Câu hỏi đã được đặt ra về những hoạt động từ thiện của cô ta. Rõ ràng cô ta là một loại người cải cách."

"Vì vậy nên các anh phải giết cô ta?"

Mặt Khalid không biểu lộ điều gì. "Cô al-Bakari bị Rashid và Malik giết chết."

"Đúng vậy," Gabriel nói, "nhưng có ai đó nói với họ rằng cô ta làm việc cho chúng tôi."

"Có thể là họ có một nguồn tin gần với người của các ông."

"Hoặc có thể là chính các anh," Gabriel trả lời. "Có thể Rashid và Malik chỉ là những con tốt, một phương tiện để loại bỏ một mối nguy hiểm nghiêm trọng cho gia tộc Saud."

"Đây chỉ là một phỏng đoán của ông."

"Đúng," Gabriel nói, "nhưng nó được củng cố bằng lịch sử. Bất cứ lúc nào mà al-Saud cảm thấy bị đe dọa, họ đều nhờ vả những người có râu."

"Những người có râu như ông gọi, là mối đe dọa của chúng tôi hơn là các ông."

"Vậy thì tại sao anh vẫn còn hỗ trợ cho họ? Đã mười năm kể từ 11/9. Mười *năm*," Gabriel lặp lại, "và Ả Rập Saudi vẫn còn là máy in tiền cho khủng bố và nhóm Sunni cực đoan. Chỉ có duy nhất một lý do. Cuộc giao kèo với ma quỷ đã được khôi phục. Gia tộc Saud muốn làm ngơ trước những cuộc khủng bố của Hồi giáo chừng nào mà sự cuồng nộ thiêng liêng này hướng ngoại, xa những mỏ dầu."

"Chúng tôi không mù như ông tưởng đâu."

"Tôi đã rót cho nhóm khủng bố Sunni hàng mười triệu đô la trong vụ mỏ dầu của Ả Rập Saudi."

"Đó là lý do vì sao ông ở đây."

"Vậy tôi nghĩ rằng tù trưởng Bin Tayyib cũng bị giam giữ ở đâu đó trong tòa nhà này phải không?"

Khalid không trả lời, mà chỉ mỉm cười một cách khó chịu. Hắn hỏi thêm vài câu, không có câu nào quan trọng, sau đó buổi thẩm vấn kết thúc. Sau đó hắn làm một việc không bình thường là tháp tùng Gabriel về xà lim. Hắn nấn ná thêm một lúc ngoài hành lang trước khi mở cửa. "Tôi nghe nói là đích thân tổng thống Mỹ rất quan tâm đến trường hợp của ông," hắn nói. "Theo tôi đoán thì ông sẽ không còn ở lâu với chúng tôi nữa."

"Khi nào thì tôi có thể đi?"

"Khuya nay."

"Bây giờ là mấy giờ?"

Gã chim ưng mỉm cười. "Quá năm giờ rồi."

Một bộ quần áo mới được trải trên giường trong xà lim của Gabriel. Khalid để Gabriel một mình thay đồ. Sau đó hắn hộ tống Gabriel lên nhiều cầu thang đến một sân trong. Một chiếc SUV đang đợi dưới ánh trăng. Chiếc xe rất lớn theo kiểu xe của Mỹ, cũng giống như bốn người đàn ông đứng xung quanh. "Tôi đã để hai thứ trong túi áo trên của ông," Khalid nhẹ nhàng nói khi họ băng qua sân. "Một thứ là viên đạn đã bắn xuyên qua Nadia và trúng ông. Thứ còn lại là một

lời nhắn cho Adrian Carter, ông hãy nghĩ đến nó như một món quà chia tay để giúp ông nhớ lại thời gian ông ở với chúng tôi."

"Lời nhắn gì vậy?"

"Một vài thông tin mà ông ta sẽ thấy hữu dụng. Tôi sẽ rất cảm kích nếu ông không nêu tên tôi."

"Có gì tốt không?"

"Thông tin à? Tôi nghĩ ông nên tin tôi."

"Tôi e rằng tôi không quen với từ này."

"Ông có học được điều gì từ cô ta không?" Khalid hất đầu về phía chiếc SUV. "Nếu tôi là ông, tôi sẽ nhanh chóng vào xe. Hoàng thân được đánh giá là người hay thay đổi."

Gabriel bắt tay Khalid trước khi theo những người Mỹ. Họ đi rất nhanh đến một căn cứ không quân ở phía bắc Riyadh và đẩy Gabriel vào chiếc Gulfstream đang đợi ở đó. Trên máy bay có một bác sĩ; ông ta bơm dung dịch vào thân thể gầy gò của Gabriel và có vẻ lo ngại về tình trạng vết thương bên sườn của ông. Cuối cùng ông ta để Gabriel ngủ. Giấc ngủ của Gabriel đầy mộng mị về cái chết của Nadia, ông giật mình tỉnh dậy khi máy bay đáp xuống đường băng của sân bay thành phố London. Khi cửa máy bay mở ra, ông trông thấy Chiara và Shamron đang đợi ở đường băng, ông nghĩ rằng họ là hai người còn lại trên thế gian trông thảm hại hơn ông.

68

BÁN ĐẢO LIZARD, CORNWALL

Shamron ở phòng ngủ dự phòng. Ông ta cho biết là sẽ ở thường xuyên. Ông nói với Chiara rằng cơn ác mộng ở vùng Empty Quarter đã cho ông một nhiệm vụ cuối cùng.

Ông tự phong cho mình làm cận vệ của Gabriel, làm bác sĩ, và là nhà tâm lý trị liệu cho Gabriel, ông đưa ra những lời khuyên không được yêu cầu và chịu đựng sự phiền muộn cùng những bốc đồng của bệnh nhân bằng một thái độ im lặng vô cảm. Hiếm khi ông cho phép Gabriel rời xa ông. Ông lén theo Gabriel qua những gian phòng của căn nhà, đi bộ với Gabriel trên bãi biển đến những vịnh nhỏ, và ngay cả đi với Gabriel xuống làng để đi chợ. Gabriel bảo với những người chủ tiệm Shamron là cậu mình và ông ta từ Milan đến. Trước mặt mọi người, Gabriel chỉ nói với Shamron bằng tiếng Ý, một thứ tiếng mà Shamron không hiểu gì hết.

Trong những ngày Gabriel quay về Cornwall, thời tiết đã bắt đầu vào mùa mưa, điều này hợp với tâm trạng của cả ba người. Chiara nấu những món công phu và cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy Gabriel lấy lại một ít số ký mà ông đã mất khi ở trong tù của Ả Rập Saudi. Tuy nhiên, trạng thái cảm xúc của ông không thay đổi. Gabriel ngủ ít, và dường như không thể kể lại những gì đã xảy ra trên sa mạc. Uzi Navot cho một bác sĩ đến khám cho Gabriel. "Mặc cảm có tội,"

bác sĩ nói sau khi đã ở một mình với Gabriel một tiếng. "Mặc cảm có tội rất lớn, khó giải thích và dai dẳng, ông ta đã hứa bảo vệ cho cô ấy, nhưng cuối cùng ông ta đã bỏ rơi cô ấy. Ông ta không thích làm phụ nữ thất vọng."

"Chúng ta có thể làm gì?" Chiara hỏi.

"Cho ông ta thời gian và không gian đi," vị bác sĩ nói. "Và không nên đòi hỏi ở ông ta nhiều quá trong một thời gian."

"Tôi không nghĩ có Ari bên cạnh sẽ giúp được gì."

"May mắn sẽ giúp ông ta thoát khỏi tình trạng này," vị bác sĩ nói. "Cuối cùng thì Gabriel cũng sẽ khỏi, nhưng tôi không chắc lắm đối với Ông Già. Hãy để ông ấy ở đây cho đến khi nào ông ấy muốn, ông ta sẽ biết khi đến lúc phải đi."

Gabriel mất thói quen thường lệ hàng ngày. Không ngủ được ban đêm, ông ngủ ban ngày khi lương tâm ông cho phép. Ông ủ rũ, nhìn chằm chằm mưa và biển, ông tản bộ đến vịnh nhỏ. Đôi khi ông ngồi ngoài hiên và dùng than để vẽ trên giấy. Tất cả những phác họa của ông đều liên quan đến chiến dịch. Phần nhiều là phác họa Nadia. Hốt hoảng, Chiara bí mật chụp lại những phác họa này và e-mail cho bác sĩ để ông phân tích. "Gabriel là người trị liệu tốt nhất cho mình," bác sĩ nói trấn an. "Hãy để ông ta tự mình giải quyết."

Nadia luôn luôn hiện diện với họ. Họ không nỗ lực để lánh xa cô ta. Ngay cả khi họ cố gắng, những biến cố ở Trung Đông cũng làm cho điều này không thực hiện được. Từ Maroc đến Các tiểu vương quốc, thế giới Ả Rập bốc cháy dưới làn sóng mới của những bất ổn trong dân chúng.

Lần này, ngay cả những chế độ quân chủ của những người Hồi giáo Sunni cũ cũng có thể bị tấn công. Bị tác động bởi việc ám sát

tàn bạo Nadia, hàng ngàn phụ nữ Ả Rập túa xuống đường. Nadia là vị thánh tử vì đạo và là thần hộ mệnh của họ. Họ hô vang tên cô, và cầm những biểu ngữ có hình Nadia. Với sự thôi thúc khủng khiếp từ thông điệp và tín ngưỡng của Nadia, một số người tuyên bố họ muốn bắt chước cô bằng cách cũng tử vì đạo.

Những người canh giữ lệ luật cũ cố gắng làm mờ danh tiếng của Nadia bằng cách xây dựng hình tượng Nadia như một gián điệp và kẻ khiêu khích. Qua những lời tự thú của Gabriel không ngừng xuất hiện trên Internet và trên kênh tin tức của Ả Rập, những lời buộc tội Nadia bị vô hiệu hóa trên phạm vi rộng lớn. Sự sùng bái Nadia càng lớn mạnh hơn khi Zoe Reed của đài CNBC dành nguyên một phần của chương trình phát vào giờ vàng nói về ảnh hưởng sau cái chết của Nadia đến cuộc Thức tỉnh Ả Rập. Trong suốt buổi phát sóng, Zoe tiết lộ rằng cô đã nhiều lần gặp riêng Nadia, và người phụ nữ thừa kế này xác nhận rằng cô đã bí mật rót hàng chục triệu đô la để cải tổ đường lối tổ chức của thế giới Ả Rập và Hồi giáo. Chương trình phát sóng cũng tố cáo cơ quan tình báo Ả Rập Saudi đã âm mưu gây ra cái chết của Nadia – lời tố cáo này nhận được phản đối kịch liệt từ phía gia tộc Saud, cùng với sự đe dọa thông thường từ chối cung cấp dầu cho phương Tây. Lần này, không ai quan tâm đến nhiều. Giống như những chế độ khác trong khu vực, gia tộc al-Saud đang cố gắng bám trụ để thoát khỏi cái chết.

Sau đó, vào tháng Sáu, người Mỹ làm ầm ĩ về cuộc phỏng vấn sau chiến dịch. Chiara áp đặt việc hạn chế triệt để lượng thời gian những người điều tra được phép sử dụng với đối tượng của họ – hai tiếng vào buổi sáng, hai tiếng vào buổi chiều, tất cả trong ba ngày. Với tư cách là những khách du lịch, họ ở nhà khách nhỏ tồi tàn mà đích thân Gabriel đã chọn ở Helston. Buổi họp được tổ chức ở bàn

trong phòng ăn. Shamron ở cạnh Gabriel như một luật sư trong buổi lấy lời khai. Buổi họp không có thu âm.

Chiara sợ rằng cuộc phỏng vấn sẽ khơi lại những tổn thương vừa mới bắt đầu lành của Gabriel. Nhưng thật ra đây lại chính là loại trị liệu mà Gabriel đang rất cần. Phương pháp chuyên nghiệp đòi hỏi một thái độ lạnh lùng và không biểu lộ xúc cảm trong quy trình thẩm vấn. Những nhân viên hỏi cung đặt câu hỏi với giọng điệu khô khan của những cảnh sát điều tra một vụ tai nạn giao thông không quan trọng, và Gabriel cũng trả lời bằng cùng một giọng điệu, chỉ khi những nhân viên hỏi cung yêu cầu ông mô tả lại giây phút lâm chung của Nadia thì giọng Gabriel mới biểu lộ cảm xúc. Khi Shamron yêu cầu đổi đề tài thì những nhân viên hỏi cung để một tấm hình của một thanh niên Ả Rập vừa mới tốt nghiệp từ chương trình phục hồi phong trào khủng bố trên bàn.

"Ông có nhận ra hắn không?"

"Có," Gabriel nói. "Hắn là người đã giết Malik và những tên khác."

"Tên hắn là Ali al-Masri," một trong những người Mỹ nói.

"Hắn đang ở đâu?"

"Sống lặng lẽ ở Jeddah. Hắn đã thoát ra ngoài phạm vi kiểm soát của tù trưởng Bin Tayyib và dường như đã thực sự rời bỏ phong trào thánh chiến, vợ hắn vừa sinh một bé gái."

"Hanan," Gabriel nói. "Tên đứa bé là Hanan."

Buổi thẩm vấn kết thúc. Tối đó, Chiara bãi bỏ việc cấm xem ti vi trong lúc ăn tối mà nàng đã áp dụng trước đây, nên họ có thể xem thông tin được tiết lộ về thế giới Ả Rập. Chế độ ở Syria và Jordan đang loạng choạng, và đã có những báo cáo cho biết Ả Rập Saudi đã ra lệnh cho vệ binh quốc gia bắn vào những người chống đối ở

Riyadh và Jeddah, giết hàng chục người. Hoàng tử Nabil, ngài bộ trưởng bộ Nội vụ đầy quyền lực của Ả Rập Saudi, khiển trách sự bất ổn của chế độ Hồi giáo thuộc dòng Shiite và những người ủng hộ Nadia al-Bakari. Những lời bình luận của ông vô tình đề cao hình tượng của Nadia giữa những người biểu tình đòi hỏi cải cách.

Sáng hôm sau, Nadia cũng trở thành một anh hùng quá cố trong thế giới nghệ thuật khi Viện bảo tàng Mỹ thuật Hiện đại ở New York tuyên bố đã được ủy thác toàn bộ bộ sưu tập tranh của Nadia, trị giá ít nhất là năm tỷ đô la. Đổi lại Viện bảo tàng đã đồng ý cho công ty bất động sản của Nadia đề cử người quản lý đầu tiên. Khi cô sải bước lên bục để gặp giới báo chí lần đầu tiên, những kiều dân của thế giới nghệ thuật thở phào nhẹ nhõm. Họ không biết nhiều về Sarah Bancroft, nhưng ít ra cô cũng chung một sắc tộc với họ.

Sarah Bancroft gọi cho Chiara ngày hôm sau. Từ Adrian Carter, Sarah biết rằng sự hồi phục của Gabriel không tốt, và Sarah nghĩ rằng mình có thể giúp cho Gabriel. Đây là một đề nghị. Một sự ủy nhiệm. Chiara chấp nhận lời đề nghị mà không màng hỏi ý Gabriel. Chiara chỉ hỏi về phạm vi và thời gian hoàn thành. Phạm vi rất rộng, và thời gian rất chặt chẽ. Gabriel có hai tháng để hoàn thành. Chiara không lo ngại; trước đây chồng nàng đã phục chế bức Titian chỉ trong vài ngày. Hai tháng là một thời gian vô tận. Sáng hôm sau, Gabriel bắt tay vào việc bằng cách gắn chặt một miếng vải trắng vào khung căng mà ông tự chế. Sau đó ông để Chiara ở một đầu của cái ghế dài và sắp xếp chân tay nàng như một ma-nơ-canh bằng gỗ họa sĩ hay dùng để phác thảo cho đến khi chúng tương thích với hình

ảnh ông có trong trí nhớ. Ông dành một tuần để xử lý những thành phần trên giấy, ông bắt đầu vẽ khi đã hài lòng.

Những ngày giữa mùa hè rất dài. Bức tranh chân dung cho chúng lý do để dài như thế. Gabriel làm việc nhiều giờ vào buổi sáng, nghỉ ăn trưa và đi tản bộ đến vịnh, sau đó trở lại làm việc cho đến khi mặt trời lặn trên biển.

Sự canh chừng thường xuyên của Shamron làm ông mất bình tĩnh. Chiara cũng để mắt đến ông nhưng từ xa. Như nàng mong ước, công việc này là sự cứu rỗi của Gabriel. Chiara nghĩ có một số người đối diện với sự đau buồn bằng cách nói chuyện với những nhà trị liệu, và một số khác cảm thấy cần phải viết lách. Nhưng đối với Gabriel, vẽ tranh sơn dầu luôn là lối thoát tốt nhất, cũng như trước đây đối với mẹ của Gabriel. Đứng trước giá vẽ, ông hoàn toàn là người kiểm soát. Những sai sót có thể sửa lại bằng một vài nét vẽ, và che giấu dưới một lớp màu. Không ai đổ máu. Không ai chết. Không ai tìm cách trả thù. Chỉ có vẻ đẹp và sự thật khi ông nhìn vào.

Gabriel vẽ mà không cần có phác thảo trước và với một bảng màu chi phối bởi những màu sắc mà ông đã được nhìn thấy ở vùng Empty Quarter. Phối hợp giữa công việc tỉ mỉ của những bậc thầy xưa với nét vẽ phóng khoáng của trường phái Ấn tượng, Gabriel đã thực hiện một bức tranh mang cảm xúc vừa cổ điển vừa đương thời. Ông vẽ ngọc trai xung quanh cổ của cô, và trang trí kim cương cùng vàng trên tay của cô. Mặt đồng hồ tỏa sáng như ánh trăng phía sau vai cô. Hoa lan trải ra dưới chân trần của cô. Trong nhiều ngày, ông phân vân về hậu cảnh. Cuối cùng ông chọn cho cô xuất hiện từ

bóng tối theo kiểu Caravaggio. Hoặc là cô đang chìm vào bóng tối. Điều này sẽ được xác định qua sự phẫn nộ đang dâng tràn trên những đường phố của thế giới Ả Rập.

Mặc cho sự căng thẳng của công việc, tình trạng của Gabriel cải tiến một cách đáng kể. Ông lên ký. Ông ngủ nhiều hơn. Sự đau nhức của những vết thương giảm đi dần. Cùng với thời gian, Gabriel cảm thấy đủ mạnh khỏe để leo lên trên vách đá. Mỗi ngày ông lang thang xa hơn một chút, và Shamron không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc canh chừng ông từ xa. Tâm trạng ông buồn rầu hơn khi Gabriel vuột ra từ từ khỏi tầm tay ông. Ông biết đã đến lúc phải đi, ông chỉ không biết làm cách nào để thực hiện điều này. Chiara lặng lẽ thu xếp một vấn đề cần sự có mặt của ông ở Đại lộ King Saul. Không thể thu xếp được một mình, Chiara không còn lựa chọn nào khác là kêu gọi sự giúp đỡ của Gilah. Gilah có vẻ như thích thú tận hưởng sự vắng mặt lâu dài của Shamron. Một cách miễn cưỡng, Gilah bảo rằng chồng bà có thể ở lại Cornwall cho đến khi nào bức tranh được hoàn thành. Rồi sau đó ông có thể về nhà.

Và như vậy, với cảm giác không thoải mái, Shamron nhìn thấy hình ảnh của Nadia al-Bakari sống lại từ từ trên bức tranh. Nỗ lực của Gabriel tăng lên khi bức tranh sắp xong. Mặc dù cùng một lúc ông có vẻ không thích hoàn thành nó. Hiếm khi bị bao vây bởi một tâm trạng phân vân, ông thêm, bớt vô kể vào bức tranh. Cá nhân Shamron nhận ra Gabriel không có khả năng xa rời bức tranh. Khi Gabriel trì hoãn việc hoàn thành bức tranh là thêm một ngày nữa Shamron có thể ở lại với ông.

Cuối cùng, những sửa đổi trên bức tranh cũng ngừng và Gabriel bắt đầu sống bình an với tác phẩm của mình. Không phải chỉ với Nadia – mà là bình an với tất cả. Shamron nhìn thấy hình bóng của

sự chết chóc dần dần rời khỏi gương mặt Gabriel, và vào một buổi sáng cuối tháng Tám, khi ông bước vào xưởng vẽ dã chiến của Gabriel, ông nhìn thấy Gabriel như một thanh niên tài năng mà ông đã kéo ra khỏi Viện Nghệ thuật và Thiết kế Bezalel ở Jerusalem vào mùa thu kinh khủng năm 1972. Chỉ có tóc của Gabriel là khác. Lúc trước, tóc ông gần như đen giống tóc Nadia. Nay đã điểm xám ở thái dương – vết tro trên hoàng tử của lửa.

Gabriel đứng trước bức tranh, một tay bóp cằm, đầu hơi nghiêng về một phía. Nadia tỏa sáng dưới ánh sáng trắng của đèn halogen. Bức tranh là chân dung một phụ nữ không che mạng, chân dung một vị thánh tử vì đạo. Chân dung một gián điệp.

Im lặng, Shamron nhìn Gabriel trong nhiều phút. Cuối cùng ông hỏi, "Xong chưa con trai?"

"Xong rồi Abba*," Gabriel trả lời một lúc sau. "Tôi nghĩ là đã xong."

Những người vận chuyển đến vào sáng hôm sau. Khi Gabriel đi bộ trên những vách đá trở về thì Shamron đã đi. Trước khi đi, ông nói với Chiara như vậy tốt hơn. Điều cuối cùng mà Gabriel cần bây giờ là một cảnh hỗn loạn khác.

69

THÀNH PHỐ NEW YORK

Tổ chức buổi lễ hội khai mạc khu vực nằm bên hông dành cho Nadia al-Bakari vào ngày tưởng niệm biến cố 11/9 là ý kiến của Sarah Bancroft. Vị chỉ huy của Lực lượng Đặc nhiệm chống Khủng bố chung New York đề nghị nên khôn ngoan hơn, chọn một ngày ít tiêu biểu hơn, do tình trạng hỗn loạn hiện nay của Trung Đông, nhưng Sarah kiên quyết với sự lựa chọn của mình. Lễ hội khai mạc này sẽ được tổ chức vào chiều ngày 11 tháng Chín. Nếu lực lượng Đặc nhiệm không có cách để giữ an ninh thì Sarah biết có người có thể làm điều này.

Hàng ngàn người biểu tình đến lễ hội sớm, gây rối loạn trên đường Tây 53. Phần đông là phụ nữ, và những người hoạt động cho nhân quyền hỗ trợ việc đem lại thay đổi cho Trung Đông của Nadia, trừ một số ít cực đoan của thánh chiến ở Brooklyn và New Jersey xuất hiện để tố cáo Nadia như một kẻ dị giáo. Có vẻ như không ai để ý đến Gabriel và Chiara khi họ bước ra khỏi chiếc Escalade và đi nhanh vào bảo tàng. Một bảo vệ hộ tống họ lên lầu đến văn phòng của Viện bảo tàng Mỹ thuật Hiện đại. Sarah đang đứng trong văn phòng và đang cố kéo dây kéo của cái áo dạ hội. Chỗ nào cũng có những tập chuyên khảo chính thức về bộ sưu tập của bảo tàng. Chân dung của Nadia do Gabriel vẽ ở trang bìa.

“Ông đã gây áp lực cho chúng tôi,” vừa hôn lên má Gabriel, Sarah vừa nói. “Chúng tôi gần như phải sử dụng bản bìa dự phòng.”

“Tôi có chút khó khăn để đi đến kết luận cuối cùng.” Gabriel nhìn xung quanh văn phòng rộng lớn và nói. “Không tệ lắm cho một nhà quản lý trước đây của Phillips Collection. Tôi mong rằng những đồng nghiệp của cô không bao giờ phát hiện về thời gian nghỉ phép ngắn ngày mà cô đã sử dụng khi rời Viện Mỹ thuật Isherwood ở London.”

“Họ nghĩ rằng tôi đã dành nhiều năm để tham dự lớp học tư nhân tại châu Âu. Lỗ hổng về nguồn gốc của tôi chỉ thêm phần cho sự quyến rũ của tôi thôi.”

“Có điều gì đó làm tôi nghĩ là cuộc sống tình cảm của cô có phần tốt hơn.” Gabriel liếc nhìn chiếc áo dạ hội của Sarah. “Đặc biệt là tối nay.”

“Là áo hiệu Givenchy đó. Đắt tiền kinh khủng.”

Vừa giúp Sarah kéo dây kéo, Chiara vừa nói “Áo đẹp lắm và cô cũng vậy.”

“Thật buồn cười khi thế giới có vẻ khác đi khi mình không ngồi trong một căn phòng tối ở Langley, để theo dõi từng cử động của khủng bố.”

“Đừng quên là chúng vẫn còn ngoài kia,” Gabriel nói. “Hoặc là một vài đứa biết tên cô.”

“Tôi nghĩ rằng tôi là người quản lý bảo tàng được canh chừng nhất trên thế giới.”

“Ai phụ trách việc này?”

“Cơ quan tình báo,” Sarah nói, “với sự hỗ trợ của Lực lượng đặc nhiệm. Tôi e rằng hiện giờ họ đang bực mình tôi. Adrian cũng vậy.

Ông ta đang tìm cách nào đó để tiếp tục trả lương cho tôi."

"Ông ta sao rồi?"

"Tốt hơn nhiều, từ khi McKenna rời Nhà Trắng."

"Công việc của ông ta có khá hơn không?"

"Theo tin đồn, ông ta sắp chuyển sang làm việc ở Viện Hòa bình."

"Tôi chắc là ông ta sẽ rất hạnh phúc ở đó." Gabriel lấy một bản của cuốn chuyên khảo và nhìn hình bìa.

"Ông có muốn nhìn quang cảnh thật trước khi đám đông đến không?"

Gabriel nhìn Chiara. "Anh đi đi," nàng nói, "em sẽ đợi ở đây."

Sarah đưa ông xuống dưới đến cổng của khu vực al-Bakari. Những người cung cấp thức ăn đang đặt bánh mì nướng có bơ lên bàn và đang mở những chai champagne đầu tiên. Gabriel đi đến chỗ để bức chân dung Nadia và đọc tiểu sử của Nadia ghi trên tấm bảng đặt gần đó. Sự mô tả về tình huống vây quanh cái chết của cô rất xa sự thật. Bố cô chỉ được mô tả lướt qua.

"Chưa quá trễ," Sarah nói.

"Để làm gì?"

"Để ký tên ông vào bức tranh."

"Tôi đang xem xét."

"Rồi sao?"

"Tôi chưa sẵn sàng để trở lại một người bình thường. Chưa."

"Tôi cũng không chắc mình sẵn sàng. Nhưng ở một khía cạnh nào đó…" Sarah hạ thấp giọng. "Ông đến đây," cô vừa nói vừa dẫn ông qua một hành lang. "Ông phải xem phần còn lại thì mới tin được.

Người bạn cũ Zizi của chúng ta có khuynh hướng đặc biệt cho một tên khủng bố."

Họ đi qua những căn phòng treo tranh. Sarah trong bộ áo dạ hội, Gabriel đeo cà vạt đen. Ở một thời điểm khác, họ có thể đang là diễn viên trong một chiến dịch của Gabriel. Nhưng không phải bây giờ. Nhờ vào Nadia, Gabriel đã trả Sarah về thế giới mà ông đã tìm thấy cô, ít ra là bây giờ.

"Còn nhiều tranh hơn," vừa nói Sarah vừa chỉ về phía tường có treo những bức tranh của Monet, Renoir, Degas và Sisley. "Nhiều hơn. Bọn tôi chỉ có thể trưng bày một phần tư của những gì Nadia cho. Bọn tôi đã thu xếp để cho mượn một phần của bộ sưu tập cho những viện bảo tàng trên thế giới. Tôi nghĩ Nadia sẽ rất thích điều này."

Họ vào một phòng treo tranh của Egon Schiele. Sarah đến trước bức tranh của một thanh niên trông hơi giống Mikhail. "Tôi đã dặn ông đừng nói gì với anh ta," cô ngoái lại nhìn Gabriel. "Thật sự ông không nên nói."

"Tôi không chắc tôi biết cô đang nói gì."

"Ông là một trong những người có tài làm thất vọng người khác mà tôi biết, nhưng ông không bao giờ có thể nói dối những người ông quan tâm, nhất là phụ nữ."

"Sao cô không mời anh ta đến dự tối nay?"

"Và tôi sẽ giới thiệu anh ta là gì?" Sarah hỏi. "Tôi xin giới thiệu bạn tôi, Mikhail Abramov. Mikhail là một sát thủ của cơ quan tình báo Israel. Anh ta đã từng giúp ám sát người chủ của những bức tranh này. Chúng tôi đã cùng tham gia một vài chiến dịch. Chúng tôi

đã rất vui khi làm việc với nhau." Cô liếc nhìn về phía Gabriel, "Ông hiểu tôi muốn nói gì chứ?"

"Có nhiều cách để nói về những điều như vậy, Sarah, chỉ cần cô muốn cố gắng làm thôi."

"Tôi vẫn muốn."

"Anh ta có biết điều đó không?"

"Anh ta biết." Cô quay lại, và chạm vào một bên má Gabriel. "Tại sao tôi luôn có cái cảm giác kinh khủng là sẽ không bao giờ gặp lại ông?"

"Thỉnh thoảng, gửi cho tôi một bức tranh để phục chế."

"Tôi không trả nổi đâu."

Cô nhìn đồng hồ, chiếc đồng hồ mà Nadia đã đeo lúc bị bắt cóc, nó vẫn còn để nhanh ba phút.

"Tôi cần phải tập bài diễn văn của mình một lần trước khi khách đến," cô nói. "Tối nay ông không phiền cho một vài nhận xét chứ?"

"Tôi nên quay về văn phòng của tôi ở Riyadh."

"Tôi vẫn chưa biết chính xác tôi sẽ nói gì về cô ta."

"Nói sự thật đi," Gabriel nói. "Nhưng không nói hết tất cả."

Đúng bảy giờ, thế giới nghệ thuật, trong tất cả sự cuồng nhiệt và đông đảo, ùa vào khu vực bên cánh dành cho Nadia al-Bakari ở Bảo tàng Mỹ thuật Hiện đại. Gabriel và Chiara đứng ở quầy cocktail một vài phút trước khi lên lan can nhìn xuống sân trong để nghe những bài diễn văn. Sarah là người cuối cùng đọc bài diễn văn. Bằng một cách nào đó Sarah tìm cách đi giữa sự thật và hư cấu. Một phần bài

diễn văn của cô là khen ngợi, một phần kêu gọi hành động. Cô nói, Nadia không chỉ cống hiến cho thế giới về nghệ thuật, mà còn cả mạng sống của mình. Thân xác của cô giờ đây được chôn dưới một ngôi mộ vô danh ở Nejd, nhưng tặng vật của cô sẽ là đài ghi nhớ. Khi thế giới nghệ thuật tán dương rầm rộ thì điện thoại BlackBerry của Gabriel rung lên trong túi áo trên của chiếc áo khoác. Ông ra một góc yên tĩnh để nghe, rồi quay về bên Chiara.

"Ai vậy anh?" nàng hỏi.

"Adrian."

"Ông ta muốn gì?"

"Ông ta muốn chúng ta đến Langley."

"Bao giờ?"

"Bây giờ."

70

LANGLEY, VIRGINIA

Rashid đã là một sự dại dột của Carter, ý kiến sáng ngời của Carter đã đi sai đường kinh khủng. Gabriel đã dọn phần tệ nhất của đống lộn xộn. Khalid, tên chim ưng, cùng với món quà từ biệt, đã cho Carter một cái cớ để dọn sạch phần còn lại.

Món quà là một tên trai trẻ thánh chiến Ả Rập có tên là Yusuf. Langley và NSA đã theo dõi thông tin trên điện thoại của hắn nhiều tháng. Yusuf là một trong những người đưa tin tín cẩn nhất của Rashid. Rashid đưa cho Yusuf những thông điệp có mã số; Yusuf chuyển thông điệp cho những người trung thành. Hắn đang đợi một cú điện thoại của một người ở Đức. Yusuf tin rằng người này là thủ lĩnh của một nhóm mới ở Hamburg. Nhưng thật ra ở Hamburg không có nhóm mới nào, Carter và đội ở Rashidistan đã tạo dựng ra nó.

"Hắn đang ngồi ở ghế trước của chiếc Daihatsu kia," Carter giải thích khi hất đầu về phía màn hình lớn ở giữa phòng điều hành Rashidistan. "Lúc này, chúng đang đi về một con đường ở xa trong thung lũng Rafadh của Yemen. Cách đây một tiếng, chúng đã đón hai người đàn ông. Chúng tôi tin rằng một trong hai người là Rashid. Trong mười phút nữa, thủ lĩnh ma của chúng ta ở Hamburg sẽ gọi cho Yusuf. Chúng tôi đã bảo anh ta là giữ Yusuf trên điện thoại càng lâu càng tốt. Nếu chúng ta may mắn, thì Rashid sẽ nói khi cuộc đối

thoại đạt đến mức cao điểm. Như anh biết, Rashid là người nói hơi nhiều. Hắn thường làm cho những người dưới quyền điên tiết. Hắn không bao giờ im cái mồm chết tiệt của hắn."

"Ai là người quyết định có bắn hay không?" Gabriel hỏi.

"NSA sẽ cho tôi biết họ có thể nghe được bất cứ giọng nói nào ở hậu cảnh và họ có thể tìm ra một giọng tương thích hay không. Nếu máy tính cho biết là chính hắn, chúng ta sẽ giết hắn. Nếu có một mảy may nghi ngờ nào, chúng ta sẽ không bắn. Hãy nhớ, điều cuối cùng mà chúng ta muốn là giết Yusuf trước khi hắn dẫn chúng ta đến mục tiêu."

"Tôi muốn nghe," Gabriel nói.

"Đó là lý do anh ở đây."

Gabriel đeo tai nghe vào. Mười phút trôi qua, và rồi nhân viên ở Hamburg gọi. Hai người đàn ông bắt đầu nói tiếng Ả Rập. Gabriel gạt họ khỏi tâm trí. Hiện giờ họ không quan trọng. Họ chỉ là cánh cửa dẫn đến người có miệng lưỡi quyến rũ và mê hoặc. Gabriel nghĩ. *Nói với tôi đi, nói với tôi điều gì đó quan trọng, cho dù đó chỉ là một lời dối trá.*

Yusuf và thủ lĩnh ma ở Hamburg vẫn còn đang nói, nhưng rõ ràng là cuộc đàm thoại đang sắp kết thúc. Ngoài ra, không có âm thanh nào ở hậu cảnh ngoài tiếng động cơ chiếc SUV trên đường đầy ổ gà của Yemen. Cuối cùng Gabriel nghe được tiếng mà ông mong chờ. Chỉ là một nhận xét ứng khẩu, không hơn không kém. Gabriel không màng dịch nó ra trong trí; ông chỉ nghe giọng và thanh sắc của giọng nói. Ông biết rất rõ. Đây là giọng nói đã kết án tử hình ông trong vùng Empty Quarter.

Ông có mong ước theo ý muốn của Đạo Hồi và trở thành một người Hồi giáo không?

Gabriel quay sang Adrian Carter, ông ta đang nói rất căng thẳng vào điện thoại nối liền với NSA. Gabriel rất muốn hỏi họ còn đợi gì nữa, nhưng ông biết câu trả lời. Họ đang đợi máy tính nói cho họ biết điều mà ông đã biết rồi, rằng giọng nói trong hậu cảnh là giọng của Rashid. Gabriel nhìn chiếc SUV chạy nghiêng qua nghiêng lại trên đường của Yemen và nghe hai gã thánh chiến, một gã thật, một gã giả đang kết thúc cuộc gọi. Carter đập mạnh chiếc điện thoại một cách tức tối. "Xin lỗi đã bắt anh đến một cách vô ích," ông nói. "Có lẽ lần sau vậy."

"Sẽ không có lần sau đâu, Adrian."

"Vì sao?"

"Vì nó kết thúc ở đây, ngay bây giờ."

Carter ngập ngừng. "Nếu tôi ra lệnh cho máy bay không người lái Predator bắn," ông nói, "bốn người sẽ chết, kể cả Yusuf."

"Chúng là bốn tên khủng bố," Gabriel nói. "Và một trong số đó là Rashid al-Husseini."

"Anh có chắc không?" một lần cuối, Carter hỏi.

"Bắn đi Adrian."

Carter cầm lấy điện thoại nối liền với phòng kiểm soát máy bay Predator, nhưng Gabriel ngăn ông lại.

"Có chuyện gì?" Carter hỏi.

"Không có chuyện gì hết," Gabriel nói. "Đợi chút."

Ông đang nhìn đồng hồ. Ba mươi giây sau, Gabriel gật đầu và nói, "Ngay bây giờ." Carter ra lệnh, một ánh sáng trắng lóe lên và

chiếc Daihatsu biến mất. Một vài thành viên của đội Rashidistan bắt đầu vỗ tay, trừ Carter ngồi đó đưa tay che mặt và không nói gì hết.

Cuối cùng ông nói, "Tôi đã làm điều này hàng trăm lần, và mỗi lần tôi đều cảm thấy giống như tôi sắp bị ốm."

"Hắn xứng đáng để chết – vì Nadia, nếu không còn gì khác."

"Vậy thì tại sao tôi lại cảm thấy như vậy?"

"Bởi vì cuối cùng, sẽ không bao giờ sạch, hoặc thông minh hoặc không cấp tiến, ngay cả khi ông bắn từ một căn phòng ở bên kia thế giới."

"Vậy tại sao anh lại bắt tôi đợi?"

"Ông nhìn thử giờ bên Yemen đi."

10:03 sáng, thời gian mà chuyến bay 93 của hãng United Airlines đâm đầu xuống cánh đồng ở Shanksville, Pennsylvania, thay vì đâm vào mục tiêu là mái của Điện Capitol. Carter không nói gì thêm. Tay phải của ông bắt đầu run.

Sau đó, chỉ còn lại một vấn đề cần được giải quyết. Cuối cùng quy tụ vào một giao dịch kinh doanh đơn giản: năm triệu đô la cho một cái tên. Faisal Qahtani, người đưa tin cũ của Shamron trong GID Ả Rập, là người cung cấp. Năm triệu đô la được chuyển vào chi nhánh ở Zurich của Ngân hàng TransArabian một cách khá thích hợp.

Họ giám sát mục tiêu và dành hàng tuần tranh cãi phải làm gì. Từ căn cứ gần bên hồ ở Tiberia, Shamron ra lệnh là chỉ cần công lý theo thánh kinh là đủ. Nhưng Uzi Navot, với ảnh hưởng đang lớn dần, nỗ lực để bác bỏ lệnh của Shamron. Gabriel đã gần như hy sinh

mạng sống của mình trong sự tìm kiếm công lý cho người Mỹ, và không vì một lý do nào Navot lại phung phí nó vào một hoạt động ngầm khờ dại ở ngay trung tâm thủ đô Hoa Kỳ. Ngoài ra ông nói, đưa cho người Mỹ tên của kẻ phản bội sẽ thêm giá trị cho phía Đại lộ King Saul.

Navot chờ chuyến công du chính thức của ông đến Washington để rỉ tai cái tên cho Adrian Carter. Ngược lại, ông chỉ yêu cầu một điều. Carter sẵn sàng chấp thuận. Carter nói đây là điều ít nhất họ phải làm.

Cục Tình báo đảm nhiệm việc theo dõi và bắt đầu xem xét tỉ mỉ những cuộc điện thoại được thu lại, những hóa đơn thanh toán bằng thẻ tín dụng, và những ổ cứng của máy tính, chẳng bao lâu, họ đã có khá đủ thông tin để tiến hành giai đoạn kế tiếp. Họ đưa máy bay đến Cornwall. Và họ để một dấu hiệu bằng phấn dưới bảng chỉ dẫn bằng gỗ ở đại lộ MacArthur, và đợi.

Vết phấn có hình dáng của một thập giá làm Ellis Coyle rất ngạc nhiên, bởi vì đây là lần đầu mà hình này được sử dụng. Điều này có nghĩa là người hướng dẫn Coyle muốn giáp mặt với ông, một việc mang nhiều rủi ro – bất cứ liên lạc trực tiếp giữa nguồn chính với nhân viên thi hành vốn đã rất nguy hiểm – nhưng đây cũng là một cơ hội hiếm hoi.

Coyle xóa vết phấn bằng gót giày và vào công viên với Lucy, sợi dây vẫn cột vào cổ con chó. Coyle không màng tháo nó ra. Một người đàn bà chững chạc chanh chua ở Thung Lũng Mùa Xuân vừa mới đối chất với Coyle về việc ông đã không thu dọn những đống

vương vãi của Lucy. Đã có những lời cảnh cáo được cộng đồng phê chuẩn, và có lẽ có sự can thiệp ngay cả của chính quyền. Điều cuối cùng mà Coyle cần là gặp gỡ cảnh sát, không phải khi ông chỉ còn vài tuần nữa thì về hưu. Ông tự hứa sẽ kết thúc cách nổi loạn của mình và bắt đầu bí mật âm mưu cho cái chết của con chó con đáng ghét của người đàn bà chanh chua.

Bây giờ đã quá chín giờ vài phút, và khoảng đất phát quang ở đầu con đường mòn vẫn còn chìm trong bóng tối. Coyle nhìn về phía những chiếc bàn dành cho những cuộc dã ngoại và thấy bóng một người đàn ông ngồi một mình. Coyle dẫn Lucy đi quanh vùng phát quang, kiểm tra xem có bị theo dõi không, trước khi bước đến chỗ người đàn ông. Chỉ khi Coyle ở cách xa chừng một mét ông mới nhận ra rằng người đàn ông ngồi đó không phải là người hướng dẫn thông thường của ông ở cơ quan tình báo Ả Rập. Người này có tóc xám ở thái dương và cặp mắt xanh lá cây chiếu sáng trong bóng tối. Cách ông ta nhìn con chó làm Coyle cảm thấy ớn lạnh.

"Xin lỗi," Coyle nói. "Tôi nhầm ông với một người khác."

Coyle quay lại định bỏ đi. Người đàn ông nói từ sau lưng Coyle.

"Ông nhầm tôi với ai?"

Coyle quay lại. Người đàn ông mắt xanh không hề di chuyển.

"Ông là ai?" Coyle hỏi.

"Tôi là người mà anh đã bán cho cơ quan tình báo Ả Rập chỉ với ba mươi đồng tiền bạc, cùng với Nadia al-Bakari. Nếu tôi là người quyết định thì tôi đã cho ông xuống địa ngục vì những gì ông đã làm. Nhưng hôm nay là đêm may mắn của ông, Ellis."

"Ông muốn gì?"

"Tôi muốn nhìn mặt ông khi họ đến còng tay ông."

Sợ hãi, Coyle bước lui và bắt đầu nhìn xung quanh một cách hoảng hốt. Người đàn ông ngồi ở bàn, nhếch miệng cười.

"Tôi tự hỏi ông có thể chấp nhận định mệnh của mình với cùng phẩm cách mà cô ta đã chấp nhận định mệnh của mình không. Tôi nghĩ tôi đã có câu trả lời."

Coyle thả dây xích Lucy ra và bắt đầu chạy, nhưng nhân viên FBI khống chế ông ngay. Gabriel ngồi lại công viên cho đến khi Coyle bị đưa đi, sau đó xuống lối đi về hướng đại lộ MacArthur. Vào trưa ngày hôm sau, ông đã quay về Cornwall.

71

BÁN ĐẢO LIZARD, CORNWALL

Họ có thể thấy là Gabriel đã trở thành một con người khác khi ông quay về từ Mỹ. Vết thương đã lành, sự vây hãm đã được tháo bỏ, và bất kỳ tai họa nào mà ông đã phải chịu đựng cuối cùng dường như cũng đã qua. Sau khi gặp Gabriel một buổi sáng có mưa phùn ngoài ngôi giáo đường cũ bằng đá, Vera Hobbs tuyên bố rằng ông ta đã hoàn toàn hồi phục và thích hợp để lên kế hoạch. Nhưng ai đã ủy thác công việc cho ông ta? "Người bạn bí mật của chúng ta ở vịnh không phải loại người cần người khác quan tâm," Dottie Cox trả lời. "Nếu tôi có thể mạo hiểm đoán, thì tôi sẽ nói là ông ta tự để mình lên giá vẽ và làm công việc bằng chính tay mình. Đó là lý do tại sao ông ta xoay xở hay như vậy."

Rồi giữa mùa thu với những ngày ngắn lại quay về một vài giờ với bầu trời màu xám nhạt bên cạnh những đêm tưởng chừng như không dứt. Họ có thể trông thấy ông xuống làng để đi chợ và vào buổi trưa khi ông tản bộ trên những mỏm đá một mình. Không có một chứng cứ nào cho thấy là ông đang làm một công việc đầy ý nghĩa. Thỉnh thoảng họ có thể thoáng nhìn thấy ông trên vọng lâu với một quyển sổ phác họa trên đùi, nhưng giá vẽ đặt trong xưởng của ông thì trống trơn. Dottie sợ rằng Gabriel một lần nữa là nạn nhân của căn bệnh vô định hướng, nhưng Vera thì nghi ngờ rằng lý do nằm ở một vấn đề khác. "Lần đầu tiên trong đời, anh ta hạnh

phúc," bà nói. "Tất cả những gì anh ta cần bây giờ là một vài đứa bé để thích hợp với cô vợ tuyệt đẹp của anh ta."

Kỳ lạ thay, cô vợ lại là người bồn chồn. Cô ta vẫn luôn lịch sự, nhưng rõ ràng là cô ta đang lo sợ cho mùa đông sắp tới. Cô tự làm cho mình bận rộn bằng cách chế biến những món ăn tỏa ngát hương cây hương thảo, tỏi và cà chua khắp vịnh. Thỉnh thoảng nếu cửa sổ được mở và có ai đó đứng đúng vị trí, có thể nghe cô ta hát tiếng Ý bằng một chất giọng gợi cảm. Không thay đổi, điệu nhạc luôn rất buồn. Duncan Reynolds chẩn đoán tình trạng của cô ta như người bị bao vây trong nỗi sợ hãi và đề nghị những người đàn bà nên rủ cô ta đến quán Godolphin Arms để tận hưởng một đêm vui nhộn chỉ dành cho phụ nữ. Họ thử rủ, nhưng cô ta từ chối, một cách lịch sự, dĩ nhiên.

Nếu người phục chế tranh biết tình trạng khó khăn của vợ mình, ông ta cũng không hề để lộ ra ngoài, sợ rằng cặp vợ chồng sẽ rơi vào tình trạng khủng hoảng, Dottie Cox quyết định nói chuyện riêng với ông ta khi ông ta đến cửa hàng một mình. Phải chờ đến một tuần, bà mới tìm được dịp. Như thường lệ, ông ta vào tiệm lúc 10:30, lấy một túi nhựa trên ngăn gần cửa và bắt đầu cho đồ ông ta chọn vào, tâm trạng vui như một người lính tìm tòi đồ tiếp tế. Đứng sau máy tính tiền, Dottie bồn chồn nhìn ông ta, và tập lại những gì bà sắp nói trong đầu, nhưng khi người phục chế bắt đầu để những món đồ lên quầy, bà ta chỉ có thể nói câu thông thường của bà. "Chào ông yêu quý."

Có một cái gì đó trong giọng của Dottie làm cho người phục chế nghi ngờ nhìn nhanh bà ta. Và rồi ông nhìn xuống những tờ báo xếp chồng dưới sàn và nhăn mặt trước khi đưa tờ hai mươi bảng nhàu nát. "Khoan đã," bỗng nhiên ông ta cầm tờ Times lên và nói. "Tờ

này nữa.” Dottie để tờ báo vào bao và người phục chế rời cửa hàng. Dottie chồm qua quầy và nhìn tờ báo. Mục chính của tờ báo dự đoán sự sụp đổ sắp tới của chế độ ở Syria, nhưng ngay phía dưới có mẩu tin về việc hiến tặng vô danh gần đây nhất một bức tranh của Titian cho Nhà Triển lãm Quốc gia ở London. Không ai ở Gunwalloe nghĩ ra được về mối liên hệ có thể có. Và họ sẽ chẳng bao giờ biết được.

Nhà Triển lãm Quốc gia đưa ra một lời tuyên bố chính thức nhưng mơ hồ về việc hiến tặng, nhưng bên trong cơ quan tình báo của Anh thì sự thật được sơ lược tiết lộ không chính thức như sau. Dường như sĩ quan tình báo huyền thoại của Israel Gabriel Allon, với sự đồng thuận hoàn toàn của MI5, rõ ràng đã thu xếp một buổi đấu giá ở Nhà đấu giá Christie’s nhằm chuyển hàng triệu bảng vào mạng lưới khủng bố của Rashid al-Husseini. Kết quả là một bức tranh mới được tìm ra của Titian đã được chuyển vào bộ sưu tập của người thừa kế Ả Rập, Nadia al-Bakari. Nhưng sau cái chết của cô, bức tranh đã âm thầm lặng lẽ quay về đúng người chủ của nó, nhà buôn tranh được ghi nhận, Julian Isherwood ở London. Vì những lý do có thể hiểu được, ban đầu Isherwood đã định giữ bức tranh lại, nhưng sau khi suy nghĩ ông thấy sẽ tốt hơn nếu theo lời Allon đã đề nghị, nên cống hiến cho một nghĩa cử cao thượng hơn. Và rồi, Isherwood liên lạc với một người bạn cũ ở Nhà Triển lãm Quốc gia – một chuyên gia bậc thầy người Ý đã tình cờ đóng một vai trò trong việc lừa dối ban đầu – để tiến hành một trong những sự hiến tặng quan trọng nhất đã lâu mới có, cho một học viện ở Anh.

“Mà nhân tiện thì tôi vẫn chưa nhận được một xu nào từ CIA, người anh em ơi.”

“Tôi cũng vậy, Julian.”

“Họ không trả cho anh những công việc vặt vãnh mà anh làm cho họ sao?”

“Rõ ràng là họ xem những công việc đó như lợi ích công cộng.”

“Chắc là vậy rồi.”

Cả hai người đang tản bộ dọc theo đường mòn ven biển. Isherwood mặc quần áo bằng vải tweed và mang ủng Wellington. Isherwood bước đi không chắc chắn. Gabriel, như thường lệ, phải luôn kìm lại để không giúp Isherwood đi vững hơn.

“Anh định bắt tôi đi bao xa nữa đây?”

“Chỉ năm phút nữa thôi, Julian.”

“Có nghĩa là chúng ta đã vượt quá hai lần đoạn đường của tôi từ phòng trưng bày đến quán Green’s.”

“Oliver sao rồi?”

“Như mọi khi thôi.”

“Ông ta có cư xử đàng hoàng không?”

“Dĩ nhiên là không rồi,” Isherwood nói. “Nhưng anh ta không hé môi về vai trò của mình trong vở kịch của anh.”

“Vở kịch của *chúng ta*, Julian, ông cũng có can dự vào.”

“Nhưng tôi đã can dự vào từ khi bắt đầu,” Isherwood trả lời. “Tất cả đều mới và đầy thú vị đối với Oliver. Có Trời mới biết những lỗi lầm của anh ta, nhưng bên dưới của tất cả những thổn thức là nhịp đập của trái tim một kẻ yêu nước. Đừng bận tâm về Oliver. Đối với anh ta bí mật của anh được giữ kín.”

"Nếu không thì MI5 sẽ nói chuyện với ông ta."

"Tôi nghĩ tôi cũng muốn thấy điều đó." Bước chân của Isherwood bắt đầu không vững. "Tôi không nghĩ có một quán phía trước. Tôi đang muốn uống."

"Để tính sau đi. Ông cần luyện tập đó Julian."

"Chuyện gì đây?"

"Ông sẽ khỏe hơn."

"Tôi khỏe, người anh em ơi."

"Đó là lý do tại sao ông muốn tôi đảm nhận phòng tranh?"

Isherwood ngừng lại, tay chống hông. Một lúc sau ông ta nói "Không phải tuần sau, không phải tháng sau, cũng không phải năm sau. Nhưng một ngày nào đó."

"Bán nó đi, Julian, về hưu đi. Hãy tận hưởng cuộc sống."

"Bán nó cho ai? Oliver? Roddy? Một tên Nga giàu sụ đầy quyền lực muốn học đòi về văn hóa?" Isherwood lắc đầu. "Tôi đã đầu tư vào quá nhiều cho phòng tranh để có thể cho nó rơi vào tay người lạ. Tôi muốn nó được để lại cho gia đình. Và vì tôi không có ai, nên tôi muốn để nó lại cho anh."

Gabriel im lặng. Isherwood lại miễn cưỡng tiếp tục đi.

"Tôi sẽ không bao giờ quên ngày đầu tiên Shamron đưa anh đến phòng tranh. Anh rất im lặng. Tôi còn không chắc là anh có thể nói. Thái dương của anh cũng bạc như của tôi. Shamron gọi như vậy…"

"Dấu vết của một cậu bé đã làm một công việc của một người đàn ông."

Isherwood mỉm cười buồn bã. "Khi tôi thấy anh cầm cây cọ trong tay, tôi đã ghét điều mà Shamron đã làm. Ông ta phải để anh ở lại

Bezalel để hoàn thành việc học của anh. Anh phải là một trong những họa sĩ tài danh của thế hệ anh. Cũng như bây giờ, mọi người ở New York đang thắc mắc xem ai là người đã vẽ bức chân dung của Nadia al-Bakari. Tôi chỉ mong họ biết được sự thật."

Isherwood ngừng lại lần nữa và nhìn xuống những con sóng đập vào bờ đá đen ở cuối phía bắc của vịnh. "Hãy đến làm việc cho tôi," Isherwood nói. "Tôi sẽ dạy anh mánh khóe của nghề buôn tranh, ví dụ như mất sạch cơ nghiệp chỉ trong mười bước hoặc ít hơn. Và khi, đến lúc tôi phải cống hiến sức lực còn lại cho vườn tược, tôi sẽ để lại cho anh nhiều nguồn tài chính hơn là đủ để tiếp tục công việc trong khi tôi vắng mặt. Đó là điều tôi muốn. Quan trọng hơn, đó là điều vợ anh muốn."

"Rất hào phóng đó Julian, nhưng tôi không thể nhận."

"Tại sao không?"

"Bởi vì, một ngày nào đó, một kẻ thù cũ sẽ hẹn gặp để xem một bức của Bordone hoặc của Luini, và tôi sẽ kết thúc bằng nhiều viên đạn vào đầu. Và Chiara cũng vậy."

"Vợ anh sẽ thất vọng."

"Thất vọng còn hơn bị giết."

"Trời biết là tôi không phải là người rành về mối quan hệ vợ chồng," Isherwood nói, "nhưng tôi có linh cảm rằng vợ anh cần thay đổi."

"Đúng vậy," Gabriel mỉm cười nói, "cô ấy đã nói rất rõ điều này."

"Vậy thì đến London đi, ít ra trong mùa đông. Điều này sẽ đem đến hứng thú mà Chiara cần, và nó sẽ đỡ cho tôi một số tiền lớn cho phí chuyển hàng. Tôi có một bức của Piero di Cosimo đang rất cần bàn tay của anh. Tôi nghĩ rằng sẽ có lợi cho anh."

“Thật ra tôi đang có một công việc ở Rome.”

“Thật sao?” Isherwood hỏi. “Công hay tư?”

“Tư,” Gabriel đáp. “Người chủ có một căn nhà rất rộng ở cuối đường Via della Conciliazione. Ông ta cho tôi cơ hội phục chế một trong những bức tranh yêu thích của tôi.”

“Bức nào?”

Gabriel trả lời.

“Tôi e rằng tôi không có khả năng để cạnh tranh, ông ta có trả cho anh gì không?” Isherwood nói.

“Rất ít,” Gabriel nói, “nhưng công việc này xứng đáng. Để cứu rỗi Chiara. Không có gì thêm.”

“Hãy cố gắng tránh xa rắc rối khi ở đó. Lần cuối cùng anh ra thành phố…”

Isherwood không nói tiếp. Qua nét mặt của Gabriel, rõ ràng là ông không muốn nói về quá khứ nữa.

Gió đã chọc thủng đám mây và mặt trời giống như một đĩa trắng, đã dần xuống ngay bên trên biển. Hai người đứng lâu thêm một chút nữa trên mỏm đá, cho đến khi mặt trời lặn, rồi quay về nhà. Khi họ về đến, họ có thể nghe Chiara đang hát. Một bài hát vớ vẩn dòng nhạc pop của Ý mà Chiara luôn hát khi nàng hạnh phúc.

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

CHÂN DUNG MỘT GIÁN ĐIỆP là một tác phẩm hư cấu. Tên, tính cách các nhân vật, vị trí và những biến cố xảy ra là do trí tưởng tượng của tác giả hoặc được sử dụng một cách hư cấu. Bất cứ sự giống nhau nào với những người đương thời, còn sống hay đã chết, những cơ sở kinh doanh, công ty, sự kiện, hoặc địa phương hoàn toàn là ngẫu nhiên.

Bức tranh *Đức Mẹ và Chúa Hài đồng với Mary Magdalene* được mô tả trong truyện là không có thật. Nếu có thì nó rất giống một bức tranh tương tự của Tiziano Vecellio, còn được biết dưới tên Titian, treo ở Bảo tàng Hermitage ở Saint Petersburg, Nga. Lô 12, *Thổ hoàng và đỏ trên nền đỏ,* tranh sơn dầu, của Mark Rothko, cũng là hư cấu, mặc dù vào tháng Năm, 2007, một bức tương tự, *White Center (Yellow, Pink and Lavender on Rose)* bán được với giá kỷ lục của tác giả là 72,84 triệu đô la ở buổi đấu giá tại New York. Theo thông tin được phát hành, người mua là một nhà lãnh đạo ở Qatar.

Những nhà buôn tranh, điều hành đấu giá và tư vấn xuất hiện trong cuốn sách này và những cuốn sách khác trong loạt truyện, được tác giả dựng lên và hoàn toàn không cố ý tạo dựng hư cấu rập khuôn những nhân vật có thật. Dĩ nhiên, có một phòng trưng bày mỹ thuật hấp dẫn ở 7-8 Mason's Yard, London, mặc dù Patrick Matthiesen, người chủ không ai có thể bì được, không giống Julian Isherwood chút nào, ngoại trừ sự nồng nhiệt và trí thông minh tuyệt vời. Kỹ thuật phục chế và lót lại vải cho tranh được mô tả trong

truyện là chính xác, kể cả tốc độ mà nhà phục chế tranh tài năng, nếu cần, có thể sắp xếp cho bức tranh thành hình, chân thành xin lỗi ban quản lý của nhà đấu giá Christie's ở London khi sử dụng buổi bán đấu giá những tác phẩm của những bậc thầy để tài trợ cho một mạng lưới khủng bố, nhưng tôi nghĩ rằng chức năng về an ninh cần được xem như một việc cần giữ bí mật.

Những sinh viên nghiên cứu chiến tranh khủng bố toàn cầu chắc chắn sẽ nhận ra, khi xây dựng tính cách của Rashid al-Husseini, tôi đã vay mượn rất nhiều lý lịch của một giáo sĩ al-Qaeda, và là người tuyển mộ, gốc Mỹ, Anwar al-Awlaki – kể cả lai lịch người Yemen của hắn, mối quan hệ đáng lo ngại với hai không tặc ngày 11/9 ở San Diego và phía bắc Virginia, và cuộc hành trình từ ôn hòa đến chủ nghĩa cấp tiến rồi trở thành khủng bố của hắn. Nhân vật hư cấu Malik al-Zubair cũng được khơi nguồn từ kẻ chủ mưu khủng bố thực sự – tên gọi là Yahya Ayyash, kẻ chế tạo bom bậc thầy của phong trào kháng chiến Hồi giáo Hamas được biết đến như "Kỹ sư", và Abu Musab al-Zarqawi, tên khủng bố người Jordan đã đưa al-Qaeda vào Iraq. Ayyash bị giết tháng Giêng năm 1997 vì một quả bom nhỏ giấu trong điện thoại. Zarqawi, người gây ra cái chết của hàng trăm người Iraq vô tội trong giai đoạn hỗn loạn của đất nước, bị giết trong trận Mỹ dội bom xuống căn nhà an toàn ở phía bắc Baghdad tháng Sáu năm 2006.

Nơi qua lại ở biên giới giữa Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Ả Rập Saudi, được mô tả trong truyện không có thật. Nơi qua lại thật thì ở nhiều dặm về phía bắc và trong những tháng gần đây hàng người chờ làm thủ tục có chiều hướng ngày càng dài ra do thay đổi quy trình hải quan của Ả Rập. Sự vùng lên và suy sụp ngoạn mục của Dubai đã được mô tả một cách trung thực, cùng với

chính sách đối xử đáng trách đối với nhân viên ngoại quốc. Điều đáng tiếc là Dubai không phải là vương quốc vùng Vịnh duy nhất lạm dụng công nhân ngoại quốc hàng ngày và đối xử với họ như những gia nhân được giao kèo chính thức. Tháng Ba năm 2011, bảo tàng Guggenheim đang xây dựng gần Abu Dhabi đã phải đối diện với mối đe dọa bị tẩy chay của hơn hàng ngàn nghệ sĩ nổi tiếng vì những điều kiện làm việc của họ bị vi phạm. "Những người làm việc với gạch và vữa," nghệ sĩ tạo hình Walid Raad người gốc Lebanon tuyên bố, "cần nhận được sự tôn trọng giống như những người làm việc với máy quay và cọ vẽ."

Trong nhiều năm trở lại đây, tình báo tài chính, hoặc "finint" đã là một vũ khí quan trọng trong chiến tranh chống khủng bố. Văn phòng Tình báo về Khủng bố và Tài chính của bộ Ngân khố cũng như Phòng Tài trợ cho chiến dịch Chống khủng bố của FBI thu thập và phân tích dữ liệu giao dịch. Ngoài ra, CIA và rất nhiều công ty tư nhân kết nối với Cục An ninh Quốc gia rộng lớn để theo dõi hàng ngày lưu lượng tiền chảy vào những mạch của phong trào thánh chiến toàn cầu.

Đáng tiếc là một thập kỷ sau cuộc tấn công ngày 11/9, phần nhiều số tiền vẫn đến từ những người dân của Ả Rập Saudi và, với lượng ít hơn, từ những người Hồi giáo dòng Sunni của Vịnh Ba Tư. Trong một bức điện bí mật được tiết lộ tháng Mười hai 2010, bộ trưởng bộ Ngoại giao Hilary Clinton viết, "Thuyết phục chính quyền Ả Rập xem xét việc tài trợ của Ả Rập Saudi cho phong trào khủng bố như một chiến lược ưu tiên vẫn còn là công việc khó khăn." Ở đoạn kết, bà Clinton bày tỏ rằng, "những người đóng góp ở Ả Rập Saudi là nguồn tài trợ đáng kể nhất cho nhóm khủng bố Sunni toàn cầu."

Người ta có thể nghĩ rằng Ả Rập Saudi, đất nước đã sản sinh ra Osama Bin Laden và mười lăm không tặc của ngày 11/9, có thể làm nhiều hơn để kiểm soát chặt chẽ việc kiếm tiền cho khủng bố trên lãnh thổ của mình. Nhưng những bức điện ngoại giao đã cho thấy gia tộc Saud không có khả năng hoặc không muốn cắt lưu lượng tiền cho al-Qaeda và những đồng minh của họ. Ở Ả Rập, những nhóm người quá khích quyên tiền cho khủng bố một cách vô tội vạ hoặc thản nhiên xin tiền một cách công khai trong cuộc hành hương hàng năm Hajj đến Mecca. Hoàng tử Mohammad Bin Nayef, lãnh đạo phong trào chống khủng bố của Ả Rập Saudi, nói với một quan chức cao cấp Mỹ rằng "chúng tôi đang cố gắng hết sức mình" để ngăn cản lưu lượng tiền mặt đến nhóm cực đoan và sát nhân. Nhưng ông ta tiếp, "nếu tiền muốn vào tay" khủng bố, thì chính quyền Saudi không thể làm gì để ngăn chặn.

Và chẳng cần phải thảo luận làm gì: gia tộc Saud, một gia tộc đã có được quyền lực từ một giao ước hình thành cách đây hai thế kỷ với Muhammad Abdul Wahhab, có thực sự muốn cắt đứt quan hệ tài chính với phong trào cực đoan của nhóm Sunni mà Saud đã giúp đỡ để hình thành và nuôi dưỡng không? Một cuộc họp căng thẳng vào 2007 có thể cung cấp đầu mối quan trọng. Theo nguồn tin rò rỉ từ một bức điện của chính phủ, Frances Fragos Townsend, nhà tư vấn cao cấp chống khủng bố cho tổng thống George W. Bush, đã hỏi chính quyền Saudi giải thích vì sao ngài đại sứ vương quốc ở Philippines lại liên kết với những người bị nghi ngờ tài trợ cho khủng bố. Bộ trưởng Ngoại giao, hoàng tử Saud al-Faisal, gạt bỏ mối quan tâm của Townsend, khi tuyên bố rằng ngài đại sứ có lỗi vì "xét đoán không sâu sắc hơn là chủ tâm giúp đỡ khủng bố". Và rồi ông ta quay lại chỉ trích ngân hàng Mỹ đã nêu ra "những câu hỏi không thích hợp

và mang tính công kích" về những tài khoản của tòa đại sứ Ả Rập tại Washington, D.C.

Trong khi mối đe dọa khủng bố toàn cầu đã phát triển từ sáng ngày 11 tháng Chín, 2001, có một điều không thay đổi: al-Qaeda và những đồng minh của họ đang tích cực âm mưu ám sát và gây thương tích cho toàn thể phương Tây và Hoa Kỳ. Bà Eliza Manningham-Buller, người đứng đầu trước đây của MI5, tiên đoán vào 2006, rằng cuộc chiến chống lại khủng bố Hồi giáo sẽ "kề cận với chúng ta qua nhiều thế hệ", trong khi những quan chức an ninh khác đã khuyến cáo "một cuộc chiến vĩnh cửu" sẽ bắt phương Tây duy trì chương trình chống khủng bố qua nhiều thập kỷ, có thể là lâu hơn. Dường như sự lan tỏa cuối cùng của trận chiến toàn cầu với khủng bố sẽ được một phần nào xác định bởi những biến cố làm rung chuyển thế giới Ả Rập khi tác phẩm này được hình thành. Phần đông sẽ phụ thuộc vào sự chiến thắng của bên nào. Nếu sức mạnh của sự ôn hòa và hiện đại hóa thắng, thì có thể mối đe dọa khủng bố sẽ tan biến. Nhưng nếu những giáo sĩ Hồi giáo cấp tiến và những tín đồ của họ chiếm chính quyền ở những nước như Ai Cập, Jordan, và Syria, thì chúng ta phải nhìn lại những tháng năm đầu tiên của thế kỷ 21 như một giai đoạn vàng của mối quan hệ giữa Hồi giáo và phương Tây.

Table of Contents

PHẦN MỘT CÁI CHẾT TRONG VƯỜN
- 1 BÁN ĐẢO LIZARD, CORNWALL
- 2 PARIS
- 3 KHU ST. JAMES'S, LONDON
- 4 COVENT GARDEN, LONDON
- 5 COVENT GARDEN, LONDON
- 6 COVENT GARDEN, LONDON
- 7 SỞ CẢNH SÁT THỦ ĐÔ, LONDON
- 8 THÀNH PHỐ NEW YORK
- 9 BÁN ĐẢO LIZARD, CORNWALL
- 10 MŨI LIZARD, CORNWALL
- 11 GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.
- 12 GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.
- 13 GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.
- 14 GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.
- 15 GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.
- 16 GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.
- 17 GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.
- 18 GEORGETOWN, WASHINGTON, D.C.
- 19 CÔNG VIÊN VOLTA, WASHINGTON, D.C.
- 20 PALISADES, WASHINGTON, D.C.

PHẦN HAI KHOẢN ĐẦU TƯ
- 21 THÀNH PHỐ NEW YORK
- 22 MADRID-PARIS
- 23 PARIS
- 24 PARIS
- 25 SERAINCOURT, PHÁP
- 26 MONTMARTRE, PARIS
- 27 PARIS
- 28 SERAINCOURT, PHÁP
- 29 SERAINCOURT, PHÁP
- 30 SERAINCOURT, PHÁP

31 SERAINCOURT, PHÁP
32 SERAINCOURT, PHÁP
33 SERAINCOURT, PHÁP
34 ST. JAMES'S, LONDON
35 ZURICH
36 HỒ ZURICH
37 HỒ ZURICH
38 PARIS
39 ZURICH
40 LANGLEY, VIRGINIA
41 RIYADH, Ả RẬP SAUDI
42 NEJD, Ả RẬP SAUDI
43 NEJD, Ả RẬP SAUDI
44 ST. JAMES'S, LONDON
45 ST. JAMES'S, LONDON
46 LANG LEY, VIRGINIA
47 PALISADES, WASHINGTON, D.C.
PHẦN BA HOANG MẠC EMPTY QUARTER
48 THỊ TRẤN PLAINS, VIRGINIA
49 THỊ TRẤN PLAINS, VIRGINIA
50 THỊ TRẤN PLAINS, VIRGINIA
51 KHU TRUNG TÂM THÀNH PHỐ, LONDON
52 KHU TRUNG TÂM THÀNH PHỐ, LONDON
53 KHU TRUNG TÂM THÀNH PHỐ, LONDON
54 DUBAI
55 SÂN BAY QUỐC TẾ DUBAI
56 KHÁCH SẠN BURJ AL ARAB, DUBAI
57 LANGLEY, VIRGINIA
58 KHÁCH SẠN BURJ AL ARAB, DUBAI
59 KHÁCH SẠN BURJ AL ARAB, DUBAI
60 KHÁCH SẠN BURJ AL ARAB, DUBAI
61 DUBAI
62 DEIRA, DUBAI
63 HOANG MẠC EMPTY QUARTER, Ả RẬP SAUDI
64 HOANG MẠC EMPTY QUARTER, Ả RẬP SAUDI
65 HOANG MẠC EMPTY QUARTER, Ả RẬP SAUDI

66 HOANG MẠC EMPTY QUARTER, Ả RẬP SAUDI
PHẦN BỐN THỨC TỈNH
67 PARIS – LANGLEY – RIYADH
68 BÁN ĐẢO LIZARD, CORNWALL
69 THÀNH PHỐ NEW YORK
70 LANGLEY, VIRGINIA
71 BÁN ĐẢO LIZARD, CORNWALL
GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ